

TỰ TRUYỆN CỦA 1 TÙ BINH: 2801 NGÀY Ở HANOI



**ĐẠI TÁ LARRY
GUARINO**

TỰ TRUYỆN CỦA MỘT TÙ BINH:
2801 NGÀY Ở HANOI

Tự truyện của một tù binh:

2801 ngày ở Hà Nội

Đắc Thịnh dịch

Nguyên bản của NXB Ivy books

Hình Bìa: MWP

Trình bày: Midway Press

© larryguarino 1990

TỰ TRUYỆN CỦA 1 TÙ BINH: 2801 NGÀY Ở HANOI

**Câu chuyện đau lòng nhưng có thật về
một phi công Mỹ bị Bắc Việt Nam giam
giữ trong tám năm**

**ĐẠI TÁ LARRY
GUARINO**



Midway Press

Tôi cố gắng tìm chỗ bám chắc hơn và bật lại bộ đàm. Al đã ở đó, thật may mắn cho anh ấy! “Tôi đang cố gắng thoát ra, Al, và lên được đỉnh đồi để đón... Gặp lại anh, chỉ có Chúa mới biết khi nào.”

Tôi tắt bộ đàm và nhìn quanh. Tôi chết lặng. Cách đó ba mét, tôi đang nhìn lên đầu nòng của một khẩu súng trường bán tự động trên tay một người lính Bắc Việt trẻ tuổi đang cười toe toét, lo lắng. Một người lính khác, đứng bên trái anh ta, cầm một thanh kiếm trông rất hung dữ, như một samurai. Tôi đã chịu đựng đủ rồi. Tôi đau đớn bám vào dây leo bằng một tay và giơ tay kia lên đầu hàng.

Tôi ở đó, Thiếu tá Larry Guarino, bốn mươi ba tuổi, chồng, cha, phi công chiến đấu hai mươi ba năm, cựu chiến binh của hai cuộc chiến tranh khác, giờ là tù binh chiến tranh ở Bắc Việt Nam.

GHI CHÚ VÀ LỜI CẢM ƠN CỦA TÁC GIẢ

 Đây là hồi ký tập trung vào chín mươi hai tháng tôi bị giam cầm trong nhà tù Bắc Việt Nam với tư cách là tù nhân của một chế độ Cộng sản. Mặc dù họ là những người đã ký kết Công ước Geneva về tù binh chiến tranh, người Việt Nam đã chọn cách miễn trừ cho họ khỏi những thỏa thuận đó và đối xử với chúng tôi như những tội phạm thông thường bị đối xử một trăm năm trước.

Trong thời gian bị giam cầm, tôi đã nhiều lần nhớ lại các sự kiện của Thế chiến II, và dường như những chuyến phiêu lưu bay lượn của tôi trong những năm đầu ở Trung Quốc và Đông Dương thuộc Pháp đã được lên kế hoạch theo một lộ trình sẽ đưa tôi đến một số phận đã được định sẵn khoảng hai mươi năm sau.

Ngay sau khi chúng tôi hồi hương vào mùa xuân năm 1973, tôi bắt đầu thu thập một

lượng lớn tài liệu tham khảo mà tôi sẽ cần cho việc viết lách khi đến thời điểm thích hợp. Việc ghi chép hàng ngày các sự kiện hoặc hồ sơ dưới bất kỳ hình thức nào là không thể do điều kiện giam cầm khắc nghiệt. Sau khi chỉ viết được vài chương, tôi thấy công việc và những hồi ức hoàn toàn quá căng thẳng, và tôi đã bỏ dở dự án. Mười bốn năm sau, theo sự thúc giục của một số người bạn là sử gia, tôi lại bắt đầu viết những gì họ cảm thấy sẽ là một tài liệu lịch sử quan trọng.

Quá trình thu thập và viết lách đã mất nhiều năm, và trong quá trình viết cuốn sách này, tôi thấy cần phải nhờ đến những người bạn tù binh chiến tranh cũ của mình xác minh tính chính xác của một số sự kiện, và họ đã rất sẵn lòng giúp đỡ. Tôi xin gửi lời cảm ơn đến các Đại tá Jim Kasler, Ed Hubbard, Richard Keirn, George Day và Ron Byrne. Nếu có một chút sai sót nhỏ thì cũng không ảnh hưởng đến mạch truyện; cuốn sách này đã hoàn thiện nhất có thể.

Tôi đã chấp nhận lựa chọn của tác giả là sử dụng bút danh trong những trường hợp mà dường như vì lợi ích tốt nhất của tất cả những người liên quan. Những xung đột nảy sinh giữa tôi và một số người khác đã được nêu ra bởi vì có những bài học quan trọng cần rút ra từ những sự kiện đó, tất cả đều là một

phần của lịch sử giam cầm của chúng tôi.

Cho đến năm 1969, chúng tôi chỉ có không quá ba trăm bảy mươi người trong hệ thống nhà tù Bắc Việt. Nếu tất cả mọi người trong số đó đều có cùng suy nghĩ, thì có thể có ba trăm bảy mươi câu chuyện riêng biệt về trải nghiệm của chúng tôi dưới bàn tay của những người Cộng sản. Tôi nghĩ độc giả sẽ khá ngạc nhiên trước những khác biệt về quan điểm giữa chúng tôi; do đó, tôi xin nhấn mạnh rằng đây là hồi ký của tôi, là hồi ức cá nhân, là góc nhìn của tôi về những gì đã xảy ra với chúng tôi.

Bà Pat Robson, một người đam mê lịch sử và là một người bạn thân thiết, đã hỗ trợ và động viên tôi rất nhiều, bà đã đặt ra những thách thức cho tư duy phi công chiến đấu của tôi và giúp tôi bắt đầu viết một cách nghiêm túc. Tiến sĩ Wayne Thompson, tại Văn phòng Lịch sử Không quân, chịu trách nhiệm đưa ra những chỉ dẫn hữu ích và kiểm tra tính chính xác về mặt lịch sử của cuốn sách. Những công việc thư ký khó khăn và việc ghi chép cuối cùng các tài liệu viết trên máy xử lý văn bản đã được Louise và Cari Alles ở Satellite Beach thực hiện một cách đáng tin cậy, chính xác và đầy tình cảm. Carol Jose, ở Indialantic, Florida là biên tập viên cuối cùng trước khi đến được văn phòng nhà xuất bản. Tất cả những người

này đều xứng đáng nhận được lời cảm ơn chân thành và sự kính trọng của tôi.

Cuốn hồi ký này và bất kỳ thành công nào nó đạt được, xin dành tặng hai người rất quan trọng trong cuộc đời tôi.

Gửi Evelyn: người vợ và người bạn của tôi trong suốt bốn mươi bảy năm, người đã một mình nuôi nấng và chăm sóc bốn đứa con trai của chúng tôi trong suốt mười tám năm tôi vắng mặt trong ba mươi năm đầu tiên của chúng tôi. Evelyn có thái độ không bao giờ bỏ cuộc đúng nghĩa của một phi công chiến đấu thực thụ. Tất cả những đau khổ và công việc khó khăn của cô ấy đều được thực hiện với tình yêu thương lớn lao dành cho tôi, gia đình cô ấy, và cả Không quân Hoa Kỳ. Cô ấy đã thiết lập những tiêu chuẩn, cô ấy chưa bao giờ chùn bước!

Gửi Đại tá Ronald E. Byrne Jr., người bạn và bạn tù của tôi trong bốn mươi bốn tháng trong những điều kiện vô cùng khắc nghiệt. Ron đôi khi rất khó sống chung, nhưng anh ấy đã vượt qua tất cả. Sự lạc quan của anh ấy đã giúp tôi vượt qua nỗi đau tinh thần, và tôi biết anh ấy đã cứu mạng tôi không chỉ một lần. Không có tình bạn nào gần gũi hơn hai người đàn ông cùng nhau trải qua đau khổ. Cảm ơn vì tất cả. Ron.

L.G.



ĐÔNG NAM Á

CHƯƠNG MỘT LẦN LAO XUỐNG CUỐI CÙNG

Sáng thứ Hai, ngày 14 tháng 6 năm 1965
Căn cứ Không quân Korat Hoàng gia Thái Lan

Tôi lật người trong túi ngủ và nhìn đồng hồ - mặt số màu xanh lá cây chỉ 4:30 sáng. Chúa ơi! Đến giờ phải dậy rồi. Trời vẫn còn tối khi sĩ quan trực chiến công bố lệnh không kích trong ngày, cùng với phân công phi công và máy bay. Thời tiết xấu trên hầu hết miền Bắc Việt Nam đã buộc phải hủy bỏ nhiều nhiệm vụ tấn công các mục tiêu được Hội đồng Tham mưu trưởng Liên quân coi là rất quan trọng. Trong ngày thứ ba liên tiếp, một cuộc không kích kép được triển khai để cố gắng giành lại thế trận. Tôi sẽ chỉ huy mười hai chiếc F-105 Thunderchief, mang theo tối đa 750 pound bom phá hủy. Mục tiêu là một trung tâm điều khiển gần cầu Thanh Hóa. Nơi này được phòng thủ quá chặt chẽ,

không quân và hải quân đã mất hơn một chục máy bay. Mục tiêu thứ hai, một kho tiếp tế và đạn dược rộng lớn tại Sơn La, cách Hà Nội 40 dặm về phía tây nam, được giao nhiệm vụ cho tám chiếc F-105 và bốn chiếc F-4 Phantom.

Các mệnh lệnh mang theo những cảnh báo và chỉ thị thông thường về thời tiết xấu rằng, nếu một trong những khu vực mục tiêu bị đóng cửa do thời tiết, tất cả 24 máy bay thực hiện nhiệm vụ sẽ tiến đến mục tiêu khi điều kiện thuận lợi hơn.

Hiệu lệnh chuyển bay của tôi là “Teak Leader”, và với tư cách là chỉ huy phi vụ không kích Thanh Hóa với mười hai chiếc F-105, hiệu lệnh cá nhân của tôi là “Geronimo”. Trung tá Bill Craig, Tư lệnh Phi đội Tiêm kích 44, là chỉ huy phi vụ của lực lượng đến Sơn La. Bill vừa kết thúc nhiệm vụ tại Đông Nam Á, và trong hai tuần nữa tôi sẽ tiếp quản phi đội khi anh ấy rời đi.

Các hướng dẫn mục tiêu thay thế trong lệnh tác chiến đã khiến cho buổi họp giao ban phi công trở nên dài dòng và phức tạp. Giờ cất cánh đang đến gần khi chúng tôi vội vã đến khu vực thiết bị cá nhân để lấy đồ. Tôi mặc bộ đồ G, rồi kiểm tra khẩu Smith and Wesson .38 mũi hếch của mình. Tôi lao ra

khỏi cửa, mang theo dù, mũ bảo hiểm, túi bản đồ, thẻ dữ liệu nhiệm vụ và ảnh mục tiêu.

Tôi nhìn thấy máy bay của mình dọc theo đường bay bằng ba số cuối - 220. Đó là một chiếc máy bay bóng bẩy, màu bạc, đẹp mắt và vô cùng ấn tượng với tám quả bom 750 pound treo trên đó. Trung sĩ Rush, người chỉ huy phi hành đoàn trung thành của tôi, chào đón tôi với một nụ cười và giúp tôi đặt thiết bị. Chúng tôi kiểm tra chiếc máy bay ba triệu đô la của mình một vòng. Tôi rất kính trọng Rush - anh ấy đã giành được sự tin tưởng tuyệt đối của tôi. Tôi gặp anh ấy lần đầu tiên trong một chuyến đi chơi xa đến Hawaii vào năm trước. Anh ấy là một người tận tâm, chăm chỉ và hiểu rõ máy bay của mình. Khi tôi ký vào giấy bảo trì, tôi thấy một chiếc xe bán tải đang tiến đến với sĩ quan tình báo của chúng tôi đang cầm lái. Anh ấy nói với tôi rằng nhiệm vụ của tôi đã bị hủy bỏ do thời tiết, và cần chuyển hướng mười hai máy bay của tôi đến mục tiêu của Bill ở khu vực Sơn La. Tôi bước đến máy bay của Bill để trò chuyện phút chót, và tôi thấy hôm đó trời âm u, mây mù, mưa rào rào khắp nơi. Tôi không khỏe lắm... có điều gì đó đang làm tôi khó chịu. Có lẽ cũng giống như vài ngày trước, khi tôi bị suy oxy ở độ cao ba mươi lăm nghìn

feet (10.668m). Tôi đã nói dối một chút khi nói với Cơ trưởng Unitan, bác sĩ phẫu thuật của chúng tôi, rằng tôi hoàn toàn ổn để bay.

Bill Craig đã thắt dây an toàn và mỉm cười với tôi khi tôi leo lên thang lên buồng lái của anh ấy.

“Có chuyện gì vậy? Anh thấy ổn chứ?”

“Vâng,” tôi nói, “nhưng hôm nay có gì đó rất không ổn. Tôi không thích! Tôi không thích cách nhiệm vụ được lên kế hoạch hay sắp xếp, và cuộc họp giao ban thì hỏng bét.”

“Tôi biết, tôi biết! Tôi cũng không thích, nhưng dù sao chúng ta cũng phải linh hoạt và làm tốt nhất có thể.”

Tôi tháo găng tay phải ra và đưa tay ra, “Tạm biệt.”

Bill nhướn mày ngạc nhiên. “Ý anh là sao, lâu thế? Gặp lại anh ngay đây, trên mặt đất, hai tiếng nữa nhé!”

“Ồ, được thôi.” Khi tôi lùi xuống thang, tôi có cảm giác Bill nghĩ tôi đang say. Sau khi khởi động động cơ, tôi nhận được tin hai trong số mười hai chiếc máy bay của tôi đã hỏng, nên chúng tôi tiếp tục với mười chiếc.

Chúng tôi lặn bánh đến khu vực tiếp nhiên liệu, gần cuối đường băng. Tại đó, các nhân viên vũ khí và quân nhu kiểm tra lần cuối và tháo dây an toàn khỏi bom. Trong lúc họ

đang làm việc này, tôi gọi máy bay tiếp nhiên liệu trên không KC-135 để đảm bảo họ đã đến khu vực hẹn. Tôi nói với họ rằng chúng tôi sẽ sớm đến đó để tiếp nhiên liệu trên không. Chiếc F-105 đốt rất nhiều nhiên liệu trong quá trình cất cánh và leo cao với trọng lượng tối đa, vì vậy bất cứ khi nào có thể, chúng tôi đều tiếp nhiên liệu trên không. Chúng tôi tính toán kế hoạch bay của mình sẽ có đủ nhiên liệu trong suốt cuộc không kích và khi trở về căn cứ, phòng trường hợp có tình huống khẩn cấp nào đó xảy ra khiến chúng tôi phải ở lại lãnh thổ đối phương lâu hơn dự định.

Xếp hàng trên đường băng, chúng tôi nổ máy. Mọi thứ đều ổn. Tôi nhìn sang Charlie Hart, phi công phụ của tôi, và khi kim giây quét qua vạch đích, chúng tôi bật chế độ đốt sau và nhận được cú hích mạnh mẽ bất ngờ như thường lệ vào mông, khiến con chim lao về phía trước. Sau khi cất cánh, chúng tôi chuyển hướng bay sang phải. Chúng tôi bắt được tín hiệu của các máy bay tiếp dầu trên radar, nhận được chỉ dẫn của họ và bay đến điểm hẹn ở độ cao 18.000 feet (5486.4m).

Trời khá tối, nhưng tôi đã kịp nhìn thấy các máy bay tiếp dầu trong giây lát, và tôi bay vòng ra phía sau họ, giữ cho họ nhìn thấy. Chúng tôi được đưa đến rất gần nhờ chỉ

dẫn bằng giọng nói từ người điều khiển cần trục. Vì các phi công tiếp dầu đang bay bằng thiết bị, nên người dẫn đầu đã khôn ngoan lựa chọn cách cơ động để tạo khoảng cách giữa các máy bay tiếp dầu nhằm tránh va chạm. Phải mất khoảng hai mươi phút trước khi người cuối cùng được gọi “nạp đầy”. Tôi yêu cầu các phi công tiếp dầu tăng công suất và bay lên cao để tạo điều kiện cho chúng tôi bay thẳng đến khu vực mục tiêu, và họ đã làm theo. Charlie và tôi tăng tốc và hướng đến mục tiêu, nhưng một lần nữa, vì thời tiết, chúng tôi không thể quay lại phi đội. Từ đó, chúng tôi mất khoảng ba mươi phút để đến khu vực mục tiêu, bay trong thời tiết xấu suốt chặng đường.

Chúng tôi đã bay thẳng vào vùng thời tiết xấu, kiểm tra lại vị trí trên radar khi thoát khỏi đám mây u ám ở độ cao 3.000 mét trong mưa nhẹ. Tôi có thể thấy khói, lửa và rất nhiều tiếng súng nổ từ mặt đất gần mục tiêu. Đại úy Turk Turley đã đến đó trước và nắm quyền chỉ huy. Ba chiếc F-4 Phantom đang bay vòng quanh mục tiêu, gọi cho chỉ huy phi vụ để xin phép ném bom trước và rời khỏi hiện trường vì chúng đã gần hết nhiên liệu. Những chiếc Phantom được cho là sẽ yểm trợ cho F-105 trong khu vực phòng ngừa khả

năng bị MiG-17 của đối phương đánh chặn. Một số chiếc 105 đã bị MiG bắn hạ, vì vậy chúng chắc chắn là một mối đe dọa cần được xem xét. Chúng tôi khá bức mình trước yêu cầu ném bom trước và để chúng tôi không có chỗ ẩn nấp, nhưng Turk không còn lựa chọn nào khác ngoài việc đồng ý. Họ chọn một vị trí đặt súng lớn trên sàn thung lũng, và rõ ràng là họ đã vội vã tấn công vì họ bắn trượt, bom của họ rơi cách khẩu súng khoảng ba trăm feet.

Vẫn giữ tầm nhìn về phía mục tiêu khi rẽ trái, tôi nhận thấy lớp vỏ kim loại đã bị bong ra khỏi đỉnh cánh trái của tôi, điều đó có nghĩa là tôi đã trúng một hoặc nhiều phát đạn. Thông thường, các phát đạn bắn vào máy bay (kể cả đạn nổ, miễn là không có bộ phận quan trọng nào của máy bay bị trúng đạn) đều không bị phi công trúng đạn phát hiện. Turley ra lệnh, “Di chuyển về phía tây - một phi đội khác đã được dọn đường vào mục tiêu.” Các xạ thủ phòng không đã bắn trúng thêm nhiều phát đạn vào cánh và giá treo bom bên trái ngoài của tôi. “Chúa ơi!” Tôi nghĩ, “chúng đang ném tất cả những gì chúng có!” Chúng bắn như điên. Thiệt hại mà tôi phải chịu đáng lẽ phải cảnh báo tôi nên hủy bỏ nhiệm vụ. Vào bất kỳ ngày nào khác,

phán đoán của tôi sẽ tốt hơn nhiều, nhưng hôm đó, tình trạng dưới mức trung bình của tôi đã khiến tôi phải trả giá.

Tầm nhìn trở nên kém hơn khi chúng tôi tiến gần hơn để xác định vị trí trong khu vực tiếp tế mà Turley đã mô tả. Các sĩ quan chỉ huy rất khắt khe về vị trí bom của chúng tôi rơi xuống, vì vậy chúng tôi muốn làm đúng! Chúng tôi tiếp cận từ phía tây, thực hiện một cú ngoặt lộn nhào về phía bắc, nhắm thẳng vào mục tiêu ném bom. Những người điều khiển pháo trên mặt đất có một số lợi thế rất rõ ràng so với máy bay tấn công. Không có yếu tố bất ngờ nào vào thời điểm này trong cuộc tấn công vì nhiều máy bay khác đã ở đó. Trần bay là bảy nghìn feet (2.133m), và chúng tôi phải giả định rằng các xạ thủ mặt đất biết chính xác trần bay: đó có lẽ là lý do tại sao tôi bị bắn trúng nhiều lần trước khi thực hiện vụ ném bom của mình.

Bạn đặt một người vào nơi ẩn nấp sẵn vệt, và ngay cả khi anh ta là tay súng tệ nhất thế giới, nếu có đủ số vệt ngu ngốc bay ngang qua sát nòng súng của anh ta, thì sớm hay muộn anh ta cũng sẽ may mắn bắn trúng một con. Việc thiết lập góc bố nhào dốc là bất khả thi, bởi vì một khi chiếc F-105 to lớn đó chúi đầu lao xuống, nó cần đến vài ngàn feet để bay

lên sau cú bổ nhào. Có đủ thứ bay lên về phía tôi, và bầu trời trông như một màu nâu bẩn thỉu. Tôi có một khoảnh khắc ngăn ngủ để ước rằng mình đã dành thời gian, khi còn ở dưới mặt đất, để thiết lập máy tính ném bom kiểu toss bomb (ném bom vẩy) để tôi có thể bay theo radar và được tự động thả bom từ bất kỳ góc bổ nhào nào. Nhưng tôi đã không làm, nên giờ tôi phải dựa vào “gió Kentucky” (Kentucky windage), mắt nhìn (eyeballs), và sau đó phải vận dụng hết khả năng để tìm ra giải pháp cho vấn đề: chính xác khi nào thì bấm nút thả bom (pickle button) để tổng khứ đồng bom đi. Không thể có được một góc bổ nhào tốt! Những suy nghĩ cuối cùng trong khoảnh khắc đó: “Thật là ngu xuẩn – mình sẽ bay rất thấp – mặt đất đang lao lên rất nhanh – cảm giác như đang ở trong một hộp thiếc và có ai đó đang đâm thủng nó bằng một cái dùi búa – thả bom ngay, giật gậy lái thật mạnh, bay vòng nghiêng thật gắt – Ối – vừa dính một quả đạn lớn vào bụng rồi – bật đốt sau (burner), né tránh khẩn cấp!”

Sức nổ của quả đạn pháo địch đập vào bụng chiếc máy bay ném bom chiến đấu F-105 của tôi làm tôi và chiếc máy bay rung chuyển. Tôi cân bằng cánh và hướng về phía tây, gọi điện vô tuyến báo bị bắn trúng. Buồng lái

bắt đầu đầy khói. Tôi gạt cần gạt điều hòa sang vị trí “thông gió” để cố gắng thổi khói ra ngoài. Đột nhiên bánh lái của tôi quay hết tốc lực, và tôi bị lệch hướng liên tục. Máy bay của tôi chao đảo cánh, và tình hình trông khá ảm đạm. Tôi gọi cho phi công: “Tôi có thể phải ra tay, hãy để mắt đến tôi. Tôi đang bay xa mục tiêu ở độ cao khoảng 1.500 mét và hướng tới góc 270 độ.” Có người trả lời: “Roger, anh nghe rõ rồi.” Chiếc F-105 lúc này đang xoay vòng dữ dội, và tôi sợ rằng nếu đợi thêm nữa, tôi sẽ không thể nắm được cần gạt phóng vì lực G rất lớn. Tôi quyết định tốt hơn hết là nên nhảy dù ngay khi còn có thể. Tôi gọi vô tuyến, “Tạm biệt các anh, hẹn gặp lại tối nay.” Hít một hơi thật sâu, tôi kéo cần gạt phóng, và luồng gió mạnh báo hiệu cho tôi biết vòm kính đã bị thổi bay. Thế là hết. Tôi bóp cò và được phóng lên không trung. Tôi lộn nhào một lúc, rồi nghe thấy một tiếng nổ lớn và cảm thấy cú giật khi dù của tôi mở ra và tràn đầy không khí.

Tôi nhìn xuống và thấy giờ chỉ còn không khí giữa tôi và lãnh thổ của kẻ thù. Tôi nhìn lên mái dù màu cam và trắng, nghĩ, “Trời ơi! Chuyện này không thể xảy ra với mình được! Nó chỉ xảy ra với những người khác thôi.” May mắn thay, tôi vẫn đội mũ bảo hiểm. Tôi

nắm lấy dây quai cầm và giật mạnh để thắt chặt nhằm bảo vệ đầu khi hạ cánh. Tôi bám chặt vào dây đai dù (riser straps) và cố gắng suy nghĩ rõ ràng, định hướng lại. Tôi nhận thấy mình đã làm mất đồng hồ – có lẽ là do lực văng của cú phóng ghế thoát hiểm (ejection). Chết tiệt! Tôi đã đeo chiếc Zodiac đó được mười hai năm rồi. Khi tôi trôi xuống, tôi thấy một trong những chiếc F-105 của chúng tôi đang bay vòng nghiêng sát bên. Anh ta đã phát hiện ra tôi và tôi đã vẩy tay ra dấu “Tôi ổn”. Giờ tôi hy vọng anh ta sẽ bay đi nơi khác để kẻ thù không thể xác định chính xác vị trí tôi hạ cánh. Tôi thở phào nhẹ nhõm khi anh ta biến mất.

Khi nhìn xuống, tôi không thấy gì ngoài rừng rậm xanh ngắt. Xa bên trái tôi là một dãy đồi. Khi tôi trôi thấp hơn, ngang bằng với ngọn đồi, cơ thể tôi bắt đầu dao động dữ dội từ bên này sang bên kia, và tôi bị lắc lên gần như ngang với mái dù. Mặc dù đã suýt gặp nguy vài lần trong những năm lái máy bay chiến đấu, đây là lần đầu tiên tôi phóng ghế thoát hiểm (bailout). Các phi công không thích nhảy ra khỏi những chiếc máy bay vẫn còn hoạt động—họ nói rằng nhảy dù sau khi bị bắn trúng giống như đang tập chết, “bạn phải làm đúng ngay từ lần đầu tiên!”

Tôi cảm thấy đáng báo động trước sự cố bất ngờ này trong quá trình hạ cánh vốn dĩ suôn sẻ của mình, và tôi nắm lấy dây đai dù phía trước (risers), kéo mạnh xuống để rơi nhanh hơn, hy vọng vào luồng không khí ổn định hơn và thoát khỏi những luồng gió mạnh đang gây rắc rối. Quả nhiên, chiếc dù ổn định lại. Khi đến gần hơn, tôi cố gắng quét địa hình và chuẩn bị hạ cánh. Tôi chắc chắn mình sẽ đáp xuống rừng rậm sâu và biết rằng một trong những trục thẳng của chúng tôi sẽ sớm đón tôi. Nhưng khi tôi xuống đến vài trăm feet, tôi nhận ra một cách giật mình rằng tôi sắp hạ cánh ngay bên rìa một ngôi làng nhỏ!

Đã quá muộn để làm bất cứ điều gì. Khi chân tôi chạm đất, tôi nắm lấy vòng nhả dù (chute-release rings), giật mạnh, và chiếc dù bay đi. Đầu gối tôi đập mạnh vào cằm và tôi cảm thấy rằng mình cắt xuyên qua môi dưới. Tôi có thể thấy khói bốc lên từ giữa một vòng tròn gồm hàng chục túp lều tranh và tre được dựng trên cột tre cách mặt đất. Ngôi làng này chắc chắn có người ở! Tôi vội vàng lục tìm bộ đồ sinh tồn của mình. Bất chợt, tôi có một cảm giác rất kỳ lạ và mạnh mẽ, mạnh mẽ đến nỗi tôi buộc phải ngừng đóng gói đồ đạc và nhìn lên bên phải. Sống thế nào thì nói thế

đó, tôi thấy Chúa Jesus Christ đứng đó, một hình ảnh hoặc một sự hiện hình, cao hơn một trăm feet. Nó có thật như bất cứ điều gì tôi từng thấy. Tôi thoáng nghĩ về tất cả những lần thoát hiểm trong đời mình. Phải chăng đây là điều Ngài đã cứu tôi qua bấy nhiêu năm? Nhìn xuống tôi, Ngài nói, “Larry, hôm nay Ta sẽ chỉ cho con thấy một điều!”

“Lạy Chúa, con biết Ngài sẽ làm vậy!” Tôi thầm nghĩ. Quay đi, tôi vội vã thu gom đồ đạc để cố gắng thoát khỏi nơi đó.

Tôi thoát khỏi dây nịt dù (chute harness), sau đó ném khẩu phần khẩn cấp từ túi ghế dù vào một túi vải bạt. Tôi tự hỏi tại sao không ai bắn tôi, vì tôi đáp xuống cách một túp lều trong làng chưa đến mười feet. Tôi đoán rằng dân làng đã thấy tôi rơi xuống và đã rút lui để theo dõi tôi từ một khoảng cách an toàn. Tôi gọi qua radio sinh tồn hai chiều: “Hello Vampire Squadron, đây là Geronimo, đã ở dưới đất.” Tôi nhận được phản hồi ngay lập tức. Tôi đoán qua giọng nói đó là bạn tôi, Al Vollmer. Thật là một sự đảo ngược số phận! Vị trí của chúng tôi giờ đã đảo ngược so với vài tháng trước, khi tôi là người yểm trợ trên không cho anh ấy sau khi anh ấy nhảy dù qua cầu Ban Ken ở Lào. Tôi báo cáo bị thương nhẹ, nhưng tạm thời vẫn ổn. Al đáp lại: “Cậu

tốt hơn nên di chuyển. Chúng tôi đang yếm trợ cậu. Trợ giúp đang đến!” Tôi nhìn xung quanh và hy vọng nó sẽ không mất nhiều thời gian. Tôi bắt đầu chạy lên một ngọn đồi gần đó. Tôi chỉ mới đi được vài thước thì chợt nhớ ra mình đã để quên chai nước nhựa trong dây nịt dù. Chết tiệt! Tôi quay lại, chụp lấy nó, và uống ừng ực vài ngụm lớn. Thật là nhẹ nhõm! Miệng tôi khô như cát sa mạc vì tình huống căng thẳng mà tôi đang gặp phải, vẫn luôn mong chờ một viên đạn xuyên qua quần lót của mình bất cứ lúc nào.

Di chuyển trở lại lên sườn đồi trồng bắp, tôi trượt và lấm lem trong bùn với đôi giày đế trơn, mòn cũ. Khoảng hai trăm thước lên dốc, tôi đối diện với một bức tường rừng rậm, và đúng là một bức tường. Cứ như thể dân làng đã đẩy rừng lùi lại vừa đủ để tạo ra một không gian sinh sống và một khu vực nhỏ, hầu như không thể canh tác.

Nó chặn tôi lại chắc chắn như thể nó được xây bằng gạch. Tôi không thể bò qua hay chui xuống, vì vậy tôi di chuyển sang trái, thở dốc vì gắng sức, mệt mỏi nhanh chóng, cầu nguyện rằng trục thẳng sẽ nhanh chân tới đón tôi ra khỏi đó. Tôi khom mình sát mặt đất, di chuyển dọc theo rìa rừng. Tôi bắt gặp một suối nhỏ chảy xiết, và biết ơn trượt

xuống đó để thở dốc. Tôi phải bám vào những dây leo mọc từ bờ sâu để không bị dòng nước cuốn đi. Trong khi tôi treo mình ở đó, cố gắng lấy lại năng lượng, tiếng chim hót vang lên trong sự tĩnh lặng, nhưng tôi không hề thấy bất kỳ con chim nào. Tôi cảm thấy thực sự báo động, khi da cổ bắt đầu nổi gai ốc. Tôi vội vã tìm một chỗ đứng vững hơn và bật lại radio. Al đã ở đó, ơn trời! “Tôi đang cố gắng thoát ra Al, và lên đến đỉnh đồi để được đón. Nhưng tôi mệt lử rồi (bushed). Và đôi giày trơn chết tiệt này chẳng giúp ích gì cả. Tôi cứ trượt lên trượt xuống. Tôi không biết mình có làm được không. Vì Chúa, hãy nói với họ rằng chúng ta cần giày bay tốt hơn! Loại có đế gò!” Al bảo tôi hãy cố gắng bám trụ và tìm cách lên lại đỉnh đồi. “Được rồi, tôi đi đây... gặp lại có Chúa biết khi nào.”

Tôi tắt radio và liếc nhìn xung quanh. Tôi đứng hình. Cách tôi mười feet, tôi đang nhìn thẳng vào nòng súng của một khẩu súng trường bán tự động được giữ bởi một người lính trẻ, căng thẳng, đang cười toe toét của Quân đội Nhân dân Việt Nam. Một người lính khác, đứng bên trái anh ta, cầm một thanh kiếm trông rất nguy hiểm, giống như kiếm samurai. Tôi đã hết đường. Tôi đâm chiêu bám vào dây leo bằng một tay và gờ tay còn

lại lên đầu hàng.

Họ tiến lại, và khi nòng súng chỉ cách mũi tôi sáu inch (~1,8m), tôi nghĩ: “Nếu thắng khố này run tay mạnh hơn nữa, mình sẽ tiêu đời vì tai nạn.” Anh ta dường như sợ hãi hơn tôi. Tôi nói nhỏ nhẹ với anh ta, hy vọng làm anh ta bình tĩnh lại. Đồng đội của anh ta vươn tới bao súng và lấy đi khẩu 38 của tôi. Sáu người đàn ông có vũ trang khác và hai người phụ nữ—một trong số họ mang theo súng trường—vây lại thành một vòng tròn chặt chẽ quanh tôi. Chắc chắn họ đã thấy tôi rơi xuống và đã hành động rất thận trọng. Họ ra hiệu cho tôi ra khỏi suối, và bằng cách nào đó tôi cố gắng leo lên bờ. Họ trói chặt hai tay tôi ra sau, nhặt đồ đạc của tôi và đẩy tôi về phía làng.

Khi đến nơi, họ kéo tôi vào một túp lều dường như là nhà của trưởng làng. Ông là một người già, trông điềm tĩnh, với bộ râu trắng dài và hẹp. Được ghim trên tường phía sau ông là một bức ảnh Hồ Chí Minh, và trông họ như sinh đôi. Ông ngồi xếp bằng trên sàn gỗ và nhìn chăm chăm vào tôi đầy tò mò một lúc lâu mà không nói gì. Những người lính đến và nói chuyện với ông bằng tiếng mẹ đẻ của họ. Ông đáp lại điều gì đó, và chắc hẳn đã cho phép, bởi vì sau đó họ túm lấy tôi và lôi

tôi trở lại bụi rậm dày đặc.

Họ để tôi ngồi đó, dưới chỗ ẩn nấp, cho đến khi một người có vẻ là quan chức đến và kiểm kê mọi thứ tôi đang mặc và mang theo. Một người phụ nữ khác đến và mời tôi một ngụm nước. Không ai trong số họ có vẻ giận dữ, chỉ rất tò mò về tôi. Cô gái mang súng trường ngồi đối diện tôi, và mắt cô ấy không rời khỏi tôi. Cô khá cao, vạm vỡ, ưa nhìn, và lớn hơn nhiều so với những phụ nữ Việt Nam khác. Có lẽ tôi là người phương Tây thực sự đầu tiên mà cô ấy từng thấy—một trong những “tên đế quốc Yankee” mà cô ấy đã đọc hoặc nghe nói từ thời thơ ấu. Cô ấy đối mặt với kẻ thù của dân tộc mình, như cô ấy được dạy phải tin, nhưng cô ấy tự chủ và không để bất kỳ cảm xúc nào bộc lộ.

Tôi mừng vì đã hạ cánh cách xa khu vực chúng tôi ném bom trước khi tôi phóng ghế. Tôi biết từ các cuộc chiến khác rằng mạng sống của một phi công gặp nguy hiểm ngay khi anh ta ở trên dù. Không thể đoán trước điều gì sẽ xảy ra. Đối với những người nông dân, một người nước ngoài đã góp phần gây ra nỗi khổ cho họ, vì bất kỳ lý do gì, là một con rắn độc đang xuống bằng dù. Một số người sẽ đối xử với tù binh giống như họ đối xử với một con rắn: giẫm đạp, giết chết bằng bất kỳ

vũ khí nào có sẵn—súng, dao, đá, hoặc giáo tre—vì lòng hận thù hoặc sự cuồng loạn công khai. Cho đến nay, tôi biết mình đã rất may mắn. Tôi vẫn còn sống và tương đối không bị thương. Tôi vẫn còn hy vọng.

Sau một lúc, họ dẫn tôi đi xuống làng một lần nữa và tiếp tục trò chuyện với nhau.

Sau đó, một người đàn ông trông có vẻ cao cấp, rõ ràng là một người có chức quyền, đến. Ông ta khiển trách những người khác, chỉ vào cánh tay tôi nơi bị trói, tôi đoán là dây chưa đủ chặt theo ý ông ta. Ông ta chỉ đạo siết chặt dây thừng hơn nữa ở cả hai cánh tay và cổ tay tôi. Viên quan chức sau đó lấy chiếc khăn tay của tôi, vờ lau mặt cho tôi—rồi chiếm đoạt nó. Họ bắt đầu dẫn tôi đi vòng vòng theo một vòng tròn lớn để đánh lạc hướng bất kỳ đội cứu hộ nào.

Đột nhiên, chúng tôi nghe thấy tiếng máy bay gần đó. Những người bắt giữ tôi trông có vẻ sợ hãi, và hy vọng của tôi chợt dâng cao, biết rằng Al vẫn còn lảng vảng để chỉ đạo máy bay cứu hộ. Vollmer không thể biết tôi đã bị trói như một khúc xúc xích và có lẽ đã quá muộn. Người chỉ huy ra lệnh đưa tôi vào chỗ khuất, và tôi bị đẩy mạnh vào bụi rậm lần nữa. Họ đội chiếc mũ sinh tồn hai mặt của tôi lên đầu. Nó được làm bằng vải poplin

mềm, chống thấm nước, màu xanh ô-liu một mặt và màu cam một mặt—tôi đang đội mặt màu cam ra ngoài.

Các máy bay bay âm âm đến, và tôi cầu nguyện một phép màu. Tôi biết đó là những người bạn của tôi trên những chiếc F-105, tự hỏi tôi đã đi đâu và tại sao tôi không trả lời radio. Cơn mưa bắt đầu nặng hạt trở lại, và xuyên qua màn mưa, ngay dưới tầng mây, tôi thấy một chiếc máy bay chỉ huy cứu hộ C-123. Sau đó là một phi đội SPAD—những chiếc A-1 một động cơ cánh quạt của Không quân hoặc Hải quân Mỹ, tôi không thể chắc chắn. Sau đó là hai chiếc trực thăng cứu hộ, ngay trên đầu tôi, bay qua ngôi làng và ngay trên vị trí tôi hạ cánh lần đầu.

Tất cả dân quân trong làng đã ra hết, khoảng hai mươi người. Họ đứng, dưới chỗ ẩn nấp, dọc theo con đường, và mỗi người đều bắn nhanh hết mức có thể. Một trong những chiếc SPAD hạ độ cao xuống còn năm mươi feet hoặc thấp hơn, bay thẳng xuống con đường gần tôi. Nghiêng cánh, phi công nhìn sang phải và trái. Tôi đứng lên và lắc đầu để anh ta phát hiện ra chiếc mũ (màu cam). Tôi thề phi công đã nhìn thẳng vào tôi.

Khi anh ta lướt qua tôi, một vật gì đó bay ra khỏi thùng nhiên liệu phụ (drop tank) của

anh ta—một mảnh kim loại, hoặc một nắp bình xăng. Ai đó đã bắn trúng anh ta, nhưng khi những người Việt Nam đẩy tôi xuống trở lại, phi công SPAD dường như không gặp bất kỳ rắc rối nào, và tôi nghĩ anh ta đã không nhìn thấy tôi, vì anh ta không bay thêm vòng nào nữa.

Các máy bay cứu hộ lượn lơ khoảng hai mươi hoặc ba mươi phút, nhưng khi trời mưa nặng hạt hơn, họ từ từ rút lui. Sau đó, mọi thứ lại im lặng. Tôi ở đó, Thiếu tá Larry Guarino, 43 tuổi, chồng, cha, phi công chiến đấu 23 năm, cựu binh của hai cuộc chiến khác, giờ là tù binh chiến tranh ở miền Bắc Việt Nam.

CHƯƠNG HAI TÊN YANKEE XÂM LƯỢC BỊ BẮT

 ị chỉ huy cao cấp đã nói chuyện với một vài người lính... họ kết luận rằng việc đưa tôi trở lại đường là an toàn. Chúng tôi tiếp tục hành trình, gặp gỡ nhiều dân làng Việt Nam. Một số đứng nhìn chăm chăm, trong khi những người khác vội vã đi tiếp, hầu như không dám liếc nhìn. Chúng tôi đi với tốc độ nhanh. Mục đích chính là đưa tôi ra xa điểm hạ cánh, để lực lượng cứu hộ không thể xác định vị trí của tôi và bắn phá hay ném bom trong nỗ lực tuyệt vọng để cứu tôi. Vùng này chủ yếu là đồi núi nhấp nhô và rừng rậm xanh tươi. Địa hình bị ngập lụt ở nhiều khu vực và bị chia cắt bởi những dòng suối lớn nhỏ do mưa lớn theo mùa.

Chúng tôi đến một con suối sâu, nước chảy xiết. Một người lính buộc dây thừng quanh cổ tôi và ra hiệu cho tôi băng qua suối. Tôi hy vọng anh ta không nói đùa, nhưng anh ta đã

dùng súng chọc vào tôi, và tôi không còn lựa chọn nào khác. Anh ta giữ đầu dây và đứng lùi lại cùng những người khác để xem tôi có thể qua được không. Khi đã ở trong dòng nước chảy xiết, tôi lại do dự. Họ ra hiệu rõ ràng là tôi phải băng qua, nên tôi ngồi xổm xuống, và giờ nước ngập đến cằm, tôi nhích từng bước về phía trước trên những tảng đá trơn trượt. Nghẹt thở trong dòng nước chảy xiết, tôi biết mình sẽ chết nếu trượt chân. Những người Việt Nam hoàn toàn không lo lắng. Thật kỳ diệu, tôi đã băng qua được con suối rộng mười lăm mét. Tôi hoàn toàn bị ướt sũng và ngã phịch xuống bờ.

Một đám đông khá lớn đã tụ tập để xem tôi băng qua suối. Giờ tôi có một đội hộ tống gồm mười người lính cộng với một người mặc áo nâu mà tôi đoán là cán bộ chính trị hoặc sĩ quan. Họ đá tôi đứng dậy và dẫn tôi lên xuống những con dốc đứng, lầy lội. Tôi ngã xuống đất và ra hiệu rằng cổ tay tôi bị đứt nặng vì dây thừng ướt. Đó là một sai lầm, vì người mặc áo nâu đã bảo họ kéo dây tước chặt hơn! Trời đã tối sầm lại trong cơn mưa tầm tã.

Họ thúc giục tôi cho đến khi chúng tôi đến một dòng suối chảy xiết khác. “Chắc chắn là thế rồi, mình không thể vượt qua được nữa.

Chắc chết đuối là cách mình ra đi rồi”, tôi nghĩ. Một lần nữa, tôi cảm nhận được sự hiện diện mạnh mẽ của Chúa bên mình khi tôi bước xuống nước ngập đến cằm. Những người nông dân cảnh giác lại lảng vảng trên bờ. Thận trọng, cần mẫn, tôi nhích từng bước qua những tảng đá trơn trượt về phía bờ bên kia. Thật kỳ diệu khi tôi lại làm được điều đó, khi tôi cố gắng leo lên bờ bên kia. Tôi đã gần đến giới hạn sức lực và sức chịu đựng của mình. Tiếp tục đi, tôi đến một con dốc rất dốc phủ đầy bùn vàng trơn trượt. Tôi cố gắng leo lên, nhưng thật là thảm họa. Tôi trượt chân, lăn tròn và ngã nhào trong lớp bùn vàng cam. Họ bắt tôi phải đứng dậy hết lần này đến lần khác và tiếp tục leo. Vừa thở hổn hển, tôi vừa nói nhỏ: “Có phải lúc Người leo lên ngọn đồi đó cũng như vậy không?” Ông ấy trả lời, “Đại loại thế, chỉ là anh không phải mang theo cái vật nặng đó.” Và cứ như vậy trong suốt những giờ tiếp theo - tôi cảm thấy Chúa luôn ở bên tôi và không bao giờ rời xa tôi, mặc dù đức tin của tôi thường xuyên bị thử thách trong những ngày tháng tồi tệ, và những năm tháng sau đó.

Tối hôm đó, chúng tôi đến một ngôi làng khác. Mọi người tụ tập quanh tôi, chỉ trỏ và nhìn chăm chăm. Gã chính trị gia bắt tôi đi

đến một hàng rào gỗ góc cạnh. Hắn bắt tôi nằm ngửa dựa vào những khúc gỗ và bắt đầu điều mà tôi cho là một lời tố cáo công khai đối với tôi, chìa ngón tay về phía tôi, giọng hắn ngày càng to hơn. Chẳng mấy chốc, dân làng đều phấn khích, và một số người trở nên cuồng loạn trước trò hề của gã cố động viên chính trị này. Họ nhặt đá và bắt đầu ném tôi. Tôi cúi xuống và quay người hết sức có thể, cố gắng tránh bị thương nặng, nhưng tôi đã bất tỉnh khi một vài người trong số họ đánh thẳng vào đầu tôi. Một số người túm lấy tôi, xé quần áo của tôi. May mắn thay, những người lính đã can thiệp và lôi tôi đi. Đó là một cuộc hành quân sát sao, và tôi mừng vì lại được hành quân, rời xa nơi đó.

Khi màn đêm buông xuống, họ dắt tôi qua những con đường hẹp. Thường thì chúng tôi phải băng qua những cây cầu chỉ toàn là gỗ thô ráp, trơn trượt. Trời vẫn mưa rất to. Giày của tôi không hề có độ bám, và thật kỳ lạ là tôi không bị trượt chân ngã. Những cây cầu gỗ cao hơn sáu hoặc mười feet từ ba đến mười feet. Nếu tôi ngã, tôi đã gãy xương rồi.

Chúng tôi đến một ngôi làng khác và cảnh tượng đám đông, với sự tham gia của tôi và viên chính trị gia, lại diễn ra. Ông ta diễn rất tốt vai trò của mình, giờ nằm dấp về phía

tôi và la hét ngày càng to hơn, cho đến khi dân làng (ban đầu chỉ tò mò) trở nên phấn khích, rồi cuồng loạn; rồi lại bắt đầu ném đá và tấn công thân thể. Một số người túm lấy tôi, giật tóc và cào cấu, rồi lại bị bọn lính lôi đi. Chuyện này diễn ra đến tận đêm khuya. Tôi không còn nhớ rõ là bao nhiêu lần nữa. Tôi di chuyển như một con robot. Cuối cùng, họ đưa tôi đến ngôi làng cuối cùng và bắt tôi trèo thang vào một túp lều dựng trên những cây cột cách mặt đất. Có một cuộc họp đang diễn ra. Một người phụ nữ đang nhóm lửa nhỏ, và bà ấy đưa cho tôi một tách trà nhỏ, cầm tách cho tôi uống. Cái chòi là một chỗ trú ẩn gia đình rộng rãi, chỉ có một phòng, trông như có thể chứa từ mười lăm đến hai mươi người. Tay và cánh tay của tôi, vẫn bị trói chặt phía sau, đã chuyển từ đau đớn sang tê liệt hoàn toàn. Leo lên rồi leo xuống cái thang tre diễn ra chậm chạp và tra tấn, nhưng không còn lựa chọn nào, tôi bằng cách nào đó đã xoay sở được.

Chúng tôi tiếp tục hành trình trong đêm tối. Người lính đi sau tôi dùng một chiếc đèn pin kích hoạt bằng tay. Anh ta cố gắng soi đường cho tôi khi tôi băng qua thêm những cây cầu bằng thân cây, nhưng hầu hết thời gian đèn lại tắt ngay giữa chừng. Tuy nhiên,

tôi vẫn may mắn và không bị ngã. Đêm đường như vô tận.

Gần nửa đêm, chúng tôi đến một thị trấn nhỏ có các tòa nhà xây bằng gạch, tòa nhà lớn nhất có biểu tượng búa liềm trên mặt tiền. Có rất nhiều binh lính xung quanh, và tôi thấy một loại xe vận chuyển vũ khí ở đó. Một người Việt Nam nói được một chút tiếng Anh đi tới và hỏi tôi có bị thương nặng không. Tôi trả lời là không, nhưng tôi không còn cảm thấy cánh tay và bàn tay của mình nữa. Anh ta không hiểu hoặc đơn giản là phớt lờ tình trạng khó khăn của tôi.

Tôi được lệnh trèo lên thùng sau của chiếc xe, cùng với tám hoặc mười người lính, và chúng tôi phóng đi trên một con đường gập ghềnh. Vì trời mưa, những người lính kéo một tấm bạt che bảo vệ qua đầu họ. Tôi ở tận cùng phía sau xe, và tấm bạt chỉ che đến giữa đầu tôi. Khi mưa không ngừng đọng lại trên tấm bạt, nó tràn qua mép và đổ thẳng xuống cổ tôi. Tôi run rẩy vì lạnh. Tất cả lính đều có súng, và trong một lúc họ bận rộn tra đầu súng. Sau đó, từng người một, họ ngủ thiếp đi, và súng va lách cách vào nhau khi xe chúng tôi nảy lên trên những con đường đầy ổ gà.

Đột nhiên, tôi cảm thấy một cánh tay vòng

qua vai khi người lính bên cạnh bắt đầu ôm ấp tôi. Tôi không chắc anh ta đang cố giúp tôi ấm hơn hay làm gì, nhưng tôi cảm thấy hơi báo động. Sau đó, bằng tay phải, anh ta bắt đầu chạm vào tôi và sờ tìm các túi ngực, rồi khám phá. Cuối cùng, anh ta bắt đầu kéo khóa bộ đồ bay của tôi, và tôi nhận ra anh ta đang định làm gì. Lạy Chúa! Tôi bắt đầu đập và la hét và đánh thức một người lính khác ngay trước mặt tôi. Anh ta hiểu ra vấn đề và mắng mỏ kẻ quấy rối, điều này khiến anh ta dừng lại một lúc; nhưng khi người lính phía trước tôi ngủ lại, kẻ quấy rối lại tái diễn. Tôi lại gây ra một trận ồn ào và đánh thức vài người lính, họ nhanh chóng nhận ra chuyện gì đang xảy ra. Họ la mắng anh ta, và anh ta thôi không làm phiền tôi nữa. Tuy nhiên, anh ta không bỏ cánh tay đang vòng qua cổ tôi, và tôi không phản nản, vì nó giúp tôi che chắn phần nào khỏi cơn mưa đang đổ xuống cổ. Lúc đó tôi đang ngồi trong hai inch nước.

Chiếc xe thỉnh thoảng dừng lại. Một số lính xuống xe, và những người khác thay thế. Sáng sớm hôm sau, hầu hết các binh lính đều rời đi. Chỉ còn tài xế và hai người lính ở lại với tôi. Khi trời sáng, tôi có thể thấy rằng chiếc xe bọc thép trông giống như một chiếc xe vận chuyển vũ khí cũ của Quân đội Mỹ,

ngoại trừ nó có một khẩu súng máy gắn cố định ở phía sau bên trái. Phía trước, kính chắn gió được bọc thép chỉ với hai cổng kính dày để nhìn qua. Không có dấu hiệu nào cho thấy nguồn gốc của nó.

Người tài xế lái xe vào một khu đất có tường bao và liên hệ với một số người. Một người phụ nữ bước ra, mang theo một bát cơm và một loại rau có mùi hôi thối, mà sau này tôi gọi là “cỏ đầm lầy”. Nó có mùi như nước thải và vị còn tệ hơn. Tôi bịt miệng. Mặc dù vậy, tôi cố gắng nuốt một chút, nhưng khi cô ấy mời thêm, tôi quay đầu đi.

Một người phụ nữ khác, bế một em bé khoảng một tuổi, đến nhìn chăm chăm vào tôi. Cô ấy lắc đầu đăm về phía tôi và la hét. Tôi chép miệng với em bé và nó cười khúc khích. Người phụ nữ tức giận tát vào miệng em bé. Sau đó, cô ấy cầm nắm tay của nó và bắt đầu đấm vào mặt nó. Cô ấy đang cho đứa trẻ thấy rằng tôi là một thứ gì đó rất độc ác và đáng ghét. Cảnh mẹ con kiểu này xảy ra vài lần khác nhau trong ngày hôm đó. Thật dễ dàng để làm những đứa trẻ mỉm cười và cười khúc khích, nhưng những người mẹ luôn có hành động sửa chữa nhanh chóng và giận dữ tương tự.

Những người lính lái tôi ra khỏi khu đất và

đậu xe trên con đường đất. Một đám đông lớn nhanh chóng tụ tập. Những người lính, đặc biệt là tài xế, dường như tự hào về tôi, bởi vì việc giữ tôi trong sự giám sát của họ mang lại cho họ địa vị thực sự. Một quan chức địa phương khác đi đến và bắt đầu lên án tôi. Đám đông bắt đầu la hét và gào thét, xô đẩy đến gần hơn, lắc nắm đấm. Những người lính, lo lắng về việc mất kiểm soát, kéo chốt súng trường của họ như một cử chỉ cảnh báo. Nhưng đám đông tiếp tục tiến tới, và vài người đã túm lấy tôi, cố gắng kéo tôi ra khỏi xe tải. Đám đông đã mất kiểm soát, tài xế nhận ra chúng tôi đang thất bại, và tôi bắt đầu lo lắng về kết cục. Nhảy vào sau tay lái, anh ta vào số. Tôi có thể nghe thấy chấn bùm xe đập vào đầu (của người dân), nhưng tài xế không quan tâm anh ta làm tổn thương ai khi anh ta nhún xe tới lui, dọn đường xuyên qua đám đông.

Chúng tôi lái xe rời khỏi thị trấn, và sau khoảng một giờ, chúng tôi đến một sân bóng đá. Chúng tôi lái xe vào giữa sân và dừng lại. Một đám đông lớn lại tụ tập. Một bà già rất gầy bắt đầu lên án; đá bay cho đến khi tài xế phải lái xe đi lần nữa. Cảnh tượng này lặp lại vài lần nữa trong ngày hôm đó. Mục đích của việc làm này là để dạy người dân căm ghét “những tên Yankee xâm lược” và kích động

họ vào cơn điên cuồng chiến đấu. Dường như nó đang có tác dụng.

Đến tối hôm đó, tôi gần như hoàn toàn kiệt sức. Tôi đã không ăn hoặc ngủ suốt hai ngày, và đầu tôi chảy máu do bị đá cắt. Đôi giày ướt sũng của tôi đầy bùn và đá, và tôi bị bùn bám chặt đến tận quần lót. Tôi hoàn toàn mất tinh thần.

Tôi được chuyển sang một chiếc xe nhỏ hơn, giống như xe Jeep. Tôi được đưa ra vệ đường để giải quyết nhu cầu cá nhân; tuy nhiên, tôi không thể cử động cánh tay, càng không thể cử động ngón tay. Một trong những người lính gác đã cầm dương vật tôi, như một hành động theo thói quen, cứ như thể nó thuộc về anh ta vậy.

Trở lại xe Jeep, tôi nhận ra mình không còn bị trói nữa, nhưng tôi vẫn không thể cử động cánh tay bị tê liệt của mình. Họ cởi giày tôi ra và dặng chân tôi, trói chân tôi vào các góc của ghế trước. Khi họ bắt đầu trói tay tôi ra sau lưng lần nữa, tôi cầu xin một người mới, người dường như là sĩ quan phụ trách, đừng trói tay tôi ra sau nữa. Cuối cùng anh ta đồng ý và có vẻ hài lòng khi trói tay tôi chéo qua ngực theo hình chữ X, rất chặt. Điều này khiến tôi nhẹ nhõm phần nào, vì tôi lo lắng về những tổn thương thể chất vĩnh viễn.

Một người lính gác ngồi ở mỗi bên tôi, và trong suốt chuyến đi xuyên đêm, người bên phải liên tục đâm vào xương sườn tôi bằng nắm đấm. Hẳn là một thằng nhãi con và không thể làm tôi đau nhiều, nhưng tên khốn nhỏ bé đó đã thành công trong việc làm sườn tôi bầm tím đen.

Sáng sớm, chúng tôi dừng lại, và tôi bị bịt mắt rồi bị bỏ lại trong xe tải vài phút. Một trong những người lính quay lại và quấn tôi hoàn toàn trong một tấm chăn, để không ai có thể nhìn thấy tôi. Ngay sau đó, tôi thở hỗn hển và vật lộn để lấy từng hơi thở. Tôi bắt đầu cầu nguyện xin giúp đỡ, nhưng tôi không nghĩ rằng người Việt Nam biết tôi đang sắp gục ngã vì kiệt sức. Tôi cũng không chắc là họ có quan tâm hay không. Đột nhiên tôi cảm thấy một làn gió mát lạnh thổi qua người. Từ đâu? “Sao có thể như vậy được?” tôi tự hỏi. Tôi cảm thấy mình lại được ban một phép màu—không khí trong lành để thở khi tôi chắc chắn mình đã chết. Tôi đã không hiểu điều đó lúc bấy giờ, và bây giờ cũng vậy.

Sau đó, họ kéo tấm chăn ra khỏi mặt tôi và tháo bịt mắt. Người lính gác cho tôi ăn một quả trứng luộc chín, tôi nuốt chửng ngay. Anh ta dùng dao gọt hoa quả cắt một quả đào xanh nhỏ và mớm từng miếng vào miệng tôi.

Khi chúng tôi khởi hành trở lại, tôi có thể nghe thấy tiếng nước bắn tung tóe, sau đó tôi cảm thấy chúng tôi đang ở vùng đất bằng phẳng, mà tôi đoán đúng là khu vực đồng bằng dẫn đến thành phố Hà Nội. Khoảng một giờ sau, tiếng giao thông cho tôi biết chúng tôi đã vào một thành phố lớn. Mặt đường trở nên nhẵn dưới bánh xe. Sau đó, tôi nghe thấy tiếng cửa sắt va vào nhau. Chiếc xe di chuyển về phía trước vài mét, dừng lại; cánh cửa lại va vào nhau phía sau chúng tôi, và một người lính đến, cởi trói cho tôi, và ra hiệu cho tôi ra khỏi xe. Tôi cử động cứng nhắc và khó nhọc bước ra ngoài. Toàn thân tôi đau nhức.

Đứng thẳng lên, tôi đối mặt với một người đàn ông Việt Nam giận dữ, người này ngay lập tức bắt đầu một tràng chỉ trích bằng tiếng Anh—gọi tôi là “kẻ xâm lược giết người bắn thủ”. Hắn hét lên: “Mày đến đây để giết chúng tao! Mày đến đây để sát hại chúng tao! Mày sẽ phải trả giá cho tội ác của mày! Mày sẽ phải trả giá cho tội ác của mày! Tên tội phạm! Mày cất cánh từ đâu? Mày cất cánh từ đâu?”

Tôi cố gắng tỏ vẻ khinh miệt và tập trung sự giận dữ của mình. “Anh là ai? Đi kiểm cho tôi một sĩ quan, tôi là Thiếu tá Không quân Hoa Kỳ, và tôi muốn được đối xử như một sĩ quan. Tôi có quyền của một tù binh chiến tranh.”

“Tù binh chiến tranh ư! Mà không phải là tù binh chiến tranh. Mà là một tội phạm chiến tranh, đó là những gì mà là, và đó là cách đối xử mà sẽ nhận được! Mà cất cánh từ đâu? Mà cất cánh từ Korat, phải không?”

“Không, tôi cất cánh từ Đà Nẵng.” Tôi đứng đối diện người thẩm vấn của mình tốt nhất có thể trong tình trạng của mình. Tôi không hề biết rằng mình đang đối mặt với “Con Thỏ” (the Rabbit), kẻ bị căm ghét nhất trong số các điều tra viên-tra tấn của nhà tù. Tôi sẽ biết hẳn rất rõ.

Định kỳ trong suốt hành trình dài của mình, tôi đã nghĩ về cách trả lời câu hỏi họ chắc chắn sẽ hỏi về căn cứ cất cánh của tôi. Vào thời điểm đó, các căn cứ của chúng tôi ở Thái Lan vẫn là một bí mật quân sự được canh giữ cẩn mật, mặc dù truyền thông Mỹ đã làm lộ thông tin này. Tôi đã quyết định tôi sẽ chỉ đưa thông tin sai lệch, và đó là những gì tôi đã làm.

“Mày sẽ phải hối hận vì đã đến đây ném bom người dân tao!” Con Thỏ hét lên. Sau đó, vài lính gác nắm lấy cánh tay tôi và kéo tôi đến một khu xà lim mà sau này các tù nhân gọi là “Làng Lính Mới” (New Guy Village).

CHƯƠNG BA NHÀ TÙ HỎA LÒ

Tôi bị đẩy vào một xà lim. Tôi nhìn quanh. Nó rộng khoảng hai mét, dài khoảng bốn mét. Sát bức tường phía xa là một chiếc ghế dài bằng gỗ, với một bộ chân sắt cũ kỹ hoen gỉ được dựng lên đủ sức chứa bốn người. Tôi đoán nhà tù này đã khoảng năm mươi, sáu mươi năm tuổi. Có một cửa sổ hình vòm cao hai mét so với sàn nhà, với hai song sắt chắn ngang. Tôi có thể nhìn ra ngoài bằng cách trèo lên một trong những chiếc ghế dài, nhưng chẳng thấy gì ngoài một bức tường khác, cách đó sáu mét. Nó cao khoảng bốn mét, trên đỉnh là những mảnh kính vỡ. Những chiếc xà lim bằng thép, giăng dây thép gai, nhô ra từ đỉnh tường.

Quần áo tôi bẩn thỉu và lấm lem bùn đất, nên tôi mừng rỡ khi được cởi bỏ chúng. Vài phút sau, tôi được đưa cho một bộ đồ ngủ mỏng bằng vải cotton sọc xanh trắng. Tôi chỉ

được phép mặc quần đùi, áo phông và tất. Tôi nhận thấy ở giữa cánh cửa thép nặng nề của phòng giam có một khe hở nhỏ mà lính canh có thể mở từ bên ngoài. Bên ngoài cánh cửa có một thanh thép dài 5 phân để tăng cường bảo vệ. Nó được khóa bằng chốt sau khi cửa đóng lại. Tôi được đưa đến gặp một thẩm vấn viên trẻ người Việt Nam được gọi là “Cú”. Anh ta nhỏ con, rất gầy, nước da vàng vọt và đôi mắt đen sâu hoắm. Anh ta ra lệnh cho tôi ngồi trên một chiếc ghế đầu gỗ nhỏ, thấp, cứng như đá.

Tôi không ưa Cú ngay từ cái nhìn đầu tiên. Hắn nhìn tôi chằm chằm một lúc lâu, rồi hỏi tên, cấp bậc và số hiệu của tôi, và tôi đã khai ra. Khi hắn hỏi cấp bậc đơn vị của tôi, tôi từ chối trả lời. Hắn hỏi đi hỏi lại nhiều lần, và cơn giận càng tăng khi tôi không trả lời. Rồi hắn bình tĩnh lại và bắt đầu buổi độc thoại:

“Chúng tôi biết tất cả về anh, anh thuộc Phi đội 44, Okinawa. Các phi đội khác trong phi đội của anh là Phi đội 12 và Phi đội 67. Anh thuộc Không đoàn 313. Sư đoàn trong Phi đoàn Tiêm kích số 18. Chúng tôi biết tất cả về anh và tất cả những người của anh! Chúng tôi chỉ yêu cầu anh kiểm tra lại thái độ của mình, xem anh có thái độ tốt hay không.”

Tôi biết hắn chẳng biết gì thực chất cả.

Những thông tin hắn vừa thuật lại một cách tự mãn đã được in trên đồ dùng cá nhân và dù của tôi... như thường lệ trong thời bình. Vào giai đoạn đầu này, chúng tôi vẫn chưa có biện pháp phòng ngừa nào để kẻ thù có được thông tin này. Hắn tiếp tục hỏi tôi những câu hỏi mang tính chất quân sự, chẳng hạn như chức vụ của tôi trong phi đội, và tôi đã có bao nhiêu nhiệm vụ chiến đấu và giờ bay. Tôi im lặng. “Sớm muộn gì anh cũng sẽ khai ra hết những thông tin đó thôi!” hắn mỉa mai. “Anh sẽ tỏ ra tốt bụng, để được đối xử nhân đạo!” Cú lật giở ví tôi. Hắn xem xét một tấm danh thiếp màu trắng. “Ai đây?” hắn giơ tấm danh thiếp lên hỏi. Tôi thấy đó là danh thiếp của một công ty taxi ở Bangkok có tên tài xế.

“Người đó là tài xế taxi.”

“Sao anh lại giữ tên anh ta?”

“Vậy nếu tôi đi mua sắm ở Bangkok và cần taxi, tôi biết gọi ai.”

Hắn nheo mắt, đứng dậy và chỉ tay: “Không! Anh nói dối! Người đàn ông này là cộng sự tình báo của anh ở Thái Lan. Anh đã làm việc ăn ý với anh ta. Anh là sĩ quan tình báo! Anh đến đây để do thám chúng tôi!” Thật là một lời buộc tội khó tin, tôi cũng nháy dưng lên:

“Anh nói thật đấy à? Anh nghĩ rằng tôi đã bay đến đây và nhảy dù khỏi một chiếc máy

bay trị giá hàng triệu đô la chỉ để kiểm tra xem các anh đang làm gì sao? Thật đấy!”

Hắn hét gọi lính canh và đuổi tôi về phòng giam.

Tôi mệt lử và quên cả thời gian. Đột nhiên cửa phòng giam mở ra, lính canh mang đồ ăn vào. Đồ ăn được đựng trong một loại hộp đựng thức ăn kiểu Á, gồm một loạt những chiếc chảo nhỏ, chồng lên nhau, được giữ chặt bằng những thanh thép dẹt. Bữa ăn đầu tiên của tôi gồm ba lát thịt lợn mỏng, một củ khoai tây nướng, đậu xanh, súp, hai lát bánh mì vuông, rất giống bánh mì Mỹ của chúng tôi, và nửa ổ bánh mì Pháp nhỏ. Tôi kinh ngạc trước số lượng và chất lượng đồ ăn. Tôi ăn ngấu nghiến hết mức có thể, vỗ nhẹ vào bụng và nghĩ, “Nếu lúc nào cũng ăn thế này, mình sẽ khó mà giữ được cân nặng.” Tôi cố gắng nằm xuống chiếc giường sắt ở góc phòng. Trên giường có ba tấm ván thô ráp, không bằng phẳng, dày khoảng 5 phân dùng làm nệm. Tôi không thể nào cảm thấy thoải mái dù chỉ một chút. Tôi biết mình yếu đuối vì sống quá dễ dãi.

Trong lần thẩm vấn tiếp theo, tên Cú vẫn kiên trì tra hỏi, và tôi từ chối trả lời, chỉ nhắc lại tên, cấp bậc, số hiệu, ngày sinh, đúng theo Quy tắc Ứng xử của chiến binh Mỹ. Hắn bắt

đầu thuyết giảng về những “tội ác” mà tôi đã gây ra cho đồng bào của hăn. Tôi ngáp dài và tỏ thái độ khó chịu, khiến hăn càng thêm tức giận. Cuối cùng, hăn giận dữ đuổi tôi trở lại khu giam giữ. Tôi được hộ tống bởi một tên lính gác già, “Mặt Đá”, người không bao giờ nở một nụ cười. Trong phòng giam, tôi tìm thấy một bộ đồ ngủ thứ hai, một chiếc cốc thiếc tráng men và một chiếc màn chống muỗi. Nhà vệ sinh của tôi, một chiếc can thiếc một gallon có nắp gỗ, nằm ở một góc.

Tôi biết mình đang lún sâu hơn, mặc dù chúng vẫn chưa hành hung tôi. Tôi cầu nguyện, đi đi lại lại trên sàn nhà, rồi cố gắng ngủ một chút, nhưng đèn phòng giam vẫn bật suốt đêm và bên ngoài tòa nhà, một chương trình radio ồn ào liên tục phát.

Ngày hôm sau, Mặt Đá lại xuất hiện và dẫn tôi ra nhà “tắm”, một nhà tắm cũ kỹ, bẩn thỉu với một nhà vệ sinh kiểu Pháp điển hình, khiến tôi nhớ đến Thế chiến II ở Morocco và Algeria thuộc Pháp (nơi tôi phát hiện ra rằng thực dân Pháp không dùng nhà vệ sinh ngồi mà thích giẫm lên những dấu chân xi măng và ngắm bắn cẩn thận qua “ống ngắm bom”). Mọi thứ đều trong tình trạng tồi tệ, và có vài con bọ cạp xanh lớn bò quanh hố rác. Vòi sen không hoạt động, nhưng một dòng nước

ngọt nhỏ xíu chảy ra từ vôi. Tôi đã tắm rửa, lần đầu tiên sau bốn ngày, và tinh thần tôi phần chấn hấn lên. Giờ đây nghe có vẻ kỳ lạ, nhưng lúc đó tôi vẫn coi việc bị bắt là một cuộc phiêu lưu lớn. Tôi chắc chắn rằng mình sẽ sớm được đồng đội giải thoát, và tôi muốn làm mọi thứ mà người ta mong đợi ở một sĩ quan chuyên nghiệp trong thời gian bị giam cầm ngắn ngủi này.

Tôi lại được đưa đi gặp Cú. Lần này, hấn không hỏi tôi câu nào mà chỉ giảng cho tôi một bài dài về lịch sử dân tộc Việt Nam. Sau ba bốn tiếng đồng hồ (và cái mông tê dại), tôi được đưa về phòng giam và được cho ăn một bữa ăn tương tự như bữa hôm trước - thịt lợn thái lát và đậu xanh. Một lần nữa, tôi lại kinh ngạc trước chất lượng đồ ăn. Mặt Đá mang bộ đồ bay của tôi đến, bảo tôi mặc vào, rồi một nhiếp ảnh gia bước vào và chụp cho tôi vài tấm ảnh.

Sau đó, Cú tỏ ra thân thiện hơn một chút. Hấn hỏi tôi có biết Đại úy Harris, một thành viên trong phi đội chiến đấu của tôi không. Tôi nói có, và hỏi thăm Đại úy Harris.

“Ồ, anh ấy khỏe.”

Tôi cố gắng nhìn Cú để hấn không nhận ra tôi đang lơ đãng. Cái tên Smitty Harris đưa tôi trở lại Korat, khoảng bốn ngày trước khi

tôi bị “xử tử”. Đó là một buổi họp ngắn của phi đội. Sau khi nghe xong những thông tin thường lệ về an toàn bay, tôi bước lên bục phát biểu để trình bày quan điểm của mình về cuộc chiến và vai trò của chúng tôi trong cuộc chiến.

Cuộc cạnh tranh giữa các phi công xem ai có nhiều phi vụ chiến đấu hơn đang trở nên khó chịu. Để xoa dịu những kẻ chậm chạp, tôi nói: “Không cần vội vàng thực hiện nhiệm vụ. Sẽ có đủ thời gian trong cuộc chiến này để mỗi người thực hiện năm mươi phi vụ - một trăm phi vụ - có thể là ba trăm, hoặc thậm chí năm trăm phi vụ.” Đến lúc đó, Bill Craig ngắt lời tôi, nói rằng ông ấy không nhất thiết đồng ý với tôi, ông ấy cảm thấy có nhiều khả năng chiến tranh sẽ kết thúc trong vài tháng. Tôi nhắc Bill rằng tôi đã ở Đông Nam Á từ năm 1961 và đã chứng kiến sự tăng cường chậm chạp của lực lượng Mỹ trên khắp Đông Nam Á, cùng với môi trường radar và thông tin liên lạc tổng thể. Tôi chỉ ra rằng có rất nhiều gương mặt mới và sự hỗ trợ mạnh mẽ, giá cao từ Hoa Kỳ. Cũng có nhiều hoạt động chiến đấu cơ mới ở cả Nam Việt Nam và Thái Lan. Với tất cả những hoạt động đó, ý tưởng về một cuộc chiến tranh ngắn ngủi không hợp lý với tôi. Có rất nhiều lý do chính đáng để tin rằng chúng ta sẽ phải ở

lại rất lâu. Một số chính trị gia của chúng ta đã tuyên bố rằng, nếu cần thiết, chúng ta sẽ ở lại Đông Nam Á trong mười bảy năm tới! Tôi cảm thấy không ai trong phe ta thực sự hiểu được ông Hồ Chí Minh là một người cứng rắn đến mức nào. Những cuộc ném bom của chúng ta không hề làm ông ta sợ hãi, mà chỉ khiến ông ta thêm điên tiết. Ông ta đã trục xuất người Pháp sau khi họ chiếm đóng đất nước ông ta trong một trăm năm.

Tôi kết thúc buổi họp bằng cách yêu cầu các phi công lên kế hoạch cho một cuộc chiến tranh rất dài, và bằng mọi cách phải áp dụng mọi biện pháp có thể để tránh bị bắt. Tôi nhắc đến Đại úy Smitty Harris của Phi đội Chiến đấu cơ 67, người đã bị bắt. “Tôi thương hại Smitty,” tôi nói, “vì bất kỳ ai bị bắt đều có thể trở thành ‘món đồ chơi’ cho người Trung Quốc trong năm mươi năm tới.” Đó là một suy nghĩ mà tôi không muốn nhớ lại, vì giờ tôi cũng đang ở Hà Nội, nhưng đó là cảm xúc của tôi lúc đó.

Cú hét lên, kéo tôi trở về.

“Anh đang làm gì vậy?” Hẳn nhận ra tôi đang ở rất xa. Tôi nhanh chóng trả lời.

“Tôi đang nghe đây, anh cứ nói tiếp đi.” Nó lấy lại bình tĩnh, rồi liền lĩnh hỏi thêm một hoặc hai câu hỏi quân sự nữa, nhưng tôi lờ đi.

“Anh có quen nhiều người da đen không?” nó hỏi.

“Có, tôi có quen.”

“Họ lúc nào cũng vui vẻ, ca hát, lúc nào cũng tươi cười. Tôi nghĩ anh gọi họ là người da đen.”

“Không, tôi không gọi họ là người da đen. Người da trắng thường gọi họ là ‘da màu.’”

“Còn người Eskimo thì sao? Anh đã từng đến Alaska chưa?”

“Có chứ.”

“Anh có biết chính phủ của anh đã mua Alaska từ Sa hoàng, kẻ đã đánh cắp nó từ người Eskimo không?”

“Tôi nghĩ đó được coi là một vụ mua bán đất đai hợp pháp.”

“Và anh có biết anh đã trả bao nhiêu tiền cho việc đó không?”

“Tôi nghĩ là mười lăm triệu đô la.”

“Không, chỉ mười triệu thôi!” Hăn trông có vẻ hài lòng với chính mình.

“Chà, anh phải nhớ rằng chuyện đó đã xảy ra từ lâu rồi, và bất động sản lúc đó rất rẻ.” Hăn tiếp tục nói thêm những lời chính trị nhằm nhí, rồi đưa tôi trở lại phòng giam.

Tôi đi đi lại lại trên sàn nhà và đánh giá tình hình của mình. Ban đầu họ khá cứng rắn, nhưng vẫn chưa động đến tôi. Cho đến

giờ, mọi chuyện vẫn ổn. Rõ ràng là họ không cảm thấy cần thông tin quân sự gấp gáp, nếu không họ đã lợi dụng tôi để lấy thông tin. Tôi hy vọng chính quyền Việt Nam sẽ tiếp tục theo hướng này, bởi vì cho đến nay cách đối xử vẫn chưa tệ. Tại sao họ lại tốn nhiều thời gian vào lịch sử Việt Nam, và câu nói trẻ con về “thể hiện thái độ tốt” đó?

Đêm đó, tôi nằm đó, cứng đờ và nửa tỉnh nửa mê. Cánh cửa mở ra, một người lính Việt Nam lớn tuổi, tốt bụng bước vào, mang theo một chiếc chăn gấp. Tôi không ngồi dậy khỏi giường. Ông lặng lẽ đến gần, nhẹ nhàng nâng đầu tôi lên và luồn chiếc chăn xuống dưới làm gối. Ông buồn bã nhìn tôi, rồi đi ra ngoài và đóng cửa lại. Tôi không thể hiểu nổi cử chỉ này, và mặc dù tôi rất cảm kích lòng tốt của họ, tôi nghĩ họ có thể đang làm một việc gì đó để bắt tôi nói ra vì biết ơn những việc nhỏ nhặt.

Ngày hôm sau, Cú lại giảng bài, và khi hắn đang nói, hai con chuột xám chui qua một lỗ trên tường và chơi đùa quanh chân hắn. Hắn dường như không hề hoảng sợ hay để ý đến điều đó. Thỉnh thoảng hắn lại đá chúng ra. Tôi sửng sốt. Câu chốt của bài giảng là: “Tổng thống của các ông nên giữ tất cả người dân ở nhà và không đưa họ ra nước ngoài; ông ta phải ngừng can thiệp vào công việc của người dân châu Á;

ông ta nên dùng tiền của nhân dân không phải để mua máy bay và bom đạn giết hại người dân vô tội của chúng tôi, mà là để dọn dẹp những khu ổ chuột đầy chuột của ông ta.”

Trong lúc hấn đang lảm nhảm, một người Việt Nam khác bước vào phòng. Anh ta cao lớn, đẹp trai, và tôi đoán khoảng bốn mươi hai tuổi.

Cú đứng dậy cho đến khi được gọi ngồi cạnh người đàn ông này, rõ ràng là cấp bậc rất cao. Ông ta mặc đồng phục nhưng không hề có cấp bậc hay phù hiệu. Tôi tiếp tục ngồi trên chiếc ghế nhỏ xíu của mình, và Cú lại tiếp tục bài giảng. Người đàn ông cao cấp kia không nói gì mà chỉ chăm chú nhìn tôi.

Tôi bị đuổi ra, trở về khu giam giữ, và tên cai ngục ra hiệu cho tôi lấy cơm (tức là đồ ăn). Nó được đặt trên một cái kệ ở hành lang khu giam giữ. Thức ăn này thật khác biệt so với tuần đầu tiên. Một bát đựng cơm khô cũ phủ đất, bát còn lại là một mớ cỏ dại xanh lè có mùi dầu hỏa. Tôi nghĩ họ đang cố đầu độc tôi nên không động đến thứ kinh tởm đó. Sau đó, tôi lại được dẫn đến chỗ Cú, người đang ngồi tự mãn, vẻ mặt tự hào. Hấn ta tuyên bố bằng giọng nói lớn, khó chịu, ngân nga: “Và giờ mày đã bị trừng phạt! Chẳng là gì so với những gì mày sẽ nhận được nếu không ăn năn hối cải và có thái độ tốt hơn!”

Đêm đó, trong khi bụng cồn cào, tôi lên kế hoạch cho những cuộc thăm vấn tiếp theo; rồi tôi cầu nguyện xin được dẫn dắt và giải thoát khỏi kẻ thù. Ngồi trên mép giường sắt, mắt tôi bắt gặp dòng chữ được viết trên tường phòng giam ngay trước mặt. Tôi cúi xuống, tìm đập thành thịch khi đọc dòng chữ “Nhìn dưới gầm bàn”. Bàn nào cơ? Không có bàn nào ở đây cả; chắc hẳn là dưới gầm ghế dài có khóa chân. Tôi vội vã chạy đến, quỳ xuống và kiểm tra dưới gầm giá nhưng chẳng thấy gì. Biết đâu có một cái bàn và nó đã bị mang ra khỏi phòng giam? Bực bội, tôi lại ngồi xuống, nhưng cứ vài phút tôi lại đứng dậy và kiểm tra ghế. Bỗng nhiên tôi nảy ra ý tưởng. Nhấc chiếc ghế đầu nhỏ ở góc phòng lên, tôi nhìn kỹ mặt trên. Dòng chữ “Nhìn dưới” được khắc mờ mờ bằng bút chì trên vân gỗ. Tôi lật úp chiếc ghế. Ở đó, nhét vào một khe gỗ, là một tờ giấy gấp gọn gàng. Quay lưng về phía cửa, tôi nhặt cái xô vệ sinh lên và giơ ra trước mặt làm đồ giả phòng trường hợp lính canh nhìn trộm vào. “Chào,” tôi đọc. “Khoảng sáu tuần nữa mới chuyển đến đây. Đồ ăn khá ngon. Không bị tra tấn. Anh sẽ được liên lạc. Hãy mở to mắt và lắng tai. Cầu nguyện và tin tưởng vào Chúa. Yank.”

CHƯƠNG BỐN TUYÊN TRUYỀN VÀ TẨY NÃO

Tuần tiếp theo, tôi không ăn bất kỳ thức ăn nào, tin chắc rằng chúng đã bị ô nhiễm. Tôi uống tất cả nước có thể. Đi bộ và cầu nguyện trở thành thú vui chính của tôi. Có rất nhiều kiến trên sàn và tường phòng giam, cùng với vài con chuột nhỏ làm bạn. Ban đêm, muỗi rất dữ. So với tiêu chuẩn của chúng tôi, phòng giam khá bẩn, nhưng rồi tôi chợt nghĩ rằng đây có thể là phòng giam tốt nhất tôi từng thấy ở Bắc Việt Nam! Ít nhất thì nó cũng đủ rộng để tập thể dục đi bộ, và ban ngày thì rất sáng sủa.

Nhìn kỹ vào tường, tôi thấy tên của một người Mỹ, Ron Storz. Ngoài ra còn có một tờ lịch bị gạch xóa, cho thấy anh ấy đã chuyển đi chỉ hai ngày trước khi tôi chuyển đến. Có lẽ anh ấy đã để lại lời nhắn khích lệ tinh thần đó dưới ghế đầu.

Tôi lo lắng cho vợ tôi, Evelyn, và bốn đứa

con trai của chúng tôi, mặc dù tôi cũng được an ủi khi biết rằng không quân sẽ chăm sóc họ chu đáo. Mỗi bận tâm lớn nhất của tôi là làm sao để hoàn thành tốt nhất công việc trong khoảng thời gian tôi phải chịu đựng với tư cách là tù binh chiến tranh, với suy nghĩ rằng tôi sẽ mất ít nhất một năm cuộc đời, thậm chí có thể còn hơn thế nữa. Thật là một suy nghĩ tồi tệ! Nó khiến tôi thậm chí còn lắng nghe tiếng trực thăng đến đưa tôi rời khỏi Hà Nội! “Được rồi, được rồi, đây là một trải nghiệm tuyệt vời, nhưng mười ngày là quá đủ rồi! Tôi muốn rời khỏi đây!”

Lần thăm vấn tiếp theo, tôi gặp “Chó”. Hãn viên chức trông có vẻ cao cấp đã vào trong lúc tôi ở với Cú. Trước đây hãn không nói năng gì, nhưng giờ hãn nói tiếng Anh khá lưu loát. Hãn giảng giải cho tôi về lập trường sai lầm của chính phủ Hoa Kỳ trong chiến tranh, và chúng ta không có quyền can thiệp vào các vấn đề nội bộ của người Việt Nam. Hãn cứ nói như vậy suốt ba bốn tiếng đồng hồ! Cuối cùng hãn thả tôi ra. Trong hành lang gần phòng giam, tôi thấy vẫn cái thứ bẩn thỉu ấy đang chờ đợi mình, một bát cơm nhỏ cứng ngắc, bẩn thỉu và rau muống (stinky swamp grass: cỏ đầm lầy hôi thối). Tôi từ chối, khiến Mặt Đá rất bức mình.

Đêm 25 tháng 6, tôi nghe thấy tiếng cửa mở. Vài phút sau, tôi huyết sáo “Anchors Aweigh”. Ngay lập tức tôi nhận được hồi âm từ Trung úy J. B. McKamey, Hải quân Hoa Kỳ. Qua bức tường, tôi được biết anh ấy đã bị bắn rơi cách đó 200 dặm về phía nam vào ngày 2 tháng 6 và đã có một chuyến đi thực sự gian nan và vất vả đến Hà Nội. J. B. không có tin tức gì bất thường về chiến tranh, vì anh ấy đã bị “xông khói” trước tôi, nhưng anh ấy đã cho tôi biết một tin khiến tôi bàng hoàng. “Tôi nghe nói Alvarez, [phi công đầu tiên bị bắn rơi, vào tháng 8 năm 1964] đã bị xử bắn.”

Ngày hôm sau, tôi lại cần nhẩn về thức ăn với Cú. Anh ấy nói, “Mọi chuyện sẽ như vậy, cho đến khi anh học được cách hợp tác, giống như những người Mỹ khác!” Tôi nổi điên và nói, “Được rồi, tôi sẽ không hợp tác đâu. Tôi đã cho anh tên, cấp bậc và số hiệu của tôi rồi, và đó là tất cả những gì anh nhận được! Giờ tôi muốn ăn!” Nhưng tình trạng này cứ tiếp diễn. Trong những tuần đầu tiên, tôi không nhận thấy bất kỳ thay đổi nào, nhưng đột nhiên cân nặng của tôi gần như giảm hẳn.

Khi McKamey bị thẩm vấn, tôi chìm đắm trong suy nghĩ. Cảm giác như rời xa thế giới này hoàn toàn, tôi lần lại những ký ức trong

đầu, nghĩ về Evelyn và bốn đứa con trai, về những cơ hội đã mất, về quyền chỉ huy đã mất. Tất cả những điều đó khiến tôi vô cùng chán nản. Tôi đã âm thầm rơi vào giai đoạn tự thương hại... gần như là sự nuông chiều tòi tệ nhất có thể có đối với một tù binh chiến tranh. Khi tôi trở về hiện tại, ngực tôi ướt đẫm và tôi đang đứng trong nước. Tôi nghĩ đó là nước mắt của chính mình.

Đã hơn một tuần rồi tôi chưa ăn gì, và giờ đây thức ăn là thứ đầu tiên trong tâm trí tôi. Căng thẳng thần kinh đã xóa tan mọi tiếng gọi tự nhiên mà tôi có thể có, và tôi vẫn mang theo bất cứ thứ gì tôi đã ăn ở Korat vào buổi sáng hôm bị bắn rơi.

Lần sau, tôi thấy Chó, trông có vẻ cực kỳ lo lắng, thực sự run rẩy, liên tục nhìn về phía cửa phòng thẩm vấn.

“Bây giờ tôi sẽ hỏi anh một số điều và tôi muốn anh trả lời thật to và rõ ràng, anh hiểu chứ? Thật to và rõ ràng! Hãy cho biết tên, cấp bậc và số hiệu của anh.” Nhìn thái độ của hắn, có vẻ như buổi thẩm vấn này đang được ghi âm theo một cách nào đó. Hơn nữa, qua vẻ lo lắng của hắn, tôi đoán rằng sức khỏe và sự lợi ích cá nhân của hắn có thể đang bị đe dọa.

Tôi làm theo yêu cầu, thêm ngày sinh của

mình, đó là ngày 16 tháng 4 năm 1922, Chúa nhật Phục sinh.

“Bây giờ hãy kể cho tôi nghe anh bị bắn rơi như thế nào.”

“Được rồi. Tôi cất cánh từ Đà Nẵng và bay lên đây. Khi gần đến mục tiêu, động cơ của tôi đột nhiên hỏng.”

“Nói lại xem,” Chó nói. “Lần nữa!”

Chó không hiểu tôi đang nói cái quái gì. Nó vã mồ hôi, nài nỉ, “Kể lại cho tôi nghe anh bị bắn hạ như thế nào đi.”

Tôi lặp lại điều tương tự, và buổi họp đột ngột dừng lại.

Một giờ sau, Chó gọi tôi lại; nó vẫn còn rất tức giận. “Và ai đã nói với người Mỹ rằng các anh có thể tự phong mình làm cảnh sát quốc tế? Ai đã yêu cầu các anh? Ai cho các anh quyền lên tiếng thay mặt cho mọi người trên khắp thế giới? Ai cho các anh quyền ra lệnh cho chúng tôi những gì chúng tôi có thể làm hoặc không thể làm? Anh, anh Guarino, anh nghĩ rằng anh có thể đi bất cứ đâu, làm bất cứ điều gì, và mọi người sẽ sợ hãi, chỉ vì anh là người Mỹ!”

Sau đó, tôi suy ngẫm về tâm trạng và những lời bình luận của Chó. Thật kỳ lạ khi người nước ngoài nghĩ về chúng tôi - tức là “chúng tôi” từ Hoa Kỳ - họ nghĩ rằng tất cả

chúng tôi đều là người Mỹ. Họ dường như không để ý chúng tôi da trắng, da đen, da nâu hay da vàng, hay tên chúng tôi kết thúc bằng nguyên âm hay -ski hay bất cứ thứ gì; với họ, tất cả chúng tôi đều như nhau, đều là người Mỹ. Chưa bao giờ một người đàn ông cảm thấy mình “Mỹ” như khi anh ta rời khỏi đất nước của mình. Thật đáng thương khi ngay cả ở đất nước chúng ta, nhiều người trong chúng ta vẫn chọn cách tự nhận dạng mình theo nhóm, dù là theo dân tộc, tôn giáo hay màu da.

Vào buổi tối cùng ngày, tôi gặp một người thẩm vấn khác, một chàng trai trẻ, rất trẻ, có lẽ khoảng giữa hai mươi tuổi, đang đóng vai tên Nhóc Tốt Bụng. Hắn nhìn tôi chằm chằm một lúc lâu trước khi nói, và hắn cẩn thận cân nhắc từng lời nói của mình. Hắn kể cho tôi nghe những điều về bản thân, và về bạn gái hắn, người cũng đang trong quân đội. Họ không thể kết hôn trong một thời gian dài, vì hắn biết chiến tranh sẽ kéo dài. Quân đội không cho phép cô ấy kết hôn, hoặc giao cho cô ấy một nhiệm vụ nào đó để họ có thể gần nhau hơn. Thỉnh thoảng, hắn hỏi thăm tôi về bản thân, nhưng tôi chỉ mỉm cười đáp lại, và cố gắng lịch sự nhất có thể, tôi từ chối trả lời. Hắn nói rằng tôi sẽ ở đó một thời gian

dài và tôi nên cố gắng hợp tác để người dân Việt Nam có thể thông cảm cho tôi.

Sau vài lần gặp gỡ, cuối cùng tên Nhóc Tốt Bụng cũng đưa ra một lời khuyên hữu ích mà tôi cho là một lời nói đối khác của kẻ thẩm vấn, mặc dù nó nghe rất hợp lý. Hẳn ta quan sát tôi rất lâu, trong khi tôi ngồi chờ đợi. “Anh biết đấy, nếu anh từ chối trả lời những câu hỏi về máy bay và vũ khí của anh, họ sẽ tức giận nhưng không quá giận dữ...! Nếu anh từ chối trả lời những câu hỏi về tổ chức hay chính trị của anh, họ sẽ tức giận nhưng không quá giận dữ... Nhưng... nếu anh từ chối trả lời những chuyện riêng tư về bản thân và gia đình thì họ sẽ rất, rất tức giận! Có lẽ anh sẽ phải ở đây rất, rất lâu nữa; anh phải cố gắng hòa thuận hết sức có thể!”

Nhóc Tốt Bụng nói với tôi rằng tôi có thể đi xa đến mức nào đó với đường lối cứng rắn chống lại họ, và sớm muộn gì thì đòn đánh cũng sẽ giáng xuống.

Sau đó, Nhóc Tốt Bụng kể về tình hình tòi tẹ dưới thời Pháp, và hỏi tôi có biết nhiều về sự chiếm đóng của Pháp không. Tôi nói tôi biết một chút và tôi biết người Pháp gọi người bản xứ là “bọn An nam mít”. Nói thế là sai. Mắt hắn nheo lại, và đó là lần duy nhất tôi thấy hắn thực sự tức giận.

“Bọn An nam mít [hắn phát âm tiếng Pháp là Ah-nah-mee-tays]. Chúng tôi ghét cái tên đó! Nó có nghĩa là ‘những người yêu chuộng hòa bình’. Họ làm như thể chúng tôi yêu sự tồn tại của mình, như thể chúng tôi yêu người Pháp. Chúng tôi ghét họ; chúng tôi không muốn làm nô lệ của họ. Chúng tôi không phải là ‘những người yêu chuộng hòa bình’; chúng tôi đã chiến đấu, chúng tôi đã chiến đấu để đuổi họ đi!”

Đêm đó, tôi nghĩ về hai mươi năm trước, và dường như mới hôm qua. Tôi lần đầu tiên có linh cảm rằng mọi thứ một người nhìn thấy hoặc nghe thấy đều được ghi vào một loại băng trong não. Để nhớ lại hầu hết mọi thứ đã xảy ra trong quá khứ, cần phải tập trung cao độ để tua lại băng ghi âm trong tâm trí. Tất cả đều ở đó, và thật đáng kinh ngạc khi trí óc có thể lưu giữ được bao nhiêu dung lượng. Trường hợp này là một trường hợp mà tôi đã không nghĩ đến kể từ năm 1944. Đây là cách nó tua lại.

Đó là tại căn cứ không quân Thành Công ở Trung Quốc, nơi đóng quân của Phi đội Tiêm kích số 16 thuộc Quân đoàn Không quân Lục quân Hoa Kỳ. Ngày tháng 11 năm 1944 ấy, chúng tôi vô cùng phấn khích khi nhận được lệnh thực hiện nhiệm vụ

chiến đấu đầu tiên trên những chiếc P-51C Mustang mới. Nhiệm vụ là hộ tống một tá máy bay ném bom B-24 bốn động cơ để phá hủy các cây cầu đường sắt ở phía bắc thành phố Hà Nội, trên vùng đất khi đó được gọi là Đông Dương thuộc Pháp.

Hai mươi người chúng tôi tham gia nhiệm vụ. Gần cuối buổi họp, sĩ quan tình báo, Đại úy “Pappy” Turner, đã bổ sung một bài tóm tắt về chiến thuật sinh tồn. Ông đã đưa ra một lời kết rất khác thường. “Thưa các quý ông, nếu các ông bị bắn rơi, hoặc phải nhảy dù hoặc hạ cánh khẩn cấp xuống Đông Dương, hãy nhớ điều này: Tránh bị phát hiện, nếu có thể, cho đến khi các ông định hướng được. Sau đó, hãy cố gắng để người Pháp đón. Nếu không được, hãy tiếp tục trốn tránh. Biện pháp cuối cùng... bị Nhật Bản bắt có lẽ còn tốt hơn bị người An Nam bắt... Đừng để bị chúng bắt... Chúng căm ghét chúng ta.”

Họ không chỉ căm ghét chúng tôi mà còn căm ghét cả người Pháp nữa, như Kid vừa minh họa.

Một thẩm vấn viên khác, tên là “Đại Bàng”, chủ yếu quan tâm đến thông tin mang tính kỹ thuật, chủ yếu là vũ khí và máy bay. Hắn ta có cái đầu dẹt rõ rệt, những ngón tay rám nắng vì hút thuốc liên tục, và mặc dù hắn cố

tỏ ra bình tĩnh, tôi có thể thấy hắn đang căng thẳng. Hắn ta nói rằng hắn biết hết về bay, vì hắn từng là phi công MiG. Hắn muốn tôi cảm thấy rằng tất cả phi công chúng tôi đều là những người bạn thân thiết, và chúng tôi có thể thoải mái trò chuyện với nhau, như những thành viên của “hội anh em phi công”.

Tôi cũng bị cuốn theo câu chuyện cười và hỏi hắn ta rằng hắn đã từng lái MiG-17 chưa. Hắn ta trả lời rằng hắn mới chỉ lái chiếc MiG-15. “Anh định vị mục tiêu bằng cách nào?” hắn ta hỏi. “Đơn giản thôi,” tôi đáp. “Anh định vị bằng chiếc MiG của anh bằng cách nào?” Hắn ta nhún vai và nói, “Anh biết đấy, với chúng tôi thì dễ lắm.” Tôi nói, “Tôi cũng làm như anh thôi, chỉ là tôi bay theo kiểu ước chừng. Chỉ cần chọn hướng và bay thẳng đến mục tiêu - vậy thôi.” Tôi không nghĩ hắn hiểu tôi đang nói gì; hắn chỉ là kẻ giả mạo và chẳng biết tí gì về máy bay cả. Tôi nhận ra mình có thể bịa chuyện khi giao tiếp với tên này, và tôi đã làm vậy.

Hắn nói với tôi rằng trước đó tôi đã thừa nhận mình đến từ Đà Nẵng. Tôi phủ nhận, trả lời rằng chắc hắn tôi đã bị sốc khi nói vậy. Nhưng một lúc sau, tôi tỏ ra nhượng bộ, nói, “Được rồi, tôi đã cất cánh từ Đà Nẵng.” Hắn có vẻ nhẹ nhõm khi nhận được lời thú nhận

đó, mặc dù hẳn muốn tôi nói là Korat hơn.

Tôi từ chối trả lời mọi câu hỏi sau đó. Sau khoảng một giờ im lặng ngoan cố, hẳn ta hoàn toàn mất bình tĩnh và hét vào mặt tôi bằng tiếng Việt. Hẳn lao đến và tát tôi một cái thật đau vào mặt, khiến tôi ngã lăn ra sàn. Việc đó khá dễ dàng. Dù sao thì giữ thăng bằng trên chiếc ghế nhỏ xíu cũng khó. Hẳn điên cuồng gào thét, cuối cùng dậm chân bỏ đi.

Ngày hôm sau tôi lại gặp hẳn. Hẳn dường như đang cố tránh một cuộc đối đầu khác với tôi, mặc dù hẳn ta vẫn tỏ ra lo lắng như một thằng ngốc.

Hẳn trải một tấm bản đồ lên bàn trắc đạc, và tôi có thể thấy nó thuộc về một trong những phi công chiến đấu của chúng tôi. Trên đó có một vòng tròn bao quanh Hà Nội, tôi biết đó là tầm bắn của tên lửa đất đối không. Bản đồ cũng có các đường kẻ từ các mục tiêu ở khu vực Hà Nội trở về các căn cứ ở Thái Lan, với hướng la bàn và số dặm được ghi chú.

“Anh biết phe anh đang dần leo thang chiến tranh chống lại chúng tôi, mỗi ngày một gần Hà Nội hơn. Anh có nghĩ chúng sẽ ném bom Hà Nội không?”

“Không.”

“Anh nghĩ chúng sẽ đến gần đến mức nào?”

“Về một vòng tròn quanh Hà Nội, khoảng

ba mươi, bốn mươi dặm.” Tôi hoàn toàn không biết phe chúng tôi sẽ làm gì.

“Vậy anh nghĩ khu vực này sẽ là nơi trú ẩn?”

“Chắc chắn rồi.”

“Anh có biết hôm qua B-52 đã tấn công Bắc Việt Nam lần đầu tiên không; vậy anh nghĩ tại sao chúng lại làm vậy?”

“Ừ, đơn giản thôi. Đó là trả đũa.”

“Trả đũa vì cái gì?”

“Trả đũa vì đã bắn hạ tôi. Chúng sẽ không để anh thoát đâu.” Sự thật là, tôi rất muốn tin rằng B-52 xuất hiện chỉ vì tôi. Bất cứ ai bị bắn rơi cuối cùng cũng nghĩ rằng không ai trên thế giới này quan trọng bằng chính mình, và trong trường hợp của tôi, tôi tin rằng Không quân Hoa Kỳ sẽ dốc toàn lực để đưa tôi ra khỏi nhà tù đó. Tôi vẫn đang mong đợi một chiếc trực thăng đến đón tôi! Chỉ còn là vấn đề thời gian cho đến khi tôi được đưa ra khỏi đó. Tôi không biết họ sẽ làm điều đó bằng cách nào, nhưng tôi biết rằng nó sẽ xảy ra bất cứ lúc nào. Thật ngớ ngẩn phải không?

“Chiến tranh leo thang”, chứ không phải chiến tranh toàn diện, là một phát minh của thời đại, và là điều mà phía chúng tôi đã thực hiện đặc biệt cho Việt Nam. Theo tất cả các dấu hiệu, nó đến từ Bộ trưởng Quốc phòng McNamara, theo đề xuất của đội ngũ trẻ tài

năng của ông, và ý tưởng này cũng được các cố vấn của tổng thống ủng hộ. “Leo thang” được cho là để cho Hà Nội thấy rằng hành động của Hoa Kỳ chống lại họ được kiểm soát và đo lường theo tỷ lệ thuận với mức độ áp lực hoặc số lượng tội ác mà Hà Nội gây ra cho Nam Việt Nam.

Tuy nhiên, dường như có người đã không nhận ra rằng kiểu tăng cường hoạt động quân sự chậm chạp này cũng giống như một võ sĩ quyền Anh ra hiệu cho những cú đấm của mình. Bắc Việt Nam đã đoán trước được những gì chúng ta sẽ phải đối mặt, và hành động “có chừng mực” của phía chúng ta đã cho họ thời gian cần thiết để cải thiện hệ thống phòng không và thiết lập thêm nhiều tuyến (và cả các tuyến dự phòng) thông tin liên lạc và tiếp tế. Điều này cũng mang lại cho bộ máy tuyên truyền của Bắc Việt Nam những công cụ cần thiết và thời gian để chuẩn bị tinh thần cho người dân, nói cách khác là “lên dây cót tinh thần” cho bước tăng cường áp lực ném bom tiếp theo.

Đã mười lăm đến hai mươi ngày trôi qua kể từ lần cuối tôi được ăn uống tử tế. Tôi dành phần lớn thời gian để cầu nguyện, tiết kiệm năng lượng thay vì tập thể dục. Tôi đã đọc năm nghìn kinh Lạy Cha và mười bảy

ngành kinh Kính Mừng. “Ăn, ăn, ăn...” Điều đó luôn được tôi ưu tiên hơn tất cả mọi thứ, kể cả nỗi sợ hãi những kẻ bắt giữ tôi. Tôi cứ hy vọng rằng việc tôi từ chối ăn sẽ khiến chúng cải thiện bữa ăn - nhưng chúng chẳng quan tâm, và ngày nào cũng xuất hiện thứ đồ ăn bẩn thỉu đó.

Tôi không bao giờ gặp lại Cú nữa, nhưng những cuộc thẩm vấn vẫn tiếp tục với Đại Bàng và Chó, và giờ thì Thỏ cũng được đưa đến. Tôi vẫn giữ vững lập trường, nhưng chúng liên tục đe dọa sẽ trừng phạt nghiêm khắc. Tôi đã được dạy trong các bài học sinh tồn: “Khi bạn nghĩ rằng chúng sắp tra tấn bạn, hãy tiết lộ một số thông tin cá nhân vô hại.” Vấn đề là, một số kẻ sẽ đoán trước được hình phạt sớm hơn những kẻ khác rất nhiều. Sự thật là, bạn sẽ không bao giờ biết chúng sẽ tra tấn bạn cho đến khi chúng làm vậy!

Tên Nhóc Tốt Bụng (Nice Kid) không giúp tôi bất cứ thứ gì về thức ăn, nhưng hắn đã cho tôi vài cuốn sách để đọc. Một trong số đó là Thư Từ Nam Việt Nam, một tuyển tập do Việt Cộng biên soạn. Những “lá thư” này được cho là do những người hoạt động quân sự chống chính quyền Nam Việt Nam viết. Chúng tôi đặt tên chúng là “Những Câu Chuyện Siêu Ngốc” (the “Super Gook Stories.”).

Một trong những lá thư kể về trải nghiệm cá nhân của một thanh niên chống lại lính Mỹ khi họ di chuyển khắp miền Nam trên những chiếc xe bọc thép chở quân. Mỗi lần anh ta bắn một phát súng từ khẩu AK-47 của Nga, có từ hai đến sáu người Mỹ ngã xuống! Thanh niên Việt Cộng trẻ tuổi này rất phấn khích với tác phẩm của mình, chỉ bày tỏ sự tiếc nuối vì em trai mình không thể tham gia vào cuộc thảm sát dễ dàng này.

Suốt cuốn sách có rất nhiều bình luận của Lord Bertrand Russell. Tôi ngờ rằng trên đời này còn có người nào căm ghét nước Mỹ hơn tên khốn cánh tả khốn nạn đó (that leftist s.o.b). Cuốn sách là một mớ lời công kích độc địa nhắm vào nước Mỹ. Bất kể những nỗ lực của chúng ta trên khắp thế giới có thiện chí, nhân đạo hay hào phóng đến đâu, Russell vẫn bôi nhọ tất cả, và điều đó thực sự khiến tôi tức giận! Tôi ghét ông ta.

Một cuốn sách khác là Chiến thắng Điện Biên Phủ, câu chuyện về cách quân đội Việt Minh của Hồ Chí Minh, dưới sự chỉ huy của Đại tướng Võ Nguyên Giáp, đã oanh tạc quân Pháp trong trận đánh then chốt năm 1954. Bài học sâu xa mà Đảng muốn truyền tải đến độc giả là: Dù chúng ta có tuyên bố về những tổn thất mà kẻ thù phải gánh chịu, thì đó

cũng chỉ là những tuyên bố rất khiêm tốn. Bằng chứng cho điều này có thể thấy rõ qua những tổn thất mà các sĩ quan Pháp bị bắt đã tự nguyện khai báo. Vì vậy, các bạn nên tin vào mọi điều chúng tôi nói.

Vâng, đây là một ví dụ thực tế cho thấy lời nói dối của họ có thể tin được đến mức nào. Khi tôi nhảy ra khỏi máy bay vào ngày 14 tháng 6, tôi đã được ghi tên vào danh sách của họ với tư cách là “kẻ bị tiêu diệt” thứ 320 trên bầu trời Bắc Việt Nam. Nhưng vào thời điểm đó, không thể nào trên toàn bộ Lào, Bắc và Nam Việt Nam lại có hơn năm mươi máy bay cánh cố định bị bắn rơi; vì vậy, tỷ lệ phóng đại ở đây là hơn sáu trăm phần trăm.

Có ba tập sách nhỏ mà tôi thấy thú vị. Mỗi tập là hồ sơ vụ án của một phiên tòa được tổ chức tại Hà Nội. Nội dung là các báo cáo về hành động pháp lý chống lại “những người tham gia các cuộc đột kích biệt kích”. Mỗi tập đều được ghi chép đầy đủ, với ảnh chụp phiên tòa, ảnh cá nhân của từng thành viên biệt kích, và ảnh sơ đồ bố trí thiết bị mà họ mang theo. Các đội biệt kích châu Á thường gồm mười người.

Các cáo buộc đều giống hệt nhau: “Xâm nhập trái phép biên giới Bắc Việt Nam với mục đích do thám và phá hoại.” Toàn bộ

trang thiết bị của biệt kích châu Á đều được trình bày là trang thiết bị quân sự do Mỹ sản xuất, bao gồm súng ngắn, súng tự động loại nhỏ, súng bắn pháo sáng, dù hoặc thuyền cao su (tùy thuộc vào phương thức xâm nhập), nguồn cung cấp khẩu phần ăn của Hoa Kỳ, vật tư y tế, thiết bị vô tuyến, bản đồ, biểu đồ và một số tiền tệ địa phương.

Những người lính biệt kích bị bắt đều ăn mặc giống hết tôi, mặc bộ đồ ngủ sọc xanh trắng. Trông họ sợ hãi đến chết đi được, và điều đó hoàn toàn có lý. Trong mọi trường hợp, bản án cuối cùng dành cho người chỉ huy đội là tử hình bằng cách xử bắn. Những thành viên còn lại nhận án tù từ 12 năm đến 25 năm. Một vài thành viên còn rất trẻ, chắc chắn đã sẵn sàng thú tội và tỏ ra sẵn sàng hợp tác, đã bị tuyên án “nhẹ” từ 8 đến 12 năm. Mục đích của họ là để dọa tôi, và đúng là như vậy.

Trong lần thẩm vấn tiếp theo, Nhóc Tốt Bụng nhìn tôi chăm chăm hồi lâu. Nó đưa tay vuốt tóc vẻ lo lắng. Cuối cùng nó lên tiếng.

“Vậy anh biết gì về văn hóa Việt Nam?”

“Không biết gì nhiều.”

“Tất nhiên rồi. Đó là bởi vì chúng tôi không có văn hóa. Chúng tôi chưa bao giờ có thời gian để phát triển nó. Từ thuở sơ khai

của lịch sử, chúng tôi đã đấu tranh giành độc lập. Anh có biết người Trung Quốc đã chiếm đóng đất nước chúng tôi suốt một nghìn năm không? Rồi người Pháp đến, và cuối cùng chúng tôi đã đánh đuổi họ, và giờ chúng tôi có người Mỹ.”

Mặt Đá bước vào, đứng nghiêm, chỉ tay vào tôi, bắt đầu một tràng chửi rửa kéo dài cho đến khi Nhóc Tốt Bụng giờ tay lên.

“Người của tôi nói anh rất bất lịch sự; anh không chịu đứng thay anh ta trong phòng giam, và giờ anh lại không chịu ngồi đúng tư thế.”

“Sao anh lại nghe lời anh ta? Anh ta già rồi mà chưa được một vạch nào. Anh là sĩ quan. Anh không được đào tạo để tự mình giải quyết những chuyện này sao? Tôi nghĩ anh nên đuổi anh ta ra khỏi đây.”

“Anh không hiểu cách làm việc của chúng tôi. Anh thấy đấy, quân đội chúng tôi là quân đội nhân dân. Nếu sĩ quan chúng tôi không cho phép người dân nói ra, thì làm sao chúng tôi biết mình làm sai?”

Cơn đói cồn cào trong tôi, và tôi có thể ngửi thấy mùi hộp cơm trưa của McKamey từ cách đó hai phòng giam. Ông ta sẽ đọc thực đơn hàng ngày cho tôi nghe trong khi tôi chảy nước dãi và ngày một yếu đi.

Đại úy Smitty Harris thuộc Phi đội Tiêm kích 67 và nhóm của phi công hải quân Phil Butler đã giấu những mẫu giấy trong khu vực nhà vệ sinh. Tôi đọc rồi hủy chúng mà không để lại lời hồi âm, vì tôi vẫn cảm thấy mình chưa đủ hiểu biết để mạo hiểm trả lời. Tôi chắc chắn lính canh đang lục soát phòng giam của tôi để tìm giấy tờ, vì tôi thường bị nhốt trong phòng tắm một thời gian dài. Tôi đoán họ cũng nhìn thấy mẫu giấy dưới gầm ghế, nhưng quyết định để nguyên như thế họ không biết gì về nó.

Ngày 7 tháng 7, tôi lại bị đưa đi thẩm vấn, và lần này gặp sáu người Việt Nam. Một trong số họ trông có vẻ là một nhân sự cấp cao. Nhóc Tốt Bụng run rẩy khi phiên dịch cho nhóm người không nói tiếng Anh. Hai mô hình máy bay thô sơ bằng gỗ, một chiếc F-105, chiếc còn lại là F-104, nằm trên bàn trước mặt họ.

Tôi nghe thấy một tiếng nổ bằng tiếng Việt của một người, và rồi Nhóc Tốt Bụng dịch lại cho tôi: “Các người đến đây để giết chúng tôi và bị bắt quả tang! Các người là tội phạm và không đáng được đối xử nhân đạo! Và giờ các người phải khai hết mọi chuyện về máy bay của các người!”

“Tôi đã nói với anh là tôi sẽ không làm thế.”

Một người lại lên tiếng, và Nhóc Tốt Bụng quay sang tôi, gần như van nài. “Lần cuối cùng, anh có thể kể cho chúng tôi nghe về máy bay của anh được không? Anh sẽ bị phạt nặng đấy!”

“Không.”

Một người thường phục bỏ đi với vẻ mặt rất bức bối; chẳng mấy chốc, tất cả những người khác cũng theo sau. Tôi bị bỏ lại một mình. “Nếu họ làm vậy để dọa tôi, thì nó thực sự hiệu quả... Tôi chắc chắn là đang sợ.”

Khoảng chín giờ tối hôm đó, Mặt Đá bước vào, tay cầm vài cái búa. Hắn ta đi cùng hai tên lính có vũ trang và một người phụ nữ. Sau khi ra hiệu cho tôi ra phía sau phòng giam, chúng bắt đầu đập vỡ chiếc giường sắt và mang nó ra hành lang từng mảnh một.

Chúng bắt tôi treo lưới chống muỗi lên một trong những chiếc giường tầng có cùm chân nặng nề. Rồi Mặt Đá chỉ vào chiếc giường tầng, và tôi trèo lên. Hắn nhắc thanh ngang sắt nặng nề, đặt chân phải của tôi vào đó, rồi hạ thanh ngang xuống và kẹp chặt bằng một ổ khóa sắt và đồng thau cổ lỗ sĩ. Cùm đã gỉ sét, bản lề kêu cọt két; thanh ngang dày ba phần tư inch, rộng ba inch và được thiết kế vừa vặn với mắt cá chân. Tôi không thể tin được những người này, những người đã

ký kết Công ước Geneva, lại dùng cùm chân. Nhưng chắc chắn là họ đã làm vậy.

Trời nóng như thiêu đốt, và trên tấm ván hẹp ấy, tôi nhanh chóng ướt đầm mồ hôi. Chìm đắm trong sự tự thương hại, tôi tự hỏi: “Tại sao chuyện này lại xảy ra với mình?” (Chẳng phải ai cũng hỏi câu đó khi gặp tai họa sao?) “Tại sao, tại sao?”. Ném thử vị mặn của nước mắt, tôi bắt đầu nghi ngờ nghiêm trọng về sức mạnh tinh thần và thể chất của mình. Giống như hầu hết các phi công chiến đấu khác, tôi đã từng tin rằng, ngoại trừ những khoảnh khắc kinh hoàng hiểm hoi và thoáng qua, tôi gần như không hề sợ hãi. Giờ đây, nhìn xuống đôi chân bị cùm, tôi tự hỏi: “Có gì to tát đâu? Tất cả những gì họ làm chỉ là hạn chế chuyển động và bỏ đói mình thôi.” Và việc bỏ đói phần lớn là do tôi lựa chọn. Có thức ăn, dù đã thối rữa. Tôi phải thừa nhận rằng hình phạt đó còn nhẹ so với những gì họ có thể làm nếu họ quyết định hành xử thô bạo.

Tôi vẫn chưa nhận thức đầy đủ về những tác động làm suy nhược của việc giam cầm, và sẽ không nhận thức được điều đó cho đến sau này, khi tôi đã phải chịu đựng nhiều hình phạt hơn nữa.

Sự hủy hoại tinh thần của một người đàn ông bắt đầu ngay từ giây phút chân anh ta

chạm đất trên lãnh thổ kẻ thù. Bay lượn trên bầu trời trên một chiếc máy bay siêu thanh, né tránh đạn pháo phòng không hoặc tên lửa là một chuyện. Ngoại trừ những lúc cận kề chiến thắng, bạn luôn chỉ cách căn cứ và cuộc sống tốt đẹp một quãng đường ngắn. Tuy nhiên, bị bắn hạ, bạn sẽ dừng lại, với tốc độ o dăm một giờ, trong khu rừng im lặng (nếu bạn may mắn) hoặc sớm rơi vào tay kẻ thù. Chúng không giống chúng ta, chúng không suy nghĩ giống chúng ta, xã hội của chúng chậm hơn chúng ta 150 năm. Bạn nhanh chóng nhận ra rằng đây là một trò chơi bóng rất khác. Đó là sân bóng của chúng, trọng tài của chúng, và luật lệ của chúng. Chúng có thể gọi chúng theo bất kỳ cách nào chúng muốn; chúng có thể làm bất cứ điều gì chúng muốn với bạn; không có cách nào để kêu gọi sự giúp đỡ. Hội Chữ thập đỏ Quốc tế bị Cộng sản cấm hoạt động vì bị coi là tay sai của các cường quốc phương Tây. Họ chẳng quan tâm gì đến Hiệp định Geneva về việc đối xử với tù binh chiến tranh - họ chẳng quan tâm gì đến Geneva cả. Họ ký các văn bản vì nó trông có vẻ tốt đẹp trong mắt dư luận thế giới (giống như người Nga, Trung Quốc và Bắc Triều Tiên vẫn làm). Nhưng tôn trọng chúng ư? Không đòi nào!

Tinh thần và tinh thần chiến đấu của người tù nhanh chóng bị dập tắt, bởi vì anh ta biết mình chẳng có gì trong tay. Rồi những lời đe dọa bắt đầu, và chúng không bao giờ ngừng lại. Tiếp theo là những hình phạt nhẹ nhưng kéo dài: biệt giam, thức ăn nghèo nàn, và rất ít thức ăn. Trong khi bạn đang tự hỏi làm thế nào để thoát khỏi tình cảnh khó khăn này, bạn đã đến bờ vực, chỉ là bờ vực của sự hiểu biết rằng con người, cả về thể chất lẫn tinh thần, là một tạo vật rất mong manh. Áp lực đã khiến tôi kiệt sức, nhưng tôi không nhận ra rằng chính toàn bộ trải nghiệm cho đến nay, chứ không chỉ là trải nghiệm mới về xiềng xích, mới khiến tôi gần như suy sụp tinh thần. Nỗi sợ hãi về những gì có thể xảy ra tiếp theo cũng là một yếu tố gây suy nhược tinh thần.

Sáng hôm sau, J. B. hỏi lý do của tất cả những trận đòn roi, và tôi nói với anh ấy rằng tôi đang thực sự bị “chèn ép”. Anh ấy nói với tôi rằng anh ấy không hiểu tại sao họ lại đối xử tử tế với anh ấy như vậy, bởi vì họ chẳng hỏi han gì anh ấy, mà cứ liên tục thuyết giảng về người Việt Nam và những khó khăn của họ. Tôi tin rằng phía Việt Nam coi viên trung úy trẻ như một người đã bị “lừa dối một cách tệ hại”, nên họ tự nhận trách nhiệm “giáo dục” anh ấy.

“Trời ơi, Larry, tôi thấy tội nghiệp cho anh quá,” McKamey nói. “Điều chúng ta cần ở đây là một vài vị chỉ huy hoặc trung tá béo tốt. Khi đó, phía Mỹ sẽ rất phấn khích, có lẽ họ sẽ bỏ anh lại phía sau. Có thể là một người như Đại tá Risner. Tôi đã đọc về ông ấy trên tạp chí Time.”

Trung tá Robinson Risner là chỉ huy phi đội chị em của chúng tôi, Phi đoàn 67, ở Kadena, Okinawa. Ông ấy cũng là một người bạn rất tốt của tôi. Robbie là một phi công Át chủ bài ở Triều Tiên và gần đây đã thể hiện xuất sắc trong các nhiệm vụ ở Bắc Việt Nam. Ông ấy bị bắn rơi và được cứu hộ vào tháng 4 năm 1965. Ảnh của ông ấy xuất hiện trên trang bìa tạp chí Time, và ông ấy là người hùng mới nhất và nổi tiếng nhất của nước Mỹ.

Bọn Cộng sản cũng biết rõ về ông ta, và rất nóng lòng muốn tóm được ông ta.

Khi J. B. nói vậy, tôi thực sự lo lắng. “Im lặng đi J. B. Nếu đám người này bắt được Robbie, chúng sẽ lột da sống ông ta. Ông ấy là bạn thân của tôi, và là người cuối cùng tôi muốn gặp ở đây!”

Đồ ăn vẫn tệ hại. Có lần chúng đặt một cái sọ chó nhỏ lên trên cơm bữa. Tôi đã hỏi Chó tại sao đầu bếp cứ khăng khăng dọn ra thứ đồ ăn bẩn thỉu như vậy. Nó trả lời, “Đầu bếp muốn anh biết là ông ta ghét anh.”

“Nói với ông ta là tôi rất ấn tượng.” Tôi yếu đến nỗi khó mà ngồi dậy được. Mặt Đá bắt tôi đổi chân mỗi ngày bằng cách cùm chân. Có lúc hắn đưa tôi ra nhà vệ sinh, có lúc thì không. Tôi giữ xô nước gần đó để có thể đi tiểu. Tin hay không thì tùy, món mì (Korat food) của tôi vẫn còn đó, và vào Chủ nhật đầu tiên bị còng tay, tôi đột nhiên bị đau bụng dữ dội. Dù tôi có hét to đến đâu, cũng chẳng có lính canh nào đến giải thoát tôi khỏi xiềng xích. Tôi không biết cách sử dụng xô đựng nước tiểu khi bị còng tay cho đến tận vài ngày sau khi cơn đau bụng ban đầu qua đi. Việc không thể đáp ứng ngay cả những nhu cầu cơ bản nhất, tự nó, đã là một cực hình khủng khiếp.

Khoảng ngày 12 tháng 7, ngay trước khi J. B. McKamey bị chuyển đi, anh ấy đã nói với tôi một điều rất cảm động. “Larry, tôi chưa từng khóc kể từ khi con chó của tôi mất hồi nhỏ. Nhưng hôm nay tôi nghẹn ngào khi nghĩ đến anh, cả khi bị còng tay, và cả khi đói nữa.” J. B. cố gắng để lại đồ ăn trong khu vực nhà vệ sinh, nhưng tôi luôn đến muộn. Đồ ăn nhanh hỏng vì trời nóng. Có vài lần tôi nhìn thấy vài món ăn ngon lành trong hố rác, nhưng nó lại đầy bọ cạp, và tôi chỉ biết ước gì mình được ăn.

Tôi bắt đầu nghi ngờ các đồng nghiệp của mình. Tại sao McKamey lại được đối xử tốt hơn? Làm sao tôi có thể nghe thấy bốn người Mỹ đồng hương của mình nói chuyện và cười khúc khích với nhau - tất cả bọn họ đều bán mình cho V (Việt cộng) sao? Tôi tức giận và buồn bã, và dù họ cố gắng giao tiếp với tôi thế nào, tôi vẫn từ chối làm bất cứ điều gì với họ. Tất nhiên, tôi đã hoàn toàn sai! Đó chỉ là ví dụ đầu tiên trong số rất nhiều ví dụ về các mức độ đối xử khác nhau đối với các tù nhân khác nhau và không vì bất kỳ lý do nào mà chúng tôi từng hiểu được. Sử dụng lựa chọn dường như ngẫu nhiên đã đưa chúng tôi vào tay họ. Với điều đó, họ biết rằng họ đang tạo ra chính xác những gì họ đã làm với tôi: gieo mầm ngờ vực vào các đồng nghiệp của tôi.

Trời ơi, tôi đói quá! Hơn ba mươi ngày đã trôi qua, vậy mà tôi ăn rất ít, dù đã uống đủ nước. Thỉnh thoảng tôi lại được vài miếng mỡ lợn nhỏ xíu. Cuối cùng, họ thay thế thứ cỏ đầm lầy đáng ghét (rau muống) bằng bí đỏ luộc; tôi có thể ăn được nửa bát nhỏ, dù sao thì cũng chỉ như ăn nước lã.

Trí tưởng tượng của tôi về đồ ăn bay bổng. Tôi nghe thấy tiếng V đổ xô ra ngõ sau. Chắc là xô đựng nước tiểu của họ, nhưng với tôi, nó có mùi giống món tráng miệng yêu thích của

tôi, bánh pound nướng với kem vani và đào thái lát! Ngồi đó đêm đó trong chiếc ghế sắt, người đẫm mồ hôi, tôi ngoái lại nhìn, và trên bầu trời đêm, tôi thấy một cảnh tượng tuyệt đẹp. Một vầng trăng tròn vàng rực rỡ. Tôi có thể thấy khuôn mặt của người đàn ông trên mặt trăng, khuôn mặt thân thiện duy nhất tôi thấy trong năm tuần, và tôi chợt nhớ lại những bài hát cũ chúng tôi đã hát khi Evy và tôi lái xe quanh Công viên Branch Brook cùng Larry Tobia và cả nhóm trên chiếc Chevy mui trần đời 1931 cũ kỹ của Larry:

Càng khóc càng tự thương hại. Tội nghiệp Evy... và cả tôi nữa.

CHƯƠNG NĂM GẶP JERRY

 ngày 20 tháng 7, tôi nghe thấy tiếng huýt sáo “Anchors Aweigh” vọng qua cửa sổ phòng giam. Tôi gọi, “Chào Yank.”¹

“Ừ.”

“Tên anh là gì?”

“Tôi là Jerry Denton, Hải quân Hoa Kỳ. Anh là ai?”

“Guarino, thiếu tá Không quân.”

“Ồ phải rồi, tôi có nghe nói về anh; người Việt Nam đã công bố tên anh là bị bắt.”

“Không đùa chứ? Tin tốt đấy, Jerry.” Điều đó có nghĩa là Evy biết tôi còn sống, và sớm muộn gì Hà Nội cũng sẽ phải chịu trách nhiệm về tôi.

“Anh lái loại máy bay nào vậy, Jerry?”

¹ Bên ngoài Hoa Kỳ, “Yank” được sử dụng không chính thức để chỉ bất kỳ người Mỹ nào, kể cả người miền Nam. Ở miền Nam Hoa Kỳ, “Yankee” là một thuật ngữ chế nhạo dùng để chỉ tất cả người miền Bắc, hoặc cụ thể là những người từ khu vực New England.

“Ha, ha... Đó là điều họ muốn biết.” Giọng Denton đầy sức mạnh và tự tin. “Chà, anh chàng này sẽ rất cứng rắn, đúng là người tôi cần, một anh chàng với những chiếc đồng hồ quả lắc để vực dậy tinh thần đang sa sút của tôi,” tôi nghĩ.

“Tôi cá là anh đến từ Canoe U.” (Học viện Hải quân Hoa Kỳ.)

“Đúng rồi! Họ đối xử với anh thế nào?”

Nhìn xuống thân hình gầy gò, chân bị cùm, tôi cảm thấy tốt nhất là không nên than vãn về hoàn cảnh của mình như một đứa trẻ khóc nhè. Tôi cần Jerry phải cứng rắn vì cả hai chúng tôi, nên tôi trả lời, “Ồ, họ đối xử với tôi cũng không tệ lắm.”

“Đừng lo,” Jerry nói, “Chúng ta sẽ xử lý tốt việc ấy.”

“Vâng, chúng ta chắc chắn sẽ xử lý tốt việc ấy.”

“Cho đến nay đã có bao nhiêu người được hồi hương?” anh ta hỏi.

Tôi không thể tin vào tai mình! “Chưa bao giờ nghe nói có ai được hồi hương.”

“Thư từ đến thế nào rồi?”

“Đừng nói đùa, Jerry. Chúng tôi không nhận được thư từ nào ở đây cả.”

“Được rồi, đừng lo, chúng ta sẽ xử lý tốt việc ấy.”

Jerry và tôi trò chuyện và hát hò. Anh ấy

thích tôi huýt sáo cho anh ấy nghe. Thỏ đã làm chúng tôi khốn khổ vì chuyện giao tiếp. Tôi bảo hẳn rằng chúng tôi phải nói chuyện với nhau; ở đó chẳng còn gì khác để làm. Rồi hẳn nói một cách dứt khoát: “Anh tuyệt đối không được nói hay phát ra bất kỳ âm thanh nào; anh chỉ được ngồi và suy ngẫm về tội ác của mình đối với người Việt Nam!”

Vài ngày sau, khi trở về sau cuộc thẩm vấn, Denton nói: “Larry, bọn chúng thực sự đang truy đuổi tôi. Anh đã nói gì với chúng để chúng thỏa mãn vậy?”

“Tôi không nói gì với họ cả.”

“Làm sao anh tránh trả lời câu hỏi của họ?”

“Thôi thì, đừng trả lời. Cho biết tên, cấp bậc và số hiệu của anh.” Jerry nói được, anh ấy sẽ giữ nguyên.

Ngày hôm sau, anh ấy lại hỏi, “Larry, chắc hẳn anh đang làm ăn tốt với họ. Ít nhất anh không thể gợi ý cho tôi một chút sao?”

“Thôi thì, dù anh có làm gì đi nữa, tôi cũng sẽ không nói với họ bất cứ điều gì về gia đình anh. Không ai biết được lũ khốn nạn này sẽ làm gì, hay chúng có thể nhờ ai đó ở Mỹ làm gì cho chúng. Chó đã dọa tôi điều đó rồi.”

“Ôi, Chúa ơi.” Jerry có vẻ lo lắng. “Tôi đã nói với họ tất cả những điều đó rồi. Anh có thể cho tôi thêm lời khuyên nào không?”

“Đừng lo, Jerry. Tôi đã nói với anh là tôi cũng không ổn lắm. Tôi đã nhịn ăn gần sáu tuần nay rồi, và tôi đã bị nhốt trong những cái cùm chân thoải tha này hơn hai tuần rồi.”

“Cùm chân! Ý anh là gì?”

“Anh biết đấy, hàng tồn kho. Trong phòng anh không có hàng tồn kho sao?”

“Không. Ý anh là anh đang ở trong đồng hàng tồn à?” Anh ta nghe có vẻ không tin.

“Ừ, chắc chắn rồi!” Tôi cảm thấy tinh thần của Jerry đang tụt dốc không phanh. Anh ta không hề biết tình hình của tôi vì tôi chưa nói cho anh ta biết. Như tôi đã nói, tôi cần Jerry mạnh mẽ vì cả hai chúng tôi, nhưng tôi nghĩ tiết lộ của tôi đã làm anh ta mất hứng.

Jerry cũng hành xử y hệt tôi trong những tuần đầu bị bắt. Cả hai chúng tôi đều muốn làm tốt đến mức làm quá lên. Chúng tôi muốn bảo chúng cút xuống địa ngục hoặc vứt nó đi. Tôi thậm chí còn chế giễu một số câu tuyên truyền trẻ con mà chúng cố dùng để thuyết phục tôi về “suy nghĩ sai lầm” của chúng tôi. Người Mỹ chúng tôi khởi đầu rất cứng rắn và đôi khi còn cảm thấy tội lỗi nếu không bị tra tấn! Không cần phải thúc ép... Chúng sẽ làm theo ý chúng thôi. Có lẽ nếu có cơ hội làm lại từ đầu, chúng tôi đã tránh được rất nhiều đau khổ bằng cách dùng lý trí thay vì cảm

xúc. Denton đang suy sụp, vì vậy chúng tôi cố gắng động viên nhau bằng những câu chuyện phiếm vô nghĩa.

Vài ngày trôi qua. “Larry, tôi đã nghĩ về chuyện này ba ngày rồi, nhưng vẫn chưa hiểu ra. Làm sao anh có thể đi vệ sinh khi bị còng tay?”

“Ôi trời, chuyện dài dòng lắm. Anh không muốn nghe đâu.”

“Ừ, tôi rất tò mò. Làm sao anh làm được vậy?”

Tôi giải thích một cách dài dòng về cách làm được điều đó, mặc dù tôi chỉ mới làm có một lần.

“Vậy thì anh muốn biết tất cả những điều đó để làm gì?”

Lần đó Jerry quả thực đã làm tôi bất ngờ. Tên V đã chuyển hẳn vào một buồng giam gần tôi hơn và cũng được trang bị cùm chân, nhưng Jerry thậm chí còn không hề nhắc đến. Chắc anh ta cũng không muốn tôi nghĩ anh ta là một thằng hèn.

Thoát khỏi xiềng xích và kiếm chút thức ăn tử tế là ưu tiên hàng đầu của tôi. Tôi tự nhủ rằng dù người thẩm vấn có nói gì đi nữa, tôi cũng phải giữ bình tĩnh và kiên nhẫn hết mức. Lần ra ngoài tiếp theo của tôi là với Thỏ. Hẳn nhìn chăm chăm rất lâu, và tôi cũng nhìn

lại, lần đầu tiên hiểu ra tại sao hăn lại được gọi là “Thỏ”. Cúi xuống bàn, tôi thấy tai hăn vểnh ra, má hăn sừng húp, và môi dưới hơi nứt. Trông hăn cũng giống một con thỏ thật!

Hăn nhắc tôi nhớ rằng tôi đã ở đó một thời gian dài mà không có bất kỳ “đồng bọn” nào để nói chuyện, và hăn hiểu rằng tôi hăn rất cô đơn.

Thật tự nhiên khi hăn nói “Tôi biết ở một mình rất khó. Mọi sinh vật đều muốn ở bên nhau, ngay cả bò, ngựa nữa.

Phải, cả gà nữa.”

Khi hăn nói vậy, mặc dù tôi đã quyết tâm không làm vậy, tôi vẫn buột miệng. Tôi buột miệng, “Gà! Gà cũng cô đơn sao? Sao anh lại nghĩ đến chuyện vớ vẩn như vậy?”

Hăn nhảy dựng lên và lén ra cửa, liếc xéo tôi với vẻ giận dữ.

Rồi lại đến lượt Chó. Có lần hăn hỏi: “Anh đã từng đến vùng này chưa, có lẽ là trong cuộc chiến chống Nhật? Chúng ta có cùng chiến đấu với kẻ thù không?” Ban đầu tôi phủ nhận, nhưng giờ, vì quá thèm ăn, tôi nghĩ mình nên tiết lộ một chút về chiến tranh Thế chiến II, nên tôi nói: “Thực ra tôi đã ở đây vào năm 1944 và đã góp phần giúp các anh đánh đuổi quân Nhật khỏi đất nước anh.”

Sau đó, Chó kể về việc lực lượng của Hồ

Chí Minh tiến vào Đông Dương từ Nam Trung Quốc về Hà Nội dọc theo tuyến đường sắt Lạng Sơn. Tôi ngậm chặt miệng vì đó chính xác là khu vực mà phi đội Trung Quốc của tôi đang hoạt động với những chiếc P-51 Mustang. Phần lớn mục tiêu được giao cho chúng tôi là hỗ trợ người Pháp ở Đông Dương. Tôi có cảm giác khó chịu rằng hầu hết những người chúng tôi bắn lúc đó không phải là người Nhật, mà là Việt Minh của Hồ Chí Minh. Người Pháp đã bắt chúng tôi làm việc bắn thủ cho họ!

Chó kết thúc chủ đề bằng câu: “Chuyện đã lâu lắm rồi, giờ không cần phải lo lắng nữa.” Tôi không thể dễ dàng gạt bỏ nó, mặc dù nỗ lực nói chuyện hợp lý với anh ta thậm chí còn chẳng mang lại cho tôi một quả chuối hạnh kiểm tốt.

Trở lại với gông cùm, tâm trí tôi lại trôi về những ngày tháng ở Trung Quốc. Tháng 3 năm 1945, chúng tôi được thông báo rằng chính quyền Vichy Pháp ở Hà Nội không còn hòa thuận với người Nhật nữa, và đã có một số cuộc giao tranh. Chúng tôi không thể đoán được tại sao người Pháp lại làm đảo lộn cuộc chơi vào phút chót như vậy, nhưng có lẽ chính là làm đảo lộn cuộc chơi. Tin tức từ châu Âu cho biết Đức đã hết thời. Có lẽ phe

Vichy nghĩ rằng đã đến lúc tích cực chống lại người Nhật và giành được vị thế có ảnh hưởng hơn trong số các cường quốc Đồng minh trong việc giải quyết chiến tranh. Dù lý do là gì đi nữa, đó là một tính toán sai lầm bi thảm, bởi vì người Nhật đã đối phó với họ một cách tàn bạo.

Vài chục lính lê dương Pháp, hộ tống phụ nữ và học sinh Pháp, đã đến Poh-sei, căn cứ không quân nhỏ của chúng tôi ở biên giới Hoa Nam. Chúng tôi được biết người Pháp đang chạy trốn từ khắp khu vực Hà Nội bằng bất kỳ phương tiện nào có thể, thậm chí là đi bộ.

Một trung sĩ, tên là Jacques, nói với chúng tôi rằng anh ta không hiểu nổi sự biến động đột ngột ở Đông Dương, nhưng theo anh ta, người Pháp đã bị cuốn trôi xuống đó, rằng giữa quân Nhật và Cộng sản Đông Dương, đã đến lúc phải rút khỏi nơi đó. Nghe có vẻ như đám lính lê dương là một lũ đào ngũ, và Jacques chẳng quan tâm đến bất cứ điều gì khác ngoài sự an toàn của bản thân.

Ngày hôm sau, nhiệm vụ đầu tiên theo lịch trình của chúng tôi để giúp người Pháp là một phi đội Mustang ném bom một tu viện cũ, nay là doanh trại của lính Nhật. Mục tiêu là Sứ mệnh Michet, nằm gần Lạng Sơn.

Chúng tôi cất cánh, Al Johnson dẫn đầu phi đội và Dick Drake bên cánh. Phi công phụ của tôi là Bob Wardle. Chúng tôi mang theo một cặp bom nổ chậm nặng năm trăm pound và một lượng đạn đầy đủ. Lái chiếc Mustang K thật là thích thú. Cảm giác như có thể quất cả thế giới vào nó vậy. Tôi không biết mũi cá mập sơn của chúng tôi có làm ai sợ không, nhưng trông chúng thật sự rất ngẫu và khiến chúng tôi cảm thấy rất tuyệt. Nhiệm vụ ném bom nhảy dù của chúng tôi đã thành công vang dội, và Nhiệm vụ Michet đã đi vào lịch sử. Chúng tôi thực hiện một vài đợt oanh tạc dữ dội để gây thêm khốn khổ cho quân Nhật rồi quay trở lại Poh-sei. Vài giờ sau, chúng tôi nhận được báo cáo cho biết đã tiêu diệt được năm trăm lính Nhật.

Trong nhiệm vụ tiếp theo, chúng tôi chuyển hướng đi quan sát một khu vực nằm sâu phía nam con sông, trên địa hình bằng phẳng gần bán đảo Lô Châu (Liu-chow). Chúng tôi bắt gặp một đám đông hàng ngàn người trông giống người Trung Quốc, tất cả đều mặc đồ xanh. Một cảnh tượng kỳ lạ, không xe cộ, không vũ khí, chỉ là một đám đông đang tụ tập, và chúng tôi không thể hiểu họ đang làm gì. Chúng tôi bay thấp vài lần nhưng không bắn một phát súng nào. Tôi đã suy ngẫm về

cảnh tượng đó nhiều ngày. Lúc đó tôi không biết, và thực sự không bao giờ biết cho đến khi Chó thông báo cho tôi, rằng Nam Trung Quốc là khu vực huy động lực lượng Việt Minh của Hồ Chí Minh!

Tôi đang ở đây, bị xiềng xích trong một xà lim ở Hà Nội, và tôi chợt nhận ra rằng những gì Chó nói với tôi hoàn toàn trùng khớp với những gì tôi đã tận mắt chứng kiến ở Nam Trung Hoa hai mươi năm trước - một phần trong quá trình Hồ Chí Minh tổ chức cán bộ ban đầu cho một nước Việt Nam Cộng sản!

Giọng nói của Denton kéo tôi trở về thực tại.

“Larry, kiến bò khắp người tôi.”

“Trời ơi! Sao lại thế này?”

“Họ đưa cho tôi một miếng cá có rươi một loại nước sốt ngọt nào đó. Tôi dùng tay nhặt lên, và khi ăn xong, tôi lau chúng bằng khăn.” Không thể tránh khỏi, lũ kiến đã bu đầy vào. Tội nghiệp Jerry!

Mặt Đá dẫn tôi ra khu vực nhà vệ sinh. Trên đường đi, hắn chỉ vào một tấm gỗ dài, dày, ra hiệu cho tôi nhặt lên để di chuyển. Đó là một miếng gỗ Á Đông màu đen, nặng như xi măng. Tôi cố nhấc nó lên nhưng không giữ được thăng bằng, và ngã ngửa ra sau, suýt nữa thì nó rơi xuống đất. Tim tôi đập thành thịch, tai tôi cũng vậy. Tôi cố gắng nhưng

không thể nhắc nó lên. Mặt Đá đang cố gắng tìm hiểu xem tình trạng của tôi có tệ như vẻ ngoài không. Hắn nhốt tôi trong nhà vệ sinh và bỏ mặc tôi ở đó một lúc lâu. Tôi tìm thấy một mảnh giấy của Smitty Harris. Trên đó viết: “Vì Chúa, Larry, làm ơn trả lời chúng tôi.” Tôi nhúng một que diêm đã cháy và kể cho hắn nghe chuyện đã xảy ra trước khi tôi bị bắn hạ: “Smitty, vợ anh vẫn ổn, có bạn bè, con trai anh đã chào đời.” Tôi để lại mảnh giấy ở chỗ giấu mà tôi đã tìm thấy mảnh giấy kia. Trở lại phòng giam, tôi quyết định cho Mặt Đá xem vết sẹo từ rốn đến xương ức. Phần lớn dạ dày của tôi đã bị cắt bỏ vào tháng 1 năm 1961 do xuất huyết nội nghiêm trọng do loét dạ dày. Nếu Mặt Đá có chút xiu đồng cảm nào, tôi sẽ sớm biết thôi. Biết đâu hắn sẽ truyền đạt lại và mang cho tôi thứ gì đó tử tế để ăn.

Thở gọi tôi ra, nhìn vết sẹo của tôi và nói, “Bên anh tuyệt vọng đến mức gửi người lên đây mà không có dạ dày à?” Hắn rời khỏi phòng một lúc, và khi hắn rời đi, tôi đã lấy trộm một cây bút chì từ chồng bút chì hắn để trên bàn.

Khi vào phòng giam, tôi kể cho Jerry nghe việc tôi đã làm. Hắn bảo tôi giấu cây bút chì trong bồn cầu để hắn có thể cắt nó bằng lưỡi

dao lam mà hẩn tìm thấy. Anh ấy muốn cung cấp thông tin cho mấy cậu trai, vì anh là người thâm niên nhất.

Đã lâu lắm rồi tôi chưa ăn gì, đầu óc quay cuồng, và tôi quá yếu để ngồi dậy. Tâm trí tôi đang nghĩ những điều kỳ lạ. Lớp sơn bong tróc trên bức tường phía xa, với tôi, tạo nên một bức tranh rất rõ nét về Thánh Tâm Chúa Jesus, dù có gai nhọn, và tôi đã nói chuyện với Ngài suốt. Nghĩ lại thì tôi thấy thật điên rồ, nhưng vào thời điểm đó, nó rất có ý nghĩa.

Smitty Harris, người ở trong một phòng giam lớn với Bob Shumaker, Phil Butler và Bob Peel, đã gửi cho chúng tôi một tin nhắn giải thích về một loại mã có thể được sử dụng để giao tiếp bằng cách gõ vào tường, nếu cần thiết. Harris nói rằng anh ấy đã tình cờ nhận được mã này trong một cuộc trò chuyện thông thường với một người hướng dẫn trường sinh tồn, người nói rằng mã này đã được sử dụng trong Nhà tù Sing-Sing. Cả Smitty Harris và chúng tôi đều không nhận ra rằng đây sẽ là thông tin cứu sống và cứu tinh quý giá nhất mà bất kỳ tù nhân nào đóng góp trong suốt những năm chúng tôi ở đó. Bảng chữ cái mã gõ được sắp xếp thành năm hàng và năm cột, bỏ chữ K và sử dụng chữ C khi cần. Hệ thống chỉ sử dụng các dấu chấm

(hoặc gõ đơn), không có dấu gạch ngang như mã Morse.

Cột

1 -2 -3 -4 -5

Hàng: 1... A-B-C-D-E

2... F-G-H-I-J

3... L-M-N-O-P

4... Q-R-S-T-U

5... V-W-X-Y-Z

Gõ đầu tiên biểu thị hàng, gõ thứ hai biểu thị cột. Mỗi chữ cái cần hai lần gõ. Ví dụ chữ A:

1 lần gõ (hàng đầu tiên), dừng lại một chút,
1 lần gõ (chữ cái đầu tiên trong hàng).

Chữ H:

Gõ 2 lần (hàng thứ hai), tạm dừng,

Gõ 3 lần (chữ thứ ba trong hàng).

Tôi mới biết Denton là một người siêng năng đến mức nào. Với mẫu bút chì bị cắt, anh ta viết lên một tờ giấy vệ sinh những gì liên quan đến một kế hoạch hành động. Sau đó, anh ta giấu nó trong một cuộn giấy sắt trong nhà vệ sinh. Khi mỗi người chúng tôi ở Làng New Guy có cơ hội, chúng tôi đều xem xét nó. Kế hoạch của Jerry mô tả “tình hình” và nhu cầu lập kế hoạch thoát hiểm. Tôi cảm thấy việc viết những điều này ra giấy là quá mạo hiểm và hoàn toàn không cần thiết. Mọi người đều biết rõ Quy tắc Ứng xử như Jerry. Tôi đã nói

với anh ta như vậy, nhưng anh ta vẫn nghĩ rằng việc công bố các chỉ thị là cần thiết.

Với mẫu bút chì, tôi viết một lời nhắn nhủ, tương tự như lời nhắn tôi đã tìm thấy trước đó. Tôi hy vọng nó sẽ có tác dụng tốt đối với người tiếp theo sẽ chiếm giữ phòng giam của tôi. Tôi thêm một câu cuối vào lời nhắn để trấn an người Việt Nam, phòng khi họ phát hiện ra:

“Xin chào - Người Việt Nam không đối xử tệ với anh đâu. Hãy tin tưởng vào Chúa và cầu nguyện. Vài tuần ở đây trong khi anh bị thẩm vấn. Đừng lo, cứ cố gắng hết sức. Người Việt Nam về cơ bản là những người chăm chỉ và tử tế. Bạn Yank ạ.” Tôi biết chữ V đã đọc được nó, nhưng câu cuối cùng đã khiến họ tránh xa tôi, bởi vì nó cho thấy ít nhất tôi cũng tôn trọng họ. Họ không bao giờ lấy tờ giấy nhắn khi tôi chiếm giữ phòng giam đó.

Trong một tin nhắn từ nhóm Harris, tôi được biết mình là người thứ mười một bị bắt, và lúc này có khoảng hai mươi người trong chúng tôi ở Hà Nội.

Sự kết hợp giữa tình trạng thể chất yếu kém, môi trường làm suy sụp tinh thần, và sự không chắc chắn về thời gian chúng tôi sẽ phải chịu đựng trong tù, khiến tôi phát điên. Bao lâu? Bao lâu? Các chính trị gia của

chúng tôi đã nói rằng chúng tôi sẽ ở lại Đông Nam Á trong mười bảy năm tới nếu cần thiết! Tên Nhóc Tốt Bụng nói rằng Hồ Chí Minh đã nhiều lần tuyên bố, “Chúng ta sẽ chiến đấu năm, mười, hai mươi năm hoặc lâu hơn nữa!” Thật là những suy nghĩ kinh khủng! Chúng tôi phải tìm những điều tốt đẹp hơn để nghĩ đến.

Tâm trí tôi trôi dạt từ suy nghĩ hoang đường này sang suy nghĩ hoang đường khác. Bất động, mất hết khái niệm về thời gian và không gian, tôi cảm thấy mình tách biệt khỏi thực tại. Tôi nhớ mình đã lơ lửng trên những đám mây mỏng manh, mơ về rất nhiều người bạn đã mất trong quá khứ.

Tiếng cửa phòng giam bằng thép mở ra làm tôi giật mình tỉnh lại. Mặt Đá đẩy cửa, và chính Thỏ bước vào. Đứng cạnh cùm, hắn nói: “Dù người vẫn chưa tỏ ra hối hận về tội ác của mình đối với người Việt Nam, vì bệnh tình của người, chúng ta quyết định sẽ đối xử nhân đạo với người, nhưng chỉ trong một thời gian thôi [hắn giơ ngón trỏ lên như cảnh cáo tôi]. Lính canh sẽ đưa người ra khỏi xiềng xích và cho người ăn. Cứ tiếp tục suy ngẫm.”

Hắn bỏ đi, và Mặt Đá thả tôi ra khỏi bệ đá, chỉ vào bụng tôi, ý nói, “Đó là lý do tại

sao anh phải ra ngoài.” Tôi im lặng. Cảm thấy nhẹ nhõm, tôi ngồi xuống sàn và nhìn chăm chăm vào Thánh Tâm Chúa Jesus.

Giờ ăn đã đến, và đồ ăn đã có thể ăn được. Tôi bắt đầu ăn ngẫu nhiên, gần như nuốt trọn từng mẩu thức ăn trong hai chiếc đĩa thiếc. Có bánh mì, súp bí ngô và một đĩa bí luộc ăn kèm, với thịt gà giã nhuyễn và xương. Nó có một lớp mỡ trên đó, nhưng với tôi nó ngon như bữa tối ở Waldorf. Tôi không hề nghĩ rằng bốn mươi bảy ngày gần như không ăn gì lại có thể khiến dạ dày tôi teo lại. Tôi như một đứa trẻ vừa mới uống hết ba lon kem sô-cô-la!

Dĩ nhiên là tôi bị ốm ngay lập tức, với những cơn co thắt dạ dày dữ dội, sau đó là một cơn tiêu chảy cấp tính không thể tránh khỏi.

Dù vậy, mỗi bữa ăn, tôi đều cố gắng ăn nhiều nhất có thể. Tôi ốm yếu suốt một tuần, phần lớn thời gian chỉ nằm trên sàn xi măng mát lạnh. Thở gọi tôi ra một lần, nhưng tôi gần như không thể ngồi vững trên chiếc ghế gỗ, nên anh ta cho tôi quay lại.

Cuối tháng Tám, tôi cảm thấy khá hơn. Trời mưa rất to vào tháng Bảy và tháng Tám, thời điểm cao điểm của mùa mưa, và tôi được biết người Việt Nam đã ngừng thăm vấn vì lính canh không muốn bị ướt khi đưa tù binh đi

qua lại. Trời luôn yên bình khi mưa; không ai làm phiền bạn, và tiếng mưa rơi như một liều thuốc xoa dịu tâm trí rối bời của tôi. Cho đến tận bây giờ, tôi vẫn đặc biệt yêu thích những ngày mưa.

CHƯƠNG SÁU BỨC TƯỜNG ĐEN

 êm cuối cùng của tháng Tám, khi tôi nằm trên sàn nhìn chăm chăm lên trần nhà và ngắm nhìn lũ tắc kè đuổi ruồi, Mặt Đá bước vào và ra hiệu cho tôi cuộn đồ đạc lại trong một tấm chiếu cói. Sau đó, hắn kẹp chặt nó dưới cánh tay tôi, bịt mắt tôi lại và dẫn tôi ra khỏi phòng giam. Đường đi và trong những sân mà hắn dẫn tôi đi qua rất tối. Tôi chỉ có thể nhìn thấy được một chút bằng cách tháo miếng bịt mắt khỏi một mắt. Chúng tôi đang đi qua một khu vực trông giống như máy móc. Tim tôi đập nhanh; tôi sợ hãi. Có lẽ Phil Butler đã nói rằng có một khu vực trong trại giam có dụng cụ tra tấn. Trí tưởng tượng của tôi bay bổng.

Đó là một quãng đường dài, và tôi nghi ngờ Mặt Đá đang cố gắng làm tôi bối rối bằng cách dẫn tôi đi vòng quanh. Cuối cùng, hắn kéo miếng bịt mắt xuống và tôi nhìn lên qua

một cánh cửa thép và thấy chữ L; khu giam L là nhà mới của tôi. Bên trong, tôi có thể thấy ba hoặc bốn cánh cửa phòng giam. Hẳn dẫn tôi đến cánh cửa cuối cùng, mở nó ra, rồi đẩy tôi vào trong. Anh ta chỉ vào những sợi dây nhỏ ở góc giường xi măng và bảo tôi nên giăng mùng, và tôi đã giăng mùng. Mặt Đá đặt ngón tay lên môi, ngụ ý: “Im lặng tuyệt đối.” Anh ta khóa cửa, mở cửa sổ nhìn ra ngoài rồi bỏ đi.

Lũ muỗi bu đầy. Tôi nhanh chóng chui xuống dưới lưới, rồi nhìn vào phòng giam của mình. Nó rộng khoảng hai mét vuông, có hai giường xi măng, mỗi giường nằm trên một bức tường bên. Khoảng trống rộng hai mươi inch (6cm) và dài hai mét giữa hai giường là tất cả không gian đi lại. Phòng giam giống như một giếng thang máy, cao khoảng sáu mét. Một cặp cửa sổ hẹp, được che bằng lưới thép, bắt đầu cao khoảng bốn mét (16,6 feet) tính từ sàn nhà. Một bóng đèn mờ mờ sáng lên trong những giờ tối.

Tôi nằm xuống, cố gắng không chạm vào lưới bằng bất kỳ bộ phận nào trên cơ thể, vì lũ muỗi hút máu sẽ nhanh chóng chích tôi khi tôi chạm vào.

Ngay bên ngoài, lũ lợn khịt mũi và loạng choạng chạy quanh sân ướt, nước chảy liên

tục; tôi không thể nhìn thấy gì, nhưng nghe thấy tiếng động suốt đêm. Có lần tôi đứng dậy, đi đến lỗ nhìn trộm và hét lên, “Có ai ở đây ngoài tôi không? Trả lời tôi nếu nghe thấy tôi nói.” Không có phản hồi. Đêm đó tôi không ngủ được nhiều - tôi quá lo lắng về những gì có thể xảy ra tiếp theo.

Sáng hôm sau, tôi nghe thấy tiếng chuông báo giờ, mỗi ngày vào lúc sáu giờ sáng, mười hai giờ trưa và sáu giờ chiều. Tôi quăng lưới xuống và chờ đợi. Có một khu vực làm việc nào đó gần đó - tôi nghe thấy tiếng người ta đập vào tấm kim loại, rồi giũa hoặc cưa các cạnh. Tiếng kêu rít rất lớn và được khuếch đại rất nhiều bởi hình dạng của buồng giam hình ống của tôi. Âm thanh dội khắp phòng và dội vào tai tôi hàng giờ liền. Tiếng lộn kêu ngày càng to. Chúng khịt mũi, kêu ré lên, gầm gừ, xì hơi, ỉa ra nước. Tôi thậm chí còn nghe thấy tiếng chúng ị! “Tiếng ồn khủng khiếp này có kéo dài liên tục không nhỉ?” tôi tự hỏi. “Không biết mình có chịu đựng được lâu không.” Thật sự rất căng thẳng, mà tôi thì chẳng còn đủ bình tĩnh để làm gì.

Một lính gác mới mang thức ăn đến, và khi hắn đặt nó xuống giường tầng xa nhất, một đàn kiến đói lao ra từ dưới chân xà lim và tràn vào những chiếc đĩa thức. Chúa ơi!

Tôi nhanh chóng lắc mấy cái đĩa trên nền xi măng, và chúng nhảy xuống. Tôi đặt một miếng đậu phụ chiên gần mấy khối gạch để chúng có thể nhai trong khi tôi ăn bánh mì và đậu phụ.

Trong lúc ăn, tôi giật mình khi thấy hai con chuột nâu nhanh như chớp chạy quanh xà lim và giữa hai chân tôi để tìm thức ăn. Chúng chui vào dưới cửa, khe hở khoảng bảy phân ở dưới.

Người gác cổng ra hiệu cho tôi đổ phần thức ăn còn lại vào xô, và tôi nhận thấy một vài điều. Khi sử dụng, cùm chân sẽ được khóa cố định bằng cách luồn một thanh sắt qua một khe hở trên tường từ bên ngoài xà lim. Khi đẩy hết cỡ, cùm sẽ khóa chặt nửa trên và nửa dưới của cùm lại với nhau.

Xung quanh chân hành lang ngoài có một rãnh rộng sáu phân khoét xuống sàn. Khi tù nhân bị nhốt trong cùm phải đi ngoài, họ ngồi trong đó cho đến khi người quản giáo hoặc tù nhân khác vào xả nước ra khỏi xà lim. Chất thải sẽ chảy qua các rãnh và ra sân. Mặc dù Hà Nội cách biển 90 dặm, nhưng độ cao của nó bằng không. Thành phố luôn có nguy cơ ngập lụt trong mùa mưa, và thành phố thực sự nổi trên phân.

Ngay bên ngoài hành lang là một sân tập

thể đục, nhưng gần như không thể bước ra ngoài được, vì mặt đất phủ đầy phân chuột khổng lồ đến chín mươi phần trăm. Tôi không nghĩ lũ chuột nâu có thể nhận công cho việc này; đồng phân quá lớn. Ngoài ra còn có một bồn chứa nước tắm mở rộng 189,3 lít (50 gallon), dẫn vào bằng một ống tre. Tôi có thể dễ dàng nhìn thấy đáy bể đá, và nước trông trong vắt, sạch sẽ.

Tôi có thêm nhiều khách đến thăm phòng giam. Trườn xuống dưới cửa là hai con bọ cạp khổng lồ, giống hệt những con bọ cạp thường bò quanh “bô-phân”. Một trong những từ quan trọng nhất trong tiếng Việt, “bô” nghĩa là xô đựng phân. “Bô” là một phần rất quan trọng trong văn hóa Việt Nam, và người Việt Nam hiểu rất rõ bất cứ thứ gì liên quan đến phân. Chúng tôi không bao giờ có thể dùng câu cửa miệng “chúng nó chẳng biết gì cả, anh bạn ạ”, vì chúng biết mà! Lũ bọ cạp bò vào với ngòi chích dứng đứng, nhưng khi chúng cảm nhận được sự hiện diện của tôi, chúng lùi ra đường xi măng, nơi có lẽ có nhiều thứ để nhặt nhanh hơn.

Ánh sáng bên ngoài đã tắt từ ban ngày. Ngay cả ban ngày, phòng giam vẫn rất tối vì những ô cửa sổ nhỏ, cao không cho nhiều ánh sáng vào. Việc kiểm tra phòng giam chỉ càng

làm tôi thêm lo lắng. Nhiều người đã bị giam cầm trong cái nơi chật hẹp này hàng năm trời; một cuốn lịch từ những năm 50 cho thấy người tù nhân này đã ở đó chín năm! Trời ơi, thật kinh khủng! Năm nghiêng quay mặt vào tường, tôi đọc được dòng chữ khắc trên tường, “Mia Maria” - “My Mary” - do một người đàn ông cô đơn, đau khổ như tôi viết lên. Chỉ có Chúa mới biết ông ta sống ở đó bao lâu.

Hàng trăm con muỗi sống dưới những chiếc giường xi măng ẩm ướt. Tôi ngồi đung đưa chân và đập muỗi cho đến khi tay sưng tấy. Đột nhiên, tôi thấy một con chuột chân màng màu xám trắng khổng lồ thò đầu xuống dưới cửa. Nó to đến nỗi không thể chui qua khe cửa để vào phòng giam! Nó đánh hơi xung quanh, cho tôi thấy những chiếc răng nanh trắng dài cả phân, rồi quấy đuôi dưới cửa, vẫn cố gắng chui vào. Đuôi của nó dày hơn một phân! Không còn nghi ngờ gì nữa, chính con chuột này và lũ bạn của nó đã thải ra những bãi phân khổng lồ phủ kín sân ngoài. Thật là một sinh vật kinh tởm và đáng sợ! Tim tôi đập thình thịch, khó thở, dù tôi đã tự nhủ phải bình tĩnh và nghỉ ngơi.

Tiếng giũa kim loại cứ vang lên đều đều cho đến khi trời tối. Nước vẫn chảy, và lũ lợn

cứ ồn ào suốt 24 giờ một ngày. Tôi đã nghĩ mình sắp vượt qua giới hạn rồi.

Vài ngày khó khăn trôi qua, rồi một buổi sáng, đúng lúc trời vừa hửng sáng, tôi tỉnh dậy và hét lên hết cỡ. Tôi vừa thấy Evelyn khóc như thể trái tim cô ấy sắp vỡ tan. Ngay cả trong nỗi cô đơn tột cùng, tôi cũng không thể chịu đựng nổi ý nghĩ Evelyn khóc vì tôi, dù cô ấy ở cách xa cả một thế giới, và tôi chẳng thể làm gì cho cô ấy. Nước mắt cứ thế tuôn rơi, tôi rùng mình lạnh toát, dù đang đổ mồ hôi. Tôi quần chân quanh người. Rồi bức tường chết tiệt đằng xa kia bắt đầu dịch chuyển về phía tôi, và nó chuyển sang màu đen. “Trời ơi, mấy người này đang làm gì mình vậy?” tôi tự hỏi trong cơn hoảng loạn. “Chúng định đè bẹp mình bằng bức tường đó! Mình có thể đi qua bóng tối đó không? Không, đừng làm thế! Các người sẽ không bao giờ quay lại nếu đi qua đó! Hãy giữ bức tường đó lại!” Tôi chống hai chân vào giường tầng phía xa và hét lên trong hoảng loạn tột độ. Ngay lúc đó, tôi nhìn thấy người bảo vệ thân thiện đã đưa cho tôi chiếc chăn đêm hôm đó ở New Guy. Anh ta đang đứng ngay bên ngoài, nhìn qua khe hở. Mắt anh ta nhắm lại; Chúng chảy dài trên mặt anh. Anh thò tay qua song cửa sổ, ý bảo tôi chạm vào anh. Tôi

đã làm vậy, và cái chạm của anh, cái chạm của một con người khác, thật an ủi. Anh nán lại một lúc lâu, nhưng cuối cùng anh phải rời đi để làm nhiệm vụ. Tôi lại thấy cô đơn và hoảng loạn, nhưng ít nhất không còn cảm giác ngọt ngào nữa.

Người bảo vệ tốt bụng đã đến vài lần. Biết tôi sắp mất bình tĩnh, anh ta cố gắng động viên tôi. Có lần anh ta chỉ sang giường bên kia, ngụ ý tôi sắp có bạn. Lần khác, anh ta giơ năm ngón tay lên, ngụ ý tôi sẽ ngủ thêm năm lần nữa trước khi chuyển chỗ. Lần khác, anh ta ra hiệu xuống, xuống bằng cả hai tay, rồi úp mặt vào hai bàn tay nắm chặt, ngụ ý nằm xuống và ngủ. Anh ta đã cố gắng hết sức vì tôi, và tôi không muốn thấy anh ta rời khỏi khu giam giữ, nhưng sớm muộn gì anh ta cũng phải lo những việc khác.

Ngày hôm sau, vẫn còn đang trên bờ vực hoảng loạn, tôi nhận ra mình có thể viết một lời nhắn bằng cán thìa nhôm dưới đáy những chiếc đĩa thiếc tráng men. Tôi không biết nó có ích gì ngoài việc dọa chết khiếp bất kỳ người Mỹ nào nhìn thấy nó, nhưng dù sao tôi cũng đã viết, “L.G. ở gần Chúa trong các bãi nhốt gia súc. Hoảng loạn. Nơi tồi tệ, rất rất tồi tệ.”

Chiều hôm đó, tôi cuộn cả hai tấm chăn

bông lại và chất chúng lên trên các giá đỡ. Tôi nhón chân lên trên để xem có thể thấy gì ngoài cửa sổ cao. Tường trông dày khoảng một foot rưỡi (0,4572m), nhưng tôi cũng có thể nhìn thấy một cành cây còn lá. Đứng đó cho đến tận chiều muộn, gần tối, tôi cầu xin Chúa cho mưa, điều mà tôi cảm thấy bằng cách nào đó sẽ giúp tôi bình tĩnh lại.

Tôi nhìn lên cành cây, thầm thì: “Xin Chúa hãy cho trời mưa, chỉ một chút mưa thôi.” Tôi lặp lại câu nói đó nhiều đến nỗi nghe như một bài thơ nhỏ giản dị. Rồi tôi nghe thấy tiếng nhạc hòa quyện, thứ âm nhạc mà gần hai mươi lăm năm sau tôi vẫn còn nhớ như in. Không còn nghi ngờ gì nữa, tôi đã điên cuồng như một chiếc bánh trái cây trong câu tục ngữ.

Một chút mưa, Chúa ơi, cho con tối nay,

Một chút mưa, cho con đêm nay.

Một chút mưa, sẽ xua tan những đám mây đen trong tâm trí con,

Để con có thể nghĩ về Mẹ, về các anh em và tất cả những điều tuyệt vời con đã bỏ lại phía sau.

Một chút mưa, Chúa ơi, cho con tối nay,

Một chút mưa, cho con đêm nay,

Một chút mưa, sẽ xoa dịu trái tim tan vỡ cô đơn.

Sẽ có ngày mai, một ngày hạnh phúc với những âu yếm của người thân yêu.

Không bao giờ phải chia xa, không bao giờ phải chia xa, không bao giờ phải chia xa nữa.

Trong ánh sáng lờ mờ của buổi chiều tà, cảnh cây hiện ra, lặng im. Rồi tim tôi đập thành thịch. Cảnh cây rung lên! Ban đầu chỉ hơi rung, rồi đung đưa dữ dội. Gió nổi lên, và tôi cổ vũ nó. “Nhanh lên nào em yêu, hãy tận hưởng đi, anh biết nó sắp đến rồi, tận hưởng đi.” Một tia chớp dữ dội, rồi một tiếng sấm rền vang, và mưa bắt đầu trút xuống, không chỉ là một cơn mưa rào nhỏ mà là một trận mưa rào nhiệt đới thực sự. Tôi cảm thấy thật tuyệt vời... Tôi có thể cầu xin Ngài một điều và Ngài đã thực sự làm điều đó cho tôi! Tôi thư giãn đến nỗi cuối cùng cũng có thể nằm xuống và nghỉ ngơi thật sự. Trời mưa gần như suốt đêm, và tôi ngủ thiếp đi.

Tiếng phụ nữ gào thét hết cỡ thường lẫn át tất cả những âm thanh kinh hoàng khác. Đôi khi kéo dài hàng giờ, và nó chỉ càng làm tăng thêm nỗi lo lắng điên cuồng của tôi. Trời ơi, họ còn tra tấn cả phụ nữ của mình nữa! Những người Việt Nam này là loại người gì vậy? Tôi kinh hoàng. Những người phụ nữ này có thể đã làm gì? Họ là tù nhân chính

trị sao? Họ có trừng phạt những kẻ phạm tội thông thường bằng roi vọt hay tra tấn không? Phải mất nhiều năm tôi mới có được câu trả lời cho những câu hỏi đó. Giống như mọi thứ khác ở Bắc Việt Nam, mọi thứ chưa bao giờ như vẻ bề ngoài.

Một đêm nọ, khi đang dựa vào tường, tôi nghe thấy tiếng va chạm ở phía bên kia. Tim tôi đập thành thịch vì phấn khích! Tôi chăm chú lắng nghe mã gõ cửa nhưng không thể nghe thấy gì. Có một người đàn ông ở phòng giam bên cạnh, nhưng anh ta không cố gắng gõ cửa hay giao tiếp, anh ta chỉ đang chơi một trò chơi. Tôi không thể tưởng tượng được linh hồn tội nghiệp đó đã bị giam cầm khủng khiếp đó bao lâu. Trò chơi mà anh ta phát minh ra là gõ đầu vào tường theo nhịp điệu như - bum, bum... bum, bum, bum.

Rồi anh chàng bên kia tường được yêu cầu bắt chước nhịp va chạm và lặp lại. Trò chơi tiếp tục cho đến khi có người mắc lỗi, rồi lại bắt đầu lại từ đầu. Đơn giản đến đau đớn. Đi đến chỗ cái cửa sổ mở, tôi gọi, “Này, tôi biết anh ở đó, trả lời tôi đi.” Quả nhiên tôi nghe thấy những từ “allo allo.” Rồi anh ta khẽ khàng bắt đầu kể tên những thành phố lớn trên thế giới: “Thượng Hải, New York, Son-Fron-cis-co, Yoko-hama, Liverpool.” Tất

cả những thành phố anh ta kể tên đều là cảng biển. Anh chàng này chắc chắn là người của hàng hải; có lẽ anh ta là một thủy thủ bị kéo ra khỏi bến tàu ở Hải Phòng. Tôi hỏi anh ta vài câu cho đến khi nhận ra anh ta không nói được tiếng Anh. Tôi không bao giờ tìm ra tiếng mẹ đẻ của anh ta. Anh ta nói được vài từ tiếng Tây Ban Nha, tiếng Pháp, tiếng Ý, thậm chí cả tiếng Trung Quốc, và anh ta còn lẫn lộn chúng.

Chúng tôi im lặng một lúc. Rồi anh ta cất tiếng hát thật hay: anh ta hát tất cả những từ tiếng Tây Ban Nha trong bài “Siboney”, hay quá! Anh ấy thực sự đã vực dậy tinh thần tôi, một người để tôi có thể tâm sự, một người cùng cảnh ngộ. Rồi anh ấy bảo tôi hát bằng câu: “Bạn tôi ơi, hãy hát đi, hát đi, làm ơn!”. Anh ấy gọi tôi là “bạn tôi” và bảo tôi hát bằng tiếng Pháp, rồi dùng tiếng Tây Ban Nha để nói “làm ơn”. Tôi hát cho anh ấy nghe bài hát về mưa, và khi tôi hát xong, anh ấy vỗ tay rất to, và tôi rất vui.

Một đêm khác, chúng tôi nghe thấy tiếng pháo hoa hoặc có thể là tiếng bom từ xa. Siboney (tên mới của anh ấy) gọi từ loa, “Bạn tôi, bạn tôi.” Anh ấy rất phấn khích.

“Có chuyện gì thế, Siboney?”

“Boom Boom, *Meigua, Meigua feigei.*” -

Trời ơi, tôi đã không nghe thấy những từ đó kể từ những ngày ở Trung Quốc!

“*Meigua feigei*” nghĩa là “phi công Mỹ”! Siboney nói với tôi rằng ngoài kia đang có bom do phi công Mỹ ném! Thật phẫn khích khi nghĩ rằng phe ta đang đưa chiến tranh đến tận ngoại ô Hà Nội.

Siboney chưa bao giờ học tiếng Anh, nhưng khi tôi hát bài “Mưa”, cậu ấy sẽ hát theo giai điệu bằng cách dùng “la-las”. Cậu ấy rất thích thú với bài hát đó, và điều đó rất tốt cho cả hai chúng tôi về mặt tinh thần. Có những lúc tôi cảm thấy rất chán nản, tôi đã cố gắng giải thích rằng tôi không muốn hát, nhưng cậu ấy sẽ hỏi một cách thảm hại, “*Mon ami, por favor, por favor*” (Bạn tôi ơi! làm ơn, làm ơn), và tôi không thể từ chối cậu ấy.

Tôi vẫn còn một mẫu bút chì và vài trang giấy trắng từ những cuốn truyện mà Nhóc Tốt Bụng đã tặng tôi. Tôi đã viết lại tất cả lời bài hát của mình.

Khi tôi cẩn thận đứng trong sân giữa đồng phân chuột, tôi thấy nước xà phòng chảy xuống cống từ dưới một tòa nhà khác. Tôi gọi, “Có ai ở bên kia tường không?”

“Phải rồi, là tôi... Al.”

“Al là ai?”

“Alvarez.”

Trời ơi, tôi đã liên lạc được với người bạn hạ số một của chúng tôi, Trung úy Everett Alvarez! Tôi nhớ lại khi bản tin đưa tin anh ấy bị bắt vào ngày 5 tháng 8 năm 1964. Đại úy Ed Skowron nói, “Bọn Cộng sản đã bắt được một phi công Hải quân, chúng có người để chơi, và tôi thực sự thấy tội nghiệp cho tên khốn đó. Chúng ta sẽ phải theo dõi tin tức trong vài ngày tới. Bọn Cộng sản sẽ khiến anh ta đưa ra đủ loại tuyên bố giả dối. Chúng có cách.” Vậy là anh ta đã không bị hành quyết như McKamey đã nói ở New Guy. Anh ta đã ở đây!

Alvarez hỏi tên tôi. Tôi hỏi, “Anh nghĩ chúng ta có bao giờ thoát khỏi đây không?”

Để đáp lại, anh ấy hát, “California, chúng tôi đến đây!”

“Anh ta chắc hẳn là một người đàn ông tuyệt vời,” tôi nghĩ. “Anh ta đã ở đây hơn mười ba tháng, và anh ta vẫn còn rất nhiều hy vọng.”

Mặc dù tôi không nhớ chính xác số ngày tôi ở khu L, nhưng sau đó tôi xác nhận được rằng thời gian ở đó chưa đến hai tuần. Hai tuần ư? Giống như một cơn ác mộng vĩnh hằng hơn.

Phải mất vài tiếng đồng hồ sau khi trời tối, tôi mới nghe thấy tiếng cửa phòng giam mở

ra. Đại Bàng đứng đó. Nó chỉ vào tấm thảm lót sàn của tôi và nói: “Cuộn lên, chuẩn bị đi! Di chuyển ngay tối nay.” Tôi lại bị bịt mắt và bị dẫn đi theo một con đường vòng vèo.

Đại Bàng đẩy tôi vào một chiếc xe, tìm tôi đập thành thịch như thể nó đã nghe thấy. Nó nói: “Đừng lo, anh sẽ không bị thương đâu. Anh sẽ đến một nơi mới.”

“Tôi có gặp bạn bè ở đó không?”

“Ừm. Cậu có biết Quincy Collins không?”

“Hình như tôi có nghe tên anh ấy.”

“Anh ấy nói anh ấy biết cậu từ hồi ở Nhật. Anh ấy bị gãy tay, nhưng mọi người đã chăm sóc anh ấy rất tốt... Anh ấy nói anh ấy biết chơi piano và nhiều thứ khác nữa.”

“Tôi nghe nói anh ấy có chút năng khiếu.” Quincy là một trong những phi công trực chiến rất tài năng của tôi ở Itazuke, thuộc Phi đoàn 80. Anh ấy chắc chắn rất tài năng. Anh ấy có thể hát, nhảy, đọc những đoạn độc thoại hài hước và chơi được nhiều loại nhạc cụ. Anh ấy là một chàng trai Bắc Carolina, tốt nghiệp Học viện Citadel.

Đại Bàng bảo tôi leo lên một chiếc xe Jeep nhỏ, và chẳng mấy chốc tôi đã có thêm những người khác: Alvarez, Hayden Lockhart, và Trung úy Hải quân Phil Butler. Phil biết tôi đã hoàn toàn kiệt sức nên đã vươn tay ra

nắm chặt tay tôi, và cảm thấy thật dễ chịu, tôi cần điều đó! Anh ấy nói, “Đừng lo Larry, phe ta đang đánh chúng dữ dội khắp nơi, kể cả Hà Nội!”

Điều đó làm tôi giật mình, nhưng tôi không nói gì. Phil không biết chúng tôi đang ở Hà Nội sao? Anh ấy nghĩ chúng tôi đang ở nơi khác sao? Anh ấy chỉ nói vậy để tôi thấy dễ chịu hơn thôi sao?

Dù bị bịt mắt, chúng tôi vẫn có thể hé mắt ra đủ để nhìn thấy trăng sao, và chúng tôi biết mình đang đi về phía tây vào vùng nông thôn đồi núi, ước chừng khoảng ba mươi dặm. Chúng tôi dừng lại và được dẫn vào một khu nhà có nhiều tòa nhà, nhưng trời tối và khó mà nhìn rõ mọi thứ. Alvarez và tôi bị nhốt chung một phòng giam! Tôi có bạn đồng hành, và hơn thế nữa, tôi là người Mỹ đầu tiên mà Alvy nhìn thấy tận mắt trong mười ba tháng! Chúng tôi phấn khích đến nỗi trò chuyện rôm rả như hai chú chim ác là. Không gian im lặng đến mức tiếng nói của chúng tôi vọng thẳng đến tai Thỏ. Anh ta bước xuống và chiếu đèn pin qua cửa sổ có song sắt thẳng vào mắt tôi. “Im lặng! Nếu không anh sẽ bị phạt nặng đấy!” Khi nhìn thấy Alvarez đi cùng tôi, chắc hẳn vẫn muốn giam Alvy trong phòng biệt giam, nên đã cử người quản giáo

xuống, và Alvy được chuyển đến một phòng giam khác ở phía bên kia tòa nhà.

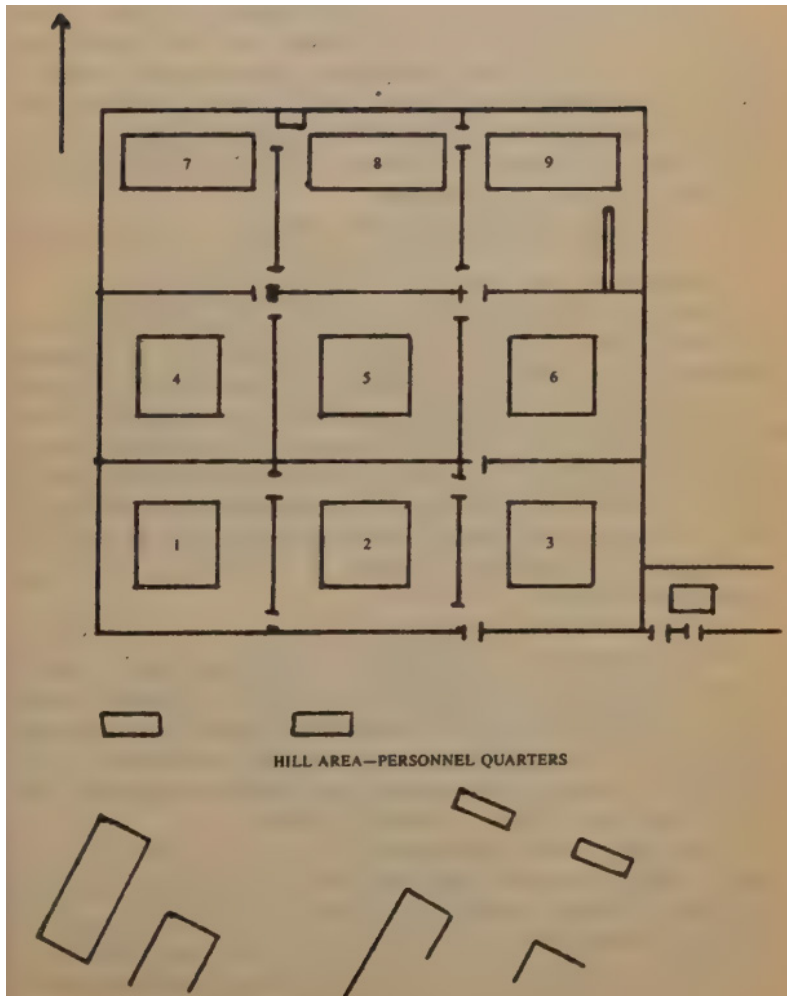
Không có đèn - trời tối đen như mực. Tôi nằm trên những tấm ván gỗ để nghỉ ngơi, nhưng gần như không chớp mắt được một chút nào. Vào ban ngày, tiếng gà trống gáy inh ỏi làm tôi giật mình. Nó đứng ngay bên ngoài cửa sổ và là con gà to nhất mà tôi từng thấy.

Cửa sổ phòng giam không có kính. Chúng được lắp song sắt và có cửa chớp, lúc nào cũng mở. Phòng giam của tôi nằm trong một tòa nhà bốn phòng giam, ở góc tây nam của một khu phức hợp gồm chín tòa nhà có tường bao quanh. Mỗi dãy phòng giam đều có tường bao quanh nên chúng tôi không thể nhìn thấy nhau qua những bức tường cao 12 feet (3,6576 mét).

Bên trong mỗi phòng giam đều giống nhau. Hầu hết được thiết kế cho hai người ở. Tường bên trong là xi măng sắc nhọn, lồi lõm. Chúng gồ ghề đến mức rất khó gõ mà không bị trầy xước đứt ngón tay. Tường cao khoảng 2,4 mét, và từ đó trần nhà hình vòm như nhà thờ. Ván giường và sàn nhà hầu như không bị mòn. Hai đầu ván giường là một khoảng trống rộng 1 mét x 2 mét. Tôi đoán các tòa nhà được xây dựng trước Thế chiến

BRIARPATCH

Ở vùng đồi thấp
40 dặm về phía Tây



II. Tất cả đều được nối đất chắc chắn bằng các cột thu lôi cao. Địa hình bên ngoài dốc xuống khá dốc về phía đông.

Cuộc diễu hành bắt đầu. Từng người một, từng người Mỹ mang theo xô vệ sinh, theo sát là một lính gác, đi qua sân trước nhà tôi. Quy định im lặng tuyệt đối vẫn chưa được thực thi nghiêm ngặt, nên khi đi ngang qua tôi, họ chào tôi và tự giới thiệu.

“Chào, tôi là Ron Storz. Larry, được ở gần để nói chuyện chẳng phải rất tuyệt sao?”

“Ron, tôi nhận được lời nhắn của anh rồi, nó giúp ích cho tôi rất nhiều.” Tôi rất ấn tượng với Storz, một chàng trai trẻ cao ráo, tóc vàng và rất đẹp trai.

“Chào Larry, anh còn nhớ tôi không? Smitty Harris của Sư đoàn 67.”

“Trời ơi Smitty, tôi xin lỗi, tôi không nhận ra anh.”

“Là do bộ râu chết tiệt này; tôi đã không cạo râu vài tuần rồi.”

Rồi Bob Shumaker, rồi Phil Butler và những người khác xuất hiện. Người cuối cùng xuống xe là Bob Purcell, bạn tốt của tôi từ Phi đội 12. “Percy” đã bạc tóc sớm. Thật đau lòng khi thấy anh ấy trượt chân trên con đường dốc, sỏi đá trong khi cố gắng điều khiển một cái xô vệ sinh gỉ sét không có quai, đầy ắp và

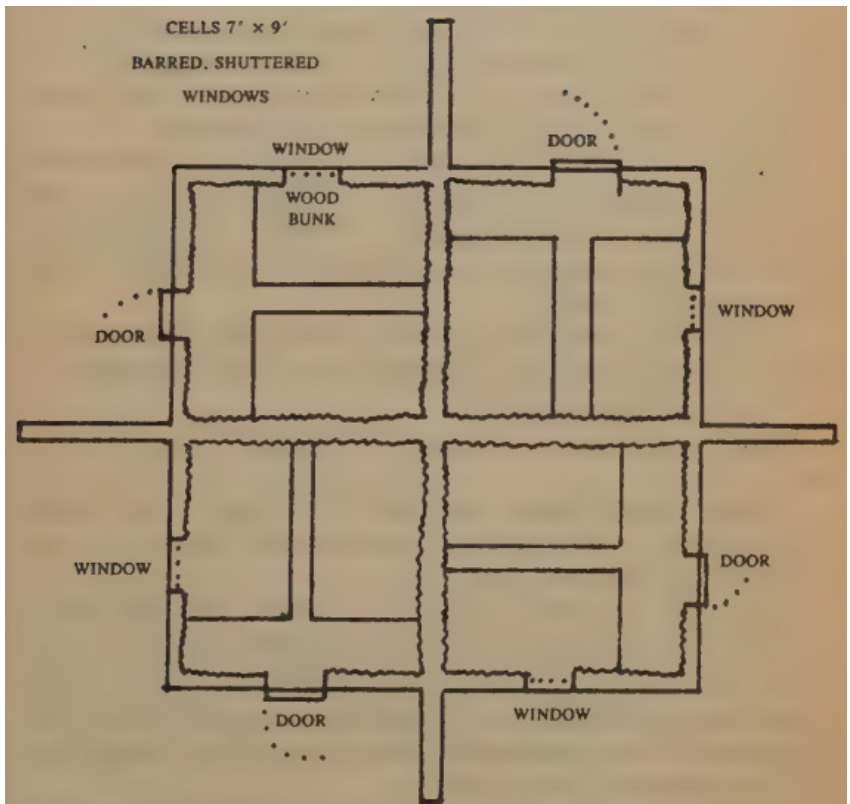
tràn ra tay. Tôi thấy thương Percy tội nghiệp. “Chào Larry, anh bạn già, ông trùm số một Hà Nội dạo này thế nào rồi?”

“Giờ đỡ hơn nhiều rồi, Percy, nhưng vẫn bị nhốt một thời gian.”

Tất cả rác thải đều bị vứt vào một góc sân; thậm chí còn chẳng có một cái hố nào dưới đất. Đây là cách làm điển hình của người Việt Nam. Họ vứt rác hoặc chất thải của con người vào một chỗ cho đến khi chất đống cao đến mức không thể đi vòng qua được. Sau đó, họ lại dọn đi và bắt đầu lại từ đầu. Tuy nhiên, có một điểm vệ sinh mà họ luôn duy trì. Bởi vì toàn bộ châu Á đã phải gánh chịu những trận dịch hạch giết chết hàng triệu người vào đầu những năm 1900, người châu Á đã học được rằng tất cả nước uống phải được lọc và đun sôi. Nước họ mang đến cho chúng tôi để uống luôn rất nóng.

Lính canh là những người lính ăn mặc rất rách rưới, và không phải thuộc hệ thống nhà tù dân sự. Một người trong số họ chỉ có một chiếc dép lê. Hầu hết đồ đi chân là dép cao su, để làm từ lốp xe cũ. Người lính canh thường xuyên ở trong khu nhà của tôi có biệt danh là Khủng Khiếp. Khuôn mặt ông ta rỗ nặng, và tóc thì loang lổ trên hộp sọ đầy sẹo. Có lần ông ta bỏ mũ ra, chỉ vào đầu và nói: “Bệnh tả”.

MỖI TÒA NHÀ 4 Ô



Tôi khó mà giữ cho đầu óc mình bận rộn. Tôi quyết định mình cần một “dự án tư duy” khó nhằn để rèn luyện trí óc.

Xi măng sắc nhọn bên trong tường và tường ngoài mở rộng giữa các phòng giam để ngăn tù nhân giao tiếp

“Dự án” đầu tiên của tôi là dự trữ đào đóng hộp, món khoái khẩu của tôi. Tôi phải đo đạc toàn bộ diện tích tường và dựng những kệ rộng 20 cm, cách nhau 20 cm. Sau đó, tôi phải tính xem có thể xếp bao nhiêu lọ mứt đào lên kệ. Tôi đã rất ngạc nhiên khi thấy có bao nhiêu lọ đào có thể nhét vừa vào một cái tủ 2,2 x 2,7 mét!

Chủ nhật vừa rồi, có người gợi ý rằng vào một thời điểm nhất định, chúng tôi sẽ cùng nhau cử hành thánh lễ nhà thờ, nhưng tất nhiên là trong các phòng giam riêng biệt. Chúng tôi đọc kinh Lạy Cha, rồi hát bài “The Star-Spangled Banner”. Cuối cùng, chúng tôi đọc lời tuyên thệ trung thành. Tôi ngờ rằng không ai trong nhà không rơi nước mắt, và tôi chắc rằng suy nghĩ của chúng tôi gần như giống hệt nhau, chủ yếu là với tư cách là sĩ quan quân đội Hoa Kỳ, chúng tôi muốn làm một công việc mà người dân sẽ tự hào. Chúng tôi rất tự hào về đất nước mình, và về nhau. Mỗi quan hệ của chúng tôi vốn đã rất khăng

khít, và qua những năm tháng khó khăn sắp tới, nó sẽ càng trở nên gấn bó hơn nữa.

Ngày hôm sau, chúng tôi nghe thấy tiếng máy bay. Tôi nhìn lên và thấy đầu máy bay F-4 đang thả bom đang lao về phía chúng tôi. Theo bản năng, tôi lao xuống tìm chỗ ẩn nấp. Những quả bom rơi xuống gần đó. Có người hét lên rằng họ đang định phá một cây cầu hay một con đập. Sau đó, Thỏ nói với chúng tôi rằng máy bay của chúng tôi đang nhắm vào một ngôi trường!

Một vài chiếc RF-101 bay vút qua, chụp ảnh ở độ cao rất thấp. Một ngày khác, ngày 15 tháng 9, chúng tôi thấy một phi đội F-105 đang tiến đến gần để tấn công. “Đó là người của chúng ta,” các cựu phi công F-105 tự hào tuyên bố. Sau cuộc đột kích, tôi gọi Smitty Harris xuống.

“Hôm nay tôi có những cảm xúc rất mạnh mẽ về Risner, và sĩ quan phụ tá tác chiến của anh - tên anh ấy là gì nhỉ? Ray gì đó.”

“Ý anh là Ray Merritt à?”

“Ừ, Ray Merritt - không hiểu sao tôi lại lo lắng cho hai người đó.”

Tôi nghĩ rất nhiều về Robbie Risner. Anh ấy là một người bạn thân thiết, và tôi đã cầu nguyện với Chúa hết sức mình để anh ấy không bao giờ phải trở thành “khách” ở Bắc Việt Nam.

(Điều tôi không biết là thực ra, phi đội F-105 mà chúng tôi thấy do Robbie chỉ huy, và vòm dù của anh ta đã bị bắn rơi, và Ray Merritt đã cùng bay trở về Korat. Sự thật còn kỳ lạ hơn cả hư cấu! Ngày hôm sau, 16 tháng 9 năm 1965, Trung tá Robinson Risner và Thiếu tá Ray Merritt đều bị bắn rơi và bị bắt!)

Trại Briar Patch rất khó duy trì vì nằm cách xa thành phố. Không có điện. Thức ăn chủ yếu là cơm, súp bí ngô, và thỉnh thoảng còn có một miếng cánh vịt dai đến mức không thể nhai được. May mắn thay, chúng tôi chỉ ở đó một tuần.

Một đêm nọ, chúng tôi được lệnh thu dọn đồ đạc để di chuyển. Chúng tôi lên xe buýt và lăn bánh trở về thành phố, đến một trại mới ngay ngoại ô Hà Nội. Tên tiếng Việt của nơi này là Cư Lộc, nhưng chẳng bao lâu sau, chúng tôi đã đặt cho nó một cái tên quen thuộc.

CHƯƠNG BẢY SỞ THÚ

 ọn lính canh đưa tôi vào một căn phòng góc của một tòa nhà cũ bỏ hoang. Tôi vút đồ đạc xuống sàn nhà trống trơn và cố gắng giăng mùng lên tấm thảm trải sàn. Vài phút sau, nhóm của Shumaker và một vài người khác cũng được đưa vào cùng tòa nhà.

Sáng hôm sau, tôi đánh giá lại tình hình. Nơi này không phải nhà tù và chưa từng được sử dụng làm nhà tù trước đây. Nếu họ định dùng nó làm nhà tù, thì cần phải sửa đổi rất nhiều để đảm bảo an toàn. Cửa sổ chỉ được che bằng ván và đóng đinh từ bên ngoài. Cửa ra vào có cửa chớp và khóa chặt. Việc đẩy cửa ra ngoài rất dễ dàng vì ổ khóa có thể mở ra một chút.

Nhóm Shumaker-Harris ở cách đó vài phòng và trò chuyện với tôi để giữ tinh thần. Chúng tôi đoán có khoảng hai mươi người ở đó. Tôi hỏi Shu tại sao họ lại tụ tập với nhau,

trong khi một số người trong chúng tôi lại ở một mình. “Anh nói gì với những người thẩm vấn để họ không quá bức mình?”

Shu kể rằng khi tình hình trở nên căng thẳng, họ đã tiết lộ một số thông tin cá nhân vô hại. Tôi nói với Shu rằng tôi cảm thấy mình đang giữ một ranh giới với V (Việt Công) mà thậm chí còn không tồn tại. Shu và Butler nói họ hiểu tại sao tôi lại cảm thấy như vậy, và rằng tôi cũng có những nỗi cô đơn, nhưng xét cho cùng, chúng tôi cùng chung một chiến tuyến và họ sẽ làm bất cứ điều gì có thể để giữ vững tinh thần của tôi. Có lẽ họ đã đưa ra phán đoán tốt hơn tôi, và tránh được hình phạt nặng nề bằng cách lùi bước, trả lời những câu hỏi tầm thường.

Nhìn sang bên trái, tôi thấy một hồ bơi cổ kính. Đây là một khu phức hợp điển hình do Pháp xây dựng, với những tòa nhà gạch trát vữa, mái ngói đất sét, giống hệt như ở Maroc thuộc Pháp. Nhà vệ sinh của trại, cạnh phòng tôi, là nơi xả nước cho tất cả mọi người. Vì vậy, khi ra khỏi tầm nghe của lính canh, mỗi người trên đường đến bãi rác đều nói chuyện với tôi qua ô cửa sổ đóng ván ở phía hành lang.

Tôi vẽ một cây thánh giá trên bức tường xa và vẽ những nan hoa xung quanh để tạo ra những tia sáng. Đây là nơi tôi cầu nguyện.

Kỳ lạ thay, tôi bị ám ảnh bởi những suy nghĩ về Robbie Risner, vô cùng lo sợ cho sự an toàn của anh ấy. Một hôm, tôi rời khỏi cây thánh giá và ra cửa trước để nhìn trộm vào buổi chiều. Tôi đẩy cửa ra và nhìn vào tòa nhà phía sau hồ bơi, nơi vài người lính canh đang mở khóa. Một người Mỹ cao lớn xuất hiện, chỉ mặc độc một chiếc quần đùi trắng, và tôi có thể thấy anh ta có làn da rám nắng tuyệt đẹp. Tôi há hốc mồm! Lạy Chúa toàn năng, đó là Robbie Risner! Tôi vô cùng tức giận. Tôi cảm thấy bị bỏ rơi, thất vọng khi vội vã chạy đến cây thánh giá và cầu xin: “Chúa ơi, Ngài đang làm gì với con vậy? Chẳng phải con đã cầu xin Ngài đừng mang Robbie lên đây sao? Ngài không biết họ sẽ làm gì với anh ấy sao?” Vài giờ sau, một người Mỹ khác được hộ tống đến bãi rác từ phòng bên cạnh Risner; nghe giọng nói trầm khàn của anh ta, tôi nghĩ đó là Phil Butler. Anh ta bước nhanh và nói rộng khoảng cách giữa mình và người lính canh đang lão đảo. Một lần, bên cạnh cửa sổ bên hông nhà tôi, anh ta gọi, “Larry, tôi có tin quan trọng đây, Đại tá Risner đang ở Heartbreak!” (Heartbreak là một khu vực của nhà tù chính thành phố với những phòng giam nhỏ, tương tự như phòng giam ở Stockyards).

“Sai rồi!”

“Ý anh sai là sao?” Anh ta giật mình.

“Hắn ta ở đây, trong phòng ngay cạnh anh!”

“Cái gì?”

Ngày hôm sau, tôi thấy Robbie rời khỏi tòa nhà, đi về phía tôi. “Larry, anh có nghe thấy tôi không?”

“Ừ, anh đang làm cái quái gì ở đây vậy? Anh không học được gì từ lần đầu bị bắn hạ à?” Tôi không biết mình có ý gì khi nói câu đó, ngoại trừ việc tôi thực sự rất buồn. Có lẽ tôi nghĩ Risner và Chúa đã hợp tác chỉ để chọc tức tôi.

“Tôi không thể kiềm chế được. Tôi đang bay hơn 550 thì bị bắn trúng.” Giờ thì Robbie đang xin lỗi tôi!

“Tôi gặp Evy ngay trước khi cô ấy về nhà. Cô ấy đang rất khỏe. Đừng lo cho cô ấy. Larry, anh có cầu nguyện không?”

“Tôi có cầu nguyện không? Anh nói đúng, tôi cầu nguyện! Chúng ta còn có gì ở đây nữa?”

Người lính gác vội vã đuổi ông đi. Ngày hôm sau, ông tiếp tục. “Ngay trước khi tôi đến đây, tôi đã gặp Bộ trưởng.” Ý ông là Bộ trưởng Quốc phòng Robert McNamara. “Ông ấy nói ông ấy nghĩ chiến tranh sẽ kết thúc

vào tháng Tư năm sau, nhưng tôi nghĩ phải đến tháng Sáu. Anh biết chàng Thỏ này chứ? Hấn nói chuyện với tôi sáu tiếng mỗi ngày. Hấn nói rằng chẳng bao lâu nữa tôi sẽ có thể nói chuyện với Tướng Giáp về việc đối xử với binh lính của chúng ta.”

“Robbie, cẩn thận với tên Thỏ. Hấn đang gài bẫy cậu, dụ cậu khai ra. Hấn là một tên rất nguy hiểm, và hấn biết tất cả về cậu.”

Tôi nghĩ rằng khi Robbie bị hạ gục lần đầu tiên, anh ta nên cư xử bình tĩnh hơn một chút và kiếm cho mình một công việc ở trụ sở. Anh ta là mẫu người mà ai cũng ngưỡng mộ; không uống rượu, không hút thuốc hay nói năng thô tục. Một đối thủ đáng gờm, và là một tay chơi gây nóng bỏng thực sự có thể điều khiển một chiếc máy bay bay lượn trên bầu trời. Rất ít người có thể hạ gục anh ta trong một cuộc thi không chiến. Tôi không biết tại sao sự an toàn cá nhân của anh ta lại có ý nghĩa với tôi đến vậy, nhưng chắc chắn là có.

Trước khi Risner bị tổng đi, tôi đã nói thêm một câu.

“Rob, tôi nghĩ rằng nếu những người này không tạo ra thay đổi lớn vào tháng 10, chúng ta sẽ ném bom hạt nhân vào họ.”

“Ồ, tôi không nghĩ chúng ta sẽ làm bất cứ điều gì như thế.”

Tôi đã nghĩ rằng bom hạt nhân là cách duy nhất chắc chắn để thay đổi cục diện chiến tranh. Chẳng phải tôi là một trong những người không bỏ phiếu cho Goldwater vì ông ta đe dọa sẽ làm điều đó sao? Đúng là tôi đã từng, nhưng đó là trước khi chúng tôi nhận ra rằng chúng tôi thực sự sẽ tham gia vào một cuộc chiến tranh trên bộ ở châu Á, điều mà rất nhiều vị tướng tài ba đã cảnh báo chúng tôi không bao giờ được phép dẫn thân vào.

Có rất nhiều đàn ông và phụ nữ làm đủ mọi công việc để đưa trại lên thành nhà tù. Cứ vài ngày, họ lại chuyển chúng tôi từ phòng giam này sang phòng giam khác để công nhân có thể làm việc. Họ đang lắp đặt những cột gạch cao sáu mươi phân để gắn ván giường. Các thanh sắt được lắp đặt ở các ô cửa sổ. Cửa sổ kiểu Pháp trong phòng giam của tôi cuối cùng đã bị dỡ bỏ, thay vào đó là những cánh cửa gỗ rất nặng có lỗ nhìn trộm đủ lớn để luôn bình nước qua. Các hộp điện và công tắc đèn bên trong được chuyển ra ngoài, và tất cả các bức tường bao quanh đều được nâng lên và phủ dây thép gai. Toàn bộ dự án kéo dài đến mùa xuân năm sau.

Các cuộc thẩm vấn vẫn tiếp tục, và chúng tôi quyết định ngừng sử dụng từ đó, rút ngắn thành “quiz”, hoặc nếu gõ xuyên qua tường,

chỉ cần gọi đơn giản là “QZ”; “QZR” dành cho người thẩm vấn. Chúng tôi tận dụng tối đa các từ viết tắt.

Tháng Mười, tôi ở phòng giữa cùng tòa nhà. Tôi có phi công Arthur Black ở phòng bên trái và chỉ huy Bill Franke ở phòng bên phải. Lính gác vẫn còn lơ là, nên chúng tôi nói chuyện qua những ô cửa sổ giờ đã bị chắn song, cũng đã đóng kín cửa chớp ở bên ngoài. Chúng tôi đang bàn bạc nên gọi trại là gì. Scotty Morgan nghĩ ra một ý tưởng tuyệt vời. Anh ấy kêu lên: “Đây là lần đầu tiên tôi thấy động vật đến sở thú để ngắm người.”

Sở thú trở thành tên chính thức của trại, với các tòa nhà riêng lẻ được đặt tên là Chuồng, Chuồng ngựa, Chuồng gà và Chuồng lợn, đó là tòa nhà của tôi.

Đại úy George Hall, bạn tôi từ Phi đội Trinh sát số 15, lúc này đang ngồi đối diện tôi ở phòng cuối của tòa nhà Bi-a. George đã trở về Mỹ vào cuối tháng Sáu để nhận và vận chuyển một chiếc RF-101 thay thế. Anh ấy đi cùng chuyến bay với Evelyn.

“Evelyn thế nào rồi, George?”

“Cô ấy có vẻ ổn. Đang trên đường đến Căn cứ Không quân McGuire ở New Jersey.”

“Trông cô ấy có vui không?”

“Không, Larry. Trông cô ấy không vui.”

Câu hỏi ngớ ngẩn đó! Từ tin tức đó, tôi đoán Evelyn sẽ về nhà mẹ cô ấy ở Belmar, New Jersey. Sau khi ổn định lại, có lẽ cô ấy sẽ chuyển đến Florida, vì hai anh trai lớn đang học đại học ở đó, và cô ấy muốn ở gần họ.

Trại tù Bắc Việt Nam đang dần trở thành “nơi” để gặp gỡ bạn bè cũ!

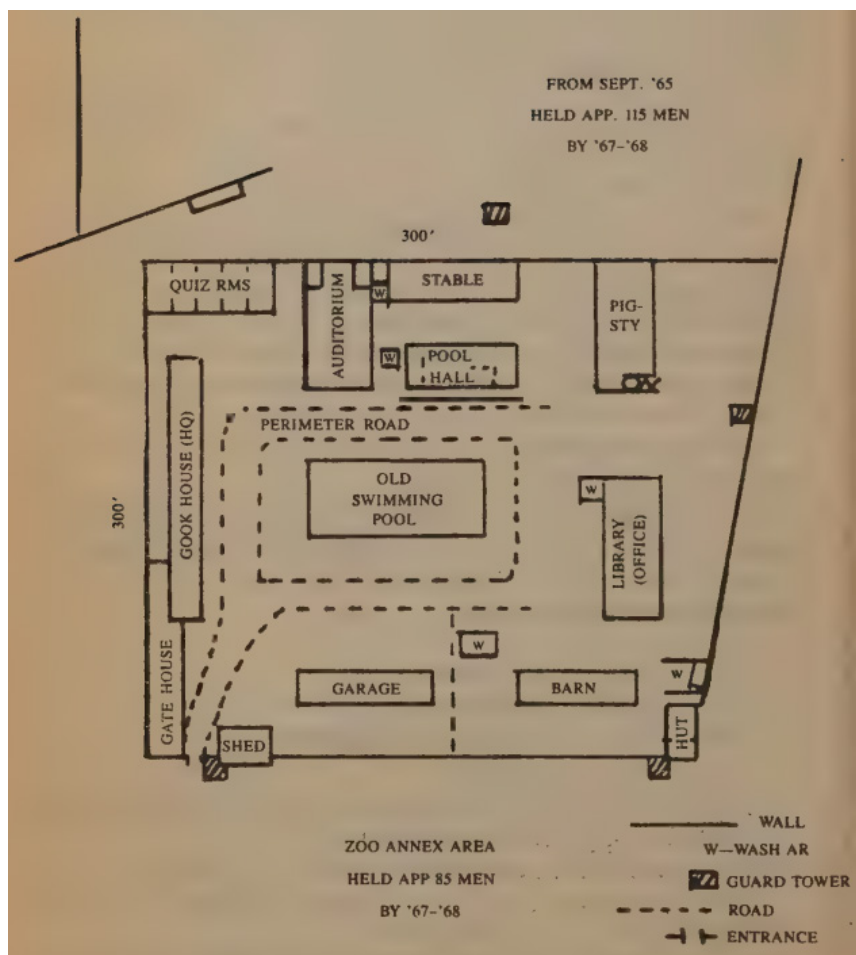
Tin đồn lan truyền rằng Jerry Denton đã đến Sở thú và đang ở trong một phòng giam gần Risner.

Jerry vẫn còn bút chì, và chẳng mấy chốc một kế hoạch tác chiến đã được chuyển cho George Hall. Trong khi chúng tôi dọn dẹp khu vực cho lính canh, anh ấy đọc to cho tất cả chúng tôi ở Chuồng Lợn và Chuồng Ngựa.

Kế hoạch bao gồm những điều sau:

1. Tuân thủ Quy tắc Ứng xử.
2. Giao tiếp bằng mọi cách có thể.
3. Không cố gắng trốn thoát nếu không có sự trợ giúp từ bên ngoài.
4. Không gây hấn với lính canh.
5. Ghi nhớ tên và địa điểm của tất cả tù binh chiến tranh (bao gồm cả số nhà và số phòng).
6. Thu thập và giữ lại diêm, dây kẽm, đinh, dây thừng và giấy.
7. Phàn nàn về thức ăn, quần áo, không được tập thể dục hoặc không được đi lễ nhà thờ.
8. Các buổi lễ nhà thờ vào Chúa nhật sẽ

TRẠI SỞ THÚ



được báo hiệu bằng tiếng huýt sáo “Chúa phù hộ nước Mỹ.”

9. Duy trì chế độ canh chừng. Ngủ khi Việt cộng ngủ.

Tôi kinh hoàng khi thấy Robbie hợp tác với Denton để công bố một tài liệu mà nếu bị phát hiện, sẽ dẫn đến sự trả đũa từ phía Việt Nam. Vấn đề thực sự không phải là “có hay không”, mà là “khi nào”.

Hàng xóm Bill Franke và tôi đã có rất nhiều cuộc thảo luận bằng giọng nói, trong khi dựa vào bức tường chung và nói chuyện qua những cánh cửa chớp đóng kín. Thỉnh thoảng chúng tôi bị bắt gặp, nhưng lính canh không làm gì chúng tôi. Bill, một chỉ huy phi đội F-4, là một người rất lý trí, và không tin vào việc gây ra những sóng gió có thể khiêu khích người Việt Nam.

Khi George đọc xong kế hoạch, tôi hỏi: “Anh nghĩ sao, Bill?”

“Tôi nghĩ rằng nếu phía Việt Nam tìm thấy tác phẩm đó, họ sẽ đá đít một số kẻ. Anh bạn Risner của anh thích sự phấn khích, phải không?”

“Tôi nghĩ ảnh hưởng của Denton rất mạnh ở đó, Bill. Hay là chúng ta bảo họ hủy nó đi?”

Chúng tôi gọi George đến để vớt những bài viết vào hộp; Giờ thì ai cũng biết nội dung

rồi - giữ một thứ nóng hổi như thế để VC phát hiện thì ích gì. Nhưng George lại không muốn hủy bỏ mệnh lệnh của sĩ quan cấp cao. Thay vào đó, anh ta chuyển tài liệu cho nhóm Shumaker. Một người trong số họ gọi điện nói rằng anh ta không nghĩ V sẽ tìm thấy nó vì “họ sẽ không bao giờ kiểm tra đồ đạc cá nhân của anh đâu.” Hồi đó chúng tôi ngây thơ đến thế đấy!

Trong lúc đó, Art Black và tôi khoan một lỗ xuyên qua bức tường chung, dùng tay nắm bằng dây thép tháo bình nước ra. Chúng tôi có một lỗ nhỏ bằng đồng xu xuyên qua bức tường dày sáu inch (0,1524 m). Chúng tôi thay phiên nhau lùi lại và cười toe toét để người kia có thể nhìn kỹ. Sau đó, tôi đưa cho Art một xấp giấy vệ sinh mà tôi đã tích trữ. Chúng tôi làm một nút chặn tạm thời bằng bánh mì, hy vọng VC sẽ không nhận ra lỗ thủng.

Art nói rằng cuộc kiểm tra gần đây với Thỏ chỉ là một buổi nói chuyện phiếm, kiểu như giữa hai người đàn ông với nhau. Họ nói về gia đình Art và những câu chuyện phiếm tưởng chừng vô hại khác. Art nói rằng Thỏ đã nói đến những đặc tính của chủ nghĩa xã hội. Art nghĩ mình đã làm tốt khi đặt ra những câu hỏi khiến Thỏ phải dừng lại. Tôi thấy lo lắng và cảnh báo Art rằng cậu ấy đang đánh giá thấp Thỏ.

Tôi đề xuất rằng con đường an toàn nhất là hành động thiếu hiểu biết, không quá thông minh, và không gây sự chú ý; nói cách khác là chạy vào giữa bầy. VC có thể tin chắc rằng cá nhân hành động như vậy có thể không thực sự hiểu biết nhiều, không có tố chất lãnh đạo, và do đó không gây ra mối đe dọa cụ thể nào cho an ninh của trại.

Cuối tháng, VC lục soát các phòng giam. Tên Ngốc (Dummkopf), tên cầm đầu, phát hiện ra điểm yếu. Hắn đến phòng giam của Art, và tôi thấy một chiếc xà beng thò ra khỏi lỗ. Tên Ngốc đã tìm thấy chiếc xà beng trong phòng giam của Risner, nơi Robbie cũng đã thực hiện một số sửa đổi cụ thể! Tên Ngốc nổi điên. Hắn tát cho Art và tôi một cái, nhưng may mắn cho chúng tôi là hắn ta nhỏ con và không biết cách đấm theo kiểu Mỹ, nếu không hắn ta sẽ thực sự làm chúng tôi bị thương. Tất nhiên, chúng cũng phát hiện ra kế hoạch hoạt động. Phát hiện đó đã giúp chúng đi trước chúng tôi khoảng hai năm. Chúng lấy nó và sử dụng nó như một danh sách kiểm tra chống lại chúng tôi. Chúng tôi đã dạy chúng cách làm việc. Chúng tìm kiếm tất cả những thứ chúng tôi được chỉ thị thu thập. Chúng tháo dỡ tất cả các biển số khỏi các tòa nhà và phòng. Chúng phớt lờ những lời phàn

nàn của chúng tôi, và chúng tôi bị nghiêm cấm giao tiếp với nhau. Chúng chuyển Risner trở lại Heartbreak, tin rằng sức hút và khả năng lãnh đạo của anh ta là mối nguy hiểm đối với chúng. Vài ngày sau, VC mang đến một chồng giấy và một bát xôi nếp, thứ mà họ dùng làm bột nhào. Họ dán một thông báo lên phía trong cửa chớp, nơi chúng tôi có thể nhìn thấy mọi lúc. Đó là một chỉ thị chính thức gây nản lòng, báo hiệu rằng tương lai sẽ còn ảm đạm hơn nữa.

CHƯƠNG TÁM

NỘI QUY TRẠI GIAM



hỉ thị trên tường nhà chúng tôi ghi:

Tất cả những kẻ xâm lược Hoa Kỳ bị bắt quả tang trong các cuộc tấn công xâm lược chống lại Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đều là tội phạm. Trong thời gian bị giam giữ tại trại này, các bạn sẽ tuân thủ nghiêm ngặt những điều sau:

1. **TẤT CẢ TỘI PHẠM PHẢI CÚI CHÀO TẤT CẢ CÁC SĨ QUAN, LÍNH CANH VÀ VC TRONG TRẠI.**

2. **TẤT CẢ TỘI PHẠM PHẢI LUÔN THỂ HIỆN THÁI ĐỘ LỊCH SỰ VỚI CÁC SĨ QUAN VÀ LÍNH CANH TRONG TRẠI, NẾU KHÔNG SẼ BỊ TRỪNG PHẠT.**

3. **TẤT CẢ TỘI PHẠM PHẢI TRẢ LỜI BẤT KỲ CÂU HỎI NÀO BẰNG MIỆNG HOẶC VIẾT BẤT KỲ TỜ KHAI NÀO HOẶC LÀM BẤT CỨ VIỆC GÌ THEO CHỈ ĐẠO CỦA BAN QUẢN LÝ TRẠI, NẾU KHÔNG SẼ BỊ TRỪNG PHẠT.**

4. TỘI PHẠM BỊ CẤM CỐ GẮNG GIAO TIẾP BẰNG BẤT KỲ HÌNH THỨC NÀO, CHẴNG HẠN CHẾ GIAO TIẾP VỚI TỘI PHẠM Ở PHÒNG BÊN CẠNH.

5. KHI Ở KHU VỰC PHÒNG TẮM, KHÔNG ĐƯỢC CỐ GẮNG GIAO TIẾP VỚI BẤT KỲ TỘI PHẠM NÀO KHÁC Ở KHU VỰC KẾT, NẾU KHÔNG BỊ TRỪNG PHẠT NGHIÊM TRỌNG.

6. BẤT KỲ TỘI PHẠM NÀO CỐ GẮNG TRỐN THOÁT HOẶC GIÚP NGƯỜI KHÁC TRỐN THOÁT SẼ BỊ TRỪNG PHẠT NGHIÊM TRỌNG.

7. MẶT KHÁC, NHỮNG TỘI PHẠM TUÂN THỦ CÁC QUY ĐỊNH CỦA TRẠI VÀ THỂ HIỆN THÁI ĐỘ TỐT BẰNG HÀNH VI CỤ THỂ SẼ ĐƯỢC ĐỐI XỬ NHÂN ĐẠO.

CHỮ KÝ: BAN QUẢN LÝ TRẠI

Có sáu tù binh khác, khá giống với bảy tù binh đầu tiên.

Người Việt Nam đã nghĩ ra những quy định này để liên tục gây áp lực lên tù nhân. Các quy định này giúp ban quản lý trại dễ dàng bịa đặt những cáo buộc sai sự thật. Mục đích chung là bắt mỗi tù binh phải trả giá, bằng cách cung cấp thông tin, hoặc tham gia bằng cách nào đó vào các chương trình tuyên truyền của Việt Nam. Như một người thẩm vấn đã nói, “Hồ Chí Minh đã ra lệnh rằng mọi

tên tội phạm phải “xì hơi” (hắn ta không thể phát âm chữ P) để giúp chúng ta giành chiến thắng cuối cùng!” Người Việt Nam cũng hy vọng chương trình làm nhục, đe dọa và trừng phạt đang diễn ra này sẽ tạo ra những kẻ chỉ điểm từ những tù nhân không chịu được áp lực. Họ luôn thích có một cái cớ để trừng phạt. Không phải là họ cần một cái cớ, nhưng dường như điều đó khiến họ vui hơn khi thốt lên: “Mày đã vi phạm quy định của trại, mày phải bị trừng phạt!”. Các quy định của trại vừa là đòn bẩy vừa là cái cớ.

Như thế điều đó vẫn chưa đủ để làm tinh thần của tù nhân sa sút, Hobnail, tên lính mới và nghiêm khắc, đã đến từng phòng giam với nhiều chỉ thị hơn. Mở tung cửa chớp, anh ta chỉ tay vào tôi, rồi vào mình. Anh ta đứng nghiêm, rồi cúi chào thật sâu. Anh ta nói với chúng tôi rằng từ giờ trở đi, chúng tôi phải cúi chào bất cứ khi nào gặp người Việt Nam, đúng như quy định mới, và họ có ý định thực thi.

Dựa vào song sắt gần Bill Franke nhất, tôi hỏi anh ta nghĩ gì về sự sỉ nhục mới nhất này. Bill là một người rất thực tế, tin rằng chúng ta nên áp dụng các phương pháp đối phó với VC để giảm nhẹ hình phạt cho tất cả chúng ta, nếu chúng ta phải chịu án tù kéo dài. Anh

ta nói, “Thậm chí chúng ta có thể phải nhịn nọt chúng trước khi ra tù, nhưng điều đó cũng không sao, miễn là một ngày nào đó tất cả chúng ta đều sống sót rời khỏi đây.”

Bằng cách giả vờ không hiểu VC muốn gì, một số người của chúng tôi đã cố gắng chống lại việc cúi chào. Những người khác thì gật đầu nhẹ, và những người khác thì cúi chào thật sâu, tay buông thõng xuống sàn. Bob Purcell nói với họ rằng anh ta chỉ cúi chào trước Chúa Jesus Christ. Điều đó khiến anh ta bị biệt giam sáu tháng. Cuối cùng, phía Việt Nam quyết định “không cúi chào, không ăn”. Lệnh cúi chào được lặp đi lặp lại. Một số tù binh bị lính canh đẩy vào tư thế cúi chào. Phía Việt Nam đã thắng.

Tháng 11, trời trở lạnh. Mỗi người chúng tôi có hai cái chăn bông, và Bill Franke nói rằng ba cái chăn thì cũng không quá nhiều, nếu chúng tôi có thể kiếm được. Một vài người Việt Nam xuất hiện ở hiên trước, tay xách những cuộn dây điện màu xanh.

“Bill, anh nghĩ sao? Họ có nối dây để mua chăn điện không?”

“Tôi không nghĩ vậy, nhưng chắc chắn mùa đông năm nay sẽ rất dài và khắc nghiệt.”

Chúng tôi phát hiện ra rằng những sợi dây này là dành cho hệ thống loa phóng thanh

mới, nơi sẽ phát đi một lượng lớn thông tin tuyên truyền hàng ngày, những bài báo một chiều, những viên ngọc quý của lịch sử Việt Nam và cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc của người Việt Nam, cùng với những lời đe dọa trừng phạt từ vị chỉ huy trại giam trong tòa nhà trụ sở.

Hai hoặc ba lần một ngày, chúng tôi nghe Đài Tiếng nói Việt Nam (VOV). Hai phát thanh viên là một người đàn ông tên là Văn Tường và một người phụ nữ tên là Tú Hương (phát âm là Van Toon và To Whom). Mỗi chương trình đều bao gồm số liệu mới nhất về số máy bay Mỹ bị bắn hạ và những câu chuyện về chiến thắng của Việt Cộng ở miền Nam trước quân đội Hoa Kỳ và “Quân bù nhìn Sài Gòn”. Trong mỗi chương trình, họ thường sử dụng một phần câu nói nổi tiếng của Hồ Chí Minh, “Chiến đấu trong năm, mười, hai mươi năm, hoặc lâu hơn nữa”. Ban đầu, họ sử dụng nhiều đoạn băng trích dẫn của Lord Bertrand Russell và những người Cộng sản khác. Sau đó, họ đưa vào những lời phát biểu của những người Mỹ đến thăm.

Chương trình phát thanh này thực sự nhắm vào quân đội Đồng minh chiến đấu ở miền Nam Việt Nam, nhưng họ không có những kỹ năng cần thiết để tác động hiệu quả đến tinh

thần của quân địch. Trong khi ca ngợi lòng dũng cảm và sự khéo léo của Việt Cộng (VC), họ lại chế giễu những nỗ lực “hèn nhát và vô tình” của Lục quân và Thủy quân Lục chiến Hoa Kỳ. Điều đó chỉ có thể gây ra tác dụng ngược - nó sẽ khiến quân đội của chúng ta tức giận và thúc đẩy họ nỗ lực hơn nữa.

Sau đó, cuộc tấn công của VOV nhắm vào giới lãnh đạo Hoa Kỳ cả trên chiến trường lẫn tại Washington. Binh lính của chúng ta được khuyến khích quay lưng lại với các sĩ quan của họ, vứt bỏ vũ khí và “sang bên kia chiến tuyến”, nơi họ sẽ được “hoan nghênh như những người anh em trong cuộc chiến chống lại chủ nghĩa đế quốc”. Họ nói về một người Mỹ đã làm như vậy, và giờ đây đang dẫn dắt VC chống lại những người đồng đội cũ của mình.

Hệ thống loa, hay radio trại hè, được gọi là “the Box”, “the Bullshit Box”, sau đó là “CBS”, nghĩa là “Hệ thống trại hè nhằm nhí”, theo tôi thì hệ thống này tạo ra chất lượng thông tin tương đương với CBS ở quê nhà.

Tin tức của Văn Tường được đọc từ tờ *Nhân Dân* nhật báo. Đó là tờ báo của chính phủ, tất nhiên là bám sát đường lối tuyên truyền của chính phủ 100% và là tờ báo duy nhất mà người dân có thể tiếp cận. Tờ báo chỉ được

in bằng tiếng Việt, và chúng tôi phải dùng những mảnh báo cũ để làm giấy vệ sinh.

Một ấn phẩm khác mà chúng tôi có, được in bằng tiếng Anh, là tờ *Vietnam Courier*, tờ VNC. Tờ báo sản xuất trong nước này đăng tải những tuyên bố chính trị và các mục thường không được bày bán công khai. Nó tạo điều kiện thuận lợi cho những suy đoán ẩn ý.

Người Mỹ gắn liền từ “tuyên truyền” với Goebbels, Hitler và Đức Quốc xã. Từ năm 1940, ở nước ta, từ này mang một hàm ý xấu; không ai muốn dùng đến nó. Thật đáng tiếc cho chúng ta. Những người khác sử dụng từ này bất cứ khi nào thích hợp, và đúng nghĩa. Nghĩa đen là “truyền bá học thuyết, cách suy nghĩ, quan điểm của chúng ta”. Không có gì sai với điều đó. Chúng ta truyền bá tuyên truyền thông qua các nguồn của chính phủ như Đài Tiếng nói Hoa Kỳ và các nguồn truyền thông của chính chúng ta. Chúng ta nên nói với người dân Mỹ, và tất cả mọi người trên thế giới, rằng “đây là những gì chúng ta đại diện, đây là cách chúng ta nhìn nhận vấn đề, đây là phong cách Mỹ.” (Ngày nay, truyền thông của chúng ta thường lặp lại tuyên truyền của các quốc gia thù địch như thể đó là sự thật không thể chối cãi.)

Thở gọi tôi ra để “kiểm tra thái độ của mình.”

“Risner của anh, ông ấy là một người rất thông minh, phải không?” Tôi không thích câu nói đó. “Thông minh” có lẽ có nghĩa là lén lút đối với Thỏ. Tôi trả lời một cách ngây thơ, “Trời ơi, tôi không biết có nên dùng từ thông minh cho Đại tá Risner không. Ông ấy chỉ là một người tốt, một người đàn ông của gia đình, và cũng rất sùng đạo nữa.”

“Anh biết ông ấy gọi chúng tôi là bọn da vàng. Ông ấy nói chúng tôi sống trong một ngôi nhà da vàng.”

“Trời ơi, tôi thấy khó tin quá. Ông ấy là một người chu đáo.”

“Anh còn biết gì về ông ấy nữa không?”

Biết rõ Thỏ có tờ tạp chí Time của mình, mà tôi đã đọc vài lần, tôi nói với anh ta điều mà anh ta đã biết chắc.

“À, tôi biết anh ta trẻ hơn tôi và có vợ và vài đứa con trai. Ngoài ra, anh ta là người Mỹ bản địa, hình như đến từ Oklahoma.”

“Còn gì nữa không?”

“Anh ấy được biết đến là một phi công chiến đấu xuất sắc và một con người tử tế. Mọi người đều quý mến anh ấy vì anh ấy là một người rất trung thực, và như tôi đã nói, bạn phải ngưỡng mộ anh ấy vì đức tin của anh ấy vào Chúa.” Thỏ có vẻ hài lòng. Anh ấy biết điều đó gần như là sự thật từ những

gì anh ấy đã đọc trên tạp chí *Time*. Điều tôi không muốn làm là bị phát hiện nói dối trắng trợn. Điều đó sẽ cho Thỏ một cái cớ để nói với tôi, và như chúng tôi đã hiểu lúc đó, họ rất vui khi có một cái cớ, dù không cần thiết.

Tôi đã nói chuyện với Robbie ngay trước khi anh ấy rời khỏi sở thú. Tôi kể lại chính xác những gì tôi đã nói với Thỏ, và anh ấy trả lời rằng “Được rồi, không làm tôi đau chút nào.”

Quy trình đổ phân trở thành một thói quen. Người giữ chìa khóa bắt chúng tôi đẩy những xô phân ra ngoài hiên, sau đó chỉ định một tù nhân mang chúng, mỗi lần hai xô, đến một hố xí lộ thiên lớn phía sau tòa nhà Chuồng Lợn. Tôi chỉ nhận được công việc này một đêm. Con đường đất nhầy nhụa vì phân tràn ra, và cái hố xí là thứ tôi chưa từng thấy trước đây. Một mẫu Anh phân nổi lênh bênh. Ron Storz kế thừa công việc này từ tôi, và nó cũng có một điểm cộng - nó cho anh ta một cơ hội tuyệt vời để nói chuyện với một số tù nhân khó tiếp cận. Storz đã làm rất tốt, giả vờ như đang nói chuyện với lính canh trong khi truyền đạt thông tin.

Một buổi chiều nọ, người gác cổng bảo chúng tôi đặt những cái xô ra giữa hiên. Đột nhiên có tiếng hô lệnh, và lính canh túm lấy những xô này (điều mà họ sẽ không bao

giờ làm!) và giấu chúng đi khuất tầm mắt. Franke lẩm bẩm, “Tôi nghĩ chúng ta có khách quan trọng.” Chúng tôi nghe thấy tiếng cửa mở liên tục, rồi ai đó hét lên, đầu tiên bằng tiếng Việt, sau đó bằng tiếng Anh.

Cửa phòng giam của tôi mở ra. Vài tên lính canh đứng nghiêm, rồi một người đàn ông trông có vẻ quan trọng, lùn tịt, mặc thường phục và đeo kính đen đi theo Chó vào phòng giam. “Lùi lại, lùi lại sát tường!” Chó ra lệnh. Rồi hắn đứng nghiêm và thực sự run rẩy vì sợ tên VIP kiêu ngạo kia đang đi lại, nhìn thấy cây thánh giá, mười điều răn và cuốn lịch của tôi. Hắn ta chửi rửa bằng tiếng Việt, rồi Chó phiên dịch.

“Mày có biết mày đã làm gì không? Mày có biết mày đã làm gì không?” Chó hét lên dữ dội.

“Tôi á? Chết tiệt, tôi chẳng làm gì cả! Tôi đã bị nhốt ở đây năm tháng rưỡi rồi.”

“Mày! Mày! Mày!” hắn hét lên, “Mày là thằng khốn nạn! Mày là thằng khốn nạn!”

“Mày đang nói cái quái gì vậy?” Tôi gắng hỏi. Chó lúc này đứng run rẩy dựa vào tường bên. Khi tên VIP hít một hơi, Chó dịch lại: “Mày đến đây và giết con cái, vợ con, gia đình chúng tao! Mày đến đây để giết người Việt Nam!” Tên VIP mất bình tĩnh. Cả hai cùng hét lên cùng một lúc. Chó toát mồ hôi và nước bọt

bắn tung tóe khi hân hét lên, rõ ràng là đang cố gắng giành được sự đồng tình của vị VIP.

Giữa tiếng la hét, từ vài phòng giam cách đó, tôi nghe thấy giọng Alvarez, điên cuồng gọi tôi. “Ô, ô, ô, tao cần ô nhanh lên!” Mọi người rời khỏi phòng giam của tôi và đổ xô về phòng giam của Alvy. Họ mở tung cửa phòng giam và Alvy nói, “Tôi đã bảo là tôi cần ô mà!”

Sự náo động đột nhiên lắng xuống. Sau khi cửa phòng được chốt chặt, tôi hỏi Bill Franke chuyện gì đang xảy ra. “Tìm Larry này, và báo cáo đi. Alvarez không thể nhìn được nữa! Hân ta ị ra sàn! Khi bọn VC nhìn thấy, chúng hếch mũi lên rồi biến mất. Có lẽ chúng tôn trọng tiếng gọi của tự nhiên hơn bất cứ thứ gì khác. Chẳng phải chúng ta đã nói rằng chúng rất hiểu chuyện rồi sao?” Tin đồn lan truyền khắp các phòng giam và có lẽ đó là tiếng cười duy nhất tôi có được trong ba năm tiếp theo.

“Thưa Ngài Bill, điều gì đã dẫn đến cuộc tranh luận đó?”

“Tôi phải nói rằng việc tìm ra kế hoạch tác chiến đã khởi động toàn bộ sự việc. Chúng sợ chết khiếp trước sự sáng tạo của chúng ta, trước vô số điều bất ngờ mà chúng ta có thể làm. Chúng đã phản ứng thái quá và coi đó là một vấn đề an ninh nghiêm trọng. Chúng

nghĩ rằng chúng không còn lựa chọn nào khác ngoài việc báo cáo ‘âm mưu đen tối’ của chúng ta lên cấp trên.”

Một đêm tháng 11, tôi được gọi ra gặp Thỏ. Hẳn nói rất, rất nhỏ nhẹ. Hẳn nói hẳn đã tìm thấy bản sao bài hát “Rain” của tôi. “Anh sẽ làm gì với nó?”

“Có lẽ tôi có thể nhờ Burl Ives hát bài đó.”

“Anh sẽ làm gì với số tiền kiếm được?”

“Quyên góp cho Quỹ Cứu trợ Chiến tranh Việt Nam.”

Thỏ lấy cuốn “Mưa” của tôi và cả một bàn cờ mà tôi đã vẽ trên bìa một cuốn sách khác mà họ đưa cho tôi đọc. Mặc dù Thỏ biết tôi có bút chì, nhưng nó không hề nhắc đến. (Sau đó, lính canh đã kiểm tra tôi rất kỹ, nên tôi quyết định rằng việc giữ nó lại quá nguy hiểm.)

Hẳn hỏi thăm sức khỏe của tôi. Rồi hẳn nói tôi sẽ gặp một thành viên rất quan trọng trong chính phủ của hẳn tối hôm đó, và trên hết, tôi phải trả lời mọi câu hỏi của ông ấy một cách trung thực và tôn trọng. Hẳn bảo tôi trở về phòng giam và “chuẩn bị tinh thần”.

Một tiếng sau, họ đưa tôi vào một căn phòng nhỏ trước tòa nhà hội trường. Ngay sau đó, một người đàn ông bước vào. Tôi không biết ông ấy là ai, nhưng ông ấy tóc bạc phơ và khoảng bảy mươi tuổi. Ông mặc một chiếc

áo khoác len cổ cao màu đen của Đảng Cộng sản. Ông ấy rất lịch thiệp, có vẻ khá am hiểu, nói tiếng Pháp và tiếng Anh rất giỏi. Ông ấy không hỏi những câu hỏi khó, mà đối xử với tôi rất nhẹ nhàng. Ông ấy nói rằng ông ấy chỉ muốn gặp một phi công Mỹ. Ông ấy nói về đất nước mình và người dân mình nghèo như thế nào. Ông ấy hỏi thăm rất nhẹ nhàng về gia đình tôi. Cuối buổi gặp, ông ấy hỏi hai câu hỏi cuối cùng. Một là: “Những chiến binh trẻ của các anh tin vào điều gì?” Tôi trả lời: “Họ tin vào tự do, dân chủ, hòa bình, bình đẳng và hy vọng về một cuộc sống tốt đẹp, những điều mà thế hệ trẻ của các ông tin tưởng.”

“Chúng tôi biết các anh đặt tầm quan trọng của đồng đô la lên trên tất cả mọi thứ.”

“Tôi không nghĩ điều đó đúng, nhưng những người không thích chúng tôi nói vậy.”

“Nhưng làm thế nào để các ông khiến họ chiến đấu? Các ông nói gì với họ?”

“Chúng tôi cũng làm như anh thôi - nhắc lại những thành tích trong quá khứ với lòng tự hào yêu nước. Chúng tôi cũng dùng các kỹ thuật kích lệ tinh thần, giống như anh dùng những khẩu hiệu trên cốc thiếc vậy. Anh biết đấy, Quyết Chiến, Quyết Thắng. Nghĩa là gì?”

“Nó có nghĩa là quyết tâm chiến đấu, quyết tâm chiến thắng.”

“Đó. Ý tôi là vậy đấy.”

Buổi gặp gỡ chủ yếu mang tính xã giao, và tôi đã cư xử rất tôn trọng ông ấy.

Red Berg chuyển đến sống cạnh Art Black. Anh ấy gọi điện cho tôi vào một buổi sáng sớm, khoảng bảy giờ, nói: “Larry, nghe này. Chúng tôi sẽ rời đi sáng nay.”

“Anh đang nói gì vậy?”

“Chúng tôi sẽ về nhà,” anh ấy trả lời. Đài phát thanh của trại đã hoạt động được vài tuần vào thời điểm đó. Berg nói tiếp: “Anh để ý thấy chúng tôi không nghe thấy tin tức gì về việc ai bị bắn hạ trong vài ngày qua. Đó là vì đã có lệnh ngừng bắn.” Đây chỉ là một trong hàng trăm lần lên xuống thất thường về tinh thần mà chúng tôi đã định sẵn. Khi một người có ý tưởng gì đó trong đầu, anh ta sẽ ảnh hưởng đến tinh thần của tất cả mọi người.

“Ý anh là gì, Red?”

“Anh có nghe tin gì về một vụ bắn hạ trong ba ngày qua không? Không! Đó là vì chiến tranh đã kết thúc! Họ đã đàm phán.”

Vài ngày trước đó, một tù nhân mới, Jim Bell, một phi công RA-5 của Hải quân, đã nói với chúng tôi rằng họ đang đàm phán nghiêm túc ở bên ngoài. Anh ấy khiến tất cả chúng tôi phấn khích. Thực tế, tất cả chúng tôi đều bắt đầu lập danh sách mua sắm! Tôi có một

danh sách tuyệt vời gồm mười lăm hoặc hai mươi món đồ, và mọi người đều làm theo! Chúng tôi đang nói về Hồng Kông, những gì chúng tôi sẽ mua trên đường về nhà, các PX ở đâu, và tất cả những thứ linh tinh đó. Red tràn đầy năng lượng, nghĩ về điều đó, mơ về nó, và anh ấy nói với niềm tin chắc chắn, “Chúng ta sẽ về nhà, chúng ta sẽ về nhà, xe tải sẽ đến đây trước tám giờ, trước tám giờ!”

Tôi quỳ xuống và nhìn ra ngoài qua một khe hở.

“Này, nghe này, tôi đang nhìn ra ngoài cửa sổ đây. Tôi thấy một vài bà nông dân đang xây một bức tường khác và đặt một ít dây thép gai ở đây. Nếu chúng ta đã về nhà, tại sao họ vẫn còn xây trại?”

“Đừng để ý đến chuyện đó. Họ cứ để hợp đồng trôi qua và họ không thể ngăn cản được.” Red không đùa. Anh ta đã nghe nói về các hợp đồng quanh các căn cứ không quân, và anh ta biết rằng không thể ngăn cản một hợp đồng một khi công đoàn đã nắm được nó; dự án vẫn được tiến hành. Vậy nên Red nói rằng ở đất nước Cộng sản này, không có gì khác biệt; họ cũng có vấn đề với công đoàn! Vậy nên đừng bận tâm đến việc trại lính đang được dựng lên xung quanh chúng ta - vì hôm nay chúng ta sẽ về nhà!

Điều duy nhất tôi rút ra được từ cuộc trò chuyện đó là có ít nhất một gã ở Bắc Việt Nam còn điên rồ hơn tôi.

Một trong những người lính canh được gọi là Ong Bắp Cày Xanh vì anh ta mặc quân phục lính dù Pháp màu xanh lá cây. Anh ta rất hay nói, và bạn có thể nghe thấy anh ta từ rất xa - anh ta hát, huýt sáo, hoặc nói chuyện một mình. Anh ta có một khẩu súng trường mới, và anh ta tự hào khoe với tôi. Tôi ngắm nghía nó, rồi đưa tay ra để xem xét kỹ. Anh ta lùi lại, vẻ mặt hoảng hốt, kiểu như, “anh điên à?”

Một người lính canh khác mở cửa chớp. Anh ta đeo súng trường cao trên vai phải. Đầu anh ta được băng bó dày đặc, và máu rỉ ra từ phần trên cùng của lớp băng. Tôi chỉ tay và hỏi, “Sao lại thế?” Anh ta giải thích bằng cử chỉ. Một tuần trước, lệnh đã được ban hành, tất cả binh lính trực gác phải đeo lưỡi lê. Họ đang dùng mọi cách để đe dọa chúng tôi. À, một người bạn của anh ta đeo súng trường cao trên vai, cả lưỡi lê nữa. Trong lúc họ đang nói chuyện, người bạn của anh ta làm rơi điều thuốc, rồi cúi xuống nhặt lên, và lưỡi lê đã đâm vào đầu người lính gác.

Ngay cả việc thay đổi phòng giam cũng là một dấu hiệu. Ngày 17 tháng 11, tên quản

ngục đã thay phòng giam nhỏ của tôi bằng một phòng giam mới hơn, lớn hơn. Franke nói: “Larry, cậu sẽ có bạn tù. Họ không lãng phí cả xô nước tiểu to đùng vào những người độc thân đâu.”

Khoảng chín giờ tối hôm đó, tôi thấy Thỏ trong phòng thi đố. Hắn ngồi nhìn chăm chăm, rồi chỉ nói: “Giờ thì cố gắng tuân thủ quy định của trại đi.” Hắn đuổi tôi về. Cửa phòng giam mở, và lạ Chúa, đứng đó, giữa phòng giam là bạn tôi, Ron Byrne, thuộc Phi đội 67! Tôi mừng rỡ vô cùng khi gặp lại cậu ấy, muốn hôn cậu ấy, nhưng cố gắng kiềm chế, tôi chỉ ôm chầm lấy cậu ấy. Đây là điều tuyệt vời nhất từ trước đến nay.

“Trời ơi, tôi mừng quá được gặp cậu, bạn ạ!” hắn reo lên. “Chà, tôi không thể nói là tôi vui mừng khi cậu ở đây, nhưng chắc chắn là tôi rất mừng khi có cậu làm bạn tù của mình,” tôi đáp. Sáu tháng ở một mình là một khoảng thời gian rất dài đối với một người hướng ngoại như tôi. Người lính gác mỉm cười rồi khóa cửa lại. Lần cuối tôi gặp Ron là đêm trước khi tôi bị bắn hạ. Anh ấy lái chiếc 105 từ Kadena đến Korat, và tối hôm đó chúng tôi cùng đi lễ.

“Tôi bị bắn hạ hồi tháng Tám,” anh buồn bã nói. “Tôi đã ở Heartbreak.” Chúng tôi ngã

vật xuống giường và thì thầm hàng giờ về gia đình. Nếu hạnh phúc tồn tại trong hoàn cảnh như thế này, thì đó là đêm hạnh phúc nhất của tôi trong sáu tháng qua.

Vài ngày sau, Ev Alvarez được đưa đến gặp đại úy không quân Tom Barrett, sau mười bảy tháng bị biệt giam. Thật là một ngày hạnh phúc cho Alvy!

Giáng sinh đang đến gần, và lính canh rất nghiêm khắc với chúng tôi. Họ được báo cáo hàng ngày và có một cuộc họp lớn mỗi tuần một lần để biết nên gây áp lực lên chúng tôi như thế nào. Có rất nhiều cách nhỏ nhất để quấy rối chúng tôi. Họ để thức ăn trên sàn hiên nhà một hoặc hai giờ, cho đến khi nó nguội lạnh và phủ đầy kiến. Họ giới hạn thời gian ăn của chúng tôi trong năm hoặc mười phút. Họ đóng sầm cửa lại ngay gót chân bạn. Họ đến thăm phòng giam của bạn vài phút một lần, vì vậy bạn phải cúi chào, cúi chào, và cúi chào. Họ biết rằng việc cúi chào thực sự làm chúng tôi đau khổ. Họ sẽ buộc tội chúng tôi giao tiếp và gọi nhân viên trực, dẫn đến một cuộc kiểm tra và gây thêm áp lực. Ngay cả những hành động tàn ác đơn giản nhất của họ, chẳng hạn như không cho chúng tôi giấy vệ sinh, xà phòng, kem đánh răng, hay những vật dụng cần thiết, cũng khiến chúng tôi vô cùng khó chịu.

Bill Franke nhần tin, “Hai người hôn nhau xong chưa?” Ron và tôi phẩn khích đến nỗi quên cả Bill. Chúng tôi nói với anh ấy rằng anh ấy sẽ sớm được nhập ngũ. Anh ấy trả lời, “Tôi không nghĩ vậy. Họ sẽ không bao giờ nhập ngũ cấp 0-5 trở lên đâu.” (0-5 là cấp bậc được tất cả các quân chủng quân sự Mỹ sử dụng để chỉ cấp bậc trung tá (không quân, lục quân, thủy quân lục chiến) hoặc chỉ huy chính thức (hải quân). 0-6 là cấp bậc đại tá hoặc đại úy hải quân.)

Chó nói một cách mỉa mai, “Ga-reeno, nếu ông không đến ném bom người dân của chúng tôi, ông đã có thể lái xe quanh Kadena với vợ con rồi. Chà, có lẽ một hoặc hai năm nữa, ông có thể quay lại.” V cũng như bất kỳ ai trong chúng tôi không biết chiến tranh sẽ kéo dài bao lâu. “Chắc chắn chúng ta không thể ở đây thêm hai năm nữa!” Tôi nghĩ, kinh hoàng trước ý nghĩ đó.

“Ga-reeno, ông có muốn viết thư về nhà để kể về sự đối xử nhân đạo mà ông đang nhận được không?”

“Không, cảm ơn,” tôi trả lời. “Tôi không biết gia đình tôi hiện ở đâu, nên tôi sẽ đợi đến khi nhận được thư từ nhà trước đã.”

Tên Pháp gọi tôi ra để kiểm tra thái độ. Những gì đang xảy ra với tôi cũng được lặp

lại với những người khác. Tên Pháp nói tiếng Anh với giọng Pháp rất nặng. Hẳn khoảng giữa bốn mươi tuổi, và cùng cấp bậc với Chó. Hẳn bắt đầu nhiều từ bằng hai chữ O - “Và ôi, ông muốn gì cho Giáng sinh?” Tôi không biết anh ấy muốn tôi nói gì. Rõ ràng là hẳn ấy có ý gì đó.

“Nhân dịp lễ Giáng sinh, ôi, anh mong muốn điều gì từ tấm lòng nhân hậu của người Việt Nam nhân hậu?” Cứ như trò hề vậy.

“Ôi, điều gì là mong ước tha thiết nhất, điều gì là điều ước tha thiết nhất của anh?” Ánh sáng cuối cùng cũng ló dạng.

“Ồ, tôi rất muốn nhận được một lá thư từ nhà.”

Trong những cuộc họp tháng Mười Hai này, và kể từ đó trở đi, Chó và Tên Pháp đều đeo phù hiệu cấp bậc của họ cùng với quân phục - ba ngôi sao trên một thanh ngang, tương đương với một đại úy Lục quân Hoa Kỳ. Thỏ có một ngôi sao trên một thanh ngang, cấp bậc trung úy. Quân phục của tất cả binh lính đã được cải thiện đáng kể. Giày dép vẫn là dép lốp cao su, hoặc tốt nhất là giày vải.

Vào ngày 15 tháng 12 năm 1965, tên Pháp đưa cho tôi một lá thư từ Evelyn! Đó là lá thư đẹp nhất mà tôi từng đọc, và là món quà Giáng sinh tuyệt vời nhất trong đời tôi.

1 tháng 11 năm 1965

Larry yêu quý của em,

Mùa thu này thật đẹp. Mọi nơi anh từng đến đều gọi lại những kỷ niệm đẹp nhất về những điều chúng ta đã cùng nhau làm. Chỉ cần một chuyến lái xe đến Asbury Park thôi cũng đủ gọi lại cho em nhớ về lần đầu tiên chúng ta ở đó, anh đã ốm nặng đến mức nào và em đã không biết phải làm gì để anh quên đi.

Không còn nghi ngờ gì nữa, em đã yêu anh nhiều đến nhường nào ngay từ lần đầu tiên.

Khi đến thăm Rita và đi ngang qua Công viên Branch Brook, cây cối nhuộm một màu đỏ vàng tuyệt đẹp. Anh có nhớ những giờ phút chúng ta ở đó không? Anh đoán mình chưa bao giờ thực sự nhận thức được hết vẻ đẹp xung quanh. Em tự hỏi liệu những đứa trẻ lớn lên có nhận thức được điều đó không, em chắc chắn lúc đó anh đã không.

Các con trai thường viết rất giỏi. Em đặc biệt tự hào về Tom, nó dường như đang học rất chăm chỉ. Nó nói rằng mình đã đạt điểm A trong bài kiểm tra toán giữa kỳ - thế còn gì nữa? Allan cũng làm khá tốt. Các con trai nhỏ của chúng ta cũng vậy. Phải làm một chiếc đèn lồng bí ngô cho Jeff, mặc dù em biết nó không thể sánh bằng những chiếc đèn đẹp mà anh đã làm...

Hy vọng rằng nếu anh có thể viết thư, anh sẽ cho anh biết phải làm gì về xe cộ, nơi ở, v.v. đã kéo dài thời gian với hy vọng sẽ không cần phải đưa ra quyết định.

Em thật may mắn khi đã lưu giữ tất cả những lá thư tuyệt vời anh đã viết cho em. Ngay cả khi không có chúng, em vẫn sẽ luôn nhớ rằng anh đã tốt với em như thế nào. Larry yêu dấu của em, em yêu anh biết bao! Anh thực sự đã dạy em rất nhiều điều để nói với anh hết lần này đến lần khác rằng em yêu anh! Vì em muốn Mọi điều em làm - Em cảm thấy anh bên cạnh, giúp đỡ em, và em muốn anh cũng cảm thấy như vậy. Larry của em, em yêu anh.

Evy của anh.

CHƯƠNG CHÍN CHUYẾN ĐI HÀ NỘI

 on và tôi đọc đi đọc lại bức thư của Evy, rồi đọc xuyên qua tường cho bất kỳ ai muốn nghe. Bức thư thật xúc động, nhất là khi nó đến vào đúng thời điểm cảm động nhất trong năm. Vài ngày sau, Ron nhận được lá thư đầu tiên từ vợ anh, Jo, với tất cả những tin tức mới nhất về bốn người con trai của họ. Chúng tôi vô cùng vui mừng.

Bạn tù của tôi, Thiếu tá Ronald E. Byrne, đã theo học Học viện Hàng hải Mercant tại Great Neck, Long Island, và sau đó tốt nghiệp Đại học Bang Oklahoma. Anh ấy đã lái máy bay F-86 Sabers trong Chiến tranh Triều Tiên. Anh ấy lớn lên trong một gia đình Công giáo và làm lễ sinh. Anh ấy thuộc lòng toàn bộ Thánh lễ bằng tiếng Latin. Anh ấy là một người rất sùng đạo và hoàn toàn đứng đắn. Thật là một may mắn tuyệt vời cho tôi khi có được anh ấy làm bạn tù. Tôi lo lắng khi thấy

anh ấy đã sụt 9 kg hoặc hơn kể từ lần cuối tôi gặp anh ấy, nhưng có lẽ trông tôi cũng tệ như vậy đối với anh ấy. Thường thì tôi nhổm dậy khỏi tấm ván giường gỗ để nhìn anh ấy xem anh ấy còn ở đó không, rằng đó là sự thật, rằng tôi có người để tâm sự.

Gia đình VC đang thiết lập một quy tắc ứng xử trong mùa lễ hội để tránh sự khắc nghiệt. Trong những buổi thăm vấn ngắn hơn, họ là người nói nhiều nhất, nói với chúng tôi rằng cách đối xử của họ với chúng tôi “rất nhân đạo”, mặc dù chúng tôi là “tội phạm”.

Ngày 20 tháng 12, Chó gọi tôi vào. Cuối cùng, hẳn lại nói về lòng tốt của mọi người. Sau đó, một khoảng lặng đầy ý nghĩa, hẳn hỏi: “Anh có muốn viết thư cho gia đình không?” Tôi suy nghĩ rất lâu trước khi trả lời. Tôi biết rằng cái giá phải trả cho việc viết thư về nhà có lẽ là yêu cầu tôi phải đưa vào một số thứ vớ vẩn về “đối xử nhân đạo”. Cuối cùng tôi quyết định rằng đó sẽ là một cái giá nhỏ để Evelyn có thể biết được tin tức của tôi và được an tâm phần nào.

Sau khi đưa tôi tập viết, Chó bảo tôi ghi địa chỉ người gửi trước. Nó đọc:

“Từ những tội phạm Hoa Kỳ bị bắt quả tang.” Đủ rồi! Tôi ném bút chì xuống. “Tôi sẽ không bao giờ viết thư nếu phải dùng địa chỉ

người gửi như thế! Tôi chắc chắn nó sẽ làm vợ tôi hoảng sợ, và có thể khiến cô ấy lên cơn đau tim!”

Chó rất lo lắng và bỏ đi khoảng mười lăm phút. Khi quay lại, hấn nói: “Được rồi, giờ chúng ta sẽ viết thư lại.” Địa chỉ người gửi được viết nhẹ nhàng hơn thành: “Trại giam giữ phi công Hoa Kỳ bị bắt tại Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.” Tôi chấp nhận và viết thư. Tôi cảm thấy rất vui khi viết, giống như đang nói chuyện với Evelyn. Tinh thần tôi phấn chấn hơn một chút.

Từ: Lawrence Nicholas Guarino

Địa chỉ: Trại giam giữ phi công Hoa Kỳ bị bắt tại Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Gửi: Bà Evelyn Teresa Guarino (vợ)

Địa chỉ: 321 Đại lộ 12, Belmar, New Jersey, Hoa Kỳ

20 tháng 12 năm 1965

Kính gửi vợ, các con trai và các bậc phụ huynh thân yêu của tôi,

Thật tuyệt vời khi người dân Việt Nam cho phép tôi viết thư về nhà nhân dịp Giáng sinh và Mùa Chay của chúng ta!

Anh mong cả nhà tiếp tục cuộc sống như thường lệ, công việc, trường học hay bất cứ điều gì, vì không gì có thể giúp ích ngoài những lời cầu nguyện liên tục và mạnh mẽ của cả nhà cho chiến tranh kết thúc.

Một vài vấn đề sức khỏe nhỏ mà anh gặp phải đã được một bác sĩ phụ trách xử lý kịp thời. Các lính canh và sĩ quan đã đối xử công bằng với chúng tôi và chúng tôi được cung cấp quần áo và chỗ ở đầy đủ. Chúng tôi ăn hai lần mỗi ngày và được cung cấp rất nhiều nước sạch.

... cầu xin Cha McIntyre giúp chúng tôi trở lại nhà thờ. Tôi đã rước lễ lần cuối vào ngày 6 tháng 6 và tham dự Thánh lễ vào ngày 13 tháng 6, nên lịch trình của anh rất, rất rõ ràng trước khi đến đây. Anh rất mừng vì điều đó, bởi vì Ngài đã chăm sóc anh rất chu đáo, cùng với sự đối xử nhân đạo mà người dân Việt Nam dành cho anh. Anh cảm thấy dường như những người này đang quyết tâm chiến đấu cho đất nước của họ.

Anh hy vọng tất cả mọi người đều tham dự Thánh lễ thường xuyên hoặc nhiều hơn, và cầu nguyện cho mọi người được bình an, cả chúng ta lẫn họ, cũng như các phi công trong trại giam và tất cả gia đình đang lo lắng của họ. Có thể một số người không may mắn như anh đã bị thương khi nhảy dù hoặc bị thương. Như em đã biết, khi phóng ra khỏi một chiếc máy bay tốc độ cao, rất dễ bị thương.

Evelyn, người yêu dấu của anh. Anh muốn nghe tất cả mọi điều về em. Đừng nản lòng,

hãy luôn ăn mặc đẹp và mỉm cười. Hãy tự mình quyết định những vấn đề như xe cộ, nhà cửa, v.v. vì anh không thể hiểu hết những vấn đề của em, nên em cứ thoải mái giải quyết theo cách tốt nhất của mình.

Lòng yêu thương của anh dành cho em vẫn luôn như vậy, và cao vời như chính thiên đường vậy. Anh yêu em rất nhiều! Hãy làm theo hướng dẫn bên dưới để thư hồi âm của em không bị chậm trễ.

Đó là hầu hết những điều anh nghĩ đến và anh hy vọng nó sẽ giúp em vơi bớt nỗi lo lắng. Hy vọng em đã có một Giáng sinh vui vẻ và Chúa sẽ ban cho em một năm tới hạnh phúc hơn. Evelyn yêu dấu, anh biết em luôn ở bên anh, anh cảm nhận được điều đó.

Tình cảm sâu sắc nhất của anh dành cho tất cả, Larry (Bố)

Trước khi bị “giết”, tôi chưa bao giờ nghe nói đến Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, chỉ nghe nói đến Bắc Việt Nam. “Giết” là một cách diễn đạt mới mà tôi áp dụng, bởi vì khi một máy bay bị bắn hạ, nó được ghi là “giết” trên bảng điểm, và bị Cộng sản bắt cũng tệ như bị giết.

Sau khi tôi viết xong thư, Chó xem qua và tỏ vẻ hài lòng. “Sắp tới anh sẽ chuyển sang phòng khác. Anh sẽ ngạc nhiên với những gì mình thấy.” VC luôn dùng từ “phòng” thay vì

“xà lim” và “phòng” thay vì “khu nhà giam”. Hăn nói tiếp, “Và giờ đây, vì mọi việc đang diễn ra tốt đẹp với chúng tôi và chúng tôi có sự ủng hộ của toàn thể giới trong cuộc đấu tranh của mình... lần đầu tiên trong lịch sử Việt Nam, tất cả, [hăn nhắc lại điều này một cách nhấn mạnh và đầy cảm xúc, ngón tay chỉ lên trời] Tất cả, người dân của chúng tôi sẽ có thịt để ăn vào dịp Giáng sinh.”

Hăn nói “một ít thịt”. Khi người Mỹ chúng ta nghĩ đến thịt, chúng ta nghĩ đến một miếng sườn nướng đứng, một miếng thịt bò thăn, một miếng bít tết hai mươi ounce, một con gà tây quay. Thật khó để chúng ta hiểu được suy nghĩ của những người rất nghèo vì hầu hết chúng ta đều được nuông chiều, ít nhiều từ khi còn nhỏ. Ý của Chó khi nói “một ít thịt” là mỗi người Việt Nam sẽ được cắt một miếng mỡ lợn nhỏ và rất biết ơn vì điều đó. Và vì điều đó, Hồ Chí Minh sẽ được ghi công lớn trong nhiều năm sau đó, giống như cách người Trung Quốc vẫn luôn ca ngợi Chủ tịch Mao.

Ngày hôm sau, Chó gọi cả Ron và tôi ra ngoài cùng một lúc. “Anh có muốn gặp một linh mục Công giáo vào dịp lễ của các anh không?” Thật bất ngờ. Chúng tôi nhìn nhau và đồng ý.

“Tốt lắm. Anh và Cormier sẽ được đưa đi gặp linh mục.”

Chúng tôi biết hẳn đang ám chỉ Trung sĩ Arthur Cormier, một nhân viên y tế thuộc phi hành đoàn trực thăng gồm hai phi công Bob Lilly và Jerry Singleton, bị bắn rơi vào tháng 11 khi họ đang cố gắng đón phi công A-1 Dick Bolstad. Tất cả giờ đây đều là “khách” của Hà Nội!

Vài đêm sau, họ đến tìm chúng tôi. Chúng tôi bị bịt mắt và được đưa đến Hỏa Lò, vào phòng số 24. Chúng tôi mĩa mai gọi Hỏa Lò, nhà tù thành phố, là “Hanoi Hilton”. Gọi như vậy là một sai lầm, bởi vì rất nhiều người Mỹ, không biết (hoặc chỉ biết sơ sài) những gì thực sự đang xảy ra với chúng tôi, tin rằng chúng tôi thực sự đang bị giam giữ thoải mái trong một khách sạn Hilton! Chúng tôi hỏi tình hình chiến sự thế nào. “Không có gì thay đổi, có lẽ trong hai năm nữa,” hẳn trả lời.

Có mặt ở đó là một số lính gác, một nhiếp ảnh gia, Thỏ, và cha Hồ Thận Biên, giáo trưởng của Giáo hội Công giáo Bắc Việt. Còn có một người đàn ông khác nữa, lúc nào cũng dán mắt vào vị linh mục già. Ron và tôi quyết định rằng ông ta là “người trông coi” riêng của vị linh mục. Họ cho chúng tôi vài viên kẹo để nhai trong lúc chờ đợi. Chúng tôi tự

hỏi màn tiếp theo sẽ là gì.

Cha Hồ Thân Biên da trắng, tóc bạc phơ. Mỗi ngày nay ông không cạo râu, râu bạc trắng lớm chớm khắp mặt. Trông ông lai Pháp. Ông nói tiếng Pháp lưu loát, và chẳng mấy chốc biết chúng tôi không nói tiếng Pháp, nên ông nhờ “người giữ” của mình làm phiên dịch. Ron hỏi người phiên dịch xem hẳn có thể giúp cha xứ làm lễ được không. Cha Biên đồng ý, và ngạc nhiên khi thấy Ron thông thạo nghi lễ tiếng Latin đến vậy.

Rồi Thỏ gầm gừ, “Ga-reeno-giờ thì mày thú tội với cha xứ đi! Nói cho ông ấy biết mày đã lên đây bao nhiêu lần, đã bay bao nhiêu nhiệm vụ! Còn mày nữa, Byrne!”

Tôi nhìn Thỏ và nói, “Chỉ vài lần thôi.”

Ron trả lời, “Chỉ một lần thôi.”

Chúng tôi đoán mình sắp được tham gia một buổi lễ nhà thờ có cả trò đổ vui. Cha Biên tiếp tục làm lễ. Nhiếp ảnh gia chụp vài tấm ảnh khi chúng tôi được Rước Lễ. Ngay sau đó, chúng tôi được đưa trở lại Sở Thú.

Chúng tôi chuyển đến phòng giam trung tâm ở phía sau tòa nhà Pool Hall, nơi có mười phòng giam. Một số phòng giam nhỏ có sàn lát gạch xanh lá cây và trắng. Phòng giam của chúng tôi có hai tấm ván gỗ kê trên cột xi măng, tường trống trơn và một cái xô vệ

sinh. Không có cửa sổ nào cả, ngoại trừ hai cửa thoát hiểm hình chữ nhật, mỗi cửa rộng năm inch x chín inch, cao khoảng ba mét trên tường. Nơi này tối tăm, ngột ngạt và ngột ngạt, nhưng Chó gọi đó là “một bất ngờ thú vị”. Chắc hẳn nó thấy điều đó thật tuyệt! Tin tức mới nhất trên Hệ thống loa là cả hai bên đã đồng ý ngừng bắn trong ba ngày.

Ngày Giáng sinh thật đau lòng. Họ mang đến một bữa ăn ngon lành gồm súp khoai tây, (kèm khoai tây!), salad, bánh mì, rau củ, và gà tây tươi ngon! Chúng tôi ăn hết thịt xông khói, nhưng mắt tôi ngứa cả ngày, và Ron cũng không được khỏe. Chúng tôi tràn ngập những suy nghĩ về gia đình. Bài học, một lần nữa, lại là một bài học đau đớn. Thứ xa xỉ duy nhất mà một người bị giam cầm không thể có được là sự tự thương hại. Nhưng cần thời gian để quen dần, bởi vì bạn phải thay đổi lối suy nghĩ thông thường của mình.

Những ngày sau Giáng sinh yên tĩnh lạ thường, và lính canh cũng chẳng làm phiền chúng tôi. Họ để cửa mở hàng giờ liền. Chúng tôi thò đầu ra nói chuyện với những người khác ở phía bên mình, và cả bên kia chuồng ngựa. Giường tầng của tôi nằm bên trái phòng giam, và người ngồi cạnh tôi là Ev Alvarez.

Nằm trên giường tầng vào ban đêm, Alvy

và tôi vỗ vai nhau. Anh ấy kể cho tôi nghe về vợ anh ấy, Tangee, và tinh thần anh ấy phấn chấn thế nào vì Tom Barrett, bạn tù mới của anh ấy, nghĩ rằng chiến tranh không thể kéo dài thêm được nữa. Tôi nói với Alvy rằng tôi rất ngưỡng mộ anh ấy vì đã ở trong phòng biệt giam lâu như vậy mà vẫn kiên trì, vẫn giữ vững tinh thần yêu nước và trung thành. Tôi hỏi anh ấy làm thế nào để giữ vững tinh thần tốt như vậy, trong thời gian dài như vậy. Anh ấy trả lời, “Giờ cũng không tệ. Tôi nhận được những tin nhắn rất khích lệ từ hàng xóm.” (Anh ấy nói về tôi. Điều đó đã nâng cao tinh thần của tôi.)

Nhiều tin đồn lan truyền qua các bức tường. Tin đầu tiên là hiện có khoảng sáu mươi người Mỹ đang bị giam cầm. Tin thứ hai còn phấn khích hơn nhiều. Người ta tin rằng, do một người Việt Nam nói tiếng Anh lơ lửng, lệnh ngừng bắn đã được gia hạn để đàm phán chấm dứt chiến sự! Một tuần sau, mười lăm người chúng tôi, tất cả đều là những người bị bắn hạ từ sớm, được đưa lên xe tải và đưa vào trung tâm thành phố để chụp ảnh, mỗi người một kiểu. Trong thời gian ở đó, chúng tôi được phát kẹo caramel sô-cô-la. Tinh thần lên cao. Điều này chắc hẳn có nghĩa là chiến tranh sắp kết thúc!

Vài ngày sau, ngay trong Sở thú, họ thiết lập một dây chuyền kiểm tra sức khỏe cho mười lăm người chúng tôi. Họ kiểm tra các dấu hiệu sinh tồn, tim, phổi, mắt, tai. Họ lấy mẫu xét nghiệm - máu, nước tiểu và phân. Người lấy phân là một gã nhỏ con, có biệt danh là Dum Dum. Hắn đưa cho mỗi người một cái lọ nhỏ qua lỗ nhỏ, nói: “Undahstan, mày phải làm phân trong lọ này à?”. Dum Dum có lẽ lấy tên từ một người nào đó nghĩ rằng hắn ngốc nghếch. Tôi cho rằng hắn thực sự được đặt tên theo loại đạn đầu mềm gây tổn thương mô nghiêm trọng, khi xuyên qua cơ thể người, sẽ vỡ ra thành những lỗ thủng lớn. Đạn dumdum vi phạm Công ước Geneva, giống như nhiều loại vũ khí khác, bao gồm cả bom napalm và khí độc. Dum Dum đeo một thanh sắt duy nhất, là sĩ quan cấp thấp nhất trong quân đội của họ. Hắn là một kẻ rất nguy hiểm, tiếng Anh của hắn rất kém. Mỗi lần hắn mở miệng đều là một lời đe dọa. Hắn chỉ nói “tiếng Anh tra tấn”: “Mày phải thú tội, mày sẽ bị đánh! Mày phải tuân lệnh, mày sẽ bị còng tay! Mày sẽ không bao giờ được về nhà!” Thật không may, chúng tôi đã phải chứng kiến rất nhiều gã đàn ông nhỏ bé đáng ghét này, và hắn ta đã thực hiện hầu hết những lời đe dọa của mình.

Những người khám cho chúng tôi là các nhân viên y tế. Cũng có một vài bác sĩ nữa. Anh chàng đang kiểm tra tai đã nhìn vào tai tôi, và trước khi tôi kịp hiểu chuyện gì đang xảy ra, anh ta đã luồn một sợi dây vào tai tôi (có lẽ là để lấy ráy tai ra) và làm thủng màng nhĩ! Chỉ trong vòng hai ngày, màng nhĩ đã bị nhiễm trùng và rất đau. Khi tôi gọi bác sĩ, thật kỳ diệu, bác sĩ trại đã đến và cho tôi vài viên thuốc, và bệnh tình đã khỏi ngay lập tức.

“Hệ thống loa” nhanh chóng xác nhận lệnh ngừng bắn đã có hiệu lực! Chúng tôi vô cùng háo hức chờ đợi được giải thoát. Nhưng cái gì lên cao, sớm muộn gì cũng sẽ xuống thấp.

Quan điểm của Bắc Việt là tất cả lực lượng Hoa Kỳ và nước ngoài phải rời đi ngay lập tức, để Bắc Việt có thể tiến hành “thống nhất” hai miền Nam Bắc. Quan điểm của Mỹ là miền Bắc phải ngay lập tức chấm dứt hỗ trợ Việt Cộng và rút toàn bộ lực lượng về miền Bắc. Hai bên hoàn toàn khác biệt. Cuối tháng 1, câu trả lời của Hồ Chí Minh được phát qua hệ thống loa.

“Ron, anh nghe rõ chưa? Ông ta nói gì?”

“Hồ Chí Minh vừa bảo Johnson “ném muối hột vào mông ông ta!”

Kết thúc đàm phán - chờ đợi cú lao dốc nữa!

Một bài học quan trọng khác mà chúng tôi rút ra, theo thời gian (một khoảng thời gian rất dài), là tránh sự phấn khích thái quá trước những tin tức có thể ít hoặc không có giá trị thực tiễn. Để duy trì sự ổn định, những thăng trầm về tinh thần phải được kiểm soát ở mức dao động nhẹ nhàng trong thời gian dài. Chúng tôi đã cố gắng làm điều đó mà không hề nhận ra. Trong tất cả các ô có từ hai người trở lên, thường có một người lạc quan, trong khi những người khác lại bi quan. Người bi quan biết vai trò của mình chỉ có vậy, và anh ta thực sự muốn người lạc quan đúng, mặc dù chính anh ta, người bi quan, sẽ lên án ý kiến của người lạc quan là “hoàn toàn ngu ngốc”. Và trò chơi cứ thế tiếp diễn. Tiếc thay, người bi quan thường đúng.

Một buổi tối, người Việt Nam đến và ra hiệu cho Ron mặc quần áo, bằng một cái tát vào cổ tay, ngụ ý “mặc đồ ngủ dài tay, tối nay có gì đặc biệt”. Chúng tôi cứ tưởng anh ấy chỉ đi chơi đồ vui ban đêm, nhưng anh ấy đi mất bốn tiếng đồng hồ, và tôi thực sự lo lắng. Khi anh ấy trở về, anh ấy kiệt sức cả về thể chất lẫn tinh thần, và mừng vì buổi biểu diễn tối hôm đó đã kết thúc.

Anh ấy được đưa đi gặp một phái đoàn gồm ba người Mỹ, những người không đại

diện cho ai ngoài chính họ, và chuyển thăm của họ hoàn toàn trái ngược với chính sách của Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ, vốn cấm du lịch đến Bắc Việt Nam. Khi Ron kể cho tôi nghe chi tiết về cuộc gặp, thỉnh thoảng tôi lại hỏi han để hiểu rõ câu chuyện.

Như thường lệ, các sĩ quan và lính canh Việt Nam có mặt trong suốt phiên họp. Ron được ngồi trên chiếc ghế gỗ nhỏ, trong khi những người thẩm vấn ông, những người Mỹ đồng hương, ngồi thoải mái sau một chiếc bàn. Người đầu tiên là Giáo sư Staughton Lynd, đến từ Đại học Yale. Lynd nói rất ít trong suốt thời gian đó, và khi sự phức tạp của cuộc họp trở nên rõ ràng, ông ấy trông càng lúc càng khó chịu, bởi vì ông ấy nhận ra mình đã vướng vào một vấn đề quá sức chịu đựng. Ron nghĩ rằng ông ấy có ý tốt, nhưng bằng cách nào đó lại bị cuốn vào chuyến đi Việt Nam này với một nhóm người rất xấu.

Người thứ hai được xác định là Herbert Aptheker, lúc bấy giờ là lãnh đạo Cộng sản tại Hoa Kỳ. Ông ta hỏi Ron rất nhiều câu hỏi về nguyên nhân của chiến tranh, và bạn tôi đã trả lời hầu hết các câu hỏi theo cách thông thường, và lảng tránh những câu hỏi mà anh không muốn trả lời. Một số câu hỏi khiến Ron khó trả lời mà không làm V nổi

giận, những người đang theo dõi anh như điều hâu, nhưng ngạc nhiên thay, Aptheker đã hiểu ý và lùi lại, chuyển sang một chủ đề mới. Anh ta không quá khắt khe khi tra hỏi Ron, cũng không tàn nhẫn khi nhận xét khi Ron ngập ngừng. Ông ta có vẻ hài lòng khi để người thứ ba trong nhóm nắm quyền chỉ huy và điều hành mọi việc theo cách của mình.

“Kẻ nắm quyền”, người trẻ nhất trong ba người, là Tom Hayden, người mà theo Ron là kẻ xấu tính và độc ác nhất mà anh từng gặp.

“Larry, tôi không biết hắn là ai, nhưng hắn chắc chắn là một trong những kẻ tồi bại nhất mà chúng ta có thể bắt gặp ở đất nước này.”

“Chúa ơi, Ron, hắn ta tệ đến mức nào vậy?”

“Hắn ta có lòng căm thù... Hắn ta ghét tất cả những gì nước Mỹ đại diện.”

“Chẳng hạn như?”

“Thử tính xem. Hắn ta ghét hệ thống quân sự của chúng ta... Ghét hệ thống chính trị của chúng ta... Theo lời hắn ta, hắn ta là ‘kẻ chống đối chế độ’. Tôi chưa bao giờ nghe thấy điều đó trước đây.”

“‘Chắc là hắn ta bịa ra chuyện đó. Anh nghĩ hắn là cộng sản à?’ “‘Chà, nếu không phải, chắc chắn hắn yêu mến và ủng hộ họ.’ “‘Có lẽ hắn chỉ là một kẻ bất mãn kinh niên. Xã hội nào cũng có những kẻ như vậy.’

“Hắn rất hung hăng với tôi, không chịu buông tha, cố gắng bắt tôi đồng ý rằng chúng tôi là tội phạm, những kẻ đã chiến đấu trong một cuộc chiến tranh tội phạm! Tôi đã cố gắng hết sức để tránh nói bất cứ điều gì mang tính buộc tội, nhưng hắn vẫn đeo bám tôi không thương tiếc. Tôi chỉ cầu nguyện rằng mình có thể thoát khỏi mớ hỗn độn này mà không bị VC bắn trúng người sau đó.» Ông ta lắc đầu chán ghét.

“Tôi nghĩ tối nay anh đã làm rất tốt, anh bạn. Nếu V muốn trả thù, tôi không nghĩ chúng sẽ để anh quay lại - chúng sẽ tìm đến anh rất nhanh. Hayden này là loại người gì vậy? Một kẻ đến Hà Nội và quấy rối các phi công Mỹ của chính mình! Bắn vào tù binh chẳng khác nào bắn cá trong thùng! Hắn ta biết mình đã nắm được tinh hoàn của anh, và hắn ta đã bóp chết chúng. Chỉ có một thằng hèn hạ, thối tha, bắn thủ mới lợi dụng tình hình của chúng ta.”

“Hắn ta là một tên nguy hiểm, Larry! Nhưng anh phải ở đó mới thấy, mới tin điều đó có thể xảy ra. Hắn ta đổ lỗi cho tất cả chúng ta về cuộc chiến chống lại những người này. Hắn ta là một kẻ bệnh hoạn và cay đắng, và hắn ta đã khiến tôi tức giận và khó chịu đến mức suýt nôn vào mặt hắn ta.”

“Như tôi đã nói, hẳn ta chắc chắn là loại chó đẻ da vàng tồi tệ nhất còn sống, mới dám giở trò đồi bại như vậy với một tù nhân bất lực,” tôi nói, cơn thịnh nộ dâng lên khi nghĩ đến những gì tên này đang làm với chúng tôi. “Có lẽ một ngày nào đó sẽ đến lượt chúng ta. Anh đã làm tốt khi thoát khỏi trò bịp bợm của hắn mà không bị còng tay, hay tệ hơn thế nữa.”

Vào tháng Hai, chúng tôi nghe nói Red Berg vừa có một buổi họp gần đây với một phái đoàn Cộng sản Đông Âu. Họ đã gây khó dễ cho ông, nổi bật là câu hỏi: “Nếu tổng thống của ông bảo ông ra ngoài và thả bom hạt nhân xuống chúng tôi, ông có làm không?” Họ gây sức ép buộc Red phải trả lời, nhưng Red đã cố gắng né tránh. Cuối cùng, họ ép ông phải trả lời, và ông nói rằng ông sẽ làm theo lệnh của tổng thống kiêm tổng tư lệnh. Điều đó khiến họ tức giận, và một trong số họ đáp trả đầy đe dọa: “Ông là một kẻ nguy hiểm. Chúng tôi phải xử lý ông.” Dĩ nhiên, điều đó khiến Red sợ hãi, nhưng ông không bao giờ nghe thêm một lời nào nữa về chuyện đó.

Chúng tôi biết mọi chuyện sẽ còn khó khăn hơn nhiều. Chúng tôi dành thời gian lên kế hoạch cho những câu trả lời giả tạo và những tuyên bố dối trá. Chúng tôi cần một câu chuyện cổ tích để kể cho họ nghe, một câu

chuyện kể về cuộc đời chúng tôi, và những trải nghiệm bay lượn trong chiến tranh, một câu chuyện không thể bị vạch trần bởi VC khi đối chiếu với bạn bè.

Ngay từ ngày đầu tiên bị giam cầm, tôi luôn lo lắng không biết phải làm gì, hay nói gì, nếu những người thẩm vấn bắt đầu tìm hiểu bí mật hạt nhân cho người Nga. Tôi không chắc về hải quân, nhưng tôi biết rằng mọi phi công chiến đấu cơ chiến thuật của không quân đều có trình độ cao trong các hoạt động hạt nhân. Chúng tôi biết những vũ khí mới nhất, quy trình nạp đạn và các kỹ thuật được sử dụng để đưa vũ khí đến mục tiêu.

Nhiều người trong chúng tôi đã thực hiện các chuyến công tác tại các căn cứ được thiết lập chủ yếu cho các cuộc tấn công trả đũa trong trường hợp một hoặc tất cả “ba cường quốc” (Nga, Trung Quốc và Triều Tiên) quyết định hành động liều lĩnh và tấn công hạt nhân vào chúng tôi.

Tùy thuộc vào vị trí của mỗi cá nhân trong kế hoạch tác chiến tổng thể, anh ta cũng rất có thể có hiểu biết đáng kể về Kế hoạch Chiến tranh Tổng quát, và các quy trình đặc biệt để chuyển tiếp và xác nhận lệnh phóng, trực tiếp từ tổng thống, xuống các phi công và phi hành đoàn sẽ thực hiện các lệnh. Cũng có thể

một số phi công đã ghi nhớ danh sách dài các mục tiêu, theo tên và địa điểm, ở cả ba quốc gia đối địch.

Chủ đề nóng hổi này khiến tất cả chúng tôi toát mồ hôi hột, đến nỗi chúng tôi thậm chí không dám thảo luận về nó khi gõ cửa. Ron và tôi thì thầm với nhau, và quyết định rằng mỗi người phải tự xây dựng tuyến phòng thủ (và cả tuyến thứ cấp) của riêng mình, nếu bị tra tấn để lấy thông tin này.

Ron khôn ngoan nói: “Đừng tự chuốc lấy rắc rối, Larry. Lo lắng cũng chẳng ích gì - cứ đợi đến khi vấn đề xuất hiện. May mắn thay, có lẽ nó sẽ không bao giờ xuất hiện.”

Tại sao V chưa bao giờ đề cập đến vấn đề thẩm vấn này? Có thể họ cảm thấy rằng các hoạt động quân sự hạt nhân hoàn toàn khác xa với vấn đề của họ, và tốt nhất nên tập trung thẩm vấn vào những lĩnh vực hiệu quả và có lợi hơn cho họ. Họ thường nói rằng họ sẵn lòng chấp nhận mọi sự hỗ trợ vật chất và tinh thần mà họ có thể nhận được từ các đồng minh Cộng sản, và từ bất kỳ quốc gia nào khác đồng cảm với hoàn cảnh của họ. “Nhưng, [và đây là một “nhưng” rất lớn] mà không có điều kiện ràng buộc nào!”

Bạn bè của họ có lẽ đã rất thích thú với cơ hội có được một số thông tin đó. Tuy nhiên,

phía Việt Nam không muốn bị bất kỳ “ông lớn” nào trong ba “ông lớn” này lấn át và tình cờ mất quyền kiểm soát tù nhân theo ý muốn của đồng minh, vì vậy họ kiểm soát chặt chẽ các trại tù và hạn chế nghiêm ngặt việc thăm viếng của “bạn bè”.

Chúng tôi nghe nói rằng các vụ bắn hạ mới đang được tiếp cận thông tin ngay lập tức. Rõ ràng là tin tức thế giới mới nhất, và những gì họ nhận thấy là khả năng đàm phán chấm dứt chiến tranh đang mờ nhạt, đã thúc đẩy họ tiến lên hết tốc lực để moi móc những gì có thể từ các tù nhân của mình.

Hình thức thăm vấn đã phát triển thành một khuôn mẫu. Người Việt Nam bị thăm vấn theo bốn loại:

Loại thứ nhất: Thông tin quân sự kịp thời, được ưu tiên hàng đầu. VC đã biết được, từ việc các tù binh chiến tranh bị tra tấn thừa nhận, rằng một danh sách các mục tiêu sẽ bị tấn công đã được công bố trước ba mươi ngày. Họ đã thăm dò để tìm hiểu xem tù nhân bị thăm vấn có biết danh sách mục tiêu hay bất kỳ phần nào của nó hay không. Việc thu thập thông tin này sẽ cho phép họ cải thiện năng lực phòng không, sơ tán nhân sự không cần thiết, và thậm chí di chuyển các nguồn cung cấp thiết yếu hoặc thiết bị kỹ thuật,

tùy thuộc vào loại mục tiêu. Việc tìm kiếm thông tin về máy bay và khả năng vũ khí mới diễn ra liên tục. Kỹ thuật triển khai vũ khí và chiến thuật bay cũng rất quan trọng đối với V, bởi vì kiến thức về các chiến thuật này sẽ giúp họ thiết kế các phương pháp phòng thủ để giảm hiệu quả của các nhiệm vụ không kích. Thông tin tình báo về các thiết bị điện tử mới lắp đặt và các biện pháp đối phó điện tử cũng có giá trị quân sự to lớn đối với họ.

Hạng mục thứ hai: Thông tin cá nhân về tù nhân mới. Bao gồm tiểu sử theo trình tự thời gian, từ khi sinh ra đến hiện tại. Một lịch sử gia đình đầy đủ được coi là quan trọng, bởi vì một hồ sơ cá nhân cung cấp nhiều công cụ hữu ích cho những người thẩm vấn. Họ có thể đe dọa gây hại cho gia đình tù nhân và cố gắng ép buộc anh ta viết thư tuyên truyền cho các công đoàn, nhóm nhà thờ hoặc các tổ chức anh em. Nghiên cứu một số hồ sơ có thể cung cấp một góc nhìn về tâm lý cá nhân của các phi công và phi hành đoàn. Người Việt Nam muốn biết điều gì đã thúc đẩy chúng tôi và điều gì khiến chúng tôi hành động. Họ thể hiện rõ ràng rằng họ hy vọng sẽ phát hiện ra một mô hình điểm yếu về tính cách có thể bị khai thác.

Hạng mục thứ ba: Thông tin chính trị về

kiến thức và các đảng phái chính trị hoặc niềm tin của tù nhân. VC có ích cho việc xác định mối quan hệ trước đây với các đảng phái chính trị, bao gồm bất kỳ mối quan hệ cá nhân nào với các chính trị gia hàng đầu. VC tìm kiếm khả năng bất đồng quan điểm với chính trị đảng phái và chính trị quốc gia. Việc khai thác xảy ra trong mọi trường hợp khi tù nhân thừa nhận bất kỳ mối quan hệ hoặc tình bạn cá nhân nào với các chính trị gia.

Loại thứ tư: Bí mật tù nhân. Những bí mật này thường được các tù nhân đã bị giam giữ một thời gian nắm giữ vì họ sẽ có thông tin đó. Người Việt Nam thường bắt đầu những cuộc thẩm vấn này với lý do thường thấy là các quy định của trại đã bị vi phạm. Tù nhân thường bị đổ lỗi cho việc tra tấn tràn lan, “vi phạm quy định”, đặc biệt là những quy định cấm liên lạc. Phía Việt Nam muốn nắm rõ toàn bộ cơ cấu chỉ huy của tù nhân, tức là ai là sĩ quan cấp cao nhất của trại, và ai là sĩ quan cấp cao nhất của khu giam. Chính sách của các sĩ quan cấp cao, và các chương trình kháng cự chống lại chính quyền trại, là những vấn đề mà phía Việt Nam coi là cực kỳ quan trọng đối với an ninh trại. Việc liên lạc giữa các tù nhân đặc biệt gây khó chịu

cho chính quyền, bởi vì họ sớm nhận ra rằng, với việc liên lạc giữa các phòng giam và khu giam, tù nhân có thể tổ chức, thông qua chính sách và mệnh lệnh, và nắm bắt được những gì phía Việt Nam đang làm. Thông tin liên lạc sẽ giúp khuyến khích những người bị tra tấn kiên cường và duy trì mức độ kháng cự đáng nể trước sự bóc lột. Phía Việt Nam liên tục cố gắng nâng cao kiến thức về nhiều phương pháp liên lạc đã được thiết kế. Theo thời gian, họ đã học được hầu hết các phương pháp của chúng tôi, nhưng vẫn không thể chấm dứt hoàn toàn việc giao tiếp giữa tù nhân. Họ trở nên quá nhạy cảm, quá kích động về điều đó đến nỗi đã tra tấn một người đàn ông vì bị cho là giao tiếp bằng cách sử dụng kỹ thuật kiểm soát tiểu vào xô vệ sinh của anh ta!

Một bảng câu hỏi chính thức, được đánh máy gọn gàng bằng xuất hiện trong các buổi thẩm vấn. Nó mang nặng tính kỹ thuật, và hầu hết chúng tôi đều tin rằng người Việt Nam không thể nào nghĩ ra được nó. Chó đưa nó cho tôi, và thực ra tôi chưa bao giờ nghe nói đến các biện pháp đối phó điện tử và vũ khí mới mà nó mô tả. Chó không tin lời tôi nói là hoàn toàn thiếu hiểu biết, nhưng dù tỏ ra rất tức giận, anh ấy vẫn chuyển sang một chủ đề khác.

“Và bây giờ, vì anh là một trong những người lớn tuổi nhất ở đây, rất thông thái và sáng suốt, tôi yêu cầu anh viết một câu chuyện về tâm lý của phi công chiến đấu Mỹ.” Hắn đẩy bút chì và giấy về phía tôi. Tôi kinh ngạc, và tôi đã thể hiện điều đó bằng một tràng pháo tay khiến hắn ngạc nhiên.

“Psych-psych-cái quái gì thế? Tôi không biết đánh vần, và chắc chắn là không biết gì về nó! Tôi đã nói với anh rằng tôi là sĩ quan dự bị bị loại [tức là không được chọn để thăng chức], và tôi đã theo một đại úy lên đây. Tôi không thể giúp anh bất cứ điều gì như thế. Đừng hỏi.”

Hắn đáp trả bằng những lời đe dọa trừng phạt nặng nề, và hét lên,

“Hơn nữa, tôi muốn anh viết toàn bộ tiểu sử cá nhân của mình từ khi anh sinh ra cho đến khi bị bắt, và nếu anh từ chối, anh sẽ bị trừng phạt ngay lập tức!” Tất nhiên là tôi từ chối, và chết tiệt, hắn đã sai lính gác lôi cái mông gầy gò của tôi đến phòng giam trống ở phía sau bên trái của tòa nhà khán phòng. Đó là một căn phòng nhỏ, rộng năm feet x chín feet, rất tối tăm và bẩn thỉu, sau này được gọi là phòng Hồ Chí Minh.

Đêm đến, tôi nằm trên sàn nhà trống trải, cố gắng bảo vệ ngón chân khỏi muỗi bằng

cách kéo quần ngủ lên chân và giữ chúng cố định bằng cách ép chân vào cửa. Trong hai ngày, tôi không được ăn uống gì cả. Đến ngày thứ ba, họ cho tôi nửa cốc súp và một miếng bánh mì nhỏ. Sau một tuần, tôi lại bị đưa ra thẩm vấn và đồng ý viết tiểu sử. Tôi viết từng chữ một, nhưng Chó không chịu nhận cho đến khi tôi viết tay. Nó đưa cho tôi xem một chồng “bài viết của đồng chí mày” cao một foot. Tôi nhìn vào một số, và chúng gào thét. Mày muốn nghe truyện không? Họ có truyện - truyện cổ tích!

Trong “kiệt tác” của mình, tôi kể về việc cha tôi là một thành viên của tầng lớp lao động nông dân, và về các phòng thí nghiệm của ông trong một nhà máy do bọn đế quốc điều hành. Tôi cũng nhắc đến công việc chính của ông tôi là buôn rượu lậu, một thợ đóng giày. Tôi kể về việc bọn chủ ngân hàng đã tịch thu nhà của chúng tôi và đuổi chúng tôi ra đường. Tôi đã vật lộn như thế nào với tư cách là một sĩ quan thiếu học thức, và tôi đã không được chuẩn bị tốt cho chiến tranh ra sao. Tôi viết rằng tôi đã bay lên phía bắc theo một viên đại úy trẻ đến khu vực mục tiêu chỉ vì tôi chỉ đủ điều kiện để bay xuyên quốc gia không mang vũ khí. Tôi nói thêm rằng thánh giác và thị lực của tôi không đạt

tiêu chuẩn. Chó rất hài lòng, và tôi cũng hài lòng vì nó không thúc ép tôi phải làm bảng câu hỏi chính thức, hay thử tâm lý học đó. Họ đưa tôi trở lại phòng giam cũ, và thật tuyệt khi được gặp lại Ron.

Vài đêm sau, họ đến đón tôi và đưa tôi đến một nơi tôi chưa từng thấy trước đây. Đó là một tòa nhà lớn với một cầu thang cao rộng ở phía trước. Chó bước vào và nói với tôi rằng tôi sẽ sớm gặp một nhà báo phương Tây, và nhắc tôi phải lịch sự và trung thực. Tôi đợi trong một căn phòng nhỏ bên cạnh. Một phụ nữ Việt Nam xinh đẹp với một đứa con nhỏ bước vào và đưa cho tôi một chai bia và một ít bánh quy. Tôi thấy một người Mỹ khác chống nạng đi khập khiễng ngang qua. Tôi đoán đúng đó là phi công hải quân Ray Vohden.

Đến lượt tôi, tôi bước vào một phòng khách dài được kê một chiếc ghế dài cho tôi và vài chiếc ghế sofa hai bên. Đèn và máy quay khắp nơi. Người quay phim tự giới thiệu và bắt tay tôi nồng nhiệt. Anh ta rất đẹp trai, và tôi đang chờ đợi một thông điệp bí mật nào đó nhưng chẳng thấy. Thay vào đó, anh ta nhìn tôi với ánh mắt như muốn nói: “Đồ khốn nạn, tôi không muốn ở trong hoàn cảnh của anh đâu.”

Rồi người đứng đầu cùng vợ bước vào. Tôi trình trọng giới thiệu: “Thiếu tá Larry Guarino, Không quân Hoa Kỳ.” Ông ta nói với tôi cái tên giả Graham, nhưng tôi đã nhận ra ông ta qua một số cuốn sách tuyên truyền mà chúng tôi được phát, trong đó có ảnh của ông ta. Ông ta là nhà báo người Úc Wilfred Burchett, biệt danh “Wellfed Bullshit” (tên mập tào lao) với chúng tôi, người đã viết về phía Cộng sản trong mọi bài báo, bắt đầu từ Chiến tranh Triều Tiên. Ông ta giới thiệu vợ mình, và tôi đứng dậy trong khi ông ta làm vậy. Cô ấy tóc vàng, người Pháp, ngoài ba mươi, xinh đẹp, nhưng hơi thừa cân. Cô ấy ngồi phịch xuống một chiếc ghế bành kiểu phương Tây bọc nệm dày cộp, đầu gối co lên cao. Tôi liếc nhìn và nghĩ, “Chân cũng không tệ đối với một cô nàng mũm mĩm.”

Burchett hỏi tên, cấp bậc, số hiệu máy bay và tôi cất cánh từ đâu. Tôi trả lời, “Bắc Việt Nam.”

“Giờ thì xem nào,” ông ta nói khi ra lệnh cho máy quay cắt hình để bắt đầu lại.

“Xin lỗi,” tôi nói, “lỡ lời.”

Burchett tiếp tục nói đùa vui vẻ như thường lệ rằng tôi là tội phạm. Tôi trả lời rằng tôi không phải, mà là một tù binh chiến tranh thực sự. Sau đó, Burchett lên án hành

động xâm lược của Mỹ, và tôi trả lời rằng đó là một sự can thiệp danh dự chống lại sự xâm lược của Cộng sản.

“Ông có ủng hộ tổng thống của mình không?” ông ta hỏi. Tôi trả lời, “Ông ấy là tổng tư lệnh của tôi, và tôi tuân thủ mọi mệnh lệnh của ông ấy.”

Ông ta phiên dịch một câu hỏi của vợ mình: “Làm sao ông biện minh cho việc giết hại phụ nữ và trẻ em?” Tôi trả lời, “Chúng tôi không bao giờ sẵn lòng làm bất cứ điều gì ghê tởm như vậy, nhưng trong thời chiến, việc mất mát sinh mạng thường dân là điều hoàn toàn không thể tránh khỏi. Sau đó họ đưa tôi trở lại phòng giam ở Sở thú.

Vài đêm sau, tôi lại được đưa ra ngoài, nhưng đến một địa điểm khác, một tòa nhà thành phố có phòng họp lớn, nơi tôi ngồi một mình trong yên tĩnh hồi lâu, ngắm nhìn sàn nhà lát gạch khảm tuyệt đẹp. Cuối cùng, Chó bước vào và nói: “Tối nay anh sẽ gặp một phụ nữ phương Tây. Bà ấy rất già. Anh phải nói nhiều, nhưng trên hết là phải rất, rất lịch sự.”

Quả thật bà ấy đã già. Bà tự giới thiệu mình là Helga Cook, một phụ nữ Anh. Tôi lại tự giới thiệu, rất trang trọng, trong khi đứng: “Thiếu tá Larry Guarino, Không quân Hoa

Kỳ.” Chó không thích điều đó, nhưng kệ xác hần. Bà ta bảo tôi ngồi. Bà ta đeo kính dày và nói chuyện qua hàm răng khấp khểnh. Bà ta cầm bút chì bằng nắm tay phải và viết nguệch ngoạc vài chữ lên mỗi trang giấy, cố gắng giữ giao tiếp bằng mắt để tôi không nhận ra bà ta đang ghi chép. Sau khi trải qua những lời lẽ tầm phào thường thấy về cuộc chiến “tội ác” (và chắc chắn bà ủng hộ chủ nghĩa cộng sản), bà lại ca ngợi những ưu điểm của hệ thống xã hội chủ nghĩa như thể nó là một điều thần thánh. “Người Mỹ rất sợ từ “chủ nghĩa cộng sản”, phải không?”

“Có thể nói là họ e ngại về điều đó.”

“Phải, người Mỹ chưa sẵn sàng cho chủ nghĩa cộng sản, ít nhất là chưa phải lúc này,” bà nói với một nụ cười méo mó. Tiếp tục bài giảng, bà chỉ ra rằng người Việt Nam đã “thay thế Chúa bằng khoa học một cách đúng đắn.” Nghĩ về tất cả những điều tồi tệ mà tôi đã chứng kiến ở đất nước này cho đến nay, tôi không thể nào hào hứng với việc V là một quốc gia thiên về kỹ thuật và khoa học. Bà Cook rời đi sau khi lấy được địa chỉ nhà của Evelyn và nói rằng bà sẽ “liên lạc để nói với cô ấy rằng tôi may mắn như thế nào”.

Những sự kiện này với Burchett và Helga Cook diễn ra vào tháng 3 năm 1966. Cuối

tháng đó, chó đưa cho cả Ron và tôi những lá thư thứ hai từ nhà.

Thư của tôi cho biết Evelyn đã chuyển từ nhà mẹ cô ấy ở bờ biển Jersey đến Cocoa Beach, Florida. Cô ấy đã viết về những rắc rối của việc chuyển nhà. Trước khi đuổi tôi đi, Chó nói: “Vợ anh không hỏi về việc anh điều trị. Cô ấy quan tâm nhiều hơn đến đồ đạc của mình! Nhà cửa và đồ đạc của cô ấy rất quan trọng với cô ấy. Một ngày nào đó, chúng ta cũng sẽ có tất cả những thứ đó.”

“Vì gia đình anh, tôi hy vọng anh sẽ có tất cả những điều đó, nhưng tôi không nghĩ anh sẽ thấy được điều đó trong đời.” Tôi nói điều đó một cách nhẹ nhàng nhất có thể; tôi thấy thương hại hẳn, vì biết rằng người dân của hẳn sẽ không bao giờ được hưởng cuộc sống tốt đẹp như chúng ta đang có (và đã coi đó là điều hiển nhiên). Quá nhiều người dân của chúng ta đã lạc lối và không trân trọng sự tự do cũng như những thứ vật chất mà chúng ta đang có.

Trong những cuộc thẩm vấn gần đây, những lời đe dọa khủng khiếp đã được lồng ghép vào các cuộc thảo luận. Thỏ và Chó thường xuyên dùng câu nói này. Chúng nói rằng cách đối xử với tôi hoàn toàn phụ thuộc vào thái độ của tôi, và việc tôi “có thể hòa

nhập” tốt đến mức nào. Nếu thái độ của tôi phản ánh sự chống đối chính quyền, thì như một hình phạt, chúng sẽ giam giữ tôi trong tù, ngay cả sau khi chiến sự chấm dứt, trong hai mươi năm, hoặc thậm chí là cả đời.

Khi tôi hỏi làm sao chúng có thể làm được điều này, vì tôi được biết là một tù nhân, câu trả lời luôn giống nhau: “Chúng tôi không quan tâm người dân của các người biết hay tin gì về các người. Chúng tôi có thể làm bất cứ điều gì chúng tôi muốn! Đất nước của các người chẳng làm gì được chúng tôi! Các người nghĩ rằng vì đất nước của các người rộng lớn và giàu có nên họ có thể bảo chúng tôi phải làm gì sao? Đất nước của các người chẳng là gì cả! Chúng tôi, và chỉ chúng tôi, sẽ quyết định liệu các người có nên bị giữ lại đây để trả giá cho tội ác của mình hay không, và liệu các người có nên được phép sống hay không! Tôi nhắc lại, đất nước của các người chẳng làm gì được chúng tôi!”

Những lời đe dọa này, hoặc những lời đe dọa khác có cùng nội dung, không chỉ nhắm vào tôi mà còn nhắm vào hầu hết các tù nhân khác trong suốt những năm qua, khi tất cả chúng tôi đều chống lại nỗ lực bóc lột của QZR.

Vào tuần đầu tiên của tháng 4 năm 1966, chúng tôi nghe tin Jon Reynolds và một vài

người khác trong tòa nhà Pool Hall đang bị bỏ đói vì họ không chịu cung cấp thông tin tiểu sử. Bob Purcell đã trao đổi tình hình với Jerry Denton. Bob nghĩ rằng anh ta có thể leo lên gác xép, chạy đến tận cùng tòa nhà nơi Jon đang ở, và đục một lỗ trên trần nhà gần chỗ dây điện chạy qua. Ngay cả khi được giải thích, tôi vẫn không thể hình dung được Percy có thể trèo lên trần nhà cao, mở cửa ra vào và chui vào gác xép như thế nào. Nhưng Purcell đã làm được, và thả thức ăn và nước uống xuống cho Jon và những người khác trong ít nhất một tuần trước khi anh ta quyết định rằng việc đó quá nguy hiểm. Vài ngày sau, V đã cho những người đàn ông đói khát trở lại khẩu phần ăn bình thường.

V đã cố gắng làm ra vẻ như có một phong trào quần chúng ủng hộ việc xét xử, xuất phát từ chính người dân, điều mà chúng tôi biết là một trò bịp bợm. Đó là một đề xuất dài hạn, được dàn dựng cẩn thận để thử phản ứng của bên ngoài nếu họ quyết định tiến hành các phiên tòa công khai cho chúng tôi. Theo họ, điều này không phải là không có tiền lệ, và họ đã chỉ ra những ví dụ pháp lý và lịch sử về việc tuyên án tội phạm chiến tranh Đức Quốc xã tại các tòa án Nuremberg ngay sau Thế chiến II.

Ron và tôi cho rằng lời đe dọa chỉ là “chiến thuật hù dọa”, nhưng người Việt Nam có lý do đặc biệt để giữ kín khả năng xét xử trên báo chí cho bạn bè và gia đình chúng tôi ở Hoa Kỳ. Phía Việt Nam biết rõ báo chí phương Tây sẽ đưa tin này như một tin lớn.

Trong thời gian chúng tôi bị ép viết tiểu sử, một số tù nhân chống đối đã bị đưa trở lại Hỏa Lò và bị tra tấn cho đến khi họ đồng ý viết.

Vào mùa xuân năm 1966, một câu chuyện thú vị đã lan truyền khắp nơi. Một phi công của chúng tôi đã bị bắn hạ và bị bắt bởi một trong những dân tộc thiểu số ở miền bắc, “các bộ lạc miền núi”. Viên phi công bị thương khá nặng và được chăm sóc y tế rất ít, có lẽ vì thiếu thốn hoặc không có gì để chăm sóc. Anh ta bị giam giữ trong một túp lều ở một ngôi làng nhỏ trong nhiều ngày, và trong thời gian đó, toàn bộ quần áo của anh ta, kể cả giày, đều bị tước đoạt, ngoại trừ chiếc quần lót bị rách nặng.

Những kẻ bắt giữ đã nhìn thấy bộ phận sinh dục đôi khi bị lộ ra của viên phi công, và chúng vô cùng kinh ngạc. Vì đàn ông Việt Nam nhỏ con hơn nhiều so với nam giới phương Tây trung bình, nên cơ quan sinh sản của họ cũng nhỏ hơn nhiều, so với kích

thước của những đứa trẻ trai sáu đến tám tuổi của chúng ta. Viên phi công (chúng tôi nghe nói) có một cơ thể đặc biệt tốt.

Anh ta nhận thấy mình được rất nhiều khách đến thăm và bắt đầu lo sợ rằng họ đang nghĩ đến việc làm anh ta bị thương tật vĩnh viễn. Vào ban đêm, có những buổi họp bên đồng lửa trại, và mọi người từ các làng lân cận, thực sự từ nhiều dặm xung quanh, đến để xem hiện tượng này! Viên phi công lo sợ điều tồi tệ nhất. Chủ nghĩa dân tộc phi trung tâm và lối sống du mục của những nhóm thiểu số này đã giới hạn họ trong nhóm của riêng mình, và do đó dòng máu có thể đã trở nên mỏng manh theo năm tháng. Có lẽ viên phi công người Mỹ - to lớn, khỏe mạnh, da trắng - là một người lạ được chào đón. Chắc chắn là một kẻ thù, nhưng là một người từ trên trời rơi xuống, một người có thành tựu to lớn và đến từ một xã hội tiên tiến. Còn gì để mất nữa? Vậy là họ đưa một cô gái trẻ xinh đẹp đến túp lều của người phi công, và dùng ngôn ngữ ký hiệu để thông báo với anh rằng họ muốn cô sinh con cho anh. Người phi công không thể (và không muốn) làm theo lời họ, không chỉ vì những vết thương đau đớn và tình trạng suy nhược của mình, mà còn vì anh sợ rằng một khi việc này hoàn tất,

bộ phận sinh dục của anh có thể bị cắt bỏ và treo lên một cây gậy trước túp lều dài của bộ lạc, để các thế hệ sau chiêm ngưỡng! Đó có lẽ là một câu chuyện được thêm thắt, nhưng cũng mang lại một vài tiếng cười giữa cuộc sống ảm đạm của chúng tôi.

Ngoài việc truyền bá tuyên truyền bằng báo in và hệ thống phát thanh, người Việt Nam giờ đây còn sử dụng một trong những xà lim trống trải ở Chuồng Lợn làm phòng đọc sách. Có một phòng khác trong tòa nhà “Thư viện”. Một vài tù nhân sẽ bị bắt và nhốt vào những phòng đọc sách này, rồi bị bắt đọc các tờ rơi, sách và bài báo tạp chí chứa đựng quan điểm của các quốc gia ủng hộ họ, từ Nga và Đông Âu đến Châu Phi và Cuba.

Một sĩ quan cấp dưới mới chia sẻ trách nhiệm thư viện với Dum Dum. Chúng tôi đặt tên cho anh ta là Đốm (Spot), vì anh ta có một đốm trắng bên trái cằm. Đốm dẫn Ron và tôi đến phòng đọc sách và bảo chúng tôi đọc, sau đó thảo luận về sách và bài viết. Chúng tôi làm theo, và đồng ý rằng mức độ và chất lượng bài tuyên truyền của họ thật lố bịch. Trong lúc nói chuyện, chúng tôi thấy hai lính gác trực ban đi lại bên cửa sổ bên đang mở. Rồi cửa mở. Đứng đó là một cựu nhân viên gác cổng, và một người khác, người đã nổi

tiếng là một tên khốn nạn, mặc dù anh ta chỉ mới vào trại được một thời gian ngắn. Anh ta làm chúng tôi nhớ đến những gã thông minh điển hình thường lảng vảng quanh các hiệu thuốc địa phương để tìm kiếm rắc rối. Anh ta đưa khẩu súng trường cho người lính gác kia, người đang tỏ ra sợ hãi rõ rệt. Rồi tên Lập Dị (Hipster) chậm rãi bước vào, nói bằng ngôn ngữ của mình. Hắn ta đang mắng chúng tôi vì dám nói chuyện, và hắn ta tự giao cho mình nhiệm vụ trừng phạt chúng tôi. Ron lùi lại, và tên Lập Dị đứng thẳng dậy với tôi. Tôi đã thấy trước điều đó. Đờ đờ đầu tiên của hắn, tôi nháy múa quanh phòng giam trong khi hắn tung ra hàng loạt cú đấm điên cuồng. Ron (và tôi còn ngạc nhiên hơn!) khi hắn không tung ra được cú đấm nào! Ron hét lên, “Báo cáo!” (cách gọi sĩ quan trực được chấp thuận). Đốm xuất hiện ngay lập tức và hỏi chuyện gì đang xảy ra. Chúng tôi nói với hắn rằng chúng tôi đang làm theo lệnh của hắn để thảo luận về tài liệu đọc. Người lính gác kia chắc hẳn cũng đã kể lại câu chuyện tương tự, và thật đáng nguyên rủa nếu Đốm không tin lời chúng tôi và thả chúng tôi ra mà không bị phạt! Sau đó, Đốm có lẽ đã bị chỉ trích nặng nề vì đã chống lại đồng đội của mình, bởi vì sau đó không có người Việt Nam nào tin lời

người Mỹ cả. Chúng tôi luôn sai và bị phạt “tùy theo lỗi lầm”. Ron kể lại câu chuyện cho những người trong tòa nhà, khen ngợi khả năng đâm bocc và sự nhanh nhẹn đáng kinh ngạc của tôi.

Vào tháng Tư, một bãi phóng tên lửa đất đối không (SAM) gần Hà Nội bị trúng đạn, và V bị kích động và trở nên rất hung hăng với chúng tôi. Từ đó trở đi, mỗi khi bom bay đến gần, chúng tôi lại trở thành những những trụ đá.

Vào tháng Năm, họ đến và cho chúng tôi khoảng một phần tư cốc cà phê, rồi mở cửa chớp “để giúp bạn nghe rõ hơn”.

Họ bật băng ghi hình trận Điện Biên Phủ. Lính canh tuần tra để đảm bảo chúng tôi ngồi nghe chăm chú, như đã được hướng dẫn. Họ sẽ dạy chúng tôi lịch sử Việt Nam dù chúng tôi có thích hay không. Nó gợi nhớ đến những ngày đầu Castro lên nắm quyền ở Cuba. Quân đội và cảnh sát của ông ta phải đảm bảo rằng tất cả người dân đều lắng nghe bài diễn văn dài sáu tiếng đồng hồ của ông ta chống lại chủ nghĩa đế quốc và ca ngợi trật tự xã hội chủ nghĩa mới.

Groucho, tên quản lý khó tính của chúng tôi, rất nghi ngờ chúng tôi. Hẳn ta biết chúng tôi đang âm mưu điều gì đó, nhưng

hắn ta không thể xác định được. Chúng tôi đã tìm thấy khoảng một chục vòng đệm bằng đồng thau trên một số bản lề cửa sổ được để nguyên tại chỗ sau khi cửa sổ được thay bằng song sắt. Chúng tôi chơi trò “ném một xu” trên một chiếc chăn để phá vỡ sự đơn điệu khi chúng tôi không giao tiếp qua tường hoặc chỉ nói chuyện riêng. Chúng tôi cũng đã xé nát một cuốn sách tuyên truyền và vẽ một bàn cờ. Chúng tôi dùng vòng đệm và những mảnh giấy làm quân cờ. Mỗi khi nghe thấy tiếng cửa mở, chúng tôi vội vàng ném đồ đạc xuống gầm giường cho đến khi lính canh rời đi.

Một hôm, Groucho bắt gặp chúng tôi. Hắn giả vờ khóa cửa, đợi khoảng năm phút cho đến khi nhận ra chúng tôi đã bắt đầu “âm mưu đen tối”, rồi bất ngờ xông vào. Hắn túm lấy bộ cờ vua, vò nát, ném lên bàn cờ, rồi nhảy lên nhảy xuống, la hét inh ỏi. Cảnh tượng như bước ra từ truyện Rumpelstiltskin. Groucho như một chú lùn giận dữ, nhảy lên nhảy xuống trong cơn thịnh nộ và thất vọng. Có lẽ hắn đang hét lên điều gì đó tương tự như “Bọn Yankee ngu ngốc kia, đừng có giỡn mặt với ta, ta hơn các người nhiều.” Không có hình phạt nào khác được áp dụng, mặc dù chúng tôi không chắc mình đã vi phạm luật

lệ nào. Có lẽ là luật lệ mà chúng tôi chỉ được phép ngồi và “suy ngẫm về tội ác của mình”.

Groucho rất kiên định trong thái độ và phương pháp của mình. Vào tháng 6, một phi đội F-105 đã đến ngoại ô thành phố để ném bom một kho chứa dầu. Giữa lúc ném bom, tôi nhận được một cuộc gọi khẩn cấp từ Mẹ Thiên Nhiên. Bò ra từ gầm giường (vị trí bắt buộc trong các cuộc đột kích), tôi tụt quần và ngồi xuống bệ bếp. Groucho mở cửa sổ nhìn vào. Hắn không tin vào mắt mình. Ánh mắt hắn như muốn nói: “Nhìn thẳng khốn đó đang ị giữa trận bom này kìa.” Có lẽ hắn nghĩ thái độ của tôi là bất tuân lệnh trắng trợn, nhưng tôi cảm thấy bom đạn rất thân thiện và sẽ không làm hại chúng tôi. Sau đó, tất cả chúng tôi đều được phát áo sơ mi với số đen in ở mặt sau.

Groucho lại mang cà phê cho chúng tôi. Đứng trước cửa, anh ta nở một nụ cười tươi rói. Anh ta khoe hai hàm răng sứt mẻ, bắn thiu và phát ra âm thanh như thể “huh-huh, huh-huh-huh”. Chúng tôi nghĩ đó là một màn kịch mà anh ta được lệnh phải làm cho chúng tôi xem. Ron nhìn tôi và nói nghiêm túc: “Larry, tôi nghĩ chúng ta gặp rắc rối to rồi. Có chuyện gì đó không ổn rồi.” “Hệ thống loa” tiếp tục nói về “yêu cầu của người dân đòi đưa bọn cướp biển [chúng ta] ra trước công lý”, và

thông báo với chúng tôi rằng trong một cuộc đột kích vào kho dầu, phi công Murphy Neal Jones đã bị bắt. Jones là một trong những phi công của tôi tại Itazuke, Nhật Bản, vào năm 1963 và 1964, và tôi rất buồn khi nghe tin anh ấy sẽ tham gia cùng chúng tôi.

Ngày 6 tháng 7 thì khác. Chúng tôi bị bắt tắm sai giờ và bị thúc giục trong mọi việc. Lính canh thường xuyên nhìn chúng tôi với vẻ mặt buồn bã. Đến hai giờ chiều, họ cho chúng tôi ăn bắp cải mỡ và một quả chuối. “Ron, tôi nghĩ cậu nói đúng, hôm nay có vài chuyện kỳ lạ. Có lẽ họ sẽ đưa chúng tôi đi xem một buổi triển lãm nào đó.” Ron trả lời, “Ừ, và tôi nghĩ chúng tôi sẽ được xem!”

Lính canh mang theo dây, bắt chúng tôi buộc guốc cao su và bảo chúng tôi mang theo khăn lau nhỏ. Chúng tôi nghe thấy tiếng xe tải chạy quanh đường bao quanh trại. Chúng tôi bị bịt mắt và đưa ra xe tải. Chúng tôi kéo rèm và cố gắng nhận ra nhau, nhưng giữa tiếng trò chuyện rôm rả và tiếng lính canh bảo chúng tôi im lặng, cái tên duy nhất tôi nghe được là Jerry Coffee. Sau một đoạn đường ngắn, chúng tôi đến một công viên công cộng. Chúng tôi được thả xuống và ngồi trên một con đường nhựa. Lúc đó trời đã tối, họ mở rèm ra, và Thỏ bắt đầu kể lể.

“Hôm nay các người sẽ thấy lòng căm thù của người Việt Nam!

Bây giờ tôi cảnh báo các bạn lần cuối! Đừng nhìn sang trái, đừng nhìn sang phải. Đừng nhìn vào mắt bất kỳ người Việt Nam nào, nếu không sẽ rất nguy hiểm cho các bạn! Chúng tôi sẽ cố gắng bảo vệ các bạn, nhưng nếu người của chúng tôi muốn giết các bạn, họ có thể giết các bạn! Chúng tôi sẽ không làm hại một người Việt Nam nào cố làm hại các bạn. Nhiều người đã mất con hoặc người thân khác vì bom của các bạn. Họ đang tức giận! Một lần nữa tôi cảnh báo các bạn, đừng nhìn xung quanh, hãy nhìn xuống!”

Chúng tôi bị còng lại với nhau thành từng cặp, khoảng bốn mươi tám người, mười sáu người từ Briar Patch, và những người còn lại từ Sở thú. Chúng tôi đi về phía một vòng xoay giao thông nhỏ bên ngoài công viên. Bên cạnh mỗi tù nhân, ở hai bên cửa hàng, là những người lính canh với lưỡi lê cố định. Cảnh sát thành phố được cho là sẽ hỗ trợ những người lính và kiểm soát đám đông dọc theo tuyến đường.

Hai tù binh chiến tranh ở phía trước, Bill Tschudy và Al Brudno, theo sau là Risner và Alvarez. Ron ở bên phải hàng ngũ, với Bob Shumaker ở phía trước. Tôi ở bên trái Ron,

bị còng vào người anh ấy, với Smitty Harris ngay phía trước.

Một người Việt Nam cầm loa phóng thanh làm cổ động viên. Khi chúng tôi đến ngã tư, anh ta giơ nắm đấm lên và hô vang khẩu hiệu, và đám đông đáp lại đúng như dự đoán. Ron nói, “Đúng như dự đoán!”. Ban đầu, họ đi chậm rãi, nhưng tiếng hò reo nhanh chóng tăng dần về âm lượng và cường độ. Ban đầu tôi cứ tưởng đây là một vở kịch tuyên truyền cho cả thế giới xem, và đảng hoàn toàn kiểm soát được người dân và chúng tôi hoàn toàn an toàn. Tuy nhiên, sau khoảng năm phút diễu hành, tôi nghĩ, “Nếu vở kịch này là giả, thì họ đã quên báo cho lính canh.” Họ sợ chết khiếp! Lính canh khom lưng, lưỡi lê cắm rất thấp và lao ra ngoài. Người dân bắt đầu la hét đòi máu của chúng tôi. Đường phố và vỉa hè chật kín người khóc lóc, bứt tóc. Cơn cuồng loạn hoàn toàn ập đến. Đám đông xông lên đánh chúng tôi bằng đá và gạch đá. Chai lọ bay tứ tung, lính canh cúi thấp người. Các báo cáo sau đó nói rằng có hơn hai trăm nghìn người trên đường phố, và tôi tin điều đó. Giữa những tiếng la hét bằng tiếng Việt, thỉnh thoảng lại nghe thấy một số từ quen thuộc bằng tiếng Anh: “Yankee, you die” (Đồ Yankee, mày chết đi), và một từ mà tôi có

thể hiểu được, “Mockna-Mara sunna-bitch, Mockna-Mara sunna-bitch”.

Groucho, tên gác cổng, ngồi cạnh Smitty. Thỉnh thoảng, Groucho lại quay sang cảnh báo người bảo vệ đang hoảng loạn của tôi hãy cẩn thận với lưỡi lê chết tiệt của hắn. Quả nhiên, lần sau khi chúng tôi bị kẹt cứng, lưỡi lê của tên bảo vệ đã đâm vào hông Groucho, khiến hắn chảy máu. Groucho quay lại và tát vào miệng tên bảo vệ của tôi vài cái nhưng vẫn phải tiếp tục đi, ôm chặt vết thương. Dọc đường là những chiếc xe moóc sàn phẳng gần đèn pha cỡ lớn, chĩa thẳng vào chúng tôi. Có hàng chục (thậm chí hàng trăm) phóng viên báo chí da trắng chạy lên chạy xuống các cột để chụp ảnh tội phạm.

Tôi thấy một người đàn ông bế một đứa trẻ khoảng bảy tám tuổi, nắm đấm giơ lên. Hắn ta thực sự đã ném đứa trẻ qua đầu Groucho, và nó đã đáp xuống đúng chỗ Smitty, những nắm đấm nhỏ của nó vung vẩy khi nó ngã xuống đất.

Khi chúng tôi rẽ vào một góc phố, đám đông lại chen lấn; một cảnh sát dân sự cố gắng ngăn họ lại. Một phụ nữ dùng giày đánh Ron. Viên cảnh sát đẩy cô ta ra, nhưng cô ta lập tức quay lại, lần này đâm vào mặt anh ta. Cô ta đã chọn nhầm cảnh sát để đùa giỡn!

Anh ta tung một cú đấm vòng cầu từ gót chân và trúng ngay vào ngực cô ta. Bạn gần như có thể nghe thấy tiếng không khí thoát ra khỏi chúng, và cú đấm của anh ta nhắc bổng cô ta lên khỏi mặt đất hai feet. Cô ta bỏ chạy, vừa chạy vừa xoa ngực.

Chúng tôi bị ném đủ thứ đồ. Bỗng nhiên một gã da trắng - một gã cao gầy đeo mấy cái máy ảnh trên cổ - chạy đến chỗ tôi, vung nắm đấm và hét lớn: “Mày sẽ bị xử tử, mày sẽ bị xử tử!” Tôi trả lời hằn ngấn gợn, đơn giản: “Mày chết tiệt!” Thịnh thoảng Đốm lại ra lệnh: “Nhìn xuống!” Chúng tôi nghe lời được một lúc, nhưng rồi cũng phải nhìn quanh. Đốm hoàn toàn hoảng loạn. Rõ ràng là chuyện này còn hơn cả những gì nó tưởng tượng.

Chúng tôi đi bộ hơn một dặm, có lẽ hai dặm như vậy mới đến Sân vận động thành phố Hà Nội. Ở đó, đám đông chen chúc xung quanh, hoàn toàn mất kiểm soát, khi chúng tôi nhích dần về phía cánh cửa đôi hẹp. Đám đông khiến chúng tôi khựng lại ngay cả khi cánh cửa nhỏ bé ấy vừa hất tung khối người cuồng loạn ra khỏi lưng chúng tôi. Ron và tôi, bị còng lại với nhau, bị kéo ra xa nhau và sợ rằng tay mình sẽ bị xé toạc. Có những người bị còng giữa những cặp đôi đang quờ quạng về phía chúng tôi. Tôi nhìn Ron và nói,

“Trời ơi, đây đúng là địa ngục phải không?” Khiếu hài hước của tôi vẫn còn nguyên vẹn. Cuối cùng chúng tôi cũng len lỏi qua được cổng vào bên trong sân vận động, nơi an toàn và tương đối yên tĩnh. Chúng tôi ngồi trên đường ray xỉ than trong khi đội cứu thương băng bó sơ cứu cho những người bị thương. Những người ở tuyến trước của chúng tôi bị vài vết thương chảy máu. Nhóm chúng tôi, ở phía sau, khá may mắn. Không có thương tích nghiêm trọng nào ngoài những vết bầm tím do ném đá và đâm đá.

Khi cuối cùng cũng trở về Sở thú, chúng tôi gần như mừng rỡ vì đã được an toàn trong cái địa ngục hôi hám đó. Rồi Thỏ lại nói thêm vài câu. “Các người đã thấy lòng căm thù và quyết tâm của nhân dân chúng tôi. Giờ các người có hai lựa chọn. Cách thứ nhất: các người có thể hợp tác với chúng tôi và giúp chúng tôi giành chiến thắng hoàn toàn. Nếu làm vậy, các người sẽ được đối xử nhân đạo và nhân dân chúng tôi sẽ tiếp tục khoan dung với các người. Cách thứ hai: các người có thể tiếp tục chống đối và ủng hộ giới cầm quyền Hoa Kỳ, và mọi chuyện sẽ trở nên cực kỳ khó khăn cho các người.”

Sau khi chúng tôi bị đưa xuống xe tải, một số tù nhân được đưa trở lại phòng giam; số

khác bị đưa đến phòng tra tấn để “xử lý”. Một số bị trói, vẫn bị bịt mắt, vào những cái cây bên trong đường bao quanh. Cỏ mọc cao và muỗi tha hồ tấn công, nhưng điều đó không đáng kể. Khi lính canh đi ngang qua, chúng sẽ đá vào háng. Ông Keirn bị bỏ lại đó gần hai ngày. Tinh hoàn của ông bị đá to hơn cả quả bóng tennis. Một số người trong chúng tôi, vẫn bị xích lại với nhau, bị bỏ ngồi trên đường cho đến hai hoặc ba giờ sáng.

Những người được chọn cho vinh dự đáng ngờ là tham gia cuộc diễu hành dường như là những người mà V nghĩ là đủ sức khỏe để đi bộ. Ngoại lệ duy nhất là Murphy Jones bị thương nặng, người được đưa ra trưng bày trước công chúng trên một chiếc xe tải thùng có thanh răng. Cuộc diễu hành là “sự kiện hoành tráng” vì những lý do mà người Việt Nam sẽ sớm giải thích cho chúng tôi.

Tôi bị tách khỏi Ron và bị một số lính canh đưa đến phòng thi đố, họ đã hành hung tôi trên đường vào bằng cách bẻ tay tôi cao ra sau và đâm vào sườn tôi. Khi vào phòng, họ tháo tấm che mắt, và tôi cúi chào bốn sĩ quan cấp cao đang ngồi quanh bàn. Một người nói, “Anh có muốn làm lại lần nữa không?”

“Tôi không muốn, nhưng nếu phải thì chúng tôi phải làm.”

“Anh có biết tại sao chúng tôi lại làm vậy không?”

“Không.”

“Vì nhiều lý do. Thứ nhất, chúng tôi muốn chứng minh với nhân dân mình rằng quân xâm lược Hoa Kỳ có thể bị đánh bại. Thứ hai, chúng tôi khuyến khích người dân Mỹ đổ xô đến Washington để yêu cầu chấm dứt chiến tranh ngay lập tức. Thứ ba, chúng tôi muốn cho các bạn thấy quyết tâm của nhân dân chúng tôi trong việc khuyến khích các bạn hợp tác hoặc chịu đựng! Vậy các bạn nghĩ sao?”

Tôi nói rất chậm. “Tôi hiểu quan điểm của anh, nhưng tôi nghĩ anh đã phạm sai lầm. Tôi rất ngạc nhiên trước phản ứng mà anh nhận được. Anh sẽ rất... Mọi chuyện sẽ không diễn ra như anh mong đợi... Anh hoàn toàn không hiểu người dân của chúng tôi.”

“Ý anh là gì?”

“Ý tôi là người dân của chúng tôi sẽ rất tức giận với những gì anh đã làm.”

“Không, người dân của anh sẽ yêu cầu chấm dứt chiến tranh. Và bây giờ quyết định của anh là gì? Anh có giúp chúng tôi hay không?”

“Không, tôi sẽ không giúp.”

Ông ta đe dọa, thảo luận bằng tiếng Việt

với các sĩ quan khác, rồi đột ngột nói: “Các anh được tự do trở về phòng.”

Ngày hôm sau, những bức tường lại ròn rảng những suy đoán về phản ứng của chính phủ chúng ta trước sự phẫn nộ của vụ việc ở Hà Nội. Giống như thời La Mã cổ đại, khi quân đội trở về diễu hành tù binh và chiến lợi phẩm trước mặt người dân và các Caesar. Nền văn minh vẫn chưa phát triển lắm, nhưng ai có thể nói về “văn minh” khi chúng ta vẫn đang gây chiến với nhau? Dù sao thì, thế giới của các quốc gia văn minh vẫn có luật lệ riêng, ngay cả trong chiến tranh. Chúng ta chưa bao giờ nghĩ rằng người Mỹ sẽ chấp nhận thất bại này, nhưng thời gian sẽ chứng minh chúng ta sai, một lần nữa!

Tất nhiên, tôi đã có những ý tưởng rất rõ ràng về phương án hành động mà Hoa Kỳ nên thực hiện ngay khi tin tức được công bố.

Người dân Mỹ, và tất cả mọi người trên thế giới, cần được thông tin đầy đủ về hành vi vi phạm hiệp định Geneva mới nhất này của Bắc Việt Nam, những bên đã ký kết các hiệp định đó. Việc đưa tin trên tất cả các phương tiện truyền thông là điều cần thiết để vạch trần những vi phạm đó, đặc biệt là việc công khai phơi bày, làm nhục và đe dọa tù binh chiến tranh vì mục đích tuyên truyền.

Cuộc hành quân cưỡng bức đó đòi hỏi phải trả đũa bằng tất cả máy bay B-52 và máy bay tấn công chiến thuật hiện có. Việc bảo toàn mạng sống, bao gồm cả mạng sống của chúng ta, đáng lẽ phải được đặt ở vị trí ưu tiên thấp. Cần phải cho những người Cộng sản và thế giới thấy rằng Hoa Kỳ vẫn có thể giải phóng sức mạnh của mình, và bất kỳ hành động tàn bạo nào chống lại người dân của họ, như cuộc hành quân ở Hà Nội, đều sẽ nhận được phản ứng tương tự mà không có ngoại lệ. Để được tôn trọng trên thế giới này, bạn phải khiến mọi người tôn trọng sức mạnh của bạn, và sự sẵn sàng sử dụng nó khi bị khiêu khích đủ mức. Thật không may, bạn không thể được tôn trọng bằng cách cư xử hợp lý và tử tế, bởi vì “sự tử tế” bị đối thủ của chúng ta hiểu là yếu đuối, và đó là lý do tại sao chúng ta bị rất nhiều quốc gia khác khạc nhổ khi chúng ta cố gắng tử tế, hợp lý và hào phóng.

Sáng ngày 8 tháng 7, chúng tôi nghe thấy tiếng gõ vào bức tường phía sau, vì vậy chúng tôi đã yêu cầu những người ở phòng giam phía trước canh gác lính canh. Ron trèo lên tường, sau đó gọi cho tôi và nói rằng đó là Pop Keirn và ông ấy rất cần nói chuyện với tôi bằng giọng nói. Để giao tiếp bằng giọng nói, bạn cần phải áp môi vào tường và nói

khá to. Bạn cũng phải quần chần quanh đầu để chặn tiếng ồn bên ngoài, đồng thời để tai nghe ngóng cảnh báo có lính gác đang đến gần. Thật khó khăn, nóng nực và ngột ngạt, và thật khó để suy nghĩ khi trùm chăn lên đầu, nhưng cách này hiệu quả.

Pop vừa được thả ra khỏi phòng thi đố, nơi cậu ấy đã bị tra tấn bằng dây thừng ngay sau khi bị đá vào tinh hoàn. Tôi có thể thấy cậu ấy đang ở trong tình trạng tinh thần và thể chất rất tồi tệ, và hoàn toàn suy sụp.

“Larry, tôi muốn tự nộp mình cho anh, với tư cách là sĩ quan cấp cao của tôi, để anh xem xét hành động trong tương lai. Tôi nghĩ mình đã làm một việc rất nghiêm trọng, vi phạm quy tắc của chúng ta. Tôi đã ký vào bản thú tội, thừa nhận mình là tội phạm. Tôi sẽ tuân thủ bất kỳ quyết định nào anh muốn đưa ra.” Chúa ơi, Pop tội nghiệp! Tôi thấy thương Pop vô cùng. Tôi nghĩ rằng vào lúc đó, khi chứng kiến một người bạn của mình suy sụp tinh thần đến vậy, tôi cũng hoàn toàn suy sụp như anh ấy vậy.

“Pop ơi, đừng nói nhảm nữa! Pop chẳng làm gì sai cả. Pop chỉ là một trong những người đầu tiên bị bắt nạt thôi. Không một ai trong trại này không tự hào về cách cư xử của Pop. Pop đã làm rất tốt! Chúng ta sẽ là người

tiếp theo, và tất cả chúng ta sẽ phải trả giá. Pop nghĩ mình có thể lấy lại tinh thần không? [Hai tiếng gõ cửa vang lên.] Tuyệt vời, Pop. Pop nghĩ Pop có thể nghỉ ngơi một chút rồi quay lại không? [Hai tiếng gõ cửa vang lên.] Tuyệt vời, Pop! Giờ thì nghỉ ngơi đi!”

Tôi thả chăn xuống và lau khô khuôn mặt đầm nước mắt. Chúng tôi nhận tin cho những người khác.

CHƯƠNG MƯỜI TRỞ LẠI MẢNH ĐẤT NHỎ

1966

 Phòng giam của tôi trong Heartbreak thật thú vị. Có hai cái tên trên tường mà tôi chưa từng nghe đến trước đây: Hillyer và Dupre. Sau này, khi tôi có cơ hội nhập những cái tên này vào hệ thống, cũng không ai khác từng nghe đến chúng. (Ngay cả sau chiến tranh, không một đơn vị nào tuyên bố những cái tên này là mất tích trong chiến đấu.) Liệu chúng có tồn tại ở đó từ thời Pháp thuộc? Cuối cùng, trò đập tường của tôi cũng thu hút sự chú ý của hai người đàn ông ở phòng giam bên cạnh. Họ là hai phi công hải quân mới bị bắn rơi gần đây, Len Eastman và Paul Galanti. Tôi dạy họ cách giao tiếp bằng cốc uống nước bằng thiếc. Đó là một phương pháp mà ai đó vừa nghĩ ra: Tìm một vị trí tốt trên tường, đặt đáy cốc vào đó, đặt miệng cốc vào, dùng tay bịt chặt miệng cốc để bịt

kín khe hở, rồi nói vào cốc. Người đàn ông ở phía bên kia đặt phần hở của cốc vào tường, một tai áp vào đáy cốc và lắng nghe. Hoạt động rất tốt - giống như những chiếc “điện thoại” mà bọn trẻ con thường làm.

Sau khi tôi tóm tắt tình hình nhà tù xong, họ nói với tôi rằng họ đã bị thẩm vấn và đã viết một số văn bản. Họ không bị tra tấn trước khi viết, vì Ken Spiker (một người khác cũng thuộc lực lượng hải quân) đã cung cấp cho họ một số thông tin sai lệch hoặc họ đã hoàn toàn hiểu sai thông điệp của ông ta. Vào thời điểm đó của trò chơi, có lẽ họ đã hiểu sai hướng dẫn. Họ nghĩ rằng Spiker đang trích dẫn Risner, bảo họ đừng để bị tra tấn vì những lời thú tội giả mạo. Cả hai đều cảm thấy rất tệ khi nghe về số lượng người phải chịu đựng. Họ đảm bảo với tôi rằng họ sẽ có lập trường cứng rắn hơn nhiều, giờ đây họ đã hiểu rằng kháng cự chính là trò chơi.

Cửa phòng giam khẽ mở, và một người đàn ông đứng đó nhìn tôi chăm chăm trong vài phút. Hẳn ta có vẻ ngoài khác lạ, tôi đoán có thể là người Pakistan, vì hình dáng khuôn mặt, đôi mắt và màu da. Nhưng chừng nào hẳn ta còn ở Hà Nội, hẳn ta đã là một trong số “bọn chúng”.

“Ga-reeno.”

“Vâng.”

“Tôi hiểu anh có nhiều vấn đề ở đây. Anh luôn gặp rắc rối nghiêm trọng. Tôi có thể vào phòng anh được không?”

“Được thôi, mời anh ngồi.” Hắn ta nhảy lên chiếc giường xi măng còn lại.

“Tôi đã nghiên cứu vụ án của anh.”

“Thật sao?”

“Vâng, và tôi nghĩ tôi biết vấn đề của anh là gì.”

“Vấn đề của tôi là gì?”

“Là thái độ của anh.”

“Thật sao?”

“Phải, chính thái độ của anh khiến anh luôn gặp rắc rối. Anh không hòa nhập được ở đây. Nếu anh muốn, tôi nghĩ tôi có thể giúp anh rất nhiều.”

“Tôi không sao.” Tôi tiếp tục nhập vai.

“Vậy nên, thỉnh thoảng tôi muốn đến phòng anh thăm anh và giúp đỡ anh. Anh có phiền không?”

“Không sao đâu, tôi không phiền, tôi luôn cần có người bầu bạn.” “Vâng. Tôi sẽ sớm gặp lại anh.” Hắn có vẻ rất vui khi thấy chúng tôi hòa thuận với nhau. Tôi không bao giờ gặp lại hắn nữa.

Đêm đó, chỉ mang theo những chiếc cốc thiếc, chúng tôi được dẫn riêng qua đường

đến một tòa nhà văn phòng rất lớn. Sau này chúng tôi nghe nói đó là “Bộ Tư pháp” - hay đúng hơn là “Cung điện Tra tấn”. Chúng tôi được đưa vào những phòng riêng biệt. Phòng tôi ở chỉ có những vật dụng tối thiểu: ghế đầu, bàn, ghế, và một bóng đèn công suất thấp thường thấy trên đầu.

Thỏ là người dẫn chương trình. “Anh có muốn tự chọn không? “Anh định đi hướng nào?” Tôi từ chối nhặt bút chì. Thỏ không lãng phí thời gian nữa, vì anh ta đang vận hành một dây chuyền sản xuất tra tấn. Những người lính canh đẩy tôi xuống sàn và trói tay tôi ra sau bằng những sợi dây thừng thô. Khi tôi nằm nghiêng, bịt mắt, một người lính canh nhảy lên vai tôi trong khi một người khác kéo dây thừng. Sử dụng chiếc cốc thiếc ở giữa lưng tôi làm ròng rọc, họ dùng lực tối đa bằng dây thừng, kéo tay tôi ra sau cho đến khi vai tôi gần chạm vào. Cơn đau dữ dội, và xương ức của tôi như muốn nứt ra. Qua chiếc áo ngủ mỏng manh, ma sát từ dây thừng khiến tôi bỏng rát. Tôi hét lên, và ai đó nhét một miếng giẻ ướt vào miệng tôi.

Những kẻ tra tấn còn trẻ và rất nhiệt tình, vừa la hét vừa cười đùa khi làm việc. Chúng lại nhảy lên vai tôi và siết chặt dây thừng. Tôi nghe thấy một tiếng rắc lớn ở vai phải và

cảm thấy da tay mình căng ra, sắp rách toạc ra. Tôi không biết cơ thể mình có thể chịu đựng được hình phạt như vậy không. Chúng quần dây thừng quanh tôi như thể tôi là một cây xúc xích sắp bị nướng. Dây thừng vòng qua cổ tôi, xuống lưng tôi, và trói vào chân hoặc tay tôi, tôi không thể biết được, bởi vì chỉ trong vài phút, một phần cơ thể tôi đã tê liệt vì mất tuần hoàn. Áp lực lên yết hầu khiến tôi gần như không thể thở được, và tôi phải nghiêng người sang một bên để hít vào.

“Chỉ có mình anh chống đối chúng tôi thôi,” Thỏ nói, vẫn nói dối như thường lệ. Hẳn ta không thể nào nói thật về bất cứ điều gì, kể cả thời gian trong ngày. Ngay cả khi hẳn ta nói, tôi vẫn có thể nghe thấy tiếng những người Mỹ khác la hét từ đầu đó cuối hành lang dài. Tôi biết mình không phải là người duy nhất chống đối.

Đột nhiên, tôi bị bỏ lại một mình, lẫn lộn trên sàn, vẫn cố gắng quay đầu sang một tư thế nào đó để giữ cho khí quản không bị tắc nghẽn. “Chúa ơi, nếu Evelyn biết những gì tôi đang trải qua, cô ấy sẽ chết mất!” Ai đó giật miếng giẻ ra khỏi miệng tôi và bỏ chạy. Chắc hẳn đó là miếng giẻ “nhiệm vụ”, miếng giẻ duy nhất còn lại trong tòa nhà. Họ muốn làm dịu đi một tên Mỹ khác đang la hét to hơn tôi.

Tay chân tôi không còn cảm giác gì, nhưng ngực và vai tôi nóng bừng vì đau. Tôi quên cả thời gian. Tôi bắt đầu lý giải lập trường của mình. Tháng 9 năm ngoái, Risner đã ra lệnh đừng chịu quá nhiều hình phạt đến mức phát điên hoặc bị thương tật vĩnh viễn. Vậy là bao nhiêu? Làm sao bạn biết mình đã đến nơi?

Rồi tôi tự hỏi, “Liệu Không quân Hoa Kỳ, hay đất nước tôi, có mong đợi hay muốn tôi chết theo cách này, bị xé xác trên sàn nhà bẩn thỉu ở một vùng đất xa xôi nào đó không? Liệu đây có phải là điều họ muốn tôi làm, thay vì viết một tuyên bố ngu ngốc rằng tôi là tội phạm chiến tranh?” Tôi nghĩ rằng ra đi theo cách đó thật ngu ngốc; đã đến lúc dừng lại. Thở lại bước vào. “Anh có đầu hàng không?”

“Có.”

“Tốt, giờ tôi cho anh ở lại đó thêm một thời gian nữa để lần sau anh biết rằng anh không thể chống lại chúng tôi.”

Tên khốn đó bỏ mặc tôi quần quai ở đó. Cuối cùng hẳn cũng quay lại cùng với đám lính canh. Chúng đã làm gì đó với tôi, có lẽ là chỉnh lại dây thừng để tôi thở dễ hơn. Chúng đỡ tôi lên ghế. Thời gian trôi qua, và tôi cảm thấy nóng rát hơn trước. Tôi hét lên, “Sao các người lại làm thế, tôi đã bảo các người là tôi đầu hàng rồi mà!”

Thỏ nói: “Chúng tôi không làm gì anh đâu, chúng tôi đã tháo dây trói rồi.” Rồi tôi nhận ra cơn đau dữ dội là do tuần hoàn máu trở lại. “Tôi vẫn nghĩ anh vẫn bám víu vào lối sống cũ, nhưng ít nhất anh đã đầu hàng.” Rõ ràng việc bắt một tù nhân đầu hàng là một chiến thắng chấp nhận được đối với Thỏ.

Phải mất rất lâu tôi mới cảm nhận được các ngón tay, và vai tôi đau như búa bổ. Một lính canh mang nước vào cốc cho tôi.

“Bây giờ tôi muốn anh làm một hành động cụ thể, thể hiện sự ăn năn về tội ác của mình, và viết ra cảm xúc thật của anh về người Việt Nam.”

Phải mất một thời gian tôi mới có thể cầm bút chì hay điều khiển nó, và tôi viết rất tẻ. Bức thư gửi Quốc hội Hoa Kỳ:

Kính gửi Quốc hội,

Trong suốt một năm qua, khi tôi bị giam cầm, chỉ huy trại đã cho tôi cơ hội nghiên cứu lịch sử bốn ngàn năm của người Việt Nam. Tôi đã thấy rằng những người dân đáng thương này luôn bị bóc lột. Đầu tiên là bởi người Trung Quốc, sau đó là người Pháp, và bây giờ là người Mỹ. Và bây giờ tôi yêu cầu các vị hãy chấm dứt ngay lập tức và mãi mãi việc ném bom những người dân vô tội này.

Thỏ mang theo một máy ghi âm, đi cùng

với một người Việt Nam khác mà tôi chưa từng gặp trước đây, một thường dân cũng nói được tiếng Anh. Vì chữ viết quá xấu (trông như thể người viết vừa bị tra tấn), Thỏ nghĩ rằng một tin nhắn thoại có thể hiệu quả hơn.

Tôi nói vào máy một cách nhẹ nhàng và cực kỳ chậm rãi. Thỏ ngắt lời. “Anh đang cố làm gì vậy, anh đang cố lảng tránh vấn đề à? Anh nghĩ tôi không biết anh làm gì à - anh nói như đang ở trong nhà thờ vậy. Nói đi! Như thể anh đã bị thuyết phục! Nghe có vẻ vui vẻ!”

“Không, không!” người kia phản bác. “Tốt, nhẹ nhàng và chậm rãi.”

Mặt Thỏ đỏ bừng, và tôi nhận ra đồng chí của anh ta hơn hẳn về cấp bậc lẫn chức vụ. Thỏ vừa bực mình vừa sợ mình, nhưng vẫn ngậm miệng và chuồn ra khỏi phòng. Tôi cảm thấy mình đã thắng ván này vì cấp trên thiếu kinh nghiệm đối phó với người Mỹ.

Vào lúc rạng sáng, trở lại Heartbreak, tôi gặp lại Ron. Câu chuyện của chúng tôi gần như giống hệt nhau. Red Berg gõ cửa từ phòng bên cạnh, “Chúa ơi, tôi không thể trải qua thêm một đêm như thế nữa.” Tôi gõ cửa lại, “Chắc chắn rồi, Red.” Câu trả lời của tôi khiến tôi ngạc nhiên - như thể tôi đã chuẩn bị tinh thần để chấp nhận việc tra tấn như một thói quen thường xuyên.

Ngày hôm sau, chúng tôi được đưa trở lại Sở thú và được bảo ngồi trên sàn để chờ động thái tiếp theo của họ. Cuối buổi chiều, chúng tôi được đưa lên xe tải để lái xe bốn mươi dặm trở lại trại Briar Patch ở phía tây Hà Nội.

Với những người mới đến, tổng cộng có năm mươi sáu người Mỹ ở Briar Patch, và một số đã ở đó từ tháng 12 năm 1965. Người đứng đầu là tên Pháp (Frenchy), người xuất hiện lần đầu tiên tại Sở thú trước Giáng sinh năm 1965. Người thẩm vấn chính và chỉ đạo tra tấn của tên Pháp là Sâu Bọ (Bug). Ngoài ra còn có một ông già gầy gò có biệt danh là Cá (Fish). Hắn rất hay đe dọa, nhưng không quá khó đối phó. Cũng có một vài sĩ quan trẻ tuổi phụ trách chi tiết. Ron và tôi được phân công vào tòa nhà số hai, phòng A.

Mấy ngày đầu chẳng có gì xảy ra. Người giữ chìa khóa giao cho chúng tôi cuộc để cắt cỏ dại, và được ra ngoài trời để thay đổi không khí thật tuyệt. Cả năm 1965, tôi chỉ được ra ngoài một tiếng đồng hồ. Vậy nên, năm 1966, khi đã hơn nửa năm trôi qua, tôi chỉ được ra ngoài khoảng hai tiếng, và mọi người khác cũng vậy.

Thức ăn là cơm và súp bí ngô không có bí ngô. Thịnh thoảng có thêm một “món” nữa,

một vài miếng cá nhỏ bằng hạt đậu, nhưng chủ yếu chỉ là xương cá, tổng cộng khoảng bốn thìa canh. Chúng tôi được đổ đầy hai bình nước gồm mỗi ngày.

Ngày 25 tháng 7, tên Pháp bắt đầu một chiến dịch quyết liệt, toàn diện để bắt chúng tôi phải đưa ra những lời thú tội giả mạo và các tài liệu tuyên truyền khác. “Và giờ thì tất cả các người phải làm theo tất cả những gì được bảo! Các người là lũ tội phạm (Cree-mee-nals)! Lũ Cree-mee-nals!” hắn ta hét lên. “Dù các người có nói gì, viện cớ gì, sớm muộn gì các người cũng phải thừa nhận mình là những kẻ cuồng tín! Các người cũng phải lên án chính phủ Hoa Kỳ và cầu xin sự tha thứ của nhân dân Việt Nam! Các người đến đây để giết chúng tôi! Chúng tôi đã bắt quả tang các người! Giờ các người phải chịu đau khổ, như chúng tôi đã chịu, và gia đình chúng tôi đã chịu! Hơn nữa, giờ gia đình các người phải chịu đau khổ! Các người phải chịu đau khổ! Chúng tôi phải chịu đau khổ! Mọi người đều phải chịu đau khổ!” Tên Pháp rất thích từ “đau khổ”; dĩ nhiên mọi lời hắn nói đều có giọng rất nặng, như “suffaire” (cứu khổ). Lời lẽ chỉ trích này kéo dài ít nhất ba mươi phút mỗi lần, ba lần một ngày. Những lời chỉ trích của tên Pháp luôn được tiếp nối bằng tin tức

phiên bản Cộng sản, nóng hổi từ các kênh truyền hình Hà Nội.

Một trong những “đứa trẻ đồ vui” đến mở cửa sổ (chúng tôi luôn bị nhốt trong bóng tối của những xà lim tường lỗi lổm). Cậu ta gặp khó khăn với tiếng Anh, lẫn lộn giữa p và f, và lặp lại một câu mà chúng tôi đã nghe trước đó. “Và bây giờ Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tuyên bố rằng mỗi người trong số các bạn phải “xì hơi”! Các bạn sẽ phải trả lời những câu hỏi này!” Cậu ta ném vào một cây bút chì và tờ giấy với năm câu hỏi ngớ ngẩn. Cậu ta không quan tâm chúng tôi viết gì, miễn là chúng tôi viết. Tôi chỉ nhớ được hai câu: “Các bạn có thừa nhận mình là tội phạm không?” và “Các bạn nghĩ gì về Bertrand Russell?” Họ muốn dạy chúng tôi viết khi họ bảo chúng tôi viết.

Chúng tôi từ chối viết, vì vậy Vịt được triệu tập. Vịt là một sĩ quan cao, gầy, cấp cao. Ông ta có cổ dài và khuôn mặt giống vịt. Ông ta rất nghiêm túc, làm chính xác những gì được bảo. Ông ta vén tay áo chúng tôi lên và, với hai tay chúng tôi ra sau lưng, kẹp chặt vào một chiếc còng tay có khóa điều chỉnh được. Hắn đặt chúng lên cao trên cẳng tay, rồi siết chặt đến tận xương, mạnh đến nỗi hắn rên lên vì gắng sức.

Những chiếc còng bóng rất như địa ngục,

cửa vào người chúng tôi và làm chúng tôi tê liệt, và sau ba mươi phút đau đớn, chúng tôi nguệch ngoạc viết ra những câu trả lời ngớ ngẩn. Ron nói, “Chẳng phải chúng ta thật ngu ngốc khi trải qua chuyện đó sao?”

“Ừ, có lẽ vậy. Họ đang cố gắng huấn luyện chúng ta, và chúng ta cũng đang cố gắng huấn luyện họ.”

Thỉnh thoảng, chúng tôi lại được nhắc nhở rằng xung quanh vẫn còn rất nhiều chiến sự. Chúng tôi có thể nghe thấy tiếng máy bay ném bom gần đó. Thỉnh thoảng, chúng tôi bay ngay trên đầu chúng tôi, bật chế độ đốt sau và bay thẳng lên. “Ba mươi phút từ đây đến Cầu lạc bộ Sĩ quan - Ron, được lắm chứ, phải không?” Một hôm, khi đang tắm rửa trong một bồn xi măng trước cửa phòng giam, chúng tôi nghe thấy tiếng chế độ đốt sau nổ, và nhìn về phía bắc, chúng tôi thấy một dãy núi. Sông Hồng chảy ngay phía tây dãy núi đó và hướng về phía bắc vào Trung Quốc. Họ, khoảng một chục chiếc F-105 màu bạc bóng loáng, bay lên độ cao khoảng 4.600 mét, rồi bổ nhào xuống để tấn công bất kỳ mục tiêu nào họ muốn. Lính canh cố gắng ép chúng tôi trở lại phòng giam, nhưng chúng tôi vẫn cố gắng lê bước và cố gắng quan sát toàn bộ cảnh tượng.

Tối hôm đó, lính canh đến tìm tôi, Ron và Red Berg. Họ đưa chúng tôi đến Hỏa Lò và nhốt chúng tôi vào những phòng giam riêng biệt trong khu Khách sạn Đau Khổ (Heartbreak).

Các phi công trên những chiếc máy bay tuyệt đẹp đó đang thực hiện nhiệm vụ Sấm Rền đến một mục tiêu gần Sông Hồng. Gần mục tiêu, họ sử dụng thao tác bật lên, tiếp cận ngay trên boong tàu đến một điểm kiểm tra an toàn trước khi nhấn nút khởi động để lao nhanh lên độ cao sào, từ đó bắt đầu đợt ném bom bổ nhào. Tôi cá là họ đã làm tất cả lực lượng phòng thủ xung quanh mục tiêu sợ chết khiếp, bởi vì một cú tiếp cận nhanh và thấp gần như đảm bảo sự bất ngờ hoàn toàn. Họ bay khá gần Hà Nội, nên phải giả định rằng họ đang ở trong khu vực được phòng thủ tên lửa. Nhưng theo các bảng câu hỏi chúng tôi nhận được, và từ những gì các vụ bắn hạ mới nhất cho thấy, máy bay của chúng tôi đã được lắp đặt một số thiết bị điện tử mới. Giờ đây, phi công nhận được chỉ báo trên thiết bị bất cứ khi nào máy bay của mình bị radar đối phương phát hiện. Hơn thế nữa, anh ta còn biết được khi nào một tên lửa được phóng đi, và anh ta biết nó sẽ tiếp cận mình từ hướng nào. Một khi nhìn thấy tên lửa trông như

một cột điện thoại đang lao tới, anh ta có thể thực hiện hành động né tránh. Chắc hẳn đó là một trò chơi thú vị và hấp dẫn, một khi bạn đã quen với nó. Tôi tự hỏi liệu các phi công mới có giống như tất cả những phi công khác mà tôi từng biết trong các cuộc chiến tranh khác không, háo hức như điên khi được lên máy bay và tấn công kẻ thù. Hay có lẽ một số người trong số họ không thích bị bắn, và thà trở về Mỹ để huấn luyện.

Ngày 4 tháng 8, họ đưa tôi vào tòa nhà số tám ở đầu phía bắc. Tôi bị còng tay, tay bị còng ra sau, nhưng còng không bị siết chặt. Tôi ngồi cả đêm để “tập thể lực”. Lúc đó, cơ thể tôi gầy gò và dẻo dai đến mức tôi phát hiện ra mình có thể ngồi xổm, bước qua cánh tay bị còng và đưa cánh tay bị còng về phía trước. Sau đó, tôi liên lạc với lính thủy đánh bộ Howie Dunn và Trung úy Shankel, Hải quân Hoa Kỳ.

Tôi kể với Howie rằng trong lá thư cuối cùng tôi nhận được từ Evelyn, bà ấy nói rằng con trai cả của tôi đang tham gia khóa huấn luyện bay. Howie nghĩ điều đó thật tuyệt. Lời nhắn của ông ấy là: “Hy vọng tất cả chúng ta đều có thể làm tốt ở đây.” Ngày hôm sau, Vịt đưa tôi vào một tòa nhà nhỏ ở góc, trên đỉnh là một tháp canh không người trực.

Tôi bị bịt mắt và vẫn bị còng, giờ còng đã được siết chặt nên tôi không thể tiến lên phía trước, nhưng bằng cách cọ mặt vào tường, tôi có thể kéo rèm ra và nhìn qua một khe hở. Tôi thấy hai anh chàng đang cạo râu: Bruce Seeber, một người bạn cũ của tôi ở Alexandria, Louisiana, và Rob Doremus, người là GIB (người ngồi ghế sau) của Bill Franke. Lần cuối tôi thấy Seeber, anh ấy cao, tóc vàng và trông rất trẻ. Giờ thì cả hai đều có quầng thâm dưới mắt, trông già hơn mười tuổi và như thể vừa trải qua địa ngục.

Đêm đó tôi ngồi trên một chiếc ghế đầu nhỏ trong phòng thi đỗ ở tòa nhà số tám. Trời tối đen như mực. Vịt thả vài ngọn nến trên bàn, và Bọ bước vào. Hắn ngồi xuống, nhón một bên lông mày, mặt gần ngọn nến, cố tỏ ra hung dữ và đe dọa. Dù tôi nghĩ hắn hơi quá khích, nhưng thực ra hắn trông dữ tợn và đe dọa thật. Hắn nói, “Đến lúc anh viết ba điều mà Chỉ huy yêu cầu rồi đấy!” Khi tôi từ chối, hắn ra hiệu cho Vịt, và hắn bóp chặt còng tay cho đến khi cơn đau buốt khiến tôi phải kêu lên. Rồi cả hai bỏ tôi lại đó.

Giờ đây, trong cơn đau không thể chịu đựng nổi, không thể chịu đựng hay suy nghĩ thấu đáo, tôi đã làm một điều điên rồ - điều mà tôi phát hiện ra Bob Shumaker và những

người khác cũng đã làm: Tôi chạy băng qua phòng và đập đầu vào tường đá, cố gắng tự tử. Tôi không muốn tự tử theo cách đó, nhưng tôi nghĩ mình muốn bất tỉnh một lúc, để có thể họ sẽ để tôi yên. Rồi tôi nghĩ, “Nếu cứ đập đầu thế này mà vẫn sống, mình sẽ bị u não mất.” Vậy nên, khi những thanh sắt tiếp tục thiêu đốt tôi đến chết, và không có sự giảm đau nào, trong cơn tuyệt vọng muốn chấm dứt nỗi đau, tôi lại nảy ra một ý tưởng điên rồ khác. Có một cái hố sâu được khoét trên sàn xi măng. Nó to bằng cỡ quan tài, sâu gần hai mét rưỡi. Tôi nghĩ, “Nếu mình nhảy xuống, chỉ cần chạm cằm vào mép là gãy cổ. Nhưng nếu mình nhảy hụt, mình có thể bị liệt hoặc gãy chân. Lúc đó tình hình sẽ còn tệ hơn bây giờ. Kệ xác họ!”

Cuối cùng, dĩ nhiên, Sâu Bọ đã thu thập được những lời nhảm nhí của tôi, và tôi tự hỏi họ sẽ cất giữ tất cả những thứ vớ vẩn đó ở đâu. Chắc hẳn họ đã chất đầy một kho hàng của tất cả chúng tôi rồi.

Vài ngày sau, khi trở lại với Ron, cả hai chúng tôi đều rất yếu ớt và run rẩy. Tôi cảm thấy thần kinh mình như sắp vỡ tung. Bạn tôi, Ron, người luôn lạc quan, đang trụ vững hơn tôi. Một tin tức trên loa cho chúng tôi biết rằng người Mỹ đang chiến đấu trên khắp

miền Nam Việt Nam, và Tổng thống Johnson nói rằng ông ấy nghĩ chiến tranh có thể kết thúc trong mười tám tháng hoặc hai năm nữa.

“Anh nghĩ sao, Ron?” Mặt tái mét và trông mệt mỏi, anh ấy đưa tay ra như một linh mục, và nhắm mắt lại, anh ấy thì thầm, “Nếu vậy, chúng ta có cơ hội, chúng ta có cơ hội.”

Sự tra tấn và thiếu thốn đã khiến chúng tôi kiệt sức. Chúng tôi sụt cân nhanh chóng, xương sườn nhô ra như những phím đàn piano. Không ai trong chúng tôi nặng tới bốn mươi lăm ký. Ron trông như một linh hồn tội nghiệp bước ra từ trại tập trung Buchenwald thời Thế chiến II.

Phi công Black và Robinson gõ một câu hỏi thăm hỏi cho chúng tôi: “Chúng ta phải chịu tra tấn mỗi khi ra ngoài sao?” Ron nhìn tôi, SRO, để tìm câu trả lời. Tôi quá yếu để tự gõ câu trả lời.

“Bảo họ cố gắng hết sức và cố gắng giảm thiểu những gì họ làm. Cố gắng nói dối để thoát khỏi chuyện này.”

Đó là điều tất cả chúng tôi đều cố gắng làm. Theo như tôi biết, không một ai trong số năm mươi sáu người chúng tôi thoát khỏi bị tra tấn. Ai cũng bị ít nhất một lần, và một số người bị tra tấn hết lần này đến lần khác.

Việc giao tiếp rất khó khăn, bởi vì những

chuyến đi ra giếng để tắm rửa hoặc giặt giũ của chúng tôi diễn ra không theo lịch trình cố định, tùy thuộc vào mức độ tức giận của họ với chúng tôi. Chúng tôi nhận thấy có thêm khoảng năm mươi lính canh quanh trại. Những người này không phải là những lính canh nội bộ hời hợt mà chúng tôi quen thuộc. Họ là những người lính chính quy được huấn luyện bài bản, bộ binh và pháo binh, theo phù hiệu của họ.

Một ngày nọ, tên Pháp mở cửa phòng giam. Hắn đứng cùng ba sĩ quan pháo binh trẻ, có lẽ đang trong một chuyến công tác xa hoa từ một tiểu đoàn pháo phòng không gần đó. Một người trong số họ nói. Tên Pháp phiên dịch, trong khi Ron và tôi đứng đó, với vẻ ngoài chăm chú mà tình trạng của chúng tôi cho phép.

“Ông ấy muốn biết anh đã ở đây bao lâu rồi.”
Cả hai chúng tôi trông thật kinh khủng - râu ria xồm xoàm, tả tơi, và rõ ràng là thiếu ăn.

“Nói với họ là mười tám tháng.”

“Họ muốn biết anh có hối hận về những tội ác của mình đối với người dân chúng tôi không.”

Chúng tôi không muốn nói những lời nhảm nhí đó, và tôi trả lời, nhưng thật nhẹ nhàng, để những người khách không nghe thấy nếu tên Pháp không muốn họ nghe thấy.

“Trại trưởng, làm ơn, hãy nói với họ bất cứ điều gì anh muốn.”

Tên Pháp tỏ ra rất bình tĩnh, và không hề thay đổi nét mặt, hắn trả lời tất cả các câu hỏi của họ. Khi họ rời đi, Ron nói, “Larry, tên Pháp thích anh. Qua cách hắn nhìn anh, tôi biết anh đã bắt sóng được với hắn. Tôi nghĩ hắn biết anh là người lớn tuổi nhất ở đây, và hắn đồng cảm với anh. Anh thấy đấy, hắn không tra tấn anh.”

“Không, hắn ta nhờ Sâu Bọ làm việc đó.”

Ngày 6 tháng 8, quân Việt Nam bắt đầu một việc mới. Ngay sau bữa sáng, khoảng 6:30, chúng đến trói tay chúng tôi ra sau lưng, không chặt lắm, mà bằng một nút thắt, để có thể nhanh chóng siết chặt dây thừng. Mọi người trong trại đều bị trói theo cùng một cách. Tên Pháp đến và mở cửa chớp.

“Còn anh thì sao?”

“Khổ quá, Chỉ huy, nhìn chúng tôi này. Tôi nghĩ anh đang bỏ đói tất cả chúng tôi đấy.”

“Phải, đồ ăn rất, rất nghèo nàn, tôi biết. Và giờ tôi nghĩ đồng bọn của anh đã biết anh ở đây [ông ta chỉ tay lên trời], nhưng chúng ta đã sẵn sàng đón tiếp họ. Vậy nên từ giờ trở đi, khi nào anh nghe thấy tiếng Kang Kang Kang Kang Kang. Kang Kang Kang, anh hãy nhanh chóng đứng trước cửa và lính canh sẽ

hướng dẫn anh.” Giờ thì sao đây? Ron và tôi nhìn nhau.

“Được rồi, Lar, dù chuyện này có nghĩa là gì, thì chúng ta có thể làm gì được chứ?” Ron thì thầm.

“Ừ, lo lắng cũng vô ích thôi,” tôi trả lời.

Chiều hôm đó, chúng tôi nghe thấy tiếng mấy tên lính gác phấn khích gọi nhau, nên chúng tôi trèo lên giường Ron và đẩy cửa sổ vừa đủ để nhìn thoáng qua. Chúng tôi thấy một người lính vác một cây sào dài 4,5 mét với mô hình trục thẳng trên đỉnh sào. Họ đang trong giờ huấn luyện theo dõi mục tiêu, tức là ngắm vũ khí của mình trên mô hình trục thẳng đang bay. Thì ra là vậy! Họ đang chuẩn bị cho một cuộc đột kích! Lúc đó chúng tôi biết rằng người của chúng tôi hẳn đã định sẵn vị trí! Chúng tôi cầu nguyện được giải cứu.

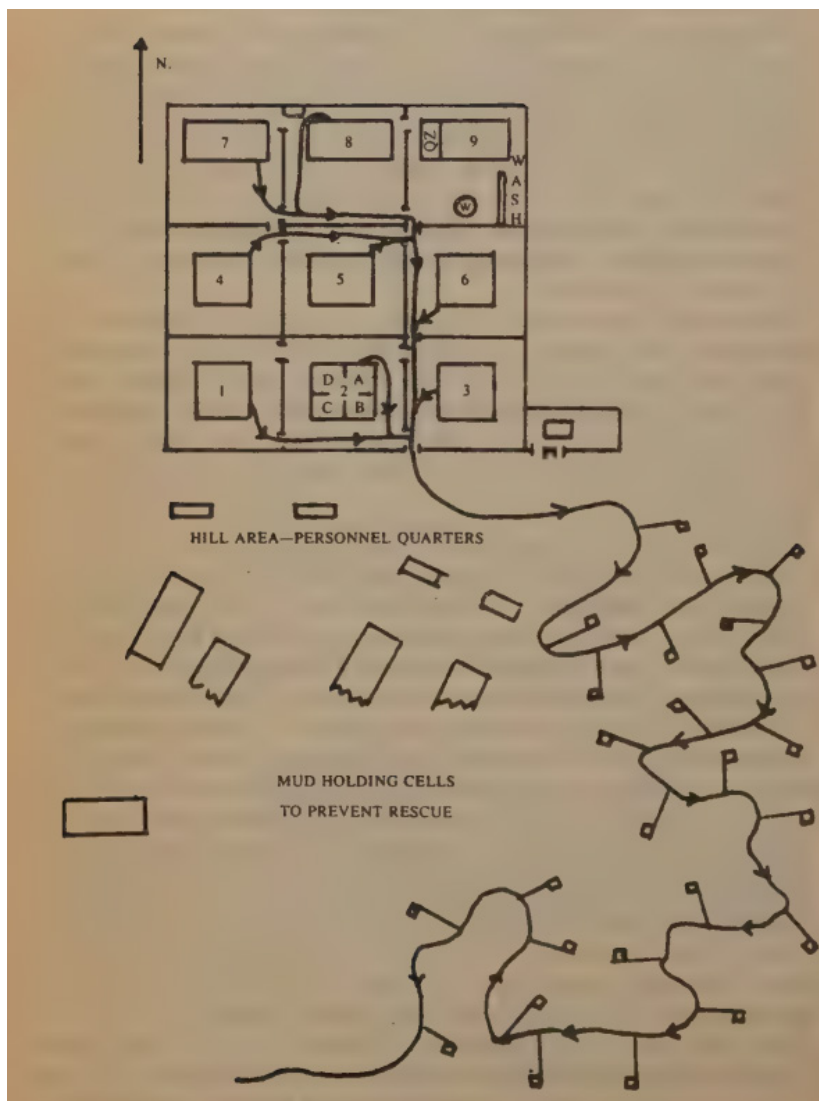
Ron và tôi hào hứng chia sẻ những gì chúng tôi nghĩ về kế hoạch giải cứu. Chúng tôi tính toán một đợt ném bom napalm qua đồi là đủ để xử lý toàn bộ biệt đội, ngoại trừ một vài người lính đang canh gác trong khu nhà tù. Cần thêm vài chuyến bay, có lẽ tám chiếc, để làm im tiếng súng phòng không, để trục thẳng cứu hộ có thể đến. Thực sự đó chỉ là một giấc mơ, nhưng dù sao thì nó cũng có thể thực hiện được khá dễ dàng, và chúng tôi

đã dành nhiều thời gian cầu nguyện cho điều đó xảy ra.

Đột nhiên, tiếng cồng vang lên: “Kang Kang Kang!. Kang Kang Kang! ... Kang Kang Kang!” Chúng tôi đứng cạnh cửa, tên quản ngục mở cửa, xoay người chúng tôi lại, giật mạnh dây thừng và bắt chúng tôi bỏ lại đôi guốc cao su trong phòng giam. Chân trần, chúng tôi được lệnh ra sân. Chúng bắt chúng tôi chạy ra cổng khu giam giữ, thành hàng một. Có một lính gác đứng giữa mỗi cặp tù nhân và giữa những người Mỹ bị biệt giam, nên chúng tôi không thể nói chuyện trong lúc chạy. Lính gác là những lính chính quy cầm lưỡi lê mà chúng tôi đã thấy được đưa đến để hỗ trợ lính canh tù. Ra khỏi tường thành, chúng tôi đi vào một con đường hẹp dài được khoét sâu vào một ngọn đồi, sâu khoảng năm đến tám feet. Có lính tráng và thậm chí cả sĩ quan đứng trên thành lũy phía trên. Họ đuổi chúng tôi nhanh nhất có thể. Kiến đỏ bò lên chân chúng tôi, cắn khắp người. Tôi nhanh chóng thở hỗn hển và loạng choạng, nhưng họ vẫn thúc giục chúng tôi đi tiếp. Thỉnh thoảng họ lại làm chúng tôi chậm lại, và chúng tôi thấy một số tù nhân bị dẫn ra khỏi con đường chính đến một nhánh sông nhỏ hơn.

BRIARPATCH

Ở vùng đồi thấp
Cách Hà Nội 40 dặm về phía Tây



Chúng tôi lại chạy cho đến khi Ron và tôi cũng bị chặn lại và bị dẫn ra khỏi con đường chính. Chúng tôi đã đi được khoảng 15 mét xuống một con đường phụ thì họ chặn chúng tôi lại. Có một cánh cửa gỗ nặng 1,2 mét với bậc xi măng và khung bao quanh. Một cái chốt sắt nặng nề khóa chặt nó. Chúng tôi bị bịt mắt, rồi bị đẩy qua cửa. Khi vào trong, chúng tôi đứng trong khoảng 15 cm nước. Chúng tôi sờ soạng xung quanh và biết mình đang ở trong một cái hố đào trên bùn mềm. Nếu bom rơi trúng, chúng tôi sẽ chết đuối trong bùn. Người Việt Nam quyết tâm đánh bại bất kỳ nỗ lực giải cứu nào, ngay cả khi phải trả giá bằng mạng sống của tất cả tù nhân!

Thật khó diễn tả nỗi tuyệt vọng của chúng tôi lúc đó.

Chúng tôi đứng đó dưới nước, Ron tin chắc đó là nước tiểu, và tin rằng cuộc đời chúng tôi đã chấm dứt. Những người tinh nhuệ nhất của hải quân, không quân và lính thủy đánh bộ sắp ra đi, chân trần, chết đuối trong bùn lầy trong một cái hố ở trại tù Việt Nam, thay vì chết với đôi giày bay trên buồng lái của một chiếc máy bay chiến đấu.

Nếu chúng tôi có thể suy nghĩ rõ ràng hơn, chúng tôi đã biết rằng điều đó sẽ không xảy ra theo cách đó. Cảnh báo đầu tiên mà VC

nhận được sẽ là bom hoặc bom napalm ập đến, có lẽ là vào ban đêm. Họ sẽ không có thời gian để suy nghĩ, chứ đừng nói đến việc đưa chúng tôi ra khỏi phòng giam và vào những chiến hào đó - họ sẽ quá lo lắng về việc cứu mạng mình! Những người đầu tiên chúng tôi thấy mở cửa phòng giam sẽ là đồng đội của chúng tôi hoặc lính thủy đánh bộ! Nhưng ai có thể suy nghĩ thấu đáo? Bài tập này lại có tác dụng khác - nó phá hủy chút tinh thần ít ỏi còn lại của chúng tôi.

Chúng tôi bị giữ trong cái hố bùn đó vài giờ trước khi được lôi ra và đưa về phòng giam. Sau đó, chúng tôi nghe nói có một vài tù binh chiến tranh bị giam giữ ở đó nhiều ngày liền, để họ làm quen với việc viết bài. Cuối cùng, vào ngày 29 tháng 9, họ đã tháo dây trói tay và ngừng các cuộc chạy bộ hàng ngày, nên chắc hẳn họ đã tin rằng khả năng xảy ra một cuộc đột kích giải cứu đã giảm đi.

Khi tôi ở Briar Patch, giấc mơ được giải cứu gần như tràn ngập trong tôi. Việc người của chúng tôi phải biết chính xác vị trí của chúng tôi đã đặt giấc mơ đó vào phạm vi khả thi. Đó là một giấc mơ đẹp để để tôi suy nghĩ.

Vài tháng sau đó rất khó khăn vì lính canh liên tục tìm cách bắt quả tang chúng tôi đang nói chuyện. Chúng lén vào quanh những bức

tường bên ngoài và mở tung cửa chớp. Một người trong chúng tôi luôn túc trực canh chừng, nhưng dù vậy, chúng tôi vẫn gặp nguy hiểm. Việc bắt gặp chúng tôi đang nói chuyện cho chúng cái có để tra tấn và lấy những thứ như “thư gửi đồng chí của anh ở Nam Việt Nam” hay “thư gửi Tòa án Tối ác Chiến tranh Bertrand Russell”. Theo hệ thống loa thì đó là điều mà lão già khốn nạn kia sẽ thực hiện trong tương lai gần, tại Na Uy.

Có lần chúng tôi thực sự nhìn thấy một con bò đi ngang qua khu trại! “Biết đâu chúng ta sẽ sớm có thứ gì đó ngon lành để ăn.” Họ đã giết thịt nó, và vì không có tủ lạnh, thịt phải được ăn ngay lập tức. Tối hôm đó, khi họ mang súp và cơm đến, mùi thịt bò đã thoang thoảng! Chúng tôi đã bắt đầu chảy nước miếng trước cả khi chìa khóa mở cửa. Thật không thể tin được, cả hai bát của chúng tôi đều có một miếng thịt bò to bằng nắm tay! Chúng tôi ăn ngẫu nhiên, và lần đầu tiên kể từ Giáng sinh năm ngoái, vị giác của chúng tôi bắt đầu hoạt động. Nó ngon đến mức chúng tôi không thể kiềm chế được, và chúng tôi đã khóc khi ăn súp. “Chúa ơi Ron, món này đúng là có vị!” Giờ ăn luôn khơi dậy hy vọng của chúng tôi. Cứ như thể thức ăn đã an ủi chúng tôi, nói với chúng tôi rằng, “mọi thứ không đến nỗi

tệ - biết đâu điều gì đó tốt đẹp sẽ đến - không thể cứ thế này mãi được.” Khi thức ăn trở thành thứ duy nhất vực dậy tinh thần bạn, bạn biết mình đã chìm xuống tận cùng của sự tồn tại - sự sinh tồn của loài vật. (May mắn thay, chúng tôi không biết rằng vẫn còn gần bảy năm nữa.)

Kể từ khi chúng tôi trở thành bạn tù, để chống lại nỗi tuyệt vọng, Ron và tôi đã thiết lập một thói quen hàng đêm. Mỗi đêm trước khi chui vào chăn, chúng tôi đều tự hỏi: “Được rồi, chúng ta có gì nào?”. Rồi chúng tôi sẽ liệt kê mọi chi tiết tích cực có thể, cho đến khi có được một danh sách những điều tốt đẹp. Tất nhiên, trong những lúc tồi tệ nhất, chúng tôi phải đào sâu suy nghĩ, thậm chí còn bịa ra những điều có lợi cho mình.

“Được rồi, hãy cùng đếm nào.”

“Để xem nào, thứ nhất, người dân Mỹ chưa bao giờ thích những cuộc chiến tranh kéo dài - điều đó trái ngược với thói quen thích làm mọi việc vội vã của chúng ta. Thứ hai, chúng ta có thể thấy từ loa rằng giao tranh đang diễn ra trên khắp Nam Việt Nam, và với quân số đông đảo cùng ưu thế về trang thiết bị của chúng ta, cuối cùng chiến thắng sẽ nghiêng về phía chúng ta. Thứ ba, phía Việt Nam sẽ lưỡng lự trước điều đó và cố gắng

đàm phán hòa bình khi họ vẫn còn có thể đạt được một số lợi ích trên bàn đàm phán hòa bình. Thứ tư, người hàng xóm của chúng ta, Ralph Gaither, nói rằng họ đang thảo luận về Lào tại Geneva. Nếu đúng như vậy, thì họ hẳn đang thảo luận về Việt Nam. [Sau đó, Ralph thừa nhận rằng ông chỉ “nghĩ” rằng Lào đang được thảo luận tại Geneva.] Thứ năm, họ đã có thể đã giết chúng ta nếu họ không nghĩ rằng một ngày nào đó chúng ta sẽ được trở về nhà. Thứ sáu, chúng ta nhận thấy rằng họ không còn nói gì về các phiên tòa nữa. Johnson có lẽ đã gửi một thông điệp bí mật cho Bác Hồ, yêu cầu Bác ấy rút lui, nếu không thì sẽ bị xử tử.” Bảy, tám và chín cũng mỏng như vậy, nhưng chúng tôi lý luận rằng tất cả đều có lợi cho chúng tôi, và chúng tôi đi ngủ với thái độ lạc quan hơn và một chút hy vọng vào ngày mai tươi sáng hơn.

Không có thời gian ra khỏi phòng giam ngoại trừ việc đi bộ ra giếng khoảng hai lần một tuần. Nếu chúng tôi muốn tập thể dục, một trong số chúng tôi phải đi trên ván giường, cách nhau mười ba inch. Cuối giường là một không gian đi bộ ba nhân bảy feet, mỗi chiều ba bước. Một trong những trò tiêu khiển của tôi là giẫm lên hàng trăm con kiến nhỏ trên sàn, nhưng khi khó chịu,

những con kiến nhỏ đó có thể tạo ra một đám mây axit đủ mạnh để làm bạn chảy nước mắt. Ngoài ra, chúng tôi có một đàn kiến khổng lồ - ý tôi là hàng chục nghìn con kiến - sống trong các lỗ ở chân một số khối tường. Thỉnh thoảng chúng chui ra và từ từ di chuyển đến một phần tường khác. Chúng tôi rất cẩn thận không bao giờ làm phiền chúng.

Thỉnh thoảng, khi có tiếng bom gần đó hoặc báo động vang lên, họ bắt chúng tôi nhảy xuống một cái hố sâu bốn feet khoét dưới giường tôi. Chúng tôi ghét điều đó, vì có rất nhiều nhện cắn ở đó.

VC cũng thêm một nếp nhăn mới. Vào những lúc cửa chớp mở, hoặc trong những khoảng thời gian hiếm hoi ở bên ngoài, chúng tôi thấy họ đang sử dụng một phiên bản thô sơ của bóng bay chần sồng. Chúng dường như có đường kính từ tám đến mười hai feet, được buộc bằng dây thừng chứ không phải cáp, và lơ lửng ở độ cao từ hai đến sáu nghìn feet. Người giữ chìa khóa nói với chúng tôi, bằng ngôn ngữ ký hiệu, rằng nếu máy bay của chúng tôi đâm vào đường dây hoặc bóng bay, chúng sẽ phát nổ. Từ các phương pháp xử lý, chúng tôi nghi ngờ liệu có bất kỳ chất nổ mạnh nào được sử dụng hay không, nhưng điều đó tốt cho tinh thần

của người Việt Nam. Theo tầm nhìn hạn chế của chúng tôi, đôi khi chúng tôi đếm được tới bốn mươi hai quả bóng bay.

Tàn ác là điều hiển nhiên, và tên quản ngục của chúng tôi luôn tìm mọi cách để làm cuộc sống của chúng tôi thêm khốn khổ, đánh đập chúng tôi gần như mỗi ngày. Trong lúc cắt tóc, hắn dùng tông đơ giật tóc gây chúng tôi, trong khi bọn lính canh có vũ trang cười phá lên. Một ngày nọ, tôi đã chịu đựng đủ rồi. Tôi nhảy khỏi ghế và chạy vào phòng giam. Từ đó trở đi, tôi chửi rửa tên quản ngục bằng những lời lẽ tục tĩu mỗi khi hắn mở cửa. Cuối cùng, hắn cũng hiểu được ý nghĩa của những từ đó và đánh tôi như tử. Tôi đành phải lùi lại.

Hắn thường chỉ đưa cho chúng tôi một đầu của cái giá đỡ cạo râu, kèm theo lưỡi dao. Một hôm, khi tôi đang cố cạo râu, hắn quyết định đánh Ron. Chúng tôi luôn thay phiên nhau nhảy vào đánh lạc hướng tên khốn đó mỗi khi hắn đánh người kia. Lần này, tôi làm đổ một chồng đĩa thiếc xuống nền xi măng, lớp men trên đó bị sứt mẻ. Điều đó thực sự khiến ông ấy bức mình, vì những chiếc đĩa này rất dễ bị gỉ sét. Hắn quay lại đánh tôi, khiến tôi bị một vết cắt rất sâu ở ngón tay cái bên trái bằng lưỡi dao cạo.

Tôi không thể cầm máu được, nên sau đó, một người lính tốt bụng đã mở cửa sổ và nhìn vào đó. Anh ta lấy một nắm cỏ nhai, đặt lên ngón tay cái của tôi, quấn một chiếc lá quanh đó và buộc lại bằng một loại cỏ dại. Vết thương đã lành lại rất đẹp, ngoại trừ một mảnh đất cứng hoặc một hòn đá nhỏ đã dính vào, và chẳng mấy chốc tôi bị nhiễm trùng chảy dịch quanh móng tay cái. Nó rụng ra, và vì thể trạng yếu và suy dinh dưỡng của tôi, nó đã không mọc lại trong suốt năm năm!

Nhìn qua khe cửa, chúng tôi có thể thấy lính canh dẫn những tù nhân bị mất, trời chập, dây thừng quanh cổ, lên xuống ngọn đồi sỏi đá, một phiên bản của trò bị mất bắt dê. Một trong những gã đó là George McKnight. Chúng nhốt anh ta vào một cái hố dưới đất và đặt một cánh cửa gỗ cũ lên đầu anh ta khi anh ta ngồi xổm ở đó với lũ kiến cắn xé anh ta. Chúng đang huấn luyện anh ta để làm một bài tập viết. Chúng đã làm điều đó, và những điều khủng khiếp khác, với Storz. Anh ta bị nhốt trong còng tay gỉ sét quá lâu đến nỗi không thể mở khóa được, mà phải cưa bỏ. Phải chứng kiến những người khác đau khổ là một trong những phần khó khăn nhất của thời kỳ bị giam cầm đối với chúng tôi, nhưng không có gì, hoàn toàn không có gì, chúng tôi

có thể làm được. Để can thiệp cần có sự trợ giúp từ bên ngoài, và không có sự trợ giúp nào trong số đó sẵn có.

Lúc đó, mỗi người chúng tôi đều có một món đồ cá nhân nhỏ bé nhưng ấm áp - Ron được Cha Hồ Thận Biên tặng một chuỗi tràng hạt năm trước. Anh ấy cũng tặng Art Cormier một chuỗi, nhưng không có cho tôi, nên thay vào đó, anh ấy tặng tôi một huy chương tôn giáo nhỏ bằng vàng. Chúng tôi giữ được những món đồ này vài năm trước khi họ lấy mất. Ron rất giỏi việc khâu chuỗi. Tôi thường nói với anh ấy rằng anh ấy đã bỏ lỡ thiên chức thực sự của mình, đáng lẽ phải là một linh mục - anh ấy quá tốt bụng để làm phi công chiến đấu! Tôi coi đó là lời khen ngợi cao nhất có thể. Đứng đó, với bộ râu bạc trắng, bộ đồ ngủ đen, tay cầm chuỗi tràng hạt, trông anh ấy như vừa bước ra khỏi tu viện. “Lạy Chúa toàn năng, Ron, làm sao bọn khốn nạn này có thể làm hại một người trông thánh thiện như vậy?”

“Tôi không biết nữa, Larry, chúng phải biết là tôi không làm hại một con ruồi chứ,” anh ấy đáp, hướng mắt lên trời, nở nụ cười hiền hậu nhất. Đến cuối tháng 11, gió bắc nổi lên và trời mát dần, chuẩn bị bước vào mùa Giáng sinh. Sự khắc nghiệt cũng dịu bớt phần

nào, vì đã đến lúc VC vào vai “người tốt”. Vài lá thư đã đến trại.

Evelyn đã phạm sai lầm khi nhắc đến việc con trai chúng tôi, Allan, đang học lớp huấn luyện sĩ quan dự bị tại Đại học Florida. Cá đã cố gắng bắt tôi viết thư cho Allan để từ chối nhập ngũ. Nhưng việc qua mặt Cá bằng lời nói không khó, mặc dù anh ta đã gây áp lực lên tôi trong vài ngày.

Chỉ có một lần Cá suýt nữa đã trừng phạt tôi. Hắn ném một thứ trông giống như một tấm danh thiếp lên bàn.

“Và điều đó có ý nghĩa gì với anh, Ga?”

Tôi nhặt nó lên, xem xét kỹ lưỡng và nhận ra rằng tấm thiếp này đã được gửi cho một tù binh chiến tranh để vực dậy tinh thần. Đó là một trò vui, nhưng người Việt Nam không nghĩ vậy. Trên tấm thiếp có đoạn viết “Batman và Robin [cặp đôi năng động] kết hợp với bạn bè trên khắp thế giới để chống lại thế lực đen tối.”

“À, tấm thiếp này được tạo ra để gây cười.” Tôi nói.

“Buồn cười... Cái gì mà buồn cười?”

“Buồn cười, anh biết đấy, nó giống như một trò đùa, một trò đùa, nhằm mục đích làm mọi người cười.” Về mặt nghiêm nghị của Cá vẫn không thay đổi.

Người Việt Nam không thích sự hài hước, trò đùa, biểu cảm hay cử chỉ của phương Tây. Cá rõ ràng đã coi tấm thiệp này là một âm mưu đen tối nào đó.

Cuối cùng, hắn lên tiếng. “Tôi nói cho anh biết, Ga, tôi nói cho anh biết chúng tôi nghĩ gì. Chúng tôi nghĩ đó là một Câu lạc bộ Sĩ quan quốc tế. Họ muốn tập hợp mọi người lại để chống lại chúng tôi, nhưng chúng tôi sẽ đánh bại tất cả.”

“Tôi giải thích điều này không rõ lắm,” tôi nói. “Đó chỉ là một nỗ lực vô hại để gây cười.”

“Hài hước... hài hước... Ý anh là hài hước à?”

“Ừ, đúng rồi, hài hước.” May mắn thay! Bản Webster của Cá có lẽ đã có từ năm 1850. Hắn đã học một thứ tiếng Anh cổ lỗ sĩ. Hắn gạt tôi sang một bên, lắc đầu phủ nhận. Ông ta vẫn chưa tin, nhưng ông ta đã cho tôi đi.

Vào tháng 12, họ bắt đầu phát những bài hát mừng Giáng sinh trên loa và một bài hát có tên “Puff the Magic Dragon”, mà tôi chưa từng nghe trước đây.

Họ dẫn từng người chúng tôi lên một tòa nhà trên đồi gần khu nhà của họ. Họ bảo chúng tôi có thể hát, la hét hoặc làm bất cứ tiếng động nào mình muốn khi ở trong phòng đó.

Al Brudno đến máy Box với một thông

báo Giáng sinh. Đầu tiên, anh ấy đọc các tiết mục sẽ phải thực hiện vào ngày Giáng sinh, rồi nói thêm, “Vậy là các quý ông thấy đây, người Việt Nam định biến nó thành một bữa tối thịnh soạn - các ông biết điều đó nghĩa là gì rồi đấy, một bữa tối thịnh soạn.” Tất nhiên Al chỉ muốn nói đùa, bởi vì trong ngôn ngữ của những tờ rơi, BFD chỉ có nghĩa là “Vụ Lớn”.

Họ thay thế một số lính canh tàn nhẫn bằng những đứa trẻ ngoan ngoãn.

Khi cánh cửa chớp mở ra, một cô gái trẻ xuất hiện, xinh đẹp đến nỗi cả hai chúng tôi đều phải há hốc mồm. Cô ấy là một người lính đang cầm súng. Hàm răng trắng như ngọc trai, làn da màu ô-liu, đôi mắt to, đen láy, ướt át như một con nai tơ. Những người lính gác thường trực cố gắng đến đủ gần để vô tình chạm vào cô ấy. Cô ấy hỏi về gia đình chúng tôi bằng ngôn ngữ ký hiệu, và chúng tôi trả lời theo khả năng của mình. Cô ấy là người phụ nữ xinh đẹp đầu tiên chúng tôi gặp sau hơn một năm, và được nhìn cô ấy một phút thôi cũng giống như một món quà Giáng sinh vậy.

Khoảng đêm Giáng sinh, nhiệt độ xuống khoảng ba mươi độ. Lạnh cóng, chúng tôi co ro dưới những tấm chăn bông mỏng manh.

Hy vọng duy nhất của chúng tôi là một bữa ăn tử tế vào ngày Giáng sinh, nhưng dù vậy, tất cả chúng tôi vẫn leo lên tường để chúc nhau “Giáng sinh vui vẻ”. Chúng tôi là một nhóm lặt lể, đau khổ, nhưng trước khi đi ngủ, tôi đã gửi lời nhắn đến Art, Robby, Bob Peel và Ralph Gaither: “Có rất nhiều nơi tôi muốn đến hơn là ở đây, nhưng chừng nào tôi còn ở đây, tôi tự hào được ở bên những người kiên cường như các bạn. Trong tương lai, chúng tôi sẽ tự hào... Chúa phù hộ các bạn.”

Bữa tối Giáng sinh có gà tây và rau, rất ngon, nhưng không nhiều. Sau đó, chúng tôi quay lại với thói quen thường ngày khi đối mặt với năm 1967, nghĩ rằng, “Nó phải tốt hơn - không thể tiếp tục như thế này.”

CHƯƠNG MƯỜI MỘT MỘT NĂM CỦA DUM DUM

1967

Tháng Một là một tháng khốn khổ. Bữa tối được ăn trong bóng tối, và phải chạy đua để nuốt trôi, bởi vì những con gián khổng lồ bu đầy thức ăn ngay khi bát đĩa được đặt xuống thớt. Chúng tôi phải lột chúng ra khỏi tay và đuổi chúng ra khỏi đĩa thiếc. Chúng tôi lên giường ngay sau khi ăn xong và nghe loa. Ngủ gần như không thể được vì lạnh. Nó cũng khiến chúng tôi liên tục buồn tiểu. Từ mười một giờ đêm, cứ nửa tiếng chúng tôi lại thức dậy một lần. Đến sáng, xô nước đã đầy ắp. Mỗi khi thức dậy, chúng tôi lại chống đẩy hai mươi lăm cái vào tường để tăng nhịp tim và cải thiện tuần hoàn máu. Độ cứng của những chiếc thớt đã làm chai xương hông, xương cụt, đầu gối và mắt cá chân của chúng tôi.

Loa bắt đầu với một câu chuyện được trích

từ một phần bài phát biểu của Tổng thống Johnson. Câu chuyện nói rằng người Mỹ đang chiến đấu trong một “cuộc chiến súng và bọ”. Các chính trị gia của chúng ta muốn người dân nhìn theo hướng khác, giả vờ như không có chiến tranh, tin rằng họ sẽ không bị bất kỳ sự can thiệp nghiêm trọng nào làm phiền.

Thái độ “súng và bọ” này, đối với tôi, là nhát dao đâm sâu nhất vào ruột gan từ trước đến nay - do chính các chính trị gia của chúng ta gây ra!

“Làm sao chúng ta có thể thắng cuộc chiến này nếu không có sự tham gia của tất cả người Mỹ?”

“Theo báo cáo về cuộc giao tranh, chuyện này phải kết thúc trong vài tuần nữa!” Ron nói.

“Chết tiệt, bọn này vẫn còn máy bay!” Tôi phản bác, “Nguyên tắc đầu tiên của chiến tranh trên không - chiếm ưu thế tuyệt đối trên không - đã đi đâu rồi? Lẽ ra chúng ta phải rải bom khắp sân bay của chúng từ lâu rồi! Thậm chí không nên để chúng cho máy bay lẫn bánh! Các tướng lĩnh của chúng ta biết điều đó, nhưng các chính trị gia thì lại nhúng tay vào. Chuyện chết tiệt này sẽ không bao giờ kết thúc.”

Đến giữa tháng Một, chúng tôi lại gần như chết đói. Ngồi trên ván, đôi vai gầy của Ron

chỉ còn xương, mông anh ấy đã bốc hơi, và anh ấy không thể nặng hơn 90 pound (40,8 kg). Anh ấy nói rằng tôi trông tệ hơn, nhưng tôi không thể tin được điều đó. Không ai ngoài V nhìn thấy chúng tôi, và sau đó, khi sức khỏe của chúng tôi giảm sút, chúng tôi bị cô lập, tránh xa những ánh mắt thân thiện. Chỉ có một lần chúng tôi có thể bị nhìn thấy, khi trở về từ giếng. Chúng tôi phải dừng lại trước cửa sổ của Chuck Boyd và Jerry Driscoll, nơi bị nhảm lẫn để mở. Tôi thậm chí không thể mang một xô nước nhỏ, và cứ vài feet tôi lại phải dừng lại để nghỉ. Tim tôi đập thình thịch đến nỗi Ron phải nhặt xô nước lên. Tôi phải giữ quần đùi lên vì tôi không thể thắt chặt chúng đủ trên cơ thể gầy gò của mình. Nếu Chuck hoặc Jerry nhìn thấy chúng tôi, họ sẽ không nhận ra chúng tôi, mặc dù Boyd biết tôi từ Philippines. Chính anh ấy là người đã báo tin vào tháng 4 năm 1966 rằng tôi được thăng hàm trung tá.

Cuối cùng, tôi ốm đến mức không thể đứng dậy được nữa. Ron gọi bác sĩ. Cá cũng xuống, Ron đang cố gắng nhắc tôi lên khỏi sàn nhà. Tôi nghĩ mọi chuyện đã kết thúc với tôi, và thực sự chẳng quan tâm gì cả. Cá ngồi trên giường và kiểm tra mạch của tôi một lúc lâu. Sau đó, họ mang đến một lon sữa ngọt, một

sản phẩm của Nga, để đắp lên cơm. Cá đã mang cho chúng tôi thêm khoảng bốn cái chần. Ron chăm sóc tôi, và V đã gửi thêm thức ăn. Trong một tuần, chúng tôi nhận được 150 quả chuối - đó là thứ duy nhất tôi có thể ăn được! Nhiều lần họ mang đến một bát xôi với hành lá thái nhỏ. Tôi không thể ăn được, nhưng Ron thì ăn được, và anh ấy cũng ăn một ít chuối. Nhưng ngay cả khi có thêm thức ăn, Ron dường như vẫn không tăng thêm được một ounce nào.

Cuối tháng Một, họ phá bỏ các phòng giam, và chúng tôi nhận ra rằng họ đang đóng cửa Briar Patch, hy vọng là vĩnh viễn. Ngày 27 tháng 1 năm 1967, chúng tôi được chuyển về Sở thú, vào tòa nhà gọi là Thư viện, nơi chúng tôi được chuyển đến một phòng giam lớn hơn, với hai giường tầng. Chúng tôi phải thích nghi với phòng giam mới. Không có cửa sổ, và bóng đèn nhỏ trên trần nhà bật sáng cả ngày lẫn đêm. Ánh sáng ban ngày ít ỏi chúng tôi nhìn thấy đến từ một khe nhỏ dưới cửa. Phòng giam của chúng tôi nằm ở cuối một hành lang dài. Đêm đó, chúng tôi nằm trên ván gỗ, dưới màn chống muỗi, lắng nghe những tin tức mới nhất về chiến thắng của Việt Nam trên khắp miền Nam và những vụ bắn hạ lính của

chúng tôi ở miền Bắc. Đột nhiên, phát thanh viên chuyển sang một chủ đề khác, nói về hy vọng hòa bình với bình luận, “Và để thể hiện lòng tốt của người dân Việt Nam, chúng tôi đã ký kết hiệp định đình chiến.”

Hiệp định đình chiến! Tôi bật dậy, mắt mở to.

“Ron, anh nghe rõ chưa?”

“Không rõ, anh nghe được gì?”

“Họ nói họ đã đình chiến. Tôi nghĩ họ đã rút khỏi chiến tranh rồi!”

Điều này dường như trùng khớp với tất cả những lời bàn tán mà chúng tôi đã nghe từ những người nói tiếng Anh ở Patch. Nhưng khi chúng tôi cầu nguyện với Thượng Đế rằng những gì chúng tôi nghĩ mình nghe được là sự thật, lẽ ra chúng tôi nên biết rằng khi người Việt dịch một điều gì đó sang tiếng Anh, nó sẽ bị mất rất nhiều thông tin khi dịch.

Ngày hôm sau, chúng tôi đập tường và thu hút sự chú ý của Ed Hubbard và Don Waltman. Họ đã diễn giải chương trình phát thanh giống như chúng tôi. Họ nói với chúng tôi rằng có một người mới ngồi cạnh họ, người mà cuối cùng họ đã đưa đến bức tường và dạy cách giao tiếp. Anh ta là Trung tá Hải quân Richard Mullen. Anh ta vô cùng vui mừng khi được liên lạc, bởi vì V đã thực

sự gây sức ép để anh ta nói rằng nhiệm vụ của anh ta là tấn công các trường học.

Bên kia bức tường của chúng tôi là Dan Doughty, một phi công RF-101 và là một người thực sự tuyệt vời. Dan đã dành hàng trăm giờ nằm trên sàn, nhòm dưới gầm cửa để đảm bảo hành lang không có lính gác để chúng tôi có thể giao tiếp mà không bị phát hiện.

Đầu tháng Hai, nhóm V bắt đầu một cuộc kiểm tra liên tục. Bọn chúng sẽ gõ chữ RS, nghĩa là lục soát phòng. Tất cả đồ đạc của chúng tôi đều bị kiểm tra, đôi khi hai lần một ngày. Chúng tôi lo lắng về điều đó, vì chúng tôi vẫn còn một cây bút chì mà tôi đã lấy trộm. Một hôm, chúng vào, bắt chúng tôi cởi hết quần áo, rồi đứng áp mặt vào tường, hai tay giơ cao hết mức có thể với tới. Trời lạnh cóng, và chúng tôi có thể cảm thấy những ngón tay tê cứng vì tim phải hoạt động để duy trì tuần hoàn. Chúng cẩn thận lục soát quần áo chúng tôi, sờ từng đường may, cố gắng tìm ra bất cứ thứ gì - một cái đinh, một cây gậy, một cây bút chì, bất cứ thứ gì cho thấy chúng tôi đang âm mưu. Ron đã nhét cây bút chì vào miệng. Chúng bảo chúng tôi đứng dựa vào tường, rồi bỏ đi một lúc. Ron thì thầm, "Larry, tốt hơn là chúng ta nên vứt nó đi, chúng sẽ tìm thấy nó." Anh ấy nhanh

chúng bẻ gãy cây bút chì làm đôi và mỗi người chúng tôi nhai một mẩu, nuốt gỗ và nhổ ruột bút chì vào hộp. Chúng tôi vừa dứt lời thì nghe thấy tiếng chúng quay lại. Chúng tôi nhảy trở lại vị trí ngay khi chúng xông vào, rõ ràng là đang rất giận dữ. Chúng bắt chúng tôi cúi xuống, chọc vào mũi, rồi lật ngược lại và lục lọi trong miệng, bắt chúng tôi phải lê lười để chắc chắn không giấu giếm điều gì. Ron đã đoán trước được chúng, đứng vào phút chót! Rõ ràng chúng thất vọng vì không tóm được chúng tôi. Cuối cùng họ cũng rời đi, run rẩy vì lạnh, chúng tôi mặc quần áo vào và ngã xuống chiếc giường cứng.

Vài lần chúng tôi bị Bọ Chết (Flea) tra hỏi. Hắn chỉ nói suông và chẳng bao giờ yêu cầu chúng tôi làm gì, nhưng hắn lại là một kẻ thích khoe khoang, với năng khiếu diễn xuất rõ rệt. Khi hắn đến phòng giam, chìa khóa sẽ mở cửa và đứng sang một bên. Bọ Chết sẽ đứng đó với chiếc áo khoác khoác hờ trên vai. Hắn đeo một cặp kính râm to bản rất tối màu. Hắn đứng đó im lặng một lúc, cho có hiệu ứng, trước khi lên tiếng. Hắn nói rằng chuyến thăm của hắn là để làm vui lòng gã giữ khóa, kẻ đã phàn nàn về hành vi của chúng tôi. Lần này là vì gã chìa khóa nhận thấy tôi lại để ria mép mọc dài. Bọ Chết bắt

tôi cạo nó đi, nhưng thỉnh thoảng tôi cũng để dài ra, chỉ để thử xem tôi có thể thoát tội hay không. Điều đó khiến Ron khó chịu, vì nó thu hút sự chú ý. Tiếc là tôi không phải lúc nào cũng làm theo lời khuyên của chính mình là “giữ mình kín đáo”.

Ed Hubbard nhấn tin rằng các anh chàng đang chống đối việc ra ngoài gặp gỡ các phái đoàn. Chúng tôi chết lặng. Theo kinh nghiệm của chúng tôi, V không hề yêu cầu mà chỉ đơn giản là đến, bịt mắt bạn và đưa bạn đến bất cứ nơi nào họ muốn. Tôi không nghĩ đó là vấn đề, bởi vì họ chưa bao giờ bắt tôi phải dùng lời đọc chính tả của họ và tôi có thể nói bất cứ điều gì mình nghĩ, như tôi đã làm với Burchett. Tuy nhiên, giờ đây việc ra ngoài có một điểm mới - đầu tiên họ tập dượt cho “người được chọn” chính xác những gì anh ta phải nói. Nếu anh ta từ chối, họ sẽ tra tấn anh ta cho đến khi họ hài lòng rằng anh ta đã nhìn nhận mọi việc theo cách của họ. Nhưng trong bao nhiêu năm họ làm như vậy, kết quả lại lẫn lộn, và đôi khi thậm chí còn khiến chữ V trông thật ngớ ngẩn.

Một ngày nọ, Dum Dum đến phòng giam của chúng tôi. Đã một năm trôi qua kể từ lần cuối chúng tôi gặp anh ta, và sự thay đổi về ngoại hình của anh ta thật đáng kinh ngạc.

Anh ta gầy hơn, quầng thâm quanh mắt, và nước da thì vàng vọt. Anh ta là một kẻ suy nhược thần kinh, và chúng tôi đoán rằng những trận ném bom liên miên gần Hà Nội đã để lại dấu ấn trên anh ta. Anh ta rất sợ hãi, và chúng tôi đoán rằng anh ta có nhiều khả năng sẽ dùng chúng tôi làm mục tiêu để đá hơn bao giờ hết. Chúng tôi biết hẳn không hiểu tiếng Anh lắm, nhưng hẳn vẫn có thể giả vờ với các tù nhân lớn tuổi hơn, nhiều người trong số họ cũng không thông thạo tiếng Anh.

Hẳn giải thích rằng lý do hẳn đến phòng giam của chúng tôi là để hỏi xem chúng tôi có muốn gặp linh mục Công giáo vào Chủ nhật Phục sinh hay không. Chúng tôi đã đấu khẩu - Ron nói “có” và tôi nói “không”, nên đêm đó họ đến đón chúng tôi và đưa chúng tôi trở lại Hỏa Lò. Đầu tiên, chúng tôi vào sân New Guy, sau đó vào “Phòng Xanh”, nơi khét tiếng với các tù nhân, những người biết đó là nơi tra tấn.

Một lúc sau, vị linh mục Công giáo già, cha Hồ Thận Biên, xuất hiện, cùng với một người Việt Nam khác mà chúng tôi chưa từng gặp trước đây làm phiên dịch. Trên bàn có chuối và bánh ngọt, cùng một ly trà ngọt. Chúng tôi trò chuyện rất lâu với vị linh mục thông qua phiên dịch. Không có gì được bàn tán ngoài

gia đình và tôn giáo. Vị linh mục đến bên chúng tôi và ban phép giải tội, rồi lấy ví của mình trao Minh Thánh Chúa cho chúng tôi. Trong lúc chúng tôi quỳ xuống rước lễ, cánh cửa bật mở, một anh chàng thò đầu vào chụp ảnh chúng tôi.

Tôi biết rõ rằng bất cứ khi nào có điều gì tốt đẹp như thế xảy ra, V sẽ được hưởng lợi từ bạn, bằng cách nào đó. Nhưng đó là một sự đánh đổi, đặc biệt là đối với Ron, một người rất sùng đạo, và cả hai chúng tôi đều cần những phút giây an ủi ngắn ngủi đó để xoa dịu tâm trí đang rối bời của mình.

Trong phòng giam tiếp theo, Bob Lilly và Dick Bolstad thay thế Hubbard và Waltman. Họ rất lạc quan về cơ hội được thả của chúng tôi trong tương lai không xa. Họ đưa ra cho chúng tôi rất nhiều lý do mạnh mẽ cho ý kiến của họ, mà trong suy nghĩ của chúng tôi, chúng vừa đáng tin vừa hữu ích. V có lẽ đã sắp xếp hai người này lại với nhau với hy vọng sẽ có một cuộc xung đột lớn giữa họ, từ đó V có thể thu được lợi ích. Họ có thể nghĩ rằng Lilly sẽ tự thương hại mình và oán giận Bolstad vì anh ta bị bắt, vì Lilly đã bị bắn rơi trên trục thăng của mình khi đang đón Bolstad. Nhưng người Việt đã thất vọng - Bob và Dick đã trở thành những người bạn rất tốt.

Một ngày cuối tháng Tư, tôi đang tập chạy tại chỗ thì bác sĩ trại nhìn vào và buộc tội tôi giao tiếp bằng cách dậm chân xuống sàn. Hẳn chạy đi tìm Dum Dum, người nói với tôi rằng tôi “rất hư, Ga-reeno, mày lúc nào cũng vi phạm luật lệ, và phải bị phạt, giờ mày phải bị cùm chân!”

Lỗi Sắt mang đến những chiếc cùm chân di động, bao gồm một cặp nẹp mắt cá chân nặng được giữ cố định bằng một thanh ngang dài gần một mét, dày ba phần tư inch. Một ổ khóa giữ chặt cùm chân. Slug bảo tôi lên giường và dang rộng chân. Anh ta đeo cùm vào, rồi dùng dây thừng trói chặt mỗi mắt cá chân vào các góc ván. Hẳn bắt tôi đưa tay ra sau và kẹp chặt chúng lại bằng một chiếc còng tay có khóa thông thường. Hẳn còn nói tôi sẽ bị cùm mười ngày không ngừng nghỉ.

Ron nhìn theo bất lực, và khi họ rời đi, tôi nói, “Tôi bị tra tấn vì điều gì đó mà họ muốn sao?” Ron trả lời: “Đó chính là điều chúng ta sẽ tìm hiểu.”

Ba bốn tiếng đầu thì không khó chịu lắm, nhưng rồi việc ngồi trên xương cụt gầy gò và bị bất động hoàn toàn bắt đầu làm tôi mệt mỏi. Vai phải của tôi, vốn bị thương trong lần trước ở phòng Tra tấn, bắt đầu đau dữ dội. “Tôi không biết mình có chịu đựng được

mười ngày như thế này không, Ron ạ,” tôi nói một cách khổ sở. Đó chỉ là một hình phạt - không thú tội, không viết lách, không gì khác ngoài hình phạt.

Lỗi Sắt lập tức chơi xấu tôi. Đáng lẽ nó phải nói tay tôi ra trong giờ ăn, nhưng nó không làm vậy, nó bắt Ron dứt thìa cho tôi. Hơn nữa, đáng lẽ tôi phải được thả ra để đi vệ sinh, nhưng tôi lại không được. Ron phải đặt một cái bình tráng men dưới tôi để tôi có thể đi tiểu. Tôi không bao giờ nhớ mình phải làm gì hơn thế nữa.

Đêm đến, tôi không thể ngủ được vì không thể nằm ngửa ra, và khi tôi cố nằm nghiêng một bên, các chốt khóa còng vô tình siết chặt hơn. Sau ba ngày như vậy, tôi suy sụp hoàn toàn. Tôi hét lên bảo lính canh thả tôi ra, nhưng Lỗi Sắt đã đến và đánh vào mặt tôi. Tôi ngậm chặt miệng trong suốt thời gian hấn đánh để không bị mất răng, nhưng hấn đã xé toạc môi tôi và đánh tôi bất tỉnh vài lần.

Lỗi Sắt tiếp tục không cho tôi ra khỏi còng để đi vệ sinh, nên tôi lại bắt đầu la hét. Sau đó, tôi giả vờ hoảng loạn và ngất đi. Một lính canh khác bước vào để điều tra. Hấn túm tóc tôi và đấm vào miệng tôi. Tôi loạng choạng, hấn tiếp tục đánh tôi, nhưng sau đó hấn đi

tìm Dum Dum, và họ phải mở còng và thả tôi ra khỏi ván trong hai giờ.

Dum Dum hung dữ và co giật hơn bất kỳ lúc nào chúng tôi từng thấy. Nghe nói cứ mỗi lần có tiếng còi báo động trên không, Dum Dum lại chạy quanh trại, la hét loạn xạ, mất kiểm soát.

Đến ngày thứ năm, tôi gần như phát điên. Bob Lilly gõ vào tường hỏi Ron xem anh ta có biết bí quyết mở còng không. Bob nói anh ta sẽ bỏ một sợi dây kẽm vào bát súp của Ron, đặt ngoài hiên. Chúng tôi không biết Bob làm sao đoán được Ron sẽ nhặt bát nào, vì đó hoàn toàn là lựa chọn ngẫu nhiên trong khoảng mười bát. Ron đặt một bát trước mặt tôi, nhưng tôi không thể chạm vào nó, vì thường thì trong lúc bị phạt, tôi không thể ăn hay nuốt trôi thức ăn. Ron giấu nguyền cả bát của mình và của tôi. Tôi ngơ ngác nhìn anh ta ăn. Đột nhiên anh ta dừng lại. “Nghe này Larry!” Anh ta từ từ di chuyển chiếc thìa dưới đáy bát. Tôi nghe thấy một tiếng “keng” kim loại nhỏ. “Tôi lấy được rồi!” anh ta thì thầm phấn khích, và móc một sợi dây kẽm cong lên! May mắn khi rút thăm trúng thưởng là một chuyện. May mắn khi Ron chọn ăn cả hai bát súp bắp cải lại là chuyện khác. Nếu không, sợi dây kim loại quý giá đã bị vứt ra

ngoài cùng với bát súp của tôi rồi. Anh ta cắt sợi dây đi, và ngay khi có cơ hội, anh ta trèo lên tường để học hỏi Lilly cách sử dụng nó.

Ông già Dan Doughty tội nghiệp nằm đó hai tiếng đồng hồ, dọn đường cho lính canh, trong khi Ron thử nghiệm với khóa còng.

“Để lắm khi cuối cùng cũng quen rồi,” Ron nói một cách đắc thắng, và tôi cảm thấy còng bật mở!

Anh ấy chỉ tôi cách làm và bắt tôi luyện tập cho đến khi tôi có thể làm dễ dàng, mặc dù hai tay tôi vẫn ở sau lưng. Mỗi khi cần nghỉ ngơi, tôi lại mở còng, để nguyên cái bên tay trái. Sau đó, tôi nằm ngửa ra, đắp chăn lên ngực và trùm lưới chống muỗi lên người, để bất kỳ ai ở cửa nhìn trộm cũng khó có thể biết chuyện gì đang xảy ra. Tại chúng tôi luôn tập trung vào tiếng mở khóa cửa. Tôi có thể nhanh chóng đưa tay ra sau lưng và khóa còng lại, át tiếng kêu lách cách bằng cách ho hoặc khạc. Hai lần chúng tôi suýt bị bắt gặp, nhưng chắc chắn là đáng để mạo hiểm. Mặc dù hông tôi bị khóa chặt, tôi vẫn có thể ngủ vào ban đêm, chắc chắn là với một mắt mở, nhưng dù sao thì như vậy cũng đủ để nghỉ ngơi một chút.

Vào đêm thứ mười, Lỗi Sắt bước vào và thả tôi ra khỏi gông cùm.

Thật nhẹ nhõm! Chúng tôi nghỉ ngơi vài ngày, rồi cảm ơn Lilly, Bolstad và Dan Doughty vì đã chỉ cho chúng tôi manh mối về chiếc còng tay, và đã giúp chúng tôi dọn dẹp mọi thứ. Tôi nghĩ đầu óc tôi chắc đã tuôn ra hết nếu không có họ, và cả Ron nữa.

Đầu tháng Năm, đài phát thanh trại phát đi một thông điệp và một giọng nói mà chúng tôi chưa từng nghe trước đây. Đài nói rằng ban quản lý trại được Hội đồng Cán bộ thuộc Bộ Chính trị (cơ quan chịu trách nhiệm chung về việc đối xử với tù nhân) chỉ đạo đưa ra chỉ thị này cho chúng tôi. Nội dung truyền đạt như thế này, và tôi nghĩ mình nhớ chính xác từng từ, vì tôi đã nghe nó quá nhiều lần. “Chính sách đối xử của chúng tôi đối với tội phạm Hoa Kỳ bắt nguồn từ chính sách nhân đạo cộng sản cố hữu của chúng tôi, một hệ thống giáo dục chứ không phải trừng phạt. Chúng tôi sẽ dành một khoảng thời gian hợp lý để giáo dục các bạn, bởi vì chúng tôi biết rằng có rất nhiều điều các bạn chưa hiểu.

Chúng tôi mong các bạn chăm chú lắng nghe; chúng tôi mong các bạn cố gắng học hỏi và thể hiện thái độ tốt. Nếu các bạn thể hiện thái độ tốt, thể hiện bằng những hành động thiện chí cụ thể, và tuân thủ mọi mệnh lệnh của ban quản lý trại, thì các bạn sẽ được

đối xử xứng đáng. Tuy nhiên, nếu sau một thời gian, các bạn viện cớ và giả vờ không hiểu, và thể hiện thái độ không tốt, thì các bạn cho chúng tôi thấy rằng các bạn vẫn bám víu vào lối sống cũ, và các bạn sẽ bị trừng phạt nghiêm khắc.”

Chính sách “nhân đạo cộng sản” này không phải được phát minh ra cho tù binh chiến tranh. Nó cũng là chính sách đối xử tiêu chuẩn đối với chính đồng bào của họ. Chơi bóng với đảng hoặc bị đập vỡ sọ! Đây là một chính sách không hề hứa hẹn quyền lợi và tự do cá nhân, giấc mơ của tất cả mọi người, mà thay vào đó là đe dọa trừng phạt những ai không tuân thủ một hệ thống phi nhân tính. Nó giống như một tấm chăn bẩn phủ lên đầu người dân, nhằm kiểm soát tuyệt đối họ, tước đoạt cá tính của họ và loại bỏ sáng kiến cá nhân phấn đấu cho một cuộc sống tốt đẹp hơn. Châm ngôn của Hồ Chí Minh là “phê bình và tự phê bình”, một hệ thống tự thanh lọc. Phương tiện chính để áp dụng hệ thống này là các cuộc họp hàng tháng, trong đó binh lính và sĩ quan được tự do phê bình lẫn nhau, chỉ ra những sai lầm, tư duy sai trái, tư duy vật chất, thái độ xấu hoặc ích kỷ của nhau. Bị cáo phải luôn thể hiện thái độ tốt và đúng mực, bằng cách thừa nhận sai lầm hoặc tư

duy sai trái, hứa sẽ sửa chữa và hành xử theo ý chí của nhân dân. Đặc biệt, những người trẻ tuổi sẵn sàng tham gia trò chơi này vì họ muốn “vào cuộc”. Bạn còn nhớ những gì Nice Kid đã nói với tôi về việc “người của anh ta” được tự do chỉ trích anh ta vì đã cho phép tôi thể hiện hành vi xấu không? Bạn còn nhớ những bài phát biểu dài sáu tiếng của Castro khi ông giải thích chính sách này cho chính người dân của mình, đồng thời giáo dục họ theo cách mới không? Ông ấy nói, “Hãy lắng nghe, học hỏi và hợp tác, nếu không thì!”

Điều chúng tôi phát hiện ra qua bức tường là tất cả chúng tôi đều giả vờ gặp khó khăn lớn trong việc hiểu chính sách đối xử của Việt Nam. Suy cho cùng, chúng tôi sẽ nói với họ rằng, chúng tôi đã sống trong một thế giới tư bản chủ nghĩa cả đời rồi; chính sách mới này khác xa so với bất cứ điều gì chúng tôi từng biết, nó sẽ cần rất nhiều suy nghĩ và thời gian. Giống như tất cả các chương trình mà V đã khởi xướng, họ đã thúc đẩy nó một thời gian rồi mất hứng thú để chuyển sang một thứ khác.

Cuối tháng 5, chúng tôi được chuyển đến phòng giam số một của Nhà kho. Dum Dum đến phòng giam và nói với chúng tôi rằng hắn sẽ cho chúng tôi một tên tội phạm khác

sống cùng, nhưng trước tiên Byrne phải viết, “Tôi hứa sẽ cho phép thực hiện các quy định của trại,” bất kể điều đó có nghĩa là gì. Ron nhìn tôi với vẻ nghi ngờ, và tôi nói, “Viết những gì người đàn ông đó nói đi Ron, cho phép thực hiện các quy định,” thế là Ron nói, “Được rồi, tôi cho phép thực hiện các quy định.” Dum Dum đã làm hỏng mọi thứ, và chúng tôi không bao giờ hiểu nổi tại sao hẳn lại có thể ở lại lâu như vậy với cấp trên của mình.

Rồi cánh cửa mở ra, và đứng đó là Fred Cherry, người Mỹ da đen đầu tiên bị bắt. Chúng tôi có một người bạn cùng phòng mới và thân thiện! Cả hai chúng tôi đều biết Fred từ Phi đội 35 tại Itazuke. Vai trái và mắt cá chân của anh ấy đã bị gãy khi nhảy dù từ chiếc F-105. Mắt cá chân của anh ấy có vẻ ổn, nhưng vai anh ấy không còn mô cơ và trông giống như một chiếc móc quần áo bằng dây. Fred kể với chúng tôi rằng sau khi bị bắt, anh ấy hầu như không được điều trị y tế nào và trong nhiều tháng, anh ấy đã mất trí. Người lính Hải quân Porter Halyburton đã được chuyển đến sống cùng Fred, và không chắc Fred có thể sống sót nếu không có sự chăm sóc của Haly. Vào đêm Cuộc hành quân Hà Nội, chúng tôi đã thấy một xe cứu

thương đến Sở thú để đón Fred đi cắt bỏ thêm thịt thối rửa khỏi vai anh ấy. Họ đã cắt anh ấy và cạo xương của anh ấy mà không có bất kỳ loại thuốc gây mê nào! Anh ấy đã bị các bác sĩ Việt Nam đối xử tệ bạc, những người cũng đã tham gia vào tinh thần đối kháng của cuộc hành quân. .. Họ muốn Fred phải chịu đau khổ.

Hà, người giữ chìa khóa, mang cho chúng tôi một con chim hoàng yến, và tỏ ra thất vọng vì chúng tôi không mấy hào hứng với việc nuôi thú cưng. Lúc đó, thái độ của Hà thay đổi - không phải vì con chim hoàng yến, mà vì chỉ huy trại muốn hâm nóng tình hình. Khẩu phần ăn luôn ít ỏi và chất lượng rất kém. Một hoặc hai lần một tuần, chúng tôi được cho một thìa thịt băm nhuyễn, như gan; luôn có súp bí ngô loãng và đôi khi là một loại bí nhặt nhéo, như đậu bắp, mà tôi gọi là “slickum”.

Họ nghĩ ra ba chương trình mới để chúng tôi tham gia. Các tù binh chiến tranh được chọn ngẫu nhiên được yêu cầu “gửi tiền về nhà để lấy đô la”. Ray Vohden đã khai thác được rằng Dum Dum đã yêu cầu anh ta làm điều đó, vì vậy chúng tôi cho rằng V đang bắt đầu một chương trình tổng tiền để bắt các gia đình gửi một trăm đô la mỗi tháng,

để “đảm bảo được đối xử tốt”. Nhưng đầu đó trong quá trình này, V nhận ra rằng những người bên ngoài sẽ không thích nghe điều đó, nên họ đã sửa đổi nó thành hai mươi lăm đô la. Mỗi khi có tiền từ gia đình, V lại “mua” kẹo, cam, chuối, vân vân để biếu tù binh. Tức là, họ ghi chép lại những “khoản chi tiêu” này, và thậm chí còn cho mỗi tù binh biết số tiền còn lại trong túi riêng! Đây là một chiêu trò để dụ dỗ tù binh nhận những đặc ân, điều này trái với Quy tắc Ứng xử. Hầu hết tù binh đều biết chuyện, nên sau khi nhận một ít, họ lại ném vào thùng rác hoặc cố gắng chia cho người khác. V đã thuyết phục được rất nhiều tù binh rằng “ai cũng làm thế”. Chương trình này đã diễn ra được một năm trước khi tôi phát hiện ra một số người của chúng tôi thực sự nhận được quà.

Những người đàn ông này cũng kiên cường như bất kỳ ai, nhưng họ cứ bị cuốn vào và khó mà rút ra. Khi nghe tin họ vớt rất nhiều đồ tốt xuống hố xí, tôi đã nhắn: “Vì nó đã ở đây rồi, cứ giấu đồ trong khu vực rửa tay cho người khác đi, đó sẽ là một sự thay đổi đáng hoan nghênh.”

Chương trình thứ hai là chúng tôi viết một tạp chí trại. Bạn có thể đoán được loại bài viết mà họ muốn viết - những cảm xúc

phản chiến, sự trân trọng đối với “lối sống mới”, một sự phản ánh về những thái độ có thể giúp tù binh chiến tranh trở thành một công dân hữu ích (cho những người cộng sản) trong tương lai. Chương trình này thật nực cười đến nỗi tôi không thể tin rằng có người lại bị cuốn vào, nhưng vào Giáng sinh năm 1968, trong “buổi tiệc mừng lễ dành cho người tốt”, chúng tôi được dẫn đi tham quan một căn phòng trưng bày các tác phẩm của tù nhân, chủ yếu là các tác phẩm nghệ thuật, nhưng chắc chắn là có một tờ báo của trại có tựa đề Đường băng Mới.

Chương trình thứ ba là “tình nguyện” đi xuống trung tâm thành phố để làm việc. Trong nhiệm vụ này, người ta được giao nhiệm vụ sửa chữa thiệt hại ở những khu vực bị bom đạn tàn phá trong thành phố, để người Việt Nam trên đường phố thấy rằng có những người Mỹ đã ăn năn hối cải, và nhờ đó họ sẽ được đối xử tốt hơn. Tôi chưa từng nghe nói có ai tình nguyện tham gia nhiệm vụ này. Nhìn chung, nhóm V không đạt được thành công đáng kể nào, nên họ quyết định tìm hiểu lý do. Họ không tin rằng mỗi người đều tự nhận ra rằng mình không muốn tham gia vào những thỏa thuận này. Họ quyết định tìm ra ai đang điều hành cuộc kháng chiến chống lại

mọi thứ “xứng đáng và hiệu quả” trong “mùa xuân chiến thắng” năm 1967 của họ.

Trước đó, Ron đã đoán tôi là người cao cấp nhất ở Sở thú. Việc liên lạc giữa các tòa nhà bị hạn chế, nên chúng tôi không bao giờ biết chắc chắn. Giờ Ron lại nói, “Larry, tôi nghĩ anh lại là ‘nó’ rồi, anh là SRO.”

Ngày 15 tháng 8, Dum Dum gọi tôi ra. “Ga-reeno, giờ anh có chịu thừa nhận mình là sĩ quan cao cấp và là kẻ cầm đầu chống lại chúng tôi không?” Tôi trả lời, “Không đời nào!” Bất kể tôi nói gì. Họ bắt Ron, Fred và tôi thu dọn đồ đạc, rồi đưa chúng tôi đến Túp lều, một tòa nhà nhỏ biệt lập dựa vào bức tường bên ngoài ở góc đông nam của trại.

Túp lều là một tòa nhà hình chữ nhật ba phòng. Các phòng được nối với nhau bằng những mái vòm lớn, và sàn nhà lát đá cuội lớn. Trông giống như tòa nhà này ban đầu được sử dụng để chứa xe ngựa hoặc gia súc. Hai phòng còn sử dụng được; cổng vòm dẫn đến phòng cực bắc bị chặn bởi cửa kiểu Pháp, đóng đinh chặt vì phòng phía bắc bị hư hại và cửa sổ thì mở toang, thiếu rất nhiều gạch. Chúng tôi được đưa vào phòng giữa, có ba tấm ván ngủ. Tấm ván tốt nằm sát cửa kiểu Pháp đóng đinh, nơi có nhiều khe hở cho phép nhìn ra góc chuồng qua cửa sổ vỡ. Từ

đó có thể dễ dàng nhìn thấy chìa khóa hoặc lính canh đang tiến đến túp lều. Cửa trước của các phòng giam vẫn là cửa kiểu Pháp cũ có chớp.

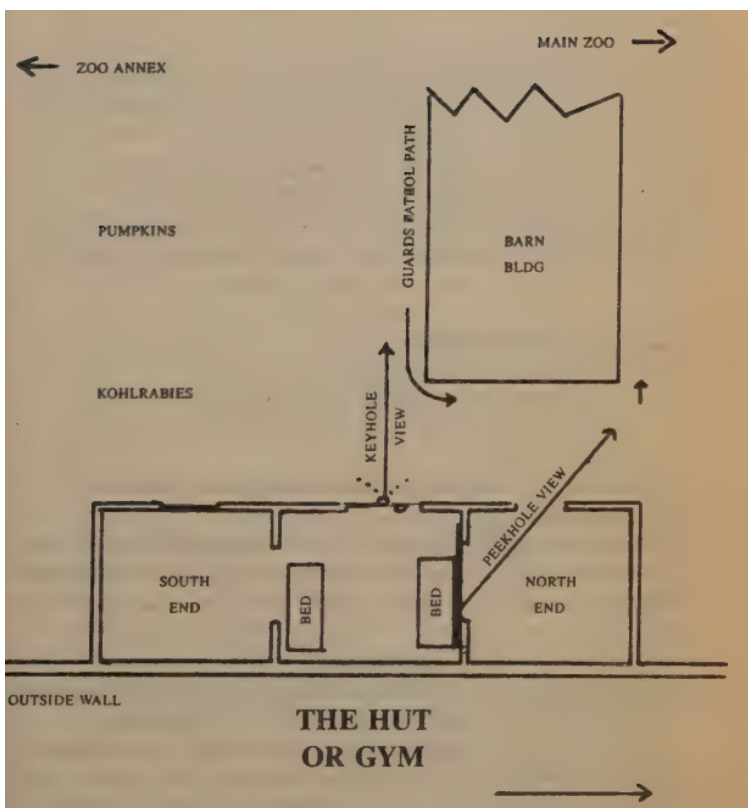
Lỗi Sắt đặt Ron cạnh những cánh cửa đóng đinh. Đầu tiên, hắn ta đeo còng chân, khóa lại, rồi trói chặt vào các góc ván. Tiếp theo, hắn dùng một bộ còng tay để khóa tay Ron ra sau. Đây không phải là những chiếc còng tay có khóa thông thường, mà là những chiếc kẹp cổ tay rất nhỏ, không có bộ phận điều chỉnh và cũng không có chốt. Thay vào đó, chúng được vặn chặt bằng cờ lê. Không thể nào tuột ra khỏi những chiếc còng này trừ khi dùng cờ lê.

Màn chống muỗi được giăng lên và được ném lên cao. Lỗi Sắt sau đó trói tôi lại. Hai tên lính trói chân Cherry lại, nhưng khi chúng cố gắng kéo tay anh ấy ra sau để kẹp chặt, tôi hét lên, “Đừng để chúng làm vậy Fred, đừng để chúng làm!” Một tên lính dùng còng tay đâm vào đầu tôi. Tôi biết rằng chúng sẽ làm gãy thêm những xương vai đã vỡ vụn của Cherry và gây ra nhiều biến chứng hơn, thậm chí có thể giết chết anh ấy. Tên lính thấy rằng tay Fred không chịu buông ra. Tôi lại hét lên, nhưng Fred chỉ ngồi đó đờ đẫn. Tôi muốn hắn ta gào thét cho đến chết! Tên

lính canh đang cố trói Fred tỏ ra khá phần khích, nhưng hẳn ta thấy trói Fred sẽ không hiệu quả. Dum Dum quay lại xem xét, rồi bảo Fred trở về phòng giam trong Kho thóc. Dum Dum nói Ron và tôi sẽ ở nguyên đó cho đến khi chúng tôi “thú nhận toàn bộ tội ác”.

Hồi năm 1965, mỗi người chúng tôi được phát một chiếc quạt giấy gấp Trung Quốc, mà trong tờ khai hàng tồn kho của họ gọi là “thiết bị chống nóng”. Chúng tôi luôn mang theo bên mình. Chúng rất hữu ích; hôm đó, chúng tôi dùng răng cắn vào cán gỗ và dùng chúng xô đẩy màn cho đến khi hai bên gần như trùng khớp. Sau đó, tiếp tục dùng quạt và thổi, chúng tôi đã kéo được màn lên qua đôi chân và bàn chân bị trói, vào đúng vị trí, có lẽ chỉ có khoảng chục con muỗi bên trong. Tốt hơn nhiều so với việc cho hàng trăm con muỗi ăn! Đó là một đêm nóng nực và khó chịu, càng tệ hơn khi màn của tôi tuột khỏi móc và rơi xuống mặt tôi, suýt làm tôi ngạt thở. Cả hai chúng tôi đều không ngủ được trong tư thế đau đớn đó, và chúng tôi kiệt sức khi họ đến thả chúng tôi ra vào ngày hôm sau.

Chúng tôi hy vọng có thể chớp mắt một chút vào ban ngày, nhưng một đoàn lính canh liên tục kéo đến túp lều bắt chúng tôi cúi đầu và đánh đập, nên việc nghỉ ngơi là



không thể. Và đó chính xác là ý tưởng: cấm chúng tôi ngủ hoàn toàn. Cuối buổi chiều, tên quản ngục nói, “Lei va cuom,” nghĩa là “Vào gông cùm đi.” Chúng tôi nghe những lời đó hàng trăm lần. Bằng cách nào đó, chúng tôi đã chịu đựng được tuần đầu tiên, và mỗi đêm chúng tôi vẫn cố gắng chơi trò cũ, “Chúng ta có gì để làm?” Rồi chúng tôi cùng nhau cầu nguyện, hy vọng vào một phép màu.

Chúng tôi chết lặng khi Dum Dum đến và bảo chúng tôi viết thư về nhà. Ở đây, chúng tôi đang bị tra tấn, và hẳn muốn những lá thư vui vẻ gửi về hậu phương! Hẳn đọc cho tôi chép, nhưng tôi không phản đối, hy vọng rằng lá thư đó có thể là một cách để thoát khỏi gông cùm. Lá thư là một lời tuyên truyền pha trộn, bằng tiếng Anh gượng gạo, với những câu hỏi cho thấy Dum Dum thực sự lo lắng về việc chiến tranh sẽ kéo dài bao lâu. Tôi biết Evelyn sẽ nhìn thấu điều đó, và bất kỳ ai trong lực lượng không quân đọc nó cũng vậy.

Gửi: Bà Evelyn Theresa Guarino

Địa chỉ: 880 Đại lộ South Orlando, Cocoa Beach, Florida 329311 Hoa Kỳ

21 tháng 8 năm 1967

Evelyn thân yêu,

Anh đã ở đây rất lâu rồi, nhưng sức khỏe của anh vẫn tốt.

Người ta thường so sánh chiến tranh Việt Nam với Cách mạng Hoa Kỳ năm 1776, Chủ tịch Hồ Chí Minh với George Washington, và họ cũng có Ngày Độc lập.

Từ khi đến đây, anh đã có cơ hội tìm hiểu về đất nước này từ 4000 năm trước cho đến nay, và những người dân nơi đây chắc chắn đã từng trải qua những cuộc xâm lược.

Gần đây, chúng ta nghe rất nhiều về những người Mỹ da đen đang phải vật lộn ở gần 100 thành phố của Mỹ, liên quan đến 22 triệu người Mỹ da đen và đã gây ra vấn đề chủng tộc lớn nhất mọi thời đại. Nếu em có thể cho tôi biết câu chuyện, đặc biệt là những vấn đề liên quan đến các chuyến thăm của các phái đoàn, cách họ được đón nhận ở quê nhà, và những ảnh hưởng của các chuyến thăm cũng như sự công khai của họ đối với chiến tranh. Ngoài ra, câu chuyện về vấn đề chủng tộc và mức độ lan rộng của nó, và liệu em có nghĩ rằng tin tức này có ảnh hưởng gì đến Chiến tranh Việt Nam không. Ngoài ra, mọi thứ đều ổn.

Người chồng yêu quý của em, Lawrence.

Đài tiếp tục dội bom chúng tôi không ngừng nghỉ với đủ loại thông tin về hành vi của “những người Mỹ đồng hương” mà tinh thần chúng tôi không cần. Một vị khách đến thăm Bắc Việt Nam, một bác sĩ người Mỹ

nổi tiếng tên là Spock (người mà chúng tôi, những tù nhân, đã thề sẽ nguyên rửa đến tận giường bệnh) đã có những bài phát biểu về việc ông ta kinh hoàng như thế nào trước sự can thiệp của Mỹ vào cuộc chiến.

Sau đó, chúng tôi nghe một anh chàng da đen tên là Stokely Carmichael, chủ tịch của một tổ chức có tên là Ủy ban Điều phối Sinh viên Bất bạo động, người đã có những bài phát biểu kêu gọi tất cả người da đen hãy chống lại các sĩ quan của họ và đào ngũ. Bài phát biểu của ông ta đại loại như thế này: “Chưa từng có người Việt Nam nào cưỡng hiếp mẹ tôi; Chưa từng có người Việt Nam nào biến em gái tôi thành gái điếm; Một người da đen làm gì ở Việt Nam?” Cứ thế phát lại đến năm mươi lần. Mỗi đêm sau bản tin của Đài, họ sẽ chơi một bản nhạc violin buồn bã, tiếp theo là đọc danh sách những người Mỹ thiệt mạng mới nhất ở Nam Việt Nam. Danh sách này có lẽ được lấy từ báo chí Mỹ, hoặc một số báo gần đây của tờ *Times* của lục quân, không quân hoặc hải quân. Trước khi đọc danh sách, người dẫn chương trình đã trích lời Thượng nghị sĩ Gruening của Alaska: “Tôi không nghĩ rằng những người này bị giết vì một lý do chính đáng; tôi cảm thấy rằng họ đã hy sinh mạng sống của mình vì một sự điên rồ được

kế thừa.” Câu nói đó đã được lặp đi lặp lại trong suốt hai năm ròng.

Một trong những lời cầu xin thảm thiết nhất là của một người cha Mỹ đã mất con trai trong chiến tranh. Ông ấy đã khóc khi nói ra điều đó. Ông ấy nói rằng mạng sống của con trai ông đã bị chính phủ chúng ta “phí phạm”, và rằng chúng ta đang ở Việt Nam, một đất nước với nền văn hóa bốn nghìn năm tuổi, đang cố gắng dạy bảo họ phải làm gì. Bất cứ khi nào bạn nghe một người Mỹ nói đến cái thứ vớ vẩn “bốn nghìn năm” đó, bạn biết rằng anh ta đã bị nhồi nhét một liều tuyên truyền Cộng sản kha khá. Thượng nghị sĩ Fulbright (với chúng tôi là “Halfbright”) cũng đã đưa ra tuyên bố đó. Chúng tôi bị nhốt trong xiềng xích khoảng mười sáu tiếng đồng hồ mỗi lần. Ban ngày, nhân viên trại giam thường nhìn vào trêu chọc tôi, “biệt kích, biệt kích!” Họ cố gắng phân biệt Ron và tôi, như thể tôi đang lợi dụng anh ấy vì anh ấy là đàn em. Đôi khi họ trối tôi lại, nhưng lại không trối chân Ron, cho anh ấy chút thời gian nghỉ ngơi. Điều này được cho là ám chỉ rằng tôi mới là kẻ thực sự tệ, còn anh ấy thì không đến nỗi tệ. Ron bị gán cho cái mác kẻ ngốc làm theo lệnh của “người cũ”. Họ luôn tìm cách chia rẽ lòng trung thành của chúng tôi, nhưng chưa bao giờ gần thành công.

Trong vài ngày, Hà là người thay thế chúng tôi. Một đêm nọ, anh ta không trối gô tôi lại. Tôi cứ tưởng mình ngủ quên, nhưng Ron nói tôi đã ngất xỉu. Chúng tôi đã mười sáu ngày không ngủ. Tôi lăn khỏi ván, chân bị xích lên và đập đầu xuống sàn. Tôi bất tỉnh, Ron hét lên “Báo cáo” với lính canh. Khoảng một giờ sau, Dum Dum xuất hiện và buộc tội tôi diễn kịch. Từ đó trở đi, tôi luôn bị trối. Hà biến mất, và Ron nói rằng anh ta có cảm giác Hà có vẻ thích tôi, và tôi có một ảnh hưởng kỳ lạ đến một số người trong số họ. Tôi nhớ hồi năm 1965, Hà đã nói với tôi bằng ngôn ngữ ký hiệu rằng khi bom ngừng, anh ta sẽ đưa tôi xuống trung tâm thành phố uống nước. Anh ta thậm chí còn cử cả Ong Bắp Cày Xanh đi lấy thuốc lá cho tôi! Mặc dù tôi không hút thuốc, nhưng tôi vẫn giả vờ, chỉ để lấy thuốc lá. Sau đó, tôi giấu chúng trong phòng tắm cho những người cần.

Thật xui xẻo cho chúng tôi khi bắt được Lỗi Sắt trở lại làm người hầu; hẳn ta thực sự rất thích hành hạ chúng tôi. Mỗi khi cánh cửa phòng giam chết tiệt mở ra, chúng tôi lại bị đánh đập, đôi khi là do Lỗi Sắt, đôi khi là năm đến mười lăm tên lính canh, thay phiên nhau đánh đập. Đó là lúc tôi nhận ra câu nói đường phố cổ “bị tát cho đến khi tè ra quần”

thực sự có ý nghĩa. Dù tôi có cố gắng kiềm chế thể nào trước khi bị tát, hay cố gắng giữ cho bàng quang rỗng khi chờ đợi một cuộc viếng thăm, thì khi trận đòn bắt đầu, nước trong người tôi chảy ra, và tôi chẳng thể làm gì khác ngoài việc tè ra quần.

Ngay từ đầu, ngay khi có cơ hội đầu tiên, chúng tôi đã học cách dùng thanh sắt đâm thủng các tấm ván giường, xé toạc quần đùi và quần ngủ để có thể tè ra sàn trong những lần bị giam giữ lâu. Một đêm nọ, Lỗi Sắt cùng vài tên lính canh đến và còng Ron lại, nhưng hắn ta không trói cậu ấy lại. Rồi hắn tiến lại gần tôi, và tôi cố gắng co chân lên cao trên ván, vì tôi biết rằng sau đó tôi có thể nói lỏng dây thừng nếu tôi có thể thoát khỏi động tác co chân. Lỗi Sắt vặn chặt tay tôi lại trước, sau đó kéo tôi xuống tận ván, mép ván đã mục nát, gãy và không đều, cảm giác như răng cưa đang gặm vào gót chân tôi. Hắn đeo xích sắt vào và trói chúng lại sao cho chân tôi không bị chạm vào hai đầu, với những quả tạ nặng khoảng mười đến mười hai pound đè lên cẳng chân dưới của tôi. Hắn tự hào về bản thân mình quá! Rồi hắn bảo lính canh đánh chúng tôi. Một người làm, nhưng người kia từ chối. Lỗi Sắt khó chịu với điều đó, nhưng người lính canh kia là Ngoáy Mũi, và hắn giả

vờ rằng tay mình làm hấn đau. Sự thật là Ngoáy Mũi không muốn dính líu gì đến bất kỳ ai trong chúng tôi. Nếu hấn thấy chúng tôi đi ra ngoài để kiểm tra, hấn sẽ đi hướng khác hoặc quay lưng lại, vì hấn biết rằng nếu chúng tôi không cúi chào, hấn sẽ buộc phải đánh chúng tôi, và hấn không muốn điều đó.

Ngay sau khi Lỗi Sắt và đồng bọn rời đi, vai tôi đau nhức đến mức tôi không thể cầm được nước mắt, và hai bàn tay tôi bị sưng phồng lên vì tuần hoàn máu bị hạn chế. Ron đã cho tôi một vài lời khuyên hữu ích. “Đừng cố giơ tay lên cao để tránh bị đứt cổ tay, hãy để chúng buông thõng và thư giãn. Hãy ngã về phía bên phải càng nhiều càng tốt, sau đó cố gắng ấn vào vùng đau ở điểm vai.” Quả nhiên, áp lực không chỉ làm dịu cơn đau mà còn làm tê vùng vai, giúp tôi cảm thấy dễ chịu hơn.

Sau vài giờ, tôi cảm thấy đầu óc mình như muốn nổ tung. Sức nặng của những thanh sắt và lưỡi dao sắc bén khiến tôi gần như hoảng loạn. Nó giống như trò tra tấn bằng nước của Trung Quốc thời xưa, từng giọt một đổ xuống đầu cho đến khi bạn phát điên.

Đèn trên trần nhà đã tắt ngúm, và chúng tôi chìm trong bóng tối hoàn toàn. Ron biết tôi đã gần như mất trí, nên anh ấy nói, “Khoan đã, Larry, có lẽ tôi có thể làm gì đó.”

Anh ấy đứng dậy (không bị trói) và chậm rãi bước đi khoảng bốn mét rưỡi trên sàn, hai chân dang rộng ra bên cạnh thanh xà, dây xích kẹp chặt mắt cá chân. Anh ấy mò mẫm tìm tôi và rất khó nhọc ngồi xổm xuống mép trước của tấm ván, sờ soạng tìm dây thừng. “Tôi có rồi, để tôi xem có thể nói lỏng chúng ra được không.” Chúa ơi, nếu bọn lính canh nhìn vào lúc đó, chúng sẽ đánh anh ấy gần chết! Nhưng như Ron đã nói, “Chúng có thể làm gì chúng ta, tra tấn chúng ta chứ?” Anh ấy cứ tiếp tục làm, và tôi cảm thấy dây thừng đang lỏng dần. Tôi kéo mình lại cho đến khi đặt được gót chân lên tấm ván. Ron đã làm thế giúp tôi hai lần, vì anh ấy biết nếu không, tôi sẽ bị đè bẹp mãi mãi.

Chúng tôi đã không gặp nhau trong điều kiện ánh sáng tốt suốt vài tuần. Một buổi sáng, lính canh mở cả hai cánh cửa, và tôi nhìn thấy mặt Ron. Anh ấy xanh xao, một màu xanh sáng tuyệt đẹp, vì tất cả những trận đấm đá mà anh đã phải chịu đựng. Anh nhìn chăm chăm vào tôi, tôi cũng nhìn chăm chăm vào anh. Chúng tôi không nói gì, mỗi người đều nghĩ rằng người kia trông thật tệ hại. Một cặp ngựa chiến già nua, bị đánh đập, mặt mày xám xịt. Chúng tôi không nói với nhau lời nào.

Khoảng ba tuần kinh hoàng trôi qua, và chúng tôi vẫn ngồi trong bóng tối, bị còng tay - cả hai đều tàn tạ về thể xác.

“Được rồi, Ron,” tôi thì thầm yếu ớt, “hãy xem lại chuyện này. Chúng ta có gì cho nhau nào?” Một khoảng lặng rất dài theo sau. Cuối cùng, câu trả lời yếu ớt của anh vang lên.

“Tôi sẽ nói cho anh biết chúng ta có gì cho nhau, không gì cả, đó là những gì chúng ta có - không gì cả, không gì cả!”

Chúa Jesus ời, cứu chúng con với! Ron đâu có nói thế, phải không? Anh ta đáng lẽ phải lạc quan dù có chuyện gì xảy ra! Anh ta đang làm cái quái gì vậy? Đó không phải là điều anh ta đáng lẽ phải nói! Tôi thực sự sốc trước sự đảo ngược vai trò của anh ta; tôi chưa bao giờ nghĩ anh ta sẽ quay lưng lại với tôi; tôi đã không chuẩn bị cho điều đó. Lại một khoảng lặng dài.

Ron nói, “Khi nào chúng ta sẽ thú tội? Hãy thú tội một điều gì đó, bất cứ điều gì.”

“Không.”

“Chúng ta có thể chịu đựng được bao lâu?”

“Thôi thì, tôi sẽ để chúng giết tôi.”

“Cái gì? Tại sao?”

“Vì tôi là SRO, và chúng sẽ không moi được lời thú tội từ tôi đâu! Kệ chúng đi! Nhưng nếu anh muốn thú tội thì cứ thú tội. Tôi không sao cả.”

Tôi đã đẩy anh ta vào thế khó. Làm sao anh ta thú tội được nếu tôi không chịu thú tội? Anh ta ghét điều đó, và tôi cũng chẳng thích thú gì hơn, nhưng tôi sẽ không nhượng bộ Dum Dum, và tôi đã quyết định rồi. Tôi đã khóc, đã rên rỉ, đã đau khổ, và tất cả những gì đi kèm, nhưng tôi không đầu hàng trước cái trò nhỏ nhặt đó. Tôi lặp đi lặp lại câu thần chú nhỏ bé của mình, “Đánh bại Dum Dum, đánh bại Dum Dum.”

“Đến lượt anh cầu nguyện, Larry.”

“Tôi không thể cầu nguyện; tôi đã cầu nguyện hết rồi; tôi đã cầu nguyện hàng triệu lần rồi. Chúng ta sẽ không nhận được bất kỳ sự giúp đỡ nào, và tôi không nghĩ chúng ta sẽ bao giờ nhận được bất kỳ sự giúp đỡ nào! Hắn ta chẳng quan tâm gì đến anh và tôi. Hắn ta chỉ lo lắng về những điều thực sự lớn lao, chẳng hạn như liệu thế giới có tiếp tục quay hay không, nhưng hắn ta không thể lo lắng cho những kẻ nhỏ bé như chúng ta. Dù sao thì, Ron, anh cầu nguyện tốt hơn tôi nhiều, nên anh hãy cầu nguyện đi.”

“Tôi cũng đã cầu nguyện hết rồi.”

Mệt mỏi quá, tuyệt vọng quá, chẳng thấy gì cả. Dum Dum muốn tất cả. Không còn nơi nào để đi từ đây.

Rồi một trong những trải nghiệm kỳ lạ

nhất từ trước đến nay ập đến, không biết đó là mơ, là ảo giác, hay chỉ là ảo giác. Tôi đang ở một mình trong một cửa hàng đồ cổ, nơi họ bán đồ thủy tinh và đồ sành sứ sang trọng - tất cả đều yên tĩnh ngoại trừ tiếng leng keng nhẹ nhàng của chuông gió thủy tinh ở phía sau. Tôi thấy một số ly cocktail pha lê sang trọng mà tôi rất thích, và, vì nóng lòng vì không có ai phục vụ, tôi mở khóa áo khoác bay và nhét bốn hoặc năm ly vào bên trong, rồi lại kéo khóa lên. Tôi tiếp tục xem xét quanh cửa hàng. Tôi thấy một mảnh Dresden, tôi cầm lên xem xét ... đột nhiên tôi cảm thấy có ánh mắt nhìn mình, và quay lại, tôi thấy một ông già râu bạc đang nghiêng người qua quầy, nhìn tôi qua đỉnh kính ... ông nở một nụ cười thông cảm.

“Có thấy thứ gì anh thích không?” ông hỏi.

“Ừ, món Dresden này, bao nhiêu tiền vậy?”

“Không có gì cho anh cả. Cứ coi như quà tặng đi, sao anh không bỏ nó vào áo khoác?” Tôi cố gắng cẩn thận, nhưng vẫn nghe thấy tiếng lộ hàng. Ông ta đang thích thú. Khi đi về phía cửa, tôi bắt đầu cảm thấy khó thở; chiếc kính dưới áo khoác bay của tôi dường như đã giãn ra, và áo khoác thì chật cứng người; những chiếc kính bắt đầu kêu răng rắc vào nhau. Ông ta hỏi, “Anh không khỏe à?” Lúc

này tôi đang thở hỗn hển và bám vào mép quày để giữ thăng bằng. Ông ta lo lắng nói, “Có lẽ anh nên ra ngoài hít thở không khí.”

“Vâng, vâng, tôi đang cố gắng...”

Giờ đã rất yếu, tôi nghiêng người về phía cửa, mở ra và quỳ xuống đường, vẫn đang cố gắng thở. Phía trên cửa ra vào cửa hàng, tôi nhìn thấy... một chiếc chuông vàng lớn. Ông lão nói, “Nhanh lên, Larry - nhanh lên trước khi quá muộn - đánh cồng, đánh cồng!” Tôi mò mẫm bằng tay, nhặt một hòn đá lớn, và với chút sức lực cuối cùng, trong tư thế chống tay xuống đất, tôi ném hòn đá lên vai về phía cồng và đập vào nó. Nó kêu lên một tiếng keng rất lớn, tạo ra một ánh sáng vàng chói lòa - rồi tắt cả ánh sáng mờ dần, và mọi thứ trở nên im lặng. Chiếc chuông đã biến mất, và thay vào đó là một chuỗi tràng hạt treo trên móc.

Rồi tôi trở lại xà lim, trên giá treo.

“Ron, cậu có ở đây không?”

“Tất nhiên là tớ ở đây rồi.”

“Tớ có thể kể cho cậu nghe chuyện gì vừa xảy ra với tớ không?”

Tôi kể lại câu chuyện cho bạn tôi nghe. Cậu ấy cứng người lại và nói rằng tóc trên đầu cậu ấy dựng đứng! Tin nhắn đó như thể một chiếc xe tải mười tấn đâm thẳng vào chúng

tôi. Nó đủ sức đẩy cả hai chúng tôi ra khỏi vực sâu tuyệt vọng, và trở về với giải pháp duy nhất dành cho chúng tôi trên toàn vũ trụ này. Giải pháp đó là cầu nguyện và cầu nguyện nhiều hơn nữa! Đó là điều duy nhất còn lại cho chúng tôi. Nếu chúng tôi có tràng hạt, chúng tôi đã bẻ gãy chúng cho đến khi chúng mòn hết. Chúng tôi nhận ra rằng cầu nguyện chính là vũ khí bí mật!

Cuối cùng, sau một tháng trời bị đánh đập, xiềng xích và còng tay, vào ngày 15 tháng 9, họ đuổi Ron ra ngoài và cho chúng tôi mười ngày ân xá, trong thời gian đó chúng tôi phải viết bản thú tội. Rồi Dum Dum gọi tôi ra và đề nghị nếu tôi muốn thể hiện thái độ tốt nên viết thêm một lá thư nữa cho vợ tôi. Có vẻ như đây lại là một diễn biến phi logic nữa, nên tôi nghĩ, “Ồ, anh ta đang từ bỏ việc tra tấn để nhận tội và chuyển sang làm việc khác. Có lẽ lá thư sẽ cứu vãn thể diện của anh ta.”

Dum Dum đã đọc cho tôi viết một lá thư, theo cách mà Evelyn có thể nhận ra ngay đó không phải là chữ viết thật của tôi. Tôi đã viết nó bằng tiếng Anh của Dum Dum, chính xác như anh ta đã đọc, điều này sẽ tiết lộ tất cả. Lá thư có lẽ đã được xem xét, kiểm duyệt, rồi bị một trong những cấp trên của Dum Dum vứt bỏ. Nội dung lá thư như sau:

“Vợ yêu quý: Anh cảm thấy khỏe, và bây giờ em phải trả lời một số câu hỏi. Thứ nhất: Phong trào phản chiến ở Hoa Kỳ đang ở mức độ nào? Thứ hai: Phong trào người da đen, phong trào đấu tranh của người da đen, ở Hoa Kỳ đang ở mức độ nào? Thứ ba: Em nghĩ phong trào người da đen sẽ mất bao lâu để chấm dứt việc ném bom Bắc Việt Nam?” Evelyn không bao giờ nhận được lá thư này.

Vào ngày 25 tháng 9, Ron bị chuyển trở lại phòng giam của chúng tôi. Tôi bị đưa ra ngoài để thẩm vấn và bị bắt quỳ gối cả ngày, dưới mũi lưỡi lê, để thú tội. Họ cũng làm điều tương tự với Ron trong một căn phòng khác. Đêm đó, tôi bị tiêu chảy nặng. Họ chỉ còng chân tôi lại, nên tôi có thể ngồi trên thùng suốt đêm. Chiều hôm sau, họ đưa cả hai chúng tôi ra gặp bác sĩ. Ông ấy nhìn chúng tôi, gõ nhẹ vào đầu gối, đo huyết áp, rồi thông qua phiên dịch viên, nói rằng chúng tôi tự chuốc lấy mọi chuyện. Chính bác sĩ đã buộc tội tôi giao tiếp trong Thư viện. Khi mọi chuyện kết thúc, Ron nhìn tôi và nói, “CFT, Larry”, nghĩa là “được phép tra tấn”.

Ngày hôm sau, chúng tôi lại bị đưa ra ngoài, đến những phòng riêng biệt. Lần này, Dum Dum đeo một khẩu súng lục tự động trong bao súng bên hông. Căn phòng có vài cửa sổ

mở, và có khoảng hai mươi người, bao gồm cả phụ nữ, đang nhìn vào, xem cảnh tượng. Dum Dum đầu tiên ngồi vào bàn làm việc, bên cạnh là một chiếc két sắt nặng trĩu. Kề tra tấn là Cầm Đục (Chisel Chin), một gã nhỏ con với hàm dưới to tướng và hàm răng to, xấu xí. Cầm Đục vừa tốt nghiệp trường dạy tra tấn. (Hắn ta đã bị nhìn thấy ngoài sân, cho các cai ngục khác thấy hắn ta đã thành thạo như thế nào trong việc sử dụng dây thừng và cùm.)

Dum Dum đã cùm chân tôi khi Cầm Đục tra tấn tôi bằng dây thừng. Tôi không hét lên, và tôi chắc rằng tất cả những người chứng kiến đều rất thất vọng trước màn trình diễn nhạt nhòa của tôi. Trong tình trạng yếu ớt, tôi đã ngất xỉu ngay lập tức, vì vậy Dum Dum cẩn thận nhìn đồng hồ báo thức trên bàn làm việc.

Cứ khoảng ba mươi phút, họ lại tháo dây thừng và cùm, rồi hắn ra lệnh cho tôi đứng dậy, rồi đi về phía bức tường phía xa, có lẽ để máu lưu thông. Khi hai tên lính đánh tôi, chân tôi mềm nhũn như thạch, và tôi ngã về phía trước, đầu đập xuống đất. Có tiếng ồn ào từ đám đông (dĩ nhiên là tiếng Việt), nhưng tôi chắc chắn không có tiếng nào tỏ ra thương hại tôi. Chắc chúng đang nói, “Giết thằng khốn đó đi!”

Chúng lại trói tôi vào dây thừng, và khi tôi cảm thấy mình sắp ngất đi, lần cuối tôi nhớ đến chiếc kết sắt bằng thép đang lao về phía mình.

Họ lại tháo dây thừng ra đúng giờ, và theo như tôi nhớ thì đó là lần thứ tư Dum Dum rút súng lục ra và gắn một viên đạn vào ổ đạn. Dum Dum đội mũ sắt và mang theo súng trong mọi cuộc không kích. “Giờ thì Ga, tao cho mày một cơ hội cuối cùng để thú tội, nếu không tao sẽ giết mày ngay bây giờ!” Hắn dí súng vào môi tôi, tôi ngược lên và nói nhỏ, “Làm ơn, giúp tao một việc được không?” Chà, điều đó thực sự khiến hắn tức giận, và hắn giáng cho tôi một cú trời giáng bằng tay cầm súng, khiến tôi lăn tròn trên sàn, và tôi lại nghe thấy tiếng chim hót. Tai tôi ù đi, và tôi mất thăng bằng một cách khó hiểu. Điều tiếp theo tôi biết là Cẩm Đức lại đánh tôi. Rồi tôi thấy mình đang ngồi trước bàn làm việc. Sau khi cho tôi chút thời gian để lấy lại bình tĩnh, họ trói tôi lại. Dum Dum nắm tóc tôi kéo đầu tôi lên và nói, “Và bây giờ tao cho mày một cơ hội, mày có thể nói, mày có thể nói bất cứ điều gì mày muốn, bất cứ điều gì! Cứ nói đi! Taa cho phép mày nói!”

Dù bị đánh toi tở, tâm trí tôi dường như vẫn đang gõ từng nhịp một thông điệp, như

một cái búa tạ chết tiệt. “Tại sao hắn lại muốn tôi nói?” Với tôi, câu trả lời đã rõ ràng. Nếu tôi mở miệng, dù có nói gì đi nữa, tôi cũng sẽ bị hắn cho một cái tát vào mặt. Chẳng ai hiểu tiếng Anh cả. Hắn sẽ nói với mọi người rằng, cuối cùng, tôi đã thừa nhận tội ác của mình. Thôi kệ hắn, tôi sẽ im lặng. Vậy nên tôi chỉ nhìn xuống, và chắc hắn hắn lại đánh tôi, bởi vì khi tôi tỉnh dậy, tôi đang nằm trên sàn, không có dây thừng hay xích sắt.

Trên đường trở về Túp lều, tôi ngã vài lần, vì chóng mặt và chân cứng đờ. Lối Sắt đánh tôi trên đường về, vì tôi không cúi chào một người Việt Nam đang đứng đó trong sân.

Tôi đang ngồi chờ dẫn trên ván, người mềm oặt như một miếng giẻ ướt, thì Ron quay lại.

“Larry, tôi đã có một khoảng thời gian thật tệ! Chúng đã trói tôi qua dây thừng hai lần!”

“Chúa ơi,” tôi nói, “Cậu đã có một thỏa thuận thực sự tốt! Tôi nhớ là tôi bị đến bốn lần rồi.” Cả hai chúng tôi đều đau đớn, kiệt sức, khóc nức nở, ôm chầm lấy nhau để an ủi. Sau đó, chúng tôi chỉ ngồi đó, nước mắt chảy dài trên khuôn mặt bẩn thỉu, bầm tím và chảy máu, hoàn toàn suy sụp, tự hỏi cơn ác mộng này bao giờ mới kết thúc hoặc liệu nó có bao giờ kết thúc hay không.

Ngày hôm sau, khoảng ngày 26 hoặc 27

tháng 9, họ lại tách chúng tôi ra. Tôi chuyển đến chỗ cái túi của Ron, dựa vào cánh cửa đóng đinh, có những lỗ nhỏ nhìn ra ngoài, để tôi có thể nhìn ra bên ngoài.

Trong hai tuần tiếp theo, chỉ có tôi, những tấm ván, xiềng chân và còng tay 24/24. Nhưng tôi có cảm giác rằng điều tồi tệ nhất đã qua, và tôi cười rất nhiều. Cánh cửa vẫn mở ít nhất bốn lần một ngày, và tôi bị đánh mỗi lần mở, không hề sai. Tôi lắc lư khắp nơi, mặc dù đã bị trói chặt, cố gắng làm chúng trượt, và chúng trượt rất nhiều lần, nhưng hầu hết thời gian tôi đều khá ngốc nghếch khi chúng bỏ cuộc và rời đi.

Tôi bị loét tá tràng từ khi còn ở Trung Quốc vào năm 1944. Vào tháng 1 năm 1960, tôi bị xuất huyết nội nghiêm trọng và phải ở lại. Phải mất một năm tôi mới gọi được bác sĩ phẫu thuật. Họ đã cắt bỏ hầu hết dạ dày và dây thần kinh phế vị của tôi, và bốn tháng sau tôi đã trở lại làm phi công. Sự trớ trêu hiện lên trong đầu tôi khi tôi ngồi đó, một túi đầy vết bầm tím và vết cắt, duỗi thẳng người trên những chiếc “ghế gổ sét”. Nếu tôi im lặng, tôi đã là một trung tá béo ú ở Lầu Năm Góc, thay vì ở đây trong cái chuồng lợn khốn khổ này! Thế nào nhỉ? Không, tôi quyết định, tôi thà ở đây, Hà Nội còn hơn là một

gã không có cánh ngoài kia. (Kiểu suy nghĩ đó chứng tỏ chữ V đã biến tôi thành một kẻ hoàn toàn vô dụng!)

Dum Dum có thói quen ghé qua mỗi ngày lúc 3:30 chiều cùng với vài tên lính canh để đánh đập tôi. Dĩ nhiên tôi rất sợ những chuyến viếng thăm này, và đến gần sáng, một nỗi tuyệt vọng, thậm chí là hoảng loạn, bắt đầu xâm chiếm tôi, và rồi tôi rút ra vũ khí bí mật. Tôi cầu nguyện... và tôi cầu nguyện. Tôi dành mỗi Thánh lễ hàng ngày, theo cách tốt nhất mà tôi có thể nhớ, cho ngày sinh nhật của ai đó - một người họ hàng, một người bạn, bắt đầu từ những ngày đầu tiên trong ký ức của tôi. Và ký ức thật tuyệt vời, bởi vì tên của hầu hết mọi người tôi từng biết đều được ghi lại trong băng ghi âm của tâm trí tôi, giống như ngân hàng bộ nhớ của máy tính. Những đứa trẻ lớp một, tên của chúng, nơi chúng ngồi trong lớp. Cũng giống như với các giáo viên ở trường của tôi, tất cả bọn họ! Đội bóng bầu dục trung học của tôi, đội tuyển đại học cho đến những cầu thủ dự bị, số áo trên áo đấu của họ, và vâng, tất cả các huấn luyện viên và quản lý nữa! Tất cả đều được lưu trữ trong đầu tôi, và tôi có thể nhớ lại bất cứ lúc nào trong những lúc thiền định sâu sắc. Tôi đã cầu nguyện cho mọi người, và tôi biết Ngài đã

nghe thấy lời tôi cầu nguyện giống như những ngày trong chuyến đi đến Hà Nội. Ngài không bao giờ rời bỏ tôi, và Ngài cho tôi thấy gánh nặng có thể nhẹ nhàng đến nhường nào. Tôi đã kéo dài lời cầu nguyện của mình trong hai, ba tiếng đồng hồ, thậm chí hơn. Đến khi tên khốn Dum Dum đó xuất hiện, tôi chẳng còn quan tâm đến việc chúng đã làm gì tôi nữa!

Một quy trình mới được thêm vào. Mỗi ngày, trước khi họ bắt đầu đánh đập, bác sĩ lại vào và kéo áo tôi xuống khỏi vai trái. Sau đó, ông ta chích vào tôi một mũi kim, có lẽ là thứ gì đó giống như dextrose để tăng cường năng lượng hoặc giữ cho tôi sống sót để họ có thể tiếp tục tra tấn. Bạn có tin được không? Sau đó, Ron nói với tôi rằng anh ấy đang được truyền dịch tĩnh mạch trong khi chúng tôi bị tách ra.

Một ngày nọ, Lỗi Sắt vào và đưa cho tôi ba quả cam ngon lành. Tôi không thể tin vào mắt mình. Rồi, một giờ sau, hắn ném cho tôi thêm ba quả nữa! Tôi cẩn thận giữ lại vỏ cam, vì chúng sẽ hữu ích, vì tôi không có giấy vệ sinh, xà phòng hay kem đánh răng. Những thiếu thốn nhỏ nhặt này chỉ làm tăng thêm nỗi lo lắng của tôi. Thật đáng kinh ngạc khi những điều nhỏ nhặt lại ảnh hưởng nghiêm trọng đến bạn như thế nào khi bạn chẳng có gì cả.

Rồi đến phần trên cùng. Đến trưa, Lỗi Sắt bước vào với một chiếc bánh mì kẹp thịt kẹp trên một ổ bánh mì Pháp nguyên ổ! Chúa ơi! Chuyện này to tát thật! Tôi đếm số mỡ lợn - có mười bốn miếng. Tôi nhân số đó với khoảng hai trăm tù nhân ở Sở thú và Nhà tù phụ, và ước tính họ đã dùng khoảng hai mươi pound. Hai mươi pound thịt! Họ không đủ khả năng chi trả - họ không có nhiều thịt đến thế! Vậy thì sao? Đơn giản. Chiến tranh đã kết thúc! Cuộc chiến này đã kết thúc! Tôi cười phá lên; tôi lăn qua lăn lại ngay cả khi vẫn còng tay. Tôi hét lên, “Chiến tranh đã kết thúc và tôi đã đánh bại Dum Dum! Thắng khổng nạn đó chưa bao giờ làm tôi gục ngã, và giờ nó đang cố gắng tìm cách tháo còng vì nó xấu hổ, và nó biết tôi sẽ chế giễu nó. Trời ơi, đây là một tiếng hú!” Ừ. Chắc chắn rồi.

Vào ngày mười tháng Mười, Dum Dum và Lỗi Sắt cùng nhau đến. Họ bắt tôi quỳ xuống sàn, chân vẫn còn bị còng, nhưng không còn cùm. Dum Dum hỏi: “Vậy giờ mày làm gì với con dao găm?”

Tôi không hiểu hẳn ta đang nói gì. Tôi trả lời rằng tôi không biết người đàn ông đó, cứ tưởng hẳn đang hỏi về một gã tên là Dao Găm (Dagger). Hẳn ta lặp lại câu hỏi đó nhiều lần cho đến khi tôi nhận ra đó chỉ là một cái có

giả tạo mà hắn ta đã bịa ra để tra tấn tôi! Hắn ta đang buộc tội tôi ăn cắp dao găm của một tên lính canh! Tôi chưa bao giờ thấy một tên lính canh nào mang dao găm. Rồi hắn ta bắt tôi đào vài viên đá cuội và đào bới trên nền đất đen mềm như thể đang tìm kiếm con dao găm không hề tồn tại này.

Tôi đành nghe theo lời nói dối đó, vì tôi thấy đó là một trò chơi hắn muốn tôi chơi. Thế là tôi nói với hắn rằng một tên lính gác đã tìm thấy con dao găm và lấy lại nó. Hắn khoái trá! Rồi hắn bảo tôi quỳ xuống và bảo Lỗi Sắt đâm bốn, năm nhát vào mặt tôi. “Giờ thì nói cho ta biết ý kiến của mày!” hắn nói. Chà, tôi cũng chẳng biết hắn muốn gì nữa, nên tôi thử. “Tao bị phạt rồi,” tôi nói bằng thì quá khứ, hy vọng mọi chuyện đã kết thúc. Rồi hắn chen ngang: “Đúng rồi! Mày đã bị phạt, mày đang bị phạt, mày sẽ bị phạt!” Chết tiệt! “Chưa xong đâu,” tôi nghĩ một cách mệt mỏi. Dum Dum bỏ đi, và tôi quay lại chỗ ván, nhưng Lỗi Sắt kêu “Chặc, chặc, chặc,” nhìn vào mấy cái còng tay, rồi nhặt chúng lên và ném ra ngoài cửa. “Trời ơi, chỉ bị còng chân trói vào ghế thôi, dễ như ăn kẹo, tay tao rảnh mà.” Tôi cứ như vậy suốt 24 giờ một ngày cho đến ngày 23 tháng 11. Từ ngày đó cho đến cuối tháng 4 năm 1968, tôi chỉ bị cùm

chân vào ban đêm. Họ chấm dứt việc đánh đập hàng ngày vào ngày 7 tháng 11.

Trong tất cả những phiên tòa tàn khốc mà tôi đã trải qua ở đó, khoảng thời gian năm 1967 đó ít nhất cũng mang lại cho tôi chút thỏa mãn, bởi vì tôi cảm thấy mình đã đánh bại được kẻ thù đáng ghét của mình, Dum Dum. Hẳn ta nhận được một con số không to tướng từ tôi, và khi đó tôi đã tin, và vẫn tin, rằng bên cạnh vũ khí bí mật, đó là lòng căm thù, sự ghê tởm hoàn toàn đối với Dum Dum trên tất cả những người khác, với Lỗi Sắt đứng thứ hai. Nhưng Dum Dum lại ở một đẳng cấp riêng trong cuốn sách của tôi - người đàn ông duy nhất mà tôi thực sự ghét! Còn những người khác - Thỏ, Chó, tên Pháp, Cầm Đục và Vịt - tôi nghĩ họ tin rằng việc tra tấn mà họ gây ra cho chúng tôi là công việc của họ, và bây giờ tôi không cảm thấy bất kỳ ác cảm đặc biệt nào đối với họ, nhưng tôi khó có thể nghĩ rằng ý kiến của tôi sẽ được các bạn tù binh chiến tranh chia sẻ. Tôi không chỉ trích lòng căm thù. Đó là một cảm xúc cần thiết và hữu ích, và nó có thể làm thay đổi cán cân theo hướng có lợi cho bạn khi không còn nhiều cách nào khác hiệu quả.

Sau bao nhiêu đau khổ dưới tay Dum Dum, và lòng căm thù đặc biệt dành cho hẳn ngày

càng lớn, một trong những tưởng tượng yêu thích của tôi là ngồi cùng hần bên hồ bơi. Tôi hỏi: “Này Dum, cậu đã bao giờ thử bộ cùm sắt này chưa?”

“Chắc chắn là chưa,” hần trả lời. “Để làm gì?”

“Sao cậu không thử xem, cho vui thôi, để ít nhất cậu cũng có thể nói là mình đã làm được rồi chứ?”

“Được rồi, nhưng chỉ một lúc thôi.” Rồi tôi đỡ hần vào bộ cùm sắt và hỏi: “Cảm giác thế nào?”

“Cũng không tệ lắm.”

“Cậu nghĩ mình có thể bơi được khi đeo chúng không?”

“Không Ga,” anh ta nói, “Tôi nghi ngờ điều đó, tôi bơi cũng không giỏi lắm ngay cả khi không có chúng.”

Rồi tôi nói, “Thôi thì cứ thử xem,” và tôi đẩy anh ta xuống hồ. Anh ta lặn thẳng xuống đáy hồ và đứng đó, tóc dựng ngược, vươn lên trên, miệng sủi bọt trắng xóa, tay thì điên cuồng chỉ xuống cùm sắt. Rồi tôi nói, “Thử xem? Nào, khua tay nào.” Rồi tôi nhìn đồng hồ đeo tay và nói, “Nghe này, tôi có hẹn ăn trưa. Gặp lại sau nhé, Dum!” Rồi tôi bỏ đi.

Cuộc gặp gỡ dài đằng đẳng của tôi với Dum Dum vào năm 1967 đã dạy tôi rằng họ đã không, và sẽ không bao giờ, hiểu được chúng ta. Não của họ hoạt động ở những tần

số khác với chúng ta. Nếu sóng não của chúng ta trông giống như sóng sin, thì sóng não của họ hẳn phải giống như hình chữ V ngược, và “không bao giờ hai người gặp nhau được.” Vậy nên tôi từ bỏ mọi lý lẽ với họ và tuyên bố họ “chỉ là bọn da vàng”. Đó là lần đầu tiên tôi dùng từ đó. Thật an ủi khi biết rằng nó không làm phật lòng một số ít tù binh Nam Việt Nam hay tù binh Thái Lan đi cùng chúng tôi, bởi vì mỗi khi giao tiếp với chúng tôi, họ cũng gọi những kẻ bắt giữ chúng tôi là “bọn da vàng”.

Gió bắc lại thổi. Thời tiết se lạnh vào mùa thu có gì đó khiến tinh thần người ta phần chần chừ hơn. Tháng Mười Một đã đến, và tôi biết chiến tranh vẫn chưa kết thúc. Tôi vẫn đang lênh đênh trên biển. Sau nhiều tháng đói khát và tra tấn, bất kỳ sự cải thiện nhỏ nào trong việc điều trị cũng khiến tâm trí tôi trở nên điên cuồng.

Chỉ cần được ăn một chút thức ăn tử tế cũng đã trở thành một “chỉ báo” quan trọng. Lần đầu tiên họ mang cho tôi một đĩa súp lơ hấp nhỏ với vài quả cà chua sần sùi, tôi biết (một lần nữa) rằng chiến tranh chắc chắn đã kết thúc! Họ sẽ không cho tôi những món ăn ngon như vậy nếu nó chưa kết thúc! Súp lơ được nấu chính xác theo cách Evy nấu - một

chút tỏi, tiêu đen và một chút cà chua. Cho đến tận bây giờ, mỗi khi nhìn vào nồi súp lơ trên bếp và thấy nó, tôi lại nói: “Chiến tranh đã kết thúc rồi, Evy!”

Từ khi chuyển đến Túp Lều, chúng tôi đi ngoài ngay ra sân trước. Mấy bà đã trồng hàng luống cải ở đó, và người giữ cửa bắt tôi phải cẩn thận đổ đều phân ra khắp các luống. Cây phản ứng rất tốt với phân bón. Thú vui hàng ngày của tôi là dựa vào cửa sổ chớp ở phòng phía nam, nhìn ra ngoài và đếm số cây. Tôi cũng theo dõi những mầm lá mọc ra từ phần củ của cải. Thỉnh thoảng, một bà lại đến cắt tỉa phần lá, và chẳng mấy chốc chúng đã xuất hiện trong nồi súp. Chúng đắng và có vị như dây thừng. Khi củ đã chín, người ta cắt, thái lát, nấu canh hoặc ăn kèm với nước tương và mỡ lợn.

Thật dễ chịu khi tựa vào cửa chớp trong không gian yên tĩnh của buổi chiều muộn. Thật thoải mái khi thoát khỏi xiềng xích!

Khi Chìa Khóa báo “Lei va cuom” vào ban đêm, tôi thực sự không còn bận tâm đến xiềng xích nữa.

Tôi đã bị lạnh tay chân hành hạ - có lẽ do chấn thương từ xiềng xích và còng tay. Giờ đây, thiên nhiên đã đến cứu tôi. Mỗi tối, tôi cố gắng đi bộ một chút trước khi chìa khóa

xích được đưa đến để khóa tôi trong xiềng xích. Tôi co duỗi các ngón chân thật nhanh bất cứ khi nào có thể. Rồi một đêm nọ, một điều kỳ diệu đã xảy ra. Tôi cảm thấy hơi nóng ở tận đầu ngón chân, và hơi nóng dữ dội ấy từ từ lan tỏa khắp bàn chân và lên tận chân. Tôi không bao giờ còn bị lạnh chân nữa! Chắc hẳn đó là một dạng biến thái nào đó. Cho đến tận bây giờ, bàn chân tôi vẫn nóng đến mức phải để hở khi đi ngủ! Đôi khi chìa khóa mãi đến trưa mới xuất hiện để tháo xiềng xích, nhưng tôi có thể tập tễnh mang chúng đi lại bằng cách nhấc thanh sắt lên. Vào tháng 12, dường như mọi thứ đã lắng xuống cho mùa Giáng sinh, và “sự đối xử tốt bụng” sẽ sớm bắt đầu. Một ngày nọ, tôi nghe thấy tiếng cửa mở. Đó là Dum Dum. Hẳn đã có một bài phát biểu ngắn về hành vi xấu của tôi.

“Giờ thì chúng tôi lại cho anh thấy tấm lòng nhân hậu của người Việt Nam rồi.” Hẳn lại ném cho tôi một chiếc chăn khác đang rất cần. Tôi mừng rỡ nhận được nó đến nỗi nếu anh ta gọi ý thì tôi đã hôn đít anh ta rồi.

“Thưa ngài, tôi nghĩ ngài quên mất điều gì đó rồi. Ngài biết tôi vẫn còn bị còng mà.”

“Tôi biết.” Anh ta đóng sầm cửa vào mặt tôi, một lần nữa chứng minh rằng anh ta rất tốt bụng.

Tôi liên tục đói cồn cào. Lỗi Sắt bước vào và nói rằng tôi có thể ăn bao nhiêu cơm tùy thích trong ngày hôm đó. Anh ta quay lại trong chuyến thứ ba cùng với vài tên lính canh, nhưng chúng không tin lời anh ta nói về lượng cơm tôi đã ép xuống. Tôi ăn một đồng cơm cao khoảng 45 phân, rồi nhặt từng hạt cơm rơi trên sàn lên và ăn nốt!

Cùng lúc đó, có một cô gái trẻ rất xinh đẹp, thường xuyên bổ sung nước uống. Tôi quan sát cô ấy tiến lại gần qua lỗ khóa. Cô ấy giữ thẳng bằng và chính xác tuyệt vời khi vác một cây sào trên một vai, hai đầu sào treo những bình nước nặng bằng dây thép. Kiểu lao động này rất tốt cho sự phát triển cơ mông, và cô ấy chắc chắn rất phát triển về mặt này! Cô ấy có một thói quen đều đặn.

Khi gần đến Túp Lều, cô ấy đặt bình nước xuống, nhét áo vào lại quần tây đen, rồi chỉnh lại bình nước. Đưa bình nước cho tôi, mặt tôi hướng về phía lỗ thùng, tôi quan sát từng động thái tiếp theo của cô ấy. Vẫn nhìn thẳng vào mắt tôi, cô ấy mở nắp bình, cầm bình nước cách xa một cánh tay và từ từ rót hết phần nước còn lại. Tay kia, cô ấy vuốt ve hoặc vuốt mái tóc đen dài óng ả của mình. Cô gái này đang thích thú với việc làm tình với tôi! Tôi chẳng cần phải bị đánh vào đầu mới

hiếu ra, và tôi nghĩ, “Ờ, cô gái, có thể là năm khác, chứ không phải năm nay.” Cho đến lúc đó, những suy nghĩ về tình dục của tôi vẫn rất thoáng qua. Vị trí của nó trong danh sách ưu tiên những nhu cầu cấp thiết có lẽ nằm ở vị trí cuối cùng.

Bắt đầu từ ngày Giáng sinh, họ cho tôi ngủ hai đêm liên tiếp mà không cần xiềng xích. Đồ ăn rất ngon, lại còn được tặng kèm một miếng gà tây nhỏ xiu! Đêm Giáng sinh, họ đưa tôi đến tòa nhà trụ sở, vào một căn phòng được trang trí đèn Giáng sinh, bàn ghế trang trí và những cây quýt mini trong chậu. Tôi ngồi trên ghế trước một chiếc bàn dài phủ khăn xanh. Tôi được ở một mình trong vài phút, nên tôi nốc cạn vài ly rượu cam và nhét kẹo vào tay áo sơ mi. Rồi Lỗi Sắt, người đã say bí tỉ vì rượu, bước vào cùng ba gã khốn trẻ tuổi khác. Như thường lệ, hấn cảnh cáo tôi về “thái độ và hành vi” của tôi, rồi rót cho tôi một ly rượu và cho tôi ba miếng “sôcôla”. Sau một năm dài dằng dặc về tinh thần và thể xác, Giáng sinh đến lại là một nỗi đau xé lòng khủng khiếp khác.

Tôi nhận ra rằng, cho đến nay, tôi đã xa nhà mười ba năm, bao gồm tám mùa Giáng sinh. Điều đó tương đương với một nửa cuộc đời hôn nhân của tôi, và hơn một nửa cuộc đời

của mỗi người trong số bốn đứa con trai của tôi! Tôi vẫn chưa học được cách đối phó bằng cách giảm thiểu hoặc loại bỏ những suy nghĩ về gia đình và quê hương, điều này mang lại sự tự thương hại và làm suy yếu sức khỏe tinh thần của tôi cũng như khả năng sống sót trong hoàn cảnh hiện tại. Nếu tôi biết chúng tôi vẫn còn sáu năm nữa, có lẽ tôi đã ước Dum Dum bắn tôi. Nhưng tạ ơn Chúa, khả năng đó chưa bao giờ xuất hiện trong tâm trí chúng tôi - ít nhất là không phải lúc đó. Chúng tôi chắc chắn rằng việc giải cứu chúng tôi sắp xảy ra - cùng lắm chỉ là vài tháng.

CHƯƠNG MƯỜI HAI THẢ TÙ VÀ KHÁNG CỰ

1968

 ằng ngày, nhìn qua lỗ khóa, tôi thấy những người giúp việc nhà bếp bê những nồi súp và giỏ bánh mì treo lủng lẳng trên đòn gánh (pogo sticks), hướng về phía cổng ở bức tường phía nam. Chúng tôi đã nghe thấy tiếng xây dựng ở đó từ tháng 7 năm 1967, nên chỉ còn là vấn đề thời gian trước khi khu vực phụ cận của Sở thú lại đầy rẫy tù binh chiến tranh mới. Có vài lần tôi đếm được bốn mươi tám ổ bánh mì, nghĩa là có ít nhất bốn mươi tám tù nhân ở đó.

Vừa mới bắt đầu cấp phát bánh mì trở lại, sau khi đã ngừng ngay trước Cuộc hành quân Hà Nội. Họ cho chúng tôi ăn cơm vì họ biết chúng tôi thích bánh mì (bánh mì, trong nhiều năm, là cứu cánh). Rồi hóa ra việc nấu nướng và mang cơm cũng giống như làm việc, và việc bánh mì được mang đến từ nguồn bên

ngoài trại dễ dàng hơn nhiều đối với những kẻ lười biếng. Nhóm Briar Patch của tôi đã có khoảng hai năm sống chủ yếu bằng cơm. Trong suốt thời gian bị giam cầm, chúng tôi đã ăn năm mươi loại gạo khác nhau. Tôi không bao giờ biết chúng có bao nhiêu mùa vụ, hay liệu có loại nào đến từ nước ngoài hay không. Một số loại gạo rất nhỏ và hạt nhỏ, chứa đầy tạp chất như đất và sỏi. Cần những loại gạo kém chất lượng khiến tôi mất hết chất dinh dưỡng trong răng. Những loại gạo khác có vị rất ngon đối với tôi, và tôi không bao giờ thấy đủ. Đến tận bây giờ, tôi vẫn không thể ăn được nhiều cơm - tôi rất thích món này! Cứ đến Tết, thường là tháng Hai, cơm lúc nào cũng đặc và dẻo, cần phải thêm gì đó vào mới ngon.

Thỉnh thoảng, tôi lại nghĩ thấy mùi bánh pound nướng (là một loại bánh truyền thống có nguồn gốc từ Anh, ban đầu được làm theo tỷ lệ 1 pound (khoảng 450g) cho mỗi nguyên liệu chính: bột mì, bơ, trứng và đường. Bánh có kết cấu đặc, nặng, ẩm và béo ngậy vì hàm lượng bơ cao, thường được ăn kèm với trà hoặc cà phê.), thứ dường như là món khoái khẩu của tôi ở quê nhà, thoảng thoảng qua hàng rào, lan tỏa khắp căn nhà. Hoặc là mùi thức ăn được mang đến Nhà Phụ, hoặc là mùi

mấy anh chàng trong Nhà Phụ đồ thức ăn thừa. Với tôi, mùi nào cũng như mùi đồ ăn!

Mỗi khi có ai đó đi ngang qua phòng giam của tôi, họ lại cố gắng nói những lời ngắn gọn để động viên tôi, kiểu như, “Cố lên sếp, anh làm tốt lắm”, nhưng họ chỉ có vài giây để làm vậy, vì Chìa Khóa hoặc một tên lính canh gác đang chìa thẳng vào họ bằng nắm đấm.

Một hôm, Lỗi Sắt quyết định làm cho ngày của tôi thêm thú vị. Hắn mở cửa, và một tù nhân người Thái tên là Sirion bước vào, đẩy một chiếc xe cút kít đầy bụi than ướt, rồi đổ vào một góc phòng. Tôi đã nói chuyện với Sirion khi chúng tôi mới chuyển đến Sở thú. Hắn hỏi tôi có phải đã rời khỏi Korat không, và tôi nói với hắn rằng Thỏ nghĩ tôi đã rời đi, nhưng không, tôi đã rời khỏi Đà Nẵng. (Có thể Thỏ đã gài bẫy hắn, và tôi thấy không có lý do gì để nói sự thật với hắn.)

Lỗi Sắt giải thích rằng tôi phải nén bụi than ướt thành những viên bi có kích thước bằng quả bóng chày. Sau đó, tôi phải trải chúng ra sàn cho đến khi chúng khô. Cuối cùng, các đầu bếp sẽ nhặt những viên bi than và mang chúng đến khu vực bếp để họ có thể đốt chúng trong bếp nấu. Tôi thực sự hào hứng với dự án này. Tôi có việc để làm, tôi có thể tạo ra thứ gì đó có giá trị! Tôi làm việc như một con

chó, ngồi xổm ở góc đó để bóp những viên bi than. Tôi làm việc rất nghệ thuật, làm cho những viên bi tròn nhất có thể, đặt chúng thành những hàng rất gọn gàng để dễ đếm. Giờ đây, tôi có thể sử dụng các con số, vận động não bộ theo một mô hình tư duy mới, tính toán sản lượng của mình trong khoảng thời gian mười lăm phút, theo giờ hoặc theo ngày. Tôi đã tìm ra cách tránh mất chuyển động và tăng sản lượng. Tôi tự hào về những gì mình đang làm. Vào giờ ăn, Lối Sắt đi cùng một người bảo vệ đến kiểm tra công việc của tôi. Tôi đã làm được 360 viên bi than chết tiệt! Anh ta thực sự tỏ ra ngạc nhiên và tán thành. Họ gọi thêm một số lính canh khác đến để kiểm tra đồng công việc của tôi.

Tay, co thể và chân tôi đen thui, nên tôi giơ tay lên và hỏi: “Rửa à?” Anh ta lắc đầu. “Không!” Thế là tôi mở nắp thùng như thế sắp rửa tay bằng nước tiểu, và điều đó thực sự khiến anh ta sợ, nhưng nó cũng hiệu quả. Anh ta dẫn tôi đến khu vực rửa và đợi tôi rửa một chút. Khi không làm việc với những viên than, tôi vẫn thích kiểm tra những cây cải bẹ xanh. Một số người giúp việc nhà bếp xuất hiện với Chìa Khóa, và họ chỉ trích những viên than của tôi. Tôi đã bị đê bẹp! Hẳn nói tôi phải làm chúng to gấp đôi. Điều đó đã làm

đảo lộn toàn bộ lịch trình làm việc của tôi. Tôi phải tính toán lại mọi thứ, và nó khiến cho số lượng sản xuất của tôi có vẻ nhỏ bé. Tôi đã rất tức giận. Thật khó tin là những con số sản xuất đó lại quan trọng với tôi đến thế. Nhưng một dự án, bất kỳ dự án nào, bất kỳ hoạt động nào cũng giúp tôi tỉnh táo.

Trong phòng giam của tôi có rất nhiều tắc kè, và còn có một loài thằn lằn khác, rất nhiều vảy và nặng hơn nhiều - dài khoảng hai mươi phân. Chúng không nhanh nhẹn bằng tắc kè, và cũng không thể bám vào tường tốt như những người anh em nhỏ của chúng. Khi chúng ở ngay trên người tôi, tôi toát mồ hôi hột, sợ chúng sẽ rơi xuống. Chúng không bao giờ rơi xuống, nhưng chúng thường xuyên trút xuống người tôi. Một hôm, khi tôi đang ở gần giếng, một con bò vào bộ đồ ngủ mới giặt của tôi. Khi tôi mang quần áo giặt về phòng giam, tôi thấy Chìa Khóa đang nhìn chăm chăm vào mình. Nó quất mạnh vào vai tôi, hất quần áo (và con thằn lằn) xuống đất. Sau đó, nó ném chùm chìa khóa nặng trĩch vào nó và trúng đích, giết chết nó. Nó nhìn tôi, giơ hai tay lên trời, trợn mắt, như muốn nói: “Chỉ cần cần một miếng thịt chiên xù của con vật xinh đẹp này là mày sẽ được ăn thịt chiên xù.” Loài thằn lằn độc đó có miệng rất nhỏ,

và mặc dù là loài hiền lành, nó vẫn cắn để tự vệ. Tác dụng của vết cắn này cũng tương tự như của rắn san hô - chất độc tấn công vào hệ thần kinh và gây tử vong rất nhanh.

Tối hôm đó, trên loa xuất hiện một câu chuyện nóng hổi về một tàu do thám của Hải quân Hoa Kỳ bị Bắc Triều Tiên bắt giữ ngoài khơi bờ biển phía tây. Bài báo tiếp tục nói rằng tàu Mỹ đã bị bắt mà không cần chống trả và được kéo về một cảng ở Bắc Triều Tiên. Chúa ơi, điều đó khiến tôi nhớ đến nhiệm vụ chúng tôi đã được giao từ Okinawa để bảo vệ các tàu hoạt động trên vùng biển quốc tế ngoài khơi bờ biển phía tây Hàn Quốc. Tôi đoán rằng lần này máy bay đồng minh của chúng tôi đã không đến kịp để bảo vệ con tàu, và sẽ có rất nhiều địa ngục phải trả giá cho sự nhầm lẫn đó!

Sáng ngày mười bảy tháng Giêng, cánh cửa bật mở và tôi được chào đón bằng một cảnh tượng tuyệt đẹp. Ron và Fred, tay xách đồ đạc, lại đến với tôi! Câu đầu tiên Ron nói là: “Này, tóc cậu dài thật đấy!”. Tôi đã không cắt tóc hay cạo râu trong nhiều tháng. Càng về chiều, họ càng kể cho tôi nghe những chuyện đã xảy ra kể từ khi chúng tôi xa nhau.

Giọng tôi khàn khàn, trầm hẳn đi, có lẽ vì cứ tự nói chuyện một mình. Tôi nghĩ Ron và

Fred nhận ra điều đó và nghĩ rằng tôi hơi kỳ lạ. Hình phạt liên miên, sự giam cầm đơn độc, và sự tuyệt vọng của tất cả những điều đó chắc chắn đã ảnh hưởng đến tôi lúc đó.

Khi Dum Dum gửi Cherry trở lại Chuồng trại vào tháng Tám năm ngoái, họ đã cùm chân anh ta lại, và trói tay anh ta ra sau lưng, mặc dù không chặt lắm. Nhưng ngay cả như vậy cũng là quá sức chịu đựng đối với vai trái bị thương và nhiễm trùng của anh ta.

Với bất kỳ ai khác, đó chỉ là một hình phạt nhẹ, nhưng với Fred, nó quá sức chịu đựng của anh. Chỉ sau vài ngày, họ tháo dây thừng. Rồi họ không biết phải làm gì - anh bị trói, rồi lại bị trói. Cuối cùng, bọn khốn nói với Fred rằng trong quá trình này, một mảnh xương đã trôi vào phổi anh. Chúng cảnh báo anh rằng bất kỳ chuyển động bất thường nào cũng có thể khiến mảnh xương đó giết chết anh. Từ ngày đó trở đi, anh được lệnh hạn chế cử động đầu, và cũng được miễn mọi hành động cúi chào. Chúng tôi cố gắng giúp Fred hạn chế cử động. Chúng tôi xin thêm xà phòng để giặt quần áo cho anh. Chúng tôi cũng giúp anh tắm rửa bất cứ khi nào anh cần, chủ yếu là lưng và đầu, những việc mà anh khó làm. Tôi đổ lỗi cho Dum Dum về hoàn cảnh của Fred. Thêm động lực để ghét hẳn. May mắn

thay, một người nào đó có phán đoán tốt hơn đã đến và quyết định không đụng đến Cherry nữa.

Chúng tôi đã có một vài cuộc thảo luận sôi nổi với Fred về mối quan hệ chủng tộc giữa người da màu và người da trắng. Ron và tôi giải thích với Fred, khi anh ấy hỏi về vấn đề này, rằng hầu hết người da trắng gọi người da đen là “da màu” vì họ nghĩ “da màu” là từ lịch sự nhất. Cherry, người luôn đặt tổ quốc lên trên màu da (và anh ấy rất nhấn mạnh điều đó), nói với chúng tôi rằng “da màu” là sai - từ duy nhất chính xác là “Negro”, bởi vì đó là dân tộc của anh ấy. (Tất nhiên, chúng tôi trong trại giam không có cách nào biết được rằng người da đen ở Mỹ vào thời điểm đó đã sử dụng từ “black”.) Fred nói rằng người da trắng miền Nam sử dụng từ “negro”, được biến đổi thành “nigra”, và theo anh ấy, từ đó “gần giống”. Tuy nhiên, sau đó từ đó bị biến đổi thành “nigger”, một từ mang tính miệt thị, vì vậy người dân đã chuyển sang “colored” để tránh hiểu sai nghĩa. Anh kể cho chúng tôi về nguồn gốc gia đình anh ở Tây Ấn và tuổi thơ của anh ở một trang trại gần Suffolk, Virginia.

Fred không hề nhận được tin tức gì từ vợ, con hay bố mẹ kể từ khi bị bắt, và dĩ nhiên

anh rất lo lắng về những gì đang xảy ra với họ. Một đêm nọ, khi chúng tôi ngồi yên lặng, tôi đánh bạo hỏi.

“Này Fred, anh có thích hát những bài thánh ca cổ không, anh biết mấy bài của Stephen Foster không?”

“Chắc chắn rồi,” anh ấy đáp. “Tôi thích những bài hát cổ đó.”

“Vậy thì, hay là chúng ta thử hát vài câu nhé?”

“My Old Kentucky Home”, “Suwannee River”, “Old Folks at Home”, và bài thánh ca yêu thích của tôi, “Old Black Joe”.

“Tôi đang đến, tôi đang đến và đầu tôi cúi xuống, tôi nghe thấy những giọng nói dịu dàng gọi, Old Black Joe.” Thật tuyệt khi được cùng nhau hát những giai điệu cổ xưa tuyệt đẹp đó. Thật đáng buồn khi ngày nay lại có một làn sóng phản đối dữ dội đối với chúng vì điều mà một số người cho là sự hạ thấp người da đen. Tôi tin, và Fred cũng vậy, rằng những bài dân ca này không chỉ đẹp mà còn phản ánh chính xác lịch sử.

Tết Nguyên đán, Tết đang đến gần và bọn khốn đời xử với chúng tôi không tệ lắm. Vào giờ ăn, Fred được ăn thêm chút gì đó. Ron kể với tôi rằng khi tôi nhận bánh mì kẹp mỡ lợn cho bữa trưa, chỉ có bốn người trong trại

được ăn thêm. Anh ấy nói rằng V chắc hẳn đã nghĩ tôi sẽ bán chúng đi, và tốt hơn hết là họ nên cho tôi ăn để tôi có thể ở lại thêm một thời gian nữa. “Ừ,” tôi nói, “Dum Dum cần tôi.” Chúng tôi cười, nhưng cười gượng gạo.

Một ngày trước Tết, họ mang đến cho mỗi chúng tôi một chiếc Ban Chung, một loại bánh kẹo ngày lễ. Đây là một miếng xôi nếp vuông khoảng 20 cm, dày 6 cm rưỡi, được gói rất kỹ trong lá chuối xanh. Ban Chung, một loại bánh kẹo cay nồng, có một túi lớn bên trong, bên trong nhồi một lát xúc xích dày, một ít hạt bắp nhỏ và mút trái cây, và chắc hẳn phải nặng tới bốn pound! Thịt thì ổn, và tôi không nghĩ nó dễ hỏng, nhưng độ đặc của nó khiến chúng tôi khó mà ăn hết trong một lần, mặc dù lúc nào chúng tôi cũng đói.

Vào đúng ngày Tết, họ bật tất cả những bản nhạc yêu nước và đưa ra một thông báo chính thức quan trọng: “Nhân dịp Tết [1968], lực lượng Mặt trận Dân tộc Giải phóng đã giáng những đòn nặng nề nhất của cuộc chiến vào quân đội Việt Nam Cộng hòa và Hoa Kỳ trên khắp miền Nam Việt Nam!” Trong khi những lời lẽ chính trị nhảm nhí thường lệ vẫn tiếp diễn, tôi dự đoán chiến thắng của họ sẽ vô cùng hoành tráng. “Nghe này mọi người! Chuyện này sẽ rất tuyệt vời, tôi cá là họ sẽ

tuyên bố phá hủy hơn 150 máy bay và Chúa mới biết còn gì nữa.”

Ron nói, “Không, họ sẽ không bao giờ đủ can đảm để làm điều đó.”

“Rồi cậu sẽ thấy.”

Đúng như tôi mong đợi, Box cho chúng tôi biết rằng tuyên bố của chính phủ Bắc Việt, sau ngày đầu tiên, là 1.500 máy bay “bị phá hủy”, 12.000 người Mỹ “bị giết ngay lập tức”, 45.000 lính Việt Nam Cộng hòa “bị giết ngay lập tức”, và 220.000 lính Việt Nam Cộng hòa “bị tan rã”, bất kể điều đó có nghĩa là gì. Nếu chúng tôi cộng tất cả những người “bị giết ngay lập tức”, những người “bị tan rã”, “hàng trăm ngàn người bị thương và bị bắt”, thì con số lên đến hàng triệu! Đến cuối chiến dịch Tết Mậu Thân (chúng tôi không biết chính xác ngày nào), họ tuyên bố “số máy bay bị phá hủy” là hơn sáu ngàn! Tất nhiên, chúng tôi đã “xử lý” toàn bộ sự việc như một trò hề. Sau này tôi mới biết họ thực sự đã đạt được nhiều hơn những gì chúng tôi, những tù binh, nghĩ. Mặc dù Tết Mậu Thân không phải là một chiến thắng lớn đối với họ, và nó đã khiến họ phải trả giá đắt, nhưng họ đã dựa vào báo chí phương Tây để tô vẽ nó như một chiến thắng to lớn. Và đúng như dự đoán, báo chí phương Tây đã làm vậy.

Bắc Việt Nam đã tung ra một loạt tuyên truyền rất hiệu quả nhằm thuyết phục thế giới rằng họ đã thắng cuộc chiến. Áp dụng logic mỏng manh thường thấy, chúng tôi, những tù binh chiến tranh, nghĩ rằng nếu miền Bắc hài lòng với điều đó, thì họ sẽ phải tha thiết tìm kiếm một thỏa thuận ngừng bắn, sau đó sẽ là trao đổi hoặc thả tù binh chiến tranh. Ha ha.

Lỗi Sắt cuối cùng cũng cử một người đến cắt tóc cho chúng tôi. Hẳn cạo trọc đến tận xương, và Ron, giờ đã trở lại phong độ lạc quan thường trực, nói: “Đây là hình ảnh họ muốn chúng ta trông như thế này nếu được thả, giống như những tên tội phạm thực sự.” Hẳn đã tìm đủ mọi cách để đạt được điều đó! Nhiều tuần trôi qua, và cùng với đó, hy vọng ngừng bắn của chúng tôi lại một lần nữa lụi tàn.

Một thời gian sau, loa thông báo rằng một người Mỹ da đen, một nhà hoạt động phản chiến tên là Martin Luther King, đã bị sát hại. Fred biết rằng Mục sư King được người da đen trên khắp đất nước yêu mến, và mối quan tâm hàng đầu của ông là giành lại quyền công dân cho người da đen. Một ngày sau, Fred được đưa đi, cùng với tất cả đồ đạc của ông, để đến bệnh viện phẫu thuật. Chúng tôi

chúc ông may mắn trên đường ra ngoài, và ông có vẻ rất vui vẻ.

Đầu tháng 4, loa tiết lộ rằng ba tù nhân Mỹ đã được thả khỏi Hà Nội vào ngày 16 tháng 2. Tin tức này đã bị che giấu khỏi chúng tôi trong hơn sáu tuần. Có thông báo rằng họ là Đại úy John Black và Thiếu tá Norris Overly của không quân và Thiếu úy David Matheny của hải quân. Sau đó, người Việt Nam đã phát băng ghi âm lời bình luận của ba người, khen ngợi những người bắt giữ chúng tôi vì thức ăn ngon và sự đối xử tốt mà họ đã nhận được, đồng thời nghiêm khắc khuyên chúng tôi tuân thủ các quy định của trại - tất cả đều là một chiêu tuyên truyền hiệu quả cho người Việt Nam.

Tôi nhớ rằng khi tôi ở trong Túp Lều một mình vào tháng Mười và tháng Mười Một năm ngoái, V thường phát một cuốn băng ghi âm có hình một tù binh chiến tranh chơi guitar và hát một bài hát mà theo họ, chính anh ta đã sáng tác. Tựa đề bài hát là “The End of the War Will Certainly Come Our Way” (Sự kết thúc của chiến tranh chắc chắn sẽ đến với chúng ta).

Phải hai mươi năm sau tôi mới biết rằng người tù binh chiến tranh đã tự viết lời cho một bài hát được viết sẵn để phù hợp với

hoàn cảnh. Tên thật của bài hát là “Love Like Yours Will Certainly Come My Way”. Phiên bản đã được chỉnh sửa của bài hát không ảnh hưởng gì đến tôi; thực tế, nó mang một giai điệu khá lạc quan, và tôi đã rất thích nó trong những ngày đen tối nhất của mình trong xiềng xích. Có tin đồn rằng một trong những người được thả đã viết lời và hát bài hát.

Chúng tôi không biết ba tù binh được thả từ trại nào, nhưng chúng tôi đoán đúng rằng họ là “purees” - nghĩa là họ trong sạch, gần như không có thông tin gì về các tù binh chiến tranh khác để truyền đạt cho người ngoài. Mọi người bên ngoài Bắc Việt Nam đều khao khát thông tin, bất kỳ thông tin nào. Có rất nhiều tù binh chiến tranh mà tên tuổi chưa bao giờ được thả ra khi còn là tù binh. Thở nói, “Chúng tôi không nói cho phía các ông biết chúng tôi có ai ở đây. Chúng tôi để họ đoán mò. Đó là chiến thuật của chúng tôi.”

Không có lời khai nào của nhóm tù nhân được thả đó gây tổn hại đến cá nhân tôi, mặc dù lời khen ngợi của họ về sự đối xử được cho là tốt đẹp thì rõ ràng là lừa bịp. Chỉ riêng ý nghĩ về việc ai đó được thả đã cho một số người trong chúng tôi hy vọng mong manh rằng đây có thể là khởi đầu cho một cuộc

trao đổi hoàn toàn. Lại thêm những giấc mơ hoang đường!

Vào ngày 28 tháng 4, Lỗi Sắt đến và bảo chúng tôi thu dọn đồ đạc - chúng tôi sẽ rời đi. Hắn ném những chiếc cùm chân ra ngoài đất, và tôi coi đó là dấu hiệu cho thấy hình phạt đã kết thúc. Chúng tôi được chuyển đến một phòng giam phía sau của tòa nhà Bi-a Hall, nơi chúng tôi đã ở vào dịp Giáng sinh năm 1965. Rõ ràng là đang có một cuộc chuyển nhà lớn trong trại. Mọi người bị chuyển đi khắp nơi.

Đêm đó, tòa nhà rung chuyển; những cuộc liên lạc giữa các bức tường thật khó tin. Mọi người đều nói chuyện cùng một lúc, bằng cách gõ hoặc qua chiếc cốc. Họ muốn biết tôi đã ở đâu và chuyện gì đã xảy ra với tôi. Chúng tôi phát hiện ra rằng kể từ mùa hè năm 1967, bọn gook [là một thuật ngữ mang ý miệt thị, xúc phạm đối với một số người gốc Đông Á và Đông Nam Á. Từ miệt thị này thường được người da trắng dùng để miệt thị người Đông Á, đặc biệt là người gốc Hàn Quốc hoặc Việt Nam. Ban đầu nó được quân đội Hoa Kỳ sử dụng chủ yếu trong thời chiến, đặc biệt là trong chiến tranh Triều Tiên, và sau này là trong chiến tranh Việt Nam] đã gây sức ép mạnh mẽ nhằm ngăn chặn mọi

liên lạc giữa các tù nhân. Điều này khá thành công, bởi vì trong suốt thời gian còn lại của năm đó, các tù binh chiến tranh không thực hiện nhiều giao tiếp, và do đó hầu như không có thông tin nào được truyền đi.

Thông thường, khi bọn gook trực xuất người ra khỏi phòng giam, rất nhiều lo lắng đi kèm, nhưng lần này thì không. Đây là một cuộc đoàn tụ vui vẻ cho tất cả mọi người, và Ron và tôi rất vui khi được trở lại với dòng thông tin chính thống.

Sáng hôm sau lại có một cuộc cải tổ khác, Ron và tôi được chuyển đến phía trước, phía đông của Phòng Bi-a, phòng số năm. Có mười phòng, và hai mươi người, trong tòa nhà, chủ yếu là O-4 (thiếu tá hoặc trung tá chỉ huy) nhưng cũng có bốn O-3 (đại úy không quân).

Chỉ trong vài ngày, chúng tôi đã có được sự liên lạc tuyệt vời trong tòa nhà, và chúng tôi biết chính xác ai đang ở trong cả mười phòng giam. Nhiều phòng giam đã được sửa đổi lại, vì vậy các phòng giam có cửa sổ trước đây bị bịt kín hoàn toàn giờ chỉ còn bị bịt kín đến ngang tầm mắt, để hở khoảng mười tám inch trên cùng để lấy ánh sáng và không khí. Tất nhiên, chúng vẫn có song sắt và cửa chớp, mà những người giữ chìa khóa có thể tùy ý đóng lại bất cứ lúc nào. Các phòng giam

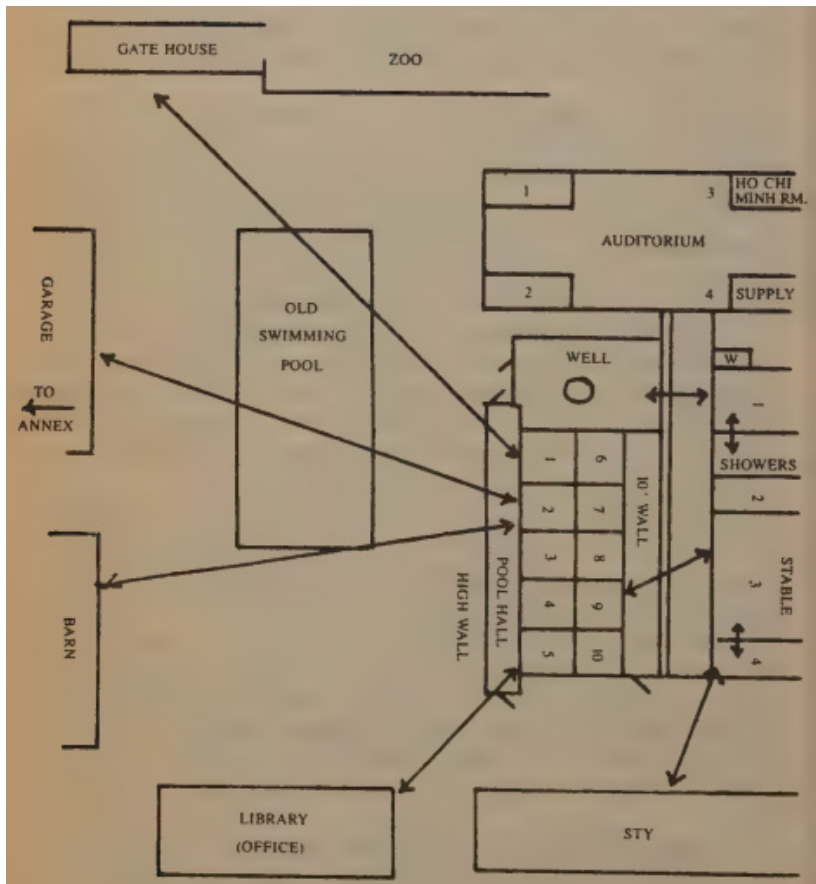
ở phía sau Phòng Bi-a, và các phòng giam tương tự chưa bao giờ có cửa sổ, vẫn chỉ có các cửa thoát hiểm nhỏ nằm cao trên sàn.

Chúng tôi không thể tưởng tượng nổi tại sao người Việt Nam lại đưa tôi, vẫn là sĩ quan cấp cao của trại, trở lại vị trí điều hành và ở một vị trí tuyệt vời để truyền đạt chính sách, và nếu cần, chỉ đạo kháng cự chống lại họ. Liệu họ có nghĩ rằng những hình phạt khắc nghiệt năm 1967 đã vĩnh viễn đàn áp mọi cuộc kháng cự có tổ chức? Chúng tôi không biết phải nghĩ gì, nhưng đó là một động thái tốt cho tất cả các tù binh chiến tranh, và chúng tôi đã tận dụng tối đa điều đó.

Không thấy Dum Dum đâu cả; chúng tôi suy đoán, và tôi tha thiết hy vọng, rằng hắn đã ra đi vĩnh viễn. Những người thẩm vấn phụ trách tòa nhà của chúng tôi là một anh chàng nhỏ bé gầy gò tên là Chuột (Zoorat) và một người khác tên là Elf. Tôi không biết tại sao lại có cái tên Zoorat, nhưng Elf trông giống một chú yêu tinh nhỏ, và bất cứ lúc nào bạn cũng mong đợi hắn nhảy lên một góc cao của phòng thi.

Ron đã kể cho tôi nghe một câu chuyện mà anh ấy đã nghe được ngay trước khi anh ấy quay lại với tôi. Vào tháng 8 năm 1967, hai sĩ quan Cuba đã gia nhập đội ngũ thẩm vấn

ĐƯỜNG DÂY LIÊN LẠC



viên của Sở thú. Một người là một anh chàng đẹp trai, cao ráo, hung dữ như rắn, tên là Fidel. Người kia là một người đàn ông thấp bé, lớn tuổi hơn tên là Pancho. Họ được giao nhiệm vụ quản lý một nhóm mười bảy người Mỹ, để đào tạo họ trở thành những “công dân hữu ích” nếu họ bị trả về Hoa Kỳ. Fidel rất quan trọng, bởi vì anh ta có một chiếc xe mui kín, với một sĩ quan lái xe, để sử dụng. Chỉ huy trại người Việt thường xuyên đi xe đạp. Tôi tự hỏi cảnh này báo hiệu điều gì, nhưng rồi lại gạt nó ra khỏi đầu.

Chỉ trong vài tuần, chúng tôi đã thiết lập được những đường dây liên lạc rất hiệu quả, một thành tựu khiến mọi người ở Sở thú vô cùng tự hào. Xuyên qua các bức tường, chúng tôi gõ nhẹ, hoặc dùng phương pháp ưa thích là nói vào những chiếc cốc thiếc. Việc liên lạc giữa các tòa nhà được thực hiện bằng cách đứng trên giường, trên thùng gỗ, hoặc, như Đại úy Ed Mechenbier và Kevin McManus đã làm, bằng cách một người đứng trên vai người kia, tay cầm một chiếc gõ nhẹ qua cửa sổ, sử dụng mã gõ nhẹ bằng một hoặc hai tay, tùy theo cách nào dễ hơn. Từ những góc tòa nhà cho đến những người ra ngoài tập thể dục, việc liên lạc được thực hiện bằng một tờ giấy hoặc cán bàn chải đánh răng thò ra

ngoài khe cửa, sử dụng mã gỗ nhẹ. Chúng tôi ho để thu hút sự chú ý, và đôi khi sử dụng tổ hợp ho, khạc và hắt hơi, trong mã gỗ nhẹ, để giao tiếp. Chúng tôi thả giấy nhả ở những khu vực được chỉ định, chủ yếu là gần giếng nước hoặc bãi rác. Sử dụng chổi quét để nhả tin rất hiệu quả và có thể nghe thấy hầu hết cả trại cùng một lúc. Việc búng tay quần áo ướt bằng mã gỗ nhẹ để nhả tin ngắn cũng rất hiệu quả. Việc giao tiếp với nhau có tác dụng rất lớn trong việc duy trì tinh thần của chúng tôi.

Thật tình cờ, và cũng thật may mắn cho tất cả chúng tôi, Mechenbier và McManus được phân công làm người rửa bát và dọn dẹp cho tòa nhà Bi-a. Là người rửa bát, đôi khi họ phải rửa nồi. Khi súp được múc ra, phần thịt còn lại, nếu có, sẽ lắng xuống đáy và vẫn còn đó khi rửa nồi. Có những lúc họ có thể lén lấy một ít thịt thừa này, và xét đến khối lượng công việc phải đứng lên giao tiếp của họ, họ cần thêm thức ăn. Dù sao thì V cũng sẽ vứt nó đi nếu hai người chúng tôi không có mặt để lấy trước. Là người dọn dẹp, họ tìm kiếm và chuyển những thông điệp chúng tôi giấu ở đó.

Vào khoảng tháng Năm, loa nói rằng “hai bên” đã đồng ý cử đại diện đến Paris để khởi

động các cuộc đàm phán hòa bình. Ban đầu, đó là một tin tức thú vị. Sau đó, loa gửi cho chúng tôi một báo cáo hàng tuần. Trong vài tháng đầu, các bên tranh cãi về việc ai đang gây hấn với ai, rồi ai sẽ ngồi vào bàn đàm phán. Khi cuộc đàm phán kéo dài, chúng tôi biết rằng đó chẳng khác nào một diễn đàn để mỗi bên làm xấu mặt bên kia trên trường quốc tế, và sẽ chẳng mang lại lợi ích gì cho chúng tôi.

Vào tuần cuối cùng của tháng Năm, khi Ron và tôi đang giặt quần áo ở khu vực giếng nước thì đột nhiên chúng tôi nghe thấy một giọng Mỹ trầm khàn vang lên: “Tôi biết các anh đang làm gì, các anh đang cố gắng đánh cắp máu của tôi, các anh đang cố gắng đánh cắp trí tuệ của tôi, tất cả các anh đều là gián điệp!” Chúng tôi đứng thẳng dậy và nhìn nhau chăm chăm.

“Ron, tôi nghĩ có ai đó đã mất bình tĩnh rồi.

“Nghe có vẻ đúng đấy.” Ngay sau đó, Chìa Khóa đưa chúng tôi trở lại phòng giam, và chúng tôi truyền lệnh qua tòa nhà thông qua Spiker và Coniff ở phòng giam số bốn. Đây là tuyến liên lạc chính trong tòa nhà. Ngay phía sau họ ở phòng giam số chín là Đại úy Mc-Manus và Mechenbier. Bất kỳ liên lạc nào đến và đi từ tòa nhà Chuồng ngựa đều

phải thông qua họ. Trong mười bốn tháng tiếp theo, Mc-Manus đứng hàng giờ mỗi ngày, với Mechenbier trên vai, hướng về phía Chuồng ngựa.

Kevin và Ed không mất nhiều thời gian để nắm được câu chuyện. SRO ở đó là Thiếu tá Jack Bomar, một hoa tiêu trên một máy bay trinh sát điện tử EB-66 bị bắn rơi vào tháng 2 năm 1967. Trong phòng giam với Jack có tám người, nhưng số lượng có đôi chút khác biệt. Một trong số họ là Đại úy Không quân Carl Corley. “Bị ném vào” là cách Corley bị đưa vào Chuồng Ba; anh ta bị Fidel, viên chức Cuba tàn bạo, người phụ trách toàn bộ nhóm Bomar và các tù nhân “được chọn” khác, ném vào, gần như bất tỉnh. Một trong những nguồn thông tin chính về Corley là Trung úy Hải quân J. J. Connell, người sống trong Nhà Cống và có thể chứng kiến hoặc nghe thấy phần lớn sự đối xử tàn bạo mà Corley phải chịu đựng ngay từ đầu.

Đại úy Corley bị bắn hạ khi đang ngồi ở ghế sau của một chiếc F-105F với tư cách là hoa tiêu, hay người vận hành hệ thống. Người ta tin rằng trước khi được giao nhiệm vụ tại Việt Nam, ông đã từng là hoa tiêu trong Bộ Tư lệnh Không quân Chiến lược. Quyết tâm không cung cấp bất kỳ thông tin nào của

Corley cho thấy ông sở hữu một mức độ cứng rắn mà ít người trong số chúng ta có thể sánh kịp. Bất kể động cơ cá nhân của ông là gì, ông không chỉ từ chối trả lời mà còn dường như không nhận thấy rằng mình đang bị thẩm vấn hoặc tra tấn, và ông không cúi đầu trước họ. Điều này khiến người Việt Nam vô cùng tức giận và xấu hổ, và họ quyết tâm bẻ gãy ông hoặc giết ông trong quá trình này. Có thông tin cho rằng Corley rất nghi ngờ những người bạn tù mà ông đã ở cùng trong những tháng đầu tiên bị giam cầm, đến nỗi ông hầu như không trả lời bất kỳ câu hỏi nào của họ về lý lịch quân sự hoặc gia đình ông.

J. J. Connell đã báo cáo bằng giọng nói với Ed Hubbard, lúc này là một thành viên của nhóm Bomar, rằng việc tra tấn Corley ban đầu do chính Cục Bướu (Lump) thực hiện. Những nỗ lực của Lump đều vô ích, vì vậy Corley sau đó được giao cho Fidel. Fidel đánh Corley không ngừng nghỉ, cả bằng nắm đấm lẫn bằng ống cao su dài ba feet, trong suốt ba ngày ba đêm. Điều này không chỉ suýt giết chết Corley mà còn đẩy tâm trí anh ta đến bờ vực thẳm và rời khỏi thế giới thực.

Toàn bộ câu chuyện về Đại úy Corley mất khoảng một tuần mới đến được chúng tôi, và nó được truyền đi khắp trại. Fidel giao cho

Bomar và nhóm của anh ta phụ trách Corley. Chỉ cần một chút khiêu khích nhỏ nhất (hoặc không có gì cả), Fidel sẽ đánh Jack Bomar và một số người khác bằng đai quạt vì không đạt được kết quả tích cực với Corley. Fidel liên tục yêu cầu Corley phải nói chuyện lịch sự với anh ta, trả lời mọi câu hỏi, cúi chào anh ta và tất cả người Việt Nam. Đáng buồn thay, Corley đã nổi điên và không chịu nghe lời. Anh ta kiên quyết từ chối bất kỳ sự hợp tác nhỏ nhất nào với những yêu cầu của Fidel. Điều đó dẫn đến những trận đòn tàn bạo hơn, trước mặt tất cả bạn tù. Điều kinh hoàng nhất mà chúng tôi được kể là khi Corley bị đánh đập dã man vào mặt bằng ống cao su, anh ta thậm chí không chớp mắt! Jack và những người khác trở nên điên cuồng, vì họ buộc phải chứng kiến những hành vi tàn bạo như thú vật này hết lần này đến lần khác. Họ lo sợ cho tính mạng của Corley, và của chính họ.

Ban đầu, một số bạn tù của Corley không chắc hẳn ta bị điên hay đang giả vờ điên - điều không thể xảy ra trong điều kiện gần như giết người đó. Phải mất vài tuần, tất cả những người ở Chuồng Ba mới kết luận chắc chắn rằng tâm trí Corley thực sự đã mất, và không một người bình thường, tỉnh táo nào có thể sống sót sau hình phạt như vậy.

Điều đó khiến tất cả mọi người vô cùng suy sụp. Chúng tôi đã chứng kiến và chịu đựng nhiều trường hợp tàn ác tột độ, nhưng vụ án này là đỉnh điểm. Tôi đã gửi một tin nhắn, hy vọng sẽ giúp ích được phần nào. “Hãy nhớ điều này, một ngày nào đó chúng ta sẽ rời khỏi cái hang này... Nhưng tất cả những người này sẽ phải ở lại đây!”

Cuối cùng Bomar quyết định họ phải ép Corley cúi đầu. Hắn ta sai người giữ tay Corley và đẩy đầu anh ta về phía trước như thể đang hành động. Cuối cùng, bọn Việt Nam cũng chấp nhận điều đó và sau đó cũng nhẹ tay hơn với Corley.

Chuồng số Ba có một màn hình chiếu phim trên bức tường phía tây, có lẽ để chạy thử phim hồi xưa, khi nó được dùng làm kho phim. Với một người trong tình trạng của Corley, điều đó có thể gây ấn tượng là một “sự sắp đặt” đặc biệt, bởi vì anh ta liên tục cáo buộc đồng bọn làm gián điệp, đánh cắp não anh ta, thay thế anh ta trên trái đất bằng một sinh vật ngoài hành tinh, và Chúa mới biết còn gì nữa.

Jack và nhóm của anh ta, thấy Corley không ăn gì cả, và sợ anh ta sẽ chết đói, đã cố gắng ép anh ta ăn. Thật là một mớ hỗn độn. Vài tên trong số chúng phải giữ anh ta xuống, dí một

chiếc thìa kim loại vào miệng anh ta và đổ súp xuống cổ họng anh ta. Anh ta nhổ phần lớn súp ra phía chúng, và khắp phòng giam, nhưng cũng thành công một phần. Sau vài tuần như vậy, người Việt Nam hẳn đã không đồng tình với ý kiến của Fidel rằng Corley đang giả mạo, vì họ đã hợp tác hơn một chút trong việc giúp đỡ nhóm Corley bằng cách cung cấp một số thứ mà Bomar yêu cầu.

Nhân viên y tế V thông báo với Jack rằng họ sẽ đưa Corley đến bệnh viện để điều trị bằng sốc điện. Sau khoảng bốn lần điều trị, Corley dường như đã khá hơn. Anh ta ăn được một lượng thức ăn hạn chế mà không bị ép ăn, nhưng khi bọn khốn cố ép anh ta cúi đầu hoặc tự lấy thức ăn, anh ta chống cự, và một lần nữa chúng đánh anh ta tơi bời. Anh ta lại rơi vào trạng thái điên loạn. Tình trạng của anh ta sau đó trở thành nguồn cơn của những cuộc cãi vã dữ dội giữa các bạn tù. Cuối cùng, Corley lại được nhìn thấy rời khỏi trại trên một chiếc xe cứu thương và biến mất trong vài tuần.

Người ta nghĩ rằng nỗi kinh hoàng tột độ của tình huống Corley sẽ khiến cả nhóm đoàn kết lại, nhưng không phải vậy. Bên cạnh vấn đề đó, Bomar còn có mâu thuẫn với Dave Duarte. Dave là một phi công chiến đấu,

người luôn cho rằng mặc dù Bomar có cấp bậc cao hơn mình, Duarte vẫn phải là người chỉ huy, bởi vì các hoa tiêu, như Bomar, chưa bao giờ được trao quyền chỉ huy. Tóm lại, Duarte không muốn nhận lệnh từ một hoa tiêu. Họ không yêu cầu tôi đưa ra bất kỳ quyết định nào trong vấn đề này, vì cuối cùng Duarte đã miễn cưỡng nhượng bộ quyền hạn của Bomar. Nếu họ yêu cầu, tôi đã giữ nguyên cấp bậc của Bomar, và do đó là quyền hạn của anh ta.

Vào thời điểm đó, và thực sự ngay từ những ngày đầu, không quân Việt Nam Cộng hòa là lực lượng phi công. Tất cả những người khác đều bị coi là công dân hạng hai, bao gồm cả những người đeo một bộ cánh chỉ định một vị trí phi hành đoàn khác ngoài phi công. Điều đó có nghĩa là các hoa tiêu, lính ném bom, người vận hành hệ thống, xạ thủ, và tất cả các nhân viên không có cấp bậc (không có huy hiệu hàng không) đều ở trong cùng một tình huống - không có công việc chỉ huy nào được giao cho họ.

Từ tháng 4 đến tháng 7 năm 1968, người Việt Nam thông báo cho chúng tôi qua loa rằng một trận đánh lớn đang diễn ra tại một nơi gọi là Khe Sanh. Đó là một chiến thắng cho phía chúng tôi, nhưng khi nghe người

Bắc Việt Nam kể lại, bạn sẽ nghĩ rằng những trận đánh hàng ngày là những thảm kịch quá sức chịu đựng đối với Thủy quân Lục chiến Hoa Kỳ. Không có nguồn tin tức nào khác để so sánh, chúng tôi không có cách nào biết được sự thật. Chúng tôi không có thêm vụ bắn hạ nào nữa, và với lệnh của Johnson ngừng ném bom ở phía bắc vĩ tuyến 20, chúng tôi biết rằng có lẽ sẽ không có thêm bạn mới nào trong một thời gian, nếu có.

Như Bắc Việt Nam đã nói, Thủy quân Lục chiến Hoa Kỳ và tất cả các đơn vị hỗ trợ đã “bị xóa sổ hoàn toàn” vào tháng 6 năm 1968. Sự thật là Quân đội Bắc Việt đã bị vô hiệu hóa hoàn toàn. (Những câu chuyện về trận đánh này là một trong những câu chuyện truyền cảm hứng nhất trong lịch sử Thủy quân Lục chiến. Những người lính của chúng tôi đã thực sự chiến đấu xuất sắc ở Khe Sanh!)

Thỉnh thoảng, một số kinh nghiệm của Thiếu tá Jim Kasler lại được lan truyền hạn chế khắp Sở thú. Ron và tôi, vì không liên lạc được với nhau ở Nhà gỗ, nên chẳng nghe được gì cả. Giờ đây, chúng tôi bắt đầu có thêm nhiều thông tin hơn.

Tôi gặp Kasler khi anh ấy đang học tại Trường Chỉ huy và Tham mưu Maxwell năm 1960. Jim cao hơn 1,8 mét, và ngoài việc là

một trong những phi công chiến đấu hàng đầu của Không quân Hoa Kỳ, anh ấy còn là một tay golf bụng phẳng, có handicap thấp, và ở nhiều khía cạnh khác là một đối thủ đáng gờm. Anh ấy có một người có thể được gọi là anh em sinh đôi Hollywood, vì lý do đó tôi gọi Jim là “Gary Cooper nhà nghèo”. Anh ấy dễ dàng nhận được sự kính trọng với phong thái nhẹ nhàng, dễ gần. Giống như Risner, anh ấy là một phi công xuất sắc trong chiến tranh Triều Tiên. Thiếu tá Kasler là đồng chỉ huy các cuộc tấn công vào các kho dầu ở Hà Nội vào tháng 6 năm 1966, gây ra hậu quả tàn khốc cho Bắc Việt Nam. Dĩ nhiên, các cuộc tấn công đã được công khai rầm rộ trên báo chí và cả tạp chí Time. V có những bản sao của riêng họ trên tờ Time, và họ nóng lòng muốn một ngày nào đó có được Kasler. Vào ngày 8 tháng 8 năm 1966, Kasler đang trên chiếc F-105 của mình để tìm kiếm đồng đội bị bắn rơi, Fred Flom, thì chính anh ta bị trúng đạn. Hệ thống điều khiển bay bằng thủy lực của anh ta bị đóng băng, với cần điều khiển bị khóa hoàn toàn ở phía sau, góc bên phải. Khi Jim kích hoạt cơ chế bắn thuốc nổ ghế và thoát ra ngoài với tốc độ cao, cần điều khiển bị khóa đã làm gãy chân trên của anh ta thành hai chỗ. Bị người dân miền núi bắt

giữ, Jim bị đưa đến Hà Nội. Mặc dù anh ta vô cùng đau đớn vì xương chân bị vỡ, bị kẹt qua háng và vào bụng, anh ta vẫn bị V thẩm vấn và tra tấn để thú tội. Anh ta đã được chiếu phim chụp X-quang, và chúng đáng sợ đến mức Jim chắc chắn rằng chân của anh ta sẽ bị cắt cụt. Người Việt Nam đã phẫu thuật chân anh ta, chèn một thanh thép và nối xương đùi bị gãy vào đó để giữ chúng cố định.

Dum Dum được chỉ định làm thẩm vấn viên của Kasler. Jim cũng đau đớn không kém vì chân bị gãy, và Dum Dum cũng tra tấn để bắt anh ta thú tội và gửi thư cùng băng ghi âm cho các thượng nghị sĩ Hoa Kỳ cầu xin họ chấm dứt chiến tranh. Phải đến tháng 10, Jim mới được ở một mình một thời gian, tự chữa lành vết thương mà không cần điều trị thêm.

Đến tháng 1, chân anh ta tệ đến mức Kasler cảm thấy mình sắp chết. Một lần nữa, anh ta bị tra tấn để làm công tác tuyên truyền, nhưng anh ta vẫn từ chối. Cuối cùng, anh ta được phẫu thuật thêm để cố gắng ngăn chặn tình trạng nhiễm trùng hôi thối đã phát triển. Sau đó, anh ta được đưa trở lại phòng giam ở Chuồng Lợn, và có Đại úy John Brodak làm bạn tù. Chân anh ta bị xẹp xuống, mủ xanh, hôi thối kinh khủng liên tục rỉ ra.

Nhiệm vụ của Brodak là xua ruồi ra khỏi

vết thương hở. Một thời gian ngắn sau, Jim bị chuyển đến Phòng Bi-a, nơi anh sớm bị buộc tội giao tiếp, và một lần nữa bị tra tấn vì hành động như một SRO và “chống đối chính quyền trại”.

Thỉnh thoảng Kasler được nghỉ ngơi đôi chút, nhưng mặc dù V biết rõ tình trạng của anh tồi tệ như thế nào, chúng vẫn coi anh như một phần thưởng - một phần thưởng để bẻ gãy và sử dụng. Vào tháng 9, Cẩm Đức đã tra tấn anh bằng dây thừng, và mặc dù Jim đã nghe nói về sự đau đớn của thử thách này, đây là cơ hội đầu tiên anh tự mình trải nghiệm. Mỗi lần chúng tra tấn anh, Kasler lại hét lên rằng anh đã đầu hàng, và bọn khốn nghĩ rằng cuối cùng chúng đã tóm được anh, nhưng đến khi chúng thả anh ra và bắt anh viết hoặc ghi âm lại điều gì đó, anh lại nói với chúng “Cút xuống địa ngục!” Anh là một người đàn ông vô cùng cứng rắn!

Kasler nhớ tôi rất rõ, và khi tôi đảm nhiệm chức vụ SRO vào năm 1968, ông ấy đã gửi cho tôi một số lời động viên nồng nhiệt.

Tổng thống L. B. Johnson, hay “Libby Giôn-Sơn” theo cách gọi của VC, đã giới hạn việc ném bom ở vĩ tuyến 20, nên miền Bắc tương đối yên bình. “Giôn-SƠN” cũng đã tuyên bố sẽ không tái tranh cử. Trên loa, Văn Tường nói

rằng “Giôn-Sơn luôn nói sự thật, trừ khi môi ông ta mấp máy thì tức là ông ta đang nói dối.” Về trường hợp của Tổng thống Johnson, tôi e rằng tôi gần như không phải người Mỹ, bởi vì tôi thấy câu nói mấp máy môi khá buồn cười. Lúc đó, tôi tin chắc Johnson là một người thiếu cảm hứng, thiếu quyết đoán, người có thể sẽ bỏ mặc chúng tôi ở đó chịu đựng đau khổ mãi mãi và chết như tù nhân.

Chúng tôi nhận được tin khủng khiếp rằng Robert Kennedy đã bị ám sát. Điều đó, cùng với vụ ám sát Tiến sĩ King, khiến chúng tôi tự hỏi chuyện quái gì đang xảy ra ở Mỹ. Chúng tôi không biết ai sẽ tranh cử tổng thống, nhưng chúng tôi cảm thấy rằng bất cứ ai cũng phải hay hơn “Giôn-Sơn”.

Chúng tôi nhận được nhiều băng nhạc Mỹ hơn, được các nhà hoạt động phản chiến mang vào Hà Nội. Một trong những người mà bọn khốn khoe khoang là một ca sĩ nhạc dân ca chơi guitar tên là Pete Seeger. Ông đã viết những giai điệu đặc biệt phù hợp với tình hình, thường chế giễu chính quyền và ca ngợi những cách làm khôn ngoan của Việt Cộng. Họ phát một băng nhạc của một người da đen hát những bài hát phản chiến, bắt đầu bằng bài “Ain’t Gonna Study War No More”. Joan Baez thường xuyên xuất hiện. Bà

ấy chơi guitar, hát “All Those Lonely People”, “Daddy is on my Mind”, và nhiều bài khác. Tôi nghĩ bà ấy có giọng hát hay, nhưng bà ấy, giống như hầu hết những người ủng hộ phản chiến ở Hà Nội, rất mơ hồ về các giá trị và lập trường cá nhân của mình.

Người Mỹ đã, và đang, được tự do phản đối Chiến tranh Việt Nam, hay bất kỳ cuộc chiến tranh nào, được tự do nghĩ và nói như vậy, nhưng những người đã đến thủ đô của quốc gia đối địch, qua đó hỗ trợ và an ủi những người đang tích cực tham gia chiến đấu và giết hại chính người Mỹ của chúng ta, đã hoàn toàn sai lầm. Những người lính trẻ tuổi bị bắt đi lính, những người được yêu cầu nhập ngũ, đã đi lính vì họ tin rằng đó là bổn phận của mình. Họ thực sự không có lựa chọn nào khác, và không ai trong số chúng tôi, những sĩ quan và binh lính chuyên nghiệp, cũng vậy. Quyết định tiến hành chiến tranh là do các chính trị gia đưa ra, chứ không phải binh lính, và thật sai lầm khi những nhà hoạt động đó biến những người lính của chúng ta thành nạn nhân, buộc họ phải chịu trách nhiệm cá nhân về cuộc chiến và việc tiến hành chiến tranh. Những người lính đó tin vào việc hoàn thành nghĩa vụ danh dự và pháp lý của mình với tư cách là công dân, phục vụ đất nước -

và đó là một thế giới khác biệt so với “đúng” hay “sai” của chiến tranh. Vì vậy, Joan Baez, bất chấp giọng hát tuyệt vời, đã, và vẫn đang, cùng với những người khác cùng loại, bị hầu hết chúng ta coi là một con đĩ thối tha và phản bội. Trong một khoảnh khắc hiếm hoi nhẹ nhàng tại Phòng Bi-a, chúng tôi đã bỏ phiếu cho bài hát được yêu thích nhất. Không có gì phải bàn cãi. Đúng là bài “Downtown” của Petula Clark.

Chúng tôi phát hiện ra rằng người bạn thân của tôi, Thiếu tá David Everson thuộc Phi đội 80 tại Itazuke, đã ở cách đó chỉ vài bước chân trong tòa nhà Thư viện hơn một năm trời mà chúng tôi không hề hay biết! Giờ đây, David đang ở trong phòng giam cuối cùng của Chuồng Lợn, và chúng tôi có thể nhìn thấy anh ấy và bạn tù Joe Luna bằng cách nhìn trộm qua khe cửa. David đã lái một chiếc máy bay “Chồn Hoang”, một chiếc F-105F hai chỗ ngồi, với Joe Luna ngồi ghế sau. Những chú chim Chồn được thiết lập để phát hiện radar tên lửa đất đối không ngay khi nó được bật. Khi vào tầm bắn, chúng có thể bắn một tên lửa dẫn đường có thể bắn trúng xe tải hoặc tòa nhà chứa radar SAM, khiến nhiều kỹ thuật viên Nga ngạc nhiên. Sau đó, các phi hành đoàn SAM đã tìm ra cách

để biết khi nào họ đang bị chim Chồn rình rập, và họ sẽ tắt radar. Trên thực tế, Chồn đã hoàn thành nhiệm vụ của mình, bởi vì một khi radar SAM bị tắt, nó không còn là mối đe dọa nghiêm trọng đối với bất kỳ loài chim tấn công nào trong khu vực nữa.

Lần đầu tiên chúng ta nghe về Chồn là vào tháng 12 năm 1965 khi John Pitchford đến Sở thú, bị bắn hạ khi đang lái phiên bản Chồn của chiếc F-100F. Chiếc máy bay đó cùng với thiết bị và chiến thuật của nó đã được phát triển tại Sân bay Eglin, Florida dưới sự chỉ huy của Thiếu tá Garry Willard. Sau khi nhảy dù khỏi máy bay, Pitchford, bị bao vây bởi quân địch, đã bị bắn xuyên qua khuỷu tay trong khi tay anh ta giờ lên đầu hàng.

Vết thương của ông chỉ được điều trị qua loa, và khoảng thời gian giữa các lần điều trị khá dài. Hai cánh tay ông bị nhiễm trùng suốt bảy năm bị giam cầm, và ngay cả bây giờ, hơn hai mươi hai năm sau, tình trạng của ông cũng chẳng khá hơn là bao.

Thỉnh thoảng có tiếng cười khúc khích làm vui đi nỗi thống khổ của chúng tôi. Một ngày nọ, nhóm bốn người của Cole Black ở Chuồng Một báo tin rằng những người phụ nữ Việt Nam thường xuyên đến một phòng chứa đồ nhỏ ở phía sau tòa nhà Hội trường. Từ căn

phòng nhỏ này, họ có thể nhìn ra tù binh chiến tranh mỗi khi họ tắm rửa, trong một khu vực nhỏ hẻo lánh ở đầu phía tây Chuồng. Những người phụ nữ này chắc hẳn đã nghe nói về việc người Mỹ bị treo cổ so với đàn ông của họ, và họ muốn tự mình chứng kiến điều đó. Họ áp mũi vào những tấm chớp gỗ và thích thú “nhìn trộm Peter”, trong khi bọn Mỹ tắm rửa.

Fidel bắt các tù nhân bắt đầu một số dự án làm việc.

Một số người đã dành rất nhiều thời gian để xây một lò nướng bánh mì ngoài trời - nhưng nó chẳng bao giờ dùng được cho dù chỉ một ổ bánh mì. Những người khác phía sau Chuồng Lợn đào rãnh và đổ đầy nước vào đó để nuôi cá làm thức ăn. Họ thả những con cá nhỏ xíu trong mương, và Fidel đặt rất nhiều hy vọng vào việc thu hoạch cá. Norlan Daughtrey tự nhận mình là người am hiểu về nuôi cá. Một ngày nọ, khi tất cả những con cá nhỏ tình cờ quay mặt về cùng một hướng, Norlan nói với Fidel rằng cá thường làm như vậy ngay trước khi đẻ trứng! Những tù nhân khác được giao làm móng gỗ, nhưng không có kết quả nào đủ tốt để Fidel nhận công lao lớn.

Đầu tháng 8, loa thông báo rằng ba tù nhân

Mỹ nữa đã được trả tự do sớm. Tất cả họ đều là sĩ quan không quân, Đại úy Joe Carpenter, Thiếu tá Fred Thompson và Jim Low. Cả ba đều là những tù nhân mới bị bắn hạ và bị giam giữ tại nhà tù Plantation, nơi cũng đã thực hiện những vụ phóng thích đầu tiên.

Không ai trong chúng tôi biết hai người đầu tiên, nhưng nhiều người trong chúng tôi biết Thiếu tá Jim Low, một phi công át chủ bài khác của Chiến tranh Triều Tiên. Low nổi tiếng là một người không tuân thủ quy định. Tại Hàn Quốc, ông bị chỉ trích vì đã phá vỡ nguyên tắc bay để tự mình tìm cách tiêu diệt một chiếc MiG. Ông là một phi công rất có năng lực, nhưng việc thiếu kỷ luật bay đã suýt khiến ông phải ra tòa án binh. Người ta quyết định rằng việc hủy bỏ vụ kiện chống lại ông là vì lợi ích tốt nhất của không quân, bởi vì ông vừa bắn hạ chiếc MiG-15 thứ năm, và được phong là “át chủ bài”.

Chúng tôi không biết điều kiện thả họ ra sao, chỉ biết rằng điều đó vi phạm Quy tắc Ứng xử, trừ khi họ được sĩ quan cấp cao nhất của họ chỉ thị chấp nhận thả, điều này rất khó xảy ra. Chúng tôi đã nghe băng ghi âm các thông điệp của họ khi họ rời Hà Nội cùng một trong những cái gọi là “Phái đoàn Hòa bình”. Low nói, “Chúng tôi mong đợi đầu

cá và cơm, nhưng thay vào đó chúng tôi lại nhận được bánh mì Pháp.” Tất cả bọn họ đều đưa ra những tuyên bố thông thường mà ai cũng biết là nhảm nhí.

Cảm xúc lẫn lộn khi ba người đó trở về nhà. Nhiều người trong chúng tôi đã hình dung ra viễn cảnh được về nhà, và tự an ủi mình bằng suy nghĩ “có lẽ sẽ sớm thôi”, nhưng chiến tranh ở miền Nam vẫn đang diễn ra ác liệt, nên chúng tôi biết rằng thực tế là cơ hội cho chúng tôi rất mong manh.

Vào mùa hè, Fidel lại quay sang Kasler, cố gắng thuyết phục ông ta gặp một phái đoàn “nhân dịp bắn hạ chiếc máy bay thứ ba nghìn của Mỹ”. Kasler từ chối gặp bất kỳ ai và đe dọa rằng ngay cả khi ông ta đồng ý gặp dưới sự tra tấn, thì họ cũng sẽ phải hối hận vì đã đưa ông ta đến trước bất kỳ phái đoàn nào, bởi vì ông ta sẽ không bao giờ nói bất cứ điều gì họ muốn ông ta nói.

Sau đó, Fidel bắt đầu những tuần lễ tra tấn kinh hoàng, tàn bạo. Hắn tấn công Kasler bằng những cú đánh bằng dây quạt, dây thừng, xích sắt và nắm đấm. Jim bị đánh bất tỉnh vô số lần; anh ta bị thủng màng nhĩ, gãy xương sườn, răng lung lay, và da ở mông bị lột sạch. Anh ta cũng chảy máu đầm đìa khắp người, kể cả chân đã bị rách! Chỉ có Chúa

mới biết làm sao một người đàn ông tỉnh táo (và Jim đúng là tỉnh táo thật) lại có thể chịu đựng và sống sót sau khi chứng kiến sự tàn ác với động vật đến mức độ này. Điều đó nằm ngoài khả năng hiểu biết của chúng tôi. Nhưng bằng cách nào đó, Jim đã chịu đựng được, và sống sót với sự tỉnh táo nguyên vẹn.

Lần cuối cùng Kasler gặp Fidel, anh ta được báo rằng V sẽ chăm sóc chân anh ta. Fidel nói với anh ta, “Anh nghĩ mình khá cứng rắn, phải không?” Jim không trả lời. Fidel đưa ra một gói thuốc lá American Viceroy và nói, “Cầm lấy một điếu thuốc, chỉ cần nhai một ít kẹo cao su.” Kasler từ chối. Fidel nói, “Kasler, cầm lấy, nếu không tôi sẽ đánh cho anh một trận toi bời.” Cuối cùng Kasler cũng cầm lấy, chỉ để được đưa trở lại phòng giam.

Có rất nhiều anh hùng Mỹ ở Việt Nam. Có lẽ những trải nghiệm của những người anh hùng nhất sẽ không bao giờ được biết đến vì họ đã chết trong cô độc, xa cách mọi ánh mắt thân thiện. Nhưng theo tôi, trong số những người mà chúng ta biết, Jim Kasler là người anh hùng vĩ đại nhất từ trước đến nay, và tôi sẽ mãi mãi ngả mũ trước anh ấy. Anh ấy đáng lẽ phải được trao Huân chương Danh dự.

Vào tháng 8 năm 1968, một số chiến hữu của chúng tôi nhận thấy bọn khốn đang tổ

chức một buổi lễ kỷ niệm. Đó là một bữa tiệc chia tay Fidel! Bọn khốn đang cảm ơn hẳn vì tất cả những “công việc tốt” của hẳn, và đó là kết thúc chuyến công du hai năm của Fidel tại Hà Nội! (Năm 1981, mười ba năm sau, nhà báo chuyên mục người Mỹ Jack Anderson đã viết một bài báo xác định “Fidel” - kẻ tra tấn chúng tôi - là một thiếu tướng trong quân đội Cuba. Hẳn là người được Castro yêu mến nhất vì công việc siêu điệp viên của mình, và vì những nỗ lực thành công của hẳn ở Trung Mỹ.)

Người Việt Nam rất khiêm tốn, và ở nơi công cộng, đàn ông hiếm khi thể hiện tình cảm với phụ nữ. Ngược lại, đàn ông rất cởi mở và tình cảm với nhau. Cũng như ở nhiều nơi trên thế giới, đồng tính luyến ái không phải là vấn đề quá lớn. Ở Việt Nam, chúng tôi thường xuyên chứng kiến những cuộc biểu tình đồng tính luyến ái. Một hôm, nhìn qua lỗ nhìn, tôi thấy Thỏ đang ôm Lỗi Sắt, khuôn mặt hiện rõ vẻ “đam mê màu tím”. Chúng tôi đoán rằng nhiều người đàn ông có lẽ là người song tính, nhưng phụ nữ dường như rất bình thường. Cũng thật thú vị khi thấy quan điểm của các tù binh chiến tranh về vẻ đẹp của phụ nữ rất đa dạng. Tôi nghĩ rằng phụ nữ Việt Nam khá xinh đẹp, và tôi nhận thấy họ

đảm nhiệm hầu hết các công việc thực tế, từ việc bếp núc đến làm lính và điều khiển súng phòng không.

Một buổi sáng, lỗ nhìn mở ra và cô gái rót nước đứng đó. Ron vội vã chạy đến, nhặt hai bình nước bằng gốm của chúng tôi và chuyển qua lỗ nhìn. Chúng tôi thấy cô ấy rất xinh xắn, hàm răng trắng đều và khuôn miệng rộng, cân đối. Sau khi đi khám xong, Spiker gõ nhẹ vào tường hỏi chúng tôi có thấy cô ấy không. Chúng tôi trả lời là có. Spiker gõ nhẹ, “Tên cô ấy là Ly.”

“Sao lại là Ly?”

“Nó là viết tắt của Cô Xấu Xí.” Chà, mỗi người một ý! Ron và tôi chắc đã bị nhốt quá lâu rồi - bất kỳ người phụ nữ nào cũng xinh đẹp với chúng tôi! Một hôm, tôi đang ở một mình trong phòng tắm. Khi tôi đang đứng đó trong phòng tắm, cánh cổng mở ra và một người phụ nữ bước vào, đẩy một cái nôi lớn. Tôi phải rửa nó. Cô ta nhìn chăm chăm vào phần dưới của tôi, rồi cười toe toét, để lộ hàm răng đỏ ố, dính đầy hạt cau trên khuôn mặt đỏ gay. Cô ta có bàn chân to bè, bẹt, ngón chân xò ra, và ngay cả sau ba năm bị cô lập, tôi vẫn phải thừa nhận rằng mình đã sai - ít nhất cũng có một người phụ nữ thực sự xấu xí ở Bắc Việt Nam!

Giữa tháng Tám, gió hè đang nổi lên thành bão nhiệt đới dữ dội. Mùa mưa đã đến, và mưa như trút nước. Qua những cánh cửa chớp đóng kín, chúng tôi nghe thấy tiếng gió rít qua những tán cây với vận tốc 100 km/giờ.

Ngày thứ hai của cơn bão, chúng tôi chỉ được ăn bánh mì cũ, kèm với súp “rau muống”. Sau năm ngày, bữa ăn vẫn vậy, nhưng bánh mì đã mốc meo, và một số miếng có cả tá xác kiến đỏ. Hà Nội nằm ngang mực nước biển và nguồn nước có thể dễ dàng bị ô nhiễm do lũ lụt. May mắn thay, họ vẫn tận tụy đun sôi nước và bảo vệ nguồn nước. Chúng tôi nhận được thông báo qua tường rằng có một núi cùn chân chất chòng dục theo Hội trường, phòng trường hợp trại phải sơ tán và tất cả chúng tôi phải di chuyển lên vùng đất cao hơn, nhưng chuyện đó đã không xảy ra.

Mọi chuyện ở Chuồng Ba không đến nỗi tệ, giờ Fidel đã đi rồi. Corley đã có phản ứng phần nào với đợt điều trị sốc điện thứ hai. Anh ta không bị ép ăn nữa; anh ta tự ăn - không nhiều lắm, nhưng đã đỡ hơn trước. Những người ở cùng anh ta vẫn còn bồn chồn và cáu gắt với nhau. Người duy nhất có vẻ thông cảm nhất với Corley là trung úy hải quân Larry Spencer. Anh ta và Ed Hubbard tình nguyện chuyển sang một phòng riêng với Corley để

chăm sóc anh ta và giảm bớt áp lực cho những người khác, nhưng V đã từ chối.

Những người ở Chuồng gửi cho tôi một tin nhắn hỏi liệu có ổn không nếu cố gắng xin thả Corley sớm, vì họ cho rằng anh ta có thể sẽ không qua khỏi nếu không được chăm sóc y tế tốt, mà tất nhiên là không có. Tôi đồng ý với điều đó và đưa ra một chính sách nội bộ về việc thả chín tù nhân bị thương nặng. Tôi đã trực tiếp ra lệnh cho Norlan Daughtrey tình nguyện hộ tống Corley về nhà nếu có cơ hội. Norlan, giống như Pitchford, đã bị bắn xuyên qua cả hai khuỷu tay và cần được chăm sóc ngay lập tức. Anh ấy nhắn lại rằng anh ấy không thích điều đó, nhưng sẽ tuân lệnh tôi nếu có cơ hội. Tôi không thấy cuộc chiến nào có thể kết thúc. Ron và tôi đã thảo luận kỹ lưỡng và quyết định tốt nhất là cố gắng đưa một số người ra ngoài nếu có thể.

Khi những ngày dài lê thê thành tháng, thành năm, chúng tôi dường như đã ở đó mãi mãi. Ngày của chúng tôi bắt đầu bằng tiếng chuông báo hiệu sáu giờ sáng. Chúng tôi cuộn lưới bắt muỗi, gấp chăn lại và ngồi lên đó, quạt muỗi. Ánh sáng bị một tên lính gác đi tuần tắt ngúm, và chúng tôi đổ mồ hôi suốt cả ngày, hy vọng điều gì đó tốt đẹp sẽ xảy ra.

Chủ yếu chúng tôi nhìn chăm chăm qua

những bức tường gạch ngang tầm mắt, xuyên qua song sắt, vào ánh sáng ban ngày bên ngoài. Khi phòng giam đóng kín, chúng tôi nhìn chăm chăm vào khe hở ánh sáng dưới cửa. Chúng tôi như những con bọ, luôn tìm kiếm ánh sáng.

Khi trời có vẻ đẹp, chúng tôi thường nghĩ xem bạn bè đang làm gì ở nhà.

“Bill Craig chắc đang ở sân golf đâu đó tận hưởng. Đó là những gì tôi sẽ làm vào một ngày như thế này.”

Ron đáp, “Vào một ngày đẹp trời như thế này, tôi sẽ đi chơi cùng gia đình trên chiếc station wagon mới của mình. Anh biết đấy, cứ khoảng hai hoặc ba năm tôi lại đổi xe một lần. Xe cộ khiến tôi khánh kiệt.”

“Ừ, đôi khi tôi tự hỏi liệu có ai ngoài vợ tôi từng nghĩ đến chúng tôi không. Có lẽ họ thậm chí còn không biết chúng tôi ở đây.”

Một buổi sáng sớm tinh mơ, chúng tôi nghe thấy tiếng cánh quạt trực thăng lạch cạch không thể nhầm lẫn. Nó ở đó, bay thẳng vào tầm mắt chúng tôi, với tốc độ rất chậm. Đó là một chiếc trực thăng của Nga, và là chiếc trực thăng lớn nhất mà tôi từng thấy. Treo lơ lửng bên dưới, được treo bằng những sợi cáp chắc chắn, là một chiếc MiG-17, máy bay chiến đấu chủ lực của Không quân Bắc

Việt. Chiếc MiG đang được vận chuyển bằng máy bay đến một bến bảo dưỡng ở trung tâm thành phố để đại tu. Một kho chứa trong thành phố gần như không thể bị máy bay Mỹ phát hiện và phá hủy. Thật thông minh!

Sau ba năm bị giam cầm, gần như không có gì để lấp đầy những giờ phút giữa các cuộc thẩm vấn, tra tấn và tuyên truyền âm ỉ từ Box, bất kỳ sự xao nhãng nhỏ nào cũng được chào đón. Thỉnh thoảng Box lại khoe khoang về một số “Anh hùng Nhân dân” vừa bắn hạ máy bay Mỹ. Một trong những người của chúng tôi được Lump nói rằng mặc dù phi công của họ đang chiến đấu tốt với phi công Mỹ, nhưng họ vẫn rất khó để làm chủ được những chiếc MiG-21 đời mới. Giờ đây, họ đang chấp nhận phi công tình nguyện từ các quốc gia đồng minh. Họ có phi công tình nguyện người Nga, Ba Lan, Đức, Cuba, và vâng, thậm chí cả người Mỹ, lái máy bay của họ. Tôi không hề nghi ngờ điều đó. Với mức giá hợp lý, lính đánh thuê luôn bay trong chiến tranh. Tôi nghĩ rằng lý do cũng phải chính đáng thì một người Mỹ mới được tham gia, nhưng nói đi cũng phải nói lại, ai mà biết được. Một số người không có chút lương tâm hay nguyên tắc nào, và sẵn sàng làm bất cứ điều gì vì đồng tiền toàn năng.

Thiếu tá Bud Day là người chỉ huy cao cấp trong tòa nhà Barn, và từng chi tiết nhỏ, chúng tôi được nghe câu chuyện thú vị của ông.

Bud từng chỉ huy phi đội F-100 “Misty” tại một sân bay nhỏ ở Nam Việt Nam. Những chiếc máy bay này là loại hai chỗ ngồi và nhiệm vụ của đơn vị Misty là hoạt động như những Kiểm soát viên Không quân Tiền phương (FAC) trên không. Nhiệm vụ của họ là phát hiện các mục tiêu của địch như xe tải, các phương tiện tiếp tế khác, các trạm radar, quân địch, v.v. Sau đó, FAC có thể chỉ đạo máy bay tấn công tiêu diệt. Khi Bud bị trúng đạn, anh ta nhảy dù xuống ngay phía bắc khu phi quân sự (vĩ tuyến 17), bị gãy tay phải ở ba chỗ, trật khớp gối trái nghiêm trọng và tạm thời mất thị lực ở mắt phải. Anh ta bị bắt, và một trong những bác sĩ quân y của V đã bó bột cho cánh tay anh ta. Cùng đêm đó, anh ta lén ra khỏi boongke và may mắn thoát khỏi một vài tên lính canh lơ là vào rừng. Anh ta đã tạo được khoảng cách vài dặm giữa mình và những kẻ bắt giữ. Rồi, bất ngờ, anh ta thấy mình bị mắc kẹt giữa một loạt bom từ những chiếc B-52 của chúng ta!

Anh tỉnh dậy với máu chảy ra từ mũi và tai, và nôn mửa.

Anh cố gắng tiếp tục di chuyển thêm vài ngày nữa, nhưng nhanh chóng suy yếu vì đói. Anh ăn vài quả mọng tìm được và vài con ếch sống, cho đến khi đến được sông Bến Hải ở Khu Phi quân sự. Anh đau đớn tột cùng vì vết thương đã bị nhiễm trùng, nhưng anh vẫn tiếp tục di chuyển và cảm thấy phấn chấn khi nhìn thấy một máy bay trinh sát của Mỹ, rồi một chiếc trực thăng của Mỹ. Anh quyết định giảm tốc độ và nghỉ ngơi, bởi vì đã gần đến tự do, anh không muốn làm bất kỳ hành động ngu ngốc nào. Vận may của anh đã hết... Anh bị hai người lính vũ trang đầy đủ phát hiện. Anh lặn xuống tìm lá chắn dày, nhưng họ đã tóm được anh - cách tự do chưa đầy một dặm!

Trên đường về Hà Nội, anh ấy bị thẩm vấn, rồi bị treo lên bằng tay khi chống cự. Giữa những vết thương và sự tra tấn, anh ấy gần như phát điên. Khi cuối cùng phải đồng ý trả lời các câu hỏi, anh ấy đã khai man.

Bud là một phi công chiến đấu cứng rắn và mạnh mẽ, và chúng tôi tự hào có anh ấy trong đại đội. Anh ấy cũng gửi cho tôi những tin nhắn ủng hộ, thể hiện sự tin tưởng của anh ấy vào tổ chức tù binh chiến tranh của chúng tôi và vào cá nhân tôi.

Yêu cầu của người dân Stable về việc thả

Đại úy Corley đã mở ra một hộp Pandora đầy những câu hỏi về ý nghĩa của một số điều khoản trong Quy tắc Ứng xử. Ý nghĩa chính xác rất khó xác định, bởi vì Quy tắc không được viết theo những thuật ngữ cụ thể; có một số linh hoạt và có thể diễn giải trong việc áp dụng Quy tắc.

Bộ Quy tắc Ứng xử của Chiến binh Hoa Kỳ (Code of the American Fighting Man) được ban hành dưới dạng một sắc lệnh hành pháp vào năm 1955, do Tổng thống Dwight Eisenhower lúc bấy giờ ký. Do tai tiếng về các chiến thuật tẩy não của Đảng Cộng sản, và do một số ít người Mỹ đào ngũ hoặc phản bội trong Chiến tranh Triều Tiên, người ta đã quyết định rằng cần có thêm hướng dẫn để đảm bảo hành vi đúng đắn của những người Mỹ bị đối phương giam giữ trong thời chiến. Bộ Quy tắc Ứng xử dành cho tất cả các thành viên của lực lượng vũ trang Hoa Kỳ bao gồm sáu điều khoản cơ bản, như sau:

1

TÔI LÀ MỘT CHIẾN BINH MỸ. TÔI PHỤC VỤ TRONG LỰC LƯỢNG BẢO VỆ ĐẤT NƯỚC VÀ LỐI SỐNG CỦA CHÚNG TA. TÔI SẴN SÀNG HIẾN MẠNG MÌNH ĐỂ BẢO VỆ HỌ.

2

TÔI SẼ KHÔNG BAO GIỜ ĐÀU HÀNG THEO

Ý CHÍ CỦA MÌNH. NẾU ĐƯỢC CHỈ HUY, TÔI SẼ KHÔNG BAO GIỜ ĐẦU HÀNG NGƯỜI CỦA MÌNH KHI HỌ VẪN CÒN PHẢI KHÁNG CỰ.

3

NẾU BỊ BẮT, TÔI SẼ TIẾP TỤC KHÁNG CỰ BẰNG MỌI CÁCH CÓ THỂ. TÔI SẼ CỐ GẮNG ĐỂ TRỐN THOÁT VÀ GIÚP NHỮNG NGƯỜI KHÁC TRỐN THOÁT. TÔI SẼ KHÔNG CHẤP NHẬN BẤT KỲ ƯU ĐÃI ĐẶC BIỆT NÀO TỪ KẼ THÙ.

4

NẾU TRỞ THÀNH TÙ BINH, TÔI SẼ GIỮ NIỀM TIN VỚI CÁC BẠN TÙ CỦA MÌNH. TÔI SẼ KHÔNG CUNG CẤP THÔNG TIN HOẶC THAM GIA BẤT KỲ HÀNH ĐỘNG NÀO CÓ THỂ GÂY HẠI CHO ĐỒNG BỘ. NẾU TÔI CẤP CAO, TÔI SẼ LÃNH ĐẠO. NẾU KHÔNG CẤP, TÔI SẼ TUÂN THEO MỆNH LỆNH HỢP PHÁP CỦA NHỮNG NGƯỜI ĐƯỢC BỔ NHIỆM VÀ SẼ ỦNG HỘ HỌ BẰNG MỌI CÁCH.

5

KHI BỊ HỎI, NẾU TÔI TRỞ THÀNH TÙ BINH, TÔI CÓ NGHĨA VỤ CHỈ CẦN CUNG CẤP TÊN, CẤP HẠNG, SỐ HIỆU QUÂN SỰ VÀ NGÀY SINH. TÔI SẼ TRÁNH TRẢ LỜI CÁC CÂU HỎI KHÁC TRONG KHẢ NĂNG CỦA MÌNH. TÔI SẼ KHÔNG NÓI BẤT LỜI NÓI HOẶC BẰNG VĂN BẢN NÀO KHÔNG TRUNG THÀNH VỚI ĐẤT

NƯỚC VÀ CÁC ĐỒNG MINH HOẶC GÂY HẠI CHO MỤC TIÊU CỦA HỌ.

6

TÔI SẼ KHÔNG BAO GIỜ QUÊN RẰNG TÔI LÀ MỘT CHIẾN BINH MỸ, CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ HÀNH ĐỘNG CỦA MÌNH VÀ CỐNG HIẾN CHO NHỮNG NGUYÊN TẮC ĐÃ GIÚP ĐẤT NƯỚC TÔI ĐƯỢC TỰ DO. TÔI SẼ TIN TƯỞNG VÀO CHÚA VÀ VÀO HỢP CHỨNG QUỐC HOA KỲ.

Trong bản in dài của Bộ luật, sau mỗi điều khoản là một đoạn văn ngắn nêu lại và làm rõ điều khoản cơ bản. Bộ luật luôn được phổ biến rộng rãi trong quân đội, đặc biệt là đối với những người phải đối mặt với những rủi ro thực sự của chiến tranh, bao gồm cả việc bị bắt giữ. Do đó, chúng ta có thể cho rằng mỗi phi hành đoàn đều đã đọc hoặc nghiên cứu Bộ luật và có hiểu biết hợp lý về ý nghĩa của các điều khoản. Do việc luân chuyển tù nhân thường xuyên giữa các khu vực nhà tù khác nhau, sự cô lập và thay đổi sĩ quan cấp cao của Hoa Kỳ trong vài năm đầu, nên chỉ có sự hướng dẫn rời rạc, chủ yếu chỉ khi được yêu cầu.

Không còn nghi ngờ gì nữa, mỗi người đều có khả năng tự quyết định mức độ hình phạt

mà mình có thể hoặc nên chịu, tùy thuộc vào giá trị của vật liệu mà V đang tìm kiếm. Trở lại năm 1965, Robbie Risner và Jerry Denton đã ra lệnh rút lui khi gặp nguy hiểm đến tính mạng hoặc mất trí.

Thời gian dài bị giam cầm khiến mọi người chán nản. Chúng tôi liên tục tìm kiếm giữa những dòng tuyên truyền một điều gì đó tích cực, một điều gì đó để đặt hy vọng, nhưng chẳng có gì cả. Khi chúng tôi có thể liên lạc với những vụ bắn hạ mới, chúng tôi hỏi chuyện gì đang xảy ra trên thế giới. Câu trả lời luôn là: “Không có gì, không có thay đổi, chỉ là lớn hơn thôi.”

Vậy là chúng tôi đang đối phó với một kẻ thù không quan tâm đến các thỏa thuận Geneva về việc đối xử với tù binh chiến tranh, một kẻ thù từ chối cho Hội Chữ thập đỏ Quốc tế vào nước họ. Sau nhiều năm trôi qua, chúng tôi nhận ra rằng chúng tôi đã, và có lẽ sẽ luôn, bị giam cầm trong một môi trường tra tấn liên tục về thể xác và tinh thần.

Mọi người đều hiểu ý định của Bộ luật, mà trong điều kiện lớp học, dường như khá rõ ràng. Câu hỏi mà các phi công Art Black và Billy Robinson đặt ra cho tôi tại Briar Patch năm 1966 có lẽ minh họa rõ nhất những gì hầu hết chúng ta đang nghĩ.

“Chúng ta có nhất thiết phải chịu tra tấn mỗi khi ra ngoài thẩm vấn không?” Ẩn chứa trong suy nghĩ đó là, liệu Bộ luật có ý định rằng tất cả chúng ta đều phải chết, hay mất trí sau nhiều năm bị tra tấn liên tục?

Bộ luật quy định tù binh Mỹ “chỉ được phép khai tên, cấp bậc, số hiệu quân nhân và ngày sinh”. Chúng tôi đã từ chối mọi câu hỏi vượt quá giới hạn đó. Chúng tôi sớm nhận ra rằng có những lúc kẻ thù không kiên trì, nhưng nếu chúng thực sự theo đuổi mục tiêu, chúng có cách để buộc chúng phải trả lời, dù chúng tôi nói thật, nửa thật, hay hoàn toàn dối trá. Chúng đã nhận được câu trả lời!

Một tù binh chiến tranh đang bị tra tấn và cảm thấy mình đang gặp rắc rối lớn với một thẩm vấn viên cứng rắn sẽ có xu hướng rút lui về một tuyến phòng thủ thứ yếu. Anh ta biết mình cần phải làm gì, nhưng liệu anh ta có thể chịu đựng được bao nhiêu tra tấn mà vẫn hy vọng sống sót và tránh được tổn hại vĩnh viễn về thể chất hoặc tinh thần?

Có rất nhiều sự khác biệt giữa con người. Rất ít người, như Jim Kasler, có đủ sức chịu đựng và lòng dũng cảm để kiên trì trong suốt thời gian bị trừng phạt nghiêm khắc và tiếp tục chịu đựng. Hầu hết đàn ông, mặc dù muốn làm tốt công việc, sẽ kiên cường chống lại sự tàn

ác, nhưng không lâu dài. Thông thường, thẩm vấn viên sẽ hài lòng với một số đóng góp nhỏ, bằng lời nói hoặc bằng văn bản. Mỗi tù nhân phải tự đưa ra phán đoán của mình và lựa chọn đấu tranh cho những vấn đề mà họ cảm thấy xứng đáng với nỗi đau do tra tấn gây ra.

Đôi khi, việc cố gắng quá lâu cũng có thể gây ra thảm họa như việc đầu hàng sớm hơn. Những kẻ tra tấn đã tra tấn nạn nhân đến mức chúng nhận được nhiều hơn những gì chúng mong đợi ban đầu - một “chuyến đi miễn phí”, có thể nói như vậy. Thỏ đã từng nói với tôi, “Giờ thì ta cảnh báo người, nếu người tiếp tục chống cự, chúng ta sẽ nghiền nát người đến mức người chẳng còn gì cả. Người có hiểu ý ta không?” Tôi nghĩ mình đã hiểu ý hắn. Sau này, tôi mới được chứng kiến điều đó xảy ra.

Kinh nghiệm cho thấy một số người trong chúng ta đã tự chuốc lấy rắc rối bằng cách tỏ ra quá khích với những người thẩm vấn trong khi đáng lẽ ra chúng ta nên im lặng. Chúng ta làm vậy vì nghĩ rằng đó là điều đúng đắn nên làm, đó là “chống cự”, đó là “từ chối hợp tác dưới bất kỳ hình thức nào”. Nhưng điều đó đã dồn họ vào chân tường, và họ đã phản ứng một cách dễ đoán để cho chúng ta thấy ai mới là ông chủ.

Nhiều năm sau, khi được Tổng thống Nixon mời đến Nhà Trắng ăn tối, tôi đã trò chuyện với một vị khách khác cùng bàn - thần tượng điện ảnh John Wayne. “Duke,” tôi nói, “tôi đã cố nghĩ xem anh có thể xử lý đám thảm vấn như thế nào.” Anh chăm chú lắng nghe. “Vậy nên khi chúng hỏi, tôi bảo chúng rút đi, khi chúng yêu cầu tôi làm gì, tôi bảo chúng cứ việc nhét vào đít chúng... Và anh biết không, Duke? Chúng đánh tôi như tử!” Công tước cười thầm, nhưng nước mắt lại lăn dài trên má. Anh biết rằng giải pháp kiểu Hollywood không bao giờ hiệu quả với những người phạm trần như chúng tôi.

Có một loại người khác - loại người đầu hàng trước khi chịu bất kỳ hình phạt thể xác nào. Đối với anh ta, những lời đe dọa nặng nề và sự dày vò tinh thần cũng đau đớn như tra tấn thể xác đối với người khác, và anh ta đơn giản là không được trang bị để xử lý nó. Điều này đã được một số bạn tù hối hận và mặc cảm tội lỗi thừa nhận với tôi trong những tình huống đối mặt trực tiếp. Không có nhiều người trong số họ, và phải có sự thông cảm cho họ. Họ biết những thiếu sót của mình và cảm thấy tồi tệ về chúng. Nếu nhóm xa lánh họ, điều đó có thể dẫn đến việc đẩy họ sang phe đối địch. Họ cần được khích lệ liên tục,

cần được nói rằng mọi người đều ủng hộ họ, rằng họ có thể làm tốt hơn với một chút nỗ lực. Mục tiêu lâu dài không phải là để mất họ, mà là đưa họ trở về nhà cùng với những người còn lại của chúng tôi.

Xét cho cùng, tôi tin rằng việc chọn một tuyến kháng cự hợp lý sẽ đảm bảo hơn rằng hầu hết mọi người sẽ có thể xử lý việc thẩm vấn và làm việc tốt hơn về lâu dài. Khi người Việt Nam rút lui, chúng tôi có thể tiến lên từng bước. Nếu họ gây sức ép mạnh, chúng tôi có thể giảm tốc độ, nhờ đó “duy trì liên lạc” nhưng chỉ mang lại mức tối thiểu để tồn tại.

Tin tức về việc thả ba tù nhân lần thứ hai đã khiến hầu hết những người đàn ông trong Sở thú lo lắng, bởi vì không có thông tin nào đề cập đến việc bất kỳ ai trong số họ bị khuyết tật thể chất nghiêm trọng. Ý kiến cho rằng chính họ đã đàm phán để được thả sớm... trái với Bộ luật. Chúng tôi quyết định rằng trong trường hợp của Corley, không quân và chính phủ sẽ đồng ý với quyết định của chúng tôi để đưa anh ta ra ngoài, cùng với những người bị thương nặng khác.

Khi tôi đồng ý đưa ra chính sách thả tù nhân, một danh sách những người bị thương đã được các sĩ quan cấp cao của mỗi tòa nhà lập ra. Hiệp định Genève có quy định về trao

đổi tù nhân, nhưng tình hình của chúng tôi ở đây rất đặc biệt, và người Việt Nam không đồng ý với bất kỳ điều gì tương tự. Cuối cùng, danh sách của chúng tôi lên đến mười bốn người. Tôi biết rằng mình có đủ sự linh hoạt và thẩm quyền để đưa ra những quyết định phù hợp với mục đích của Bộ luật và vì lợi ích tốt nhất của tất cả mọi người.

Ngoài việc giải cứu những người đàn ông bị điên, hoặc có nguy cơ mất chân tay, hoặc bị mù, chúng tôi cảm thấy rằng một lợi ích phụ quan trọng sẽ là việc truyền tải một lượng lớn thông tin tình báo liên quan đến danh tính, cách đối xử, tra tấn và địa điểm của tù nhân.

Tuy nhiên, sâu thẳm bên trong, chúng tôi tin rằng chẳng có lời cầu nguyện nào từ địa ngục cho phép bất kỳ ai được thả khỏi Sở thú, bởi vì chúng tôi là một trại tra tấn. Hai lần thả cho đến nay đều là “thịt xay nhuyễn” từ trại Plantation. Người Việt Nam không muốn mạo hiểm mang tiếng xấu vì cách đối xử của họ với chúng tôi. Họ rất nhạy cảm với dư luận bên ngoài, bao gồm cả dư luận của nhóm phản chiến Mỹ, những người mà họ đặt rất nhiều hy vọng sẽ lôi kéo dư luận Mỹ ủng hộ lập trường của Bắc Việt Nam.

Mệnh lệnh cụ thể của tôi với Norlan

Daughtrey (khi Fidel vẫn còn ở đó) là: “Anh có thể nói với Fidel rằng nếu ông ấy để Carl Corley về nhà, anh sẽ đi cùng ông ấy, và anh có thể ký đơn xin ân xá cho cả hai người.”

Chính sách trả tự do được đưa ra như sau: “Nếu được phía Việt Nam yêu cầu, những người đàn ông được nêu tên sau đây [danh sách mười bốn người] có thể chấp nhận được trả tự do sớm và ký một tuyên bố ân xá, nhưng không được phép đi xa hơn.

Đừng bán linh hồn của mình để được trả tự do sớm.”

Câu hỏi tiếp theo liên quan đến các tuyên bố bằng văn bản.

Câu hỏi: Chính sách của anh về việc viết là gì?

Chính sách: Với tất cả lương tâm trong sáng, tùy thuộc vào khoảng thời gian kể từ lần bị tra tấn cuối cùng, cũng như tình trạng tinh thần và thể chất của anh, hãy làm một trong những điều sau:

- a. Từ chối viết hoàn toàn.
- b. Sử dụng các chiến thuật trì hoãn.
- c. Viết những thứ mà bọn da đen không thể sử dụng.
- d. Viết những lời dối trá trắng trợn.

Dù sao thì đó cũng là điều mà hầu hết mọi người đều đang làm. Điều chúng tôi hy vọng

đạt được với thông điệp chính sách này là giảm bớt áp lực cho mỗi cá nhân bằng cách đưa ra một diễn giải chính thức về Bộ luật, điều này mang lại cho các tù binh chiến tranh sự an tâm và linh hoạt trong việc đối phó với các QZR.

Tôi nghe từ nhiều nguồn tin rằng một hoặc hai tù nhân ở Sở thú đã rất chỉ trích cách cư xử của một số bạn tù trong buổi kiểm tra. Giờ đây, họ có thể nói, “Tôi đã làm theo chính sách” và tôi thấy ổn với điều đó.

Câu hỏi: Chính sách của anh/chị về việc làm băng ghi âm Giáng sinh là gì?

Chính sách: Nếu anh/chị thực sự cảm thấy việc đó sẽ giúp gia đình lắng nghe tiếng nói của mình và anh/chị cảm thấy hài lòng về điều đó, thì hãy làm.

Nếu không có cam kết của SRO về vấn đề này, các tù binh chiến tranh sẽ chỉ trích lẫn nhau không thương tiếc. Không phải ai cũng được trao cơ hội ghi âm, nhưng trong một số trường hợp, những người đàn ông chưa bao giờ nhận được thư đã có thể ghi âm lại một thông điệp. Thà có còn hơn không.

Câu hỏi: Thế còn việc đi nhà thờ vào dịp Giáng sinh thì sao?

Chính sách: Nếu bạn cảm thấy cần thiết và có thể được nâng cao tinh thần từ việc đó, hãy đi.



Vườn thú, một trại tù binh chiến tranh nơi Bắc Việt giam giữ các tù binh chiến tranh người Mỹ. Bộ Quốc phòng.



Hỏa Lò, Nhà tù Thành phố Hà Nội. Là trại tù binh chiến tranh nổi tiếng nhất, nơi đây được biết đến với cái tên “Hanoi Hilton”. Bộ Quốc phòng.



Larry Guarino đứng trước một chiếc Spitfire Mark VIII gần Napoli, Ý, tháng 11 năm 1943. Larry Guarino.



Các phi công ngay trước khi cất cánh trong một nhiệm vụ trên bầu trời Đông Dương thuộc Pháp gần Hà Nội. Guarino đứng thứ hai từ phải sang. Poh-sei, Trung Quốc, tháng 3 năm 1945. Larry Guarino



Larry Guarino (trái) cùng phi công Jack Childers tại Căn cứ Không quân Osan, Hàn Quốc. Tháng 1 năm 1954. Larry Guarino



Bốn chiếc F-86-F và phi công trong tình trạng báo động hai phút tại Căn cứ Không quân Osan, Hàn Quốc, tháng 3 năm 1954. Guarino ở bên trái. Larry Guarino



Larry Guarino trở về sau một nhiệm vụ cùng Đại úy Bill Elander, người bị quân Bắc Việt Nam bắt giữ bảy năm sau đó. Korat, Thái Lan, tháng 5 năm 1965. Larry Guarino



Thiếu tá Guarino ngay sau khi đến Hòa Lò, tháng 6 năm 1965. Ảnh tuyên truyền của Việt Nam



Evelyn Guarino trao tặng Huân chương Ngôi sao Bạc cho các con trai Ray (12), Jeff (9) và Tom (18). Tháng 6 năm 1963. Larry Guarino



Lễ Giáng sinh, năm 1965. Từ trái sang: Byrne, Cormier, Guarino, Cha Hồ Thanh Biên. Ảnh tuyên truyền của Việt Nam



Tù binh Mỹ diễu hành qua Hà Nội, tháng 7 năm 1966. Hàng trước: Keirn, Berg, “Groucho” Hàng hai: Shumaker, Harris. Hàng ba: Byrne, Guarino, “Spot” UPI



Lễ Giáng sinh ở trung tâm Hà Nội, năm 1969. Từ trái sang: Byrne, Guarino, Dutton, Sima. Ảnh tuyên truyền của Việt Nam

NGÀY VIẾT (Dated) .. 1 JAN 1972 ..

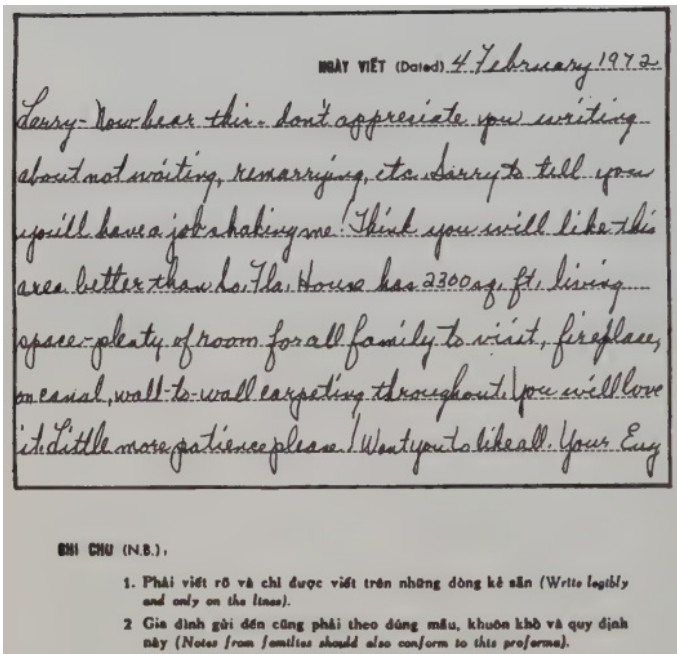
EVERYTHING. I AM WAITING FOR PICTURES OF YOU WITH YOUR SUMMER VISITORS
AND FAMILY, NEWS AS I HAVE SAID BEFORE, ENJOY YOUR LIFE BECAUSE EVEN
THOUGH IT HAS BEEN 7 YEARS, IT MAY BE 7 MORE OR LONGER, SO DON'T WAIT FOR
ME. I KNOW YOU CARE, HOPE, WISH AND PRAY, BUT THAT IS NOT GOING TO
DO IT. SO DON'T WASTE YOUR TIME, I DON'T NEED ANYTHING. BUT TO GET OUT
OF HERE. I DON'T WANT YOU TO BE LONELY FOREVER, IF YOU WANT TO REMARRY,
GO AHEAD IF ITS POSSIBLE, TO HELL WITH WHAT PEOPLE SAY. LARRY,

GHI CHÚ (N.B.):

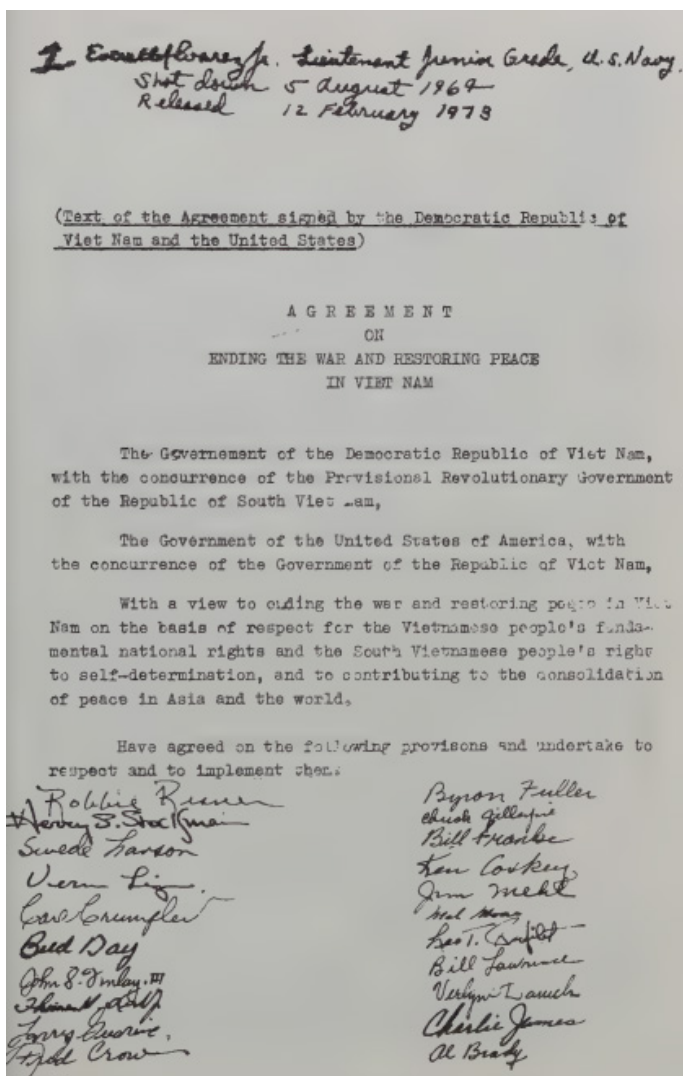
1. Phải viết rõ và chỉ được viết trên những dòng kẻ sẵn (Write legibly
and only on the lines).

2. Gia đình gửi đến cũng phải theo đúng mẫu, khuôn khổ và quy định
này (Notes from families should also conform to this proforma).

Bức thư của Guarino gửi cho vợ ông là Evelyn theo mẫu chính thức. Tháng 1 năm 1972.



Trả lời từ Evelyn Guarino theo mẫu thư chính thức, tháng 2 năm 1972.



Trang đầu tiên của Hiệp định hòa bình giữa Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Hoa Kỳ, được ký bởi các tù binh chiến tranh Hoa Kỳ.



Đến Căn cứ Không quân Clark ở Philippines, tháng 2 năm 1973. Căn cứ Không quân Clark



Chuẩn tướng Jim Ahmann gắn huy chương vào năm sau khi Guarino trở về.



Tháng 5 năm 1974. Căn cứ Không quân Patrick

Bốn cựu tù binh chiến tranh gặp nhau, tháng 1 năm 1989. Từ trái sang: Ligon, Guarino, Keirn, Finlay. Larry Guarino

Đây là ví dụ điển hình nhất về tình huống đánh đổi. Đúng vậy, phe V sẽ nhận được thứ gì đó đổi lại, dù chỉ là tuyên truyền, nhưng tù binh chiến tranh được ra khỏi phòng giam và sống trong những hoàn cảnh dễ chịu trong vài giờ. Biết đâu anh ta thậm chí còn có cơ hội giao tiếp với những người ở trại khác và bổ sung thêm thông tin vào hệ thống.

Câu hỏi: Thế còn việc nhận thức ăn đặc biệt thì sao?

Chính sách: Nếu bác sĩ nói bạn cần thêm thức ăn, hãy nhận! Và nhận bất cứ thứ gì bạn có thể nhận được từ phe V mà không phải trả giá.

Bao gồm thư từ, tất, quần áo, chăn cho người bệnh, v.v.

Câu hỏi: Còn những người bị lừa gửi tiền và giờ từ chối nhận thêm thì sao?

Chính sách: Nhận những món quà và giấu chúng ở nơi những người khác có thể lấy cho người bệnh, người bị thương và người đang chết đói. Chia sẻ chúng.

Tôi đã trả lời câu hỏi này trước đây, nhưng cần một tuyên bố chính thức.

Chúng tôi đã có các chính sách khác được

lưu hành thông qua hệ thống truyền thông hiện đang rất tuyệt vời của mình. Chúng tôi đã thông qua một khẩu hiệu của tổ chức và chuyển cho Spiker và Coniff để phổ biến; khẩu hiệu đó là “Về nhà trong danh dự”. Spiker quay lại và đề nghị chúng tôi thêm vào, “hoặc không thêm gì cả”. Tôi nói, “Chắc chắn là không, có thể ai đó sẽ bị giết khi cố gắng thực hiện điều đó. Đó không phải là điều chúng ta muốn.” Sau đó, tôi được biết Spiker đã thêm vào khẩu hiệu của mình bất chấp chỉ dẫn của tôi. Đó là lần thứ hai anh ta làm tôi thất vọng. Tôi đã nghe từ một số nguồn đáng tin cậy rằng năm trước, Spiker đã gửi một tin nhắn cá nhân cho một người đàn ông vừa trở về sau một đợt tra tấn dữ dội. Tin nhắn đó là, “Tiêu chuẩn phản kháng của anh làm tôi ghê tởm.” Tôi không thể tưởng tượng ra một lời nhận xét nào tàn nhẫn hơn đối với một người đàn ông bị tra tấn đang cố gắng lấy lại bình tĩnh.

Chúng tôi có rất nhiều điều để tự hào về hệ thống liên lạc của mình, bởi vì nó là một vũ khí cho phép chúng tôi nắm bắt được những gì bọn da đen muốn ở chúng tôi. Bằng cách cập nhật đầy đủ thông tin về các chương trình của chúng, chúng tôi có thể chủ động tấn công chúng bằng cách chuẩn bị sẵn sàng một kế hoạch hành động.

Một trong những người chủ chốt trong hệ thống liên lạc của chúng tôi tại Nhà Cống là Trung úy J. J. Connell. Ngay sau khi đến Hà Nội, J. J. đã bị tra tấn dã man bằng dây thừng nhưng vẫn cố gắng cầm cự được một thời gian dài. J. J. mất khả năng điều khiển cánh tay và các ngón tay. Khi bọn da đen rút lui, J. J. quyết định không biểu lộ bất kỳ sự cải thiện nào về sức khỏe, mà thay vào đó tiếp tục trò bịp bợm, giả vờ mất cảm giác và nói rằng không mạch lạc. Giả vờ bị thương, anh ta liên tục giữ liên lạc, thông báo cho chúng tôi về tình hình giao thông tại cống, dòng tù nhân đến và đi từ các buổi thẩm vấn, và rất nhiều thông tin khác. Anh ta đã làm rất tốt đến nỗi phía Việt Nam thậm chí còn đưa anh ta đến bệnh viện trung tâm thành phố cùng với Corley để điều trị bằng sốc điện. Anh ta đã làm việc rất xuất sắc cho đến tháng 6 năm 1969. Tôi gọi anh ta là “đầu mối toàn cầu” của mình.

Cuối cùng, tôi bắt đầu lo sợ V sẽ phát hiện ra những khuyết tật của mình chỉ là diễn kịch. Tôi nhắn tin cho J. J. nói rằng tôi lo lắng và đề nghị anh ấy nên bắt đầu “cải thiện” sau những buổi sốc điện. Tin nhắn trả lời của anh ấy là: “Đừng lo cho tôi; tôi biết mình đang làm gì.”

Thỉnh thoảng chúng tôi lại nhấc khung cửa lên để có thể nhìn xa hơn về phía bên trái của khoảng sân trước tòa nhà Chuồng Lợn. Có lần chúng tôi nghe thấy tiếng xích sắt lạch cạch, chạy đến chỗ xích sắt và thấy bọn da đen đang dùng xích sắt và đòn roi đánh đập Jack Van Loan. Việc này kéo dài vài tuần. Chúng tôi cũng thấy một số người ra ngoài tập thể dục một chút. Tôi thấy hai người đàn ông lạ mặt, rất gầy và gọi Ron lại xem anh ấy có nhận ra họ không. “Trời đất ơi, anh chàng cao lớn kia là Pop Keirn!” Tôi nhìn lại, và kể từ lần cuối tôi gặp anh ta vào năm 1965, Pop đã sụt ít nhất 45kg! Người kia bị thương nặng ở cánh tay. Đó là John Pitchford. Tôi chỉ nhìn thoáng qua anh ấy một lần vào tháng 12 năm 65, và lúc đó anh ấy được băng bó rất kỹ và có khá nhiều găng nặng đè lên vai anh ấy.

Một buổi chiều tháng Chín nọ, chúng tôi nghe thấy tiếng xe tải ầm ầm trên con đường vành đai. Chẳng mấy chốc, chúng tôi bị bật mắt, và một số đông, có lẽ là cả trại, được đưa lên xe. Tim chúng tôi đập thình thịch... chúng tôi đang đi đâu, có lẽ là về nhà? Không! Chúng tôi luôn nghĩ mình sẽ về nhà, ngay cả khi đang trên đường đến nơi tra tấn. Những suy nghĩ viễn vông không bao giờ dừng lại.

Nửa tiếng sau, chúng tôi được thả xuống,

và rèm cửa được tháo ra. Chúng tôi đang ở đâu đó ngoài rìa Hà Nội, tại một bảo tàng chiến tranh khác. Chúng tôi nhìn thấy tù binh chiến tranh khắp nơi, nhưng xung quanh có quá nhiều lính canh, sĩ quan và người hỏi đáp, thật khó để nói gì hơn ngoài câu “Xin chào”. Người dân thị trấn chen chúc bên hàng rào chắn gió cao, vẫy tay và mỉm cười với chúng tôi, không hề thiếu thân thiện, và chúng tôi cũng vẫy tay chào lại.

Điểm thu hút chính là một đồng máy bay Mỹ khổng lồ đủ loại. Trực thăng, A-4, F-105... ít nhất một chiếc trong số tất cả những loại máy bay đã bay qua miền Bắc.

Cá ở đó, anh ta tiến lại và tóm lấy tôi như một người bạn cũ. “À, Ga-reeno, anh khỏe không? Tôi nghe nói anh bị bắt quả tang đang chỉ huy một mạng lưới liên lạc.”

Tôi nhanh chóng trả lời, “Ồ không, họ chỉ nói vậy để trừng phạt tôi thôi, nhưng tôi vô tội.”

Chúng tôi được dẫn vào một tòa nhà lớn như nhà hát với nhiều phòng nhỏ. Bình luận viên của chúng tôi là Dum Dum. Các bức tường được phủ kín bằng ảnh chụp thời kỳ chiếm đóng của Pháp. Một bức là ảnh chụp một nhóm lính Pháp đứng xung quanh trong bộ quần áo dài, súng trường trên tay, tất

cả đều đang vui vẻ cười đùa và trò chuyện với một nhóm các cô gái trẻ Đông Dương dễ thương. Một bức ảnh lớn khác cho thấy một số lính vũ trang trong một sân trường Phật. Một người đàn ông Đông Dương, mặc trang phục bộ lạc đầu thế kỷ, được chụp đang cười toe toét khi dựa vào một thanh đao phủ khổng lồ, lưỡi rộng. Một bên, một vài xác chết được xếp chồng lên nhau, và dưới chân tên đao phủ, nằm thẳng trên cát, nhìn thẳng vào máy quay, là ba hoặc bốn cái đầu bị chặt đứt. Đum Đum nói: “Thấy chưa, bọn đế quốc Pháp bắt dân ta chôn bạn bè xuống cát.” Ông ta không hề biết rằng đầu của họ đã bị chặt đứt! Chẳng trách người ta gọi ông ta là Đum Đum!

Trong một căn phòng khác là những bộ xiềng chân và một chiếc giường tầng với những chiếc gông nặng nề giống hệt như trong phim New Guy và Heartbreak. “Thấy chưa,” Dum Dum nói, “người Pháp tàn ác và vô nhân đạo đến mức nào khi sử dụng những dụng cụ này?”

“Ý anh là gì?” Tôi hỏi. “Các anh vẫn dùng thứ đó với chúng tôi!”

“Im đi!” anh ta hét lên.

Sau đó, chúng tôi được đưa đi xem những chiếc trống đồng nổi tiếng. Trong một cuộc không kích đầu chiến tranh, bom Mỹ đã tạo

ra những hố khá lớn. V đã kiểm tra các lỗ hổng và tìm thấy hai chiếc trống đồng khổng lồ, còn nguyên vẹn, được cho là đã hai nghìn năm tuổi. Họ chỉ ra rằng sự thất bại của các vị vua và hoàng tử là bởi vì, trong cuộc vui chơi của họ, họ chỉ quan tâm đến “thứ nhỏ nhất đó”, tức là những thứ xa xỉ đi kèm với quyền lực. Họ nói rằng hoàng gia được giải trí bằng một dàn nhạc ngồi trên lưng một con rùa khổng lồ, bơi quanh một hồ nước ở trung tâm Hà Nội. Thỉnh thoảng, con rùa lại lặn mất tăm. Họ pha trộn giữa thực tế và hư cấu như thế tất cả đều là sự thật. Rất khó để chúng tôi có thể phân biệt được đâu là chuyện nhằm nhí thực sự và đâu là chuyện nhằm nhí tưởng tượng.

Sau đó chúng tôi được đưa vào nhà hát chính. Đó là một mô hình chính xác, theo đúng tỷ lệ của Điện Biên Phủ. Nó mô tả rõ ràng chiều cao của những ngọn đồi xung quanh sân bay và tất cả các vị trí phòng thủ của Pháp trong thung lũng. Nó cho thấy Quân đội Việt Minh đang vất vả đưa những khẩu pháo hạng nặng lên sườn đồi để bắn xuống quân Pháp. Vị trí của cả hai bên đều được thể hiện bằng cờ chiến đấu được kéo lên, quân Pháp với cờ tam tài và Việt Minh với ngôi sao đỏ duy nhất trên nền trắng.

(Ở đâu đó dọc theo chiến tuyến, họ đã đổi nền trắng thành vàng.) Một băng nhạc quân nhạc sôi động, với âm thanh của súng và đại bác, được phát ở nền. Sau đó, khi mỗi vị trí của quân Pháp bị chiếm, cờ tam tài sẽ rơi xuống, ngay lập tức được thay thế bằng ngôi sao đỏ, giữa tiếng kèn vang rền, cho đến khi kết thúc, toàn bộ bức tranh toàn cảnh được bao phủ bởi những lá cờ có sao đỏ. Đó là một chương trình ấn tượng.

Những nỗ lực tuyên truyền của họ không bao giờ ngừng nghỉ. Vài ngày sau, tại Sở thú, họ dựng khán phòng để chiếu phim cho chúng tôi. Dùng dây thừng và chằng, họ đã tạo ra nhiều hốc nhỏ trên sàn rạp nghiêng để chúng tôi có thể ngồi cách xa nhau, nhờ đó giảm thiểu giao tiếp.

Tôi thấy bộ phim này khá thú vị. Đó là một bộ phim thực sự đưa tin về cuộc di tản của quân Pháp khỏi Hà Nội ngay sau trận Điện Biên Phủ. Một cảnh quay cho thấy bên trong một ngôi nhà, nơi một số phụ nữ Việt Nam đang bám chặt lấy những người lính Pháp sắp rời bỏ họ. Trẻ nhỏ bám vào chân những người lính và phải được kéo ra. Mọi người đều khóc, điều này cho thấy mối quan hệ sâu sắc và tình yêu thương tồn tại giữa người Pháp và người Việt Nam, và sự chia ly đã gây

ra đau khổ. Thỏ là người dẫn chuyện trong bộ phim câm. Phiên bản của hắn là, “Xem những người phụ nữ khóc kìa? Họ rất vui mừng khi người Pháp cuối cùng cũng bị đuổi ra!” Càng chứng kiến nhiều chuyện nhảm nhí như vậy, chúng tôi càng thấy khó tin rằng bất kỳ người Mỹ nào có thể thực sự ấn tượng với bất cứ điều gì mà những người cộng sản nói.

Bud Day kể với chúng tôi (dĩ nhiên là qua tường) rằng anh ấy đang ở trong một phòng giam tại Plantation với Norris Overly khi họ đưa Trung tá John S. McCain vào. John đã nhảy dù từ một chiếc A-4 Skyhawk ngay trên bầu trời Hà Nội và đã hạ cánh xuống giữa Hồ Tây. Anh ấy bị gãy chân và cả hai tay khi nhảy dù. Không thể bật bình khí của áo phao cứu sinh, anh ấy đã lặn xuống đáy, sau đó lại đập nước để ngoi lên mặt nước thở, hết lần này đến lần khác. May mắn thay, nước chỉ sâu khoảng năm hoặc sáu feet. Anh ấy sắp hết hơi khi cuối cùng được một vài thanh niên bơi ra cứu. Khi họ đưa anh ấy vào một phòng giam, mặc dù anh ấy bị thương nặng, Sâu Bọ (Bug) đã tra tấn anh ấy để lấy thông tin.

Sau đó, một vị chức sắc nước ngoài gọi điện đến Hà Nội để hỏi thăm tình hình của “con trai đô đốc”. Bọn da đen vô cùng phấn khích khi biết mình đã bắt được không ai

khác chính là con trai của Đô đốc John McCain II, người sẽ sớm tiếp quản chức vụ Tổng Tư lệnh Thái Bình Dương (CINCPAC) của Hoa Kỳ. Tình trạng sức khỏe của McCain lúc trẻ rất tệ, nên họ chuyển anh ta đến ở cùng Bud và Norris. Vì Bud cũng bị tàn tật, Overly phải gánh vác một khối lượng công việc chăm sóc nặng nề. McCain đã tiếp đủ loại khách đến thăm phòng giam, và sau đó là tại bệnh viện trong thời gian ngắn ngủi ở đó. Khách của ông bao gồm Bộ trưởng Quốc phòng, Đại tướng Võ Nguyên Giáp, và nhiều quan chức cấp cao nhất của đảng. Phe V mừng rỡ ở mọi cấp độ, nhưng McCain không chịu tham gia bất kỳ hoạt động tuyên truyền nào mà phe V đang khao khát. Họ hân hoan nói với Bud Day, “Anh chẳng là gì cả! Chúng tôi đã bắt được hoàng tử!” Bud kể với chúng tôi rằng bọn da đen nhận xét Overly có “thái độ tốt”, và rồi một ngày nọ, sau một cuộc kiểm tra, Overly tuyên bố rằng anh ta đã được chọn để trả tự do. Ngay sau đó, anh ta được chuyển đi và rời khỏi Bắc Việt Nam, trở thành một trong ba người đầu tiên được trả tự do sớm vào tháng 2 năm 1968.

McCain đã được đề nghị trả tự do sớm nhiều lần, nhưng anh ta đã không nhận bất kỳ đặc ân nào. Mặc dù sức khỏe không tốt, anh

ta tin rằng việc ra đi dễ dàng là sai trái. Vị trí của cha anh ta chắc hẳn đã ảnh hưởng phần nào đến suy nghĩ của anh ta. Anh ta khẳng định đòi được đối xử giống như những tù nhân khác. Vì vậy, họ đã chiều theo ý anh ta. Họ thường đánh đập anh ta một cách tàn nhẫn, giống như họ đã làm với những người còn lại trong chúng tôi, chẳng vì lý do gì cả, hoặc vì những lý do bịa đặt.

Vào mùa thu năm 1968, một bộ phim khác được chiếu cho chúng tôi xem khiến rất nhiều người trong số chúng tôi thực sự khó chịu. Đó là một cuộc phỏng vấn khác của Wilfred Burchett với một phi công F-105, Thiếu tá Clay Kirsten. Kirsten ngồi thẳng lưng trên ghế, gần giống như một học viên hàng không trước mặt một sĩ quan cấp cao. Với mỗi câu hỏi mà Burchett đặt ra, Kirsten đều trả lời nhanh gọn, bắt đầu bằng một từ dứt khoát “Thưa Ngài!”. Kirsten mô tả các vụ trúng tên lửa đồng thời của máy bay của mình và của phi công phụ. “Cả hai máy bay của chúng tôi đều bị loại bỏ.” Có lúc Kirsten nắm chặt tay, và, trước sự kinh ngạc của chúng tôi, anh ấy vẫn còn đeo nhẫn cưới! Thiếu tá Kirsten trông có vẻ khỏe mạnh, nói năng rất trôi chảy, nhưng ngoại hình không nói lên điều gì, chúng tôi biết điều đó.

Ngay sau khi chúng tôi được đưa về phòng giam, Spiker hỏi chúng tôi có để ý thấy chiếc nhẫn không, và tự hỏi tại sao Kirsten vẫn còn giữ nó. Chúng tôi không có câu trả lời, bởi vì chúng tôi biết rằng điều đầu tiên mà V làm là tước đoạt tất cả tài sản cá nhân và đồ vật có giá trị của bạn.

Vài giờ sau, Spiker nhắn tin rằng anh ta đã tiến hành một cuộc thăm dò ý kiến trong tòa nhà. Câu hỏi là: “Anh có nghĩ Kirsten đã bị tra tấn trước cuộc phỏng vấn Burchett không?” Spiker nói rằng không một ai trong tòa nhà nghĩ rằng Kirsten đã chịu bất kỳ hình phạt nào. Ý tưởng về việc Spiker khởi xướng một cuộc thăm dò như vậy khiến tôi vô cùng tức giận. Nếu anh ta nói với tôi rằng anh ta đang nghĩ đến việc làm như vậy, tôi sẽ không cho phép. Theo tôi, không có chỗ cho các cuộc thăm dò ý kiến trong một tổ chức quân sự. Các cuộc thăm dò ý kiến là để lấy ý kiến của quần chúng. “Quần chúng” là lý do cuối cùng mà bất kỳ vị chỉ huy nào nên sử dụng làm cơ sở cho việc ra quyết định. Việc nhìn thấy chiếc nhẫn cưới trên người Kirsten chắc chắn đã ảnh hưởng đến tinh thần của những người tham gia cuộc thăm dò. Hầu hết họ đều phẫn nộ vì nhẫn cưới của chính mình đã bị tước mất. Một điểm mấu chốt là ngay từ

đầu, nhẫn cưới, hoặc bất kỳ món đồ trang sức nào mang tính chất tình cảm cao, không nên được đeo trong nhiệm vụ chiến đấu. Nó chỉ tạo thêm đòn bẩy cho kẻ thù trước tù binh, và chúng đã chịu đựng đủ rồi mà không cần phải giúp chúng làm thêm nữa. Tôi đã nói với Spiker rằng anh ta không nên tham gia cuộc thăm dò chết tiệt này, nhưng mặc dù anh ta đã tham gia, Ron và tôi vẫn hoàn toàn không đồng tình với sự đồng thuận về Kirsten. Chúng tôi nói rằng chúng tôi tin rằng Kirsten đã bị tra tấn trước buổi phỏng vấn. Chúng tôi không hề nhắc đến chiếc nhẫn.

Qua nhiều năm, sự buồn chán và thất vọng đã phải trả giá. Ron và tôi trở nên hay cãi vã và cạnh tranh một cách lố bịch. Gần đây, mấy gã da đen đã tặng chúng tôi một bộ cờ vua giấy, điều đó làm tôi rất vui, vì tôi thích chơi cờ vua, mặc dù tôi không tự nhận mình là một cao thủ. Ron biết rất ít về trò chơi này, vì vậy tôi dạy anh ấy bất cứ điều gì tôi biết - những nước đi khai cuộc cơ bản và cách đưa đối thủ vào thế chiếu hết. Anh ấy học rất nhanh, nhanh đến nỗi tôi hiếm khi có thể thắng anh ấy. Những lần tôi cố gắng giành chiến thắng, anh ấy sẽ từ chối chơi cả tuần, chỉ để trừng phạt tôi. Anh ấy ghét thua!

Bị nhồi nhét trong căn phòng nhỏ bé hàng

giờ, hàng ngày, hàng tuần liền, chúng tôi trở nên khắt khe với mọi việc người kia làm: cách anh ấy ăn, cách anh ấy ngồi, cách anh ấy gấp chăn, hay cách anh ấy gõ vào tường. Chúng tôi làm nhau phát ngán. Trong số ít đồ đạc của chúng tôi, Ron vẫn còn giữ chuỗi hạt mà cha xứ đã cho anh ấy, còn tôi thì đeo chiếc mẽ đay vàng nhỏ xíu trên một sợi dây quanh cổ. Một hôm Ron đang cầu nguyện, tôi hỏi: “Anh đang làm gì vậy?”

Anh ấy nói: “Tôi đang cầu nguyện hàng ngày.”

“Có cần thiết phải cầu nguyện hàng ngày không?”

“Tôi không thể dừng lại được, tôi cảm thấy tội lỗi.”

“Mày cứ làm vỡ mấy hạt cườm đó từ Giáng sinh năm 1965, và giờ chúng ta được cái quái gì chứ?”

“Mày mong đợi gì, một phép màu à?”

“Mày dám cá là tao mong đợi một phép màu, đó là việc của Ngài, phải không? Giờ thì mày xong với mấy hạt cườm rồi à?”

“Ừ.”

“Đưa đây tao cho mày xem cái này. Giờ thì, mấy giờ mày muốn rời khỏi đây?”

Nếu ánh mắt có thể giết người, thì tao đã nằm sấp rồi!

Quỳ xuống sàn, tôi bắt đầu một loạt động tác chống đẩy. Khi hạ xuống, huy chương của tôi chạm sàn, tạo ra một tiếng tách nhỏ.

“Mày làm hỏng huy chương rồi à?”

“Có thể, và nếu làm hỏng thì tao sẽ mang nó đến xưởng sửa chữa cho thẳng ra, đồ khốn nạn.”

“Larry, mày có thấy khá hơn nếu đâm tao vài phát không?”

Chúng tôi lao vào nhau trong cơn thịnh nộ và thất vọng. Chúng tôi ôm chặt lấy nhau và vật lộn như thể muốn giết nhau, nhưng không hề tung ra một cú đâm nào. Chúng tôi không thực sự muốn đánh nhau hay làm tổn thương nhau, chỉ muốn xả giận. Rồi chúng tôi ngồi xuống giường, sôi sục. Tôi nhận ra rằng không ai trên đời này mà tôi coi là bạn thân hơn Ron Byrne. Chỉ trong vòng vài giờ, chúng tôi quên hết mọi chuyện và lại làm bạn với nhau.

Chúng tôi tiếp tục tổ chức. Ken Spiker xin làm sĩ quan thể thao của trại, vì anh ấy rất thích tập thể dục, và anh ấy cảm thấy mình có thể giúp mọi người tham gia một chương trình tập luyện nâng cao tinh thần. Anh ấy đã nghĩ ra một chương trình hay, và tất cả những ai có thể tham gia đều làm như vậy.

Tôi đã bổ nhiệm sĩ quan cấp cao của mỗi

tòa nhà làm sĩ quan lịch sử và mong anh ấy ghi nhớ tất cả các sự kiện đáng chú ý. Tất cả các chương trình này đều nhằm mục đích xây dựng tinh thần - một điều gì đó thú vị để chúng tôi tập trung tâm trí. Tôi hứa với những người lính nhập ngũ ít nhất một lần thăng chức cho mỗi hai năm làm tù binh chiến tranh. (Họ đã làm tốt hơn thế.) Chúng tôi nghĩ rằng chúng tôi có thể giúp các sĩ quan dự bị có được một nhiệm vụ chính thức nếu họ muốn. (Chuyện đó đã xong.) Tôi biết Evelyn đã chuyển đến Cocoa Beach, ngay cạnh Căn cứ Không quân Patrick, Florida, nên tôi đã nói với mọi người rằng tôi sẽ đảm bảo mọi người đều nhận được giải thưởng và huân chương xứng đáng sau khi chúng tôi về nhà, và chúng tôi sẽ làm điều đó tại Căn cứ Không quân Patrick. (Và đó thực sự là những gì đã xảy ra.) Những “chương trình” này đã gây ra khá nhiều sự phấn khích.

Các chàng trai bắt đầu tính toán trong đầu, cố gắng đoán xem mình sẽ được gì, hay vợ họ đã dành dụm được bao nhiêu.

Một câu hỏi vang lên: “Anh nghĩ chúng ta sẽ được thưởng thêm gì khi ở đây không?” Tôi nhớ mình đã hỏi Ron ở túp lều năm trước rằng anh ấy muốn bao nhiêu để chịu đựng màn tra tấn đó. Ron nói, “Tôi cũng không làm

vậy dù có một nghìn đô la một ngày.” Tôi đồng ý rằng một nghìn đô la một ngày là quá rẻ!

Sau khi tính toán một vài con số, tôi cố gắng tính toán tiền nghỉ phép, tiền sinh hoạt hàng ngày và tiền bồi thường thương tích, và kết quả là “hai mươi đô la một ngày cộng với tiền ốm đau và tiền tra tấn.” Thực ra đó chỉ là một việc chúng tôi làm để duy trì trí tưởng tượng theo hướng tích cực - chúng tôi sẽ có tương lai, chúng tôi sẽ về nhà và nhận lại số tiền lương còn thiếu.

Nói chuyện qua bức tường phía sau với Gary Anderson và Joe Milligan là một trải nghiệm thú vị. Cả hai đều là phi công F-4 “hậu trường”; Joe thuộc không quân, và Gary thuộc hải quân.

Milligan đã đáp xuống gần mục tiêu mà phi đội của anh ta đang bị tấn công. Bị thương, anh được khiêng đến bóng cây, nơi anh tiếp tục theo dõi vụ đánh bom. Một cô gái trẻ mang đến cho anh hai chai bia. Khi anh bị đưa lên một chiếc xe nhỏ, anh bị một người lính tấn công, nhưng người bắt giữ Joe đã rất bảo vệ anh.

Gary đã bị tra tấn dã man khi mới bị bắt, và anh ấy có vài vết sẹo sâu ở mắt cá chân. Anh ấy rất thích thuyền, và tôi cũng vậy. Anh ấy đã cho tôi những lời khuyên về việc mua

thuyền và kể cho tôi nghe về một số cuộc phiêu lưu của anh ấy khi anh ấy được thuê làm bạn đồng hành trên những du thuyền sang trọng đi theo đường thủy nội địa về phía nam đến Miami.

Chúng tôi nhận được báo cáo hàng ngày từ Chuồng Ba về tiến triển của Corley. Tình hình không khả quan. Anh ấy ăn không nhiều, nhưng Jack Bomar vẫn cố gắng kiếm chế không ép anh ấy ăn thêm nữa.

Trở lại Hoa Kỳ, thời gian bầu cử đang đến gần. Chúng tôi biết rằng Richard Nixon là ứng cử viên của Đảng Cộng hòa và Hubert Humphrey hy vọng sẽ kế nhiệm Johnson. Một trong những người đàn ông nhìn thấy Lump trong một cuộc thi đồ vui, và Lump đã đưa ra một dự đoán. “Một điều gì đó rất lớn sẽ sớm xảy ra. Gion-Son sẽ làm một màn trình diễn bầu cử hoành tráng!” Chúng tôi đã quay cảnh đó quanh trại một cách vội vã!

Tôi đoán là Bắc Việt Nam hiểu Tổng thống Johnson hơn chúng tôi, bởi vì quả thực, vài ngày trước cuộc bầu cử tổng thống, Johnson đã tuyên bố ngừng ném bom Bắc Việt Nam vô điều kiện. Alvarez gửi tin nhắn rằng anh ấy rất vui khi nghe tin, đến nỗi anh ấy đã khóc lần đầu tiên kể từ năm 1964, và anh ấy đã hôn bạn tù của mình. Anh ấy chắc chắn

rằng chiến tranh đã kết thúc. Anh chàng tội nghiệp đã ở đó bốn năm rưỡi rồi.

Hầu hết chúng tôi đều hân hoan ở một mức độ nào đó. Khi được hỏi ý kiến, tôi nói, “Chà, nếu ông ta thực sự đã ngừng ném bom, thì ông ta không thể tự mình làm được. Ông ta hẳn phải có một thỏa thuận với những người này. Tôi nghĩ trong vòng một tháng nữa, những người bị thương sẽ phải rời khỏi đây, bởi vì Johnson sẽ không ngừng ném bom nếu không có thỏa thuận trao đổi tù binh bị thương, ít nhất là vậy.”

Ở Barn, Bud Day quả quyết rằng phe V đã sai khi cho rằng việc ngừng ném bom hoàn toàn mang tính chính trị, đơn phương của Mỹ. Bud nghĩ rằng không một tổng thống Mỹ nào lại chơi trò chính trị với chiến tranh vào thời điểm đó. Khi thông báo được đưa ra, Bud đã vô cùng sửng sốt. Phải có những điều kiện tiên quyết được cả hai bên đồng ý, và ông ta cay đắng phẫn nộ với bất kỳ ai ở Barn dù chỉ là bóng gió. Giống như tôi, ông ta tin rằng những người bệnh và bị thương sẽ sớm được về nhà. Không ai muốn nghĩ rằng điều đó có thể khác đi.

Chúng tôi chờ đợi... và chúng tôi chờ đợi, tin tốt. Chúng tôi không muốn tin rằng Johnson sẽ làm một trò hề bần thủ như vậy,

chỉ để đưa người của mình lên nắm quyền. Phải đến cuối năm 1970, khi tôi tình cờ nói chuyện với Red Bedinger (người được đưa từ Lào về Hà Nội sau khi bị bắn rơi vào cuối năm 1969), tôi mới hiểu ra sự thật. Bedinger nói rằng việc ngừng ném bom là ý tưởng của riêng Johnson, và người Việt Nam hoàn toàn không liên quan! Vậy là cuối cùng, việc ngừng ném bom chỉ là một chiêu trò lấy phiếu bầu vô bổ đã được xác nhận, và nó thật sự rất đau đớn. Đó là nhát dao thứ hai của Johnson vào lòng chúng tôi. (Lần thứ hai là bài diễn văn “súng và bọ”).

Ngay cả trong lúc chờ đợi, tinh thần của chúng tôi vẫn tốt, và hầu hết chúng tôi đều lạc quan vì phía V tương đối tử tế với chúng tôi. Bác sĩ quân y đến gần như hàng ngày, và những lính gác thường trực vô dụng đã được thay thế bằng một số lính thực thụ. Đương nhiên, chúng tôi nghĩ rằng tất cả đều liên quan đến một thỏa thuận trao đổi tù binh.

Ngay sau khi Richard Nixon đắc cử tổng thống, Averell Harriman đã được Henry Cabot Lodge thay thế tại các cuộc đàm phán hòa bình ở Paris. Cả hai bên vẫn tranh cãi về hình dạng của bàn hội nghị và ai sẽ ngồi ở đâu. Cuối cùng họ quyết định rằng, ngoài Hoa Kỳ và Bắc Việt Nam, cả Việt Cộng và chính

quyền miền Nam cũng sẽ được đại diện. Nhà đàm phán chính của Bắc Việt Nam là một người mà tôi không thể đánh vần tên, nhưng phát âm là Swan Tree (Xuân Thủy). Trước đó, một trong những điều kiện đầu tiên mà Swan Tree đưa ra là mọi cuộc ném bom miền Bắc phải được chấm dứt.

Nhưng ngay cả sau khi John Son đã đưa ra một phần lớn điều khoản đó, dường như người Việt Nam vẫn không hề bỏ cuộc.

Các nhân viên trại Việt Nam dường như cũng rất phấn khởi. Họ có lý do chính đáng để mong chiến tranh kết thúc, có lẽ còn hơn cả chúng tôi. Họ quyết định tổ chức một buổi biểu diễn để giải trí.

Tiếng hát vang lên khắp nơi bởi cả nhân viên nam và nữ. Họ luyện tập không ngừng nghỉ để tạo nên một tiết mục nghiệp dư theo phiên bản của riêng họ. Đó là một trong những chương trình khích lệ tinh thần cho đoàn quân trong dịp Tết Nguyên đán năm 1969 sắp tới. Một số cô gái có giọng nữ cao hay, và nhiều người đàn ông có giọng nói giống hệt họ.

Người Việt Nam nuôi một số chú chó chow nhỏ rất dễ thương quanh trại. Tôi biết họ ăn thịt chó, vì tôi đã từng thấy đầu lâu trong súp, và Kasler cũng vậy. Một trong những người

của chúng tôi kể lại rằng người Việt Nam chơi đùa và nghịch ngợm với những chú chó nhỏ, mà chúng tôi nghĩ là thú cưng. Anh ta kinh hãi khi thấy bọn da đen bẻ gãy chân những con chó nhỏ, rồi nhìn chúng lăn lộn trên mặt đất rên rỉ. Chúng tin rằng sự đau đớn của lũ chó làm cho thịt ngon hơn! Chúng tôi đang ở trong tay những kẻ bạo dân thực sự!

Vài đêm trước Giáng sinh, họ phát một đoạn băng ghi âm lời nhắn của một phi công Mỹ bị bắt gửi về gia đình ở quê nhà. Đoạn băng có chất giọng văn hay như thường lệ, nhưng điểm chính là lời bày tỏ sự quan tâm sâu sắc của phi công đối với hạnh phúc của các con, và đặc biệt là người vợ phải ngồi xe lăn. Nghe đoạn băng đó là một cú sốc lớn đối với cá nhân tôi, bởi vì phi công đó là một trong những người của tôi thuộc Phi đội 44 tại Okinawa. Anh ấy đã kể với tôi rằng anh ấy có hai đứa con và một người vợ bị tàn tật hoàn toàn. Cô ấy sẽ cần sự hỗ trợ liên tục trong một khoảng thời gian không xác định. Anh ấy bày tỏ mong muốn cấp thiết được tham gia chiến đấu càng nhiều càng tốt, bởi vì chúng tôi đang trong thời chiến, và đó là điều anh ấy được huấn luyện. Anh ấy nói thêm rằng anh ấy đã nhận lương đều đặn với tư cách là một phi công sẵn sàng chiến

đấu, và anh ấy cảm thấy có nghĩa vụ mạnh mẽ phải phục vụ trong tư cách đó. Anh ấy gây ấn tượng với tôi như một phi công chiến đấu điển hình, luôn khao khát chiến đấu. Tôi nói với anh ấy rằng tôi sẽ suy nghĩ lại và cố gắng giao cho anh ấy một công việc phù hợp theo nhiệm vụ. Trong vài tuần tiếp theo, anh ấy đã thực hiện năm phi vụ chiến đấu và hoàn thành tốt. Trong khi đó, tôi đã gọi điện vài lần và liên lạc với Đại tá Grant Smith, giám đốc tác chiến phi đội.

Tôi lại nói với viên phi công. “Nghe này anh bạn già, tôi đã nói chuyện với Đại tá Smith và chúng tôi có một công việc tuyệt vời dành cho anh. Với kinh nghiệm của anh ở phi đội 105, anh sẽ là một trợ thủ đắc lực cho mọi phi công trong phi đội. Tôi coi công việc này là một công việc rất danh giá. Chức danh của công việc là sĩ quan vũ khí phi đội tiêm kích.” Anh ấy có vẻ rất vui khi nghe điều đó, bởi vì đó là một nhiệm vụ tốt. “Chỉ còn một điều nữa là, gia đình anh cần anh ở gần nhà hơn là không quân cần anh ở đây. Tôi không muốn nghĩ đến chuyện gì sẽ xảy ra với họ nếu anh hy sinh trong chiến đấu... Thế nào?”

Ba năm đã trôi qua, và điều tiếp theo tôi biết là anh ấy đang ghi âm từ Hà Nội! Tôi rất buồn khi anh ấy quay lại chiến đấu, và bất kỳ

ai ở Kadena cũng sẽ để điều đó xảy ra. Giờ đây, anh ấy hoàn toàn phụ thuộc vào “lòng tốt” của bọn da đen để có được tin tức về gia đình, và đó không phải là một vị trí tốt. Vợ anh ấy mất khi anh ấy vẫn còn là tù binh chiến tranh ở Hà Nội, và tất cả chúng tôi đều cảm thấy rất tệ về điều đó.

Thật không tốt khi thấy lính canh đối xử tốt với “Mỹ”. Từ đó được viết bằng dấu gạch ngang trên chữ y, khiến từ này được phát âm là meee. Nó có nghĩa là “American” hoặc “Yankee”. Mặc dù vậy, chúng tôi vẫn có hai lính canh nói chuyện với chúng tôi vào buổi tối.

Ron và tôi thường đứng trước cửa sổ mở như thể đang xem TV. Chúng tôi kéo quần áo ngủ xuống che kín ngón chân (bọn muỗi đốt rất hung dữ), và chúng tôi lắng nghe. Anh chàng đầu tiên có khuôn mặt rộng và dẹt, vì vậy chúng tôi đặt tên anh ta là Buddha. Anh ta luôn nở nụ cười và không bao giờ mách lẻo với chúng tôi. Buddha ở đó chỉ để cho vui. Điều đầu tiên anh ta hỏi là về gia đình chúng tôi.

“Vợ à?” Cả hai chúng tôi đều gật đầu “ừ.”

“Con à? Con trai à?” Khi ông ấy nói “con trai”, ông ấy cong ngón trở lại và đặt gần khóa quần. Ron trả lời “Bon boy”, nghĩa là bốn đứa con trai, và tôi lặp lại điều tương tự. Sau đó,

Đức Phật hỏi chúng tôi có con gái không bằng cách đặt tay lên ngực, sau đó chụm các ngón tay của một bàn tay lại, nắm lấy tóc sau gáy và kéo xuống như thể đang vuốt ve một bím tóc. “Không có con gái”, chúng tôi trả lời. Sau đó, chúng tôi kể về tuổi của từng gia đình, và ông ấy rất thích thú.

Chúng tôi chỉ vào những ngôi sao trên cổ áo của ông ấy, và điều đó bắt đầu cho ông ấy một cuộc thảo luận dài. Ông ấy bắt đầu với một ngôi sao đơn giản và đi lên tất cả các cấp bậc trong quân ngũ và thang lương. Ông ấy đặt tên cho các cấp bậc bằng ngôn ngữ của mình. Tùy theo cấp bậc, binh nhì được hưởng từ hai đến sáu đô la một tháng, bằng với một nông dân lao động. Mỗi người lính phải đóng góp một ít để trang trải sinh hoạt. Những trung sĩ cao cấp hơn được hưởng mười lăm đô la mỗi tháng.

Anh ta rút ví ra và cho chúng tôi xem “đồng” của mình. Đó là những tờ tiền giấy màu hồng mới in, in hình Bác Hồ trên mặt trước. Một đồng lúc đó có giá trị khoảng ba mươi xu Mỹ.

Anh ta tiến lên với cấp bậc sĩ quan, bắt đầu từ thanh ngang trơn, trông giống như một sĩ quan chuẩn úy. Spot, Rat, Zoorat và những người lính trẻ khác đeo thanh ngang.

Tiếp theo là một ngôi sao trên thanh ngang. Đó là tất cả cấp bậc mà Rabbit có, có lẽ đó là lý do tại sao anh ta luôn rất keo kiệt. Các chỉ huy trại, với ba ngôi sao trên thanh ngang, kiếm được năm mươi đô la một tháng (nhiều hơn cả giá trị của họ) cộng với tất cả những gì họ có thể ăn cắp. Các chỉ huy Cochise và Buzzard thường được nhìn thấy chất đầy xe đạp của họ với thức ăn và đồ ăn vặt rồi lên ra khỏi cổng trước. Buddha mang theo bảng cấp bậc suốt chặng đường đến Hồ Chí Minh, và chúng tôi hiểu rằng từ dành cho chủ tịch là chu tích, giống như trong “chew tick”.

Người lính gác kia là một diễn viên thực thụ. Chúng tôi hỏi anh ấy làm gì trong quân đội chỉ bằng vẻ mặt ngờ vực, và anh ấy trả lời: “Do-Doo Do-Do-Doooo,” vãn vãn, gõ mã Morse quốc tế. Anh ấy là một kỹ thuật viên liên lạc. Anh ấy hơi khom người, ra vẻ bí mật khi gửi mã, rồi đột nhiên anh ấy kêu “Bùm! Bùm! Bùm!” rồi ngã ngửa ra sau, hét lên, “Ahhh!” Rõ ràng boongke của anh ấy đã bị trúng bom từ một trong những chiếc trực thăng của chúng tôi. Rồi anh ấy im lặng ra hiệu rằng mình đã bị hạ gục. Anh ấy đứng thẳng dậy, rồi nhìn lên, ngón trỏ của bàn tay phải chuyển động tròn. “Bụp, bụp, bụp. Chắc chắn là trực thăng!” “Bụp-bụp, bụp, bụp,”

như thể anh ấy đang bắn AK-47. Rồi anh ấy tự hào giơ bàn tay bốn ngón lên. Anh ấy đã được ghi công bắn hạ bốn chiếc trực thăng!

Dit-Dah (tên chúng tôi gọi anh ấy) đứng nghiêm trang và nói: “Hà Nội, chủ tịch!”, tiếp theo là một tiếng “ồ ồ!” dài (tôi nghĩ là muốn mọi người chú ý). Sau đó, anh ta ấn mạnh ngón tay cái phải lên ngực trái bốn lần. Anh ta được Chủ tịch Hồ Chí Minh tặng bốn huân chương dũng cảm.

Đêm hôm sau, Dit Dah lại đổi hướng. Anh ta nói: “Tôi, hai vợ.” Người Việt Nam được phép có nhiều hơn một vợ. Giơ tay ra như nắm tay lái xe đạp, anh ta bắt chước tiếng động cơ: “hudn hudn.” Rồi anh ta cho chúng tôi xem đồng hồ đeo tay, và làm trò như đang áp một chiếc radio cầm tay vào tai. Chắc hôm đó là ngày lĩnh lương, vì anh ta có một chiếc ví đầy tiền. Trời ơi, anh chàng này đúng là cao tay nhất trong số những người Việt Nam có thể có. Hai vợ, một chiếc xe máy, đồng hồ đeo tay, radio, và một túi tiền đầy ắp! Anh ta cho chúng tôi xem ảnh các bà vợ của mình. Cô vợ hai mươi tám tuổi trông khá bình thường, nhưng cô vợ mười tám tuổi thì lại rất xinh. Anh ta không nói rõ các cô vợ có hòa hợp với nhau hay không.

Đầu đó trong cuộc trò chuyện, anh ta dành

thời gian kể cho chúng tôi nghe một điều gì đó không liên quan đến chủ đề chính. Hắn chỉ tay xuống chỗ kín của chúng tôi, rồi dang hai tay ra, cau mày tỏ vẻ không đồng tình. Rồi hắn đặt hai ngón trỏ cách nhau hai phân, mỉm cười tán thành. Hắn chỉ vào mình và nói: “Việt Nam thì được.” Hắn đang nói với chúng tôi rằng những chú chim nhỏ người Việt Nam nghe có vẻ hợp lý hơn nhiều. Chắc hẳn người Pháp đã có một bữa tiệc thịnh soạn với những người phụ nữ Đông Dương! Một lý do rất chính đáng nữa khiến đám da đen vui mừng khi thấy họ rời đi, tôi chắc chắn! Màn kết thúc hoành tráng của hắn là để gây ấn tượng với chúng tôi về trình độ học vấn của mình khi hắn vẽ những hình tam giác và hình bình hành tưởng tượng, đồng thời đọc thuộc lòng một số định lý hình học. Mỗi màn trình diễn nhỏ của hắn kéo dài một tiếng rưỡi, và chúng tôi đã khá mệt vì phải đập muỗi. Nhưng chắc chắn đó là một sự thay đổi thú vị đối với chúng tôi.

Năm đó, Ron và tôi không được hỏi có muốn đi nhà thờ hay gặp linh mục vào dịp Giáng sinh không, nhưng nhiều người khác thì có. Chúng tôi háo hức mong chờ ngày lễ, chủ yếu là hy vọng nhận được thư từ nhà và đồ ăn ngon. Chúng tôi đã bàn bạc kỹ lưỡng,

và lần này chúng tôi quyết tâm đón mùa lễ với một tâm thế khác.

Nếu được bảo ra ngoài những căn phòng họ đã chuẩn bị và trang trí cho ngày lễ, chúng tôi sẽ đi và lấy bất cứ thứ gì họ mời, dù là đồ ăn hay đồ uống. Chúng tôi sẽ ăn cắp bất cứ thứ gì vớ được khi họ quay lưng. Bất cứ món ăn nào họ cho chúng tôi, chúng tôi sẽ ăn thả ga, và mặc kệ mọi thứ khác!

Chúng tôi cũng quyết định năm nay sẽ không cho phép mình nghĩ đến gia đình, vợ con, bởi vì kiểu tình cảm đó chỉ khiến chúng tôi suy sụp và cảm thấy tồi tệ hơn, mà ai cần điều đó chứ? Không còn cái kiểu “cảm thấy tiếc nuối” đó nữa! Đó là Giáng sinh thứ tư của chúng tôi trong nhà tù Bắc Việt, và chúng tôi vừa mới bắt đầu học cách đối mặt với nó.

Quincy Collins đã sắp xếp cho một nhóm nhỏ nam thanh niên hát tại một buổi lễ nhà thờ. Hóa ra đó là một buổi giao lưu tro tráo giữa những người đàn ông của chúng tôi từ các trại khác nhau. Điều đó thực sự khiến bọn da đen khó chịu, nhưng chúng không thể làm gì được, vì có rất đông phóng viên và nhiếp ảnh gia ở đó để quay phim và đưa tin về sự kiện “đối xử nhân đạo”. Soft-Soap Fairy, QZR ngọt ngào đến từ Plantation, người phụ trách việc huấn luyện những người được thả sớm,

đã cố gắng ngăn chặn cuộc giao tiếp, nhưng không thành công.

Tuy nhiên, Soft-Soap vẫn giữ được nụ cười tươi rói trước ống kính. Ngày hôm sau, tôi gặp Thỏ, và anh ta nghiêm nghị nói với tôi: “Ga, đồng bọn của anh, chúng đã gây ra một cơn thịnh nộ vào ngày lễ của anh!”

Tuần lễ Giáng sinh trôi qua thật yên bình, và vào đêm giao thừa, chúng tôi chúc nhau và mọi người trong tòa nhà một năm 1969 vui vẻ hơn. Chà... năm 1968 có vẻ tốt hơn một chút so với năm 1967 ở Hut, năm 1966 ở Patch, và năm 1965 trong căn phòng xi măng nhỏ! “Nếu người quen cũ bị lãng quên, và không bao giờ được nhắc đến” - mặc kệ bài hát đó, điều đó cũng chẳng tốt cho chúng ta!

CHƯƠNG MƯỜI BA 1969 – THANH TRÙNG

Tháng 1 năm 1969, Chuồng Ba báo cáo rằng Corley gần như không ăn gì, và Bomar sắp bắt đầu ép ăn trở lại. Tin tốt là những gói hàng đầu tiên chúng tôi nhận được từ nhà đã được phát. (Các gia đình đã gửi bưu kiện trong nhiều năm, nhưng chúng tôi chưa bao giờ nhận được cho đến năm 1969. Người Việt Nam vẫn giữ lại những gì nhận được cho đến lúc đó.) Ba người đàn ông ở Chuồng Ba đã nhận được bưu kiện của họ, bao gồm cả Corley, với bưu kiện chứa ảnh vợ con. Corley không hề tỏ ra nhận ra gia đình mình và ném gói hàng cùng những bức ảnh khắp phòng.

Người đàn ông thường thấy các gói hàng được gửi đến là J. J. Connell, ở Nhà Cống. Anh ta nói rằng chúng được gửi đến bằng xe đẩy, trong những túi thư có ghi chữ “Muskova”. Một vấn đề mới nảy sinh. Bọn da đen in một

tờ khai kê khai nội dung của mỗi kiện hàng, rồi yêu cầu người nhận ký vào biên lai, trên đó có dòng chữ thường lệ “do chính sách nhân đạo của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, tôi nhận được kiện hàng này từ nhà”, v.v. Điều này khiến các anh chàng khó chịu, bởi vì ngay cả việc ký biên lai cũng có vẻ sai trái, và việc nhận quà qua người Việt Nam khiến họ cảm thấy tội lỗi. Không biết liệu tất cả mọi người có nhận được một kiện hàng hay không, nên một số người cảm thấy có thể coi đó là nhận “ân huệ đặc biệt” từ Việt Nam. Rất nhiều lời lẽ gay gắt về việc phải làm gì đã được đưa ra. Một số người đã bị bắt quỳ gối vì từ chối hợp tác. Tình hình đang trở nên tồi tệ - “nực cười” là một từ đúng hơn.

Phản ứng của tù binh chiến tranh về chuyện biên lai có lẽ đã khiến người Việt Nam bối rối, bởi vì việc kê khai và ký tên cho bất cứ thứ gì và mọi thứ, đối với họ, là cách làm ăn bình thường. Cục Bưu (Lump) nói với một người, “Anh sẽ phàn nàn nếu chúng tôi bắn anh bằng một viên đạn vàng!” Bạn có thể trả lời gì trước một câu nói kỳ quặc như vậy?

Phải làm gì đó thôi, và trong khi chúng tôi vẫn đang suy nghĩ, câu hỏi được đặt ra: “Chính sách của các anh về việc gửi bưu kiện từ nhà là gì?”

Chính sách: “Gia đình và chính phủ của chúng tôi đã phải trải qua rất nhiều khó khăn và chi phí để gửi bưu kiện đến cho chúng tôi. Họ muốn chúng tôi nhận chúng. Hãy nhận bưu kiện, ký biên lai và đừng cần nhả hay tranh cãi nữa. Hãy chia sẻ những gì bạn có thể với những người không nhận được bưu kiện.” Điều này đã xoa dịu tình hình bưu kiện, và sau đó, điểm nhức nhối duy nhất là sự ăn cắp vặt của bọn da đen.

Rất nhiều sự phấn khích trong cộng đồng V khi nhận được bưu kiện. Những người nghèo đó chưa bao giờ thấy thứ gì giống như những thứ chúng tôi nhận được từ nhà: xà phòng thơm, kem đánh răng, đồ lót chất lượng, khăn mặt và khăn tắm bằng vải bông dày và mềm mại, kẹo và trái cây sấy khô. Có những gói giấy bạc xinh xắn chứa những thứ khô tuyệt vời chỉ cần thêm nước nóng là có thể biến thành một bữa sáng hoặc bữa trưa ngon lành. Ron và tôi thường nghĩ về việc họ hẳn đã từng nghĩ về những điều xa xỉ của thế giới chúng ta, cách xa mười nghìn dặm.

Không còn nghi ngờ gì nữa, ngay từ đầu chương trình gói hàng này, họ đã lấy của nhau một ít. Chúng tôi thấy họ chạy loanh quanh với những chai nước nóng chân không. Rabbit bỗng dưng tăng cân. Chúng tôi, những

tù binh chiến tranh, liên tục cắn nhai nhau về chuyện trộm cắp, nhưng tôi nghĩ đến năm 1970, V cuối cùng đã ngừng ăn cắp đồ của họ. (Nhiều năm sau, tôi phát hiện ra Evy luôn giữ một danh sách kiểm tra mọi thứ cô ấy từng gửi, và sau khi xem xét danh sách của cô ấy, tôi nhận ra rằng, sau năm 1969, tôi đã nhận được tất cả những món đồ cô ấy gửi.)

Gói hàng đầu tiên của tôi đến trước Ron, và tôi chia nhau tất cả. Mỗi người một chiếc quần đùi và một chiếc áo lót, cộng thêm loại kem đánh răng thần kỳ mới có chứa một thứ gọi là “fluoride”, thứ được cho là có tác dụng ngăn ngừa sâu răng - thật tuyệt vời! Nó ngon đến nỗi chúng tôi phải kìm nén sự cám dỗ để ăn nó. Thứ duy nhất mà Evy nhét vào gói hàng khiến tôi băn khoăn là một tá gói kẹo cao su. Tôi chưa bao giờ nhai kẹo cao su, và Ron cũng vậy. Zoorat đến bên người kia và nói, “Vậy là anh nhận được một gói hàng từ nhà à?” Anh ấy vẫn giật giật và cười khúc khích như thường lệ. Tôi nhìn Ron và nháy mắt. “Vâng, anh có muốn lấy gói kẹo cao su này không? Chúng tôi có nhiều lắm.” Chúng tôi đang “gài bẫy” anh ấy. Anh ấy nhận lấy; rồi chúng tôi lập tức hỏi thăm về Fred Cherry. Anh ấy nói với chúng tôi rằng Fred đã phẫu thuật và “rất thành công”. Chúng tôi

hỏi, “Ai đang chăm sóc anh ấy?” Anh ấy trả lời, “Người Việt Nam đang chăm sóc Cherry rất tốt.” Chúng tôi đã biết. Fred ở một mình trong tòa nhà Thư viện. Tôi đưa cho Zoorat sáu gói kẹo cao su và nói,

“Làm ơn giúp Cherry nhận mấy thứ này, vì chúng tôi biết cậu ấy không nhận được thư.” Zoorat cầm lấy kẹo cao su, và vài ngày sau chúng tôi nghe tin Fred cũng nhận được nó, điều này khiến chúng tôi ngạc nhiên.

Trong khoảng một tuần, chúng tôi đã dùng hết một cục xà phòng Dial chỉ còn một mẩu nhỏ xíu. Một trong những cô bé bán nước xinh xắn đến gần. Tôi đưa cục xà phòng cho cô bé. Cô bé nhìn quanh để chắc chắn không có ai nhìn thấy, cầm lấy cục xà phòng, ngửi rồi nhét vào áo. Tôi cũng có một chiếc khăn mặt trắng rất nhỏ in hoa hồng, và tôi đưa cho cô bé. Cô bé cầm lấy, cảm nhận và ngửi nó - thật là cảm dỗ! Nhưng tôi có thể thấy cô bé sợ bị bắt gặp khi nhận một “ân huệ đặc biệt” từ một người Mỹ, và cô bé biết mình sẽ bị trừng phạt nặng nề vì điều đó. Cô bé miễn cưỡng trả lại.

Một trong số ít thứ mà người Việt Nam luôn lấy từ các gói hàng của chúng tôi, và không bao giờ cho chúng tôi lấy là thuốc lá Mỹ. Họ hiểu sức mạnh của thuốc lá Mỹ; Nó

giống như tiền mặt lạnh - bạn có thể mua hầu như bất cứ thứ gì bằng tiền mặt. Người Mỹ vẫn được phát ba liều thuốc lá Trường Sơn không đầu lọc sản xuất tại địa phương mỗi ngày, vì vậy V giữ lại tất cả thuốc lá trong bao bì.

Mọi thứ khá yên ắng vào đầu năm 1969. V quyết định yêu cầu các tù binh chiến tranh đọc tin tức qua hệ thống loa để dễ hiểu hơn, hoặc có lẽ họ hy vọng rằng “tin tức” sẽ nghe đáng tin hơn nếu được một trong số chúng tôi thông báo. Vì vậy, sau khi chịu một số hình phạt nhẹ, một tù binh chiến tranh sẽ đồng ý đọc, sau đó anh ta sẽ phát âm sai hoặc bằng cách nào đó cố tình làm cho bản tin nghe thậm chí còn ngớ ngẩn hơn thực tế.

Tết lại đến, và chúng tôi được ăn Bánh Chưng như thường lệ cùng với một bữa ăn tử tế. Trong lúc mọi thứ yên ắng, tôi đã gửi một câu hỏi khắp tòa nhà: “Chúng ta nên làm gì nếu bọn da đen lại mở một đợt tra tấn nữa?” Câu hỏi đó vang lên như một quả bóng chì trong tục ngữ! Không ai muốn nghĩ về điều đó. Một số người trả lời rằng họ chắc chắn rằng tất cả đã qua rồi. Không có gợi ý nào về hành động cụ thể.

Một lần nữa tôi nhận tin rằng điều đó là khả thi, và tất cả chúng ta nên đoàn kết lại

và cố gắng ngăn chặn nó. Tôi đề nghị, “Hay là tất cả chúng ta cùng đến cửa sổ và đồng thanh hét lên, ‘Dừng tra tấn lại! Dừng tra tấn lại! Dừng tra tấn lại!’” Lời đề nghị đó chỉ nhận được sự im lặng bao trùm. Một ngày nọ, trên đường đến giếng, trong khi chúng tôi đang chờ lính canh trước phòng giam số một, Ray Merritt đến bên cửa sổ và nhìn thấy tôi. Anh ta thì thầm, “Tôi không thích ý tưởng của anh.” Vâng tôi biết nó không hay ho gì, nhưng mọi người đều đã cạn kiệt ý tưởng. Vậy nên vẫn chưa có gì được giải quyết về vấn đề tra tấn.

Chúng tôi đi xem một bộ phim khác. Bộ phim này chính là câu trả lời cho những chương trình USO kiểu Bob Hope của chúng tôi. Phim chiếu cảnh một đơn vị giải trí Việt Nam lưu động, gồm khoảng mười người. Bối cảnh được cho là ở rừng rậm Nam Việt Nam, và phim cho thấy các nghệ sĩ đi bộ đến các tiền đồn để cổ vũ tinh thần cho binh lính. Máy quay đã theo chân họ trong suốt hành trình xuyên rừng. Phim cho thấy họ được các “chiến binh” của mình chào đón nồng nhiệt như thế nào. Có sáu cô gái trẻ xinh đẹp mặc váy ngắn. Họ trông rất chuyên nghiệp trong việc ca hát, nhảy múa và biểu diễn. Những người lính rõ ràng rất thích khoảng thời gian

ngủ ngơi ngắn ngủi sau trận chiến, và sau đó đoàn kịch di chuyển đến một trại lính khác trong rừng.

Những người lính chính quy Bắc Việt Nam chủ yếu tự xoay xở trên chiến trường. Họ nhận được rất ít sự hỗ trợ từ hậu phương về lương thực, vật tư y tế và vũ khí. Tôi tự hỏi cần gì để có được một kỳ nghỉ ngơi và phục hồi (R&R).

Chúng ta thường nghe nói rằng “mạng sống con người ở châu Á thật rẻ mạt”. Đó là một sự đơn giản hóa quá mức của một sự thật đáng buồn. Qua quan sát cá nhân, tôi biết rằng các bà mẹ Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản và Philippines cũng khóc lóc thảm thiết như các bà mẹ Mỹ khi con cái họ bị giết. Không ai muốn chết cả. Ai cũng có chung một màu máu nóng, và tôi nghĩ rằng tất cả đều quy về điều này: Trong một trận chiến, nếu người Mỹ biết rằng hai lính thủy đánh bộ hoặc lính Mỹ bị kẹt trong một chiến hào, chúng ta sẽ điều động hai phi đội chiến đấu cơ với những chiếc máy bay trị giá hàng triệu đô la, chở đầy nhiên liệu đắt đỏ để giúp họ, hoặc làm bất cứ điều gì cần thiết để giải cứu họ, bởi vì chi phí không quan trọng bằng con người. Thứ dễ tiêu hao nhất của chúng ta là tiền bạc.

Người Mỹ sẵn sàng chi bất cứ thứ gì cần thiết để cung cấp dịch vụ chăm sóc y tế, thực phẩm, vũ khí và giải trí tốt nhất cho quân đội của chúng ta. Điều này cho quân đội Mỹ thấy rằng những người dân ở quê nhà quan tâm đến sức khỏe của những người bảo vệ họ.

Mặt khác, khi người châu Á chiến đấu, họ không có được sự hỗ trợ vô hạn. Người Trung Quốc chiến đấu với Thủy quân Lục chiến Hoa Kỳ ở Triều Tiên đôi khi chịu tổn thất từ chín mươi đến một trăm phần trăm. Họ không có đủ vũ khí để trang bị cho toàn bộ quân đội, vì vậy khi hàng quân Trung Quốc vũ trang đầu tiên bị đánh bại, những người khác đã tiến lên, nhặt vũ khí và cố gắng tiếp tục tiến lên. Người châu Á có nhiều người nhất, vì vậy họ cử người đi trước súng. Con người là món đồ dễ bị chúng tiêu diệt nhất! Chúng không thích điều đó, nhưng đó là sự thật. Chúng hy sinh rất nhiều người để đạt được mục tiêu.

Trong Chuồng Ngựa, Bomar cuối cùng lại phải bắt đầu ép Corley ăn. Hoặc là làm vậy hoặc chứng kiến anh ta chết. Sau ba hoặc bốn tuần, tình trạng của anh ta trở nên tồi tệ hơn, và Jack đã dụ dỗ bọn da đen nghĩ rằng việc đưa Corley vào viện là ý tưởng của chúng. Chúng đưa anh ta đi, và anh ta đã biến mất trong ba hoặc bốn tháng.

Tinh thần khắp Sở thú được cải thiện khi các gói hàng và một vài lá thư tiếp tục được gửi đến. Một ngày nọ, chúng tôi nhận được báo cáo rằng trong quá trình kiểm tra thái độ, các QZR đã hỏi rất nhiều câu hỏi về cá. Điều đó thật bất thường - tất cả những điều đó là gì, chúng tôi tự hỏi? Một số điều nghe rất quen thuộc với tôi. Tôi cứ nghĩ mãi về nó, và cuối cùng tôi cũng nghĩ ra được. “Ron! Tôi biết tại sao họ lại hỏi nhiều câu hỏi về cá đến vậy! Một trong những cuốn sách yêu thích của tôi là *The Book of Florida Fish*, và nó có hàng tá ảnh màu về mọi loài cá ở vùng biển Florida. Tôi cá là Evy đã gửi cho tôi cuốn sách đó trong một gói hàng, và bọn họ đã giữ nó lại và đang giải trí với nó, những tên khốn nhỏ bé đê tiện!” (Chính xác như tôi đã đoán, nhưng họ chưa bao giờ đưa tôi cuốn sách.)

Sau đó, Chuột (Zoorat) lại tiếp tục “kiểm tra thái độ”. Lần này, thay vì gọi các tù binh ra để thẩm vấn, anh ta bảo lính canh thả họ ra trước các phòng giam, nơi anh ta trò chuyện với họ.

Khi hẵn đến gặp Ron và tôi, chúng tôi ngồi ở mép lối đi trong khi hẵn hỏi rất nhiều câu hỏi vớ vẩn. Hôm đó, hẵn quan tâm đến cuộc sống về đêm của người Mỹ. Hẵn muốn biết về

việc uống rượu, tiệc tùng, và cách ăn mặc táo bạo của các cô gái biểu diễn.

Khi ở trên hiên, chúng tôi đi tới đi lui và nhìn chăm chăm vào từng người qua cửa. Chúng tôi biết rằng tất cả mọi người trong các phòng giam phía trước của Phòng Bi-a đều có lỗ nhìn trộm. Luôn tốt khi được nhìn trực diện một người bạn để có nhận dạng tích cực hơn. Sau nhiều năm nói chuyện với một người đàn ông qua tường, bạn cảm thấy rất gần gũi với anh ta. Nhưng hình ảnh duy nhất bạn nhìn thấy anh ta có thể là nhìn lên anh ta qua một khe hở, hoặc liếc nhìn thoáng qua khi anh ta đi ngang qua. Rồi khi cuối cùng bạn gặp mặt trực tiếp, anh ta trông hoàn toàn khác với những gì bạn đã hình dung trong đầu đến nỗi bạn thậm chí có thể không nhận ra anh ta.

Spiker báo cáo rằng tất cả mọi người trong trại (bao gồm cả những người tàn tật và bị thương) đều tích cực và nhiệt tình tập thể dục - nghĩa là, tất cả mọi người trừ Jim Clements, người thích ngồi trên ván và suy nghĩ. Tôi bảo anh ta hãy dừng lại và tham gia, nhưng sẽ rất lạnh lẽo trước khi Jim hứng thú với việc tập thể dục.

Mọi người đặt ra mục tiêu cá nhân, chẳng hạn như năm mươi lần chống đẩy và một

trăm lần gập bụng mỗi ngày, hoặc chạy tại chỗ vài nghìn bước. Những người trẻ tuổi hơn, vẫn còn khỏe mạnh, thậm chí còn chống đẩy bằng tay hàng trăm lần! Thật đáng kinh ngạc khi một số người trong chúng tôi có thể hoàn thành mục tiêu một khi họ quyết định thực hiện và đặt ra cho mình những mục tiêu cụ thể. Việc giao tiếp đã khuyến khích sự cạnh tranh và giúp chúng tôi kiên trì đạt được mục tiêu.

Các giám khảo của trại đã bắt đầu một chương trình khác để giúp tất cả chúng tôi quay lại với việc viết lách. Đó không phải là một thử thách quá lớn, vì vậy chúng tôi đã xử lý nó một cách dễ dàng, và chỉ viết nếu họ thực sự muốn. Một số bài viết lỗi bịch đã được viết, nhưng bọn da đen không quan tâm bạn viết gì hay câu chuyện ngắn đến mức nào, miễn là bạn không từ chối viết. Một tù nhân đã viết một truyện ngắn về “Cách lướt sóng”, một người khác về “Cách chèo thuyền”. Chuột (Zoorat) dựa vào tôi cho đến khi tôi viết hai đoạn văn về “Cách bắt cá chanh xảo quyết”.

Một buổi chiều, hai chúng tôi ngồi trong phòng giam bàn tán về những bài hát nổi tiếng, và Ron hỏi tôi những bài hát yêu thích nhất mọi thời đại của tôi là gì. Tôi trả lời rằng tôi có năm bài trong danh sách: “Poinciana”,

“Black Magic”, “Brazil”, “I’ll be Seeing You” và “I’ve Heard That Song Before”. (Chắc chắn là tôi thuộc thể hệ nào rồi!) Rồi câu chuyện chuyển sang các ngôi sao Hollywood. Tôi hỏi Ron xem anh ấy có nhớ một trong những thần tượng thời xưa của tôi, người đã đóng vai chính trong phim The Crusades không. Tên anh ấy là Wilcoxon. Ron không nhớ anh ấy. Khoảng nửa tiếng sau, tiếng bíp vang lên. Đó là Zoorat. “Ga, có thứ này cho anh.” Hắn ném một lá thư xuống sàn, và tôi chộp lấy. Khi tôi đổ nội dung ra, một vài bức ảnh rơi xuống sàn. Cuối năm 1967, tôi đã được Evy biết rằng con trai cả của chúng tôi, Allan, lúc đó đang học tại Đại học Florida, đã có một bạn gái ngoan ngoãn. Nhưng tôi đã không chuẩn bị cho tin tức chứa trong lá thư này. Có một bức ảnh Tom, con trai thứ hai của chúng tôi, đứng trước bàn thờ với một bé gái tóc đỏ dễ thương! Thật là sốc - một thông báo đám cưới hoàn toàn bất ngờ! Bức thư cũng nói rằng Allan (hiện là một trung úy không quân) sẽ kết hôn trong một tháng nữa. Thật khó chấp nhận rằng hai cậu con trai của tôi, những đứa trẻ khi tôi gặp chúng lần cuối, giờ đã là những người đàn ông đã kết hôn, và nhận ra rằng cuộc sống chắc chắn đang diễn ra mà không có tôi. Bức thư đã mười tháng

rồi! Tin tức khác khiến chúng tôi sốc, xét theo cuộc trò chuyện vừa rồi, là gia đình đã chuyển đến khu nhà ở căn cứ tại Căn cứ Không quân Patrick, địa chỉ mới là 15A Poinciana Drive, và tên thời con gái của vợ mới của Tom là Wilcox! Ron chỉ có thể lắc đầu. Đó có phải là một dạng đặc biệt (ESP - viết tắt trong tiếng Anh especially) không, hay là gì?

Tháng Tư, tôi được gọi ra để đồ vui với Elf. Hắn ngồi đó trên một chiếc ghế lớn, lưng thẳng, hai bên là hai anh chàng Việt (gook) trẻ tuổi đang tập sự. Ba người ngồi chung một ghế! Dĩ nhiên là ghế không đủ rộng để ngồi, và mấy đứa trẻ đang tập sự ở mỗi bên chỉ đủ chỗ cho một bên mông. Mỗi đứa thò một chân ra ngoài, lệch sang một bên để giữ thăng bằng. Elf đã tháo dép cao su ra và ngồi khoanh chân ở giữa ghế. Giữa chúng tôi chỉ có một chiếc bàn gỗ nhỏ. Như thường lệ, tôi ngồi trên chiếc ghế đầu nhỏ. Elf đang bận rộn cắt móng chân bằng ngón tay. Một cảnh tượng thú vị, nhưng cũng thật ghê tởm.

“Vây, Ga, anh cảm thấy thế nào?”

“Ồn.”

“Theo anh thì việc điều trị thế nào?”

“Không tệ.” Tôi đã học được rằng phàn nàn cũng vô ích.

“Vây anh sẽ làm gì sau chiến tranh?”

“Lúc đó tôi già lắm rồi, nên tôi sẽ nghỉ hưu và đi câu cá. Anh sẽ làm gì?”

“Tôi sẽ quay lại nghề giáo viên cũ.” Hần vút bỏ vài móng chân và bắt đầu làm móng ngón chân cái.

“Anh có về làng với vợ và bố mẹ không?” Tôi nài nỉ. (Lúc đó tôi đang tra hỏi ông ta!)

“Ồ không. Đó không phải là phong tục của chúng tôi. Vợ tôi sẽ về làng sống và chăm sóc bố mẹ.”

“Anh sẽ đi đâu?”

“Tôi sẽ đi bất cứ nơi nào chính phủ cử tôi đi dạy.”

“Nhưng không phải với gia đình anh sao? Anh thích thế à?”

“Anh không hiểu. Tôi đã nói với anh là chính phủ sẽ cử tôi đi. Suy cho cùng, ai biết rõ hơn chính phủ tôi nên đi đâu chứ?” Đến lúc đó, hần lại kiểm soát được trò chơi và bắt chéo chân, đổi chân làm việc.

“VẬY, GA, VỢ ANH LÀM NGHỀ GÌ?”

“Cô ấy là một bà nội trợ và một người mẹ.”

“VÀ CÔ ẤY LÀM NGHỀ GÌ?”

“Cô ấy chăm lo nhà cửa, nấu nướng, dọn dẹp. Cô ấy chăm sóc bốn đứa con trai, nấu ăn cho chúng, chở mấy đứa nhỏ đi học. Nếu có thời gian, cô ấy lại cùng các quý bà chơi bài bridge, hoặc chơi golf.”

“Thấy chưa! Vợ anh là tù nhân của xã hội!”
Thật là một khám phá đáng mừng cho hẳn.
Tôi nghĩ đến Evy, đang lái chiếc Chrysler
New Yorker dưới ánh nắng Florida - Trời ơi,
tù nhân thật, hình phạt thật!

“Thấy chưa Ga, phụ nữ chúng tôi thật sự tự
do, thật đấy! Tự mình xem nào.” Tôi nhìn ra
cửa và thấy hai bà cụ xách hai cây đòn gánh,
một bà vác hai khối gạch, bà kia xách hai “xô
mật ong”. Tự do là đây sao? Tôi tự hỏi.

“Còn vợ anh, Ga, cho tôi biết, cô ấy có bao
giờ biểu tình không?”

“Có, mỗi tháng một lần, nhưng chẳng ai để
ý cả.” Thật là phí lời bông đùa kiểu Yankee.
Rõ ràng là lối sống của chúng tôi quá khác
biệt để có thể dung hòa được.

Trong giao tiếp ở trại, đôi khi có sự hiểu
lầm khi dùng từ “trưởng trại”. Trưởng trại
là của ai - của họ hay của chúng tôi? Vì vậy,
tôi nảy ra ý tưởng (không mấy sáng suốt) là
trong mọi giao tiếp, chúng tôi sẽ dùng “GKB”
để chỉ trùm da đen, và “YKB” để chỉ trùm
Yankee. Tôi cũng hy vọng rằng, nếu một cuộc
thanh trừng khác lại diễn ra, mã định danh
có thể bảo vệ tôi, với tư cách là SRO, khỏi bị
phát hiện. Điều đó thật ngớ ngẩn, vì nhiều lý
do. Thứ nhất, nếu VC có vấn đề về trí nhớ và
quên mất tôi là cấp trên (khó có thể xảy ra),

họ có thể xem lại sổ ghi chép của mình để tự ôn lại. Một lý do khác là khi một số người bị tra tấn và bọn da đen kiểm tra chéo để lấy thông tin, thì sự thật sẽ không thể nào không bị phơi bày. Sẽ thật tuyệt nếu mọi người đều có thể bảo vệ thông tin, nhưng đó chỉ là giấc mơ - điều đó sẽ không bao giờ xảy ra. Bạn có thể bịa ra đủ loại mật mã, chữ cái, hay bất cứ thứ gì, nhưng kết quả là người cấp cao nhất cuối cùng sẽ bị quy là thủ lĩnh. Một trong những trách nhiệm và thực tế của lãnh đạo, như Truman đã nói rất đúng, là “trách nhiệm thuộc về người đứng đầu”.

Sĩ quan cấp hai trong Sở thú là Lowell Groves.

Ông ấy nói với chúng tôi rằng chương trình mới nhất là yêu cầu các nhân viên của chúng tôi điền vào một bản lý lịch chính thức. Chà, tôi không nghĩ nó nghiêm trọng đến vậy, bởi vì họ đã bắt đầu việc đó từ tháng 4 năm 1966, và khi đó tất cả chúng tôi đều viết một loạt truyện cổ tích. Lowell trả lời rằng chương trình này thì khác - một mẫu đơn dài hai mươi hoặc ba mươi trang. Có những câu hỏi có dòng kẻ để trả lời. Được đóng bìa màu xanh lam sáng, nó được gọi là “Lý lịch xanh” (“Blue Biog” - blue biography). Lowell đề nghị chúng tôi ban hành lệnh kháng cự,

nhằm làm chậm quá trình sản xuất những cuốn Blue Biog này.

Một số người của chúng tôi nghĩ rằng có thể các bản sao của sản phẩm hoàn chỉnh sẽ được cung cấp cho Trung Quốc, Nga, Cuba và Bắc Triều Tiên. Nhưng nếu V quyết định làm điều đó, họ sẽ trông còn ngớ ngẩn hơn nữa. Bất cứ ai hiểu được sự hài hước của người Mỹ sẽ nhận ra Blue Biog thực chất là gì - một tập hợp những câu chuyện tưởng tượng. Nhưng tôi đồng tình với đề xuất đó và đưa ra một thông điệp rằng: “Hãy chịu hình phạt thích đáng trước khi đồng ý làm Biog.”

Zoorat gọi tôi ra và bảo tôi phải làm hai việc cho hắn: “Đầu tiên, anh phải ghi âm tin tức mới của Ga, sau đó điền vào mẫu đơn này.” Nói xong, hắn ném cuốn Blue Biog nổi tiếng lên bàn.

Tôi nói: “Không, tôi không làm thế đâu. Tôi đọc không giỏi, hơn nữa, tôi đã đưa cho anh tất cả thông tin cá nhân đó hai ba lần rồi.”

Rồi hắn cố tỏ ra cộc cằn và nói: “Quý xuống!” Tôi làm rất chậm, và hắn bước ra khỏi phòng. Tôi ngồi xuống sàn. Hắn quay lại và hét lên: “Mày làm gì vậy?”

Tôi nói: “Tôi không muốn quý xuống, đầu gối tôi đau lắm, thấy chưa?” rồi tôi kéo ống quần lên và cho hắn xem một vết sẹo lớn do phẫu thuật cắt bỏ sụn nhiều năm trước.

Hắn nói: “Được rồi, vậy thì ngồi xuống sàn mà suy ngẫm đi.” Hắn bỏ tôi lại đó. Cuối ngày hắn quay lại.

“Mày có định viết thư không?”

“Không.”

Hắn sai người đi lấy đồ đạc của tôi và đưa nó vào Hội trường Số Hai, là phòng giam phía trước bên phải của tòa nhà Hội trường. Nó rộng khoảng hai mét và dài hai mươi lăm mét. Thực ra đó là một hành lang, bịt kín ở hai đầu - đó là lý do tại sao nó lại dài như vậy. Có hai cửa sổ bịt kín bằng gạch ở bên hông và cửa sổ kiểu Pháp đôi có chớp ở phía trước, có then cài và ổ khóa. Mỗi ngày, Chuột đều vào và bắt tôi quỳ xuống. Ngay khi hắn rời đi, tôi liền đứng dậy. Hắn lại bắt tôi đứng dựa vào tường và vói tay lên trần nhà. Trong vài ngày tiếp theo, tôi hoặc quỳ hoặc vói tay, nhưng tôi dừng lại ngay khi họ rời đi, ngoại trừ một vài lần kéo dài ba tiếng đồng hồ khi Chuột để lại một người canh gác liên tục. Cũng không tệ lắm, và tôi nghĩ mình có thể chịu đựng được lâu như vậy, bởi vì Zoorat đơn giản là chưa đủ đói để thực sự bắt được tôi.

Vào ngày 3 tháng 5, Zoorat vào và tỏ ra thân thiện hơn hẳn, vì vậy tôi quyết định thử dụ anh ta ra khỏi dự án của mình. Tôi cứ nói, “Thật đấy, thưa ngài, tôi không muốn

làm vậy.” Mặc dù tôi sẵn sàng cược cả đồng xu cuối cùng của mình vào chuyện hắn là người đồng tính, nhưng tôi vẫn chưa chuẩn bị tinh thần cho lời tuyên bố tiếp theo của anh ta.

“Nhưng, Ga, trong số tất cả các tù nhân ở đây, tôi thích anh rất nhiều.

“Chúa ơi,” tôi nghĩ, “hắn không chỉ là một vị tiên, mà còn là một tên điên nữa!”

“Phải, anh, hơn tất cả những người khác,” anh ta lặp lại.

“Được rồi, tôi không muốn làm vậy.”

“Anh phải làm vậy, anh không thể từ chối.” Hắkhắkhắkh.

Giả sử anh ta vẫn đang nói về Tiểu sử Xanh, tôi nghĩ trước. “Được rồi, mình sẽ chơi trò ngó ngẩn của anh chàng này, và nếu anh ta phạm tội gì đó đáng xấu hổ, mình sẽ đẩy tên khốn đó vào tình thế mà anh ta sẽ không bao giờ có thể quấy rối mình nữa. Mình sẽ đuổi anh ta đi mãi mãi, và anh ta sẽ không thể ép buộc mình bất cứ điều gì. Mình sẽ chỉ dọa sẽ nói với chỉ huy người da đen, và anh ta sẽ phải chịu tội vì đã gạ gẫm một người Mỹ.”

Vậy là tôi ngồi xuống bàn và mời anh ta ngồi xuống trò chuyện, “vì tôi rất cô đơn.” Tôi xới tung chăn lên, và anh ta ngồi xuống cạnh tôi, suốt ngày cười khúc khích như một

đứa trẻ. Chúng tôi đặt tên anh ta sai - đáng lẽ phải là “Cười khúc khích.”

“Trời ơi, cậu trông thật đẹp trai. Cậu to hơn những người khác hay nhỏ hơn?”

“Ồ, tôi nhỏ hơn nhiều.” Z. R. đáp.

“Thật sao?” Và rồi tôi nhẹ nhàng chạm ngón cái và ngón trỏ vào cổ tay anh ta để đo xương so với xương của tôi. Anh ta mừng rỡ đến nỗi gần như nhảy dựng lên. Rồi anh ta trở nên lo lắng, có lẽ cần lấy lại bình tĩnh, nên anh ta đứng dậy và nói, “Giờ tôi phải đi đây! Còn cậu, Ga, điền vào sổ nhé!” Câu chuyện hài hước này hay đến nỗi tôi đã đại dốt quyết định chia sẻ nó với mấy đứa bạn ở phòng bi-a, chỉ để vực dậy tinh thần cho sáng Chúa nhật hôm đó.

Vẫn còn cuốn sổ xanh và cây bút chì, tôi viết một ghi chú: “Này mọi người. Tôi nghĩ Z.R. kỳ quặc chết đi được. Tôi sẽ dụ anh ta hành động, và khi anh ta làm thế, tôi sẽ cắt tiết anh ta và dọa sẽ mách GKB. Anh ta sẽ không bao giờ ép tôi làm gì nữa! Anh ta muốn cuốn sổ xanh và băng ghi âm, và tôi sẽ không cho. Đừng làm phiền tôi, tôi ổn mà. YKB.”

Tôi cuộn tờ giấy lại nhỏ nhất có thể và buộc lại bằng một sợi dây tôi lấy ra từ chăn. Tôi thả tờ giấy vào thùng gỗ sao cho nó nhô lên khỏi mặt nước, rồi buộc đầu dây còn lại vào để quai xách và đóng nắp lại. Sáu giờ sáng,

người bảo vệ mở cửa và tôi đặt thùng gỗ ra ngoài, dưới bóng râm. Nắng vừa chiếu vào mặt tiền tòa nhà. Thế là tôi toát mồ hôi hột.

Ed Mechenbier đến lấy thùng gỗ, và anh ta mang thùng gỗ của tôi ra ngay ngoài nắng chói chang! Chết tiệt! Tôi có thể dễ dàng nhìn thấy sợi dây, ngay cả qua những ô cửa chớp bụi bặm. Tôi lùi ra xa cửa. Đột nhiên, tôi nghe thấy những người bảo vệ hét tên tôi, “Ga! Ga! Ga!” Tôi biết rằng tờ giấy đã được tìm thấy. Chẳng mấy chốc, Groucho, gã cai ngục già cứng đầu, mở tung cả hai cánh cửa, nở nụ cười chiến thắng rạng rỡ. Rồi Zoorat, gã da đen vui vẻ, cũng đến với anh ta, đứng đó trong chiếc quần đùi xanh, lau cát và dử buổi sáng sớm khỏi mắt.

Giờ cao tờ giấy, hẳn kêu lên, “Đồ ngốc! Đồ ngốc! Chúng tao tóm được mày rồi! Vậy là lão già khốn nạn muốn mang vác nặng, nên chúng tao cho mày một gánh nặng!”

Hẳn và Groucho mừng rỡ đến nổi vỗ vai nhau, vì họ biết mình sẽ thoát khỏi chuyện này với một câu “làm tốt lắm”! Lại vỗ đùi, hẳn nói, “Chúng tao tóm được mày rồi! Giờ thì, Đồ ngốc, đọc cho chúng tao nghe đi!”

Không ngờ Zoorat lại mắc lỗi như vậy, tôi cầm tờ giấy và từ từ lùi xuống hành lang dài, nói năng thật dễ dàng.

“Ôi không, thưa ông, ông không muốn tôi đọc cái này đâu, xấu hổ lắm.” Điều khiến tôi lo lắng nhất là giờ tôi phải giải thích “queer” là gì. À, họ biết hết rồi, nhưng không phải bằng tiếng Anh. Họ vẫn đang chúc mừng nhau khi tôi bỏ tờ giấy vào miệng và bắt đầu nhai. Đột nhiên, cả hai đều nhận ra chuyện gì đang xảy ra. Họ giật mình nhìn lại. Groucho hét lên những câu đại loại như, “Đồ khốn nạn ngu ngốc, sao mày lại đưa cho hắn tờ giấy đó?” Zoorat chết lặng, nhưng chỉ trong giây lát. Lúc đó tôi đã lùi hẳn về phía sau xà lim dài. Rồi cả hai bọn chúng xông vào tôi, đánh vào đầu và mặt tôi, cố gắng bắt tôi nhổ tờ giấy ra. Tôi ngã xuống, vẫn nhai nuốt. Tờ giấy có vị rất kinh tởm, nhưng kệ đi, không còn cách nào khác. Chúng bỏ đi một lúc, vẫn cãi nhau. Tôi đã nuốt được một nửa tờ giấy, nên tôi nhanh chóng nhổ phần còn lại ra, xé thành từng mảnh nhỏ, rồi nhét bừa bãi vào những cái lỗ trên bức tường gạch thô ráp.

Khi chúng quay lại, Zoorat run rẩy như một con chó đang đi ngang qua hạt đào. Lúc đó tôi đã bình tĩnh lại và cầu xin rất nhẹ nhàng, “Làm ơn, thưa ngài, đừng giận, ngài không muốn nghe những gì tôi viết đâu.” Groucho vẫn đang mắng nhiếc hẳn vì đã cho tôi cơ hội giấu những mảnh giấy đó. Chúng lục soát căn phòng, nhưng chẳng thấy gì.

“Quý xuống!” Zoorat hét lên.

“Vâng thưa ngài, tôi luôn làm theo lời ngài.” Tôi ngoan ngoãn đáp.

Họ lại bỏ đi. Vài phút sau, Zoorat quay lại, vẫn còn run rẩy, đưa cho tôi vài tờ giấy trắng.

“Đây, giấy đây, mày hãy viết lại từng chữ một! Chúng tao biết nội dung ghi chú, nếu không viết đúng, mày sẽ bị phạt nặng đấy!”

Tôi đứng dậy và nói: “Thưa ngài, đừng bắt tôi viết, tôi nói cho ngài biết, ngài sẽ không thích đâu. Nó sẽ rất đáng xấu hổ. Ngài sẽ biết tại sao tôi không muốn viết.”

“Viết, hoặc sẽ bị phạt nặng!”

“Được rồi, nếu ngài cứ khăng khăng, tôi sẽ viết.” Hẳn ta đi ra ngoài, và Groucho khóa cửa lại. Tôi viết tờ giấy thứ hai, và nó ra thế này:

“Chào mọi người. Các bạn không biết tôi là ai và đừng cố tìm hiểu. Điều đó không quan trọng. Chỉ là hôm nay tôi rất vui và muốn mọi người biết rằng cuối cùng tôi cũng tìm được một người Việt Nam nhỏ bé mà tôi thực sự yêu quý. Tôi gọi cậu ấy là Tướng Lee, vì cậu ấy là một chàng trai nhỏ bé oai vệ. Tôi vui vì tôi đã phát hiện ra rằng một người Mỹ và một người Việt Nam thực sự có thể là bạn. Đừng lo lắng cho tôi, tôi ổn, và xin đừng cố gắng giao tiếp với tôi.

Ký tên

Một người Mỹ trong thời đại Bác Hồ

Khi hần quay lại lấy tờ giấy, tôi đưa nó cho anh ta và nói rất nhẹ nhàng, “Đây này, giờ anh hiểu tại sao tôi không muốn anh giữ nó rồi chứ, vì anh phải đưa nó cho chỉ huy trại, và anh ta sẽ biết rằng anh và tôi là bạn, và điều đó sẽ rất tệ cho anh.” Hần cầm lấy tờ giấy và dậm chân bỏ đi. Sau đó hần quay lại. “Tốt hơn là anh nên làm sổ xanh đi, Ga!” Chà, tôi nghĩ mình đã đẩy Zoorat đến giới hạn của nó, và vì hần đã bỏ qua cho tôi dễ dàng, tốt hơn là tôi nên lấp đầy cuốn sổ xanh bằng những thứ vớ vẩn thường lệ. Giữa những chữ ký sai, chữ in kém, và chữ viết tay nghiêng, tôi đã làm hỏng ba cuốn sổ trước khi anh ta cuối cùng chấp nhận một cuốn. Điều đó làm anh ta rất khó chịu, bởi vì họ không thích lãng phí giấy; xét về một số mặt, họ rất tiết kiệm. Nhìn chung, tôi hài lòng vì đã trì hoãn quá trình và thoát khỏi tội giết người.

Zoorat đến lấy Tiểu sử Xanh, anh ta mang theo máy ghi âm và một bản sao của tờ Courier. Tôi từ chối ghi âm, vì vậy anh ta đã dẫn tôi đến Nhà xe ngựa, nằm ở lối vào Sở thú và ngay bên kia đường từ tòa nhà của J. J., Nhà Cổng. Tôi không thấy J. J., nhưng một vài tù nhân Thái Lan ngồi ở cửa ra vào (họ

được tự do đi lại trong trại) theo dõi mọi thứ đang diễn ra. Khi đến đó, tôi phải quỳ gối liên tục bốn tiếng đồng hồ, vói tay lên trời. Zoorat đang bực tức, vì vậy anh ta gọi Lỗi Sắt đến giúp. Tôi không chịu quỳ nữa, nên Lỗi Sắt đã tấn công tôi và đánh vào đầu tôi mạnh đến nỗi tai tôi ù đi, và tôi cứ tưởng hăn đã làm thủng màng nhĩ. Cuối cùng, tôi đồng ý ghi âm. Đó chỉ là một bản tin không quan trọng, nhưng dù sao tôi cũng làm hỏng nó. Hăn đã tha cho tôi một vài bài báo mà tôi nghĩ người nghe có thể nghĩ là do tôi viết. Băng ghi âm không bao giờ được sử dụng, vì có một điều gì đó quan trọng hơn nhiều sẽ sớm thu hút sự chú ý của họ. Tôi quay lại và gặp Ron ở Pool Hall Five vào tối thứ Sáu.

Tôi đã ra ngoài khoảng mười ngày và kể cho Ron nghe tất cả những cuộc phiêu lưu của mình. Anh ấy nghĩ câu chuyện về việc tôi ăn tờ giấy ghi chú thật khó tin.

Lúc năm giờ sáng, ngày 11 tháng 5 năm 1969, chúng tôi bị đánh thức bởi Việt, viên trung sĩ cao lớn, người tra tấn chính thức tại Briar Patch năm 1966. Tôi có cảm giác rằng anh ta đích thân muốn xem tôi có ở đúng nơi tôi phải ở hay không. Vài người khác cũng ở đó với hăn, và vì cửa sổ vẫn mở, chúng tôi nhìn ra ngoài. Chúng tôi có thể thấy một số

lính canh đang hào hứng chỉ tay về phía bức tường phía nam, về phía khu nhà giam Barn hoặc Garage.

Chúng tôi không biết chuyện gì đang xảy ra. Chúng tôi chỉ biết rằng lịch trình hàng ngày đã bị xáo trộn rất nhiều. Chúa nhật thường là ngày nghỉ. Không có tắm rửa hay giặt giũ quần áo nào diễn ra, vì nhiều lính canh đã nghỉ làm cho đến thứ Hai.

Khoảng mười hai giờ ba mươi hoặc một giờ chiều, chúng tôi nhận được một tin nhắn gây sốc qua tường: Hai tù binh chiến tranh đã trốn thoát khỏi Khu nhà phụ vào ban đêm hoặc sáng sớm Chúa nhật! Spiker rất phấn khởi và nói rằng anh ta ước gì chúng tôi được ở cùng họ, nhưng điều đó như một cú đá vào bụng tôi. Câu trả lời của tôi với Ron, Spiker và Coniff là hai người đó có lẽ đã chết rồi. Tôi nghĩ lại rằng Việt đã đến kiểm tra tôi, thậm chí trước khi bắt kỳ ai bị thẩm vấn. Điều này chứng tỏ rằng VC biết rất rõ tôi là SRO của trại.

Sĩ quan cấp cao nhất ở Khu nhà phụ là Conrad Trautman. Chúng tôi biết rằng, vì lý do an ninh, không có bất kỳ kế hoạch trốn thoát nào từng được gửi qua hàng rào từ anh ta.

Vài phút sau, một tin nhắn thứ hai được gửi bằng đèn flash cầm tay, từ gara bên kia hồ bơi đến Moon Mullen ở phòng giam số

một của chúng tôi. Tin nhắn nói rằng hai người đàn ông vừa bị đưa vào khu nhà của chúng tôi, bị bịt mắt và còng tay. Người ta tin rằng họ chính là hai người vượt ngục, Đại úy Dave Atherton và Anthony Scorpio. Chúng tôi không biết chính xác thời gian họ rời đi, hay thời gian họ bị bắt lại, nhưng chúng tôi đoán họ đã ở ngoài tường thành từ mười đến mười lăm tiếng.

Tôi tin rằng bất kỳ nỗ lực vượt ngục nào cũng là dũng cảm, nhưng xét cho cùng, cũng là liều lĩnh. Lời khuyên ban đầu của Risner và Denton về việc vượt ngục đã bảo chúng tôi đừng thử “nếu không có sự trợ giúp từ bên ngoài”. Tôi hiểu “sự trợ giúp từ bên ngoài” là một hoặc nhiều điệp viên bên ngoài tường thành nhà tù, hoặc một cuộc giải cứu bằng trực thăng, do chính quân đội của chúng tôi thực hiện, tại một trại giam biệt lập. Khả năng một người phương Tây rõ ràng có thể trốn thoát khỏi thành phố Hà Nội, về phía tây sang Lào, trong tình trạng thể chất của chúng tôi, với việc thiếu quần áo và giày dép, khiến cơ hội thành công trở thành con số không tròn trĩnh.

Tôi cũng không thể hình dung ra việc đi về phía đông hướng đến Vịnh Bắc Bộ. Người da trắng sẽ nổi bật giữa hàng trăm ngàn người châu Á.

Tuy nhiên, chúng tôi không thể loại trừ mọi nỗ lực trốn thoát, bởi vì một số cơ hội rất bất thường có thể đã xuất hiện. Chính việc Atherton và Scorpio thậm chí còn vượt ra ngoài các bức tường đã chứng minh rằng kế hoạch của họ có phần nào đó hợp lý và logic.

Sau đó, chúng tôi nghe nói rằng các tù nhân Mỹ đã bị giam giữ trong cả bốn phòng giam ở góc khán phòng và cả trong Nhà Gook, tòa nhà trụ sở. Chúng tôi nghĩ rằng có thể có ai đó ở Nhà Xe Ngựa và trong Chuồng Gà. Ban đầu, chúng tôi không thể xác định chính xác có bao nhiêu người được đưa đến từ Khu Phụ, nhưng báo cáo đầu tiên của chúng tôi cho biết là có bảy người. Vài giờ sau, chúng tôi nghe thấy tiếng la hét và tiếng roi quất từ những hướng đó. Tiếng la hét kéo dài gần như cả ngày và tiếp tục suốt cả tuần. Thật kinh khủng khi nghe thấy tiếng la hét và tệ hơn nữa là chúng tôi không thể làm gì được.

Tôi biết tất cả chúng tôi đều gặp rắc rối nghiêm trọng. Bọn khố da vàng (Gook) sẽ không dừng lại cho đến khi chúng cảm thấy bị trả thù vì sự sỉ nhục. Lúc đó tôi chẳng biết tin nhắn nào, cũng chẳng nghĩ ra được gì trong những năm sau đó, để gửi cho mọi người giúp họ chuẩn bị cho thử thách sắp tới.

Spiker nói rằng anh ấy và Coniff đã bàn bạc

với những người khác trong tòa nhà, và tất cả bọn họ đều cảm thấy tôi đang làm quá vấn đề lên, rằng mọi chuyện sẽ qua đi trong mười ngày nữa. Điều đó làm tôi choáng váng, và khi ngồi xuống giường, tôi nói với Ron: “Liệu người của chúng ta có thực sự tin rằng bọn da đen sẽ tha cho chúng ta khỏi chuyện này không? Chúng có bằng chứng, và cả đòn bẩy nữa! Chúng sẽ không dừng lại cho đến khi sợ chúng ta bị nghiền nát. Đây sẽ là sự tra tấn tột cùng cho tất cả mọi người!” Hoặc là mọi người trong phòng bi-a đang cố lừa dối bản thân, hoặc chính Spiker đã nghĩ ra ý tưởng rằng mọi chuyện sẽ “qua đi”. Khả năng cao là vậy!

Bọn lính canh bắt đầu bằng cách quấy rối chúng tôi bằng ba mươi, bốn mươi lần nhìn trộm mỗi ngày. “Nhìn trộm” nghĩa là mỗi lần lính canh đến chỗ người nhìn trộm, bạn phải đứng dậy và cúi chào. Họ sẽ nhìn bạn với ánh mắt đe dọa - chỉ tay vào bạn, nói chuyện với những người lính canh khác, lại chỉ tay, và lặp lại quá trình đó. Tất cả đều rất đáng ngại và đáng sợ, và đó chính xác là những gì họ muốn thực hiện.

Mọi người bị bắt gặp đang giao tiếp khắp trại. Mỗi lần bị bắt, một người nói tiếng Anh trẻ tuổi nào đó sẽ nói với họ rằng mặc dù họ đã phạm lỗi, hắn sẽ “tha thứ cho tội lỗi của họ”.

Điều này khiến một số người trong chúng tôi nghĩ rằng mọi chuyện không đến nỗi tệ. Tôi nghĩ họ thật ngốc nghếch khi nghĩ ra điều gì đó tốt đẹp trong chuyện này. Chỉ là các cơ sở tra tấn đã quá tải vì vụ vượt ngục, nên V không thể bận tâm đến những vi phạm quy tắc nhỏ nhặt vào thời điểm đó. Có lẽ họ có một biểu đồ treo tường để ghi lại tất cả các sự cố liên lạc, điều này sẽ giúp họ tìm ra vị trí các điểm liên lạc chính trong toàn bộ trại. Khả năng đó có vẻ hợp lý hơn nhiều so với việc vùi đầu vào cát và nghĩ rằng chúng tôi thực sự sẽ thoát tội vì bọn da đen đang khoan dung với chúng tôi.

Họ đưa tôi ra ngoài để thẩm vấn, và tôi được yêu cầu ghi âm, theo những gì họ nói là “một thỏa thuận” mà tôi đã đạt được vào lúc Lỗi Sắt đâm vào tai tôi. Tôi từ chối, và họ bắt tôi quỳ xuống, và tôi vẫn từ chối. Rồi Thỏ bước vào. “Chúng tôi biết anh đã làm gì, nhưng đừng vội vàng; đừng làm khó lính canh của tôi; cứ làm băng ghi âm đi rồi về phòng nói với mọi người là bị phạt làm băng ghi âm.” Chúng tôi đã biết Thỏ hỏi rất nhiều người trong nhóm tại sao họ lại cố chấp làm băng ghi âm đến vậy, và một số người còn nói “Tôi không thể làm được nếu không bị phạt.” Hẳn đùa cợt bảo tôi “quay lại nói với

mọi người là anh bị phạt rồi.” Tôi không nghe theo lời anh ta, nhưng sau một thời gian, tôi cũng chịu làm băng ghi âm, và tôi làm rất tệ. Thỏ cũng nói một cách đầy ẩn ý: “Đừng thúc ép chương trình. Tôi sẽ gặp lại anh sau vài tuần nữa. Vậy thì chúng tôi đã sẵn sàng cho anh rồi, và tôi sẽ là OIC của anh.” Nghĩa là “sĩ quan phụ trách.” Thỏ rất thích học thuộc các cách diễn đạt và viết tắt của chúng tôi, để anh ta có thể nói chuyện như thể anh ta biết tất cả mọi thứ về chúng tôi và cũng có thể trò chuyện một cách thông tục. Một hôm, khi trả lời một câu hỏi đơn giản của tôi, hắn giơ hai tay lên và trả lời, “Chỉ có Chúa mới biết.” Hắn là một người vô thần, nên chắc hẳn chúng tôi cũng đã dạy anh ta điều đó!

Khi hắn nói “OIC”, tôi nhìn thẳng vào mắt hắn. Tôi biết hắn đang nói gì, và hắn cũng biết tôi biết. Hắn đang nói, “Anh cứ ngồi yên tại chỗ, và khi nào tôi muốn nhớ anh, tôi sẽ nhớ anh.”

Cuốn băng tôi làm là một bản tường thuật ngắn về một trận chiến ở Nam Việt Nam, một thứ rác rưởi thường thấy, rằng họ đã phá hủy 450 xe tải và giết chết chín triệu người Mỹ. Đó là một hành động mang tính biểu tượng, để khiến tôi, SRO, phải chết và cũng để đe dọa tôi, bởi vì tôi phải làm cuốn băng ngay

tại đó, nơi tôi có thể nghe thấy tiếng la hét của người dân chúng tôi. bị tra tấn. Vài ngày sau, ngày 25 tháng 5, họ lại gọi tôi ra.

Lần này họ đưa tôi đến phòng trước của Hội trường, phòng số một. Tôi ngồi xuống với một thanh niên nói tiếng Anh, anh ta cố gắng thuyết phục tôi làm một cuốn băng khác, và tôi đã làm khó anh ta. Gã Bưởi (Lump) bước vào phòng và nói chuyện với tôi vài phút về lý do tại sao tôi từ chối làm cuốn băng. Sau đó, hắn ta đi ra ngoài rồi quay lại với một gã da đen rất lão luyện. Ở các trại khác, hắn ta được gọi là Thiếu tá Bi, biệt danh “Mèo”. Trông hắn ta có vẻ là một người rất sắc sảo. Hắn ta tỏ ra thân thiện với tôi, vỗ vai tôi, chơi trò mèo vờn chuột. Rồi hắn ta nhìn tôi và nói, “Chúng tôi nghĩ anh biết nhiều thứ.”

Tôi rất lo lắng, bụng tôi cồn cào, và cả ngày hôm đó tôi chưa ăn gì. Tôi biết hơi thở của mình khá hôi, nên tôi tát thẳng vào mặt hắn ta.

“Thưa ngài,” tôi thở dài, “Tôi không hiểu ý ngài.”

Hắn ta tóm lấy câu nói và nhảy lùi lại. Hắn ta suýt nôn thốc nôn tháo. Chỉ vào cổ thiếc của tôi, hắn ra lệnh, “Uống nước đi, uống nước đi!”

“Không, không sao đâu, tôi không cần nước.”

Thiếu tá Bi lùi lại, và Lump lặp lại, “Ga, chúng tôi nghĩ anh biết hết về trại rồi.”

“Những gì tôi biết chẳng thấm vào đâu so với một hạt ruồi trên móng ngựa. Anh hiểu ý tôi chứ?”

“Tất nhiên rồi!” Lump nói. Rồi, vỗ tay như chim, hắn nói, “Ý anh là anh biết bay.”

“Có ích gì chứ,” tôi nghĩ, “anh chẳng nói năng gì có lý cả.”

“Chúng tôi biết anh là SRO,” Lump nói thêm.

“Ồ, tôi vẫn là SRO à? Trại này chưa có đại tá nào à?”

“Không, anh vẫn là SRO. Ai cũng làm theo lời anh bảo.” Hắn cười và cứ kéo lê trước mũi tôi. Rồi hắn nói, “Kiên nhẫn nhé.”

Mèo chen vào. “Vài tuần nữa tôi sẽ gặp lại anh, kiên nhẫn nhé,” hắn nhắc lại. Cả hai chúng tôi đều cười, nhưng tôi biết họ sẽ là người cười sau cùng.

Lump nói với tôi rằng anh ta sẽ không ép tôi ghi âm, vì hắn nhận thấy giọng tôi khàn. “Chúng tôi thậm chí sẽ cho anh ăn uống đặc biệt, vì chúng tôi muốn anh trong tình trạng thật tốt,” hắn nói, nhìn tôi với vẻ hiểu biết. Trở lại phòng giam, chúng tôi liên tục bị các sĩ quan và lính canh dòm ngó, họ nóng lòng muốn gặp SRO, người mà họ được cho là phải chịu trách nhiệm cho tất cả những vấn đề của

họ. Họ muốn tin điều đó. Họ cần một vật tế thần để làm cái cớ cho những thiếu sót về an ninh của họ, và có vẻ như tôi sẽ là người đó.

Họ sẽ không bao giờ tin vào sự thật - rằng tôi hoàn toàn không biết gì về cuộc vượt ngục. Ron đoán Cochise đã bị sa thải khỏi chức chỉ huy, và có lẽ nhiều người da đen sẽ không quan tâm đến chuyện này.

Số lượng nhân viên trại giam và lính canh người Việt Nam đã tăng lên đáng kể do số lượng tù nhân bị tra tấn quá lớn. Có lẽ họ đã lường trước được một cuộc bạo loạn. Đề xuất trước đó của tôi về việc đập vào song sắt và hét lên “dừng tra tấn” giờ đây có vẻ không còn nực cười nữa. Nhưng thật khó để cố gắng tạo cho những người sống trong điều kiện bán biệt lập cảm giác rằng họ đang cùng nhau giải quyết một vấn đề chắc chắn sẽ dẫn đến một hình phạt khủng khiếp. Mỗi người, trong thâm tâm, đều hy vọng rằng kẻ thù sẽ không nhắm vào mình. Mọi người trên khắp thế giới vẫn đang tự hỏi tại sao những người Do Thái bị đưa vào phòng hơi ngạt lại im lặng. Tôi tin rằng mỗi người trong số họ đều hy vọng rằng một phép màu vào phút chót, hoặc một sự thay đổi trong suy nghĩ, sẽ xảy ra kịp thời để cứu mạng họ. Một số tù binh chiến tranh cũng có cùng một hy vọng hảo huyền

về sự trừng phạt cho nỗ lực vượt ngục. Ron trèo lên bệ cửa sổ để nhìn qua những ô cửa chớp, giờ đây hầu như lúc nào cũng đóng kín. Cậu nhìn thẳng vào mắt tên Béo Phì (Fatass), một trong những đứa trẻ đồ vui khó ưa nhất. Fatass mở cửa sổ ra. “Ha, tao đã bắt gặp mày nhìn trộm, nhưng hôm nay tao tha thứ cho mày.” Vớ vẩn! Tôi ra lệnh dừng mọi cuộc nói chuyện phiếm và cố gắng hạn chế số người bị bắt. Nhưng chắc hẳn mấy gã kia cảm thấy cần phải nói chuyện với nhau hơn bao giờ hết, nên việc liên lạc vẫn tiếp tục với tốc độ chóng mặt. Tôi hiểu được nhu cầu đó, nhưng tôi cũng biết chúng tôi đang tự đặt mình vào nguy hiểm hơn. Chúng tôi không biết gì về số phận của những người vượt ngục.

Thỉnh thoảng, tiếng roi quất và tiếng la hét lại tăng dần cường độ. Rồi, sau vài ngày, gần như chẳng còn gì nữa. Rồi một chu kỳ mới lại bắt đầu. Chúng tôi cho rằng đó là dấu hiệu của một nhóm tù binh chiến tranh mới đang bị đưa vào nhà máy tra tấn. Lối Sắt thường đến giếng khi chúng tôi ở đó. Hẳn cầm một cây roi cứng, vung vẩy trong không trung khi nhìn chúng tôi. Chúng tôi biết tất cả chỉ là một phần của chiến dịch hù dọa lớn. Nó đang diễn ra tốt đẹp!

Cảm giác thèm ăn của tôi giảm sút vì quá

hồi hộp, và cũng vì họ đang cho cả khoai tây vào súp. Chắc tôi bị dị ứng với khoai tây. Cổ họng tôi sưng to đến mức không thể ăn nổi.

Trong vài ngày đầu của các buổi tra tấn, chúng tôi không được phép vào khu vực tắm ở cuối tòa nhà Pool Hall vì nó gần với Hội trường, nơi chúng giam giữ một số người của chúng tôi. Sau đó, khi chúng tôi tiếp tục tắm ở đó, chúng tôi nhận ra rằng chúng không còn giam giữ người của chúng tôi trong Pool Hall nữa, mà đang sử dụng tòa nhà Coop để tra tấn.

Đêm mười hai tháng Sáu, khoảng chín giờ tối, cửa sổ hé mở, và một người lính canh da ngăm đen, Jose, nhìn vào. Anh ta mở cửa và bảo tôi mặc quần áo. Anh ta bước ra ngoài phòng và chờ đợi. Ron bước đến, bắt tay tôi và nói: “Chúc anh may mắn, Lar.” Tôi nói: “Chúa ơi, lại đến lượt tôi vào tù rồi.” Ron trông rất buồn - anh ấy biết rõ chuyện gì đang xảy ra. Tôi cảm thấy Ron cũng sẽ đau khổ không kém khi phải ở một mình và lo lắng trong phòng, bởi vì anh ấy đã phải chịu đựng rất nhiều khi chúng tôi xa nhau. Chà, tôi nghĩ, kệ đi, cũng chẳng có gì ngạc nhiên, chúng tôi biết một ngày nào đó họ sẽ đến tìm tôi. Tôi chưa bao giờ nghỉ học một năm mà không bị tra tấn, nên chắc chắn đây lại là

thời điểm của tôi rồi.

Khi tôi bước ra ngoài, Jose túm lấy một cánh tay tôi và kéo ra sau lưng, rồi giơ lên cao, để làm tôi đau hoặc sợ một chút. Anh ta dẫn tôi đi dọc theo con phố, thẳng đến phòng Hồ Chí Minh, phòng số ba - nằm phía sau Hội trường cũ. Anh ta giật dép của tôi và đẩy tôi vào phòng, ngã xuống sàn. Anh ta đặt một bộ xiềng chân rất nặng lên chân tôi, rồi đóng cửa lại. Căn phòng lờ mờ sáng, như thường lệ, với một bóng đèn rất nhỏ.

Những mạng nhện lớn treo lủng lẳng ngang vai, và những con nhện xám khổng lồ bò trên sàn. Chúng dài ít nhất bốn hoặc năm inch. Nhưng những thứ trông như lông lá đó chẳng làm tôi bận tâm chút nào. Hàng chục con nhện chân dài đang treo mình trên mạng nhện, và sàn nhà phủ đầy kiến. Phòng giam đầy muỗi. Một phần trần nhà đã sụp xuống. Có những thanh tre ở trên đó, và bạn có thể nghe thấy tiếng chuột chạy quanh xà nhà. Dọc theo bức tường là những cột trụ cao khoảng một feet, thường được dùng để đỡ một tấm ván giường. Không có ván giường, và chỗ ngồi của tôi là chiếc ghế đầu gỗ nhỏ nổi tiếng. Cứ khoảng năm phút lại có một tên lính gác vào kiểm tra, bắt tôi đứng dậy cúi chào. Chúng không cho tôi ngủ chút nào, mà

cứ ngắt lời tôi cho đến khi tôi nằm bẹp xuống sàn, ngửa đầu ra sau. Chúng phải quát tháo tôi, quấy rối tôi suốt đêm. Hôm sau, tôi được uống một cốc nước trong chiếc cốc nhỏ của mình, thứ mà chúng lấy của Ron. Cả ngày hôm sau, tôi phải ngồi trong phòng giam, và cứ vài phút lại bị bọn lính gác quấy rối. Một anh chàng nhỏ con nói tiếng Anh, một thanh niên ở Briar Patch mà tôi có chút quen biết, đến và nói: “Ga-reeno, giờ đến lượt mày phải trả giá cho tất cả những gì mày đã làm với ban quản lý trại - giờ mày phải chịu trách nhiệm. Giờ là lúc của mày!”

Hắn ta có vẻ đặc biệt khó chịu khi nghĩ đến việc tôi bị liên lụy trong vụ vượt ngục này, như thể tôi đã đâm sau lưng hắn ta vậy. Hắn ta còn cố nói với tôi rằng: “Tao đứng về phe tao chứ không phải phe mày.” Hôm đó, tôi được ăn uống như thường lệ.

Đêm đó, chúng lại quấy rối tôi và không cho tôi ngủ. Tôi nằm xuống vài lần, chúng la hét và kéo tôi dậy hết lần này đến lần khác. Khi tôi ngã xuống, kiệt sức, tôi thấy mình đang nhìn chăm chăm vào một con nhện lông lá khổng lồ chỉ cách mắt tôi vài phân. Nó cũng nhìn lại tôi, nhưng không hề tiến lại gần dù chỉ một phân. Đó là một cuộc giằng co.

Sáng thứ Bảy, ngày 14 tháng 6, là kỷ niệm

bốn năm ngày tôi bị bắn hạ. Và tình hình của tôi tệ hơn nhiều so với những năm trước. Lính canh đến và ra hiệu cho tôi đứng dậy và đi ra ngoài. Tôi cúi xuống nhắc thanh ngang của chiếc cùm chân, rồi tập tễnh bước xuống cầu thang, băng qua sân đến Chuồng Gà, phòng số năm, nơi diễn ra hầu hết các màn tra tấn.

Chúng bắt tôi quỳ xuống và giơ cao hai tay. Vài phút sau, Thỏ bước vào, trông hẳn ta thật tự mãn! “Mày đã sẵn sàng thú tội chưa?”

“Tao không hiểu ý mày.”

“Ta đã nói với ngươi rồi mà - ngươi biết rõ ta đang nói gì. Ta sẽ là OIC của ngươi.” Hẳn tiếp tục đùa giỡn với tôi, thỉnh thoảng cười toe toét, rồi nhanh chóng thay đổi tâm trạng và nhìn tôi bằng ánh mắt đen tối, đáng sợ mà Thỏ thường dùng để gieo rắc nỗi kinh hoàng vào tim ta. Trong lúc hẳn nói, tôi có thể nghe thấy tiếng roi quất và tiếng người la hét kinh hoàng trong cùng tòa nhà, nhưng Thỏ chẳng hề chớp mắt. Tôi chẳng bao giờ biết được những người đàn ông đó là ai.

“Được rồi, ta sẽ quay lại khi ngươi sẵn sàng thú tội,” hẳn nói. Ý nghĩ ấy thoáng qua trong đầu tôi nhiều lần: bốn năm, chẳng có gì thay đổi - tôi vẫn quỳ gối, vẫn bị tra tấn, và chiến tranh chẳng có vẻ gì là tốt đẹp hơn,

mặc dù các cuộc đàm phán đang diễn ra ở Paris. Tháng 11 năm ngoái, chúng tôi nghĩ rằng một tháng nữa sẽ được về nhà. Giờ đây, tôi tuyệt vọng tìm kiếm một thứ gì đó, bất cứ thứ gì, để bám víu. Trời nóng đến nổi mồ hôi tôi đọng thành vũng ở chỗ tôi quỳ. Thỉnh thoảng họ cho tôi uống nước. Họ biết tôi cần thứ đó để sống sót.

Tôi tiếp tục quỳ từ bảy giờ sáng hôm đó cho đến gần trưa, thì một toán côn đồ ập vào. Một tên trong số chúng kéo quần tôi xuống, rồi đá tôi ngã sấp xuống. Chúng dang rộng chân tay tôi ra và trói tay chân tôi bằng dây thừng. Vài tên đứng lên tay tôi, và một tên khác đánh tôi bằng đai quần. Không nhiều lắm, chỉ khoảng sáu roi. Vừa đủ để tôi biết điều gì sắp xảy ra, và nó sẽ rất đau đớn. Đến giờ ăn, chúng cho tôi ngồi trên sàn mười lăm phút để ăn súp, với nửa ổ bánh mì. Sau đó, tôi lại quỳ xuống. Tôi cố gắng nghỉ ngơi bằng cách thỉnh thoảng ngã xuống, nhưng tên lính canh lại dùng lưỡi lê ép tôi đứng dậy.

Tên Đăn (Lump) đến. Chúng bịt mắt tôi lại. Điều đó khiến tôi khó giữ thăng bằng mà không ngã. Lump hỏi, “Hôm nay YKB thế nào?”

“Tôi không biết.” Tôi không hề tỏ ra nhận ra mặt danh của mình.

“Còn YKB thì sao?” Gã Lump lặp lại. “Các đồng chí của anh ở trại bên cạnh, trong khu nhà phụ, đã gửi cho anh một tin nhắn tử tế. Họ nói rằng nhân dịp sinh nhật lần thứ bốn mươi bảy của anh, họ làm anh ngạc nhiên bằng cách mỗi người hoàn thành năm mươi cái chống đẩy và một trăm cái gập bụng.” Tôi cũng chẳng hề để ý đến điều đó. (Sau đó, tôi đã gửi một tin nhắn xuống đây một cái bát bằng thìa nhôm: “TY NO ABT YKB,” nghĩa là “họ biết về YKB.”)

“Anh đã dẫn dắt trại phản kháng lại chính quyền, và anh đã gây ra cho chúng tôi rất nhiều rắc rối. Anh nghe thấy đồng chí của anh, giờ họ la hét và đau khổ như thế nào!” Rồi hắt bỏ tôi lại một mình. Chẳng mấy chốc, một trò chơi mới lại bắt đầu. Mỗi khi một sĩ quan (Lump, Spot, hoặc Rabbit) thăm vấn tôi xong, đội còn đồ lại quay lại và lặp lại trò đánh bằng dây quạt, mỗi lần lại tăng số lần đánh. Giữa những cuộc thăm vấn và đánh đập, tôi phải quỳ gối cho đến khoảng sáu giờ tối. Sau đó, chúng bắt tôi ngồi trên chiếc ghế gỗ và hành hạ tôi suốt đêm, không cho tôi nhắm mắt. Chân và bàn chân tôi bắt đầu sưng lên do bị còng tay hạn chế lưu thông máu.

Ba buổi sáng sau, tôi trở nên cáu kỉnh vì

đã thức bảy mươi hai tiếng. Spot bước vào trong lúc ai đó ở cuối hành lang đang bị đánh đòn. Với tiếng la hét của nạn nhân và tiếng la hét của lính canh làm nền, Spot trêu chọc tôi về việc tôi là “biệt kích (ko-mander)”. Tôi cố gắng nghĩ ra một lối thoát, một cách để kết thúc mọi chuyện cho tất cả chúng tôi. Đường như việc tiếp tục phủ nhận thông tin về vụ vượt ngục cũng chẳng mang lại lợi ích gì. Có lẽ tôi nên nói lý với bọn da đen, thể hiện sự sẵn sàng gánh chịu mọi chuyện. Liệu chúng có ngừng tra tấn người khác không? Tôi cũng nên thử xem sao. “Nếu mình nói, ‘Vâng, tôi lãnh đạo phong trào kháng chiến, tôi là SRO,’ thì chúng còn làm gì được mình nữa?” tôi nghĩ. “Dù sao thì họ cũng sẽ tra tấn tôi, bất kể tôi làm gì hay nói gì.”

Chiều hôm đó, sau khi quỳ gối cả ngày, Lump quay lại hỏi: “Giờ thì mày đã sẵn sàng nhận tội chưa?”

“Vâng,” tôi đáp.

“Tốt, vậy thì nói cho tao biết.” Tôi nói với hắn rằng tôi biết chuyện gì đã xảy ra.

“Mày chịu nhận là mày biết à?”

“Vâng, tôi nói cho mày biết là tôi biết, và mọi chuyện đã kết thúc rồi. Mày lại bắt được bọn chúng, và tao không thấy mày tiếp tục tra tấn người khác có ích gì nữa. Vậy nên cứ

hỏi tao bất cứ điều gì mày muốn biết, tao sẽ nói cho mày biết và mày có thể dừng lại.”

“Vậy là mày chịu nhận tội à?”

“Chắc chắn rồi.” Lúc đó tôi vẫn đang quỳ gối và bịt mắt.

“Ga-reeno, với tất cả những gì mày đã làm với chúng tao, chúng tao sẽ bắt mày phải trả giá! Mày biết đấy, chỉ huy trại đã mất việc rồi, và tao cũng đang rất có nguy cơ mất việc.”

“Cố gắng đừng biến chuyện này thành chuyện riêng tư giữa tao và mày,” tôi lý luận. “Tôi là SRO của các tù nhân, còn anh là chỉ huy trại. Tôi có việc của tôi, vì tôi là cấp trên, và anh cũng có việc của anh. Nếu anh mất việc, trại này chẳng có gì tốt đẹp cả. Anh có thể tìm cho mình một vị trí tốt hơn ở một nơi khác tại Hà Nội.” Tôi không nghĩ gã Lump hiểu ý câu nói, nhưng dù đau khổ đến thế nào, tôi vẫn không thể cưỡng lại việc nói thẳng vào vấn đề.

“Không, không, Ga-reeno, vì những gì anh đã làm, anh phải chịu đựng, phải trả giá!” Rồi gã hỏi mất bao lâu để nhận được tin nhắn, và tôi nói với gã rằng tôi nghĩ chỉ vài phút. Rồi gã Đần (Lump) đáp lại chúng tôi một lời khen mỉa mai nhưng chân thành. “Tôi rất ấn tượng với những gì các anh đã làm. Tôi rất ấn tượng với hiệu quả của hệ thống liên lạc

của các anh. Nhưng giờ các anh phải trả giá!” Vậy là họ sẽ không để tôi, hay bất kỳ ai trong chúng tôi, thoát tội. Thôi xong!

Từ ngày 14 trở đi, họ giam tôi trong phòng số năm, 24/24. Tôi phải quỳ gối từ sáu giờ sáng đến sáu giờ chiều. Đôi khi tôi vớ tay lên trời, đôi khi thì bị trói tay, hoặc bị trói bằng dây thép gai. Hầu hết thời gian tôi bị bịt mắt, và luôn bị cùm chân. Có hai lần bị ngắt quãng mười lăm phút để ăn. Tôi không bao giờ nhớ mình phải đi vệ sinh. Cốc thiếc của tôi luôn mang theo bên mình, và họ sẵn sàng đổ đầy nước vì biết tôi không thể sống thiếu nước. Tôi đổ mồ hôi đầm đìa. Suốt đêm, họ bắt tôi ngồi trên chiếc ghế đẩu nhỏ để thức.

Ngày mười lăm, Thổ thỉnh thoảng lại đến hỏi tôi tại sao tôi chống cự và tại sao tôi lại gây rắc rối bằng cách khiến những người đàn ông chống cự? Tôi luôn quay lại với Quy tắc Ứng xử: “Vì đó là điều đúng đắn nên làm.”

Buổi chiều, Spot muốn biết tôi đã nhận được gì trong tin nhắn đầu tiên, và tôi nói sự thật, rằng tin nhắn là hai người đàn ông đã trốn thoát khỏi Nhà tù Phụ lục vào sáng hôm đó. Hỏi về tin nhắn thứ hai. Tôi lại nói sự thật với hắn, rằng hai người đàn ông đã bị bắt và bị đưa trở về trong tình trạng bị còng tay và bịt mắt. Sau đó, hắn muốn biết

tin nhắn trả lời của tôi là gì. Theo tôi nhớ, tôi không gửi lại tin nhắn nào cả. Hẳn khẳng khẳng là tôi có gửi, và tôi khẳng khẳng là tôi không gửi. Hẳn cáo buộc tôi đã ra lệnh trốn thoát, rằng đó là lỗi của tôi. Hẳn cứ thế hàng giờ liền, và tôi liên tục phủ nhận.

Bọn còn đồ lại đến và đánh tôi lần nữa. Đây là lần thứ tư hoặc thứ năm tôi bị đánh bằng dây đai quạt. Vài lần đầu tiên bị đánh, tôi đã khóc, vì cảm giác quá bất thường và quá đau đớn. Cảm giác bỏng rát khủng khiếp khi bị đánh, và mông như bị thiêu đốt. Tôi cố gắng không hét lên, nhưng những tiếng động vô thức cứ phát ra sau bảy, tám cú đánh, dù tôi có cố gắng kìm nén thế nào đi nữa. Kỳ lạ thay, càng bị tra tấn nhiều, người ta càng chịu đựng được nhiều hơn. Cách tốt nhất là cố gắng học cách làm cho chúng hết hứng thú, bởi vì để chúng thực sự thích thú, nạn nhân phải la hét. Điều này càng khiến những kẻ điên loạn kích động hơn, và sau đó chúng sẽ thực sự tấn công bạn. Không la hét hay gào thét thì nói dễ hơn làm. Tôi đã cố gắng hết sức để lừa chúng khỏi bất kỳ khoái cảm nào chúng có được khi đánh tôi.

Còn một khía cạnh khác của kiểu tra tấn này - khía cạnh biến thái. Đôi khi chúng kéo quần tôi xuống tận cùng, và một số tên khốn

kỳ quặc hơn còn nghịch ngợm mông tôi bằng ngón chân trần. Điều này tự nhiên khiến bạn căng cứng người chờ đợi và chống trả, khiến chúng càng thích thú hơn. Spot đặt thanh ngang dưới cùng của ghế lên cổ tôi và ghì chặt tôi xuống, trong khi những người khác dùng dây thừng kéo tôi ra. Nhìn cái cách Spot hét lên sung sướng, tôi chắc chắn hẳn đã đạt được khoái cảm tình dục hoàn toàn sau khi bị tra tấn. Không có gì ngạc nhiên. Bất cứ ai có thể tra tấn người khác theo cách họ đã làm chắc chắn là bệnh hoạn hoặc biến thái.

Trong vài lần thăm vấn tiếp theo của Lump và Spot, đối tượng chuyển sang các chính sách. Tôi nói với họ rằng các chính sách của tôi phù hợp với Quy tắc Ứng xử.

“Anh bảo họ làm gì về việc làm bằng Giáng sinh?” Tôi nói với họ rằng chính sách của tôi nói rằng làm như vậy là được. Spot quay sang tôi với một tờ giấy trên tay, và chết tiệt, anh ấy không đọc lại chính sách của tôi cho tôi nghe từng chữ một! Sau đó, anh ấy hỏi tôi về “chính sách trọn gói” và tại sao tôi lại bảo họ ký vào biên bản kiểm kê? Tôi giải thích: “Ký biên lai không phải là một tuyên bố; điều đó không có gì sai cả.” Thôi chết, tôi nghĩ, dù sao thì chính sách của chúng tôi cũng chẳng có gì sai.

“Anh bảo họ nói dối khi họ viết, phải không!” Spot nói.

“Không.”

“Anh bảo họ nói dối! Tôi biết anh bảo họ nói dối! Anh bảo họ làm gì?”

“À, tôi bảo họ cố gắng trì hoãn, vân vân, đại loại thế.” Sau đó, anh ấy đọc lại chính sách viết của tôi cho tôi nghe, từng chữ một. Anh ấy cầm một xấp giấy trên tay, và tôi biết anh ấy đã có tất cả. Họ tỏ ra rất quan tâm đến chính sách của chúng tôi, và quả nhiên, cuối cùng họ đã đọc lại tất cả cho tôi nghe! Tôi lại yêu cầu họ ngừng tra tấn những người khác, nhưng tất nhiên họ chẳng thèm nghe. Tên da đen kia đã xấu hổ, và giờ hẳn sẽ có được một cân thịt. Họ đang có một khoảng thời gian tuyệt vời khi moi nó ra khỏi chúng tôi.

Những gã tội nghiệp khác bị đánh bằng dây đai quạt. Tôi nghe thấy một số đòn đánh khá nặng. Sau đó, có người nói với tôi rằng tôi cũng bị đánh đòn tương tự, nhưng tôi không nghĩ vậy vì tôi chỉ nhớ được khoảng mười đến mười lăm đòn trước khi bất tỉnh. Có lần, khi tôi tỉnh lại, mọi thứ rất yên tĩnh, và không có ai trong phòng. Tôi nằm đó một mình giữa vũng nước tiểu. Tôi yếu ớt ngẩng đầu lên và nhìn về phía cửa ra vào, ngay lúc đó một tên lính gác rất trẻ xuất hiện. Hẳn

nhìn tôi chăm chăm, mắt mở to kinh hãi, rồi từ từ lùi lại. Rồi hẳn quay người bỏ chạy. Chắc hẳn tôi đã trông thật kinh khủng.

Không thể nói chính xác được là hôm đó hay một ngày khác, tôi đang quỳ gối, cố gắng nghĩ ra cách nào đó để ngăn chặn chúng, và tôi nảy ra một ý tưởng cực đoan, một giải pháp cuối cùng, một ý tưởng tuyệt vọng, vừa ngu ngốc vừa tuyệt vọng! Tuy nhiên, trong tình trạng của tôi lúc đó, thật khó để suy nghĩ thông minh và dũng cảm.

“Nếu mình cố tự tử,” tôi nghĩ, “mình có thể thu hút sự chú ý của cấp trên. Những người này sẽ phải báo cáo, và nếu một số cấp trên đến, họ sẽ thấy rằng chỉ huy trại đã hoàn toàn mất bình tĩnh trong việc trả thù tù nhân và sẽ ngăn chặn điều đó.” Tôi đã hy vọng điều đó sẽ xảy ra, nhưng tôi cũng biết rằng có thể cấp trên đã chỉ đạo việc tra tấn ngay từ đầu.

Tôi thấy một trong những kẻ tra tấn đã để lại một sợi dây thừng căng dưới gầm bàn. Nếu tôi có thể quấn nó quanh cổ, sau đó trèo lên chiếc ghế đầu gỗ và với tới những giá đỡ kim loại treo cửa sổ, tôi có thể quấn đầu dây còn lại qua, rồi ngã khỏi ghế đầu và tự tử. Sau đó, tôi thấy những giá đỡ chỉ được giữ bằng vít gỗ, có thể bị bung ra. Sợi dây gai dầu cũng trông có vẻ sòn và có thể đứt ngay lập

tức vì sức nặng của tôi. Tôi không muốn làm hỏng việc đến mức đó. Không, tôi quyết định, treo cổ không phải là một lựa chọn tốt.

Tôi không thực sự muốn chết, tôi chỉ muốn làm điều gì đó đủ quyết liệt để thu hút sự chú ý, để chúng có thể suy nghĩ kỹ hơn về những gì chúng đang làm. Một ý tưởng khác nảy ra trong đầu tôi. Coop là tòa nhà duy nhất trong khu nhà có cửa sổ kính. Tôi quyết định sẽ cắt cổ tay. Tôi hy vọng rằng bằng cách nào đó tôi sẽ may mắn và sống sót qua chuyện này. Hầu hết thời gian tôi đều bị bịt mắt và trói, nhưng hôm nay, vì sự lười biếng của bọn lính canh, tôi không bị trói hay bịt mắt. Tôi chỉ bị còng tay và quỳ gối. Một trong số nhiều điều có thể xảy ra. Tôi sẽ chết vì mất máu, hoặc chúng sẽ bắt tôi và trừng phạt tôi nặng hơn, hoặc chúng sẽ phải ngừng tra tấn để chăm sóc vết thương cho tôi. Chúng có thể tìm thấy tôi nằm trên sàn nhà đang chảy máu và khâu tôi lại, và tôi sẽ bị cụt một cánh tay, miễn là chúng có thể truyền máu trở lại để tôi sống. Nếu có đội ngũ y tế ở đó, tôi sẽ có cơ hội sống. Tôi quyết định rằng đó là phương án tốt nhất, và càng nghĩ về điều đó, tôi càng thấy nó hợp lý.

Một người Mỹ ở phòng bên cạnh bắt đầu la hét. Anh ta hét lên, “Các người đang giết

tôi, các người đang giết tôi, dừng lại, các người đang giết tôi đấy.” Rồi một anh chàng tội nghiệp khác ở bên kia đường trong Nhà Gook giật mình. Nghe thấy tiếng la hét của một đám da đen, tôi quay lại cửa sổ và thấy chúng đang chạy về phía phòng giữa tòa nhà. Tôi thoáng thấy bóng dáng của những người mặc đồng phục trắng - lính cứu thương! Điều đó khiến tôi giật mình. Bây giờ hoặc không bao giờ! Tôi đứng dậy, túm lấy thanh sắt và tập tễnh đi đến cửa sổ. Tôi đâm vỡ một trong số chúng bằng tay trái, làm kính văng tung tóe khắp sân. Ấn tay trái xuống mép kính, tôi xoay nó hết sức có thể. Chẳng có gì cả. Tôi nhìn vào cái kính chết tiệt đó. Nó đã vỡ thành những cạnh tròn! Hoảng sợ, tôi với tay lấy hai mảnh dài treo lủng lẳng từ trên đỉnh tấm kính như những khối băng. Tôi dùng tay phải chop lấy một mảnh và bẻ gãy nó. Vừa làm vậy, tôi vừa cắt đứt lòng bàn tay phải của mình. Tôi chém mảnh kính vào cổ tay trái hai lần, hết sức có thể. Tất cả những gì tôi nhận được chỉ là vài vết bầm tím! Tôi kinh ngạc! Chẳng lẽ Chúa Jesus không bao giờ buông tha tôi sao? Tại sao Ngài không buông tha tôi? Lúc đó tôi hét lên. Bọn khốn đó đã nghe thấy tiếng cửa sổ vỡ.

Duck chạy đến và lao vào tôi. Hấn kiểm tra

cổ tay tôi, rồi đập tôi ngã lăn ra sàn. Lúc đó các nhân viên y tế đã có mặt - mọi người đều đang nói huyền thuyên cùng một lúc. Duck bịt mắt tôi lại, và tôi cảm thấy vài người trong số họ nhắc bóng tôi lên và ném tôi đi. Những giọng nói trở nên nhỏ dần và rất xa. Đôi khi tôi nghe thấy tiếng xích sắt va vào nhau, đôi khi lại im lặng, rồi tôi tỉnh dậy, lúc mê man bất tỉnh. Tôi nằm sấp. Rồi những dây quạt gió ập đến, thiêu đốt tôi. Tôi không biết mình đã bị đánh bao nhiêu lần, nhưng mọi thứ trong bàng quang và ruột của tôi đều đổ ra sàn.

Tôi bị ép ngồi dậy, và một giọng nói vang lên. Ban đầu tôi nghe rất khó nghe, tôi rất chóng mặt, và tai tôi ù đi. Đó là Lump đang nói.

“VẬY là mày muốn chết hả Ga? Được thôi, bọn tao cho mày chết! Không phải chết nhanh như mày muốn đâu! Bọn tao sẽ cho mày chết, nhưng phải chết từ từ và êm ái. Được chứ? VẬY là mày không muốn quay lại gặp vợ con nữa sao? Mày nghĩ bọn tao quan tâm đến chuyện đó sao? Bọn tao không quan tâm! Tao có thể ký một tờ giấy nói rằng Ga-reeno đã chết trong trại giam. Rất đơn giản. Tao làm được.”

Tôi chắc chắn bọn chúng đã làm điều đó với những người khác rồi, trong những buổi tra tấn điên cuồng. Rồi Rabbit đến.

“Vậy là mày muốn chết hả? Bọn tao không quan tâm! Bọn tao có thể phủ nhận việc từng quen biết mày. Bọn tao có thể nói rằng bọn tao chưa từng nghe nói đến Ga-reeno.”

Cố gắng lắm, tôi thì thầm khàn giọng, “Mày không thể làm vậy được - tao đã viết thư về nhà rồi - người nhà tao biết tao ở đây.”

“Chúng tao quan tâm gì chứ? Bọn tao có thể phủ nhận! Họ có thể làm gì được chứ?” Hẳn ta nói đúng, và tôi biết điều đó.

Johnson đã dừng ném bom năm 1968, và giờ chắc chắn họ có thể bảo chúng tôi rút đi, và đó là điều họ đang nói. Chúng tôi đã tự bỏ nanh vuốt của mình. Ông ta lặp lại câu nói đó để chắc chắn rằng nó đã ngấm vào đầu tôi:

“Chúng tôi có thể phủ nhận rằng chúng tôi chưa từng nghe nói về anh, Ga-reeno.”

Đêm đó, từ chỗ ngồi của mình, tôi thấy tất cả các cửa sổ của Coop đã bị tháo dỡ và đang dựa vào tường của Nhà Gook. Họ cũng cẩn thận không để lại bất kỳ sợi dây thừng nào xung quanh. Họ không để tôi hay bất kỳ ai khác lừa họ khỏi cuộc vui.

Ý định tự tử của tôi đã được định sẵn là thất bại ngay từ đầu. Một điểm cộng nhỏ là nó đã khiến họ không còn chú ý đến những anh chàng tội nghiệp khác, dù chỉ trong khoảng một giờ. Họ bỏ rơi họ như những củ khoai

tây nóng, để tập trung vào việc đánh tôi cho đến chết!

(Những năm sau này, tôi đã kể lại trải nghiệm đó với các thành viên của Trường Tuyên úy Không quân. Điều đó đã khiến họ ghen ngào vì họ tin, như tôi vẫn luôn tin, rằng đó là một loại phép màu.)

Tôi đã chứng kiến bọn gook hành động quá nhiều lần đến nỗi tôi biết rằng, nếu không có sự giám sát, trong cơn cuồng loạn, chúng sẽ giết người. Ngày hôm sau, tôi chỉ nhớ rằng chúng trói cổ tôi lại và kéo hết sức nặng của tôi lên để thông lọng khép lại. Ngay trước khi tôi ngất đi, tôi lơ mờ nghe thấy một giọng nói gọi “Veet, veet, veet!” Tôi nghĩ nó có nghĩa là “dừng lại”. Nếu không, tôi sẽ chỉ là một trong những hài cốt được trả về, như Lump đã hứa.

Conrad Trautman đã trải qua một thử thách tra tấn khủng khiếp. Sau đó, anh ấy kể với tôi rằng trong khi chúng đưa anh ấy vào nhà máy, anh ấy tình cờ nhìn ra sân và thấy bọn gook dẫn tôi lên bậc thang của một giàn giáo và treo cổ tôi lên. Connie chắc chắn rằng anh ấy thực sự đang chứng kiến chúng giết tôi. Việc anh ấy chắc chắn đó là tôi chỉ là một trò lừa bịp của tâm trí anh ấy, bởi vì anh ấy chưa bao giờ nhìn thấy tôi, không biết tôi trông như thế nào.

Dấu mốc tiếp theo mà tôi biết chắc chắn là ngày 3 tháng 7. Vậy là khoảng giữa ngày mười chín tháng Sáu và ngày ba tháng Bảy, khi tôi đang quỳ gối, tên Mập (Fatass) lại vào để giải khuây. Tôi căm ghét hắn ta vô cùng. Hắn ta bắt tôi phải giữ tư thế nghiêm ngặt, giữ thẳng bằng trên đầu gối và móng chân. Tôi không thể giữ tư thế đó quá một phút. Tôi cứ ngã xuống. Tức giận vì tôi không thể làm theo, hắn ta tóm lấy xiềng chân tôi, vặn vẹo và lật tôi trên sàn. Tôi không bị bịt mắt, cũng không bị trói tay. Dù yếu ớt đến đâu, đó cũng là điểm yếu của tôi, và tôi nổi cơn thịnh nộ. Tôi giật xiềng xích ra khỏi tay hắn và nhảy dựng lên. Tôi nhặt thanh sắt lên để tập tễnh đi lại dễ dàng hơn. Tôi thấy nỗi sợ hãi thực sự hiện rõ trên khuôn mặt hắn khi tôi hét lên, “Đồ khốn nạn tàn bạo, tao sẽ giết mày!” Tôi đuổi theo hắn, và hắn lùi lại và chạy vòng qua bàn làm việc. Rồi hắn chạy về phía cửa - có một tên lính gác đang đứng đó, tay cầm khẩu súng lục. Anh ta nói gì đó với Fatass bằng tiếng Việt, hình như là, “Dừng lại, đừng tỏ ra sợ hãi.” Fatass vẫn nhìn chăm chăm vào tôi, vô cùng sợ hãi khi nhảy nhót khắp nơi, cố gắng tránh xa tôi, vì tôi chắc chắn sẽ nhắm vào cổ anh ta. Hắn bước qua cửa, nói gì đó với người bảo vệ, “Mặc kệ, thẳng này

điên rồi!” Khi tôi cố gắng theo Fatass ra khỏi cửa, tên lính canh đã dùng súng nện vào tai phải tôi, khiến tôi bất tỉnh.

Vài giờ sau, khi tôi tỉnh lại và nhìn thấy lại, tôi thấy vai phải mình bị trầy xước nghiêm trọng vì bị lật và kéo lê, và toàn bộ tóc bên phải đỉnh đầu tôi đã bị giật tung ra khỏi chân tóc. Đầu gối tôi sưng phồng lên như hai chiếc bánh rán thạch thối, và cảm giác như chúng bị nhét đầy những lưỡi dao cạo gây. Tôi vẫn còn ở phòng số năm, khi Spot quay lại hỏi tôi đang quỳ ở đó.

“Anh đã gửi tin nhắn gì đến phòng kia?” (Ý anh ấy là quay lại Nhà phụ sau khi chúng tôi biết về vụ vượt ngục.)

“Tôi đã nói với anh rồi. Tôi không gửi tin nhắn nào cả.”

“Phải, anh đã gửi tin nhắn. Anh nói, ‘Chúc mừng, cả nước chúng ta sẽ rất tự hào về anh.’”

“Tôi không nói vậy.”

“Ồ, đúng rồi. Và giờ chúng ta sẽ trừng phạt mày thêm nữa.

Chúng bắt tôi ngồi xuống sàn và trói tôi bằng dây thừng chặt nhất có thể. Lần này tôi quyết tâm không phát ra tiếng động nào, và tôi đã làm được. Một tên da đen bước ra sau lưng tôi, nắm lấy hai tay bị còng của tôi và kéo lên, nhấc bổng tôi khỏi ghế, dồn trọng

lượng lên khớp vai. Hắn ta quăng tôi lên xuống trên cái mông bầm dập của tôi, và cơn đau ở vai tôi thật khủng khiếp.

Trong “bài tập” đây thường đó, tôi có thể cảm thấy xương mình cong lại, và da tôi căng ra. Tôi nhận ra rằng cơ thể có thể chịu đựng được nhiều sự trừng phạt hơn những gì lý trí muốn. Hơn bao giờ hết, tôi cảm thấy mình có thể giữ bình tĩnh. Spot đang tự hỏi liệu tôi đã tỉnh hay đã ngất xỉu.

“Ga! Ga! Anh giả vờ à?”

Anh ta vói tay nhắc tấm bít mắt lên. Tôi nhìn thẳng vào mắt anh ta và nói, “Tôi vẫn ở đây.” Tôi dường như không bận tâm đến những gì họ đang làm với mình. Liệu anh ta có ấn tượng với điều đó không? Khi mọi chuyện trở nên quá đáng, tôi nói, “Được rồi, tôi sẽ thú nhận.”

“Tốt. Tin nhắn anh gửi là gì?”

“Chúc mừng, cả nước chúng ta sẽ tự hào về anh.”

“Anh nói dối!”

“Được rồi, đây là một lời thú nhận nữa. Tôi ra lệnh cho chúng trốn đi.”

“Mày nói dối!” Tôi nhận ra cả Sáu Bọ lẫn những người còn lại đều chẳng quan tâm đến những gì tôi nói, họ chỉ muốn đập vỡ sọ tôi. Tôi nói hay im cũng chẳng sao, đó là khoảng

thời gian vui vẻ cho tất cả mọi người. Spot ngừng tra hỏi và bỏ đi.

Trong lúc tôi đang ngồi, những kẻ tra tấn đã bẻ cong tôi xuống đến mức đầu tôi bị đẩy vào dưới thanh sắt vắt ngang mắt cá chân. Tôi không biết làm thế nào mà chúng lại đặt tôi vào tư thế đó, nhưng tôi đã ở đó. Tôi nhớ mình đã nghĩ, “Chúa ơi, tôi không biết mình có thể làm trò như thế này!” Chúng lật tôi qua lại trên xương cụt, rồi lại lật ngửa. Tôi không thể cảm nhận được tay mình, nên tôi không biết mình đang chống tay hay nằm nghiêng hay gì nữa.

Họ lăn tôi vòng vòng như thể tôi là một quả tạ tập thể dục chứ không phải một con người sống. Chẳng mấy chốc, họ chán và trò chuyện với nhau một lúc. Chắc hẳn họ đã thống nhất một trò chơi mới. Họ kéo đầu tôi ra khỏi thanh xà ngang, và với một người đàn ông ngồi ở mỗi bên, họ đánh tôi bằng gậy tre, từ trên đầu gối xuống móng chân, và đặc biệt là vào ống chân. Đau khủng khiếp, nhưng bằng cách nào đó tôi thấy mình có thể ngậm miệng lại và không phải phát ra tiếng động nào.

Họ chà xát đôi dép bẩn thỉu của họ lên tất cả các vết thương hở của tôi, và chẳng mấy chốc chúng đã bị nhiễm trùng. Vài ngày

sau, việc đánh bằng gậy tre đã khiến chân tôi chuyển sang màu xanh tím, với những cục u lớn ở ống chân mà tôi sẽ nhớ mãi. Mọi thứ dường như im lặng trong một thời gian dài. Tôi cứ thế liên tục chịu đựng. Chắc hẳn họ đã nói lỏng dây thừng, vì điều tiếp theo tôi nhận ra là mình đang ngồi trên sàn, và Spot lao về phía sau, hét lớn, “Ga-reeno, Ga-reeno! Hôm nay chúng ta sẽ thử sức chịu đựng của mày! Hôm nay mày muốn nói chuyện với ai? Mày muốn nói chuyện với mẹ mày? Cha mày? Vợ mày? Con trai mày? Mày muốn nói chuyện với họ à? Được thôi, tao cho phép mày nói chuyện với họ! Giờ mày sẽ gọi tất cả bọn họ.” Họ lật úp tôi lại và kéo tôi ra bằng dây thừng, rồi Spot lại dùng ghế ghìm đầu tôi. Hẳn dí mặt vào tai tôi và hét, “Gọi mẹ mày đi! Gọi cha mày đi! Gọi con mày đi!” Một tên khốn khác kéo quần đùi tôi xuống, dang rộng hai chân tôi ra trên xà ngang, rồi một đội hai người đánh đòn tôi. Tôi đã làm rất tốt khi không hét lên, mặc dù trong một loạt đòn dài, một số âm thanh vô tình đã thoát ra. Những gì tôi có trong người lại tuôn ra trên sàn. Tôi không biết họ đánh tôi bao lâu nữa, vì tôi đã trốn lên mây. Khi tôi tỉnh dậy, nằm đó, căn phòng im ắng. Tôi cảm thấy có thứ gì đó nhỏ giọt xuống hông, tôi nghĩ đó là máu chảy ra

từ người mình, nhưng sau đó tôi nhận ra một nhân viên y tế đang nhỏ một loại dung dịch nào đó lên vết thương hở của tôi.

Slug bước vào, mở rèm cửa sổ ra và ném cho tôi một liều thuốc, nhưng tôi lờ đi. Tôi nghĩ họ lại sắp đánh tôi. Cái quái gì thế này? Tôi không quan tâm nữa. Hắn lắc đầu “không, không” – hắn muốn tôi đứng dậy và ra ngoài rửa mặt! Hai tù nhân Thái Lan mang xô vào để lau sàn nhà, chắc hắn sàn nhà đã rất bừa bộn. Kéo lê chiếc quần dài phía sau, tôi loạng choạng ra đường, vấp ngã nhiều lần. Mắt tôi! Tôi nhìn thấy hai hình một, chóng mặt và buồn nôn đến mức không thể định hướng được.

Vài tên khốn ngồi trên bậc thềm tòa nhà trụ sở cười ồm ồm khi thấy tôi loạng choạng, ngã xuống và loạng choạng, cố gắng chạy đến giếng.

Tôi ngất xỉu trên mặt đất gần giếng. Slug đến và đá tôi đứng dậy. Tôi cố gắng kéo nước lên nhưng không được. Nước đã có sẵn trong một cái chảo lớn. Tôi cố giặt bộ đồ ngủ của mình nhưng không được - tôi chỉ lấy chúng bằng tay trái, tay hữu dụng hơn tay phải một chút, và ném chúng vào dây phơi quần áo. Rồi tôi lại ngã xuống đất. Khi tôi đang nằm đó, một vài tên lính canh đi đến và chỉ vào

mông tôi, nói chuyện rôm rả. Họ có vẻ sửng sốt trước tình trạng của tôi. Tôi hơi ngẩng đầu lên, nhìn lại và thấy nó sưng to hơn quả bóng rổ, bị rách nhiều chỗ, và chảy máu cùng dịch. Một tên lính canh nhặt một bộ đồ ngủ khác từ phòng giam của tôi và bảo tôi mặc vào. Chúng không muốn phải chứng kiến hậu quả của việc làm của mình.

Đêm đó, trở lại Chuồng Gà Số Năm, tôi ngồi đau đớn trên cái mông sưng vù và đầy máu, trước mắt mọi người bên ngoài. Họ đang họp với cán bộ trại, ngay cả nhân viên nhà bếp. Họ bật máy phát điện và chiếu đèn vào đội thông báo. Họ dùng một tấm bảng đen lớn và thông báo cho mọi người về cuộc vượt ngục. Họ cũng chiếu đèn vào tôi, và thường xuyên nhắc đến tên tôi. “Ga” này, “Ga” kia, dùng gậy chỉ về phía tôi, nói rằng, “Đó là nguyên nhân của tất cả những vấn đề của chúng ta!”

Slug lúc này bước chậm rãi, trình trọng từ viên sĩ quan thông báo, đi qua sân và qua cánh cửa mở. Hắn đứng cạnh tôi, nhìn tôi thật lâu, như thể đang trong phim. Rồi hắn thò tay vào túi một cách rất kịch tính, lấy ra một bao thuốc lá, đặt một điếu vào miệng tôi và châm lửa cho tôi, như thể muốn nói, “Mặc dù anh là một tên khốn nạn và là nguồn gốc của tất cả những vấn đề của chúng ta, nhưng

chúng tôi vẫn đối xử với anh tốt hơn những gì anh đáng được nhận.”

Chân tôi sừng vù lên, còn bàn chân và ngón chân, lay Chúa, thì phồng lên như những quả bóng bay nhỏ, mềm nhũn và ướt át. Một bác sĩ Việt nói tiếng Anh bước vào trong lúc mọi người vẫn đang nhìn. Anh ta lắc đầu và nói, “Ồ, không sao đâu.” Có lẽ anh ta nghĩ “không sao đâu”, nhưng tôi thì nghĩ nó là một vấn đề to tát! Khi cuộc họp kết thúc, Slug quay lại, và tôi bảo anh ta rằng tôi cần nằm xuống ngủ. Anh ta nói, “Không!”

Một người nói tiếng Anh nhỏ bé mà chúng tôi gọi là Boris bước vào khi tôi đang ngồi trên ghế. Anh ta nói nhỏ nhẹ và tử tế.

“Anh thấy đấy, anh đã gây ra cho trại trưởng rất nhiều rắc rối, rất nhiều rắc rối. Đó là lý do tại sao ông ấy phạt anh. Giờ chúng tôi không muốn phạt anh nữa. Anh có thể về phòng và sống yên ổn ở đó. Nhưng anh không được gây rắc rối.”

“Tôi ngủ được không?”

“Tất nhiên rồi, anh có thể ngủ.” Tôi trượt khỏi ghế đầu xuống sàn và ngủ thiếp đi ngay lập tức. Chỉ vài phút sau, Slug hét lên và đá tôi trở lại ghế đầu. Boris đáp lại: “Người bảo vệ nói chưa đến giờ cậu ngủ.”

Sáng sớm hôm sau, Sâu Bọ lại hỏi: “Tại sao

mày lại ra lệnh trốn thoát?” Tôi nói với anh ta rằng tôi đã đề nghị thú tội rồi, nhưng anh ta từ chối.

Tôi không còn nhớ gì nữa, ngoại trừ khi tôi biết mình đã ngủ khoảng hai trăm tiếng đồng hồ. Nào tôi đã ngủ nhiều lần. Đêm đó tôi nói với Slug: “Tôi phải ngủ, tôi phải ngủ.” Anh ta nói: “Ngủ ngon nhé.” Đồ khốn nạn, tôi không thể tin vào tai mình! Tôi ngã phịch xuống sàn nhà cứng và bẩn thỉu, giờ trông như một tấm nệm cỡ lớn tuyệt đẹp, và ngủ gục. Muỗi bu kín người tôi, nhưng điều đó chẳng là gì sau những gì tôi đã trải qua!

Người ta nói rằng Đức Quốc xã đã bật nhạc cổ điển ở các trại tử thần trong Thế chiến II để trấn an người Do Thái khi chúng đưa họ vào phòng hơi ngạt. Nhiều lần, khi tôi nằm trên sàn để hồi phục sau những trận đòn, V đã bật những bản ballad nhẹ nhàng do Eddie Fisher hát. Buồn thay, tôi sẽ luôn nghĩ về những bài hát của ông ấy như “Âm nhạc để bị tra tấn”.

Sáng hôm sau giấc ngủ thực sự đầu tiên của tôi, một chàng trai trẻ bước vào và nói, “Chúng tôi thấy anh vẫn còn thái độ rất tệ!”

“Anh đang nói gì vậy? Tôi không có thái độ xấu.”

“Ồ đúng rồi! Hôm nọ anh đã cố giết một

người bạn của chúng tôi!” Vậy ra chuyện đó đã được bàn tán trong trại! Thật tốt. Từ đó đến giờ tôi chưa gặp lại Fatass. Hắn ta mất mặt, nhưng điều đó cho thấy tôi vẫn bám víu vào “cái kiêu hung hăng cũ rích” của mình. Tôi mừng rỡ một cách kỳ lạ khi họ để ý đến sự việc.

Chết tiệt, nếu tên Béo (Fatass) không tự mình đến gặp tôi! Hắn ta chắc hẳn đã đoán ra rằng giờ tôi đã hoàn toàn khuất phục và không còn là mối đe dọa đối với hắn nữa. Hắn ta liền “tố” tôi bằng cái trò “thái độ khó chịu” - rồi yêu cầu tôi giao nộp áo phông. Tôi từ chối, và hắn ta cũng không nài nỉ, nhưng một hoặc hai ngày sau, có người đã lấy được nó khỏi người tôi. Đó chỉ là một cực hình khác - để giúp lũ muỗi dễ dàng tấn công tôi hơn.

Tôi bị chuyển đến căn phòng cuối cùng của Coop. Duck bước vào và tháo còng đủ lâu để tôi cởi quần, chỉ còn lại quần lót. Họ vẫn bắt tôi quỳ suốt cả ngày, nhưng lính canh đã chán và không còn cảnh giác nữa. Tôi có thể dành phần lớn thời gian trong ngày để bò bằng cả bốn chân. Ngày nào tôi cũng bị đánh bằng dây đai quạt, nhưng giờ chỉ còn vài cú.

Spot mang theo bút chì và giấy bảo tôi viết thư xin Bác Hồ ân xá. Lúc đó tôi biết họ quyết tâm bắt tôi làm tất cả những gì họ biết chúng

tôi đã đưa ra chính sách chống lại. Họ đã nói với tôi, “Trong mắt đồng bọn mày, chúng tao sẽ làm nhục mày, vì tất cả những gì mày đã làm chống lại chính quyền trại!”

Sau đó, mỗi khi Sâu Bọ vào, họ đều hỏi thông tin về các ủy ban. Họ có đòn bẩy đối với tôi. Các câu hỏi đều lảng tránh một chủ đề rất nhạy cảm và không thể nói ra khiến tôi sợ phát khiếp. Tôi bỏ chạy, phủ nhận mọi hiểu biết về nó bằng tất cả sức lực của mình. Tôi nghĩ họ biết họ sẽ phải giết tôi vì điều đó, nhưng dù sao thì họ cũng thấy ổn, vì tôi sẵn lòng cho họ thứ khác miễn là họ tránh xa thứ đó.

Những thứ tôi cho họ như một sự đánh đổi là để trả lời bốn câu hỏi mà Sâu Bọ đặt ra cho tôi:

“Ủy ban lịch sử là ai?”

“Tất cả các cán bộ cấp cao của tòa nhà.” Tôi trả lời, đưa ra câu trả lời ít gây tổn hại nhất mà tôi có thể nghĩ ra.

“Hãy thú nhận với ủy ban thể thao của anh.”

“Bây giờ hãy thú nhận với ủy ban truyền thông của anh!”

Câu hỏi đó cũng làm tôi sợ, bởi vì họ có thể đã làm quá vấn đề lên nếu họ muốn làm vậy. Anh ấy thúc giục tôi.

“Ủy ban là ai, họ làm gì?” Tôi nói với anh

ấy rằng một lần nữa, tất cả các nhà lãnh đạo tòa nhà đều nằm trong ủy ban, và nhiệm vụ của họ là nghĩ ra và thông báo cho tôi những cách thức giao tiếp mới. Spot đã làm tôi ngạc nhiên khi anh ấy chấp nhận câu trả lời đơn giản đó. Một lần nữa, điều này cho thấy đôi khi chúng tôi lo lắng nhiều hơn mức tình hình thực tế đòi hỏi, bởi vì xét trên nhiều phương diện, người Việt Nam là một dân tộc rất đơn giản, và đôi khi chúng tôi lại làm mọi thứ trở nên phức tạp hơn đối với họ, và cả chính chúng tôi nữa.

Vài ngày nữa trôi qua, tôi vẫn đang quỳ gối, bị còng tay, thì Spot bước vào với một câu hỏi lớn.

“Giờ thì, tôi muốn anh khai hết về ủy ban vượt ngục của anh!” Tôi phủ nhận việc có ủy ban nào như vậy, và tôi vẫn giữ nguyên lập trường. Không hiểu sao Spot cảm thấy anh ta sẽ chẳng kiếm được xu nào từ những câu hỏi đó, và anh ta bỏ cuộc dễ dàng hơn tôi tưởng rất nhiều.

“Ủy ban” là một vấn đề lớn, và họ tiếp tục thẩm vấn tôi về chúng suốt tháng Bảy và tháng Tám. Cuối cùng, tôi biết được rằng những gã khốn khổ khác bị tra tấn đã tình nguyện lập tới mười sáu “ủy ban”, tự bịa ra chúng trong quá trình tra tấn! Theo lời họ,

họ “sẽ làm bất cứ điều gì để chúng ngừng tra tấn kinh hoàng này.” Tôi hiểu cảm giác của họ. Họ đã nắm rõ từng chữ trong chính sách của tôi, và sự thỏa mãn khi đã đá vào sọ chúng tôi. Giờ họ muốn đưa tôi tiến thêm một bước nữa đến sự sỉ nhục hoàn toàn. Nhưng tôi đã vượt qua nỗi lo lắng về một điều nhỏ nhặt như sự sỉ nhục.

Tôi cũng đã đến giới hạn chịu đựng của mình trong những giờ quỳ gối bất tận. Lần tiếp theo tôi ngã, bọn lính canh cố gắng ép tôi đứng dậy, và tôi lần đầu tiên gọi “Bao Cao”. Lump xuất hiện. Tôi nói với hắn, “Tôi không quan tâm nếu các người giết tôi, tôi sẽ không quỳ nữa.” Đội côn đồ lại đến và đánh tôi cho đến khi tôi bất tỉnh. Nhưng sau đó, ngoại trừ vài khoảnh khắc ngắn ngủi để họ có thể nói rõ quan điểm, họ không bắt tôi quỳ gối nữa.

Sâu Bọ bảo tôi phải “viết một thông điệp mừng Quốc khánh 4 tháng 7”. Lúc đó đầu óc tôi khá rối bời, nhưng tôi nghĩ mình đã viết những thứ cũ rích về lịch sử bốn nghìn năm của dân tộc Việt Nam, và, nếu bạn có thể tưởng tượng được, so sánh George Washington với Hồ Chí Minh! Họ thích điều đó - Washington là một trong những người được Hồ Chí Minh yêu mến nhất, bởi vì ông ấy đã lãnh đạo một cuộc cách mạng.

Lúc đó, phiên tra tấn đã kéo dài khoảng ba tuần, trong suốt thời gian đó, họ đã ném tôi ra vào mọi phòng trong Coop. Tôi bắt đầu bị ảo giác, và có lần nghĩ rằng một con voi đang cố gắng nghiền nát tôi. Tôi gần như mất trí. Một ngày nọ, họ bắt tôi cầm cùm và xích chân lên để gặp Rabbit.

Tôi ngồi trên băng ghế và nhìn anh ta, và có hai anh ta. Tôi bị song thị. Tôi ngồi đó trừng mắt. Anh ta biết tôi đã mất trí và nói, “Vậy giờ anh đã ăn năn tội lỗi của mình chưa?”

“Chắc chắn rồi.”

“Anh thừa nhận tội ác của mình chứ?”

“Vâng.”

“Giờ anh muốn một lối thoát chứ?”

“Vâng.”

“Tôi cho anh một lối thoát. Anh đồng ý, và tôi sẽ cho anh một lối thoát. Tôi muốn anh viết một loạt bài báo. Tôi muốn anh viết tám bài cho tạp chí trại.” Cho đến lúc đó, tôi chưa bao giờ thấy tạp chí trại. Tôi chỉ nghe họ nói về nó vào năm 1967.

“Được rồi,” tôi đáp một cách mệt mỏi. “Bài viết nào?”

“Anh biết khẩu vị của chúng tôi mà.”

“Ừ, tôi biết anh thích gì.” (Tôi thề là tôi sẽ viết ra những thứ rác rưởi kinh khủng nhất, bẩn thỉu nhất.)

“Trước tiên, anh phải viết cho tôi một bản phác thảo.”

“Được.”

“Đồng ý chứ?”

“Đồng ý.”

“Được rồi, anh có thể về ngủ.” Vậy là tôi tập tễnh trở lại phòng, và khi đến nơi, tôi tìm thấy chiếc màn chống muỗi của mình. Tôi giăng nó lên, buộc vào cửa sổ có chấn song và đóng một cái đinh vào tường. Ngay khi tôi nằm xuống sàn, dưới tấm màn, họ đã mất điện suốt một tuần!

Một đêm nọ, tôi nghe thấy họ đánh đập một người Mỹ tội nghiệp chỉ cách tôi khoảng mười lăm feet. Cuối cùng, anh ta đồng ý thú tội, và Thỏ đã ghi âm lại. Người tù binh thú nhận rằng anh ta đã “phạm tội”. Tôi có thể nghe thấy tất cả. Sau này, anh ta hứa sẽ tuân thủ quy định của trại và la hét với “đồng bọn” bất cứ khi nào có cuộc trò chuyện.

Một lát sau, vẫn đang chăm chú lắng nghe, tôi nghe thấy một nhóm người da đen bên ngoài, và một trong số đó là giọng của Rabbit. Rồi mọi thứ im bặt. Tôi nghe thấy tiếng chổi cào đất, và tôi nghĩ đó có thể là tín hiệu từ một người Mỹ nào đó ngoài kia. Tôi lập tức đáp lại bằng vài tiếng ho. Chỉ hai tiếng ho ngắn ngủi, nghĩa là “Tôi nghe rõ”

hoặc “Roger”. Ngay khi tôi ho, tất cả bọn da đen đều bật cười lớn, như thể chúng biết sẽ có câu trả lời. Tôi có cảm giác như Thỏ đang nói: “Thấy chưa, ta đã nói gì với các người về tên Mỹ gian trá đó. Dù các người có đập vỡ sọ hắn thế nào, hắn vẫn cố gắng giao tiếp!” Bạn có tin được tiếng chối cào đất lại vang lên lần nữa không? Và tôi lại trả lời! Chắc hẳn chúng thích lắm!

Ngày nào chúng cũng phải đưa tôi ra ngoài vài tiếng đồng hồ, vào chỗ sáng hơn, để viết bài cho Thỏ. Tôi ngồi bệt xuống sàn, dùng chiếc ghế đầu nhỏ làm bàn. Tay tôi vẫn chưa hồi phục sau bao nhiêu lần bị chúng tra tấn, nên nét chữ thật kinh khủng. Quần tôi dính chặt vào mông và đầu gối, và tôi phải nheo mắt nhìn bằng đôi mắt óng ánh của mình, vẫn nhìn thấy hai hình ảnh. Nhưng tôi ngồi đó, “viết” cho tờ báo của trại!

Tôi viết một dàn ý và nói rằng tôi dự định viết một câu chuyện tô màu, rồi một bài hát theo giai điệu “Wabash Cannon Ball”. Tôi không nhớ mình đã đề xuất những ý tưởng vớ vẩn nào khác, nhưng Thỏ đã chấp nhận dàn ý.

Tôi cười rất nhiều khi viết. Lúc đó, tôi thực sự là một đứa trẻ con. Câu chuyện đầu tiên của tôi có tên là “Sách Tô Màu”. Nó bắt đầu

bằng, “Tôi là phụ tá của chỉ huy. Tôi chạy việc vặt và chăm sóc chó cho ông ấy. Sơn mũi tôi màu nâu.” Sau đó, “Tôi là sĩ quan tình báo của chỉ huy. Tôi luôn tốt với ông ấy, bởi vì tôi biết rằng nhiều điều tốt đẹp đến từ chỉ huy. Tôi viết thư khen thưởng ông ấy và gieo vào đầu ông ấy nhiều ý tưởng. Sơn ngón tay tôi màu xanh lá cây.” Sau đó, “Tôi là sĩ quan thống kê của phi đội. Tôi luôn khẳng định rằng chúng ta thả nhiều bom hơn thực tế là vì chúng ta phải đánh bại hải quân. Tô màu đầu tôi màu đỏ.” Câu chuyện buồn là về trẻ con: “Tôi thích trẻ con, bạn thích trẻ con, ai cũng thích trẻ con. Vậy tại sao chúng ta lại giết nhiều trẻ con đến vậy trong chiến tranh?”

Với “Wabash Cannon Ball”, tôi đã trộn lẫn hai bài hát của phi công chiến đấu. Tôi bắt đầu bằng cách thay đổi một số lời bài hát “Itazuke Tower”, một bài hát nổi tiếng trong không quân thời Chiến tranh Triều Tiên. Thay vì dùng Itazuke, tôi thay bằng Cam Ranh để Rabbit nghĩ rằng tôi viết riêng cho cậu ấy. Trong bài hát còn lại, “Halle-lujah”, tôi đổi sông Áp Lục thành sông Hồng. Lời bài hát bị lẫn lộn đại loại như sau:

“Xin chào Tháp Cam Ranh, đây là Không quân 505, vừa trở về từ Bắc Việt Nam trên một con chim gần như sắp chết.”

Rabbit ngừng đọc. “Sao cậu lại dùng 505?”

Cậu ấy nghĩ có lẽ tôi muốn gửi gắm một thông điệp bí mật. Tôi trả lời “Năm không năm vắn với còn sống.”

“Sao anh không dùng 947?”

“Chín mươi bảy và một con chim còn sống? Không hợp nhau chút nào. Anh thích thế hơn à?”

“Ừ,” hắn trả lời.

“Được rồi, vậy thì 947. Cứ cho tôi biết anh còn không thích gì nữa khi chúng ta tiếp tục.” Tôi chẳng quan tâm! Việc nó có vắn điệu hay nghe đúng trong tiếng Anh cũng chẳng có ý nghĩa gì, vì âm thanh của chúng tôi hoàn toàn xa lạ với anh ta.

Tất cả mọi thứ đều vượt quá tầm hiểu biết của Rabbit, nhưng anh ta hài lòng vì tôi đã làm được điều gì đó. Tôi đã làm được điều gì đó đúng lúc. Đó là thời điểm đánh đổi. Đã đến lúc thoát khỏi rắc rối, phục hồi, lấy lại can đảm để tồn tại và trở lại, nếu có thể.

Não tôi dần hồi phục, nhưng cơ thể tôi mất nhiều thời gian hơn. Tôi đã gần năm mươi tuổi, và tôi không còn hồi phục nhanh hay mạnh như trước nữa. Chứng song thị đã giảm sau khoảng một tháng, và đó là một sự nhẹ nhõm lớn.

Tôi đã cố gắng trì hoãn bài tập viết khoảng

hai tuần, và Rabbit đã nổi giận. Hẳn nói tôi đang “kéo dài công việc”. Kiệt tác báo chí do ngón tay vụng về của tôi dài tám mươi tám trang toàn là những lời nhảm nhí. Khi tôi đưa nó cho hẳn, hẳn nổi cơn thịnh nộ và xé toạc nó. thành từng mảnh.

Sau bài tập đó, tay tôi lại hoạt động, và giờ Thỏ đã tiết lộ bản gốc.

Hẳn đưa cho tôi ba tài liệu trông có vẻ trang trọng, mà hẳn nói là do những người Mỹ khác viết. Tôi xem qua. Thỏ nói hẳn chỉ muốn tôi sao chép mỗi tài liệu một bản, nhưng tôi sẽ không phải ký tên vào bất kỳ bản nào. Tôi không hiểu tại sao hẳn lại yêu cầu tôi sao chép chúng. Có lẽ hẳn đã nói với các tác giả thực sự rằng tài liệu của họ là vô dụng, và hẳn không muốn họ biết rằng hẳn sẽ sử dụng chúng. Bài báo đầu tiên được ký bởi một sĩ quan hải quân Hoa Kỳ. Nó được viết một cách thông minh và khéo léo. Tiêu đề là “Ai là những kẻ phản bội?”. Trọng tâm của thông điệp là Truman, và tất cả các tổng thống cho đến Nixon, đã liên tục phản bội nhân dân Mỹ.

Bài báo thứ hai đề cập đến Bộ luật Thống nhất về Công lý Quân sự. UCMJ là “Kinh thánh” về hành vi, kỷ luật và hình phạt quân sự trong các lực lượng quân sự Hoa Kỳ. Bộ

luật này được thông qua sau Thế chiến II, thay thế cho các Điều khoản Chiến tranh. Bài viết được viết rất hay, và được ký bởi một sĩ quan Thủy quân Lục chiến Hoa Kỳ. Nội dung chính của bài viết là một lời khuyên cho tất cả mọi người rằng không cần thiết phải tuân theo “mệnh lệnh bất hợp pháp”. Theo tác giả, “mệnh lệnh bất hợp pháp” là bất kỳ mệnh lệnh nào được đưa ra trong một “cuộc chiến tranh không tuyên bố”. Bài viết khuyên rằng những mệnh lệnh này nên bị bất tuân, sau đó bị phản đối và bị đánh bại tại tòa án quân sự.

Bài viết thứ ba có tựa đề “Bộ Quy tắc Ứng xử”. Bài viết ca ngợi Bộ Quy tắc là một tác phẩm tuyệt vời và lý tưởng, mà một quân nhân có thể phải chịu tra tấn và thậm chí tử vong để duy trì. Tuy nhiên, bài viết tiếp tục tuyên bố rằng “Bộ Quy tắc hoàn toàn không áp dụng được ở Việt Nam, bởi vì đó là một cuộc chiến tranh không tuyên bố và bất hợp pháp”.

Do khả năng sử dụng tiếng Anh thành thạo, cũng như quá trình suy nghĩ được phản ánh, tôi tin rằng hai bài viết đầu tiên thực sự được viết bởi các sĩ quan quân đội Mỹ. Các tác giả hoặc đã viết dưới áp lực và sức ép cực độ, hoặc họ đang gặp phải những vấn đề cá nhân nghiêm trọng trong việc tuân thủ các giá trị và nguyên tắc đã ăn sâu vào các sĩ quan quân đội Mỹ.

Bài viết thứ ba có quá nhiều ngôn từ tuyên truyền và quá nhiều logic Cộng sản phức tạp đến mức không thể tin là thật. Tôi phải tin rằng nó được viết bởi một người Việt Nam, có thể là chính Thỏ.

Khoảng tuần thứ ba của tháng Bảy, tôi được đưa đến gặp bốn hoặc năm sĩ quan Việt Nam. Tôi cúi chào và ngồi xuống ghế trước mặt họ. Buzzard (một người đàn ông lớn tuổi hơn nhiều, khoảng cuối năm mươi hoặc sáu mươi) lúc này là chỉ huy trại. Ông ta gầy như que củi, răng thỏ rất to, và đôi mắt xanh nhạt nhòa. Ông ta có mái tóc bạc rất thưa. Ông ta giả vờ không nói được tiếng Anh và dùng phiên dịch. Tuy nhiên, tôi biết ông ta nói rất giỏi, vì tôi đã từng nghe ông ta nói trước đây. Ánh mắt ông ta thường xuyên nhìn lơ đãng, và tôi nghĩ, “Gã này đập vào ống nước rồi.” Lump ở đó, cùng với Thỏ và Cochise, cựu chỉ huy trại, người đã bị đuổi vào tháng Năm sau nỗ lực vượt ngục.

Họ nhận ra tôi có vấn đề về thị lực, hoặc có lẽ Thỏ đã nói với họ điều đó. Khi mặc quần áo, bạn không thể biết cơ thể tôi đang ở trong tình trạng tồi tệ như thế nào. Dấu hiệu duy nhất là mắt cá chân và bàn chân của tôi, bị nhuộm đỏ nâu vì bị cùm chân gỉ sét quá lâu.

Phiên dịch viên nói với tôi rằng tôi đã

được “chọn lọc kỹ lưỡng để gặp một phái đoàn đến thăm” trong vài ngày tới. Họ đưa cho tôi nửa tá câu hỏi nhỏ để trả lời, như một bài kiểm tra. Vài câu hỏi đầu tiên là những câu hỏi cá nhân thông thường. Tên, gia đình, loại máy bay, thời gian và địa điểm bị bắt hạ. Sau đó, “Bạn nghĩ lực lượng Hoa Kỳ đang làm gì ở Nhật Bản? Bạn có nghĩ họ ở đó để bảo vệ người dân Nhật Bản không?”

Trả lời các câu hỏi này không hề có sự bất trung với Hoa Kỳ. Tôi đã dành thời gian và viết ra những câu trả lời đúng. Họ nói rằng câu trả lời của tôi khá ổn và yêu cầu tôi ghi nhớ chúng. Câu hỏi cuối cùng trong danh sách là: “Bạn cảm thấy thế nào?” Thở, với một nụ cười rạng rỡ, nói cho tôi biết phải trả lời câu hỏi đó như thế nào. “Bạn sẽ mỉm cười, Ga, và nói, ‘Ồ, tôi ổn, nhìn tôi này!’” Ông ta ra lệnh với vẻ mặt đe dọa. Họ nói rằng tôi sẽ gặp một phái đoàn Nhật Bản.

Trên đường ra, Thở nói, “Và bây giờ chúng ta sẽ làm cho đầu óc anh minh mẫn hơn, bằng thuốc vitamin.” Ông ta đã cử bác sĩ đi khắp nơi. Tôi uống hai mươi viên thuốc một lúc trong vài ngày tiếp theo, và chúng dường như đã cải thiện thị lực và tình trạng thể chất tổng thể của tôi.

Đêm 25 tháng 7, họ mang cho tôi bộ đồ ngủ

của người khác, với số 156 được in hoa văn ở mặt sau áo. Tôi “mặc đồ” để gặp phái đoàn, đi tất để che đi những vết sứt rõ ràng. Họ kéo tôi đi bằng xe tải, bịt mắt và còng tay. Tôi được đưa đến phòng chờ trong một tòa nhà mà tôi chưa từng thấy trước đây. Tôi được cho một chai bia và một ít bánh quy, và được bảo rằng tôi có thể ăn bao nhiêu tùy thích. Tôi ngay lập tức bị ốm vì ăn uống những món ăn bổ dưỡng và lạ lẫm như vậy, và họ phải đưa tôi đến một nhà vệ sinh hỏng. Sau đó, họ liên tục chuyển tôi từ phòng này sang phòng khác, có lẽ để tôi không gặp bất kỳ người Mỹ nào khác.

Họ bắt tôi quay mặt vào tường vài lần, và tôi có thể nghe thấy tiếng người Mỹ lê bước từng người một, đi guốc gỗ. Sau này tôi mới biết Vohden, Kasler, Groves và một hoặc hai người khác cũng có mặt ở đó vào đêm hôm đó.

Đến lượt tôi, và lúc đó tôi run rẩy như một chiếc lá, suy yếu vì tiêu chảy, tim đập thình thịch ngay cả khi chỉ gắng sức một chút. Vì những câu trả lời tôi sẽ đưa ra không gây hại cho đất nước mình, nên tôi hy vọng mọi chuyện sẽ ổn và có thể giúp họ bớt làm phiền tôi một thời gian. Tôi bước vào và được chỉ đến một chiếc ghế trước ánh đèn sáng và máy quay. Ánh đèn nóng như thiêu đốt. Ngồi

ngay dưới máy quay là Rabbit. Có một căn phòng liền kề với một cổng vòm rộng mở, rất giống một phòng khách mở. Thiếu tá Bi và Lump ngồi đó, quan sát. Cũng có một cô gái vô cùng xinh đẹp đang nhìn, ban đầu tôi tưởng là người Nhật. Tôi nhìn quanh tìm thêm người Nhật nhưng không thấy ai. Cuối cùng tôi nhận ra rằng không có người Nhật nào ở đó. Toàn bộ đoạn “Nhật Bản” chỉ là giả dối! Cô gái, người Việt Nam, đến từ đội quay phim của quân đội, và tất cả các kỹ thuật viên khác cũng vậy.

Họ bắt tôi luyện tập trả lời hai lần trong khi Thỏ ngồi đối diện tôi, bình thản ăn đậu phộng. Sau đó, họ quay cảnh đó, Thỏ hỏi và tôi trả lời, đúng như tôi đã luyện tập, cho đến câu cuối cùng, “Được rồi, nhìn tôi này!”. Rồi tôi phải chạy đi để giảm cơn chuột rút.

Một năm sau, trong một chương trình chiếu phim, chúng tôi được xem một đoạn phim về một phái đoàn Nhật Bản đến thăm Hà Nội. Nó được thực hiện rất đơn giản và chân thực. Cảnh quay cho thấy một tù binh Mỹ đang ngồi đó, có vẻ khỏe mạnh. Anh ta có vẻ thoải mái khi trả lời các câu hỏi. Máy quay lia khắp phòng, nơi có một chiếc bàn dài với mười quý ông Nhật Bản trông rất lịch lãm, sử dụng lời nói và cử chỉ như thể đang thăm

vấn tù binh. Tất nhiên, bộ phim đã được cắt và ghép như thể đó là một chương trình trực tiếp. Người xem sẽ thấy những nụ cười, cử chỉ và đôi môi mấp máy, nhưng tất cả lời thoại đều đến từ một người dẫn chuyện - có lẽ đang sử dụng ngôn ngữ của đất nước mà câu chuyện đang được trình chiếu. Một trò lừa bịp gọn gàng và đáng tin, đơn giản và không tốn kém để thực hiện, để gửi đến những khán giả muốn tin.

Ngày hôm sau, Thỏ, rất hài lòng với bản thân, nói: “Được rồi, Ga! Với người, con đường đã kết thúc. Với những người khác, đó mới chỉ là khởi đầu.” Tôi đoán anh ta muốn nói rằng tôi đã “trả giá cho tội ác của mình” và thoát khỏi rắc rối. Lại sai nữa rồi.

Cuối tháng 7, tôi quyết định bắt đầu một dự án để ngăn kiến chui vào dưới tường. Tất nhiên chúng vẫn có thể chui vào qua những lỗ hổng lớn trên trần nhà, dưới cửa ra vào và quanh cửa sổ.

Tuy nhiên, tôi cần làm gì đó để tận dụng thời gian ban ngày. Vì vậy, tôi đã trét kín các vết nứt xung quanh chân tường, chỗ nối tường với sàn nhà. Tôi xé những bộ đồ ngủ cũ nát thành từng mảnh nhỏ và nhét chúng vào các vết nứt. Sau đó, tôi dùng xà phòng màu vàng để làm phẳng chúng. Tôi rất chăm

chỉ trét kín, như một người đàn ông quyết tâm. Điều đó khiến tôi cảm thấy tốt hơn, bởi vì tôi có một mục tiêu. Tôi phải làm gì đó, bất cứ điều gì, nếu không tôi sẽ phát điên mất.

Vì Ron và tôi đã cãi nhau vài tháng trước, tôi đã tránh xa việc cầu nguyện. Mỗi khi biết mình sắp bị tra tấn, tôi lại nói: “Hình như con lại cần Ngài rồi.” Nhưng rồi khi nó thực sự xảy ra, tôi lại nói: “Con sẽ bận rộn bây giờ, gặp Ngài sau.” Tôi thấy không thể cầu nguyện khi bị tra tấn, bởi vì mặc dù tôi là người bị tra tấn và không thể làm gì được, tôi vẫn cần tập trung vào những gì đang xảy ra. Cứ như thế tôi chỉ có thể xử lý từng việc một tại một thời điểm. Nghe có vẻ vô lý, nhưng đó chính là cảm giác của tôi. Nó cho thấy chúng ta khác nhau đến nhường nào. Tôi nghe nói một số người thậm chí còn có thể trích dẫn Kinh Thánh trong lúc bị tra tấn! Điều đó, với tôi, thật khó tin.

Zoorat bắt đầu đến gặp tôi trong phòng Hồ Chí Minh, vì anh ta muốn biết thêm về “ủy ban”. Mặc dù tôi nhớ mình đã thừa nhận một vài ủy ban, nhưng tôi vẫn từ chối. Anh ta nổi giận và ra lệnh cho tôi quỳ xuống, lúc đó vẫn còn mềm nhũn như những quả bóng bay đầy mủ. Tôi chống cự, nhưng anh ta cứ khẳng khái, nên tôi tự giúp mình bằng cách quỳ

xuống tư thế bốn điểm. Tôi chỉ mặc độc mỗi quần đùi. Ngay khi tôi đặt một chút trọng lượng lên đầu gối, cả hai quả bóng bay đều vỡ tung, chất lỏng màu vàng và máu bắn tung tóe khắp sàn nhà. Zoorat quay đi, kinh tởm trước cảnh tượng đó. “Ôi! Ôi!” anh ta hét lên, “đứng dậy!” Cơn đau thật khủng khiếp. Tôi lăn người, lõi vàng trên cả hai đầu gối dính chặt xuống sàn. Hẳn chạy ra ngoài, nôn ọe, ra lệnh cho tôi “dọn dẹp đồng bừa bộn đó đi”.

Khoảng ngày 10 tháng 8, hẳn quay lại và vui vẻ nói: “Hôm nay, ta giúp người một việc.” Hẳn mở khóa thanh sắt và tháo một bàn đạp ra khỏi chân phải của tôi, một món hời thực sự, vì tôi có thể đi lại khá tốt và kéo lê thanh sắt bằng một bàn đạp.

“Người biết nhiều về mấy cái ủy ban này đấy.” Hẳn lại đang gợi ý cho tôi. Đó là trò chơi yêu thích của hẳn, giống như trò chơi đoán chữ vậy. Hẳn muốn được công nhận vì đã lấy được thứ gì đó từ tôi.

“Còn chiếc xe thì sao?” hẳn hỏi.

“Chiếc xe á?” Tôi nói, rồi búng tay như thể vừa có tia sáng lóe lên, “Tao hiểu rồi, ‘ủy ban mua xe’ à?”

“Vâng, đúng rồi.” Anh ấy rất vui vì tôi đã hiểu ý!

“Ồ vâng, ủy ban mua xe.”

“Viết về ủy ban mua xe.” Thế là tôi cầm tờ giấy, nghĩ rằng bất cứ khi nào viết gì, ít nhất tôi cũng không bị tra tấn. Thế là tôi viết một loạt chuyện nhảm nhí về việc chúng tôi sẽ được mua xe với giá hời khi về nhà. Tôi viết rằng có hai trăm người trong trại và mỗi người sẽ mua một chiếc Cadillac. Nếu mỗi chiếc Cadillac có giá khoảng mười một nghìn đô la thì tổng chi phí sẽ là hai triệu hai trăm nghìn đô la. Tôi mất thời gian nhân con số này thành một phép tính dài. Sau đó, tôi nói, “Chúng ta sẽ được giảm giá ba mươi phần trăm,” thế là tôi tính toán số tiền giảm giá và trừ đi. Khi tôi hoàn thành, tôi đã có hai trang số liệu! Zoorat nghiền ngẫm tất cả những con số này trong ba hoặc bốn giờ! Tôi chỉ ra rằng, nếu có bốn trăm người Mỹ bị giam giữ ở Bắc Việt Nam (họ nói là hàng nghìn), chúng ta sẽ phải làm lại tất cả các số liệu. Vậy là tôi lại ghi chép tất cả lại với những con số mới, và tổng số tiền “tiết kiệm” lên đến hơn một triệu đô la.

“Anh định làm gì với số tiền tiết kiệm này?” anh ấy hỏi.

“Chúng ta sẽ trao số tiền này cho một tổ chức từ thiện để chăm sóc trẻ mồ côi chiến tranh.”

“Anh có định gửi tiền sang Việt Nam không?”

“Tất cả còn tùy thuộc vào những người

khác nữa. Giống như ở nước anh vậy - nếu người dân muốn làm thì chúng ta sẽ làm.” Từ đầu đến cuối, cái vụ “ủy ban mua xe” đã ngốn hết ba ngày.

Sau khi anh ấy tiêu hóa hết đồng đó, anh ấy quay lại hỏi: “Anh biết gì về ủy ban không?”

“Tôi không nhớ,” tôi nói, dè dặt, chờ đợi lời gợi ý không thể tránh khỏi của anh ấy.

“Ừ, anh muốn gặp lại mọi người lúc nào đó.”

“Thôi nào, đưa lại cho tôi.”

“Anh muốn gặp lại mọi người sau khi về nhà.”

“Một ‘ủy ban đoàn tụ’!”

“Vây thôi!” anh ấy nói, thế là chúng tôi tiếp tục trò chơi ngớ ngẩn đó. Nghe thật ngớ ngẩn, nhưng lại giết thời gian rất tốt.

“Chúng ta sẽ có một cuộc họp ủy ban đoàn tụ sau chiến tranh,” tôi đồng ý.

“Ủy ban đoàn tụ là ai?” Z. R. hỏi.

“Quincy Collins.” Tôi nhắc đến Quincy ngay từ đầu, vì tôi biết chắc chắn rằng bọn khốn sẽ không làm hại anh ấy - anh ấy tổ chức các chương trình Giáng sinh, và họ cần chương trình đó.

Quincy Collins là một người rất tài năng, và những người tài năng phải chịu đựng cảnh giam cầm biệt giam nhiều hơn chúng ta, bởi vì nếu họ không có lối thoát, điều đó thực sự

khiến họ phát điên. Bọn da đen có thể nghĩ rằng Quincy đang làm những việc giúp chúng tuyên truyền, nhưng đó là suy nghĩ xa vời nhất trong tâm trí Quincy. Anh ấy làm điều đó vì chúng tôi, vì tinh thần của chúng tôi, và đó là sự giúp đỡ cho những người trong các nhóm mà anh ấy tập hợp để làm việc trong các buổi biểu diễn. Một lợi ích phụ là cơ hội trao đổi thông tin giữa những tù nhân tham gia, một số người đến từ các trại khác. Không, bọn da đen không định làm hại Quincy. Họ coi anh ấy như con ngỗng đẻ trứng vàng, nhưng anh ấy không phải là người của họ - anh ấy là của chúng tôi!

Zoorat hỏi những buổi đoàn tụ này sẽ diễn ra ở đâu, và tôi kể tên một số thành phố mà tôi chắc chắn anh ấy đã nghe nói đến, để anh ấy có thể đồng cảm với câu chuyện. Miami, New York, Washington, New Orleans, Las Vegas, “Chee-Cago”. Anh ấy rất thích và tin toàn bộ câu chuyện. Việc này tốn nhiều thời gian và giấy mực hơn, nhưng lại chứng minh được với cấp trên rằng anh ta đang làm việc! Anh ta có thể tô màu vài ô vuông và được ghi công.

Đây là một thỏa thuận tuyệt vời, chính ý tưởng rằng tôi có thể giết thời gian bằng những câu chuyện ngụ ngôn đã khuyến khích tôi tình nguyện kể thêm nhiều truyện cổ tích.

“Này, đây là một việc mà tôi suýt quên mất, ủy ban thăng chức cho phi công.”

“Họ làm gì?”

“À, việc đó là của tôi, vì tôi là cấp trên. Tôi là ủy ban của một. Anh thấy đấy, phi công của chúng tôi, hay còn gọi là lính nhập ngũ, không kiếm được nhiều tiền lắm. Nhiệm vụ của tôi là đảm bảo họ được tăng cấp bậc hoặc lương cho mỗi hai năm ở đây.” Tôi nghĩ điều đó đã chạm đúng vào điểm yếu của anh ta. Anh ta thích và đồng ý.

Sau đó, muốn tiếp tục theo hướng vô hại này, tôi giao cho anh ta “ủy ban đầu tư”.

“Ủy ban đầu tư làm gì?”

“Chà, tôi nghĩ với tổng số tù nhân ở đây, chúng ta có thể nhận được - khoảng mười đến năm mươi ngàn đô la từ mỗi người làm vốn đầu tư ban đầu, để dùng làm vốn lưu động.” Tôi đang giảng cho một nông dân Việt Nam về các công ty đầu tư, tiền chiết khấu, lãi suất, mua cổ phiếu theo lô, bán đội tàu, đóng góp từ thiện, v.v. Zoorat bị cuốn hút, thậm chí là bị thôi miên. Cảm giác như có một đứa trẻ ngồi trên đùi, kể cho nó nghe về Cây Bạc Hà Lớn và Nàng Tiên Mận Đường.

Tôi đã nói rằng việc huy động mười triệu đô la sẽ là chuyện nhỏ. Rồi tôi nhớ ra rằng V không dùng từ “triệu”. Với họ, một triệu

được đọc là “một nghìn nghìn”. Tôi làm rõ con số bằng cách nói lại theo cách của anh ta, “mười nghìn nghìn”. Anh ta trông có vẻ sửng sốt. “Vậy thì chúng ta sẽ đến một trong những công ty đầu tư lớn hơn như, ừm, để tôi xem nào, ừm, như Merrill Lynch, Pierce, Fenner và Smith [tên gọi lúc đó]. Khi họ thấy chúng ta mang đến đó mười triệu, xin lỗi, mười nghìn nghìn đô la, họ sẽ nóng lòng muốn giành lấy hợp đồng của chúng ta. Để khuyến khích, thay vì lấy phí hoa hồng năm phần trăm thông thường, có lẽ họ sẽ chỉ lấy một phần tư phần trăm.” Tôi viết thêm những con số. “Chúa ơi, tiết kiệm được hơn 450.000 đô la chỉ trong một lần! Anh có biết chúng ta có thể làm gì với số tiền đó không?”

“Không. Anh sẽ làm gì với số tiền đó?”

“Tôi đã nói với anh rồi! Chúng ta có thể quyên góp cho từ thiện, hoặc cho những người da đen nghèo khổ ở Mỹ, hoặc để dọn dẹp những khu ổ chuột đầy chuột của chúng ta.” Tôi ghi lại tất cả các con số về số lượng tù binh chiến tranh, đóng góp, tính toán lãi suất, vân vân, và đảm bảo rằng các con số cuối cùng được cộng lại chính xác.

Khi anh ta rời đi, anh ta đang giờ cao các tờ giấy, nghiên cứu các con số, lẩm bẩm một mình khi người bảo vệ đóng cửa lại - sau lưng

anh ta. Một số người có thể không đồng tình với một số việc tôi đã làm để giữ VC tránh xa những chủ đề nhạy cảm hơn. Nhưng thực sự không quan trọng người khác nghĩ gì - tôi cần làm bất cứ điều gì có thể để trì hoãn bất kỳ sự trả thù nào cho cuộc đào tẩu bất thành.

Ngoài việc bịt kín các vết nứt, giờ tôi đã thêm một số bài tập vào ngày của mình. Sử dụng thanh sắt mắt cá chân bổ sung làm tạ, tôi bắt đầu tập nâng tay, và trong đêm tôi đi bộ, kéo lê thanh tạ. Tôi phải cẩn thận với đầu gối của mình, nhưng dù có cẩn thận đến đâu, tôi vẫn dễ dàng làm bong vảy, và rồi máu cứ thế chảy ra. Vì ánh sáng yếu, phải mất vài ngày tôi mới nhận ra mình đã để lại những dấu chân máu khắp căn phòng Hồ Chí Minh.

Tôi cũng có hai “dự án tư duy” mới. Dự án đầu tiên liên quan đến người bạn thời thơ ấu của tôi, Larry Tobia. Chúng tôi đã từng đi chơi cùng nhau trên chiếc Chevy mui trần đời 1931 của anh ấy. Tôi quyết định rằng vì cả hai đều có cùng tên, nên khi tôi trở về, chúng tôi sẽ mở một nhà hàng Ý và đặt tên là Lorenzo's. Ý tưởng về một nhà hàng chắc hẳn đã nảy sinh từ cơn đói dai dẳng và những suy nghĩ về đồ ăn của tôi. Chưa bao giờ tôi nghĩ đến việc kinh doanh nhà hàng, bởi vì công việc này rất vất vả và thường gặp phải nhiều vấn đề về quản lý.

Và Larry, bạn tôi, cũng không phải là kiểu người thích nhà hàng - nói chung, anh ấy tránh xa lao động chân tay và kinh doanh, vì anh ấy có rất nhiều kinh nghiệm với cả hai. Tuy nhiên, tôi vẫn tiếp tục theo đuổi giấc mơ ban ngày của mình. Tôi chọn địa điểm, lên bản vẽ mặt bằng, thiết kế sàn bếp sao cho nước chảy ra ngoài và dễ dàng vệ sinh. Tôi bố trí ánh sáng gián tiếp, nhạc nhẹ nhàng và không gian mộc mạc trong phòng ăn chính. Bữa tối chỉ phục vụ theo đặt chỗ trước, và sẽ có những món ăn Ý hảo hạng nhất (còn gì nữa?). Một trong hai đầu bếp luôn túc trực để chào đón những vị khách thượng lưu của chúng tôi. Đàn ông đẹp trai, ăn mặc chỉnh chu, phụ nữ xinh đẹp, đồ ăn ngon tuyệt - một nơi hạng nhất, không gì hơn.

Tôi đắm chìm trong giấc mơ này đến nỗi khi Rabbit gọi tôi ra để hỏi đáp, tôi đã rất khó chịu. Thực ra anh ta đang làm gián đoạn nghiêm trọng dự án của tôi! Trở về phòng giam, tôi lại nằm dài xuống sàn và nói, “Được rồi Lar, chúng ta đang nói đến đâu rồi?” Và tôi lại bước vào thế giới nhỏ bé của riêng mình cùng người bạn Lorenzo.

Tôi cũng thích hồi tưởng về những ngày tháng bay lượn ở Sicily và Ý trong Thế chiến II. Việc nhớ lại tất cả tên của các phi công

thuộc Phi đội Tiêm kích 308 đã là một kỳ tích về mặt tinh thần. Nhưng tôi đã làm được. Một số phi công tôi bay cùng ở đó là những người giỏi nhất và can đảm nhất mà tôi từng biết. Những người khác có năng lực hạn chế và thực sự sợ bay, nhưng lại sợ thừa nhận điều đó hơn.

Từ cuộc xâm lược Sicily đến cuộc hội ngộ giữa Cassino và Anzio trên đường đến Rome, các nhiệm vụ chiến đấu hoặc rất thú vị hoặc hoàn toàn nhàm chán. Cứ mỗi câu chuyện u ám trong cuộc chiến trên không của chúng tôi ở Ý, lại có một câu chuyện hài hước không kém để cân bằng.

Trong bóng tối của căn phòng Hồ Chí Minh, tôi tập trung khả năng hồi tưởng của mình vào một nhiệm vụ cụ thể. Đó là tháng 3 năm 1944, và chúng tôi đang hỗ trợ lính Mỹ đang chiến đấu tuyệt vọng để đánh bật quân Đức khỏi một tu viện khổng lồ, có niên đại hàng thế kỷ dưới chân thung lũng dẫn đến Rome. Hôm đó, bốn phi công chiến đấu trẻ người Mỹ đã bay yểm trợ trên không trên những chiếc Mark VIIC Supermarine Spitfire do Anh chế tạo. Thời tiết rất xấu, mây mù dày đặc tới 450 mét, mưa, khói và bụi từ những trận ném bom và pháo kích dữ dội vào mục tiêu, Tu viện Monte Cassino. Chúng tôi di chuyển

quanh thung lũng với tốc độ 480 km/h để ngăn chặn máy bay chiến đấu của đối phương xâm nhập vào khu vực chiến đấu. Tầm nhìn kém đến mức không thể quan sát rõ tu viện, giờ là mục tiêu chính của lực lượng mặt đất Đồng minh.

Chiếc Spitfire dẫn đầu do Richard Hurd lái. Dick là phi công hung hăng nhất trong phi đội của chúng tôi. Ý tưởng là bắn hạ máy bay địch, và nếu có bất kỳ chiếc nào trong số chúng ở gần, Dick là người sẽ bay cùng. Tôi bay dẫn đầu hai chiếc máy bay thứ hai.

Do tầm nhìn kém, Dick phải điều khiển rất nhiều để giữ khoảng cách gần mục tiêu, và tôi cố gắng hết sức để đoán trước các cú rẽ của anh ta, để chúng tôi có thể bay theo đội hình “hàng ngang” nhằm che chắn tốt nhất cho đuôi máy bay trong trường hợp có máy bay Me. 109 nào đó cố gắng áp sát.

Nhìn hơi sang trái, tôi phát hiện bốn máy bay và gọi: “Dẫn đường đỏ, có bốn máy bay [không xác định] ở hướng mười một giờ, cùng độ cao.”

“Chưa có.”

“Dẫn đường, chúng ta đang tiến gần.”

“Tôi thấy rồi! Hạ bọn khốn đó, chúng là máy bay 109!” Dick tăng tốc chiếc Spitfire của mình, ngoặt gấp sang trái, lao thẳng vào

phía sau chiếc máy bay địch thứ tư. Bọn Đức đang cố gắng vượt mặt chúng tôi và dàn hàng ngang. Khi đến gần, tôi thấy những chiếc Me. 109 có một thanh chống đỡ các cánh đuôi ngang và có bánh lái đuôi không thể thu vào. “Trời ơi, bọn Đức chắc phải khốn đốn lắm, toàn là máy bay đời E thôi!” (Vào thời điểm đó, hầu hết máy bay 109 trong chiến tranh đều là máy bay đời G-6 đời mới nhất.) Dick đã bắn cháy đuôi máy bay Jerry, và vài giây sau, phi công số ba đã trèo ra khỏi buồng lái. “Trời đất ơi, Guarino,” tôi tự mắng mình, “nếu không làm gì nhanh lên thì hẳn ta sẽ bắn trúng cả bốn chiếc mất!” Tôi cắt ngang đường bay của phi công Đức. Thấy tôi đến, anh ta liền lộn mạnh sang trái và lao xuống ngọn cây. Anh ta đang cố gắng quay lại hướng bắc, lên thung lũng và tránh xa những chiếc Spitfire của chúng tôi. Bọn Đức rất ghét những chiếc Spitfire đời mới. Tôi bám theo anh ta, nhưng trượt sang phải và lao xuống những tán cây, thậm chí còn thấp hơn cả anh ta. Tôi nghĩ rằng khi đang bay trên boong, thật khó để phát hiện một chiếc máy bay nào thấp hơn nữa. Hơn nữa, phi công chiến đấu luôn nhìn qua vai trái để tránh đuôi, và biết điều đó, tôi vẫn bay về phía bên phải anh ta. Rõ ràng anh ta nghĩ mình đã tách ra an toàn,

và anh ta đã phạm một sai lầm nghiêm trọng. Tôi đang vượt lên với tốc độ nhanh vì chiếc Spit của tôi nhanh hơn nhiều, nhưng rồi anh ta lại nhích lên khoảng năm hoặc sáu trăm feet, và tôi đã nuốt chửng anh ta. Đặt thước ngắm điện tử lên buồng lái của anh ta, tôi giữ nguyên hỏa lực cho đến khi chỉ còn cách anh ta ba mươi lăm feet. Công tắc chọn súng của tôi được đặt ở vị trí “tất cả các súng”, và khi tôi chạm vào nút, máy bay của anh ta như bị búa tạ đập trúng. Nó vỡ tan, và động cơ bốc cháy. Vòm kính rơi xuống, ngay sau đó là viên phi công đang rời đi. Tôi đạp ga sang phải để tránh va chạm với chiếc máy bay bị bỏ lại, rồi tăng tốc trở lại để bám sát nó cho đến khi va chạm. Chiếc máy bay Đức lặn sang trái, và tôi phải lộn vài vòng thật mạnh để tránh đâm xuống đất cùng chiếc Messerschmitt bị hỏng.

Chiếc máy bay đâm ngược xuống đường đất, nảy lên rồi lặn tròn nửa dặm. Rẽ trái gấp, tôi bắt kịp phi công ở độ cao năm trăm feet. Anh ta mặc bộ đồ bay mùa đông màu xám, vẫn đội mũ bảo hiểm và đeo kính bảo hộ. Khi tôi lao về phía anh ta, anh ta co chân lên, chờ tôi bắn hạ anh ta bằng dù. Tôi cười và lái máy bay theo một vòng tròn hẹp, nhắm mắt khi anh ta chuẩn bị hạ cánh. Ngay lúc đó, tất cả các xạ thủ mặt đất của Jerry trong

thung lũng đều nhắm vào tôi. Tôi chạy thực mạng và may mắn thoát khỏi đó với làn da còn nguyên vẹn!

Chúng tôi chỉ mất khoảng hai phút để hạ cánh cả bốn chiếc Messerschmitt. Ba trong số bốn phi công Đức đã nhảy dù an toàn; phi công số bốn lao xuống cùng chiếc máy bay đang bốc cháy. Tôi thích thú tưởng tượng cảnh ba phi công xuất hiện ở đường băng, mỗi người đều có dù dưới nách. Viên chỉ huy Đức nghiêm nghị sẽ hỏi: “Chuyện gì đã xảy ra?”

“Chúng tôi đụng độ Spitfire, đúng là như vậy!”

“Tôi ghét phải báo cáo chuyện này! Thống chế Goering sẽ nổi điên lên mất.”

“Kệ Goering đi - bảo hắn ta vác cái mông béo ú của hắn lên máy bay và bay xuống thung lũng Cassino - để xem hắn ta xoay sở ra sao!”

Mơ tưởng về những phi công Messerschmitt đứng đó với những chiếc dù khiến tôi thấy buồn cười, và tôi lăn lộn trên sàn cười phá lên. Đúng là tôi hơi điên, nhưng tiếng cười ấy như một liều thuốc xoa dịu nỗi đau và sự đau khổ, và giấc mơ ấy đã đưa tôi ra khỏi nơi đó và trở về với tự do, với những đám mây trắng bồng bênh - xa, rất xa Hà Nội.

Rabbit hỏi tôi đã biết được bao nhiêu tên tù nhân kể từ khi bị bắt hạ. Anh ta muốn tôi

phác thảo sơ đồ bố trí trại giam và viết ra tên của những người ở trong các tòa nhà khác nhau. Tôi đặt rất nhiều dấu chấm hỏi ở các khu giam khác nhau. Cuối cùng tôi thừa nhận mình biết tám mươi hoặc chín mươi người. Sau đó, Rabbit đã điền đúng tên của tất cả các tòa nhà! Tôi đã bị sốc! Anh ta nói muốn chúng tôi “nói chuyện” về việc ai là ai và họ ở đâu. Sau đó, anh ấy yêu cầu tôi viết một báo cáo. Tôi hỏi: “Loại báo cáo nào?” Anh ấy trả lời: “Theo thái độ của họ.” Anh ấy không hé lộ chút nào về điều anh ấy thực sự muốn, nên tôi đã viết một báo cáo phân loại bốn mươi người đàn ông thành ba nhóm, mà tôi nhanh chóng nghĩ ra. Các nhóm đó là: Bị quan, Lạc quan và Không cam kết. Tôi đã viết những điều như sau:

“Cherry, anh chàng tội nghiệp, bị thương rất nặng. Hầu hết thời gian anh ấy rất bi quan về cơ hội được về nhà. Anh ấy rất cần được điều trị y tế. Vohden cũng vậy - bi quan. Groves lúc lên lúc xuống; ví dụ, có lần anh ấy gửi cho tôi một tin nhắn nói rằng, ‘Tôi nghĩ tôi thấy ánh sáng cuối đường hầm, nhưng đó là một chuyến tàu đang chạy theo hướng ngược lại.’ Một người khác, Jim Bell, là một người rất trầm lặng và không bao giờ cam kết theo bất kỳ hướng nào; vâng, tôi phải

nói rằng anh ấy không cam kết.” Sau đó, tôi viết về Byrne, người lạc quan, tôi, người bi quan, và những người khác trong trại. Đó chỉ là một đồng chuyện nhằm nhí khác và không nói gì với họ, nhưng nó giết thời gian hơn.

Vài ngày sau, anh ấy mang “báo cáo” của tôi trở lại.

“Tôi không muốn điều đó. Tôi muốn anh xếp hạng họ theo sức đề kháng. Tôi muốn biết sức đề kháng mạnh, sức đề kháng yếu và sức đề kháng trung bình.”

“Được rồi.” Tôi liệt kê tất cả những người bị thương nặng, và những người khác mà tôi nghĩ sẽ rất khó khăn trong phòng biệt giam, là “những kẻ kháng cự yếu”. Nếu tôi liệt kê bất kỳ ai trong số họ là những kẻ kháng cự mạnh, Thỏ có thể sẽ cố gắng bẻ gãy họ bằng cách giam họ vào phòng biệt giam. Tổng cộng, có mười một người tôi liệt kê là “những kẻ kháng cự yếu”.

Đối với “những kẻ kháng cự cứng đầu”, tôi liệt kê Kasler và tôi. Jim và tôi đã bị đánh đập toi tả hết lần này đến lần khác, và chúng biết chúng tôi là những kẻ kháng cự cứng đầu, nên không cần phải phủ nhận điều đó. Tôi xếp bốn người khác vào cùng, vì họ là những người trẻ nhất trong trại và chưa bị thương kể từ lần tra tấn đầu tiên. Họ là Joe Milligan,

Gary Anderson, Ed Mechenbier và Kevin McManus. Không ai trong số họ, kể cả Kasler, bị động chạm do tôi dán nhãn họ cùng với tôi. Tôi đã kiểm tra kỹ lưỡng điều đó. Tôi liệt kê hai mươi người còn lại là “trung bình”. Thỏ biết tôi đang nói dối, nên đã phản đối và đe dọa, nhưng tôi nói với hắn rằng đó là cách tốt nhất tôi có thể nghĩ ra. Cuối cùng ông ấy cũng chấp nhận.

Sau đó, ông ấy bảo tôi viết câu trả lời cho những câu hỏi này:

1. Anh có nghĩ rằng anh sẽ bị đưa ra tòa án quân sự vì những gì anh đã làm khi anh về nhà không?

2. Anh có nghĩ rằng sự nghiệp của anh sẽ bị ảnh hưởng rất nhiều bởi thời gian dài ở trong trại giam không?

Những câu hỏi này đã tiếp thêm động lực cho tôi. Chúng cho thấy bọn da đen tin rằng một ngày nào đó chúng tôi sẽ được về nhà. Vào thời điểm đó, vào tháng 8 năm 1969, tôi không biết chúng vừa thả thêm một tù nhân nữa. Những người đó là Hegdahl, Frishman và Rumble. Sau đó, ông ấy hỏi tôi nghĩ cuộc sống của những người được thả sớm sẽ bị ảnh hưởng như thế nào, và tôi lại viết thêm một bài nữa.

Ông ấy nói, “Tôi muốn số liệu thống kê.”

Thế là tôi bịa ra cả một đồng số liệu thống kê. Tôi nói rằng ba mươi lăm phần trăm số tù binh sẽ được xuất ngũ trong vòng một năm sau khi rời khỏi Bắc Việt Nam, hoặc vì tuổi già hoặc vì nghỉ hưu do tàn tật; bốn mươi lăm đến năm mươi phần trăm sẽ ly hôn do xa cách quá lâu; mười lăm phần trăm phi công trẻ sẽ xin xuất ngũ vì họ đã lãng phí quá nhiều thời gian trong trại tù và sẽ không còn nhiều sự nghiệp. Điều đó làm ông ấy hài lòng. Một lần nữa, tôi cảm thấy bất kỳ thời gian nào tôi có thể lãng phí mà không bị tra tấn đều là thời gian lãng phí.

Mông tôi hơi bị chảy nước và vẫn còn nhiều vết hằn, nhưng, ít nhất là về mặt thể chất, cuối cùng tôi cũng đã khá hơn. Các vết loét ở đầu gối của tôi đã khép lại, nhưng vẫn đau đến tận xương tủy. Tôi không còn nhìn đôi nữa, nhưng thị lực của tôi đã suy giảm nghiêm trọng. Tôi nhập viện với thị lực hai mươi hai mươi, và bây giờ tôi thấy việc đọc và viết ngày càng khó khăn. Trong vài năm tiếp theo, ngoại trừ một số ít trường hợp, tôi bị đau đầu từ trung bình đến dữ dội mỗi ngày. Theo kết quả khám sức khỏe sau đó, nguyên nhân là do chấn động não. Lúc đó, việc đưa ra bất kỳ lập trường nào, chứ đừng nói đến việc phản kháng quyết liệt, là điều

không thể đối với tôi. Rabbit gọi tôi ra và bảo tôi ngồi xuống. Hắn thấy tôi vẫn còn choáng váng, loạng choạng và run rẩy thấy rõ.

“Ga-reeno, anh đã làm tốt ở phái đoàn Nhật Bản. Giờ chúng ta có nhiệm vụ lớn nhất cần thực hiện! Nếu anh từ chối, chúng ta sẽ bắt đầu lại ‘cuộc điều trị’ cho anh ngay bây giờ, vậy nên hãy trả lời tôi, có hoặc không! Tôi sẽ cho anh thấy tôi nghiêm túc!” Tôi không còn nghi ngờ gì nữa, hắn ta nghiêm túc, bởi vì với cái tên khốn nạn này, đó là một sự tra tấn tự động.

Tôi hỏi, “Chuyện gì vậy?”

“Chúng tôi có một vai cho anh đóng trong một bộ phim.”

“Kể cho tôi nghe đi.” (Chúa ơi, lại bắt đầu rồi!)

“Rất đơn giản và rất ngắn gọn. Tôi sẽ giao vai cho anh.”

“Được rồi,” tôi nói.

“Đồng ý,” hắn ta nói. Tôi đứng dậy và trở về phòng giam. Tôi phát ốm vì đã đồng ý, nhưng tôi phải câu giờ. Tôi cần phải lấy lại can đảm.

Ngồi trên sàn, tôi nghe thấy tiếng lũ chuột chạy lảng vảng trên đầu. Chúng làm vậy khi đang đuổi theo một bữa tối còn sống. Có vài lần đuôi tắc kè rơi xuống sàn. Chúng nhảy

tưng tưng như lươn con, quằn quại ngay cả khi đã tách khỏi xác. Tôi nghe thấy tiếng chạy lảng xảng và ngẩng lên vừa kịp lúc thấy một con chuột xám to lớn rơi xuống người tôi! Tôi nghiêng người sang một bên, và nó đáp xuống sàn, chạy loạn xạ, cố gắng định hướng.

Nó sợ tôi hơn tôi sợ nó. Cuối cùng nó dừng lại và đứng ở một góc xa. Nhặt cái chân sắt dự phòng lên, tôi ném nó, và nó bật ra khỏi sàn nhà và đóng sầm vào nó. Tôi túm đuôi nó và ném nó vào chuồng khi nó vẫn còn run rẩy. Tại sao lại không phải là Thỏ chứ?

Sáng hôm sau, khi trời sáng, tôi mở toang khung cửa sổ. Nhờ vậy, tôi có thể nhìn thấy một phần hành lang và một phần sân bên ngoài. Tôi thấy một tên Yank tóc bạc đi về phía nhà giam với vài tên lính canh đi theo. Rồi có rất nhiều tiếng la hét, gào thét và tiếng quạt gió quất - khoảng mười đến hai mươi nhát - rồi lại im lặng. Lúc đó tôi biết mình không thể nào sống sót qua những gì vừa trải qua một lần nữa. Tôi nghĩ về cái mác “kẻ kháng cự mạnh” của mình. Ha! Giờ tôi không còn đủ sức để làm một “kẻ kháng cự trung bình”, và bọn khốn nạn đó biết rõ điều đó! Tôi thầm giận.

Sau đó, Thỏ đưa cho tôi một phần kịch bản và bảo tôi học thuộc lòng. Phần của tôi sẽ là

“Đại tá”, với ba hoặc bốn câu thoại. Khoảng một ngày sau, tôi đi thi đố vui khác và gặp Mèo, người mang cho tôi một chai bia. Tôi uống cạn chai bia ấm, lập tức nôn thốc nôn tháo, và chạy ra nhà vệ sinh. Ngay sau đó, Mèo nói, “Vậy là trong bộ phim chúng ta sắp đóng, cậu sẽ được phó chỉ huy giúp đỡ.”

“Ai vậy?”

“Cậu biết đấy, phó chỉ huy của cậu... Groves.”

“Ồ, đúng vậy không?”

“Phải. Phó chỉ huy của cậu - à, chúng tôi đã thuyết phục ông ấy đóng vai đó với cậu rồi. Ông ấy rất vui khi nghe cậu đồng ý đóng phim cùng ông ấy.” Tôi nghĩ, “Chắc chắn là ông ấy vui rồi. Người cùng khổ thì cần có bạn, chúng ta biết mà!”

“Cậu đóng vai này thế nào rồi?”

“Được.”

“Sắp gặp Groves rồi, nhưng trước tiên hãy cho tôi nghe thoại của cậu đã.” Vậy là tôi đọc “lời thoại” của mình. Sau đó, anh ấy giải thích về vở kịch.

Tôi không nhớ chính xác từng lời thoại, nhưng bối cảnh của vở kịch một màn này là tại bộ tư lệnh ở Sài Gòn vào năm 1957. Có hai sĩ quan quân đội Mỹ, một đại tá (tôi), và một trung tá (Groves). Vị đại tá là một gã thông minh và nham hiểm, chủ mưu một âm

muu lật đổ chính quyền Hà Nội bằng cách cài gián điệp vào Bắc Việt Nam và chính Hà Nội. Những điệp viên này, như bọn khốn nói, là “tay sai của Hoa Kỳ” dưới hình dạng sĩ quan Nam Việt Nam.

Trợ lý của đại tá, một trung tá người Mỹ, là một người đầy tham vọng và xảo quyệt. Vai diễn của tôi sẽ là một “kẻ xấu” thực sự. Khuôn mặt tôi sẽ đầy sẹo, khiến tôi xấu xí và dễ bị ghét bỏ. Người đàn ông trẻ tuổi hơn sẽ đẹp trai, với mái tóc bạc. Groves sinh ra là để đóng vai này. Hắn ta sẽ ăn nói ngọt ngào, nhưng nguy hiểm, bởi vì hắn ta quá tham vọng. Hắn ta sẽ cố gắng ép buộc vị đại tá già, nhưng vị đại tá không chịu.

Nghe có vẻ như một cốt truyện khá nhàm chán đối với tôi.

Ngày hôm sau, khi bước vào Coop để gặp lại Thỏ, tôi lần đầu tiên nhìn thấy một người Mỹ đẹp trai, tóc bạc. “Chào Larry, anh khỏe không?” Đó là Lowell Groves, người đàn ông cấp hai của tôi tại Sở thú. Nhìn tôi từ trên xuống, ánh mắt ông ta lộ rõ vẻ kinh ngạc và buồn bã trước cảnh tượng hỗn loạn mà ông ta chứng kiến. Tôi là một đồng đồ nát, run rẩy, và ông ta nhận ra điều đó ngay lập tức. Nhìn xuống đôi chân và bàn chân ố vàng của tôi, ông ta nói, “Chúa ơi, anh vẫn còn bị còng à?”

“Chắc chắn rồi, phải không?”

“Không, họ vẫn chưa động đến tôi. Tôi đang ngồi ở Phòng Bi-a Số Một chờ đến lượt.” Điều đó khiến tôi ngạc nhiên, vì tôi cứ tưởng cả trại đã bị tấn công rồi, và tôi chắc chắn đã nghĩ họ sẽ truy đuổi phó tướng của tôi và cho chúng tôi đấu với nhau.

Rabbit hỏi Groves về một số thanh niên trẻ hơn trong trại. Tôi giả vờ ngớ ngẩn khi Lowell hỏi tôi về một anh chàng trong Thư viện. Tôi nói, “Tôi không biết anh ta, Lowell, trí nhớ của tôi không tốt đến mức có thể nhớ hết tất cả mọi người.” Anh ta hiểu ý và im lặng.

Lowell cảm kích bản trước mặt. Chúng tôi đọc qua vài lần. Rabbit bước ra ngoài một lúc. “Lowell,” tôi nói, “Tôi nghĩ chúng ta đang làm điều gì đó tệ hại khi quay cảnh phim này.”

“Larry, tôi không thể chịu đựng được tra tấn như anh và Jim Kasler, nên chúng ta phải làm những gì cần làm. Chúng ta không thể lo lắng về điều đó bây giờ.”

Ngày 2 tháng 9 là ngày Quốc khánh Việt Nam, và chúng tôi được phục vụ một bữa ăn ngon lạ thường, gồm có chả giò và khoai tây thái lát. Dạ dày tôi không thể chứa nổi bất kỳ món ăn ngon hay bổ dưỡng nào, hoặc bất cứ

thứ gì cao hơn một chút so với thực đơn đạm bạc thông thường. Đồ ăn ngày lễ luôn khiến tôi đau bụng.

Ngày 4 tháng 9, chúng tôi được thông báo rằng tất cả “tội phạm” phải “mặc áo dài tay, ngồi im lặng, lịch sự và lắng nghe”. Có một thông báo chính thức về cái chết của Hồ Chí Minh, chính là tên sát nhân lão luyện! Có những bài phát biểu và lời ca ngợi về những chiến công của ông trong những năm qua, và những lời khẳng định nồng nhiệt rằng “cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc” của ông sẽ được tiếp tục. Tôi hy vọng tất cả đồng bào Mỹ của tôi sẽ cư xử đúng mực trong buổi lễ long trọng này, bởi vì người Việt Nam sẽ không còn tâm trạng nào để chấp nhận bất kỳ điều vô lý nào.

Liệu việc thay đổi lãnh đạo có ảnh hưởng gì đến chúng tôi không? Tôi nghĩ tất cả chúng tôi đều cầu nguyện cho một sự thay đổi lớn trong cách đối xử của họ với chúng tôi. Xét theo những bình luận của phát ngôn viên Đài Tiếng nói Việt Nam trong nhiều năm qua, Hồ Chí Minh đã đích thân phụ trách bảng điểm số máy bay Mỹ bị bắn hạ. Luôn cố gắng thể hiện sự khiêm tốn của mình, phát thanh viên sẽ nói, “Và hôm nay người dân tỉnh Hà Tĩnh tuyên bố có mười một máy bay bị bắn hạ.

Nhà lãnh đạo sáng suốt của chúng tôi, Hồ Chí Minh, cười khúc khích và nói, ‘Vậy thì tôi cho các ông sáu.’“ Họ không bao giờ nói gì về việc xác nhận bằng xác máy bay hay phi công bị bắt. Nếu Hồ Chí Minh nói có sáu máy bay bị bắn hạ, thì ai có thể phản bác điều đó?

Với cái chết của Hồ Chí Minh, chúng tôi lo lắng rằng việc đối xử có thể trở nên tồi tệ hơn - họ có thể tiến hành các cuộc hành quyết công khai hàng loạt và tra tấn chúng tôi nhiều hơn, hoặc cũng có thể ngược lại, và chúng tôi sẽ được đối xử tốt hơn. Đó là một viễn cảnh bấp bênh. Nhưng dù sao thì ở châu Á chẳng có chuyện gì xảy ra nhanh chóng cả, nên chúng tôi biết mình chỉ còn cách đổ mồ hôi.

Đêm hôm sau, tôi được đưa đến một tòa nhà chính quyền rộng lớn ở trung tâm thành phố. Tôi đợi ở hành lang rất lâu. Cuối cùng, tôi được dẫn vào một căn phòng có khoảng tám, mười người Việt Nam. Nhìn tôi từ đầu đến chân, một người hỏi: “Vậy là anh đồng ý rồi à?” Tôi đoán anh ta đang nói về cảnh trong phim. Tôi có nên cởi quần và cho họ xem cái mộng sọc của mình không nhỉ? Tốt hơn là không nên - những người này rất khiêm tốn; nên tôi nói nhỏ: “Tôi không còn lựa chọn nào khác.” Họ mời trà và nói chuyện

với nhau một cách bình tĩnh, thông thả, phớt lờ tôi. Vậy là hết chuyện thăm hỏi rồi.

Khi Groves và tôi sắp lên xe tải cho một chuyến đi khác, Thỏ đã còng tay chúng tôi bằng những chiếc còng nhỏ. Groves kêu “Ồ” và “ôi” vài lần, vì còng quá nhỏ nên kẹp chặt cổ tay anh ta. Thỏ hỏi: “Đau không?” Lowell nói là đau, nên Thỏ tháo còng ra và lấy một bộ còng hai chân. Khi xe tải đang chạy, tôi bảo Lowell rằng anh ta không nên phàn nàn.

“Tại sao?”

“Ôi trời, chuyến đi này chỉ ngắn thôi, và chúng ta sẽ tốt hơn nhiều nếu được đeo còng tay riêng.”

“Tại sao?”

“Vì đường sá ướt át, mương rãnh ven đường sâu hoắm và đầy nước! Tài xế của họ tệ lắm. Nếu chúng ta bị trượt bánh và rơi xuống kênh, chắc chắn chúng ta sẽ chết đuối với những xiềng xích này!”

Khi chúng tôi đến nơi, họ tháo thanh sắt ra, và chúng tôi được đưa vào một nhà kho lớn. Đó là tài sản của công ty phim quân đội và chứa đủ loại “bối cảnh” giống như Hollywood. Tất cả thiết bị chiếu sáng và máy quay đều từ Liên Xô. “Bối cảnh” của chúng tôi trông giống như một văn phòng, với vài cái bàn ghế và chẳng có gì khác. Họ có một

vài diễn viên thật mặc đồ nguy trang của lính Mỹ, cả giày ống nữa. Tất nhiên chúng tôi không hiểu họ đang nói gì, nhưng trông họ đúng là những diễn viên hạng nhất. Cả hai đều trông giống người da trắng.

Phía trước bối cảnh là những hàng ghế. Trên đó có khoảng mười lăm đến hai mươi người - trợ lý bối cảnh, đội ngũ ánh sáng và quay phim, chuyên gia trang điểm, vân vân. Họ ngồi im lặng và nhìn chăm chăm vào chúng tôi. Họ có vẻ tử tế và không hề tỏ ra thù địch với chúng tôi.

Tôi vẫn còn cảm thấy tệ (punk), run rẩy và tiêu chảy, nên tôi thường xuyên phải chạy vội vào nhà vệ sinh kiểu phương Tây mà họ có trong tòa nhà. Mèo hiểu chuyện gì đang xảy ra với tôi và không hề thúc ép chúng tôi. Đêm đó tôi đã nhìn thấy một điều mà tôi chưa từng thấy trước đây ở Bắc Việt Nam. Có một cặp đôi trong số những người ngồi đó. Người đàn ông vòng tay qua vai người phụ nữ và ôm chặt cô ấy. Họ thể hiện rất nhiều tình cảm cởi mở, và đó là lần duy nhất tôi từng thấy bất kỳ tình cảm dịu dàng nào được thể hiện giữa một người đàn ông và một người phụ nữ ở Bắc Việt Nam.

Khi Lowell và tôi trở về từ phim trường, anh ấy sẽ được đưa trở lại Phòng Bi-a, và

tôi sẽ trở lại phòng Hồ Chí Minh. Tôi luôn bị cùm lại. Vào ngày 22 tháng 9, sau 110 ngày bị cùm, cuối cùng họ đã mang chúng đi và mang vào một tấm ván giường, tôi đã gắn nó lên các cột trụ xi măng.

Nhiều tuần trôi qua, và chúng tôi chưa quay được một thước phim nào. Mèo nói, “Đôi khi phải mất nhiều tuần tập luyện chỉ để làm được ba bốn phút phim.” Đó là một sự lãng phí, và tất cả mọi người liên quan, kể cả Thỏ, đều đang tận dụng tối đa nó. Có đồ ăn ngon, bao gồm thịt, đồ uống, kẹo và bánh ngọt Pháp. Ở các nước Cộng sản, những người làm nghề, nghệ thuật và thể thao được trao rất nhiều quyền tự do cá nhân. Họ cũng nhận được các ưu đãi đặc biệt như tài khoản chi tiêu, quần áo và chỗ ở. Nếu đó không phải là một dự án tuyên truyền thối nát, và tôi không bị bệnh về thể chất và tinh thần, thì đó đã là một món hời lớn đối với tôi.

Cuối cùng, chúng tôi được đưa đến địa điểm quay phim. Tháo rèm che, chúng tôi xuống xe tải và thấy mình đang ở bãi đậu xe lát gạch của sân bay Gia Lâm, sân bay chính của Bắc Việt Nam.

Lần cuối tôi nhìn thấy Gia Lâm là vào tháng 11 năm 1944, khi máy bay ném bom B-24 và B-25 của chúng tôi đang phá hủy tất cả các

cây cầu ở khu vực Hà Nội. Trên những chiếc máy bay chiến đấu P-51 nhanh nhẹn và bóng bẩy, chúng tôi bay vòng quanh khu vực, luôn để mắt đến Gia Lâm để đảm bảo không có máy bay chiến đấu Nhật Bản nào cất cánh để chặn máy bay ném bom của chúng tôi. Đó là hai mươi lăm năm trước, và Đông Dương/Việt Nam thuộc Pháp chắc chắn không hề thay đổi theo chiều hướng tốt hơn. Nó cho thấy tuổi tác, và gần như không có tiến triển. Các tòa nhà và cơ sở vật chất đã xuống cấp nghiêm trọng kể từ khi người Pháp rời đi. Mọi thứ dường như được giữ lại với nhau bằng dây thép, băng dính, dây thừng và dây thừng.

Sảnh của nhà ga được bố trí bàn ghế, thảm, bàn ghế phòng khách và “máy tính”. Người Việt Nam thích miêu tả người Mỹ như những kẻ sử dụng máy tính vô cảm cho mọi quyết định cần thiết hàng ngày. Máy tính được điều khiển bởi một dãy ống tia âm cực gắn trên các radar cũ của Nga. Chúng tôi sẽ quay cảnh duy nhất ngay tại đó, và đó là tất cả những gì sẽ diễn ra. Dù sao thì bộ phim cũng sẽ không được chiếu cho những khán giả sành sỏi, nên bối cảnh cũng đủ đáp ứng mục đích của họ.

Đoàn làm phim bố trí các thanh ray kim loại trên sàn để các trợ lý có thể đẩy các bệ máy quay có bánh xe qua lại, tùy thuộc vào

độ gần hoặc góc quay mong muốn. Các kỹ thuật viên làm việc của họ, và có một điểm sáng. Người phụ nữ trẻ điều khiển máy quay chính thật sự nổi bật. Cô mặc quần lụa đen và áo cánh hoa trắng. Cô cao, mảnh khảnh, dáng người thanh mảnh, gọn gàng và mái tóc đen dài mượt. Tôi bị cô ấy mê hoặc và có thể nhìn chăm chăm vào cô ấy hàng giờ liền. Lowell thì thụ động trước cô ấy, và tôi nhận ra rằng mọi cảm xúc tình dục của anh ta đều bị lu mờ bởi sự khắc nghiệt của cảnh giam cầm. Khi tôi hiểu rõ hơn về anh ấy, tôi nhận ra tinh thần của anh ấy cũng bị ảnh hưởng nặng nề, bởi vì anh ấy cảm thấy có điều gì đó rất không ổn ở nhà.

Một cảnh phim có cảnh Mèo bước vào, tay xách cặp và trông rất quan trọng, trong khi chúng tôi (những “người Mỹ phản bội”) ngồi trên ghế sofa chờ anh ấy. Có lẽ anh ấy đang đóng vai một tay sai của Nam Việt Nam, nhưng chúng tôi không bao giờ thực sự biết chuyện quái gì đang xảy ra. Dù sao thì cũng chẳng ai có vẻ quan tâm đến những gì chúng tôi nói khi đến lượt mình.

Sau đó chúng tôi phát hiện ra phim không có bản ghi âm - đó là phim câm. Về sau, âm thanh sẽ được lồng tiếng, sử dụng phương pháp “hát nhép”.

Một cảnh quay tôi đi xuống cầu thang mở, dừng lại, rồi nhìn ra cửa sổ. Lần khác, tôi phải hút thuốc một cách lo lắng và “trông rất xảo quyệt và nham hiểm”. Tôi nheo mắt và lật điều thuốc, cố tỏ ra thật ngẫu. Mỗi khi không đến lượt mình diễn, tôi lại dán mắt vào cô quay phim khi cô ấy ngồi đó, thẳng người trên ghế, hai đầu gối dang rộng (có lẽ là để giữ thẳng bằng trên bục quay phim). Cô ấy là một người phụ nữ rất gợi cảm. Tôi không nhớ mình đã có bất kỳ phản ứng thể chất nào khi nhìn thấy cô ấy, nhưng ít nhất thì trí óc tôi vẫn nhớ rằng có một thứ như vậy!

Trong giờ nghỉ trưa và nghỉ trưa, họ đưa chúng tôi lên các phòng trên tầng hai. Ban đầu, họ tách Lowell và tôi ra, nhưng trong lần thứ hai lên đó, họ cho chúng tôi ở cùng nhau. Thỏ cảnh báo tôi “đừng quá tò mò”. Tôi không hiểu ý anh ta, nhưng tôi chắc chắn có một con rệp được gài gần một lỗ thông trên tường sang phòng bên cạnh. Mỗi khi Lowell bắt đầu kể cho tôi nghe điều gì đó bí mật, tôi lại bảo anh ta im lặng, vì tôi chắc chắn nơi này bị nghe lén. Anh ta nghĩ tôi bị hoang tưởng, và tôi đã đánh giá quá cao khả năng của họ, nhưng ngay cả bây giờ tôi vẫn nghĩ mình đã đánh giá họ đúng.

Con Mèo quyết định rằng anh ta không

thích quần của tôi, và nói rằng anh ta sẽ cử người đến may cho tôi một cái quần mới. Tôi không thể tưởng tượng nổi tại sao họ lại bận tâm đến điều đó. Họ đưa tôi đến một căn phòng khác trên tầng hai, dẫn vào một người phụ nữ, trông khoảng bốn mươi tuổi, với khuôn mặt xinh đẹp và vóc dáng cân đối. Cô ta đi cùng một cô gái tuổi teen. Cô ta đến gần và làm đủ mọi động tác để lấy số đo quần của tôi, chạm nhẹ vào tôi khắp nơi và mỉm cười với tôi. “Những người này đang làm gì vậy?” tôi tự hỏi. “Họ đang cố kích thích tôi để tôi đào tẩu, cưới người phụ nữ này rồi ở lại đây mãi mãi sao? Với cảm giác hiện tại của tôi, nếu tôi nghĩ mình sẽ không bao giờ bị tra tấn nữa, tôi đã làm rồi!” Nghĩ rằng toàn bộ chuyện này chỉ là một trò bịp bợm, tôi thực sự bất ngờ khi cô ấy xuất hiện vài giờ sau đó, mang theo một chiếc quần mới cho tôi!

Nhìn ra ngoài cửa sổ tầng hai, chúng tôi có thể thấy đường băng chính, dài khoảng 2.400 đến 3.000 mét, và đường dốc đỗ xe phía xa. Có một vài máy bay vận tải của Nga, một máy bay ném bom II-28 cũ và một vài máy bay đa dụng cỡ nhỏ. Tất cả chúng dường như đều bị hỏng và cần được bảo dưỡng. Không thấy máy bay chiến đấu nào, và trong lúc chúng tôi ở đó, không gian rất yên tĩnh, chỉ có một chiếc máy bay đến.

Các nhà chứa máy bay ở hai bên nhà ga chính đã bị phá hủy từ lâu. So với sân bay của chúng tôi, Gia Lâm giống như một sân bay dành cho người đi làm ở một thị trấn nhỏ.

Trong chuyến đi thứ hai, chúng tôi thoáng thấy hai người da trắng. Người đầu tiên là một thanh niên cao lớn khoảng hai mươi tuổi, mặc quân phục chiến đấu. Anh ta được cho là một trong những cận vệ riêng của đại tá (tức là của tôi). Người kia là một phụ nữ đầy đà khoảng hai mươi lăm tuổi, mặc trang phục phương Tây, đóng vai thư ký của đại tá. Cả hai đều là người Cuba. Không thể bắt chuyện với họ; họ có vẻ bồn chồn và lo lắng làm hài lòng người Việt Nam. Phần của tôi yêu cầu tôi phải đi tới và ném một chồng giấy lên bàn của thư ký. Chàng trai Cuba trẻ tuổi, đóng vai cận vệ, chỉ đứng đó trong suốt cảnh quay rất ngắn này. Anh hùng của bộ phim (và cũng là nam diễn viên chính xuất sắc nhất) là một chú chó chăn cừu Đức xinh đẹp. Người huấn luyện chó ngồi trước máy quay ra lệnh, nhưng khán giả sẽ nghĩ rằng chú chó đã phản ứng với lệnh của tôi. Nó thở hổn hển một cách sung sướng và gần như đang mỉm cười - chắc chắn phải thích nó mới được. Tôi chỉ tay về phía cửa và nói, “Bắt nó lại, Bonzo!” (Hồi nhỏ tôi biết một chú chó dẫn đường tên như

vậy trông giống hệt nó.) Chú chó kêu “gâu gâu” một tiếng thật to rồi nhảy vọt về phía cửa. (Dĩ nhiên, đúng lúc đó, chủ nhân thực sự của chú chó đã ra lệnh.)

Máy quay đang quay và Mèo tiến lại gần và nói gì đó với tôi. Tôi không nhớ là gì, nhưng tôi nhớ mình đã rất bức bối về toàn bộ chuyện này, và tôi bắt chéo chân, hất tung một chiếc guốc lên không trung. Tối hôm đó, Thỏ nói, “Hôm nay anh làm cấp trên của tôi rất tức giận, ông ấy nói anh có thái độ rất tệ. Anh biết đấy, anh không cần phải làm thế này nếu anh không muốn.”

“Cái gì?” Tôi không tin. Hăn đã dọa sẽ bắt đầu “điều trị” ngay lập tức nếu tôi không đồng ý! Có chuyện gì đó đang xảy ra mà tôi không thể hiểu nổi.

“Dù sao thì, mọi chuyện cũng đã qua rồi,” hăn nói. Nếu hăn định làm tôi hoang mang thì hăn đã làm rất tốt.

Vịt đang đợi tôi ở phòng Hồ Chí Minh và bảo tôi thu dọn đồ đạc. Hăn dẫn tôi đến phía sau tòa nhà Bi-a, phòng số sáu. Tôi bước vào và thấy nó vừa được quét vôi trắng. Đó là một trong những phòng giam có lỗ thông hơi trên tường phía trước. Hăn đóng cửa lại. Tôi nhận ra không có bóng đèn và gần như hoảng loạn, tin rằng màn tra tấn của tôi sẽ lại bắt

đầu trong căn phòng giam tối tăm đó! Một lính canh đến kiểm tra tôi và thấy đèn đã tắt. Hẳn quay lại với một cái thang và một bóng đèn, và tôi thở phào nhẹ nhõm.

Nó giống như một phòng bệnh viện được khử trùng, so với phòng Hồ Chí Minh. Tôi nằm đó lặng lẽ, suy nghĩ về trải nghiệm “phim ảnh”. Ban đầu, Mèo nói rằng mục đích của bài tập này là để làm nhục tôi “trong mắt đồng đội của anh”. Chắc hẳn họ đã thay đổi ý định, vì bộ phim chưa bao giờ được sử dụng cho mục đích gì lớn lao. Nó không bao giờ được chiếu cho bất kỳ ai ngoại trừ lính canh trại. Họ đến gần và chọc tôi, nói, “Gâu gâu!”.

Thay vì vậy, tôi đã có vài ngày yên tĩnh và bình yên khi Vịt đến. Anh ấy rất hiền lành và không bao giờ gây khó dễ cho tôi. Anh ấy là một người lính thực thụ. Trong những năm qua, khi được lệnh quấy rối hoặc tra tấn, anh ấy chỉ làm vậy. Anh ấy tuân thủ mệnh lệnh một cách chính xác và không thêm thắt bất kỳ chi tiết kỳ quặc nào.

Vào giữa tháng 10, tôi được đưa đi thẩm vấn và gặp một người thẩm vấn mà tôi chưa từng gặp trước đây. Anh ấy tên là Stag, viết tắt của “Smarter Than the Average Gook” (Thông minh hơn một gã khốn trung bình). Người ta thấy ông ấy vào những dịp lễ, được

đối xử như “người tốt”, và chúng tôi nghĩ ông ấy nói thật.

Stag đến từ Cần Thơ, vùng đồng bằng phía nam Sài Gòn. Ông nói rằng các làng quê trong tỉnh ông kiếm sống tốt nhờ sản xuất nước mắm cay nồng. Ông đặc biệt tự hào về chất lượng thực phẩm và tay nghề của những người đầu bếp trong làng. Ông nghĩ rằng cuộc sống ở miền Nam tốt hơn nhiều so với miền Bắc, nơi cuộc sống rất “khắc nghiệt”, như ông nói. Ông thừa nhận rằng quân đội Việt Nam đã chịu những tổn thất nặng nề trong các cuộc chiến chống lại quân Mỹ.

Ông hỏi một cách thân nhiên rằng tôi có biết Đại tá Edward Burdett không. Tôi nói rằng tôi chưa bao giờ nghe nói đến ông ấy, và điều đó đúng. Rồi Stag giơ một tấm thẻ căn cước quân nhân lên và nói: “Vâng, Đại tá Burdett là một sĩ quan rất cao cấp, anh có chắc là anh không biết ông ấy không?” “Chưa bao giờ nghe nói đến ông ấy.” Stag thả nó xuống đó. Một năm sau, tôi biết được Burdett từng là chỉ huy phi đội tại Korat. Jack Flynn, phó chỉ huy phi đội, và Jim Bean, giám đốc tác chiến, cũng là tù binh ở Hà Nội! Stag còn nói với tôi rằng từ giờ trở đi mọi chuyện sẽ tốt đẹp hơn nhiều với chúng tôi. Tôi hỏi thẳng: “Các ông định tiếp tục tra tấn chúng

tôi để bắt chúng tôi làm những việc chúng tôi không muốn sao?”

“Ý ông là gì?”

“Ông hiểu ý tôi mà. Hãy đưa ra những tuyên bố chống lại chính phủ, chống lại đất nước chúng tôi. Vậy thì, hãy nói cho tôi biết, để tôi biết liệu chúng tôi có bao giờ có được hòa bình trong trại này hay không.”

Anh ta ngộ nguây rất nhiều, rồi cuối cùng nói, “Lúc này thì không còn kế hoạch gì nữa.” Trong số tất cả những người Việt Nam tôi từng gặp, tôi nghĩ anh ta và Chó là những người sắc sảo nhất.

Tôi có một “con thú cưng” sống trong một cái lỗ trên tấm ván chân tường mục nát của chiếc giường gấp. Tôi thường nằm xuống và nằm im khoảng mười phút vào ban đêm. Khi tôi nhìn xuống chân mình, một con chuột trắng to tướng với cái đầu hình quả bóng bầu dục sẽ thò đầu ra và nhìn tôi. “Chào anh bạn. Anh đừng làm phiền tôi, và tôi sẽ không nói với ai là anh ở đây đâu, được không?” Chúng tôi bỏ qua chuyện đó. Một buổi sáng, con chuột mở mắt ra trước khi tôi ra khỏi bao. Đó là Thỏ, đang cố gắng đánh tráo bằng cách tỏ ra tử tế. Anh ta đang phát những đĩa đường trắng thô và bánh mì. Tôi nói với anh ta rằng không, cảm ơn, nó sẽ làm tôi tiêu

chảy. Cuối ngày hôm đó, anh ta đưa cho tôi một gói hàng từ Evelyn, và một lá thư có kèm theo một số bức ảnh chụp nhanh tuyệt đẹp. Đầu tiên, chúng tôi xem qua những món quà. Tôi nhận thấy một số kẹo hồ đào, kẹo dẻo và mơ khô đã bị mất. Tôi hỏi về điều đó, và Thỏ trả lời với vẻ mặt nghiêm túc, “Chúng tôi phải lấy mỗi thứ một ít để thử, để đảm bảo không ai đầu độc các bạn và đổ lỗi cho chúng tôi!” Thật là nhảm nhí!

Một vài bức ảnh là của các con trai tôi, chúng đã lớn đến mức tôi không thực sự phân biệt được đứa nào với đứa nào. Những bức khác là ảnh chụp Evelyn đang đứng trên hiên nhà của cô ấy ở Căn cứ Không quân Patrick. Cô ấy trông thật tuyệt, rất gọn gàng và chải chuốt như mọi khi. Tôi nuốt nước bọt khi nhìn thấy chúng. Thỏ quyết định sẽ cho nói xỏ tôi vài câu.

“Và cô ấy bao nhiêu tuổi?”

“Bốn mươi lăm.”

“Cô ấy trông rất khỏe mạnh. Sao vậy? Tại sao anh nghĩ cô ấy trông khỏe mạnh như vậy? Phải có ai đó làm cho cô ấy hạnh phúc chứ! Anh biết đấy, ở Việt Nam chúng tôi có câu nói về phụ nữ ở độ tuổi của họ. Đó là ‘phụ nữ đến lần thứ hai vào mùa xuân, và sau đó họ có thể làm gãy lưng bạn.’” Anh ấy cười vui

về với câu nói đùa nhỏ của mình. Tôi đã quá chán ngán với những lời lẽ thô tục của hắn, nên tôi thu dọn đồ đạc và rời đi. Boris, giờ là người giữ chìa khóa, cho tôi trở lại phòng giam. Tôi ngạc nhiên khi thấy mình đang cảm thấy ghen tị!

Vẫn còn bực mình về vụ Thỏ, tôi nhét vài quả mơ khô vào miệng và đọc thư của Evy. Đó là một trong những lá thư tuyệt vời thường lệ của cô ấy, nói với tôi rằng mọi người đều ổn và đừng lo lắng. Cô ấy nói rằng tủ lạnh của cô ấy bị hỏng, và cô ấy đã mua một cái mới, loại có thể tự động làm đá viên. Tôi chưa bao giờ nghe nói đến điều đó trong tủ lạnh gia đình trước đây. Tin lớn là cô ấy vừa trở về từ lễ tốt nghiệp của Allan tại Căn cứ Không quân Williams. Giờ thì cô ấy lại nói với tôi rằng Allan có đôi cánh bạc của một phi công không quân!

Nước mắt tôi lăn dài trên má khi đọc điều đó. Tôi thực sự tự hào về con trai, nhưng từ đó trở đi, tôi lo rằng bọn khốn có thể cố ép tôi viết thư phản chiến cho Allen. Và, sâu thẳm trong lòng, tôi lo lắng về khả năng khủng khiếp là Allen sẽ tham chiến ở Việt Nam và bị bắn hạ.

Khi Allan mười lăm, mười sáu tuổi, nó đã chế tạo và lái một số máy bay mô hình chạy

bằng xăng rất đẹp, và luôn vui mừng nếu tôi ra ngoài xem nó lái chúng. Tuy nhiên, nó chưa bao giờ nói với tôi rằng nó muốn trở thành một phi công không quân, và tôi không muốn thúc đẩy Allen theo hướng đó.

Trong cuộc thanh trừng khủng khiếp năm 1969, tất cả mọi người trong trại đều bị chuyển vào các phòng giam khác nhau. Spiker và Coniff giờ ở phòng giam số một, ngay bức tường phía sau nhà tôi. Tôi đã liên lạc với họ ngay khi tôi chuyển về. Tôi đã hỏi họ về lá thư của Evy. Sau đó, Spiker quay lại hỏi: “Sao cậu lại nghĩ cô ấy cần máy làm đá viên tự động chứ? Chắc cô ấy tiệc tùng nhiều lắm!” “Cảm ơn Spiker nhiều nhé,” tôi nghĩ, “có bạn bè như cậu thì mình đâu cần bọn da vàng làm kẻ thù!”

Rabbit bảo tôi chuẩn bị đi lồng tiếng cho phim với Groves. Tối hôm đó, chúng tôi được đưa đến một tòa nhà trông giống như một tòa tháp xi măng ba tầng, nằm cạnh một hồ nước lớn. Chúng tôi vào phòng thu âm, được ốp toàn bộ bằng gạch cách âm.

Bạn phải xem kỹ phần của mình, cố gắng khớp chuyển động môi với lời thoại trong kịch bản. Không hẳn là khoa học, nhưng tất cả những gì bạn phải làm là bắt đầu và dừng nói cùng lúc với hình ảnh trên màn hình.

Đầu tiên, chúng tôi xem một số diễn viên phim Việt Nam diễn xuất. Tôi đã rất ngạc nhiên trước thái độ nóng nảy của họ khi họ không kịp nhảy vào dây và phải làm lại. Họ cũng nổi cáu y như chúng tôi vậy! Tôi vẫn còn đau bụng, và đó là một thiệt thòi, vì đồ ăn và bánh ngọt trông rất ngon. Chẳng trách Thỏ béo như heo! Lowell có thể uống sáu chai bia, nhưng uống hơn một chai thì tôi lại nôn và bị tiêu chảy.

Lần ra ngoài thứ hai, Lowell cố tình nói với tôi điều gì đó bí mật, và tôi lại phải bảo ông ta im lặng. Họ bật phim của chúng tôi lên, và chúng tôi xem. Thiết bị âm thanh nhạy đến nỗi khi họ chiếu lại cảnh chúng tôi vừa xem, bạn có thể nghe thấy tiếng bụng tôi sôi lên trong băng. May mà tôi đã bịt miệng Lowell lại!

Thỏ bước vào cùng một cô gái trẻ quyến rũ. Cô ấy để tóc ngắn, đi giày cao gót, mặc áo len màu nâu và quần tây đen. Thỏ có vẻ say mê cô ấy, và chúng tôi thấy anh ấy tỏ ra quyến rũ trong lúc ăn uống trong giờ nghỉ giải lao. Sau đó, anh ấy bật một băng nhạc Latin. Anh ấy hỏi: “Anh có muốn nhảy bossa nova không?” Lowell nói: “Không, tôi chỉ nhảy với vợ tôi thôi.” Tôi quên mất lý do mình đưa ra là gì, ngoại trừ việc nó có liên

quan đến vụ nhảy trots của tôi. Kế hoạch là Thỏ sẽ dụ chúng tôi quan hệ với cô gái, sau đó anh ấy sẽ quay phim và ghi hình. Cô gái đó có lẽ là một gái mại dâm hạng sang, sẵn sàng phục vụ các thành viên trong nhóm. Tôi có thể hình dung ra cảnh tượng đó - “Tù binh Mỹ thích tiệc tùng.”

Thỏ có lẽ là người song tính. Anh ấy thích phụ nữ, mặc dù Đốm rõ ràng là người yêu của anh ấy. Trong một lần chỉ trích, hăn từng nói với tôi rằng người Mỹ “thối tha” và chúng tôi “sinh sôi nảy nở như thỏ”. “Hơn nữa,” hăn nói, “mỗi khi tôi về nhà vào buổi tối, tôi rất khó ôm vợ. Cô ấy không chịu lại gần tôi vì cô ấy nói tôi hôi hám vì lúc nào cũng giao du với người Mỹ. Anh có biết mấy người hôi hám không?”

Vài ngày sau, Thỏ ném một cây bút chì và một tờ giấy qua lỗ thông hơi. “Và giờ, anh lại xin ân xá!”

“Tôi đã làm rồi.”

“Không, anh chưa làm.”

“Có, tôi đã làm rồi.”

“Anh muốn bị phạt lần nữa sao?” Hăn bỏ đi. Tôi đến chỗ tắm ván và từ từ quỳ xuống sàn, để xem đầu gối mình chịu được đến đâu. Vết thương đã khép miệng, nhưng sau vài phút quỳ, tôi thấy đau đớn vô cùng; như

thể xương đầu gối tôi bị nghiền nát. Tôi biết mình không thể chịu đựng được nữa. Tôi gõ vào tường để trút hết nỗi lòng. Mullen và Groves khuyên tôi nên viết một bản tuyên bố vô ích, chỉ để sống qua ngày. Họ nói rằng họ rất lo lắng cho tôi. Tôi cũng lo lắng cho chính mình. Spiker trở lại đúng với bản chất của mình: “Đừng làm thế! Cứ tiếp tục kháng cự, rồi chúng tôi sẽ cầu nguyện cho cậu.”

“Giờ tôi không chịu nổi thêm hình phạt nào nữa. Đầu gối tôi đau muốn chết.”

“Đừng làm thế! Khi về nhà cậu sẽ được trao Huân chương Danh dự.”

“Cậu có nghe cái trò vớ vẩn đó không?” tôi nghĩ. “Hắn ta có thể nhét Huân chương Danh dự vào!” Tôi đáp trả, “Cậu ra ngoài vì tôi, tôi sẽ ngồi đây cầu nguyện cho cậu!” Cuối cùng tôi cũng viết, đưa ra mức tối thiểu tuyệt đối. Thở lấy nó để điền vào ô trống đó. Chắc hẳn chúng đã làm mất cái mà Lỗi Sắt lấy của tôi lúc trước.

Ngày 22 tháng 10 năm 1969, trên loa có nói gì đó về mặt trăng, hay một chuyến du hành lên mặt trăng, mà tôi không nghe rõ. Boris cho tôi ra ngoài để đổ rác.

“Có ai trên mặt trăng không?”

“Có.”

“Không đùa đâu, đó là ai?”

“Có một người đàn ông, một người Mỹ. Nhưng giờ anh ta rất yếu và sẽ sớm chết thôi.”

“Anh ta đã ở đó bao lâu rồi?”

“Vài ngày. Anh biết người Nga có thể dễ dàng làm điều đó. Nhưng họ không làm vậy, vì họ không ngu ngốc. Họ biết trên mặt trăng chẳng có gì, vậy tại sao họ phải đi?”

Khoảng ngày 25 tháng 11, họ chuyển tôi đến phòng số tám. Fred Cherry đang đợi tôi, và thật vui khi được gặp lại anh ấy. Anh ấy kể cho tôi nghe về ca phẫu thuật mà họ đã thực hiện cho anh ấy. Anh ấy cho tôi xem vết sẹo, chạy từ ngực, qua vai và xuống lưng. Trông nó dài khoảng bốn feet! Chúng tôi nói chuyện với Bud Day và Jack Fellowes qua bức tường. Jack là một sĩ quan hải quân khá đặc biệt, luôn gây khó dễ cho bọn khốn. Tôi thường xuyên nhìn thấy anh ta qua lỗ khóa của túp lều. Bọn khốn luôn dùng roi đánh anh ta.

Tôi chỉ ở với Fred vài ngày. Chúng tôi nghe thấy rất nhiều tiếng động của việc cải tạo tòa nhà. Quả nhiên, có một dự án trại đang được tiến hành để phá bỏ một số bức tường để khôi phục lại kích thước ban đầu của các phòng giam.

Boris chuyển tôi trở lại phòng giam mà tôi từng ở chung với Ron (số năm), giờ đã được mở rộng gấp đôi và bao gồm cả không gian

trước đây của Milligan và Anderson. Kasler và Groves đã ở đó chào đón tôi, và tôi vô cùng phấn khích khi được ở cùng họ. Tôi đã ở một mình quá lâu.

Kasler kể với tôi rằng anh ta cũng đã bị tra tấn dã man vào năm 1969. Lần đầu tiên là khi anh ta bị cáo buộc đã để một trong những sĩ quan cấp dưới trong tòa nhà của mình, sĩ quan hải quân McSwain, hành động điên rồ. Jim không liên quan gì đến chuyện này, nhưng dù sao anh ta cũng bị bắt. Lần thứ hai là sau vụ vượt ngục, khi Kasler là một trong những người bị bắt và tra tấn dã man suốt ba tuần dài.

Lowell kể với tôi rằng kể từ cuộc thanh trừng, những người từng chăm sóc Carl Corley đã bị phân tán khắp trại. Corley giờ sống một mình trong phòng giam số hai, phía trước khán phòng. Đó chính là phòng giam tôi đã ở trong suốt cuộc phiêu lưu ăn giấy. Một hôm, khi ra ngoài kiểm tra, tôi thấy Corley ngồi đó, cửa phòng giam mở toang và vẫn không biết hay quan tâm đến nơi ở của mình hay bất cứ điều gì khác. Vài ngày sau, Corley được chuyển khỏi trại.

Tôi không bao giờ gặp lại ông ấy nữa, và sau đó có tin đồn rằng ông ấy đã được nhìn thấy trong tình trạng rất tệ ở Heartbreak.

(Chúng tôi rất buồn khi biết ông ấy đã chết trong cảnh bị giam cầm. Di hài của ông ấy cuối cùng đã được đưa về nhà vào năm 1974.)

Jim và Lowell quan tâm đến J. J. Connell và hỏi liệu VC có từng nhắc đến ông ấy không. Vâng, có một ngày Lỗi Sắt nói với tôi rằng họ đã “phá vỡ Connell, kẻ giả mạo”, và muốn biết liệu tôi có sắp đặt cho hắn ta giả điên không. Bình luận duy nhất tôi từng đưa ra về J.J. là tôi nghe nói có một người đàn ông bị tật tay sống gần tòa nhà trụ sở. Lỗi Sắt bỏ lửng câu nói đó.

Jim và Lowell hỏi tôi có nghe chương trình “Bob và Ed” không.

Tôi không biết họ đang nói về chuyện gì. Họ giải thích rằng có một cuộn băng được phát trên Box, và giọng nói được cho là của hai người Mỹ, một lính thủy đánh bộ và một sĩ quan hải quân. Cuộn băng là một tiết lộ gây sốc về niềm tin phản chiến của cả hai người. Họ nói rằng nó kéo dài trong một giờ và cả hai đều là những nhân vật có thật. Họ không có vẻ gì là bị ép buộc; cả hai đều nói chuyện một cách thoải mái và dễ dàng như thể họ rất hài lòng với chính mình. Điều duy nhất tôi nghe được trên Box kể từ tháng Sáu là thông báo về cái chết của Hồ Chí Minh, rồi rất lâu sau đó, thông báo về việc thả thêm ba tù binh chiến

tranh. Jim kể với tôi rằng trước khi được cử đi công tác ở châu Á, ông đã ở Đức vài năm. Khoảng năm 1965, ông đọc được một bài báo về việc chào đón hơn ba trăm người Đức được trả tự do từ Nga trở về. Họ đã bị giam giữ kể từ khi bị bắt ở Stalingrad vào năm 1941 hoặc 1942! Hai mươi bốn năm! Chúng tôi đang nói về việc liệu người Việt Nam có cố gắng giữ một số người trong chúng tôi ở đó vô thời hạn hay không, như họ thường đe dọa sẽ làm. Câu chuyện nhỏ của Jim chẳng làm tôi vui lên chút nào.

Đầu tháng 12, họ đến bắt hai người bạn của tôi và chuyển họ ra khỏi Sở thú. Chỉ trong vòng vài giờ, tôi đã có ba người bạn tù mới: Fred Cherry, Jack Bomar và Clay Kirsten. Hai người sau đã ở cùng nhau, nhưng cả Fred và tôi đều không biết họ, mặc dù tôi đã gặp Kirsten nhiều năm trước.

Tôi đặc biệt vui mừng khi được ở cùng Bomar để anh ấy có thể kể cho tôi nghe về Fidel và Corley. Jack là một người rất thú vị, người đã đạt được rất nhiều thành tựu trong cuộc đời mình. Ông có nhiều tài năng, từ hội họa đến nhạc cụ, giọng hát, thủ công và thể thao. Mặc dù có bằng phi công tư nhân và từng sở hữu máy bay, ông là hoa tiêu chứ không phải phi công không quân.

Những câu chuyện Jack kể về những cuộc phiêu lưu cá nhân của mình hay hơn bất cứ điều gì bạn có thể thấy trên TV. Ông là một tay golf xuất sắc, một thợ lắp ráp mô hình, một thợ sửa ô tô và một người lái xe đua. Chắc chắn là anh ấy cũng có những vấn đề nhỏ và những nỗi ám ảnh, nhưng xét cho cùng, anh ấy rất ấn tượng.

Cuối cùng Cherry cũng thấy khá hơn. Anh ấy rất khiêm tốn và nhìn chung luôn đồng tình với bất cứ điều gì chúng tôi muốn trong những vấn đề phát sinh hàng ngày với người Việt Nam. Điểm mạnh lớn nhất của Cherry là hòa đồng với mọi người.

Clay Kirsten thì lại khác. Lần duy nhất tôi gặp Clay trong trại là vào một ngày Ron và tôi cùng nhau đi thi. Người gác cổng bắt chúng tôi đợi ở hành lang gần phòng Hồ Chí Minh trong khi anh ta dọn đường đến Nhà Gook. Khi chúng tôi đang đứng đó, tôi nghe thấy một tiếng động phát ra từ phòng. Tôi để dép lại gần Ron, chạy lên cầu thang và mở cửa sổ. Đó là Kirsten - tôi nói, “Chào Clay, cố lên và Chúa phù hộ.” Điều đó khiến anh ấy ngạc nhiên, và anh ấy nhớ ra, nói với tôi rằng điều đó rất hữu ích và lấy lại tinh thần.

Nhưng trong phòng giam với chúng tôi, chưa đầy vài ngày sau, anh ấy và tôi đã ở

tư thế sẵn sàng chiến đấu. Lời tuyên bố đầu tiên của anh ta là, “Nghe này Larry, chúng tôi không muốn nghe bất kỳ câu chuyện tra tấn nhảm nhí nào của anh nữa - chúng tôi đã nghe đủ rồi!” Tôi nghĩ mình chưa bao giờ vượt qua được chuyện đó. Một người đàn ông vừa mới thoát khỏi một đợt tra tấn dài hạn cần được trị liệu bằng cách trút bỏ gánh nặng về những gì anh ta đã trải qua. Thời điểm tốt nhất để có được thông tin chi tiết chính xác về những gì đã xảy ra là ngay sau khi nó được kể lại. Sau bình luận của Kirsten, tôi đã kể một phần câu chuyện cho Jack và Fred khi họ yêu cầu, nhưng không bao giờ kể lại toàn bộ câu chuyện.

Có điều gì đó khiến Clay bận tâm, nhưng anh ấy không bao giờ nói cho chúng tôi biết đó là gì. Bomar nói với chúng tôi rằng Clay từng là một phi công chiến đấu cừ khôi và đã được trao tặng một số giải thưởng rất cao. Tuy nhiên, điều duy nhất mà anh ấy được biết đến ở Hà Nội là cuộc phỏng vấn với Burchett.

Một hôm, chúng tôi đang nói về việc kiểm tra các loại máy bay khác nhau. Tôi kể rằng năm 1957, tôi đã đến Căn cứ Không quân George, California, để kiểm tra trên chiếc F-100. Clay hỏi tôi, “Anh có từng biết một Bob Shimp nào không?”

“Vâng,” tôi đáp, “đã cho tôi xem máy bay mẫu C.”

“Anh nghĩ gì về phi đội của anh ta?”

“Một nhóm người tốt.”

“Vậy Shimp có vấn đề gì?”

“Sai à? Tôi không hiểu ý anh. Tôi không nghĩ Bob Shimp có vấn đề gì cả - tôi rất quý anh ấy.”

Clay bắt đầu cười. Rồi anh ấy nói, “Shimp là một người bạn rất tốt của tôi. Tôi chỉ muốn xem anh nói gì về anh ấy thôi.” Tôi nhận ra anh ta đã gài bẫy tôi, và tôi nói với anh ta rằng tôi nghĩ “bài kiểm tra” của anh ta chỉ là một trò lừa bịp rẻ tiền.

Chính lúc đó, tôi cảm thấy đã đến lúc nói với Kirsten về “cuộc thăm dò” mà Spiker đã thực hiện về cuộc phỏng vấn Burchett. Tôi cho anh ấy biết rằng chỉ có hai người đứng về phía anh ấy là Ron Byrne và tôi. Kirsten không nói gì. Anh ấy không giải thích gì về điều kiện của cuộc phỏng vấn, hay việc anh ấy tình cờ giữ lại chiếc nhẫn cưới của mình. Tôi không thúc ép hay chất vấn anh ấy. Tôi để anh ấy tự điền vào chỗ trống, nhưng anh ấy không trả lời.

Thời gian bị giam giữ kéo dài và điều kiện sống chật chội đã dẫn đến nhiều xung đột giữa những người Mỹ đồng hương. Chắc

chấn mỗi quân nhân đều có quyền có ý kiến riêng, nhưng vì lợi ích của trật tự, anh ấy cũng được kỳ vọng phải kiềm chế sự bức tức của mình và cư xử hợp tác và tôn trọng cấp trên. Một số ít đã lợi dụng tình hình, vì biết rằng việc kỷ luật sẽ khó hoặc không thể thực hiện được khi ở Hà Nội. Những lời lẽ bất phục thỉnh thoảng, xét theo hoàn cảnh của chúng tôi, là điều dễ hiểu; hành vi thiếu tôn trọng thường xuyên là không thể tha thứ. Trong bảy tháng chúng tôi ở bên nhau, mối quan hệ của chúng tôi không hề được cải thiện. Tình hình càng tệ hơn.

Giáng sinh sắp đến gần, VC mang theo bút chì và khuyến khích chúng tôi làm bưu thiếp, viết thơ hoặc truyện. Có rất nhiều cuộc thảo luận về ưu và nhược điểm của việc làm đó. Quan điểm của tôi là tất cả chúng tôi đã ở đó quá lâu rồi, nếu mọi người muốn làm điều đó, tôi cũng không sao. Tôi cảm thấy điều đó phù hợp với quan điểm của mình về những vấn đề mà tôi coi là tương đối tầm thường.

Tôi dường như không thể khỏe lại. Mức độ nghiêm trọng của những cơn đau đầu của tôi ngày càng tăng, và dạ dày của tôi bị rối loạn. Tôi bị chuột rút dữ dội đến mức tin rằng mình lại bị loét dạ dày. Những dây thần kinh căng thẳng do liên tục đụng độ với Kirsten

càng làm tình hình trở nên trầm trọng hơn. Ốm yếu, tôi không thể ra khỏi giường được nữa. Jack và Fred thông cảm và gọi bác sĩ. Tối hôm đó, họ mang cho tôi một nồi thức ăn đặc biệt. Đó là bún với sốt cà chua loãng, gần giống với mì Ý nhất mà bạn có thể mong đợi ở Bắc Việt Nam. Bún được nấu “vừa chín tới” (al dente), và tất cả chúng tôi đều chia nhau ăn, thấy rất ngon. Tuy nhiên, dạ dày tôi ngày càng tệ hơn. Cuối cùng, chúng tôi gọi sĩ quan trực, người đã sắp xếp đưa tôi vào bệnh viện. Đó là một nơi tối tăm và ẩm ướt, và tôi đã phải chờ rất lâu trong một hành lang tối đen. Ray Vohden cũng có mặt ở đó đêm đó. Tôi vào phòng chụp X-quang, và bác sĩ (hoặc bác sĩ X-quang) đã chụp một loạt ảnh về đường tiêu hóa. Người Việt Nam không hề nói với tôi bất cứ điều gì về kết quả xét nghiệm.

Họ cứ để mặc nó trôi qua, và cuối cùng thì mọi chuyện cũng tự nó qua đi.

Vào đêm Giáng sinh, các buổi lễ được tổ chức cho bất kỳ ai muốn tham dự. Những người Công giáo chúng tôi được đưa vào thị trấn bằng xe buýt đến một nhà thờ cổ của Pháp. Họ xếp ba người chúng tôi ngồi trên một băng ghế để hạn chế liên lạc, vì họ đã có một trải nghiệm tồi tệ vào năm trước tại các buổi lễ Tin Lành. Cha Hồ Thận Biên vẫn

đang phụ trách. Đó là một nhà thờ cổ theo phong cách Gothic với trần vòm được trang trí rất công phu. Một dàn hợp xướng Việt Nam hát bài “Adeste Fidelis (Oh Come All Ye Faithful).”

Đột nhiên, sự thánh thiện của Thánh lễ bị gián đoạn khi Tiên Xà Phòng Mềm, người hỏi đáp từ Đồn điền, bước lên bục giảng.

Phần của ông là nhắc nhở chúng tôi về sự phản bội liên tục của giới cầm quyền Hoa Kỳ, và lên án việc ném bom phụ nữ và trẻ em vô tội. Tất cả chúng tôi đều lên bàn thờ để Rước Lễ. Sau Thánh lễ, Tiên Xà Phòng Mềm cho phép chúng tôi lên xem cảnh Chúa giáng sinh. Ở đó, tôi gặp Ron Byrne lần đầu tiên sau sáu tháng. Trông anh ta cũng gần như vậy, và khi chúng tôi bắt tay nhau nồng nhiệt, anh ta nói với tôi rằng anh ta đang sống trong tòa nhà Pigsty cũ với một nhóm sáu người đàn ông. Chúng tôi không có thời gian để nói thêm gì nữa. Tôi cũng bắt tay người bạn cũ Bob Purcell, trông anh ta vẫn còn đầy nước tiểu và giấm, và sẵn sàng cho bọn khốn địa ngục. Chúng tôi trò chuyện ngắn ngủi, thì một tù nhân trông rất trẻ đến hỏi tên tôi. Tôi nói tên cho anh ta, và anh ta mở to mắt và thì thầm với những người khác chen chúc phía sau chúng tôi, “Chào mọi người, đây là SRO!” Tên

anh ta là Mark Ruhling. Anh ta trông khoảng mười lăm tuổi, nhưng tất nhiên anh ta phải ở độ tuổi đôi mươi. Anh ta là một chàng trai nhỏ bé không quá 58kg. Chẳng mấy chốc, Thỏ đến, gầm gừ như thường lệ, và vội vã đưa chúng tôi trở lại xe buýt. Đó là một buổi tối đẹp trời, mang lại cho tôi sự an ủi từ đức tin và cảm giác thân thiết với những tù binh chiến tranh khác ở đó, và tất cả chúng tôi đều cần điều đó. Ngày Giáng sinh năm 1969. Người Việt Nam đặt một bàn thức ăn chất đầy trên hiên nhà. Các nhiếp ảnh gia ở đó để khai thác bất kỳ thông tin tuyên truyền nào họ có thể có được. Họ chụp ảnh chúng tôi khi chúng tôi ra ngoài, từng phòng một, để lấy thức ăn. Có một số VIP người da vàng trong trại đang đi tuần tra. Họ vào phòng giam của chúng tôi và hỏi thăm sức khỏe. Sau đó, họ nói rằng chúng tôi không cần phải cúi chào nữa, chỉ cần một cái gật đầu đơn giản là đủ. Theo thông lệ của họ, đã đến lúc họ phải nói điều gì đó để làm dịu đi không khí lễ hội mà chúng tôi đã vun đắp, vì vậy họ kể cho chúng tôi nghe về một vụ thảm sát, mà họ nói là đã xảy ra tại một ngôi làng ở Nam Việt Nam tên là Mỹ Lai.

Họ sẽ chẳng bao giờ biết về sự việc đó nếu không có sự im lặng được đưa tin trên báo chí phương Tây.

Cuối ngày hôm đó, Box lại tiếp tục kêu, và tất cả chúng tôi đều nghe thấy giọng Quincy Collins chúc mừng Giáng sinh từ “C... B... S...”. VC nghĩ đó là một trò nhại lại công ty phát thanh nổi tiếng, nhưng chúng tôi lại bật cười vì biết rất rõ Quincy đang nói, “Xin chào các bạn, đây là Hệ thống Trại Nhảm nhí đang đến với các bạn.” Nhóm của anh ấy đã chuẩn bị một số bài hát yêu thích của chúng tôi; sau đó, với phần nhạc đệm phù hợp, Quincy chuyển sang tiết mục Trung sĩ Joe Friday của mình từ “Dragnet.” Tôi đã nghe bài hát đó ở Itazuke hàng chục lần, nhưng tôi không ngại nghe lại, vì nó rất buồn cười.

“Tôi cần thêm manh mối, nên tôi đã lục lọi trong tủ manh mối. Ngay lúc đó, cánh cửa mở ra và một cô gái tóc vàng xinh đẹp bước vào. Cô ấy đeo một cặp 38 ly, và mỗi tay cầm một khẩu súng.” Hầu hết chúng tôi đều rất thích chương trình. Luôn có một vài người chỉ trích gay gắt những gì Quincy làm, nhưng lần nào anh ấy cũng nhận được sự ủng hộ của tôi. Chúng tôi cần bất kỳ người nào có thể vực dậy tinh thần.

CHƯƠNG MƯỜI BỐN 1970 - ĐIỀU TRỊ ĐƯỢC CẢI THIỆN

 húng tôi có một bộ bài, Jack nhận được trong một gói hàng từ nhà. Anh ấy hỏi Fred và tôi có chơi bài bridge không. Chúng tôi nói không, nhưng chắc chắn chúng tôi muốn học. Cả Jack và Clay đều rất kiên nhẫn chỉ bảo luật chơi cơ bản. Fred và tôi đều phấn khởi khi Jack chia bài cho chúng tôi và tuyên bố: “Các quý ông, chúng ta sẽ chơi bridge!”. Trò chơi này còn vui hơn cả việc nặn than.

Đầu năm mới, chúng tôi vào Hội trường, nơi được dựng lên để chiếu bộ phim “Siêu nhân da vàng (Super Gook)”, câu chuyện về một người lính trẻ yêu nước, sẵn sàng làm tất cả vì lá cờ vàng sao đỏ. Từ đầu đến cuối, anh ấy huyết sáo và hát quốc ca không ngừng nghỉ. Anh ấy một mình phục kích và tiêu diệt cả một trung đội lính Mỹ, trong khi vẫn hát vang. Sau đó, Siêu Gook được nhìn thấy đang đi xuống sườn núi, vừa hát vừa tìm kiếm

thêm người Mỹ để giết. Âm nhạc vang lên dồn dập, và bộ phim kết thúc bằng một tiếng HET! (HẾT) thật to trên màn hình.

Boris gọi tôi ra để hỏi và đưa cho tôi một gói hàng từ nhà, trong đó có ảnh mới, một bộ quần lót dài rất được ưa chuộng, và một đôi dép lê cách nhiệt bằng nylon ấm áp. Nó cũng chứa một hộp bánh quy bơ tuyệt vời của Evelyn, loại bánh mà cô ấy chỉ làm vào những dịp lễ hội. Boris nói, “Chúng tôi thấy ảnh của anh từ nhà. Chúng tôi biết đây là tuyên truyền của chính phủ anh. Họ đưa vào đó ô-tô, hồ bơi và nhiều thứ khác.”

“Ý anh là anh không tin những thứ đó thuộc về chúng tôi - anh nghĩ chúng thuộc về chính phủ sao?”

“Tất nhiên rồi.” Tôi không thêm phản bác niềm tin của anh ta. Làm vậy cũng chẳng ích gì.

Vào một ngày tháng Giêng, trong một bài kiểm tra với Thỏ, hắn nói rằng mọi chuyện cũng không tệ lắm nếu chúng tôi giao tiếp. Tất cả phụ thuộc vào việc chúng tôi giao tiếp bằng cách nào. Thỏ thường che giấu điều mình đang nói. Sau đó, hắn nói thêm, “Tất nhiên nếu bị bắt, anh phải bị phạt, vì điều đó vẫn vi phạm quy định của trại và người của chúng tôi biết điều đó.”

Vài tuần sau, hai người lính bị thương nặng của chúng tôi, Jim Bell và Ray Vohden, ở cách chúng tôi chỉ hai cánh cửa, bị bắt quả tang đang giao tiếp. Người bảo vệ cho họ biết họ đã bị bắt, rồi anh ta đi gọi sĩ quan trực. Họ ngay lập tức hỏi tôi nên làm gì là tốt nhất. Tôi bảo họ đừng nhận hình phạt, mà hãy thừa nhận rằng họ đã giao tiếp. Tôi đã bàn bạc với bạn tù. Chúng tôi phải cố gắng phá vỡ sự kìm kẹp của họ đối với việc giao tiếp. Nếu bị bọn khốn hỏi, tất cả chúng tôi nên thừa nhận việc giao tiếp. Chúng có thể làm gì được chứ, tra tấn chúng tôi ư? Khi kiểm tra khắp trại giam, chúng tôi phát hiện ra không có ai bị bạo hành thể xác vào thời điểm đó. Tuy nhiên, các chiến thuật đe dọa bằng quấy rối tinh thần và đe dọa vẫn tiếp diễn, đặc biệt là trong việc giao tiếp. Chúng tôi tiếp cận vấn đề này rất thận trọng, bởi vì nó luôn là tội ác chính trong mắt người Việt Nam.

Đây là lần đầu tiên (và cũng là lần cuối cùng) Kirsten đồng ý với tôi. Anh ấy nói rằng anh ấy rất thích ý tưởng thừa nhận. Jack nói rằng anh ấy không thích điều đó, và Fred sẽ không cam kết. Điều đó làm tôi khó chịu, vì tôi muốn một câu trả lời từ anh ấy, vì vậy tôi đã làm anh ấy lo lắng.

“Fred, anh chưa bao giờ cam kết làm bất

cứ điều gì, phải không? Anh luôn chọn cách an toàn. Anh làm tốt lắm. Tôi muốn biết ý kiến của anh!”

“Được rồi, được rồi,” Fred trả lời. “Tôi không muốn thừa nhận thông tin liên lạc. Chúng tôi biết những gì chúng tôi có, nhưng chúng tôi không biết chúng tôi sẽ nhận được gì.” Thế là hết chuyện tham vấn nhân viên! Tôi lên tường và truyền đạt lại.

“Từ giờ trở đi, bất kỳ ai được hỏi về thông tin liên lạc đều phải thừa nhận không chút do dự. Chúng ta sẽ không để Vohden và Bell tự mình giải quyết chuyện này.”

Một hoặc hai ngày sau, Spiker đi kiểm tra, một dịp hiếm hoi, bởi vì từ khi tôi biết anh ta, anh ta chưa bao giờ bị gọi ra. Khi anh ta trở về, anh ta gửi qua tường rằng Rabbit đã hỏi anh ta có liên lạc không, và anh ta phủ nhận! Tôi rất tức giận khi Spiker lại dám bất tuân một mệnh lệnh trực tiếp, và tôi hỏi anh ta tại sao. Câu trả lời của anh ta là, “Mệnh lệnh của anh chẳng có ý nghĩa gì cả.”

Sau đó, anh ta cố gắng bào chữa cho việc không tuân thủ của mình bằng cách nói rằng anh ta đã hiểu sai mệnh lệnh, nhưng tôi hiểu rõ hơn.

Bell và Vohden không bị phạt, điều này càng củng cố niềm tin rằng Rabbit biết rõ

mọi người đều giao tiếp với nhau trong mọi cơ hội. Lúc đó, việc làm to chuyện này chẳng có ích gì cho anh ta.

Gió tháng Hai thổi từ phương Bắc, nhiệt độ xuống thấp. Đồ ăn ngon hơn trước và bánh mì thường tươi, đôi khi còn nóng hổi vừa ra lò! Một số buổi sáng, chúng tôi được ăn những miếng bánh mì cũ cắt nhỏ, được hâm nóng lại với đường. Nó cháy xém màu nâu, và chúng tôi coi đó như một món quà.

Boris dẫn tôi đến Nhà thẩm vấn (Gook), nơi Chim Săn (Buzzard) và bốn người khác đang ngồi ở bàn trong một cuộc họp nhân viên. Tôi bước vào và gật đầu nhẹ như vừa được chấp thuận. Họ ra hiệu cho tôi ngồi. Sau đó, họ hỏi thăm sức khỏe tôi rất nhiều. Gần đây tôi có đi khám bác sĩ không? Tôi có nhận được thư từ nhà không? Họ đã biết câu trả lời rồi. Một người trong số họ hỏi tôi có bị lạnh không, và tôi nói, “Có.” (Thật ra tôi hơi lạnh, có lẽ là do dự đoán xem lần này họ sẽ muốn gì ở tôi.)

“Anh có muốn đứng dậy tập thể dục không?” “Ừm,” tôi nghĩ, “Mình phải chịu đựng mấy trò vớ vẩn này cho đến khi họ quyết định làm cái việc mà họ muốn mình làm.” Vậy nên tôi đứng dậy làm vài động tác khởi động và tập thể dục nhẹ nhàng.

Tất cả bọn họ đều mỉm cười tán thành. Sau khi tôi ngồi xuống, Buzzard lên tiếng rất rõ ràng: “Anh có nói được tiếng Pháp không?”

“Có, tôi biết.”

“Anh nói được tiếng Pháp gì?”

“À, ừm... tôi có thể nói, không!... ừm... pomme de terre bifteck... và muốn nằm với tôi, thưa ông?”

Trời ơi, lão Buzzard không có khiếu hài hước! Lão cười toe toét, suýt nữa thì rụng mất hàm răng giả đã lung lay và gãy. Đó là lần đầu tiên tôi thấy một gã khốn cười phá lên.

Buzzard lại lên tiếng, lựa chọn từ ngữ cẩn thận.

“Và bây giờ, chúng tôi nghĩ cần phải giải thích lại cho anh một lần nữa về chính sách đối xử của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, vốn luôn nhân đạo và khoan dung, như anh đã biết.” Chúng tôi vừa trải qua một màn tra tấn kinh hoàng, vậy mà hắn lại nói với tôi điều này! Hắn tiếp tục. “Chúng tôi biết anh không hiểu. Vậy nên chúng tôi lại cố gắng ‘giải thích’ cho anh. Nhưng chính sách đối xử của chúng tôi rất phức tạp; thực tế, nó phức tạp đến mức ngay cả lính canh cũng không hiểu.

Họ biết chính sách này nhân đạo và khoan hồng, nhưng họ lại không áp dụng đúng cách. Đó là lý do tại sao đôi khi họ ngược đãi bạn

- họ không được phép làm vậy. Đó là lý do tại sao đôi khi họ có thể đánh bạn. Họ không được phép làm vậy, bởi vì chính sách này luôn nhân đạo và khoan hồng. Chẳng mấy chốc bạn sẽ hiểu ý chúng tôi. Buổi họp này hóa ra lại vô cùng thú vị! Chúng tôi ngồi im lặng, trong khi họ cho tôi thời gian để suy ngẫm về những bình luận của Buzzard. Hẳn tiếp tục.

“Bây giờ có ba cách để đi.” Chà, tâm trí tôi đang bay bổng trong sự mong đợi. Điều gì sắp xảy ra? Liệu đây có phải là tin tốt không? Thỏ nói với tôi rằng “phía trước sẽ rất thuận buồm xuôi gió”, ngay sau khi anh ta nhận được yêu cầu ân xá đã bị làm loãng của tôi (theo họ là “sự sỉ nhục cuối cùng”).

“Vâng, cách thứ nhất, các anh có thể tiếp tục chống đối chúng tôi và sẽ bị trừng phạt nghiêm khắc như trước. Cách thứ hai, các anh có thể hợp tác và cộng tác với chúng tôi, và các anh sẽ được đền đáp xứng đáng. Và cách thứ ba... bây giờ, các anh có thể rút lui. Điều này có nghĩa là các anh có thể tuân thủ quy định và không đe dọa an ninh trại của chúng tôi. Chúng tôi sẽ cho phép các anh sống ở đây cho đến khi chiến tranh kết thúc. Chúng tôi sẽ không ép buộc các anh làm những việc các anh không muốn làm.”

Những năm trước đây, chỉ có hai lựa chọn: Theo họ, hoặc chống lại họ. Nhưng liệu đây có phải là điều Buzzard và những người bạn của anh ấy ở Sở thú đã nghĩ ra, hay nó xuất phát từ cấp chính sách cao hơn? Điều này cho chúng tôi sự linh hoạt để tránh bị trừng phạt bằng cách chọn lập trường “trung dung”. Tôi không ngại thừa nhận rằng trái tim mình đã nháy vọt, bởi vì không chỉ tôi cần một lối thoát, mà tôi còn cảm thấy rằng tất cả chúng tôi đều cần, nếu không chúng tôi sẽ kết thúc trong một giỏ trái cây. Sự giam cầm của chúng tôi trông giống như một sự giam cầm vô thời hạn, có thể là năm, mười, mười lăm năm nữa... hoặc cả đời. Ai mà biết được? Tất cả những gì chúng tôi có thể làm là cố gắng sống sót và hy vọng nó sẽ kết thúc trước khi quá nhiều năm nữa trôi qua.

Gã Buzzard để tôi suy nghĩ một lúc, rồi ngỏ lời cầu khẩn.

“Vậy anh nghĩ sao về điều đó?”

“Tuyệt vời, tôi xin rút lui.” Tôi nghĩ, “Này, tôi chưa bao giờ có được một thỏa thuận tốt như vậy! Để tôi đăng ký cái này nhé!” “Ừ, tôi xin rút lui,” tôi nhắc lại. Gã Buzzard lại nở một nụ cười khẩy với hàm răng khểnh, và tất cả bọn họ đều có vẻ hài lòng với kết quả.

Trở lại phòng giam, tôi gõ tin nhắn, nói với

mọi người về “ba lựa chọn”, và rằng gã VC đã đảm bảo với tôi rằng chúng tôi sẽ không bị phạt trừ khi chúng tôi “đe dọa an ninh trại”.

Tất nhiên, họ luôn có thể bịa ra một lời buộc tội và tuyên bố chúng tôi đe dọa họ, nhưng dù sao thì họ cũng có thể làm vậy, cho đến tận cùng. Câu mà tôi thích nhất là “Chúng tôi sẽ không ép buộc các anh làm những điều các anh không muốn làm.”

Cách đối xử đã thay đổi, nhưng chậm đến mức gần như không thể nhận ra. Boris giải thích điều đó bằng một vài “câu tục ngữ Việt Nam cổ”. Ông ấy nói bằng tiếng Việt, nhưng ý chính là, “Chúng tôi đưa tay, các anh nắm lấy cánh tay.” Ông ấy cũng thích câu “Từng bước, từng bước, từng bước một.” Người Việt Nam, thấm nhuần sự kiên nhẫn của người Á Đông, mất rất nhiều thời gian để tạo ra thay đổi. Kể từ đó, họ hiếm khi dùng đến những hành động tàn bạo mà chúng tôi đã từng trải qua trong những năm tháng kinh hoàng trước đó. Bomar, Kirsten và tôi thu dọn đồ đạc và được chuyển xuống phòng giam số một của Nhà Bi-a.

Người Việt Nam muốn chúng tôi làm tác phẩm nghệ thuật, để cho các đoàn khách đến thăm thấy rằng tù nhân đang được hưởng những giờ phút giải trí nghệ thuật. Điều

này được cho là để củng cố tuyên bố của người Việt Nam rằng họ luôn đối xử nhân đạo với chúng tôi. Mặc dù chúng tôi không còn bị ngược đãi về thể xác nữa, nhưng họ vẫn không ngừng gây áp lực và bắt nạt chúng tôi phải làm ra thứ gì đó để làm đẹp lòng thế giới bên ngoài. Rất có thể chúng tôi đã làm theo, nếu không phát hiện ra rằng không phải ai trong trại cũng được trao cơ hội làm những việc đó. Những người bị bỏ rơi cảm thấy rằng những người khác đang được trao “ân huệ đặc biệt”. Người ta cũng phát hiện ra rằng một số người được ra ngoài tập thể dục thường xuyên, thậm chí được tắm hai lần một ngày, trong khi những người khác không được gì cả. Khiếu nại về “ân huệ đặc biệt” đã trở thành một vấn đề chính đáng và nghiêm trọng.

Bud Day và Jack Fellowes đã đưa ra một lời phàn nàn lớn về việc không được tham gia vào các hoạt động hoặc giờ tắm. Bud nói rằng nếu mọi người không có được cơ hội như nhau, thì rõ ràng đó là “ân huệ đặc biệt”. Tôi đồng ý với quan điểm của anh ấy. Tôi đã đưa ra lời kêu gọi bắt đầu loại bỏ dần các tác phẩm nghệ thuật. Nếu bọn khốn muốn điều đó đến vậy, thì nó không thể nào vì lợi ích tốt nhất của chúng tôi.

Nhóm của Spiker đã phản đối điều mà tôi nghĩ là tốt nhất cho tất cả chúng tôi. Jack, Clay và tôi đã từ chối tham gia chương trình “tái tạo nghệ thuật” từ rất lâu trước khi mọi chuyện trở nên tồi tệ. Rồi Boris, bức mình vì sự chậm trễ trong sản xuất nghệ thuật, đã trêu tôi bằng cách giơ lên một lá thư, một bức tranh và một tấm thiệp chúc mừng từ Evelyn, nói rằng anh ta sẽ tặng tôi nếu tôi vẽ một bức tranh. Tôi bảo anh ta nhét chúng vào nhưng chẳng bao giờ nhận được.

Tôi có một lý do chính đáng để bỏ cuộc, bởi vì lần cuối tôi vẽ bất cứ thứ gì, đó là một bức phác họa một nhân vật tôn giáo mà Boris tặng tôi.

Tôi phải thừa nhận rằng đó là một tác phẩm trông thật kinh khủng, và Thỏ nói rằng đó là một “sự báng bổ” đối với Chúa của tôi. Thỏ rất nhạy cảm về điều đó, đối với một thằng khốn Cộng sản vô thần. “Thôi được rồi,” tôi nói, “các người đang chỉ trích tác phẩm của tôi nên quên đi, tôi không vẽ gì nữa!”

Phía Việt Nam đã dựng Khán phòng để chiếu một vài bộ phim. Bộ phim đầu tiên là một bộ phim về Không quân Nga đang hoạt động. Đó là một màn trình diễn ấn tượng về khả năng vận tải chiến thuật của tàu chở quân. Máy bay của họ là loại máy bay cánh

quạt tua bin và rất giống với máy bay C-130 Hercules của chúng tôi.

Bộ phim thứ hai, cũng là bộ phim cuối cùng tôi xem ở Sở thú, được thực hiện bởi một nhà sản xuất người Canada tên là McLean. Ông ấy đã làm một công việc tuyệt vời khi minh họa sự tàn phá hoàn toàn của Bắc Việt Nam ở khu vực phía trên khu phi quân sự phía bắc vĩ tuyến 17. Tướng Le May được cho là đã nói, “Chúng ta sẽ ném bom đưa chúng trở về thời kỳ đồ đá.” Chúng tôi đã làm chính xác điều đó gần Khu Phi Quân sự (DMZ), bởi vì đất nước này, trải dài hàng dặm, trông ảm đạm hết như mặt trăng hẳn đã từng trông như thế nào đối với các phi hành gia của chúng tôi. Phần lớn bộ phim là tập hợp những cảnh tượng hủy diệt hoàn toàn. Đó là câu chuyện cũ, được kể đi kể lại hàng vạn lần, về những con người bất hạnh phải sống trên đường chiến tranh. Lần cuối cùng người Mỹ tận mắt chứng kiến điều đó, một trăm năm trước, đất nước chúng tôi còn chưa đông dân. Giờ đây, chúng tôi đã mất liên lạc với những thứ như thế và không hiểu được cảm giác của những thường dân vật lộn để tồn tại giữa vùng chiến sự.

Boris vẫn kiên trì nỗ lực để có được một tác phẩm nghệ thuật nào đó từ tôi. Anh ấy

biết tôi không có năng khiếu nghệ thuật, nhưng anh ấy hy vọng rằng khi những người khác nhận ra SRO đang làm điều đó, tất cả họ sẽ đồng tình.

“Nhưng anh không thích tác phẩm của tôi nên quên đi, tôi sẽ không vẽ bất kỳ bức tranh nào.”

Có lần anh ấy giơ lên một bức tranh vẽ một chiếc ô tô. “Anh chỉ cần vẽ bức tranh này thôi.”

“Tôi đã nói với anh là tôi không muốn vẽ tranh.”

“Tôi sẽ cho anh một phần thưởng.”

“Tôi đã nói với anh là tôi không muốn vẽ tranh.”

“Quý xuống!” Vài tháng trước, hắn ta đã đến khu giam giữ và bảo tôi quý xuống trước mặt Bomar, nhưng tôi chẳng để ý gì đến hắn ta. Sau mùa hè năm 1969, tôi không còn quý gối nữa.

“Quý xuống!” hắn ta lặp lại.

“Nghe này, tốt hơn hết là anh nên đổi thứ tự đi, vì anh sẽ tự chuốc lấy rắc rối cho mình và tôi đấy.” Tôi tiếp tục liếc nhìn quanh phòng như thể đang cố quên chuyện gì đang xảy ra.

“Nếu anh không quý xuống, tôi sẽ ra ngoài gọi tên lính canh có lưỡi lê - hắn sẽ ép anh đấy!”

“Tôi không quan tâm.” Khi hắn ta rời khỏi phòng, tôi tình cờ quay lại và thấy Thỏ đang băng qua đường.

“Ôi trời, tôi gặp rắc rối to rồi!” Boris ra ngoài nói chuyện với Thỏ, xin lời khuyên. Tôi đã ép hắn, và hắn phải làm gì đó. Boris quay lại với hai tên lính canh và đặt mỗi tên một tên có lười lê bên cạnh tôi.

“Và giờ, Ga-reeno, tôi ra lệnh cho anh lần cuối - đứng vào góc!”

“Vâng thưa ngài, tôi luôn tuân lệnh.” Tôi đứng dậy, đi vào góc. Hắn ta đã lùi lại, và điều đó thật đáng khích lệ vì tôi đã đẩy hắn đến bờ vực. Gần đây, hắn ta đã tra tấn tôi, nhưng hôm đó hắn ta không làm vậy. Tôi nhớ đến lời Buzzard đã nói: “Chúng tôi sẽ không ép buộc các anh làm những điều các anh không muốn làm.” Họ đang cố gắng ép buộc chúng tôi làm theo ý họ, nhưng khi đến phút chót, họ quyết định rằng việc tôi từ chối vẽ tranh không phải là mối đe dọa đối với an ninh trại.

Phòng giam số hai, bên cạnh chúng tôi, vẫn là một căn phòng chia đôi, với khoang trước là nơi ở của thủy thủ đoàn Ned Shuman và Dale Doss. Khoang sau vẫn còn Bud Day và Jack Fellowes. Sau khi kể cho họ nghe về cuộc chạm trán gần đây nhất với Boris, và cách

anh ta rút lui, Ned nói: “Chúa ơi, tôi thích cách anh xử lý chuyện đó!” Tôi nói với anh ấy rằng tôi rất may mắn khi mọi chuyện diễn ra theo cách đó. Ned tâm sự với tôi rằng anh ấy và Dale chưa bao giờ hòa thuận. Tôi nói với anh ấy rằng đó là do sự thất vọng nghiêm trọng, và rằng những rắc rối liên tục của tôi với Clay có lẽ còn tệ hơn cả anh ấy với Dale.

Vào mùa xuân năm 1970, cứ vào giờ trưa, chúng tôi lại nghe thấy một tiếng còi lạ từ rất xa, hoặc rất cao. Chúng tôi thắc mắc về điều đó. Clay nói đó có thể là một máy bay trinh sát tầm cao. Nhiều năm sau, tôi gặp Bobby Campbell, một trong những phi công chiến đấu của tôi ở Itazuke, người có kinh nghiệm với hệ thống trinh sát Mach 3, chiếc SR-71 Blackbird.

“Bobby, anh đã bao giờ bay qua Hà Nội chưa?” Tôi hỏi anh ấy.

“Có,” anh ấy trả lời, “ngày nào cũng vậy, vào buổi trưa.”

Tờ Box đưa tin rằng Tổng thống Nixon đã bí mật ra lệnh ném bom Campuchia, và một vài nghị sĩ Quốc hội đã rất tức giận trước việc ông ta mở rộng chiến tranh đến mức họ đã bàn đến việc luận tội. Khi nghe tờ Box, tôi nhìn chăm chăm vào tờ Box, nước mắt lăn dài trên má. “Đó là điều đầu tiên chúng ta

làm đúng trong cuộc chiến này! Từ chối cho những người này một nơi trú ẩn ở Campuchia, và họ muốn luận tội tổng thống vì điều đó sao?” Đất nước chúng ta bị làm sao vậy? Họ cũng trích dẫn lời Hubert Humphrey, phó tổng thống của Johnson, nói: “Giờ tôi không còn liên quan gì đến chính quyền nữa, cuộc chiến trông rất khác với tôi.” Đây là một cựu phó tổng thống, người dường như đã chấp thuận đường lối của chúng ta khi còn đương chức, giờ lại đang suy nghĩ lại! Các vị tướng đã đến rồi đi, tôi cay đắng nghĩ, bộ trưởng quốc phòng đã đưa chúng ta vào vũng lầy này đã ra đi từ lâu, và tổng thống cũng vậy. Những người duy nhất còn lại gánh chịu hậu quả là người Việt Nam. và chúng ta!

Đến tháng 5 năm 1970, chất lượng thực phẩm lại giảm sút. Món ăn chính là súp bí ngô rất loãng và bánh mì. Hầu hết thời gian tôi đều cho Jack ăn súp của mình - tôi ghét thứ đó. Jack cũng ghét củ cải Đức như vậy, và tôi thích chúng, bất kể chúng được chế biến như thế nào, nên anh ấy cũng cho tôi phần của anh ấy.

Một buổi sáng, khi chúng tôi đang nằm đó nhìn chăm chăm lên trần nhà, chìm đắm trong những suy nghĩ riêng tư, Clay đột nhiên nhảy dựng lên và bước về phía tôi. “Tôi cá là

khi chúng ta về nhà, anh sẽ kể cho mọi người nghe anh là một anh hùng vĩ đại như thế nào ở đây!” anh ta nói một cách khó chịu. Câu nói đó khiến tôi không nói nên lời và gần như xóa sạch mọi thứ còn sót lại trong đầu. Run rẩy vì giận dữ, tôi đi đi lại lại trong phòng. Sau đó, tôi gọi Bud Day vào tường để nói cho anh ấy biết tôi đang nghĩ gì. “Bud, tôi rất buồn vì sự xúc phạm mới nhất này, tôi nghĩ mình không thể tiếp tục làm SRO được nữa. Tôi muốn giao lại cho anh.” Bud lắng nghe rồi đáp lại, “Tôi rất tiếc về tình huống này, Larry, và tôi biết tình hình hiện tại của anh hẳn rất khó khăn, nhưng tôi nghĩ anh nên suy nghĩ kỹ, ngủ một giấc cho tỉnh táo, trước khi từ bỏ và giao nhiệm vụ SRO cho tôi. Cố lên! Đừng để chuyện này ảnh hưởng đến anh như vậy.” Tôi đồng ý cố gắng giải quyết vấn đề. Clay đã thay thế Rabbit và Dum Dum trở thành kẻ hành hạ tinh thần chính của tôi. Người Việt Nam thường nói, “Chúng tôi sẽ để các người giết lẫn nhau!”

Trong thâm tâm, tôi biết mình không thể nào tiếp tục chịu đựng những lời lăng mạ của anh ta. Xét lại lương tâm và tất cả những gì đã xảy ra kể từ khi chuyển đến sống cùng Kirsten, tôi không thể nhớ lại một lần nào tôi làm anh ta tức giận, dù cố ý hay đùa cợt. Mặc

dù là chỉ huy của anh ta, tôi không hề hỏi chi tiết về chiếc nhẫn cưới của anh ta và tôi có quyền được biết. Anh ta có thể là một anh hùng phi công ở bên ngoài, nhưng ở Hà Nội, anh ta đã trượt bài kiểm tra.

Có lẽ việc nhận ra sự bất lực này đã khiến anh ta càng thêm bức bối, khiến anh ta càng khao khát một cú đá. Tôi quyết tâm rằng lần tới gặp Boris, tôi sẽ làm đến cùng.

Boris đã gọi tôi ra, và tôi nói với anh ta rằng tôi phải được chuyển đi khỏi Kirsten, và tôi đã nói rất chi tiết. Anh ta nói, “Anh đang dùng từ ngữ thô tục à?”

“Anh dám cá là tôi đang dùng từ ngữ thô tục! Tôi không quan tâm anh chuyển tôi đến ở với ai, và tôi thậm chí còn sẵn sàng bị biệt giam. Nhưng nếu anh không chuyển tôi đi, đầu tôi sẽ vỡ toang!”

Việc ép tranh vẫn tiếp tục, và thái độ cá nhân của tôi đối với Boris tệ đến mức tôi chắc chắn rằng mình đã sắp bị phản công.

Vào cuối buổi chiều ngày 5 tháng 6, một viên chức Việt Nam, được biết đến ở các trại khác với biệt danh Mighty Mouse, đã gọi tôi ra. Ông ta tố cáo tôi một cách thẳng thừng và rõ ràng, nói với tôi bằng những lời lẽ chắc nịch rằng một lần nữa tôi đã “đe dọa an ninh trại”, và vì thế tôi sẽ “bị trừng phạt nghiêm

khắc!”. Đó là một cuộc đấu khẩu dai dẳng, và ông ta đã thành công trong việc dọa tôi sợ chết khiếp. Trong lúc tôi ở đó, ông ta đã cử một nhóm người da đen trở lại phòng giam để lấy đồ đạc của tôi. Đêm đó, chúng bịt mắt tôi, tra một bộ xiềng chân và tay vào người tôi, rồi ném tôi lên xe tải. Chà, tôi đã đạt được mong muốn của mình, nhưng tôi không biết liệu có phải do lời lẽ của tôi về Kirsten gây ra hay không, hay là do VC đã chán ngán việc sản xuất nghệ thuật chậm lại và quyết định sa thải tôi.

Hai mươi phút sau, chúng thả tôi xuống, và tôi nhặt xiềng xích lên rồi lê bước nặng nề vào một tòa nhà. Chúng tháo xiềng chân ra, nhưng vẫn để nguyên còng tay và rèm cửa. Chúng đưa tôi vào một căn phòng ở một nơi tôi chưa từng đến trước đây. Có một vài tên VC lại tố cáo tôi. Rồi họ tháo còng tay để tôi có thể mang đồ. Họ dắt tôi đi loanh quanh thêm một lúc nữa, cho đến khi tôi hoàn toàn mất phương hướng. Rồi họ đẩy tôi vào một căn phòng hẹp, hẹp đến nỗi tay tôi va vào tường. Họ giật rèm và đóng cửa lại sau lưng tôi.

Cái xà lim lờ mờ này chỉ bằng một nửa những xà lim bé xíu tôi từng ở trong Stockyards và Heartbreak. Tôi phải xoay

người sang một bên để đi hết chiều dài hai mét của nó. Khi tôi mở đồ ra, cửa sổ mở ra và tôi thấy Sâu Bọ đang nhìn vào. Chết tiệt! “Suyt, suyt

Đừng làm ồn! Đừng làm ồn. Im lặng, im lặng!” hắn ta nói đầy đe dọa.

“Chúa ơi, ông muốn tôi dọn đồ lên hay sao?”

“Suyt... đừng làm ồn! Đi ngủ nhanh lên. Nhanh lên và im lặng!” Tôi giăng màn và chui xuống dưới. Chiếc giường đá hẹp đến nỗi tôi gần như không thể nằm vừa. Cùm chân ở đó đều rất hẹp. Tất nhiên tôi không biết mình đang ở đâu, ngoại trừ việc nó rất yên tĩnh và thanh bình, nên tôi nằm xuống, nói “Nhảm nhí” rồi ngủ thiếp đi. Mặc dù lúc đó tôi không biết, nhưng đây là một phần của khu phức hợp nhà tù có tên là Las Vegas, ở Hỏa Lò, nhà tù thành phố Hà Nội. Tôi ở phòng giam cuối cùng của tòa nhà “Mint”.

Tôi thức dậy khi màn đêm buông xuống và ánh bình minh ló dạng, và đứng dậy để xem xét tình hình của mình. Phải, phòng giam đúng là rất hẹp. Nhưng góc này có cửa sổ, cửa sổ hai song sắt, giống như phòng giam đầu tiên của tôi ở Làng Người Mới. Đứng trên giường, tôi hầu như không thể nhìn thấy bức tường ngoài cao sáu mét của nhà tù, bên trên là kính vỡ, dây điện nằm ngang và dây thép

gai. Phía góc kia là một tháp canh, với ba tên da đen có vũ trang đang nhìn xuống tôi.

Nửa đùa nửa thật, tôi tự nhủ, “Trời ơi, chắc chúng tưởng mình là một con gà cứng đầu lắm đây! Phải, mình đã dọa chúng sợ chết khiếp, đúng chỗ mình muốn. Tốt hơn là chúng nên hy vọng là có đủ xiềng xích để giữ mình lại!” Tiếng còi hú vang lên trong bóng tối, bởi vì tôi biết chúng sẽ tấn công tôi dữ dội. Chúng đã đặt lời nguyền lên tôi - tôi “đe dọa an ninh trại”. Một giờ sau (thật bất ngờ), một tên khốn nói tiếng Anh đi cùng một người bạn. Hắn ta hỏi, “Anh ổn chứ?”

Tôi có nghe nhầm không? “Anh nói gì?”

“Anh ổn chứ?”

“Không, tôi bị đau đầu.” Hắn ta nói gì đó với người kia, hóa ra là một bác sĩ. Hắn ta đưa cho tôi vài viên aspirin. Người gác cửa mở cửa, và tôi thấy phòng giam của mình là một trong số nhiều phòng giam ở tiền sảnh, với một cánh cửa khác dẫn ra ngoài. Nghe kỹ, tôi nhận ra không có phòng giam nào khác có người. Tên gác cửa chỉ vào một cái bàn, và Chúa ơi nếu hắn ta không có một đĩa đường và một miếng bánh mì! Rồi hắn rót cho tôi một tách trà nóng! Chà, thật là một niềm vui, mặc dù tôi cũng đang tự hỏi khi nào thì đội côn đồ sẽ đến để đánh tôi tơi tả. Cửa ngoài

mở, nên tôi liếc nhanh và thấy thứ gì đó trông giống như một dây ngăn kéo màu xanh lá cây, xếp thành hai lớp. Tôi cứ tưởng đó là phòng giam nằm để tra tấn - có lẽ có người Mỹ bị nhét vào đó. Trí tưởng tượng của tôi bay bổng, nhưng điều đó vẫn xảy ra khi bạn đang chuẩn bị bị tra tấn.

Khi tên gác đưa tôi ra ngoài giặt giũ, tôi thấy mấy cái “ngăn kéo” màu xanh lá cây kia hoàn toàn không phải là ngăn kéo, mà là cửa kiểu Hà Lan mở ra ngoài. Mỗi cánh cửa dẫn đến một hốc rửa nhỏ riêng biệt. Trên đường đi, tôi nhìn thấy một người đàn ông da nâu, trông khá bánh bao, đứng đối diện và đoán ngay là người Thái. “Sa-wah-dee”, tôi nói, chào hỏi bằng tiếng Thái thông thường. Anh ta mỉm cười đáp lại. Anh ta là Chi-Charn-Harnnavee, một người Thái Lan, trưởng phi hành đoàn của phi công dân sự Ernie Brace, người đã bị bắn rơi trên một chiếc máy bay trực thăng của Air America gần Điện Biên Phủ năm 1965, trước tôi một tháng. Chi-Charn đang rửa một đồng bát đĩa, và tôi thấy thương anh ta vô cùng. Anh ta còn mong đợi điều gì nữa, tội nghiệp anh chàng! (Nghĩ lại thì tôi cũng chẳng có gì nhiều để mong đợi!)

Đến giờ ăn, tôi ra ngoài để nhận phần, và

điều đó gần như làm tôi choáng váng. Có một đĩa khoai tây nghiền nhỏ, vài miếng thịt và bánh mì. “Toàn bộ chuyện này là một màn kịch lớn,” tôi nghĩ. “Mình sẽ về nhà! Đây là trại về nhà. Họ không cho mình những thứ ngon lành như thế này một cách vô ích đâu.” Ngay từ đầu, cuộc chiến đã kết thúc vì tôi có một củ khoai tây nghiền và bốn miếng mỡ lợn! Nhưng thế là quá tốt rồi, so với những gì chúng tôi nhận được ở Sở thú. Không có gì nhiều xảy ra, và những ngày tháng vẫn tiếp tục trôi qua không ngừng nghỉ.

Khoảng tuần thứ ba, tôi được gọi ra gặp ba người thẩm vấn người Việt Nam. Họ bắt đầu mắng tôi vì tất cả những rắc rối tôi gây ra cho họ ở Sở thú. “Ga-reeno! Anh đã sẵn sàng tuân thủ quy định chưa?” Rồi người đàn ông trông có vẻ cao cấp nhất nghiêm nghị nói, “Và vợ anh nữa, bà ấy cũng có thái độ rất tệ! Nếu bà ấy không ngừng lên tiếng chống lại chúng ta, anh sẽ không bao giờ nghe thấy bà ấy nói gì nữa!” “Làm sao họ lại bịa ra tất cả những chuyện vớ vẩn này?” tôi tự hỏi. Rồi ông ta nói, “Và con trai ông cũng có thái độ không tốt, nó đến đây để chống lại chúng tôi! Chẳng bao lâu nữa, chúng tôi sẽ đưa nó về đây với ông!” Tim tôi thắt lại! Tôi ngay lập tức nghĩ Allan đã bị bắt và đang trên đường

đến Hà Nội. Chết tiệt! Nếu chúng bắt được nó, chúng sẽ giở trò đồi bại với tôi mất.

Tôi không biết Allan được phân công nhiệm vụ gì sau khi tốt nghiệp khóa huấn luyện bay, nhưng chiến tranh kéo dài quá lâu, bất kỳ ai có đôi cánh chắc chắn đều phải tham gia một chuyến công tác chiến đấu. Tôi phát ốm vì lo lắng. Nhưng không có gì xảy ra thêm, và tôi nhận ra đó chỉ là một chiến thuật hù dọa V nữa. Tra tấn tinh thần, thay vì thể xác.

Tôi không bận tâm đến căn phòng nhỏ chật chội trong Xưởng đúc tiền, vì đồ ăn khá ổn so với tiêu chuẩn của Hà Nội, và nó cũng yên bình. Thật tốt khi được ở một mình và tránh xa sự chống đối của Clay Kirsten. Tôi có thể cảm thấy mình thư giãn, mặc dù tôi vẫn bị những cơn co giật dữ dội khi tôi chửi rửa Kirsten một cách rõ ràng.

Cửa sổ mở ra, và đó là chú Ong Bắp Cày Xanh già nua từ Sở thú! Đã ba năm trôi qua kể từ lần gặp gỡ cuối cùng của chúng tôi - vào những ngày đầu của Túp lều, dưới Dum Dum. Chú Ong Bắp Cày rạng rỡ khắp nơi. Nó thực sự vui mừng khi thấy tôi! “Ga” cái này, “Ga” cái kia. Nó khá phấn khích, và tôi thấy nó đang miêu tả những đứa trẻ. Phải, nó đã có hai con kể từ lần cuối tôi gặp nó; nó cũng được gắn hai ngôi sao trên cổ áo. Tôi làm

những tấm biển để chúc mừng các con gái của nó và việc thăng chức của nó.

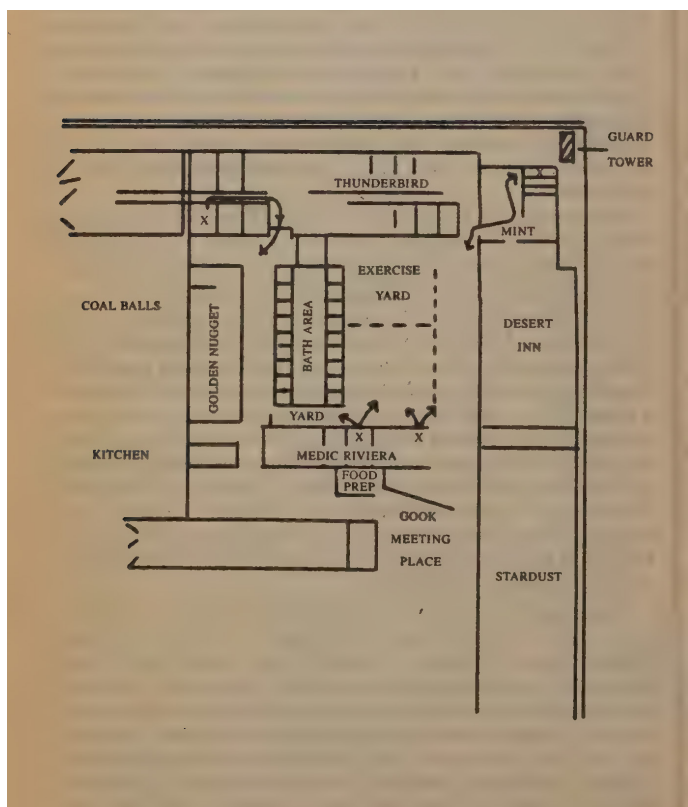
Việc kỷ niệm năm năm ngày tôi bị bắt rơi, ngày 14 tháng 6 năm 1970, chẳng có gì to tát, và chẳng ai làm bánh cho tôi cả, nên tôi cố gắng không nghĩ về điều đó. Cuối tháng 6, sau hai mươi mốt ngày ở Xưởng Đúc tiền, họ chuyển tôi đến phòng giam giữa của tòa nhà “Riviera” nhỏ. Đó là một căn phòng rộng bảy feet x mười feet với một cửa sổ có chấn song ở phía sau, nhìn vào khu vực phụ nữ chuẩn bị thức ăn để nấu nướng. Thỉnh thoảng, bằng cách đẩy đều đặn và chậm rãi, tôi có thể mở cửa chớp và có được khoảng thời gian nhìn trộm tuyệt vời. Trèo lên thùng rác, dùng bàn chải đánh răng, tôi đục những lỗ nhỏ trên tấm thảm che cửa trước phía trên, cho đến khi tôi có thể nhìn ra phía trước một cách rõ ràng.

Ngay khi định hướng được, tôi không thể tin được vị trí chiến lược của mình. Chúng lại gây ra một sai lầm tai hại nữa! Phòng giam Riviera của tôi là nơi tốt nhất có thể trong trại để quan sát mọi người và mọi thứ. Trong vòng hai tuần, tôi đã nhận dạng chính xác tất cả năm mươi sáu người đàn ông ở Las Vegas. Ngay lần đầu tiên nhìn trộm, tôi thấy hai người Mỹ đang di chuyển một số

tắm tắm hàng rào di động vào vị trí. Tắm tắm thường được dựng lên dựa vào tường của một tòa nhà. Vào giờ tắm rửa và tập thể dục, bọn da đen cử một vài người của chúng tôi chống đỡ hàng rào này vào vị trí, để hạn chế việc nhìn thấy bằng mắt thường và giao tiếp. Tôi ho nhẹ một tiếng, và chỉ vài giây sau, tôi đã ở đó, đối diện với Bob Shumaker! Tôi thì thầm thật to, “Bob, Larry Guarino. Tôi đang ở đâu?” Bob thì thầm đáp lại, “Anh đang ở Vegas, tòa nhà của anh là Riviera.” Dĩ nhiên, tôi đã nghe nói về Vegas và biết nó là một phần của Hỏa Lò. Shu nói với tôi rằng người đi cùng anh ta là một người bạn hải quân, Nels Tanner.

Tôi có tầm nhìn rất tốt ra phía trước khu vực tắm và một sân tập thể dục, cộng thêm một sân tập thể dục nhỏ nằm giữa cuối tòa nhà tắm và tòa nhà của tôi. Các anh chàng được đưa đến đó từ tàu Nugget hoặc từ phía bên trái của tàu Thunderbird. Những ngày tôi đứng trên boong, hoặc nhìn qua lỗ khóa, rất thú vị, một cuộc phiêu lưu thực sự. Mỗi khi đêm xuống, tắt đi thời gian nhìn trộm, tôi lại đi đi lại lại trên sàn gạch mát mẻ, suy nghĩ về mọi thứ. Dù tôi cố gắng không nghĩ đến anh ấy, Kirsten vẫn thường xuyên hiện lên trong tâm trí tôi.

KHU VỰC LAS VEGAS HÀ NỘI HILTON



Chẳng mấy chốc, tôi đã cãi nhau với hần ta và thấy mình chửi rửa hần ta, và gã Chìa khóa lại nghe thấy tôi lẩm bẩm và hỏi, “Cái gì?” Tôi sẽ trả lời, “Chỉ đang nói chuyện với một người bạn của tôi thôi.”

Tên giữ chìa khóa cũng tử tế như tôi từng gặp. Tên hần ta là Hack, vì hần ta khạc nhổ rất nhiều. Lúc nào cũng có thể nghe thấy tiếng hần ta đến. Cứ như thể hần ta đang nói, “Hawwk-hawkk, tao đến đây Ga, nên đừng có nhìn trộm hay nói chuyện nữa, tao không muốn bắt gặp mày!” Hần ta bắt gặp tôi rất nhiều lần, và hình phạt luôn giống nhau. Hần bắt tôi đứng ngoài trong khi hần vứt đồ đạc của tôi khắp sàn. “Mày thấy đấy, nếu mày cứ khăng khăng nói chuyện, thì tao phải tiếp tục kiểm tra mày.” Hần ta không bao giờ chạm vào tôi, và chẳng có kết quả gì từ những lần kiểm tra của hần ta. Việc dọn dẹp sau lưng hần ta thật là phiền phức.

Norlan Daughtrey vừa phẫu thuật một trong những khớp khuỷu tay bị vôi hóa và đang đi trong cái sân nhỏ bên trái tôi. Khụ, khụ, tôi ra hiệu. Norlan nhìn lên cửa chớp và thấy bàn chải đánh răng của tôi, tôi liền nháy mắt với anh ta: “Chào L.G.” Anh ta suýt tè ra quần vì vui sướng và nói với hai người kia, Gary Anderson và Curtis Meisner, cũng

từ Sở thú. Họ gửi “R.U.O.K.” Tôi trả lời “R.R.” (đồng ý, đồng ý).

Sức khỏe của tôi không được tốt lắm. Tôi vẫn bị đau đầu dữ dội và chóng mặt. Những cơn đau đầu bắt đầu từ năm 1968 và trở nên tồi tệ hơn sau khi tôi bị ném lên ném xuống sàn vào năm 1969. Tôi cũng bị ho hen suyễn, khiến tôi yếu đi đáng kể. Ban đêm, tôi thường gọi bảo vệ, nghĩ rằng nếu tôi có thể kiểm được chút gì đó, cơn chóng mặt của tôi có thể giảm bớt. Nhưng Hack không phải là người thích ở lại, bởi vì một khi làm xong việc nhà, anh ta đã chuồn thẳng khỏi đó.

Chết tiệt, hai người tiếp theo trong sân nhỏ là Groves và Kasler! Thật tuyệt khi được gặp họ! Tôi ho cho Lowell, và cả hai đều phát điên khi tôi gửi cho họ “L.G.” Lowell hỏi, “Evy thế nào rồi, G.?” Tôi đáp, “Ồ, cô ấy ở ngay đây, chúng tôi đang có một khoảng thời gian tuyệt vời!” Tôi thường tưởng tượng Evy sẽ xoay xở ra sao khi ở trong tù cùng tôi. Cô ấy chắc hẳn sẽ không thích điều đó, nhất là khi phải học cách sử dụng bồ. Trong nhiều năm, chúng tôi lơ lửng giữa không trung, rồi cuối cùng chúng tôi học được cách lật ngược giày cao su lên vành, để có thể sử dụng tư thế của một “người suy nghĩ”. Sau khi thành thạo điều đó, là một người năng động, cô ấy

có lẽ sẽ nói, “Giờ chúng ta làm gì đây?” “Vậy thì, sao chúng ta không ngồi xuống và ‘suy ngẫm về tội ác của mình’ trong năm hoặc sáu năm?” Cô ấy phát điên mất! Tôi đã có rất nhiều cuộc trò chuyện tưởng tượng với Evy trong những năm đó, nhưng rồi tôi lại chán nản vì nhớ cô ấy, nên tôi phải cố gắng tập trung vào những việc khác.

Hai tù binh chiến tranh bước ra, và sau một vài động tác vận động nhẹ, họ ngồi trên một chiếc ghế dài dựa vào tường, cởi áo phoi nắng. Trông họ như vừa trải qua một khoảng thời gian kinh khủng. Trông họ thật điềm tĩnh và giống như một nhà sư, tôi tự hỏi liệu họ có bị mất trí nhớ hay không. Sau tiếng ho của tôi, một người trong số họ ngoe nguẩy nói bằng ngón chân.

“Anh là ai?” (Who U.? = Who are you?)

“Larry Guarino từ trại Sở thú.” (L.G. fm Zoo. = Larry Guarino from Zoo.)

“Bị bắn rơi khi nào? (When U.S.D.? = when were you shot down)

“Tháng 6 năm 65.” Anh chàng tội nghiệp nhăn mặt thấy rõ. Tôi đánh vắn đầy đủ họ của mình và họ quay lại với họ, Ligon và Stock-man, cả hai đều bị bắn hạ vào năm 67. Người tiếp theo trông thật đáng sợ. Anh ta mặc quần ngủ và đi tất len rất nặng. Cơ thể

anh ta tả tôi với những vết hằn rộng khoảng 5 cm trên khắp thân và cánh tay. Tôi nghẹt thở. Chúa ơi! Tôi chưa bao giờ nghe nói có ai sống sót sau sự tra tấn khủng khiếp như vậy! Thật không thể tưởng tượng nổi! Anh ta đi đi lại lại trong sân, nhìn xuống, và khi tôi ho, anh ta lén nhìn quanh nhưng tránh giao tiếp với tôi. Sau đó, tôi phát hiện ra rằng Trung tá Jamey Hillary không hề bị tra tấn. Những vết thương khủng khiếp trên cơ thể anh ta là vết sẹo bỏng từ một vụ va chạm cháy, nhiều năm trước khi anh ta bị bắt. Mọi thứ thường không như vẻ bề ngoài, và bạn không thể vội vàng kết luận như vậy, tôi tự nhủ.

Trong những tuần tiếp theo, tôi liên lạc với hầu hết mọi người ở đó. Một người bạn nói với tôi rằng họ vừa mới ổn định sau một đợt tuyệt thực toàn trại mà Jerry Denton đã ra lệnh. Lúc đó có ba người bị biệt giam, vì vậy Denton nghĩ rằng một đợt tuyệt thực sẽ buộc V phải giải tán biệt giam. Kết quả là, giờ đã có mười tám người bị biệt giam! Denton có ý tốt, như mọi khi, nhưng “giải pháp” của anh ta thường gây ra rất nhiều phản kích và không mang lại nhiều kết quả tích cực. Nhưng rồi, chẳng có gì chúng tôi làm mang lại kết quả tích cực (tức là có lợi) cả!

Jim Stockdale đang ở đâu đó tại Vegas,

cùng với Dave Winn, Norm Gaddis, Jim Bean và Jack Flynn, tất cả đều có cấp bậc cao hơn Denton, và vì tất cả bọn họ đều có cấp bậc cao hơn Denton, tôi muốn biết chuyện quái gì đang xảy ra trong trại. Những người tôi hỏi đều nói với tôi rằng “Stockdale bị thương và ‘sợ sùng’, và một người bạn sống cùng anh ta đã cố gắng tố cáo anh ta.” Tôi được biết bốn vị đại tá kia nói rằng “họ cảm thấy lạc lõng.” Có thể đúng là như vậy, nhưng các anh chàng đều cảm thấy “Denton là người duy nhất đủ bản lĩnh để tiếp quản.”

Tôi chưa bao giờ mảy may nghi ngờ Denton là một người yêu nước vĩ đại và là một người phản kháng mạnh mẽ. Chỉ là với quan điểm duy tâm cao siêu của Jerry, ông ta không bao giờ có thể suy nghĩ thấu đáo như những người da đen đang làm bầm, và đoán già đoán non. Tôi tin rằng Jerry không bao giờ hiểu được họ, và sẽ không hiểu được nếu ông ta ở lại Hà Nội thêm một trăm năm nữa.

Khi tôi nhìn qua lỗ khóa, một anh chàng gầy gò, tóc muối tiêu nhìn chăm chăm về phía tôi và chỉ tay về phía cuối tòa nhà. Khi mọi thứ im ắng, tôi đặt cốc lên tường trước và lắng nghe... Tôi nghe thấy tiếng gõ cửa. Quả nhiên, anh chàng gầy gò đã chuyển vào căn phòng đầu tiên. Giữa chúng tôi có một hoặc

hai phòng trống, nhưng nhờ chiếc cốc làm bộ khuếch đại, chúng tôi có thể nghe rõ tiếng gõ cửa của nhau. Đó là John McCain, “Hoàng tử Hà Nội” (như Bud Day đã mô tả). John cung cấp cho tôi một lượng thông tin khổng lồ về tất cả những người chúng tôi có thể nhìn thấy ngoài sân. Tôi kể cho anh ấy nghe những gì tôi biết về Sở thú, nhưng có những lúc tôi phải ngừng gõ cửa và nằm xuống nghỉ ngơi vì những cơn ho. Khi ra ngoài rửa mặt, tôi “tạo dáng” cho John, chụp cho anh ấy một bức ảnh “mỉm cười” trực diện để nhận dạng rõ hơn.

Cuối cùng, chúng tôi cũng kể những câu chuyện cá nhân về cách chúng tôi đã bị đối xử. Tôi nghĩ chúng có thể được đóng thành một cuốn sách có tựa đề, Những Câu Chuyện Bạn Sẽ Không Tin Dù Sao Đi Nữa! John kể cho tôi nghe về vợ anh ấy, một người mẫu xinh đẹp, làm việc cho một tạp chí phụ nữ lớn. Anh ấy cũng kể về những thử thách của mình khi học tại Học viện Hải quân và những áp lực khi được nuôi dưỡng trong một gia đình có truyền thống tướng lĩnh và đô đốc từ thời Chiến tranh Cách mạng. Sau vài tuần, tôi cảm thấy gần gũi với McCain như tôi đã từng gần gũi với Jerry Denton hồi ở New Guy trong những tháng đầu tiên đó.

Có một tấm ván lớn chắn ngang cửa sổ sau nhà tôi, che khuất tầm nhìn ra phía sau. Tôi nghĩ việc tôi liên tục đẩy nó đã khiến nó lỏng ra cho đến khi nó treo lơ lửng nguy hiểm, và cuối cùng ai đó đã gỡ nó ra, dựa vào một bức tường xa. Tôi có thể thấy mặt bên kia của nó là một bảng thống kê số lính Mỹ tử trận và nhiều thiết bị khác bị phá hủy, bao gồm xe tăng, xe tải và máy bay. Hầu như ngày nào các con số cũng thay đổi.

Tôi có thể quan sát những người phụ nữ chuẩn bị thức ăn. Họ cân rau trên một chiếc cân cầm tay cổ xưa, có thể là rau muống (cỏ đầm lầy), bí, hoặc bí ngô, sau đó họ rửa sạch rau, cắt nhỏ và mang đi nấu. Họ có hai đồng. Một đồng nhỏ hơn nhiều so với đồng kia, và đồng thức ăn đó dành cho nhân viên trại V. Những người phụ nữ luôn chọn những thứ tốt nhất cho người của mình. Phần còn lại được đổ vào đồng thức ăn của người Mỹ. Sàn nhà là bàn ăn của họ. Đầu tiên họ quét sàn, sau đó, khi thức ăn được nấu chín, họ bày thức ăn lên đó trong các món ăn. Người của họ vào ăn theo ca, khoảng sáu hoặc bảy người một lần, mang theo đĩa, cốc và bát men nhỏ của riêng họ.

Quan sát họ kỹ lưỡng, tôi thấy chẳng ai ăn quá nhiều hay lấy quá một miếng thịt ngon.

Nếu muốn ăn thêm, họ sẽ lấy một miếng thịt, gia cầm hoặc cá nhỏ hơn. Họ vừa ăn vừa trò chuyện vui vẻ. Một số người thích bánh mì hơn cơm. Khẩu phần ăn chỉ bằng một nửa khẩu phần ăn của một người trong chúng tôi. Họ rất quan tâm đến nhau. Mọi người đều được chia đều.

McCain gọi điện báo cho tôi về ba tù binh chiến tranh đang bị mất mắt trong sân tập thể dục. Ông ấy nói họ là những người đã làm mất lòng trung thành của chúng tôi. Họ là những người cao ráo, trông bình thường. Một trong số họ đứng gần tôi. “Chào,” tôi nói. Ông ấy hỏi tôi là ai và tôi nói tên mình, rồi hỏi tên ông ấy. Ông ấy đáp lại ngay: “Ed Miller, Thủy quân Lục chiến Hoa Kỳ.” Lạy Chúa, đó chính là Ed Miller của chương trình “Bob and Ed Show” nổi tiếng! Người cộng sự của ông, Bob Forrester, đang giúp ông ấy, và người thứ ba bị cuốn vào những lời tuyên truyền của Việt Nam là một sĩ quan hải quân khác, Gene Wilbur.

Ba người khác xuất hiện. Tôi nhận ra George McKnight, nhưng tôi chưa từng thấy hai người kia trước đây. Họ là George Coker, GIB (người ngồi phía sau) đi cùng Jack Fellowes, và Anthony Scorpio (người đã trèo qua bức tường Annex cùng Ath-erton). Lúc đó tôi

không biết McKnight và Coker cũng đã cố gắng trốn thoát và thành công trong vài giờ.

Tôi gặp Ernie Brace, phi công dân sự của Air America. Câu chuyện của anh ấy thực sự kinh hoàng. Khi anh ấy cố gắng trốn thoát, bọn da đen đã chôn anh ấy đến tận cổ xuống đất. Sau vài tuần như vậy, anh ấy mất kiểm soát mọi chức năng cơ thể và trở nên mất trí. Khi được đưa lên khỏi mặt đất, anh ấy được gắn một cái ách cổ bằng gỗ rộng ba feet mà, tôi được biết, anh ấy đã đeo trong ba năm! Cuối cùng anh ấy và Chi-Charn được đưa đến Hà Nội. McCain nói rằng việc giao tiếp với Ernie rất khó khăn, bởi vì trong sáu tháng đầu Ernie chỉ biết khóc. Đây là một ví dụ khác về việc chúng có thể nghiền nát tinh thần của một người đến mức nào. Đường như tinh thần ông ấy khá tốt, và mỗi khi có cơ hội, tôi đều động viên ông ấy.

Tôi thường chào ông ấy bằng câu: “Hôm nay ông khỏe không, Basil? Ông đẹp trai thật đấy - có ai nói với ông rằng ông giống hệt Basil Rathbone không?” Ông ấy luôn vui vẻ và mỉm cười thân thiện, và tôi rất muốn làm ông ấy vui.

Chiều muộn, tôi tình cờ vào xem một cuộc họp mà tôi sớm nhận ra là một cuộc họp chính trị hàng tháng. Tôi đã được nghe về

những cuộc họp này nhiều năm trước, nơi mà, theo lời căn dặn của Hồ Chí Minh, mỗi người sẽ có cơ hội “phê bình và tự phê bình”.

Những cuộc họp hàng tháng này phục vụ nhiều mục đích và là dịp để kiểm tra thái độ chung của mọi người, vì chúng cho người phụ trách cơ hội xem ai đang vượt quá giới hạn bằng cách khuyến khích mỗi người mách lẻo.

Mặc dù họ nói bằng ngôn ngữ riêng, nhưng thật dễ dàng để đoán ra chuyện gì đang xảy ra qua giọng điệu, ngữ điệu, những lời chỉ trích và vẻ mặt sừng sốt. Mọi người đều ngồi trong sân, nên tôi đẩy cửa chớp ra và quỳ xuống nhìn ra ngoài. Tôi có một tầm nhìn tuyệt vời và không bị cản trở về diễn biến. Cuộc họp được Sâu Bọ (Bug) triệu tập, và một khi anh ta làm vậy, không có trò đùa nào xảy ra. Bug đưa ra vài lời khai mạc, bằng giọng nhẹ nhàng và lịch sự. Sau đó, anh ta dường như đang đặt ra một câu hỏi mà không nhận được câu trả lời. Anh ta thử lại, nhìn xung quanh. Anh ta dường như đang cầu xin họ trả lời. Một chàng trai trẻ đứng dậy, nhưng không nói gì. Bug nói điều gì đó để khuyến khích người đàn ông tiếp tục bất cứ điều gì anh ta đang nghĩ trong đầu. Cuối cùng, gã đàn ông cũng bắt đầu nói, ban đầu chậm rãi, nhưng rồi anh ta dần tự tin và mạnh mẽ hơn.

Anh ta đang mô tả điều gì đó, một tình huống nào đó. Bug xen vào, tra hỏi, chàng trai ngập ngừng, rồi chỉ tay buộc tội vào người ngồi cạnh. Người đàn ông bị chỉ đích danh kia bất ngờ, chỉ tay vào ngực, nhảy dựng lên - “Ai, tôi á?”. Rồi người buộc tội nổi cáu, cãi lại: “Phải, anh đấy, như tôi đã nói!”. Cả hai bên đều bực tức, Bug phải vào can thiệp, bắt họ im lặng, rồi bắt cả hai ngồi xuống. Bug lại nói, hình như với bị cáo, một lúc lâu. Bị cáo sau đó nói, kể lại câu chuyện của mình. Anh ta ngồi xuống, nhưng tôi có cảm giác anh ta biết mọi chuyện đã diễn ra không tốt đẹp với mình. Bug lại nói tiếp, vẫn rất nhẹ nhàng, như thể anh ta đang chỉ ra một cách đầy thấu hiểu và nhân hậu lỗi lầm hoặc tội ác đã phạm phải. Dù là gì đi nữa, lỗi lầm đó cũng chỉ là chuyện nhỏ nhất như việc người đàn ông ăn quá nhiều, mang đồ của “nhân dân” về nhà, hay không làm tròn trách nhiệm. Có lẽ hẳn bị phát hiện quá thân thiện với người Mỹ, hoặc một số lỗi nhỏ khác.

Khi Bug kết thúc, mọi thứ trở nên rất im lặng. Sau đó, bị cáo chậm rãi đứng dậy và nói, đầu cúi xuống. Anh ta gật đầu về phía người tố cáo và kết thúc câu nói có vẻ như là một lời xin lỗi. Có tiếng vỗ tay nhẹ. Bug kết thúc bằng cách hỏi liệu có ai còn chỉ trích gì

nữa không. Không ai trả lời; mọi người đã chịu đựng đủ cho cuộc họp đó rồi. Đó là ví dụ sống động về cách cộng sản bắt mọi người tuân thủ kỷ luật.

Một “hệ thống tự thanh lọc”, được sử dụng để đảm bảo rằng “mỗi người đều làm tốt phần việc của mình, thể hiện thái độ tốt và xứng đáng được đối xử tốt.”

Vào tháng Chín, Hack bảo tôi mặc đồ để tham gia một cuộc thi đố vui. Những người tham gia hỏi những câu hỏi thông thường về cảm giác của tôi, và tôi trả lời họ là “tệ hại”, chỉ để thử họ. Họ thậm chí còn không để ý, bởi vì họ đã tập trung vào mục đích chính của cuộc thi.

“Và hãy cho chúng tôi biết, anh đã sống chung với bao nhiêu tên tội phạm khác nhau ở Cộng hòa Dân chủ Việt Nam?”

“À, không quá nhiều. Tôi đã sống nhiều năm với Byrne, rồi Cherry, cả Kasler và Bomar, và, ồ vâng, còn có Groves nữa. Tôi nghĩ vậy là hết. Họ có ở trong trại này không?” Tôi hỏi một cách ngây thơ. Ngày hôm sau, Hack ra hiệu cho tôi đến, vì vậy tôi đã chuẩn bị đồ đạc và anh ấy dẫn tôi ra bên trái, đi lên một khoảng sân giữa khu vực tắm và quán Nugget, rồi vào tòa nhà Thunderbird, căn phòng cuối cùng bên trái. Đó là một ngày

tuyệt vời cho Groves và Kasler, và đặc biệt là cho tôi! Chúng tôi trò chuyện hàng giờ liền, không ngừng nghỉ, về những gì đã xảy ra kể từ lần cuối tôi gặp họ vào tháng 12 năm 1969.

Hai hoặc ba lần mỗi ngày, chúng tôi nghe thấy một người Mỹ hét lên “Đồ khốn nạn!”. Tôi hỏi chuyện gì vậy. Lowell nói đó là Jamey Hillary, anh chàng bị bỏng nặng sống một mình trong tòa nhà Golden Nugget ngay đối diện nhà vệ sinh.

“Chuyện về Hillary thế nào?” Lowell nói rằng Hillary đã sống với Stockdale và họ không hòa thuận với nhau. Hillary gặp một số vấn đề về thể chất do những vết bỏng nặng gây ra. Anh ấy phải xin phép bọn khốn để viết thư về nhà xin một số loại thuốc theo toa rất quan trọng cho việc điều trị liên tục của mình. Hillary dường như cảm thấy tội lỗi vì phải nhờ vả và đã phản ứng theo những cách kỳ lạ và khó lường, cả với người Việt Nam lẫn chúng tôi. Trường hợp của anh là một trường hợp khác của một phi công đang làm nhiệm vụ chiến đấu với vấn đề về thể chất, nếu bị bắt, anh ta sẽ ngay lập tức bị những kẻ bắt giữ mình tra tấn. Từ những bài học đã học, tôi hy vọng rằng trong tương lai, những người khuyết tật nặng sẽ bị cấm tham gia chiến đấu. Mỗi đêm, trước khi đi ngủ, tôi đều

kết thúc bằng câu “Vớ vẩn!”. Đó là từ “che đậy tất cả” của tôi. Ví dụ: “Ông nghĩ gì về cách đối xử nhân đạo của chúng tôi?” Trả lời: “Vớ vẩn!”

“Thưa Thượng nghị sĩ Blabberface, chúng ta đang làm gì để giảm bớt hoàn cảnh khốn khổ của tù binh chiến tranh Mỹ?” “Mọi thứ có thể làm đều đã được thực hiện rồi.” “Vớ vẩn!” Đối với bản tin thông thường: “Chà, phe ta đã đạt được những thắng lợi to lớn trên mọi mặt trận, nhưng giờ mùa mưa đã đến, chúng ta sẽ phải củng cố vị trí trên vùng cao và tiếp tục tấn công VC vào mùa khô tới.”

“Vớ vẩn!” “Vớ vẩn!” trở thành câu trả lời ưa thích của tôi trước những lời nhảm nhí. (Vẫn vậy!)

Cạnh chúng tôi là Daughtrey, Anderson và Meisner. Chúng tôi giao tiếp với họ qua tường. Các phòng giam khác gần đó đều trống. Chúng tôi chỉ giao tiếp được một chút khi ở trong phòng tắm, nhưng cũng không nhiều vì lính canh canh gác rất cẩn thận.

Một hôm, Lowell than thở không khỏe, và trong vòng 24 giờ, anh ta sốt rất cao. Chúng tôi gọi Bao Cao, người gác cổng, và anh ta gọi một bác sĩ đến. Lúc đó Lowell đã yếu và uể oải. Người gác cổng mang đến hai chậu nước mát và vài miếng vải, dặn chúng tôi chườm

lạnh lên lưng Lowell để hạ sốt. Lowell cởi quần áo và nằm sấp xuống. Chúng tôi gấp một tấm chăn dưới chân anh ta để anh ta có thể thoải mái vắt quần áo ra hai đầu ván. Sau đó, tôi bắt tay vào việc, thay quần áo, vắt, thay đồ, vân vân. Anh ấy rất thích sự quan tâm này và nói rằng nó rất hữu ích.

“Anh biết đấy Larry, cổ tôi bị đau gần gốc sọ. Có lẽ là do dây thần kinh bị chèn ép hay gì đó.

“Anh có muốn tôi thử mát-xa một chút không, hay xoa bóp lưng một chút được không?”

“Anh làm giúp tôi nhé, Larry?”

“Được chứ, sao không?” Khi tôi xoa bóp cổ và lưng cho anh ấy, tôi nhận ra rằng con người cũng giống như trẻ con, thỉnh thoảng cần được người khác chạm vào, nếu không sẽ bị lạc.

Jim đang ngồi trên giường nhìn, và anh nhận thấy Lowell không chỉ cảm thấy khá hơn mà còn thích được quan tâm chăm sóc. Kasler cảm thấy rất bị bỏ rơi. “Anh chưa bao giờ quan tâm đến tôi như vậy, và lưng tôi đã làm tôi khó chịu từ lâu rồi,” anh ta phàn nàn.

“Không đùa đâu, Jim - sao anh không nói cho tôi biết? Tôi sẽ chăm sóc anh ngay khi xong việc với Lowell.” Chà, chết tiệt, Jim không nằm sấp xuống như một chú cún con

chờ được vuốt ve sao! Anh ấy cũng thích được xoa lưng, và điều đó sẽ “cho thấy bạn là ai”, ngay cả những phi công chiến đấu cừ khôi cũng cần, và thêm khát, sự chạm vào của bàn tay con người.

Lowell đã khỏi bệnh chỉ sau hai mươi bốn giờ.

Hack mang giấy bút đến, và để chúng tôi viết thư. Sau đó, anh ấy tặng cả ba chúng tôi những gói hàng từ nhà! Gói hàng của tôi đặc biệt ngon, gồm bánh quy tự làm và cua Alaska đóng hộp cùng gan gà. Gói hàng của Jim cũng ngon không kém, nhưng Lowell thì không được như vậy.

Những gói hàng của anh ta thường có kẹo cứng và “thuốc sỏi bọt”, một loại thuốc Alka-Seltzer có hương vị. Trông như thể ai đó ở nhà đang đối xử với anh ta theo kiểu tối thiểu nhất, và anh ta vốn dĩ rất nhạy cảm về điều đó. Chúng tôi chia sẻ mọi thứ mình có với anh ta, cố gắng làm anh ta vui lên, nhưng như Jim đã từng tâm sự với tôi trong phòng tắm, “Không đời nào vợ của Lowell vẫn còn ngoài kia chờ đợi anh ta. Đây chẳng phải là một cuộc chiến khủng khiếp để bị cuốn vào sao? Anh nghĩ rằng một số người của chúng ta sẽ quyết định tiến lên và chiến thắng cuộc chiến chết tiệt này và đưa chúng ta ra khỏi

đây sao!” Tôi ngạc nhiên trước lời nhận xét gay gắt của anh ta.

“Không Jim, điều đó sẽ không bao giờ xảy ra. Nếu chúng ta định chiến thắng trong cuộc chiến này, chúng ta đã có thể, và đã chiến thắng từ lâu rồi. Giờ thì quá muộn rồi.”

Hack ném một lá thư của Evy vào phòng giam. Thông báo quan trọng nhất là con dâu Maureen đã sinh một bé gái, Michelle Dawn, sinh ngày 22 tháng 7 năm 1970. Evelyn nói Allan “sẽ rất vui mừng”, điều này báo hiệu với tôi rằng Allan đã không ở nhà khi con gái anh ấy chào đời. Tôi rất quen thuộc với thói quen đó. Ngày 23 tháng 2 năm 1945, khi Allan chào đời, tôi đang ở Trung Quốc, và bức điện tín từ cha tôi, mà tôi nhận được muộn mười lăm ngày, viết rằng: “Con trai đã chào đời. Mọi việc đều ổn, bố ạ.” Vậy là giờ tôi đã lên chúc ông! Tôi hy vọng và cầu nguyện rằng cha của bé Michelle cũng không ở Việt Nam.

Rồi một bất ngờ khác lại đến. Cửa phòng chúng tôi mở ra, và ba người bạn hàng xóm bước vào! Từ đó trở đi (đầu tháng 10 năm 1970), họ đến chơi bài hoặc cờ vua hai lần một ngày. Thức ăn được cải thiện cả về chất lượng và số lượng, và điều mới mẻ tiếp theo là ăn ngoài trời, bất cứ khi nào thời tiết cho phép. Thỉnh thoảng chúng tôi được ăn cá hun

khói hoặc cá muối. Đó là một con cá nhiều xương, thô, thịt cá bị xuyên thủng bởi xương Y, nên chúng tôi phải hết sức cẩn thận để tránh bị nghẹn. Nhưng hương vị rất ngon, và đó là món ăn bổ dưỡng mà tất cả chúng tôi đều cần, đặc biệt là những người bị thương. Một ngày nọ, khi chúng tôi đang ngồi ăn, một tấm thảm trải sàn bằng tre dùng làm vật che mắt tạm thời ở cuối sân đổ xuống, và có ba người đàn ông bị bắt ở Lào đứng đó. Họ là Walt Stischer, Steve Long và Jim Bedinger. Họ thật may mắn khi thoát khỏi Lào an toàn. (Hầu hết những người mất tích bí ẩn từ đó đều không bao giờ được tìm thấy.)

Điều kiện sống được cải thiện đáng kể, nhưng dù vậy, sự buồn chán vẫn tiếp tục đeo bám chúng tôi. Tôi quyết định nuôi lại ria mép, trái với mong muốn của Groves và Kasler, vì họ biết rằng bọn da đen không bao giờ cho phép sự cá biệt như vậy. Sau vài ngày, việc này đã thu hút sự chú ý của V, và chúng chuyển tôi đến một phòng giam biệt lập bên kia hành lang, nơi chúng giam giữ tôi trong một tuần.

Sau đó, họ chuyển tôi trở lại, không phải chỗ cũ, mà là phòng giam đầu tiên, với Curtis Meisner. Daughtrey và Anderson được chuyển đến ở cùng Kasler và Groves.

Meisner là một người dễ mến, và rất am hiểu Shakespeare. Hồi trung học, tôi bị phân tâm khỏi những thành tựu văn học đáng giá bởi những thứ như bóng đá và con gái. Vậy nên Curt đã tự mình lấp đầy khoảng trống này. Mỗi tối, khi tôi nghe, Curt đều đọc Shakespeare. Tôi thích nhất là vở Người lái buôn thành Venice, và Curt đã chiều tôi bằng cách đọc lại vở đó nhiều lần.

Một buổi tối nọ, giữa chừng câu chuyện, Curt dừng lại và nói: “Larry, có một điều tôi đã muốn kể cho anh nghe từ lâu rồi.”

“VẬY, ĐÓ LÀ GÌ?”

“Chuyện xảy ra hồi ở Sở thú, khi Fidel còn ở đây và tôi là một trong những người bị ông ấy đối xử tệ bạc. Tôi hơi lo lắng về chuyện này và muốn kể cho ai đó nghe. À mà, anh có biết là trong thời gian tôi sống với Kasler ở Sở thú, chúng tôi đã trở nên thù địch với nhau không?”

“Không, tôi hoàn toàn không biết điều đó. ‘Thù địch’ - ý anh là hai người thực sự là kẻ thù sao?”

“Phải, đúng vậy. Anh biết Jim là người như thế nào mà - một kẻ phản kháng mạnh mẽ, và tất cả những điều đó. Anh ấy nghĩ rằng ai cũng nên như vậy, nhưng chúng ta thì không thế. Tôi thì không như vậy.”

“Tôi hiểu rằng tất cả chúng ta đều cố gắng hết sức với những gì mình có, nhưng hãy tiếp tục câu chuyện của anh đi.”

“Được rồi. Một hôm, người giữ chìa khóa đến tìm tôi và bảo tôi mặc đồ để đi thi. Ngay lập tức tôi run lên bần bật, vì tôi biết mình sắp ra ngoài gặp Fidel. Khi tôi đến nơi, ông ấy đã đợi sẵn. Tôi cúi chào và ngồi xuống, rồi ông ấy nói, ‘Được rồi, hôm nay Curtis, tôi muốn xem cậu có phải là người trung thực không. Tôi sẽ hỏi cậu vài câu về những điều tôi đã biết, nhưng tôi chỉ muốn kiểm tra xem cậu có nói thật không thôi. Như tôi đã nói, tôi đã biết câu trả lời rồi, nên nếu cậu trả lời đúng thì không sao. Nếu tôi thấy cậu nói dối, tôi sẽ đánh cậu tơi bời. Hiểu chưa?’ Vậy nên tôi nói “ừ, tôi hiểu rồi”, và tôi rất sợ vì ông ấy đang thử thách tôi bằng những điều ông ấy đã biết.”

Lúc đó, tôi ngắt lời Curt và hỏi, “Ý anh là ông ấy đã biết rồi sao? Làm sao anh biết ông ấy đã biết rồi?”

“Tôi biết là ông ấy biết! Cậu có muốn nghe hết câu chuyện này không?”

“Được rồi, cứ kể tiếp đi.”

“Ồ, Fidel nói, ‘Curt, khi trực thăng đến cứu anh, làm sao anh ta biết là anh đang nói chứ không phải tôi?’

Vậy nên tôi nói với anh ta rằng phi công trực thăng đang giữ một danh sách những người gần đây bị bắn hạ, cùng với mã số định danh của họ. Fidel nói, ‘Anh ta lấy mã số ở đâu ra vậy?’ Thế là tôi nói với anh ta rằng tất cả chúng đều được lưu giữ trong bộ phận tình báo ở căn cứ.”

“Trời đất ơi, Curt!” Tôi ngắt lời. “Ý anh là anh đã cung cấp cho Fidel loại thông tin đó sao? Anh biết đó là thông tin khá nhạy cảm! Tại sao anh lại làm vậy?” Curt nổi cáu và hoàn toàn nổi cáu với tôi.

“Tôi đã nói với anh rồi! Bởi vì anh ta đã biết câu trả lời rồi!” Curt khiến tôi sửng sốt vì anh ta đã mắc bẫy trò thăm vắn cổ xưa nhất trên thế giới, một trong những điều đầu tiên mà một phi công học được trong quá trình huấn luyện sinh tồn. Tôi đánh bạo nói thêm một câu cuối cùng.

“Curt, anh không nghĩ đến việc nói dối anh ta sao? Anh biết đấy, nói dối trắng trợn à?” Câu nói đó chắc hẳn đã chạm đến điểm nhạy cảm, vì anh ta nhảy xuống khỏi giường xi măng với vẻ mặt khó tin, và đứng thẳng dậy, gần như cứng đờ, buột miệng, “Nói dối? Nói dối? Một học giả nói dối? Không bao giờ!”

Tôi lùi lại, bởi vì thiệt hại đã xảy ra, và không có cách nào thuyết phục Curt rằng anh

ta đã làm sai. Trong thâm tâm, anh ta tin rằng mình phải có can đảm để phản kháng, nếu không sẽ thất bại. Không còn cách nào khác. Sự nuôi dạy, giáo dục, và huấn luyện sinh tồn của anh ta đã không chuẩn bị cho anh ta cho tình huống đó. Anh ta không thể nói dối! Curt được nuôi dưỡng trong hoàn cảnh rất khá giả và học trường tư. Anh ta chưa bao giờ trải qua những va chạm đường phố và không biết gì về đánh nhau, hay ăn miếng trả miếng với phe đối lập. Tuổi trẻ lịch lãm đã khiến anh ta trở nên lý tưởng đến mức sai lầm. Học viện quân sự nơi anh ta tốt nghiệp có quy tắc danh dự nghiêm ngặt, như tất cả các học viện khác. Nhưng rõ ràng là họ không chấp nhận hoặc chưa bao giờ dạy anh ta rằng sẽ có những tình huống trong chiến tranh trái ngược với phong cách của “quý ông sĩ quan”, những tình huống mà việc nói dối, gian lận và trộm cắp là hoàn toàn bình thường - không! thậm chí còn tốt hơn. Còn nơi nào tốt hơn là trên lãnh thổ của kẻ thù, trong một trại tù? Liệu kẻ thù có Thỏa thuận thẩm vấn bằng sự thật hay sự thật? Chắc chắn là không! Vậy thì chúng ta phải đối mặt với hắn ta trong điều kiện ngang bằng và làm mọi cách để đánh bại hắn ta, hoặc ít nhất là để hắn ta bị bế tắc. Phải, nói dối, gian lận và

ăn cắp là điều bình thường! Phải, “mọi thứ đều công bằng trong chiến tranh!” Curt chắc chắn không phải là một đứa trẻ, nhưng sự ngây thơ của anh ta thì đúng là trẻ con. Là cá nhân, hay là một quốc gia, chúng ta không thể cư xử như thể mình là những chú chim bồ câu trắng nhỏ bé đang cố gắng tồn tại trong một hang điều hâu, bởi vì nếu chúng ta làm điều đó (và đôi khi chúng ta đã làm chính xác như vậy) thì những chú bồ câu chắc chắn sẽ bị nhốt sạch lông.

Khi nỗi sợ hãi của một người đưa anh ta đến mức anh ta hợp lý hóa lập trường của mình bằng cách cho rằng người thẩm vấn “đã biết”, anh ta không chỉ vô thức tự đặt mình vào thế khó để tránh bị đối xử khắc nghiệt, mà còn thua cuộc mà không cần nỗ lực! Những người thẩm vấn luôn cố gắng tạo ấn tượng rằng họ đã biết câu trả lời và “chỉ đang kiểm tra lại”. Phần lớn thời gian, họ chẳng biết gì cả, và nếu có, họ liên tục cố gắng thêm thắt, hoặc xác nhận rồi lại xác nhận, các chi tiết. Tất cả chúng ta đều có nghĩa vụ phải cố gắng hết sức. Thật không công bằng khi một người lại dễ dàng từ bỏ những gì người khác đã phải chịu đựng rất nhiều để bảo vệ.

Đầu tháng 12, Box đã đưa ra một câu chuyện bị bóp méo. Họ trích dẫn lời của

Nghị sĩ Mendel Rivers, một đảng viên Dân chủ Nam Carolina, nói rằng: “Nếu chúng ta muốn đi thẳng vào trung tâm Hà Nội, chúng ta sẽ đi, và không có thế lực nào trên trái đất này có thể ngăn cản chúng ta!” Chúng tôi nhìn chăm chăm vào loa phóng thanh, nhưng bản báo cáo rời rạc đó không cung cấp cho chúng tôi toàn bộ câu chuyện. Chúng tôi chỉ có thể tự hỏi về bối cảnh của lời nhận xét đó. Khoảng giữa tháng 12, tôi chuyển về sống với Jim và Lowell, còn Andy và Norlan Daughtrey thì lại về với Curt. Kasler và tôi nhận được thư. Có một tin rất quan trọng trong thư của tôi, mà tôi đã phải lo lắng rất nhiều kể từ khi bọn VC nói với tôi rằng con trai tôi “cũng sang đây chiến đấu”. Evelyn nói, “Allan đã về nhà an toàn, sau một năm dài đằng đẳng!” Thật nhẹ nhõm! Dù không muốn nghĩ hay nói về chuyện đó, nhưng tôi vẫn gần như tin chắc rằng anh ấy đã bị bắt. Tại sao ngay từ đầu họ lại để anh ấy sang đây? Tôi đoán rằng nếu tôi là một chàng trai trẻ ngoài kia, đầy nước tiểu và giấm chua, và cha tôi là một tù binh chiến tranh, tôi sẽ muốn đến đó và làm bất cứ điều gì có thể để đưa anh ấy ra ngoài. Tôi cũng không hề nghĩ đến hậu quả của việc có thể bị bắt.

Giáng sinh đã đến gần, và không ai được

yêu cầu đi lễ nhà thờ. Vài ngày trước, chúng tôi nhận được tin nhắn từ Jack Flynn, tù binh chiến tranh cao cấp nhất ở Bắc Việt Nam, nói rằng ông ta sẽ đảm nhiệm chức vụ SRO, và mật danh của ông ta sẽ là Ace. Flynn bị bắt vào tháng 10 năm 1967. Tôi nghĩ mình đã nghe tên ông ta trong hệ thống vào năm 1968 hoặc 1969, cùng với Jim Bean. Nhưng, do chấn thương, hoặc mất liên lạc, đây là lần đầu tiên ông ta được giao nhiệm vụ SRO.

Cả sáu chúng tôi cùng nhau ăn bữa tối Giáng sinh. Có rất nhiều thứ để ăn, chúng tôi để dành một ít cho tối hôm đó, nhưng khi trời tối, có tiếng động ngoài sân. Người giữ chìa khóa đến và bảo chúng tôi thu dọn đồ đạc.

Anh ta chỉ cho chúng tôi mang theo những thứ thiết yếu, và không mang theo bất cứ thứ gì chúng tôi nhận được trong các gói hàng từ nhà; không kem đánh răng, bàn chải, quần lót dài hay tất. Chúng tôi thậm chí còn phải để lại đồ ăn thừa từ Giáng sinh khi bị dẫn ra sân trước. Cảnh tượng đập vào mắt chúng tôi ngoài kia, bên cạnh buồng tắm, thật choáng váng, nhưng cũng thật thú vị! Có hàng chục người Mỹ đang bị khám xét người rất kỹ lưỡng. Chúng tôi không biết chuyện gì đang xảy ra, nhưng chúng tôi rất thích thú khi được nói chuyện với một số người bạn cũ

và những người đàn ông mà chúng tôi quen biết qua tường nhưng chưa từng gặp trước đây. Những người Việt Nam không quá khó chịu về tất cả những cuộc trò chuyện. Khi họ chắc chắn rằng chúng tôi đã sạch sẽ, họ dẫn chúng tôi đi qua khu vực Desert Inn. Chúng tôi đi ngang qua nhiều tù nhân châu Á với vẻ mặt sợ hãi. Tất cả họ đều mặc đồ ngủ sọc, và không thể biết họ là tội phạm thông thường hay tù binh chiến tranh. Chúng tôi được dẫn đi quanh nhiều tòa nhà khác nhau và vào một khu vực có các dãy phòng giam lớn, mỗi dãy có sức chứa từ hai mươi đến năm mươi tù nhân. Nhóm của chúng tôi được chuyển đến dãy phòng giam số bảy. Chúng tôi có khoảng hai mươi hai người, tất cả đều mang cấp bậc thiếu tá, trung úy hoặc đại úy. Bạn bè cũ và mới bắt tay nhau rất nhiều. Có Bud Day và Jack Fellowes, Shumaker và Tanner, McKnight và Scorpio, McCain, Stratton, Howie Dunn, Ron Webb, Red McDaniel, và tất cả những người còn lại. Tôi hy vọng sẽ gặp lại Ron Byrne, nhưng điều đó đã không xảy ra.

Liệu họ có chuẩn bị thả chúng tôi không? Chúng tôi tự hỏi. Họ sẽ không bao giờ cho chúng tôi ở chung nếu chúng tôi không được thả! Có đủ loại suy đoán, từ hợp lý đến lố bịch, nhưng bất kỳ suy đoán nào cũng đúng

nhau. Lowell Groves nhìn quanh cẩn thận và nói, “Larry, có vẻ như anh lại là ‘người đó’ rồi, anh chàng cao cấp.” Chúng tôi nói chuyện đến tận khuya, và ngày hôm sau còn bất ngờ hơn nữa.

Hôm sau lễ Giáng sinh, cửa phòng trực mở ra, và một đám đông khoảng hai mươi hai sĩ quan O-5, trung tá và chỉ huy nữa bước vào! Có quá nhiều cái ôm và bắt tay, tôi phải ngồi xuống và kiên nhẫn chờ đến lượt mình. Người bạn thân thiết của tôi, Robbie Risner, rồi đến Jerry Denton, Jim Stockdale, Al Brady, Verlyn Daniels, Ligon và Stockman, Fuller và Lawrence, Jim Mulligan và Howie Rutledge! Đội ngũ của chúng tôi tăng lên khoảng bốn mươi lăm người khi chúng tôi dựng trại trên tấm đệm xi măng.

Phòng giam số bảy dài mười lăm mét và rộng hai mươi hai mét. Ngoại trừ khoảng trống rộng ba mét xung quanh lối đi và khoảng trống bốn mét rưỡi ở một đầu, phòng giam có một tấm lót xi măng cao sáu mươi phân cho tất cả tù nhân ngủ. Tấm lót dốc xuống vài phân từ giữa sang hai bên để có thể dễ dàng rửa sạch nếu tù nhân bị xiềng xích làm bẩn tấm lót. Ở mặt trước của tòa nhà, trên sàn, có rất nhiều lỗ thông hơi, cao khoảng năm x mười inch, để toàn bộ tòa nhà

có thể được xả nước khi cần thiết. Những khối phòng giam này được xây dựng để chứa một số lượng lớn tù nhân bị xiềng xích trong thời gian dài. Không ai trong chúng tôi sử dụng xà lim. Toàn bộ khu nhà này được các tù nhân đặt tên là Trại Đoàn Kết.

Bob Shumaker, một sĩ quan hải quân lỗi lạc, đã cảnh báo: “Nghe này các anh, có lẽ chúng ta không nên quá phấn khích về việc này. Tôi nghĩ họ có thể giữ chúng ta như thế này thêm hai năm nữa.” Chúng tôi không muốn nghe điều đó! Tất cả chúng tôi đều muốn nghĩ rằng mình sẽ sớm được về nhà. Stockdale nhận xét: “Hy vọng chúng ta có thể học cách sống trong sự thịnh vượng.”

Khi năm mới đến, chúng tôi chắc chắn rằng năm 1971 sẽ là năm trọng đại, năm cuối cùng chúng tôi được về nhà. Lại sai nữa rồi!

CHƯƠNG MƯỜI LĂM 1971 - TỒN TẠI TRONG KHU XÀ LIM

 húng tôi dành những tuần đầu tiên bên nhau để kể cho nhau nghe những gì đã xảy ra trong suốt những năm tháng ở Bắc Việt Nam. Phần lớn thời gian là để trút những câu chuyện kinh hoàng của riêng mình lên đôi tai đồng cảm của những người cùng cảnh ngộ. Người hoạt bát và hoạt bát nhất là John McCain, người thức dậy từ trước bình minh để đi một vòng, nói chuyện, đùa giỡn và giải trí. John chẳng buồn gấp màn hay chăn, anh ấy chỉ ném chúng thành một đống. Tôi dọn dẹp chỗ ở cho anh ấy, vì anh ấy cần ai đó trông chừng. Thường thì vào ban đêm, anh ấy sẽ nhờ tôi ngồi dưới màn cùng để xoa bóp cổ, chỉ để xoa dịu thần kinh và giúp anh ấy thư giãn. Những lần đi lại khắp khiêng quanh khu phòng giam khiến anh ấy căng thẳng như lò xo vào giờ đi ngủ. Nhiệm vụ của tôi là trở thành một người cha (hoặc một người anh

traí) cho anh ấy.

Ben Pollard là một người thú vị khác, và tôi tin rằng Ben và Bob Shumaker sở hữu hai bộ não thông minh nhất trong trại. Ben đã bị giam giữ biệt lập và bị cùm trong một thời gian dài, và một phần vì bị cùm, anh ấy đã nổi những mảng lớn, trắng, không có sắc tố trên cổ và lưng. Chính Ben là người đã khai sáng cho tôi về một điều đã làm tôi khó chịu kể từ tháng 9 năm 1965. Đó là lúc tôi nghe thấy tiếng la hét của các nữ tù nhân và nghĩ rằng họ là tù nhân chính trị đang bị tra tấn. Vài năm sau, Ben bị giam trong một phòng giam Heartbreak, nghe thấy những tiếng la hét tương tự, và có thể nhìn ra sân trong những buổi giam giữ này để xem chuyện gì đang xảy ra. Ben nói rằng tiếng la hét đến từ các nữ tù nhân đang mang thai, sinh con ngay tại phòng giam, có lẽ với sự giúp đỡ của các nữ tù nhân khác, hoặc cùng lắm là nhờ một nữ hộ sinh.

Sinh kế và sự chăm sóc vật chất của họ phải được người thân hoặc bạn bè bên ngoài chu cấp, vì nhà nước không gánh vác trách nhiệm chu cấp cho họ. Do không có sự hỗ trợ từ bên ngoài, những nhu yếu phẩm tối thiểu nhất đều được cung cấp cho các tù nhân.

Ben cũng đã chứng kiến một cuộc biểu

tình về cách người Việt Nam dạy trẻ em rằng “tội ác không được đền đáp”. Hai hàng trẻ em từ năm đến mười hai tuổi bị xiềng xích lại với nhau. Chúng bị bắt tập tễnh đi quanh sân nhà tù. Phản ứng của chúng thay đổi từ tiếng cười khúc khích đến những giọt nước mắt kinh hoàng và hoảng loạn. Những đứa trẻ này đã bị bắt vì những vi phạm rất nhỏ về luật dân sự, rất có thể là trộm cắp vặt, từ chuối đến xe đạp. Đây là “bài học thực tế”, cho thấy cuộc sống sẽ ra sao đối với những kẻ chọn con đường phạm tội. Theo tiêu chuẩn của chúng tôi, đó là một hình thức ngược đãi trẻ em tàn nhẫn, nhưng người Việt Nam tin rằng đó là cách hiệu quả nhất để dạy trẻ em tuân thủ kỷ luật.

Khi tôi tìm hiểu thêm về những trải nghiệm của Bud Day, tôi đã rất ấn tượng đến nỗi tự hứa với bản thân rằng mình sẽ cố gắng giúp anh ấy nhận được Huân chương Danh dự xứng đáng. Tôi không nói với ai về chuyện này, mà cất nó vào một góc trong tâm trí để dành cho lần sau. Bud kể cho tôi nghe những chuyện xảy ra ở Sở thú kể từ khi tôi rời đi vào tháng 6 năm 1969. Không lâu sau khi tôi rời đi, anh ấy và Jack Fellowes bị đưa vào phòng biệt giam tại Heartbreak. Anh ấy phát hiện ra rằng một số sĩ quan cấp cao nhất

của chúng tôi đã ở Heartbreak ba năm mà chưa bao giờ cố gắng giao tiếp! “Anh có tin được không?” anh ấy hỏi. Một trong số đó là Chỉ huy Burl Flagler, bị biệt giam ba năm và tình trạng sức khỏe rất yếu. Ông ấy đã có thái độ kháng cự cực kỳ cứng rắn, ăn rất ít và từ chối những vật dụng sinh tồn cơ bản, kể cả chăn vào mùa đông! Trong những năm trước, điều này chẳng hề làm phiền VC. Tuy nhiên, sau khi đã từ bỏ việc đối xử tàn nhẫn, giờ đây họ tỏ ra quan tâm đến Flagler, bằng chứng là Bud đã nhiều lần đến thăm ông để cố gắng thuyết phục ông. Flagler tỏ ra nghi ngờ. Trong những lần ghé thăm này, Bud phát hiện Flagler vứt bỏ hầu hết thức ăn của mình, bao gồm cả chuối và thức ăn đặc biệt mà VC đưa cho anh ta để dụ anh ta ăn. Dù Bud có cố gắng thuyết phục Flagler rằng anh ta hoàn toàn sai lầm, Flagler vẫn không chịu nhượng bộ.

Thái độ ngờ vực có thể là một cách tiếp cận rất bình thường, an toàn và thận trọng trước một tình huống mới. Tôi hiểu cảm giác đó; tôi đã nghi ngờ những người khác ngay từ đầu trận đấu. Bud Day đã cố gắng hết sức để chiếm được lòng tin của Burl và thuyết phục anh ta rằng anh ta đang ở đâu đó ngoài sân trái một mình. Nhưng đã quá muộn. Nếu Bud

đến đó sớm hơn một năm, có lẽ mọi chuyện đã khác.

Một người khác ở đó là người đàn ông chính của tôi từ Sở thú, J. J. Connell đáng tin cậy. J. J. đã bị đánh đập dã man khi bộ dạng giả của ông bị phát hiện trong cuộc thanh trừng năm 1969. Ông không ăn uống gì, và sức khỏe của ông đã xuống mức thấp nhất. Ông và Flagler được đưa đến bệnh viện vào tháng 10 năm 1970, và cả hai đều không bao giờ được nhìn thấy còn sống nữa.

Jerry Denton chiếm chiếc bao tải đối diện tôi, và anh ấy kể cho tôi nghe câu chuyện của mình, đặc biệt là hai năm ở nơi được gọi là “Alcatraz”. Có mười người khác đi cùng anh ấy, bao gồm Jim Stockdale, Mulligan, Shumaker và Ron Storz. Jerry kể cho tôi nghe sức khỏe của Jim Mulligan và Ron Storz đã suy giảm nghiêm trọng như thế nào. Storz bị ám ảnh bởi việc nhịn ăn, như thể để trả thù người Việt Nam vì hoàn cảnh khó khăn của mình. Mulligan nài nỉ Storz bắt ông ăn, và cuối cùng Jerry Denton đã ra lệnh trực tiếp cho ông ăn. Ron trả lời rằng ông đã nhịn ăn quá lâu, đến nỗi không còn hứng thú với thức ăn, và cái dạ dày teo tóp của ông cũng không thể chứa đựng bất kỳ thứ gì. Hầu hết bọn họ đã được chuyển đến khu Las Vegas vào năm

1970, thời đại của thức ăn ngon hơn và sự đối xử tốt hơn.

Câu chuyện về Ron Storz là một câu chuyện bi thảm về cái chết do bị bỏ đói kéo dài. Mặc dù ông ở một mình trong một xà lim nhỏ ở Alcatraz, ông vẫn liên tục giao tiếp với mười người khác. Không ai hiểu được liệu Ron có mục tiêu gì trong đầu, hay liệu ông đã bị suy sụp về tinh thần và thể chất đến mức không muốn tiếp tục sống. Ông không hề biết rằng những điều tồi tệ nhất đã qua, và việc điều trị tốt hơn sắp tới sẽ mang lại cho tất cả chúng ta hy vọng rằng có lẽ, có lẽ chúng ta vẫn còn cơ hội. Ông không bao giờ được nhìn thấy nữa, và ngày mất của ông được chính thức ghi nhận là khoảng tháng 4 năm 1970.

Có một bài học buồn nhưng quý giá cần rút ra từ sự mất mát bi thảm của những người đàn ông tốt như Connell, Storz và Flagler. Mỗi người chúng ta đều có một số quyền tự do nhất định trong việc thiết lập khuôn mẫu phản kháng của riêng mình trong khuôn khổ các nguyên tắc của Bộ Quy tắc Ứng xử. Tất cả các thành viên quân đội đều có trách nhiệm kiểm chế việc cung cấp thông tin mật và kiểm chế việc tham gia vào các hoạt động tuyên truyền, trong khả năng tốt nhất của mình. Việc áp dụng các biện pháp cực đoan để đánh

lừa hoặc cản trở thẩm vấn viên có thể được hiểu ở một mức độ nào đó, nhưng khi những biện pháp này đồng nghĩa với việc tự trừng phạt bản thân, thì đã đến lúc phải chuyển sang một lập trường hợp lý hơn, mang lại cơ hội sống sót cao hơn. Và sống sót chính là chìa khóa của trò chơi! Trong trường hợp của George McSwain, chúng ta đã chứng kiến một người đàn ông đang phải chịu đựng sự buồn chán và thất vọng tột độ, người đã quyết định giả vờ điên.

Điều đó đã thu hút sự chú ý của VC, và nó không được Charlie Plumb, bạn tù của McSwain, hay Jim Kasler, người thâm niên nhất trong khu, chấp thuận. Bọn VC đã tra tấn George đến phát khiếp suốt một tháng. Giữa tháng đó, nhờ công lao to lớn của George, anh ta quyết định mình đã đi sai hướng và thay đổi hướng đi. Đó là lý do duy nhất anh ta còn sống đến ngày nay.

Trong trường hợp của J. J. Connell, mặc dù chúng tôi đã đề nghị anh ta giả vờ rằng các phương pháp điều trị bằng điện giật đang giúp anh ta hồi phục chậm, anh ta vẫn khẳng định rằng mình biết mình đang làm gì. Nếu J. J. có một hoặc hai bạn tù, có lẽ kết cục đã khác. Tôi nghi ngờ rằng anh ta đã không bao giờ hồi phục sau những trận đòn mà anh ta

phải chịu đựng khi âm mưu của anh ta bị phát hiện trong cuộc thanh trừng năm 1969. Trò chơi điên rồ là trò chơi nguy hiểm nhất.

Lời khuyên tốt nhất vẫn là cố gắng “chạy vào giữa bầy” - nhìn sang trái và sang phải, và làm theo những gì nhóm đang làm. “Nếu họ ổn, thì tôi cũng ổn.” Đừng gây chú ý quá mức, và tránh những hành động cực đoan (trừ những khoảng thời gian rất ngắn), đặc biệt là những việc như từ chối thức ăn và những nhu yếu phẩm thiết yếu khác.

Denton cuối cùng cũng đồng tình với quan điểm của mình về giá trị chiến thuật của việc nhịn ăn tập thể như một biện pháp buộc người Việt Nam phải thay đổi cách đối xử có lợi cho tù binh chiến tranh. Denton vẫn giữ quan điểm rằng về lâu dài, điều này có lợi. Tôi không bao giờ đồng tình với ý tưởng của ông ấy về việc nhịn ăn. Tôi vẫn tin rằng bài học từ trường sinh tồn là đúng, rằng chúng ta không nên tự trừng phạt mình. Jerry cố gắng thuyết phục tôi, và tôi nói với ông ấy rằng ông ấy có thể nói đến khi mặt tím tái, tôi sẽ không bao giờ đồng ý, nhưng tôi sẽ tuân thủ lệnh nhịn ăn của một sĩ quan cấp cao.

Vào tháng 1 và tháng 2 năm 1971, thức ăn rất ngon. Chúng tôi được ăn cá hộp từ Nga và thịt hộp tương tự như thịt hộp Spam

hoặc xúc xích hun khói. Trong một chiếc bánh sandwich, nó ngon đến nỗi tôi thề sẽ không bao giờ làm hỏng hương vị thơm ngon của món ăn bằng cách thêm tương cà, sốt mayonnaise hay mù tạt nữa. Súp bắp cải hay súp bí ngô vẫn là món ăn thường ngày.

Bart Hovick đang ngồi gần cuối tấm đệm ngủ, viết một danh sách tên bằng một mảnh giấy vụn trên mái nhà. Anh ta biết những người này từ trại Plantation, nơi Tiên Xà Phòng Mềm phụ trách chuẩn bị cho những người được thả sớm. Nửa tá chúng tôi theo dõi khi anh ta viết khoảng ba mươi cái tên lên xi măng. Khi viết xong, anh ta xem xét danh sách một cách có hệ thống, chấm điểm từng người bằng những nhận xét, “Anh ta ổn, anh ta ổn, anh ta là một kẻ thất bại, anh ta ổn, anh ta là một kẻ lập dị.” Tôi ngạc nhiên khi anh ta lại có can đảm phân loại từng người, vì vậy tôi hỏi anh ta tại sao lại nói người này người kia là “kẻ thất bại” hay “kẻ lập dị”.

Ông ấy trả lời rằng ông ấy không thể liên lạc với người này, hoặc người kia sợ hãi, hoặc ông ấy đã “nghe” điều gì đó về người kia. Tôi cho rằng ông ấy đang khắt khe với những người bị ông ấy hạ cấp, rằng có thể có những tình tiết giảm nhẹ mà ông ấy không biết. Ông ấy không thích những lời nhận xét

của tôi, và nét mặt ông ấy tối sầm lại rõ rệt. Khuôn mặt ông ấy thể hiện cảm xúc rõ hơn bất kỳ người đàn ông nào tôi từng gặp.

Chúng tôi đã họp với những người cấp cao để quyết định mối quan hệ mới của chúng tôi với người Việt Nam nên như thế nào. Có nhiều ý kiến khác nhau, và đôi khi rất trái ngược nhau, về những gì chúng tôi nên làm. Nhiều người trong chúng tôi đang muốn gây sự, với lòng căm thù kéo dài nhiều năm đang đập mạnh bên trong. Những người khác muốn tạm thời yên ổn và giữ thái độ “chờ xem”. Hiếm khi có sự đồng thuận áp đảo về bất kỳ vấn đề nào. Người Việt Nam không yêu cầu, hay thúc ép, chúng tôi làm bất cứ điều gì, chỉ để sống mà không “đe dọa an ninh trại”.

Các buổi lễ nhà thờ Chúa nhật của chúng tôi khiến họ bức bối. Robbie Risner, George Coker, McKnight, Howie Rutledge và một số người khác đã chủ trì các buổi lễ. Bug tiến vào để quan sát kỹ hơn, và ánh mắt của hắn không rời khỏi Risner. Không thể xóa tan suy nghĩ rằng Risner là một mối đe dọa thực sự thường trực đối với họ, và họ lo lắng về việc Robbie có thể dẫn chúng tôi đến đâu. Thực ra, chúng tôi chẳng muốn gì ngoài việc được ở một mình trong các buổi lễ tôn giáo Chúa

nhật, nhưng họ không thể tin rằng kế hoạch của chúng tôi dừng lại ở đó.

George McKnight nổi tiếng là một chàng trai độc thân phóng khoáng, thích vui vẻ, cười đùa và thích được “chạm trán” nhiều hơn phần của mình. George là một phi công chiến đấu rất giỏi với thái độ đúng mực. Tôi chưa bao giờ biết, cho đến những ngày ở khu giam giữ, rằng anh ấy và George Coker đã từng ở bên nhau trước đây. Họ là những người Mỹ duy nhất bị giam giữ tại một nơi gọi là Dirty Bird, gần một nhà máy điện ở Hà Nội. Vào tháng 10 năm 1967, họ đã trốn thoát khỏi đó, đến được Sông Hồng và cố gắng đi được khoảng mười lăm dặm xuôi dòng trước khi phải trèo ra ngoài để thở. Họ bị những người nông dân phát hiện khi đang đào đất nghỉ ngơi. Họ bị bắt lại và đưa về. Đó là một nỗ lực đáng khen ngợi từ một trại giam bất ổn, và họ gần như đã thành công. Họ cũng chia sẻ trải nghiệm Alcatraz với nhóm Stockdale gồm mười một người.

Bạn tù gần đây nhất của họ ở Vegas là Anthony Scorpio, và vì những lý do mà lúc đó tôi không rõ, Scorpio và Coker dường như đang bất hòa. Tôi thích Scorpio, người không nhận được bất kỳ thư từ hay bưu phẩm nào. Tôi đề nghị chia sẻ một vài món đồ, như quần đùi, áo lót và khăn tay.

Scorpio, Coker và McKnight đã khiến chúng tôi thích thú với tài năng trồng cây chuối điêu luyện của họ. Những động tác của Coker và Scorpio rất chính xác và đẹp mắt. Scorpio nói rằng đó là một trò thu hút sự chú ý mà anh đã làm từ khi còn nhỏ ở bãi biển. “Tôi chỉ cần trồng cây chuối vài lần là đã có cả đám đông vây quanh.” Tony là sinh viên chuyên ngành giáo dục thể chất, rất giỏi và luôn ý thức về sức khỏe. Anh ấy đã giữ được vóc dáng đáng kinh ngạc bất chấp điều kiện giam cầm. Anh ấy ăn uống ngồi thẳng lưng, không bao giờ khom lưng, và ngồi thẳng lưng trên ghế! Anh ấy là một giáo viên tiếng Tây Ban Nha xuất sắc và thường xuyên dạy học như một phần của chương trình giáo dục chính mà chúng tôi đã bắt đầu.

Bộ “đồng phục” khác thường nhất trong khu giam giữ là của John Finlay, người vợ Carolyn của anh ấy, người rất thân với Evelyn ở Satellite Beach, Florida. John mặc áo ngủ màu đen của tù nhân bên ngoài quần lót dài màu trắng, tất len trắng, dép lốp VC và một chiếc khăn quàng cổ mà anh ấy tự may từ những mảnh quần áo cũ. Một chiếc tàu ngầm trong rừng hoàn thiện về ngoài vui vẻ của anh ta. Anh ta thật là một cảnh tượng! Vợ của Vern Ligon, Bebe, cũng ở khu vực

Căn cứ Không quân Patrick và thân thiện với Carolyn và Evy. Điều đó khiến ba chúng tôi gần như trở thành họ hàng!

Chúng tôi chia thành bốn nhóm làm việc, mỗi nhóm mười người, để đảm nhiệm các công việc dọn dẹp. Nhóm trực giúp phân phát thức ăn, thu dọn và rửa bát đĩa, đổ xô nước nhà vệ sinh và quét dọn khu nhà giam.

Allen Brady đề nghị rằng, trong nhóm làm việc của chúng tôi, mỗi người hãy dành thời gian để giới thiệu tóm tắt về bản thân cho những người khác. Vài người đầu tiên mất khoảng hai mươi phút mỗi người, sau đó Allen mất khoảng mười lăm phút, và tôi cũng làm như vậy. Đến lượt Denton, Brady cứ ngủ gật và ngã lả ra! Tôi đánh thức anh ta dậy và bắt anh ta ngồi dậy hết lần này đến lần khác, nhắc nhở anh ta rằng đây là ý tưởng của anh ta! Jerry cúi mặt khi nói và không để ý đến đôi mắt xanh nhạt của Brady đang nheo lại dưới mí mắt. Câu chuyện của Jerry rất thú vị mặc dù khá dài. Khoảng một tiếng sau, ông ấy vẫn đang nói về bà cố của mình, người đã chiến thắng một cuộc thi sắc đẹp vào năm 1888! Hôm đó ông ấy không thể nói hết câu, nên phải chuyển sang buổi tiếp theo. Tất cả chúng tôi đều khá cứng người khi rời đi, và Fred Crowe nói nhỏ với Brady: “Này, Al-có gợi ý nào hay hơn không?”

Chúng tôi nghĩ V có thể đã giữ đồ dùng cá nhân và hành lý của chúng tôi vì họ nghĩ có những thông điệp bí mật được giấu trong đó. Giờ đây, chúng tôi nhận được những gói hàng chào mừng từ nhà với những món đồ rất ngon, bao gồm thịt nguội đóng hộp và thịt bò, bánh trái cây, đồ ăn sáng và quần áo.

Có rất nhiều cuộn phim siêu nhỏ trong gói bánh trái cây của Byron Fuller, đến nỗi khi bọn da đen cắt nó ra cho anh ta, những thứ chết tiệt đó rơi vãi khắp mặt đất! Fuller nghĩ chắc chắn bọn da đen sẽ phát hiện ra chúng, nhưng không, không phải ngày hôm đó.

Đêm đó, khi mọi thứ đều tĩnh lặng, Howie Rutledge giơ từng cuộn phim siêu nhỏ lên ánh sáng và đọc to, thật nhỏ nhẹ. Đó là một sự kiện thú vị - tin tức không bị kiểm duyệt đầu tiên từ quê nhà sau năm năm! Tôi không biết ai là người thông minh nhất ở nhà, nhưng cuộn phim siêu nhỏ đầu tiên có điểm số bóng bầu dục cũ từ năm ngoái, và cuộn thứ hai có điểm số bóng chày năm ngoái! Cuối cùng Howie đã nghĩ ra một tin thực sự nóng hổi. Đó là về cuộc đột kích Sơn Tây. Tin tức nói rằng vào đêm ngày 21 tháng 11 năm 1970, một lực lượng trực thăng, do không quân chở theo lính Mũ nồi xanh và Biệt kích, đã bay đến trại tù binh Sơn Tây, cách Hà Nội 20

dặm về phía tây, để cố gắng giải cứu những tù binh được biết là đang ở đó. Điều này khiến phía Việt Nam hoàn toàn bất ngờ. Không có tổn thất nào về phía Hoa Kỳ, và chỉ có một trung sĩ không quân bị thương nhẹ ở chân khi một chiếc trực thăng bị phá hủy trong một cú hạ cánh cứng tại khu trại Sơn Tây. Mọi thứ diễn ra chính xác, ngoại trừ một sai sót nhỏ - không có tù binh chiến tranh nào ở đó! Trại đã được sơ tán vài tháng trước đó. Báo cáo tiếp tục nói rằng tổng chỉ huy và người lên kế hoạch là Chuẩn tướng Không quân Leroy Manor, người mà tôi đã quen biết từ năm 1951, và chỉ huy tại hiện trường phụ trách lực lượng tình nguyện là Đại tá Lục quân Hoa Kỳ Arthur "Bull" Simons. Chúng tôi rất ấn tượng và phấn khởi khi biết rằng chúng tôi không bị lãng quên, và một số người của chúng tôi đã có đủ can đảm để tình nguyện thực hiện một nhiệm vụ nguy hiểm như vậy, ngay trước cửa Hà Nội, để cố gắng đưa chúng tôi ra ngoài!

Một khoảng lặng dài trôi qua sau khi Howie nói xong. Tất cả chúng tôi đều nghĩ cùng một điều. Làm sao một người tỉnh táo lại có thể để một nhóm người dũng cảm lao vào cuộc săn tìm vô vọng như vậy? Chắc chắn hệ thống tình báo của chúng tôi hoạt động tốt hơn thế!

Chúng tôi biết mình có năng lực trinh sát vượt trội và các cơ quan tình báo hàng đầu. Liệu một cơ quan có thể có thông tin mà không chia sẻ cho các cơ quan khác không? Không, tôi không thể tin được, và Roy Manor là một người quá sắc sảo để có thể bỏ qua một thông tin như vậy. Vậy thì sao? Chúng tôi xem xét lại chi tiết cuộc đột kích, tìm kiếm những điểm tích cực cho mình. Trước hết, giờ chúng tôi đã yên tâm rằng mình không phải là “những kẻ bị lãng quên”, và những người trong nước đã cho thấy họ sẽ làm mọi cách để đưa chúng tôi ra ngoài.

(Đó hẳn là cốt lõi của đoạn tin rời rạc mà chúng tôi đã nghe ở Vegas, khi chúng tôi không thể hiểu nổi vị thượng nghị sĩ miền Nam nói gì về “khu trung tâm Hà Nội, và không có thể lực nào trên trái đất này có thể ngăn cản chúng ta!”) Điều thứ hai là rõ ràng vẫn còn rất nhiều niềm tự hào và tình đồng chí trong các đơn vị, và sĩ quan và binh lính của chúng tôi vẫn cảm thấy nghĩa vụ mạnh mẽ phải “chăm sóc cho chính mình”. Thứ ba, nó hẳn đã làm rung chuyển cả hệ thống cấp bậc của Bắc Việt Nam để thấy được mức độ táo bạo và can đảm của cuộc đột kích cận chiến này. Thứ tư, cuộc đột kích có lẽ đã khiến bọn da đen sợ hãi đến mức chúng

đóng cửa nhiều trại nhỏ xung quanh Hà Nội và cùng chúng tôi vào các khu giam giữ trong nhà tù chính, một động thái có lẽ đã cứu sống nhiều sinh mạng. Thể chất và tinh thần của chúng tôi sẽ tiếp tục suy yếu trong điều kiện tàn khốc, cô độc của năm năm trước. Tóm lại, chúng tôi kết luận rằng cuộc đột kích Sơn Tây, mặc dù không giải cứu được ai, nhưng đã mang lại một số kết quả tích cực. Đó là một cú hích lớn cho tinh thần của chúng tôi. Sáng hôm sau, khi chúng tôi đang gấp chăn, Jerry Denton nói: “Nếu phe ta đã dùng những biện pháp liều lĩnh như vậy để đưa một số người trong chúng ta ra ngoài, chắc hẳn họ nghĩ rằng chúng ta sẽ không bao giờ được thả.” Không ai trong chúng tôi nhìn nhận vấn đề theo góc độ đó. Tôi cảm thấy tim mình như thắt lại, vì tôi biết Jerry có lẽ đúng.

Jim Stockdale và tôi đã có vài cuộc trò chuyện. Chúng tôi đang nói về cách đối xử với chúng tôi, thì tôi nói: “Jim, đó cũng chính là cách họ đối xử với chính người dân của họ! Anh còn nhớ ‘chính sách nhân đạo’ của họ không? Tôi không muốn xúc phạm trí thông minh của anh bằng cách nhắc lại chuyện đó.”

“Không, cứ nói tiếp đi,” anh ấy nói. “Tôi không nhớ chính sách đó.”

Tôi nhắc lại chính sách đó từng chữ một,

vì nó đã được khắc sâu vào đầu tôi từ năm 1967. Trong lúc nói chuyện, tôi có cảm giác Jim có vấn đề về nói năng, vì anh ấy nói lắp bắp rất nhiều và nói giọng ngắt quãng. Tôi nghĩ, “Trời ơi, ông ấy căng thẳng quá! Chẳng trách ông ấy lại lo lắng không biết chúng ta có thể học cách sống trong sung túc hay không.”

Đêm đó, khi mọi thứ đã yên tĩnh, Robbie Risner rủ tôi ngồi dưới lười với ông ấy; ông ấy có vài điều muốn thảo luận. Robbie rất tin tưởng tôi và trân trọng tình bạn của chúng tôi suốt bao năm qua. Tôi cũng cảm thấy như vậy về ông ấy.

“Larry, tôi lo lắng về những gì người ngoài có thể nghĩ về tôi.”

“Tôi không thể tưởng tượng được ý anh là gì.”

“Chà, anh biết đấy, trong suốt thời gian dài bị biệt giam và tra tấn, họ đã ép tôi viết rất nhiều lời khai giả mạo, và họ còn có chữ ký của tôi trên đó nữa.”

“Thì sao? Tất cả chúng ta đều phải làm như vậy! Chẳng ai ngoài kia dám phán xét cả, vì họ không ở đây, họ không biết, và họ sẽ không bao giờ biết mình sẽ xử lý chuyện này như thế nào. Chúng ta sẽ viết sách cho họ, và tôi chẳng lo lắng chút nào về điều đó. Tất cả chúng ta đã cố gắng hết sức, và nếu có

ai ngoài kia không nghĩ vậy, thì cứ hôn mông tôi đi! Nếu chúng ta ra khỏi đây, và nếu có ai nói dối anh, anh cứ gọi tôi, tôi sẽ tự túc chi phí bay đến bất cứ nơi nào anh ở. Tôi sẽ giải thích bằng những từ ngữ mà họ có thể dễ dàng hiểu được!”

Robbie mỉm cười rạng rỡ với tôi, và chúng tôi bắt tay nhau nồng nhiệt. Sau đó, anh ấy kể cho tôi nghe về những ngày tồi tệ nhất của mình, về việc anh ấy bị giam giữ trong một phòng giam tối om. Anh ấy thức dậy lúc ba giờ sáng, tập thể dục và cầu nguyện cả ngày, cho đến khi kiệt sức. Anh ấy lặp lại quá trình đó hàng ngày trong gần một năm. Anh ta bị một thẩm vấn viên đặc biệt điều khiển, người mà anh ta ngày càng sợ hãi. Anh ta nói rằng gã đó biết hết mọi điều anh ta đang nghĩ. “Hắn ta thực sự đã chui vào đầu tôi và giẫm đạp lên não tôi!”

Robbie có thể đã nghe được tin đồn rằng việc thăng hàm đại tá của anh ta đã bị trì hoãn do công khai những “lời thú tội” của anh ta. Tôi chưa bao giờ tin điều đó. (Ngay sau khi được thả, Risner được thăng hàm chuẩn tướng, điều này chứng minh những tin đồn đó hoàn toàn sai sự thật.)

Khi Risner cuối cùng được đưa ra khỏi “phòng đen”, phải mất một năm rưỡi nữa

anh ta mới được đoàn tụ với Trung tá Không quân Gordon “Swede” Larson. Swede cũng ở cùng chúng tôi trong Unity Seven, và anh ấy đã chứng tỏ mình là một trong những người đàn ông tuyệt vời nhất mà tôi từng gặp. Anh ấy gặp rất nhiều vấn đề về thể chất, nhưng anh ấy không phải là người hay than phiền, anh ấy chịu đựng trong im lặng. Anh ấy nói với tôi rằng Robbie đang ở trong tình trạng tinh thần tồi tệ khi họ được đoàn tụ, và anh ấy nghi ngờ liệu Robbie có thể chịu đựng được lâu hơn nữa khi ở một mình hay không. Đúng như dự đoán, Swede và Risner đã trở thành đôi bạn rất thân.

Swede kể với tôi rằng vào ngày anh ấy bị bắn rơi, anh ấy đã hoàn thành nhiệm vụ và đang trên đường về nhà thì được một sĩ quan trực trung tâm điều khiển gọi đến và yêu cầu quay lại Bắc Việt Nam để đưa tin về một nỗ lực giải cứu một phi công bị bắn rơi. Swede đã tuân thủ và bản thân anh ấy cũng bị bắn rơi và bị bắt. Phi công kia là James Hillary.

Swede hiểu biết đủ về câu cá snook để viết một cuốn sách, và theo anh ấy, mỗi câu “sát thủ” thực sự là mỗi 52-M Mirrolure, câu khi thủy triều xuống. Anh ấy đã cố gắng giải thích từ “suy yếu” cho tôi, nhưng tôi không bao giờ hiểu được.

Trong vài năm qua, bằng cách gõ cửa từng nhà và hỏi han mọi người, Swede Larson đã tích lũy được một lượng thông tin đáng kinh ngạc. Anh ấy đã trở thành một chuyên gia về nuôi gà, chủ yếu là để lấy trứng. “Ôi trời Swede, anh thực sự thích gà đến vậy sao?”

“Chào, không! Tôi ghét những sinh vật bẩn thỉu, nhưng điều đó chẳng liên quan gì đến việc kiếm tiền từ chúng cả.”

“Lợi nhuận có lớn không?”

“Anh sẽ không tin được là nhiều đến thế, mà lại rất ít lao động chân tay, với quy trình tự động. Đây, lấy chăn ra và ngồi xuống, để tôi kể cho anh nghe cách làm.” Trong vài ngày tiếp theo, bất cứ khi nào có cơ hội, chúng tôi đều ngồi lại với nhau, và tôi lắng nghe Larson về phương pháp khoa học để nuôi gà sinh lời!

Trong nhiều năm, đây là liệu pháp tinh thần của Swede, và không ai có thể tin được anh ấy đã dành hàng giờ để tính toán chi tiết, hay kho dữ liệu khổng lồ mà anh ấy đã tích lũy trong đầu! Anh ấy biết chính xác kích thước chuồng trại, diện tích được phân bổ cho chuồng, và độ cao của chuồng. Anh ấy biết cần bao nhiêu inch vuông diện tích sàn chuồng cho mỗi con gà. Anh ấy đã thiết kế hệ thống tự động cho việc cho ăn, vệ sinh

chuồng và thu gom trứng. Mọi thứ đều được thực hiện trong một tòa nhà có điều hòa, để giữ cho gà được thoải mái và có tâm trạng tốt để đẻ sáu hoặc bảy quả trứng mỗi tuần. Sản lượng của mỗi con gà sẽ được theo dõi cẩn thận. Nếu không đạt được mức tối thiểu đã định, một công tắc hành trình sẽ được kích hoạt và con gà sẽ trượt xuống cửa sập, sau đó đầu sẽ rơi xuống và kết thúc trong tủ đông của một cửa hàng tạp hóa! Tất cả gà con sẽ phải làm việc cật lực như những phi công chiến đấu nhỏ bé dưới khẩu hiệu, “Đưa ra ngoài, hoặc là biến mất!”

Swede chỉ ra rằng không có gì bị lãng phí - mọi thứ, kể cả phân, đều có thể bán được. Tôi có một câu hỏi. “Swede, có một cái lỗ nhỏ ở phía trước mỗi cái lồng không?”

“Tại sao chúng ta cần một cái lỗ trên lồng?”

“Chà, tôi không biết nữa - giả sử con gà trở nên rất lo lắng và có thể bị chứng sợ không gian hẹp thì sao? Nó có thể muốn thò đầu ra và hét lên, “Báo cáo! Làm sao tôi thoát khỏi chuyện linh tinh (chicken-shit) chết tiệt này đây?” Swede và tôi cười phá lên đến nỗi những người khác cũng tò mò muốn biết chuyện gì đang xảy ra. Một người am hiểu về gà nói với Swede rằng thực ra mỗi con gà chỉ cần một nửa không gian mà anh ta đã phân

bổ cho chúng! Swede phát điên, vì anh ta đã thay đổi hoàn toàn sản lượng trứng, tăng gấp đôi lợi nhuận!

Chỉ có một lỗi nhỏ. Giờ chúng tôi có thể nhốt hai con gà vào mỗi lồng, giả sử một con đạt tiêu chuẩn tối thiểu còn con kia thì không? Chúng tôi không thể tìm ra cách nào để phân biệt con nào với con nào, nên cả hai con đều sẽ bị tổng xuống hầm. Về mặt triết học, tôi cho rằng, nếu bạn kết giao với một kẻ thua cuộc, cả hai sẽ cùng chung số phận! (Khi Swede cuối cùng cũng về đến Texas, con gà duy nhất anh ấy nhìn thấy là một con đã bị nướng chín.)

Rich Stratton kể cho tôi nghe về cuộc sống với Doug Hegdahl, một thủy thủ trẻ bị rơi khỏi tàu giữa đêm khuya. Anh ta bị ngư dân Việt Nam bắt và đưa về Hà Nội. Rich nói Hegdahl luôn giả vờ ngốc nghếch với người Việt Nam, nhưng thực ra anh ta là một người rất thông minh với trí nhớ đáng kinh ngạc. Thỉnh thoảng, V lại nhìn anh ta với ý định thả anh ta sớm, vì họ nghĩ rằng với cấp bậc thấp và trí thông minh dường như kém cỏi của anh ta, anh ta sẽ không thể làm bất cứ điều gì ở bên ngoài để làm mất uy tín của họ. Trong khi đó, Hegdah đã ghi nhớ được hơn ba trăm tên tù binh chiến tranh, nhiều người trong

số họ chưa bao giờ được xác định là đã bị bắt giữ. Anh ta cũng được cung cấp thông tin quan trọng về các trại khác và biết tất cả về các phương pháp tra tấn của người Việt Nam cũng như những câu chuyện về nỗi thống khổ của một số tù binh chiến tranh. Stratton ra lệnh cho Hegdah được thả sớm nếu có cơ hội. Doug phản đối, nhưng Rich đã thuyết phục được anh ta rằng thông tin mà anh ta sẽ mang theo sẽ là một kho báu tình báo quan trọng, và là một sự khích lệ tinh thần cho tất cả vợ và gia đình tù binh chiến tranh.

Lúc đó, Hervie Stockman đã trở thành quan chức cấp cao tại Plantation, và ông ta cấm việc thả sớm, vì vậy Stratton đã rút lại lời đề nghị với Hegdah. Lúc đó, tôi ngắt lời và nói với Stratton rằng, tại Sở thú, tôi có một danh sách những người bị thương đã được tôi cho phép thả sớm. Tôi nói thêm rằng tôi cũng sẽ bao gồm cả Hegdah và hoàn toàn ủng hộ việc anh ta được về nhà sớm, đặc biệt là sau khi nhận ra khối lượng và giá trị của thông tin mà anh ta sẽ mang theo. Stratton mỉm cười và nói với tôi bằng giọng Ireland rất đặc trưng: “Chúa phù hộ con, con trai của ta.”

Chủ đề về việc thả sớm lại được nhắc đến vào tháng 5 năm 1970 khi hai người đàn

ông mới đến Sở thú từ khu vực Hỏa Lò ở La Vegas. Họ nhận tin cho tôi rằng một tù nhân cao tuổi tên là Winn đã nói rằng “sẽ không ai chấp nhận việc thả sớm cả”. Gần một năm sau khi tôi sửa đổi chính sách để cho phép những người bị thương có cơ hội trở về nhà nếu được đề nghị. Tôi đã suy nghĩ kỹ và quyết định rằng mình nên tiếp tục điều hành Sở thú như trước, giải quyết những vấn đề đặc biệt mà tôi gặp phải ở đó. Winn không biết gì về điều kiện ở Sở thú. Tôi không thấy việc thay đổi chính sách có ý nghĩa gì.

Mục đích của Bộ luật này, và vẫn vậy, là ngăn chặn việc thả người không danh dự, về cơ bản là “trả tiền để được ra ngoài bằng cách tình nguyện làm trò tuyên truyền cho những kẻ bắt giữ”. Có rất nhiều điều mà tù binh cao cấp cần lưu ý, và Bộ luật cho phép người đó có sự linh hoạt rộng rãi trong việc ra quyết định.

Cuộc trò chuyện của chúng tôi bị gián đoạn, và tôi không bao giờ biết được toàn bộ câu chuyện về Doug Hegdahl. Điều quan trọng nhất là Doug được thả vào tháng 8 năm 1969, và đã gây ra những lời chỉ trích khá nặng nề cho các đại diện của chúng tôi tại Paris về cái gọi là “sự đối xử nhân đạo và khoan hồng”. Mặc dù sau đó tôi đã chuyển

tiếp đề xuất của Stratton về việc trao tặng huy chương cho Hegdahl, tôi không bao giờ biết liệu Hegdahl có nhận được bất kỳ lời cảm ơn, sự đánh giá cao hay sự công nhận chính thức nào cho những gì ông đã làm cho phe chúng tôi hay không. Nhiều người trong chúng tôi biết rằng đó là một con số đáng kể, và Doug đã nhận được lòng biết ơn sâu sắc của chúng tôi.

Nhiều lần ngồi với Tony Scorpio, tôi nói với ông ấy rằng tôi ngưỡng mộ lòng dũng cảm của ông ấy. Tôi cũng nói với ông ấy rằng ông ấy thật may mắn khi còn sống; rằng tôi cảm thấy việc cố gắng trốn thoát khỏi Hà Nội là quá nguy hiểm. Tôi cố gắng lạc quan, nói rằng có vẻ như chúng tôi sẽ không ở lại Hà Nội quá lâu nữa. Tôi nói với anh ấy rằng anh ấy đã mạo hiểm đủ rồi, và nếu ai muốn thử thì hãy để người khác thử. Anh ấy có vẻ đồng ý với những gì tôi nói. Tôi thực sự lo lắng cho sự an toàn của anh ấy.

Chúng tôi tìm thấy một thanh sắt, dùng làm mũi khoan hình sao, và thay phiên nhau đục tường giữa chúng tôi và phòng giam số sáu bên cạnh. Phải mất một tuần mới đục thủng được những viên gạch. Giờ thì chúng tôi có thể nói chuyện bằng giọng nói với chúng. Đến lượt tôi, tôi hỏi thăm người bạn cũ Ron

Byrne! Chúng tôi đã không nói chuyện với nhau kể từ đêm tôi rời xa anh ấy vào thời điểm đỉnh cao của cuộc thanh trừng năm 1969. Chúng tôi trao đổi rất nhiều tin tức gia đình, rồi Ron nói, “Larry, tôi đã biết được rất nhiều về vụ vượt ngục, và Connie Trautman rất nóng lòng muốn nói chuyện với anh.” Vài phút sau, Connie lên tường. Đầu tiên, anh ấy kể cho tôi nghe về việc anh ấy đã bị ảo giác như thế nào khi nhìn thấy tôi bị treo cổ trên đoạn đầu đài. Sau đó, anh ấy tiếp tục kể cho tôi nghe về Atherton và Scorpio, và về việc Thật khó để đối phó với Scorpio. Trautman đã chỉ đạo một số thay đổi trong kế hoạch trốn thoát trước khi hãn chấp thuận. Scorpio không chịu thay đổi mà vẫn tiếp tục cho đến đêm cuối cùng, khi hãn và Trautman bò lên tầng trên của các phòng giam (trở lại khu nhà phụ) và nói chuyện bằng giọng nói.

Connie nói rằng thật khó để nói với hai người rằng họ không nên đi, vì anh ta không hài lòng rằng họ đã cải thiện kế hoạch.

Lúc đó chúng tôi không đi sâu vào chi tiết, nhưng kết quả là lời cuối cùng của Conrad là: “Nếu anh đi tối nay, anh sẽ đi mà không có sự chấp thuận của tôi.” Tôi trả lời Conrad rằng tôi không cảm thấy lời chia tay của anh ấy đủ dứt khoát. Anh ấy nên nói rõ ràng là

“được”, hoặc ra lệnh “không được đi”. Tôi nói nếu tôi là một trong số họ, và háo hức muốn thử, tôi sẽ không nghĩ rằng việc đi mà không có “sự chấp thuận” là bất kỳ hình thức vi phạm mệnh lệnh nào. Chúng tôi dừng lại ở đó. Xét đến hậu quả khủng khiếp của nỗ lực vượt ngục, và cái giá mà mọi người phải trả, Connie hẳn đã rất đau lòng, đặc biệt là khi mất Atherton, người đã không qua khỏi hậu quả của việc tra tấn. Tôi cũng có thể thông cảm với anh ấy với tư cách là SRO. Một câu trả lời “không” thẳng thừng sẽ rất khó khăn. Conrad nói rằng Scorpio chắc chắn không hề chiếm được cảm tình của bất kỳ tù binh chiến tranh nào tại Khu nhà tù.

Đó là dấu hiệu đầu tiên tôi nhận thấy rằng mọi thứ về nỗ lực vượt ngục nói chung không được chấp thuận tại Khu nhà tù. Chủ nhật, ngày 7 tháng 2 năm 1971, chúng tôi đang chuẩn bị cho buổi lễ nhà thờ. Bug đã lường trước được điều này và xuất hiện cùng với một vài vệ sĩ có vũ trang. Hôm đó, các lãnh đạo nhà thờ là Risner, Rutledge và George Coker. Họ đã được cảnh báo rằng chính quyền sẽ không dung thứ cho kiểu đoàn kết công khai này. Khi tiếng thánh ca bắt đầu vang lên, Bug đã sai vệ sĩ đẩy ba vị lãnh đạo ra khỏi cửa. Khi điều này xảy ra, không khí trở

nên sôi động, và Bud Day bắt đầu hát, “Oh say can you see...”, được mọi người hưởng ứng, và khi chúng tôi hát quốc ca, âm lượng cũng tăng lên. Chúng tôi cảm thấy một sự đoàn kết và sức mạnh mà chúng tôi chưa từng cảm nhận được trong suốt những năm tháng ở đó.

Bài hát tiếp theo là “God Bless America”, và trong một khoảng lặng ngắn ngủi giữa các bài hát, tôi bắt đầu, “Đây là tòa nhà số bảy, số bảy, số bảy, đây là tòa nhà số bảy, còn tòa nhà số sáu ở đâu?”. Câu hát được tòa nhà số sáu hưởng ứng ngay lập tức, rồi đến từng tòa nhà khác, trở nên ồn ào như một khán đài cổ vũ trên sân vận động! Ngoài sân, con Bọ đang mất bình tĩnh, và nhả cầu trái ngược của nó cứ đảo điên!

Những người lính vũ trang, đeo mặt nạ phòng độc, lao vào sân, bởi vì thoát nhìn thì đây là một cuộc bạo loạn trong tù. Nhưng thực ra không phải là một cuộc bạo loạn - chúng tôi chỉ đang lên tiếng phản đối chính quyền về việc quấy rối Risner và những người khác, vì VC từ chối cho phép chúng tôi thực hiện các nghi lễ tôn giáo của riêng mình.

Tất nhiên, người Việt Nam không nghĩ vậy. Đối với họ, chúng tôi đang “đe dọa an ninh trại giam”. Vì vậy, trong hai ngày tiếp theo,

những người cao cấp hơn trong chúng tôi đã bị gọi ra và bị khiển trách bằng lời nói.

Tôi ra ngoài gặp Thỏ, người nói với tôi rằng nếu chúng tôi tiếp tục hành xử ngang ngược, chúng tôi sẽ “quay lại cách đối xử cũ - đó là điều anh muốn sao?” Anh ta quả quyết với tôi bằng những lời lẽ chắc nịch: “Chúng tôi sẽ lại trừng phạt nghiêm khắc tất cả các người, nếu các người không tuân thủ quy định!”

“Chúng tôi không muốn quay lại cách sống cũ,” tôi nói. “Các người không hiểu rằng chúng tôi chỉ muốn có các buổi lễ tôn giáo hàng tuần, không gì khác.”

“Không! Các người chỉ lấy đó làm cái cớ để gây bạo loạn thôi!” Thỏ đáp.

Khi tôi quay lại, Denton đề nghị chúng tôi tiếp tục cuộc biểu tình Chủ nhật bằng việc nhịn ăn. Rất nhiều người trong chúng tôi phản đối việc nhịn ăn, nhưng đây là “chiêu trò” ưa thích của Jerry, và anh ta đã thuyết phục Stockdale cùng những người khác rằng đây là điều nên làm. Chúng tôi được cho là nhịn ăn để phản đối việc loại Risner, Rutledge và Coker khỏi Heartbreak, nhưng tôi biết bọn da đen cũng chẳng hiểu việc nhịn ăn là gì.

Việc chúng tôi có ủng hộ hay không cũng không quan trọng. Đó là mệnh lệnh, nên chúng tôi tuân theo, kể cả những người bị thương.

Tất cả chúng tôi đều cố gắng hết sức, từ chối ăn trong một thời gian dài nếu cần thiết. Denton không giải thích làm thế nào chúng tôi có thể thoát khỏi tình trạng nhịn ăn nếu cần.

Không ai đủ sức khỏe để tiếp tục nhịn ăn vô thời hạn.

Đến ngày thứ hai, McCain và Norlan Daughtrey đều tái mét mặt mày. Điều này cho thấy chúng tôi đã tự trừng phạt mình một cách ngu ngốc. Trong trường hợp của những người bị thương, nó đã tạo ra một tình huống nghiêm trọng.

Sau ngày thứ ba, chúng tôi phải nhượng bộ. Chúng tôi cử người đi báo cho người giữ chìa khóa rằng chúng tôi đã sẵn sàng ăn. Người giữ chìa khóa chạy đi báo cho các sĩ quan, và qua phản ứng của họ, họ cũng mừng vì mọi chuyện đã kết thúc. Họ xuất hiện với một nồi cháo gạo khổng lồ với hành lá thái nhỏ bên trên. Bất cứ thứ gì nặng hơn thế có lẽ sẽ khiến tất cả chúng tôi phát ốm, và VC dường như biết điều đó.

Nếu có ai phàn nàn với Denton về sự vô ích của việc nhịn ăn, thì tôi đã không nghe nói đến. Tôi cũng không nói “Tôi đã nói với anh rồi” với Jerry, nhưng cảm xúc của tôi về điều đó rất mãnh liệt. Tôi cảm thấy chúng tôi đã làm một hành động mà V không bao giờ,

và sẽ không bao giờ, hiểu được, và chúng tôi thực sự không thể thực hiện được vì những hạn chế về thể chất.

Chúng tôi đã không thắng, và cuối cùng chúng tôi phải nịnh nọt họ để kiếm miếng ăn.

Trong khi đó, Jamey Hillary, người đàn ông của chúng tôi với những vết bỏng, đang viết một số đoạn trong hiệp định Geneva mà anh ta nhớ được lên tường phòng giam, dùng một mảnh ngói lợp làm phấn. Mặc dù anh ta không được biết đến là một “khách hàng khó tính”, nhưng anh ta đã làm điều này trước sự chứng kiến của V! Dĩ nhiên, V đã gọi anh ta ra để giải thích về hành động trơ tráo của mình.

Điều tiếp theo chúng tôi nghe thấy là “Chà, đụ mẹ Hồ Chí Minh!” Hẳn ta cố tỏ ra can đảm, nhưng khi làm vậy, hẳn ta đã phạm phải sai lầm chết người là xúc phạm đến vị lãnh tụ quá cố được họ yêu mến. Bọn khốn lỏi hẳn ta ra một góc sân, tụt quần hẳn ta xuống và bắt đầu đánh hẳn ta! Chúng tôi nghe thấy hẳn ta van xin họ dừng lại. Hẳn ta đã cố tình xông vào căn bếp, trong khi đáng lẽ hẳn ta phải biết mình không thể chịu đựng được sức nóng, nên chẳng có mấy ai thông cảm cho hoàn cảnh của hẳn ta.

Ngay sau khi buổi ăn chay kết thúc, nhiều

tù nhân cao cấp hơn bị chuyển ra ngoài, và trong một thời gian, Bill Franke là tù nhân cao cấp nhất trong khu giam giữ của chúng tôi. Một hôm, tôi thấy Tony Scorpio, Coker và McKnight đang nói chuyện với Bill. Khi buổi ăn tối kết thúc, Tony nói với tôi rằng Franke đã giao cho anh ta phụ trách một “ủy ban vượt ngục”. Anh ta được giao nhiệm vụ tổ chức và vận hành ủy ban.

“Anh đùa tôi à?” tôi hỏi.

Tony nói, “Ừ thì, ông ấy đã yêu cầu tôi làm, và tôi không thể từ chối.”

Tôi đi vòng quanh khu vực để nói chuyện với Bill Franke. “Tôi không nghĩ nên để Scorpio lại làm cái trò trốn thoát này đâu, Bill ạ.”

“Lý do tôi làm vậy là vì anh ta là người duy nhất có kinh nghiệm.”

“Bill, tôi không muốn trải qua chuyện vớ vẩn đó nữa! Anh biết là không thể trốn khỏi trung tâm Hà Nội để tìm tự do, vậy tại sao chúng ta phải làm cái trò này nữa?”

“Tôi nghĩ đó là điều chúng ta phải làm,” anh ta nói một cách bướng bỉnh. Scorpio đi vòng ra và nói, với sự đồng tình của Franke, mỗi người phải đóng góp một mảnh chiếu gạo của mình cho ủy ban trốn thoát để làm dây thừng. Anh ta lấy ra vài sợi rơm từ mỗi

tấm chiếu. Có khoảng mười lăm người đang xoắn những sợi rơm lại với nhau, trông như một nhà máy nhỏ. Tôi ngạc nhiên trước sự trơ tráo của chúng tôi chỉ trong một thời gian ngắn. “Bill, nếu Bug mở cửa sổ và nhìn vào, anh không nghĩ là hắn sẽ nhận ra chúng ta đang bận rộn sản xuất cái gì đó sao?” Tôi nghĩ Franke, người mà trước đây tôi từng ngưỡng mộ về khả năng phán đoán, đã đồng tình với tất cả, có lẽ nghĩ rằng đó là một “công việc bận rộn” lành mạnh. Điều khiến tôi băn khoăn là cả Franke lẫn những người cao cấp khác dường như đều không mấy may lo lắng về những gì có thể xảy ra với chúng tôi nếu bị phát hiện. Có lẽ Hiệp định Geneva cấm trả thù cho những nỗ lực vượt ngục của tù binh chiến tranh, nhưng chúng tôi biết bọn khốn chẳng hề để ý đến Geneva. Tôi cảm thấy nên cân nhắc đến phản ứng dễ đoán của bọn khốn, mà chúng tôi đã từng trải qua. Nhưng Tony, được Franke tán thành, vẫn tiếp tục, và mỗi ngày anh ấy lại càng tự tin hơn, và kiêu ngạo hơn, với trách nhiệm mới của mình.

Anh ấy đã bằng lòng sống yên ổn như bao người khác, cho đến khi có người làm anh ấy rung chuyển. Giờ đây, tôi đã nhìn thấy một mặt khác trong tính cách của anh ấy, và tôi chắc chắn không thích những gì mình thấy.

Chẳng bao lâu sau, không còn O-5 nào nữa, và tôi lại trở thành SRO ở Seven. Tòa nhà O, bên kia đường, chật kín các Đại tá và Chỉ huy, bao gồm Flynn, Winn, Gaddis và Bean. Từ đó trở đi, Jack Flynn chỉ huy Phi đoàn Tù binh Đồng minh Thứ tư. Chúng tôi đặt tên như vậy vì đó là cuộc chiến tranh thứ tư của thế kỷ.

Bên trong phòng giam của chúng tôi, ở chân bức tường ngoài hướng ra sân, có một vài viên gạch bị mất. Ai đó đã tìm thấy một cái hố trên mặt đất bên ngoài, nơi một ít vôi trắng đã bị vứt bỏ và đã đông cứng. Scorpio mang một ít vôi trắng vào phòng giam, đập nát nó ra, rồi đổ nước vào, khiến vôi trắng lại như cũ. Anh ấy đã làm rất tốt việc dán một miếng vải lên mặt lỗ trên tường. Khi nó khô hẳn, anh ấy phủ thêm một lớp vôi trắng lên trên. Đó là một nơi lý tưởng để cất giấu những thứ có thể dùng trong trường hợp trốn thoát, chẳng hạn như sợi dây thừng chúng tôi làm từ rơm rạ, những đoạn ống cao su dùng để lặn biển, và một vài vật dụng khác.

Ben Pollard và Bob Shumaker đã cùng nhau mở các lớp học về khí động lực học và nhiệt động lực học, mà Ben đã từng dạy tại Học viện Không quân, và cả hai đều có thể viết được những phương trình toán học một cách thành thạo. Bud Day từng nhận xét: “Ben là

một chàng trai Mỹ điển hình, với niềm tin bất diệt vào Chúa Kitô và Sears Roebuck.” Bạn có thể hỏi Ben giá bất cứ thứ gì (giá năm 1967) từ tủ lạnh đến máy cắt cỏ, và cậu ấy sẽ ngay lập tức đưa ra các con số với tiêu đề “tốt”, “tốt hơn” và “tốt nhất” từ danh mục!

Sâu Bọ (Bug) và những người khác đang cực kỳ tận tâm trong việc tìm ra số lượng tù nhân tối đa có thể viết thư về nhà mỗi tháng. McCain nảy ra ý tưởng rằng nếu bọn da đen cứ thích thư từ như vậy, có lẽ chúng ta nên phản đối việc cách chức các sĩ quan cấp cao bằng cách không viết thư về nhà. Chúng tôi đã yêu cầu sự hợp tác của tất cả mọi người, và đã nhận được sự đồng tình hoàn toàn của họ. (Chúng tôi cảm thấy việc ra lệnh như vậy là không công bằng.) Một số người vừa có cơ hội viết thư về nhà lần đầu tiên sau bốn năm hoặc hơn!

Bud Day vẫn giữ được vẻ hăng hái thường thấy ở khu vực rửa tay, không bỏ lỡ nhiều cơ hội. Anh ta bắt chước giọng nói của V với những câu như, “Tôi phê bình anh đấy.”

Tất cả chúng tôi đã nghe điều này quá nhiều lần, chúng tôi cười phá lên vì nghĩ rằng Bud khá buồn cười - cho đến khi ông ta bắt đầu chửi Hồ Chí Minh, dùng những lời lẽ khá thô lỗ. Tôi nghĩ ông ta đã mất bình tĩnh,

hoặc có lẽ ông ta cảm thấy an toàn hơn khi ở giữa đám đông. Nhưng tôi không quá lo lắng, vì tôi nghĩ ông ta là một ông già khó tính, đã đi nhiều dặm đường và có nhiều cục u trên người, và ông ta có thể tự lo liệu được. McCain thì lại là một câu chuyện khác. Chúng tôi đã lo lắng về ông ta khi ông ta bắt chước Bud chửi Hồ Chí Minh.

Trở lại tòa nhà, tôi đến gần McCain để cảnh báo ông ta. “Sớm muộn gì, bọn VC nói tiếng Anh cũng sẽ hiểu ra ý nghĩa những lời ông nói, và ông sẽ bị đá đít ra bã! Chửi Hồ cũng giống như chửi Chúa duy nhất của chúng vậy. Nếu tình thế đảo ngược và chúng chửi Chúa của chúng ta, có lẽ chúng ta cũng sẽ biến nó thành một dịp đáng nhớ cho chúng!” Tôi không biết John có hiểu lời cảnh báo của tôi không, nhưng tôi không nghĩ anh ấy nên mạo hiểm chịu hình phạt nặng nề chỉ vì anh ấy có ý định tiêm thuốc cho họ.

Ban ngày, chúng tôi có rất nhiều thời gian ở ngoài trời, và chúng tôi dùng thời gian đó để đi dạo quanh sân hoặc tập thể dục nhẹ nhàng. Khi bị nhốt bên trong, chúng tôi có một đội liên tục liên lạc với khu giam giữ của Risner và những người khác. Những người không liên quan thì chơi cờ vua, bài bridge, học ngoại ngữ hoặc các môn học khác.

Việc chúng tôi sống chung trong các khu giam giữ là một trải nghiệm khó khăn đối với những người quản lý. Ban đầu, họ bị ảnh hưởng mạnh mẽ bởi Con bọ và dự đoán điều tồi tệ nhất. Sau đó, theo thời gian, họ dần quen với điều kiện mới và dường như đang thích nghi với hoàn cảnh mới. Họ là những người được lựa chọn cẩn thận, tương đối tử tế với chúng tôi và rất tận tâm trong việc cung cấp thức ăn, nước uống và hầu hết các nhu yếu phẩm. Ngay cả khi chúng tôi viện cớ để họ xử lý nghiêm khắc, họ vẫn thể hiện một mức độ tự chủ đáng ngạc nhiên và tránh làm to chuyện. Chúng tôi đang tận hưởng những khoảng thời gian dài ngoài trời dưới ánh nắng và tập thể dục, và không ai muốn chịu trách nhiệm cho việc cắt giảm thời gian ở ngoài trời.

Bọn da đen dựng một bảng thông báo với những tin tức tuyên truyền thường lệ. Một hôm, chúng dán những trang trích từ một cuốn sách có tên là Hồ sơ Lầu Năm Góc. Người ta đồn rằng đây là tài liệu mật do một giáo sư Ellsberg, cố vấn ở đó, lấy từ Lầu Năm Góc. Nó được trao cho tờ New York Times và xuất bản. Vài người trong nhóm chúng tôi đang xem nó khi tôi đến xem. Tôi nhận ra tài liệu này từng được phân loại là “mật”, nhưng

tôi nghĩ rằng trong mười năm đã trôi qua, mọi người ở nhà đáng lẽ phải biết nội dung của nó.

Nó kể về mối quan hệ giữa chính phủ chúng tôi với chính quyền Nam Việt Nam, và tiết lộ một số câu chuyện nguy tạo được sử dụng cho nhiều dự án khác nhau vào thời điểm đó. Tôi đã thấy tài liệu này nhiều lần vào năm 1961 và 1962 khi tôi còn làm việc tại Bộ tư lệnh Không quân số 13 ở Căn cứ Không quân Clark. Một số người không tin những trang được đăng ở đó. Chúng tôi đã tự rèn luyện bản thân không tin bất cứ điều gì bọn da đen nói. Nó chắc chắn là xác thực, nhưng tôi không bận tâm đến nó, bởi vì chắc chắn sẽ có người nói tôi “phản Mỹ” nếu tôi tin bọn da đen trong chuyện này.

Chúng tôi đang đưa thêm người vào khu giam giữ, thay thế những người cao cấp. John Pitchford, Jim Clements, Lou Makowski, Ken Simonet và A. J. Myers chuyển đến. Việc có thêm người mới và nghe câu chuyện của họ luôn là điều tốt; nó đã “làm mới” bầu không khí.

A. J. Myers là một trí thức có sở thích sưu tầm và định nghĩa các từ mới. Ông đã chia sẻ danh sách của mình cho bất kỳ ai muốn mở rộng vốn từ vựng. (Những năm sau này, khi A. J. còn học ở Trường Chiến tranh, chúng tôi

đã trao đổi thư từ vài lần. Ông ấy gửi cho tôi kết quả một số cuộc thăm dò ý kiến mà ông ấy đã thực hiện với các cựu tù binh chiến tranh. Ông ấy rất vui mừng khi thấy hầu hết tù binh chiến tranh đều đồng ý với những điểm khác biệt so với Bộ quy tắc mà chúng tôi đã thiết lập trong các chính sách của mình. Cũng rõ ràng là trong những vấn đề gây tranh cãi gay gắt, khi có sự bất đồng với SRO, các bên bất đồng cũng không thể đồng ý với nhau. Điều này chứng minh sự khôn ngoan trong nhận xét của Bud Day, “SRO là người duy nhất ở đây có phiếu bầu có giá trị.”)

Một đêm, cuối tháng Ba, chiếc V mở cửa, chỉ vào Bud Day, Jack Fellowes và John McCain, rồi ra lệnh cho họ cuộn đồ đạc trong tấm thảm lót gạo lại. Day và Fellowes đón nhận điều đó một cách vui vẻ, biết rằng họ đã gây sự chú ý bằng cách quấy rối chiếc V. Tuy nhiên, John McCain rất bức bối và ngay lập tức tập tễnh đi xuống lối đi để gặp tôi. Cảm nhận được sự lo lắng của anh ấy, tôi vòng tay ôm lấy anh ấy để trấn an anh ấy. “Bình tĩnh nào John, chúng không làm hại cậu đâu, chúng chỉ muốn hù dọa cậu thôi.”

“Larry, mấy người này sẽ không để yên cho chúng ta đâu, tôi nói cho cậu biết!” Anh ta làm tôi kinh ngạc.

“John, tôi đang cố nói gì với cậu vậy? Cậu nói đúng, chúng sẽ không để yên đâu. Nhưng bình tĩnh nào, chúng sẽ không làm hại cậu đâu, chúng sẽ tách hai người ra một thời gian, nhưng tôi đảm bảo, mọi người sẽ quay lại đây sau một lúc thôi.” Tôi tiếp tục trấn an anh ấy trong khi những người khác thu dọn đồ đạc, vì chúng tôi không thể làm gì khác cho anh ấy.

Sau đó, chúng tôi phát hiện ra rằng người Việt Nam lại quyết định sử dụng “chiến thuật hù dọa”, và họ chọn ngẫu nhiên ba mươi sáu người đàn ông từ tất cả các khu giam giữ và chuyển họ đến một “trại trừng phạt”. Họ được đặt mật danh là Hell’s Angels. Chúng tôi không biết họ sẽ bị đưa đi đâu, và tất cả những dự đoán của chúng tôi đều sai.

Lowell Groves và Sam Johnson nói với tôi rằng mọi việc đang không ổn với ủy ban vượt ngục, và họ đề nghị chúng tôi giao cho Kasler phụ trách. Tôi không nghĩ rằng chân bị thương và tình trạng sức khỏe tổng quát của Jim cho phép anh ta hoạt động thể chất mạnh mẽ, nhưng Jim rất muốn được vào nhóm. Không ai muốn Scorpio phụ trách, và bản tính điềm tĩnh của Jim có thể làm dịu đi sự căng thẳng của Tony. Coker nói rằng anh ta muốn rời khỏi nhóm vượt ngục, vì

Scorpio sẽ không chấp nhận bất kỳ ai nghi ngờ ý tưởng của anh ta. Cok-er nói rằng, “Scorpio từ chối sử dụng bất kỳ kỹ thuật giải quyết vấn đề nào!” Vì vậy, tôi đã cho anh ta đi, và nhóm sau đó bao gồm Kasler, Scorpio, McKnight và Spiker. Một nhóm người đang bàn tán về những lời thú tội giả và những bài báo mà họ bị ép viết trong nhiều năm. Tony tự nhận mình chưa từng viết gì cả. Coker đứng đó há hốc mồm, rồi nói, “Tony, anh toàn nói nhảm nhí!”

“Ý anh là sao?”

“Anh biết rõ tôi muốn nói gì mà! Bọn VC đến phòng giam của anh và ném cho anh một cuốn sách nhỏ về Tiểu sử Xanh. Anh không hề cho chúng biết, anh chỉ điền vào thôi.”

“Ừ, nhưng tôi làm vậy là có lý do. Tôi cần tìm bạn cùng phòng, và dù sao thì tất cả cũng chỉ là nhảm nhí.”

“Chắc chắn rồi, nhưng anh đã nói anh không viết. Giờ anh lại nói, ‘Tất cả chỉ là nhảm nhí!’ Anh làm vậy thì được - nói cách khác là anh viết nhảm nhí, nhưng chúng tôi đã viết một cái gì đó tốt cho chúng! Anh thì được... nhưng chúng tôi thì không! Tôi không thể tin được cái logic méo mó của anh!” George bỏ đi, lắc đầu không tin. Công bằng mà nói với Scorpio, tôi nghĩ nhiều người trong chúng ta

tha thứ cho bản thân vì đã làm những điều mà ta không tha thứ ở người khác.

Trong vài tháng, VC đã cố gắng, nhưng không thành công, để khiến chúng tôi viết thư về nhà. Đến lúc đó, một số người trong nhóm chúng tôi bắt đầu nghi ngờ sự khôn ngoan của việc từ chối viết thư về nhà, bởi vì chúng tôi không nhận thấy bất kỳ thay đổi có lợi nào. Bug đã gọi tôi hết lần này đến lần khác và hỏi tại sao chúng tôi không viết thư. Chúng tôi đoán rằng những người QZR ở trại đang chịu áp lực cấp cao nhất, bởi vì việc ngừng viết thư sẽ ngay lập tức rõ ràng với gia đình chúng tôi, và có lẽ họ đã làm ầm ĩ ở Paris.

Sâu Bọ (Bug) hỏi tôi đến sáu lần khi nào chúng tôi lại viết thư cho nhau. Tôi không biết, nhưng cuối cùng tôi nói, “Có lẽ họ sẽ sớm quyết định thôi.” Bug bật dậy khỏi ghế, nghĩ rằng mình sắp bị ị. Tôi trả lời như vậy chỉ để hấn khỏi phải làm phiền tôi. Hấn chạy biến khỏi phòng, và tôi nhìn quanh. Không có gì để lấy cớ, nên tôi đi sang phòng bên cạnh. Có một chai mực nửa pint nằm trong góc. Tôi nhặt nó lên và nhét dưới nách, dưới áo sơ mi; tôi nhét bút vào eo quần ngủ. Tôi đang kéo những sợi dây dài mà tôi thấy buộc trên tường thì Bug quay lại và bắt gặp tôi.

“Đồ ăn cắp, mày là đồ ăn cắp, mày ăn cắp!”

“Lạy Chúa, tao cần một đoạn dây, màn của tao sắp sập rồi.”

“Bỏ xuống!”

“Được rồi, được rồi!” Tôi bỏ sợi dây xuống, nhưng vẫn quay lại chỗ cũ với cây bút và mực!

Chúng tôi tụ tập lại để bàn về bài kiểm tra, và tôi đưa những thứ tôi đã lấy trộm được cho Ben Pollard và Norlan Daughtrey. Cho đến tận bây giờ, Norlan vẫn nghĩ bọn VC đang cho tôi thứ này thứ kia! Mỗi lần tôi lấy trộm một cây bút chì, tôi không thể thuyết phục Norlan rằng đó không phải là “quà” của bọn khốn. Cuối cùng, sự nghiệp “trộm cắp” của tôi đã mang về cho chúng tôi mười một cây bút chì, cây bút, lọ mực và một chiếc gương cạo râu mới!

Sau trò lừa phỉnh vi mô, VC bắt đầu nghiền nát các gói hàng của chúng tôi để kiểm tra. Trong thời gian ở ngoài trời, bạn có thể nói với chúng những gì bạn muốn, sau đó xem bọn lính cắt nhỏ thức ăn thành từng miếng nhỏ. Tôi suýt nữa thì nhảy ra khỏi cây thông khi thấy chúng xé vụn những chiếc bánh quy bơ tuyệt đẹp của Evy, nhưng Rob Doremus đã giữ tôi lại, nói: “Nhớ nhé, dù chúng có làm gì thì bánh quy của Evy vẫn ngon, phải không?”

“Đúng vậy!”

Bob Craner và tôi trở thành bạn thân, và Bob không dễ gì thân thiết. Anh ấy là một người cô độc. Craner cao lớn và rất khỏe mạnh, và khi tôi nhìn anh ấy trong thời gian ở Riviera, tôi đã nghĩ anh ấy trông giống hết diễn viên điện ảnh Robert Culp. Anh ấy là một hoa tiêu trước khi trải qua khóa đào tạo phi công, và trong thời gian làm nhiệm vụ tại Goose Bay, Labrador, anh ấy đã gặp và kết hôn với Audrey Adams, một cô gái người Anh làm thư ký tại căn cứ ở đó.

Crane là một người rất thông minh, không thích nói chuyện tầm phào và tuyệt đối tránh giao du với bất kỳ ai mà anh ấy cho là kẻ nói dối. Anh ấy có một năng khiếu - một khả năng đặc biệt trong việc nắm bắt ngoại ngữ. Anh ấy, Audrey và hai đứa con nói tiếng Pháp ở nhà. Bob cũng thông thạo tiếng Tây Ban Nha và tiếng Đức, và học hỏi càng nhiều tiếng Nga càng tốt từ những người biết tiếng này. Lính thủy đánh bộ Larry Friese là một trong số rất ít người nói tiếng Nga. Jerry Marvel và Friese, GIB của anh ấy, gần đây đã tham gia cùng chúng tôi, cùng với Barry Bridger, và hai cựu binh Học viện Không quân là Tom McNish và Leroy Stutz.

Craner đã kể một câu chuyện tuyệt vời về

chuyển đi bằng xe tải của anh ấy đến Hà Nội cùng một tù binh Mỹ khác đang trong tình trạng thể chất khủng khiếp. Đại úy Lance Sijan đã nhảy dù khỏi một chiếc F-4 vào ngày 9 tháng 11 năm 1967. Các vết thương của anh ấy bao gồm nhiều vết gãy ở chân trái, bàn tay phải bị thương nặng, các vết rách nghiêm trọng và chấn động não. Sijan đã bò quanh trong rừng, không có thức ăn, cho đến ngày Giáng sinh, khi anh ấy bị bắt. Anh ấy đã đánh gục người lính canh hộ tống đang canh gác mình và bò trở lại rừng, mặc dù anh ấy đã không đi được xa trước khi bị bắt lại. Ngay cả trong tình trạng khủng khiếp (sốc, chấn thương và đau đớn tột độ), anh ấy vẫn bị tra tấn để khai thác thông tin, nhưng anh ấy đã chống cự hết sức có thể. Khi đến Hà Nội, Guy Gruters (GIB của Craner) đã gia nhập cùng họ và làm mọi cách có thể để giúp đỡ và an ủi Sijan, nhưng Lance bị viêm phổi và ngạt thở vì dịch trong đường thở. Bug đã cho anh ấy chuyển đi, và sau đó nói với Bob và Guy rằng anh ấy đã qua đời vào ngày 21 tháng 1 năm 1968.

(Sau khi chúng tôi trở về nhà, tôi đã viết thư giới thiệu cho Sijan, sử dụng thông tin thu thập được từ Bob Craner và Guy Gruters. Đại úy Sijan đã được truy tặng Huân chương Danh dự.)

Jim Kasler và tôi đã gặp nhau ở cuối tấm lót xi măng để thảo luận riêng về kế hoạch trốn thoát. Kế hoạch là cả đội sẽ đục một lỗ trên trần nhà, nơi được trát thạch cao phủ lên trên các thanh tre. Sau đó, họ sẽ dỡ bỏ các tấm ngói đất sét để lên mái nhà. Khi ra ngoài, chúng dự định nhảy qua mái nhà đến một góc nhà tù, nơi chúng hy vọng có thể nhảy qua đỉnh tường ngoài, rồi xuống phố. Kế hoạch lúc đó trở nên mơ hồ, điều này cũng dễ hiểu.

Tuy nhiên, tôi kiên quyết phản đối giai đoạn đầu, vì tôi nghĩ điểm đột phá trên trần nhà sẽ giúp chúng lộ diện rõ ràng từ sân chính của nhà tù. Tôi nói với Jim, “Kế hoạch nửa vời của Scorpio sẽ không khiến chúng ta lại bị tra tấn như lần ở Sở thú đầu! Nó sẽ không chui ra ngoài qua trần nhà đâu!”

Như tôi đã nói, tôi nhấn mạnh điểm này bằng cách đâm ngón trỏ tay phải vào xi măng mạnh đến nỗi gây cả khớp nối trên cùng! Jim yêu cầu tôi cứ làm theo kế hoạch tạm thời, nhưng tôi chẳng có hứng thú gì với việc đó. Từ đó trở đi, Scorpio luôn lo lắng, và tôi cũng vậy, và chúng tôi gặp phải một vấn đề không hề dễ dàng.

Bob Shumaker là một trong những người mà tôi vô cùng kính trọng. Tôi coi ông ấy gần như không thể sai lầm và xứng đáng được

tin tưởng và tôn trọng tối đa. Vợ của Bob vừa sinh đứa con đầu lòng khi ông ấy lên đường trong chuyến du ngoạn cuối cùng. Ông ấy nhận được thư từ nhà thường xuyên như hầu hết chúng tôi, và thỉnh thoảng trong đó có ảnh chụp nhanh vợ con ông ấy. Những bức ảnh gần đây nhất của họ được chụp tại Disneyland ở California. Cậu bé giờ đã khoảng bảy tuổi và là bản sao hoàn hảo của Bob - như thể bị ép ra bằng máy ép bánh quy Shumaker vậy. Vợ Bob đứng đó trên cây cầu dẫn vào công viên, mặc một chiếc váy rất ngắn, rất hợp thời trang, nhưng chúng tôi, những người bị giam cầm suốt bảy năm, lại không hề hay biết điều đó. Ngày đầu tiên, khi đang xem ảnh, Bob vẫn ổn, nhưng rồi tác động của thời gian trôi qua bắt đầu. Việc anh gần như không biết vợ con mình, và nhớ nhung quá nhiều thứ trong cuộc sống của họ, thực sự khiến anh suy sụp. Trong vài ngày sau đó, anh trùm chăn kín mít, không muốn nói chuyện với ai, gần như không cử động, ngay cả khi ăn uống.

Bob và những người khác đều bận rộn với các dự án bí mật.

Một số người được giao một danh sách tên để ghi nhớ, những người khác phải ghi nhớ các sự kiện lịch sử của thời kỳ bị giam cầm, những người khác nữa phải ghi nhớ

từng chữ một các chính sách mà Risner hoặc Flynn đã truyền đạt. Tinh thần của Shumaker dường như sa sút nghiêm trọng; có lẽ việc để anh gánh vác quá nhiều trách nhiệm như vậy không phải là một ý tưởng hay ho gì. Tôi tin rằng Bob nên được giải tỏa càng nhiều lo lắng càng tốt, để có thể thư giãn và chỉ nghĩ về điều gì đó thú vị, chẳng hạn như các giáo án mà anh ấy và Ben đang soạn thảo cho chương trình giáo dục.

Lowell Groves, Johnson và tôi đã thảo luận về điều đó, và đồng ý rằng người phù hợp nhất để thay thế Shumaker sẽ là Lowell. Tôi đã gửi quyết định của mình đến các anh chị khóa trên và chờ đợi sự đồng thuận của Jack Flynn. Thật không may, Shumaker không hiểu ý định của tôi, và anh ấy đã bị tổn thương. Stockdale cũng cực kỳ bảo vệ Shumaker, và dường như nghĩ rằng tôi đang cố gắng làm Shumaker mất việc. Nhưng lương tâm duy nhất mà tôi phải thỏa mãn là lương tâm của chính mình, và tôi không quan tâm đến những hiểu lầm từ bên kia vì việc cố gắng giải thích bằng cử chỉ tay quá khó khăn.

Flynn đã mua ý tưởng đó, và chỉ vài ngày sau, Shumaker dường như quên hết nỗi đau và thậm chí còn nói rằng anh ta rất vui khi được từ bỏ một số dự án mà anh ta đã tham gia.

Một công nhân Việt Nam bước vào khu giam giữ của chúng tôi và dựng một chiếc thang cao. Một lúc sau, một công nhân khác mang đến một chiếc quạt trần 30 inch, và thợ điện đã lắp đặt nó. Anh ta lắp hộp điều khiển bên ngoài cửa, để người giữ chìa khóa có thể điều khiển. Bạn sẽ không nghĩ rằng một chiếc quạt nhỏ như vậy trong một căn phòng dài 50 feet lại có thể làm được nhiều việc, nhưng nó đã mang lại cho chúng tôi sự nhẹ nhõm đáng ngạc nhiên trong những buổi tối dài nóng nực của mùa hè. Những người bị thương được ưu tiên nằm dưới quạt, nếu họ muốn.

Ngay sau khi mưa bắt đầu, các phòng giam Heartbreak bên cạnh chúng tôi đã chặt kín bốn hoặc năm người trong mỗi phòng. Đó là Ngày Bud và Hell's Angels. Họ được đưa trở lại Hà Nội từ một trại giam ở ngoại ô tên là Skid Row vì nguy cơ lũ lụt. Họ nói với chúng tôi rằng có những thanh sắt được sử dụng ở đó, một số người bị tát xung quanh, và những hành vi ngược đãi nhỏ khác. Họ cảm thấy việc chuyển về Heartbreak chỉ là tạm thời. Chúng tôi đưa cho họ những thứ mới nhất và các chính sách mới của Cánh thứ Tư. Một trong những chính sách được nhắc lại của chúng tôi là tuyệt đối không được viết bất cứ thứ gì,

không được gửi thư về nhà, không được thú tội, không được tuyên truyền, không được ký tên trên bất cứ thứ gì. Chính sách này rất rõ ràng và dứt khoát. Năm hoặc sáu tuần sau, tất cả những người trong nhóm Hell's Angels đều bị đưa trở lại Skid Row.

Những cơn đau đầu hàng ngày vẫn đeo bám tôi, đôi khi dữ dội đến mức tôi không thể suy nghĩ hay làm bất cứ điều gì. Một trong những người bạn tù của chúng tôi, Laird Guttersen, là một nhà thôi miên nghiệp dư, và anh ấy đề nghị chúng tôi thử xem sao. Laird nói anh ấy có thể cảm thấy những khối u hình thành ở phía bên trái gốc sọ của tôi, vì vậy điều đầu tiên anh ấy làm là lấp đầy tâm trí tôi bằng những suy nghĩ dễ chịu. “Được rồi, hãy nghĩ về tất cả những điều tốt đẹp mà tôi biết em thích. Em đang ở ngoài kia, giữa đại dương xanh thẳm, trên chiếc thuyền Bertram Sport Fisherman dài chín mét. Bầu trời trong xanh, sóng vỗ nhẹ vào thân thuyền, khi em câu cá bằng mồi giả, cố gắng dụ một con cá cò bơi đến cắn câu. Không sao đâu... không ai làm phiền em cả... chỉ có em và Evy G... lướt đi.” Anh ấy nhẹ nhàng xoa cổ và gáy tôi, giọng nói nhỏ nhẹ. Tôi không thể chắc chắn rằng mình đã từng bị thôi miên, có thể chỉ là bị thôi miên, nhưng chắc chắn là có ích. Tôi

nghĩ việc ai đó quan tâm đến tôi, lấp đầy đầu tôi bằng những suy nghĩ vui vẻ, là một phần quan trọng trong thành công của “Bác sĩ” Guttersen, và tôi đã có thể thư giãn và cảm thấy dễ chịu hơn. Norlan thì nghĩ “chỉ là do căng thẳng thôi”.

Tôi nghĩ đó là do căng thẳng, đầu óc bị đập liên hồi, và Chúa biết còn gì nữa! Nhưng nó chẳng thấm vào đâu so với những gì những người khác phải chịu đựng.

Một trong những người bị thương nặng nhất hiện đang ở cùng chúng tôi là phi công hải quân Dale Osborne. Một quả đạn pháo đã đập vào buồng lái chiếc A-4 của anh. Các mảnh đạn đã xé toạc một số cơ bắp ở chân trái của anh từ mắt cá chân đến đùi - anh bị găm đầy mảnh thép, và cẳng tay phải của anh bị hủy hoại. Trong vài tuần trên đường đến Hà Nội, Dale đã suýt bị chôn vùi vài lần bởi những người Việt Nam tưởng anh đã chết. Mỗi lần như vậy, anh đều tỉnh dậy vào phút chót và cầu xin mọi người đừng chôn cất anh nữa. Anh đã phải chịu đựng sự thờ ơ vô nhân đạo và nỗi đau không thể diễn tả thành lời. Tại Hà Nội, các bác sĩ đã cắt đứt 10 cm cẳng tay phải của anh và khâu lại bàn tay cùng cổ tay dưới vào phần trên của cẳng tay. Chỉ huy Hải quân Brian Woods cũng ở bên cạnh

anh, và Dale không thể sống sót nếu không có Brian túc trực bên cạnh.

Sau đó, một anh chàng khác đã tiếp quản để hỗ trợ Dale trong một loại hình phục hồi chức năng và vật lý trị liệu, chẳng hạn như ngay tại khu nhà giam của chúng tôi. Anh chàng trẻ tuổi này là Ralph Gaither, một trong những sĩ quan hải quân cấp thấp nhất. Ralph ngồi ở ghế trước của một chiếc F-4 Phantom, và GIB của anh ta là Trung úy J. G. Rod Knutson khi chúng bị bắn rơi vào tháng 10 năm 1965. Gaither đã ở trong phòng giam bên cạnh chúng tôi tại Briar Patch. Anh ta có khớp ngón tay nhanh nhất trại, khoảng hai trăm từ một phút. Tôi không thể hiểu nổi anh ta.

Không một ngày nào trôi qua mà Gaither không làm việc với Osborne, xoa bóp các cơ bị rách của anh ta và giúp anh ta cử động các ngón tay. Sau vài tháng điều trị đều đặn, tinh thần của Dale đã cải thiện đáng kể, vì anh ta đã lấy lại được khả năng cử động tốt của các ngón tay ở bàn tay phải. Sau đó, anh ta thực sự làm mọi người ngạc nhiên khi bắt đầu chống đẩy! Chúng tôi thậm chí không thể tưởng tượng được việc chống đẩy trong tình trạng đó! Anh ta phải nghiêng người khá mạnh về phía bên trái, và điều đó đòi hỏi rất nhiều can đảm, nhưng Dale thì có thừa can

đảm, nếu không thì anh ta đã chẳng thể sống sót được lâu như vậy. Sự hồi phục của anh ta là một niềm tự hào lớn đối với Thiếu úy Gaither, và đúng ra nó nên như vậy. Ralph thực sự đã sống theo Nguyên tắc Vàng.

Thỉnh thoảng, sau bữa sáng, một trong những người lính sẽ thông báo rằng, sau khi trời tối, anh ta sẽ “kể một bộ phim”. Ban ngày, anh ta sẽ đi đi lại lại trong phòng, suy nghĩ sâu xa, cố gắng nhớ lại tất cả các chi tiết. Gaither tuyên bố rằng anh ta sẽ kể về My Fair Lady, và anh ta sẽ cố gắng hết sức mà không cần sự trợ giúp của Rex Harrison hay Audrey Hepburn.

Tối hôm đó, tất cả chúng tôi lại gần Ralph và nhai ngấu nghiến những mẩu bánh mì khô, như thể đó là bỏng ngô hay một món ngon nào đó, và chúng tôi đang ngồi trước màn hình TV ở nhà! Ralph ngồi xuống trên nắp một lon bia và bắt đầu “phim”. Anh ấy kể chuyện hay đến nỗi cả khu giam giữ hoàn toàn im lặng, và tôi ngờ rằng trong suốt một giờ đó, chẳng ai nhận ra chúng tôi vẫn còn ở Hà Nội. Không ai có thể làm tốt hơn, và khi anh ấy hát đến bài hát chính của chương trình, anh ấy đã nói, rồi hát theo những câu thoại. Nếu bạn có thể tưởng tượng ra cảnh tượng đó... và anh ấy đã xuất hiện như thế nào:

Tôi đã quen với khuôn mặt cô ấy,
 Cô ấy gần như khiến ngày mới bắt đầu.
 Tôi đã quen với giai điệu,
 Cô ấy huýt sáo cả đêm lẫn trưa.
 Nụ cười, cái nhú mày, những thăng trầm
 của cô ấy
 Giờ đã trở thành bản năng thứ hai của tôi,
 Như hít thở vậy.
 Tôi đã từng thanh thản, độc lập và mãn
 nguyện trước khi chúng tôi gặp nhau;
 Chắc chắn tôi luôn có thể như vậy một lần nữa,
 nhưng tôi đã quen với vẻ ngoài của cô ấy,
 quen với giọng nói của cô ấy,
 quen với khuôn mặt của cô ấy.

Tôi không thể nói thay cho những người
 khác, nhưng khi mọi chuyện kết thúc, mọi
 người đều lặng lẽ trở về chỗ của mình trên
 tấm lót. Tôi ghen ngào, có lẽ ai cũng vậy. Tôi
 bước đến chỗ Ralph, bắt tay anh ấy và nhìn
 vào mắt anh ấy. “Ralph, tôi muốn cảm ơn anh
 vì những gì anh đã làm tối nay.”

Đột nhiên, chúng tôi bị một trận dịch viêm
 kết mạc, thường được gọi là đau mắt đỏ. Các
 lính canh cũng bị, và có lúc biến mất trong
 nhiều tuần liền. Bọn khốn bắt đầu tiêm cho
 chúng tôi, và khi bệnh qua đi, hầu như tất cả
 chúng tôi đều đã bị, các trường hợp từ nhẹ

đến nặng. Trường hợp của tôi nặng đến mức tôi phải mò mẫm dọc theo các bức tường để đi lại. Cuối cùng, họ quyết định tiêm cho tôi để giúp tôi vượt qua. Tôi bị bệnh trong một tháng, nhưng phải mất sáu đến tám tháng thì đôi mắt đỏ ngầu của tôi mới khỏi. Người Việt Nam nói cả nước đang chịu đựng điều này. Họ đổ lỗi cho việc Không quân Hoa Kỳ rải chất độc hóa học ở miền Nam Việt Nam.

Một tên lính gác từ một khu giam khác mang theo những chiếc chậu thiếc đựng dao cạo râu và gương vào sân nhà chúng tôi. Tên lính gác của chúng tôi có đồ dự trữ riêng, và khi quan sát kỹ, tôi biết chắc sẽ có sự nhầm lẫn trong việc kiểm kê số dao cạo râu và gương đó.

Khi thời cơ đến, và không ai để ý, tôi lấy một chiếc gương và trượt nó vào một trong những lỗ thông hơi ở dưới cùng của bức tường phòng giam, nơi có thể tiếp cận từ bên trong. Khi V nhặt hết đồ cạo râu và rời khỏi khu nhà giam, họ không hề nghi ngờ gì. Trời đã tối, vài giờ sau bữa tối, tôi nói với Kasler rằng tôi có một bất ngờ thú vị dành cho anh ta. Với tay xuống lỗ thông hơi, tôi lấy ra một chiếc gương khung crôm mới cứng và đưa cho anh ta! Anh ta cười tươi và cảm ơn tôi. “Jim, tôi không phản đối việc trốn thoát hơn

bất kỳ ai khác, nhưng tôi phản đối những kế hoạch ngu ngốc và những phương pháp vụng về để có được mọi thứ.” Scorpio tiến lại gần và nhìn vào gương. “VẬY, anh nghĩ sao, Tony?” Câu trả lời của anh ta rất điển hình. “Ừm, đó là một sự cân nhắc.” Tôi đoán rằng anh ta muốn nói rằng đó sẽ là một sự cân nhắc nhỏ có lợi cho tôi khi anh ta buộc tội tôi vì đã không ủng hộ những ý tưởng ngu ngốc của anh ta, nhưng tôi hoàn toàn không ngạc nhiên trước thái độ của anh ta. Với sự giúp đỡ của vài người khác, Tony đã làm một lá cờ Mỹ nhỏ và dán lên tường để tất cả chúng tôi có thể đọc Lời Tuyên Thệ Trung Thành vào ban đêm. Anh ấy muốn để nó ở đó, nhưng tôi nghĩ rằng một cuộc đột nhập bất ngờ vào khu giam giữ có thể xảy ra bất cứ lúc nào, nên tôi không cho phép. Nếu bị phát hiện, bọn da đen sẽ buộc phải đổ bộ lên chúng tôi, và tôi thấy không cần phải gây rắc rối. Sau vài ngày, tôi nhận thấy một số anh chàng đã khom lưng trong lúc đọc Lời Tuyên Thệ. Tôi hỏi Norlan nghĩ gì. Anh ấy trả lời, “Larry, tôi không thích bất cứ điều gì mang tính nghi lễ.” Và đúng là như vậy.

Tất cả chúng tôi bay qua Bắc Việt Nam đều là quân tình nguyện, và hầu hết chúng tôi là quân nhân chính quy yêu nước, cứng

rắn. Chúng tôi đến Đông Nam Á với mong muốn tham gia vào cuộc chiến chống Cộng sản bởi vì chúng tôi yêu nước - đó là động lực thúc đẩy.

Khi bị bắt, chúng tôi đã chống trả mọi nỗ lực của kẻ thù, đôi khi phải chịu hình phạt khủng khiếp, một lần nữa bởi vì chúng tôi coi đó là nghĩa vụ yêu nước của mình với tư cách là những người lính Mỹ. Giờ đây, khi chúng tôi đã ở cùng nhau trong các khu nhà giam, và người Việt Nam không còn gây áp lực hay trừng phạt chúng tôi nữa, tại sao lại cần phải chứng minh rằng mình yêu nước hay yêu nước? Đó là bởi vì có một hoặc hai người phải nuôi dưỡng cái tôi của mình bằng những nỗ lực liên tục, để chứng tỏ rằng họ dũng cảm hơn, cứng rắn hơn và là những người Mỹ tốt hơn chúng tôi. Hành vi đó chẳng thể hiện điều gì cả. Cùng lắm thì họ cũng chẳng tốt hơn phần lớn chúng tôi, và họ đã gây ra cho chúng tôi nhiều đau khổ hơn mức đáng có.

Chín mươi chín phần trăm tù binh chiến tranh, bắt đầu từ Alvarez, đã thể hiện sự kháng cự xuất sắc trong năm năm khắc nghiệt đầu tiên. Các tiêu chuẩn cao về hành vi do Bộ luật đặt ra đã được đáp ứng bằng cách mỗi người thể hiện mức độ can đảm và khả năng phục hồi cá nhân của mình khi

sống biệt lập, hoặc tốt nhất là bán biệt lập. Giờ đây, chúng tôi sống cùng nhau trong một môi trường giống như doanh trại, và sự đối xử đã được cải thiện đáng kể. Nó khác xa so với tiêu chuẩn Geneva, nhưng tốt hơn rất nhiều so với những gì chúng tôi đã trải qua trong nhiều năm. Vấn đề lớn nhất của chúng tôi, như Jim Stockdale đã phỏng đoán, là hòa thuận với nhau, để hoạt động hiệu quả như một đơn vị quân đội có tổ chức, bởi vì đó là bản chất của chúng tôi. Để đảm bảo sự sống còn và sự trở về danh dự, lòng dũng cảm, sự phô trương, và thậm chí cả quan điểm cá nhân phải nhường chỗ cho những đặc điểm quan trọng hơn là lòng trung thành và sự tuân thủ. Điều đó hóa ra không phải là một nhiệm vụ dễ dàng.

Tony chỉ được một vài người xúi giục trong kế hoạch trốn thoát của mình. Một trong số họ là một người đàn ông bị thương nặng, nếu tình trạng sức khỏe cho phép, anh ta hẳn đã là một kẻ kháng cự cực kỳ hung hăng. Nhưng anh ta biết mình không thể liều lĩnh và mạo hiểm bị trừng phạt. Lòng căm thù V sục sôi trong anh ta, sự thất vọng đang bóp nghẹt anh ta, nên anh ta chọn Scorpio làm nơi trú ẩn. Anh ta đã nói với tôi những lời khá gay gắt, nhưng tôi không bao giờ oán trách anh ta

vì tôi hiểu những gì anh ta đang trải qua. Khi trách nhiệm thuộc về bạn, bạn phải chuẩn bị tinh thần để thỉnh thoảng phải chịu đựng một chút bức tức, và tôi biết mình cũng phải chịu phần của mình! Hầu hết đó chỉ là chuyện nhất thời, một điều gì đó mà họ phải trút ra khỏi hệ thống của mình. Họ không thể làm điều đó với bọn da đen, vì vậy họ sẽ tấn tôi, nhưng thường thì sau đó họ nhận ra mình đã cư xử tệ, và thế là hết. Nỗi ám ảnh của Tony với kế hoạch vượt ngục đã lan tỏa khắp không khí của khu giam giữ và khiến tôi và mọi người khác luôn trong trạng thái lo lắng, như thể chúng tôi đang hướng đến một kết cục thảm khốc. Tôi cảm thấy thái độ cứng đầu của hăn đe dọa khả năng chỉ huy của tôi, và nếu hăn cứ tiếp tục như vậy mà không bị kiểm soát, hăn sẽ là mối đe dọa nghiêm trọng đến sự an toàn của những người còn lại trong khu giam giữ, và có lẽ là cả trại giam. Tony cảm thấy tôi là trở ngại chính cho kế hoạch trốn thoát khỏi Hà Nội của hăn.

Một hôm, khi đang ở trong phòng tắm, Scorpio đã vi phạm một số quy tắc nhỏ và tên quản ngục ra lệnh cho hăn quay lại phòng giam ngay lập tức. Tony vẫn tiếp tục tắm, bất chấp lệnh của tên quản ngục, miệng cười toe toét, như thể bảo tên quản ngục tự đi mà

ngịch. Ngạc nhiên thay, tên quản ngục vẫn giữ bình tĩnh và đợi Scorpio tắm xong rồi mới nhốt hẳn lại. Tony bắt đầu la hét hoặc hát hò từ bên trong, và điều đó khiến Sam Johnson tức giận đến mức hắt ra cửa và hét vào mặt Tony, bảo hắn im miệng. Một vài người đến gặp tôi và nói rằng họ không muốn bị cấm ra ngoài trời, chỉ để Tony có thể “khoe khoang” (khoe khoang).

Sau khi tất cả chúng tôi vào trong, tôi vẫn còn hơi choáng váng, và tôi nói với Tony rằng anh ta khiến tên da đen kia trông thật tuyệt, trong khi hắn ta trông như một thằng nhóc mũi dài đang cố gắng lừa gạt người khác. Anh ta đang tự sướng và tin rằng vị thế ảnh hưởng của mình đối với những người khác sẽ cho phép anh ta làm bất cứ điều gì. Anh ta nghĩ mình được đa số ủng hộ, nhưng điều đó hoàn toàn không đúng, bởi vì họ biết rõ hơn. Thỉnh thoảng Tony lại buông ra một câu nói bất kính, đủ lớn để mọi người đều nghe thấy. Một trong những “viên ngọc quý” này đã làm Rich Stratton sốc đến nổi bật dậy khỏi bộ phóng và gọi anh ta xuống, nói: “Đại úy Scorpio! Anh quên mất mình là sĩ quan Không quân Hoa Kỳ rồi sao?” Trong một lần đi ngang qua khác, Scorpio trừng mắt nhìn tôi và nói: “Quy tắc Ứng xử đã mách bảo tôi phải làm gì!” Anh ta

cũng có thể nói thêm: “Và tôi chẳng quan tâm đến những gì SRO nói!”

Cọng rơm cuối cùng là khi Tony lê bước ngang qua tôi, lăm bắm một mình. Anh ta dừng lại nói chuyện với Leroy Stutz, chỉ vào tôi và nói, “Anh ta đang chế giễu Quy tắc Ứng xử.” Nói thế là xé toạc nó ra, và tôi quyết định hành động, dù tôi chọn cách nào đi nữa, cũng sẽ rất khó khăn. Tôi đã gặp Johnson và Groves, và chúng tôi quyết định không kiện tụng, vì điều đó không thể nào đúng đắn trong hoàn cảnh này. Chúng tôi nghĩ rằng một cuộc “nhai lại” chính thức có thể có ích. Scorpio được lệnh mặc áo sơ mi dài tay và đến chỗ tôi trên bộ. Ba chúng tôi đứng nhìn anh ta khi anh ta ngồi đó. Chúng tôi nói với anh ta rằng anh ta đang cư xử “bất phục tùng và nổi loạn”, và tốt nhất là anh ta nên sửa đổi. Anh ta im lặng, nhưng vẫn giữ vẻ mặt khinh khỉnh thường thấy. Sau đó, chúng tôi gọi Jim Kasler lại và tấn công anh ta. Đó là một trong những điều đau đớn nhất mà tôi từng phải làm trong đời, bởi vì tôi rất kính trọng và yêu mến anh ta. Jim phụ trách một trong bốn hoặc năm nhóm làm việc của chúng tôi, và Tony là một trong những người của anh ta. Do đó, tôi cho rằng Jim đã không thực hiện được kiểu giám sát cần thiết để kiểm soát Tony.

Những lời nhận xét của tôi là một đòn đau đối với Jim, người chưa bao giờ trong đời phải dùng đến bất cứ thứ gì ngoài kiểu lãnh đạo “mềm mỏng”. Jim bị theo dõi và tuân lệnh bởi vì anh ta, cùng với danh tiếng quân sự của anh ta, quá đáng ngưỡng mộ đến mức mọi người muốn anh ta chấp thuận. Trong trường hợp của Tony, Kasler đang đối phó với một người rõ ràng đang lợi dụng tình hình và lấy cách diễn giải riêng của mình về Quy tắc Ứng xử làm cái cớ cho hành vi bất tuân.

Những người khác trong khu giam giữ thấy rằng Scorpio phải chịu trách nhiệm cho việc Kasler, một người rất được kính trọng, bị khiển trách bằng lời nói.

Bản thân điều đó đã làm dịu đi cơn giận của Tony. Trong mắt những người khác, Scorpio đã đi quá xa. Ngay cả anh ta cũng không muốn bị đồng nghiệp khinh thường công khai. Không thể hiểu được điều gì đã thúc đẩy Scorpio, hay tại sao anh ta lại đặc biệt nhấn mạnh Điều III của Bộ luật, trong đó có đoạn: “Tôi sẽ cố gắng hết sức để trốn thoát và hỗ trợ những người khác trốn thoát.” Đọc theo góc nhìn hạn hẹp của Scorpio, câu này cho anh ta biết rằng anh ta buộc phải cố gắng trốn thoát, bất chấp sự vô ích của việc đó hay mức độ trả thù rất có thể sẽ xảy ra với anh

ta và tất cả những người khác bị bỏ lại phía sau. Quan điểm hạn hẹp này, được một số ít người đồng tình, đã thuyết phục Scorpio rằng nó vượt trên tất cả các thẩm quyền cao hơn, và do đó không một SRO nào có thể ra lệnh cho anh ta dừng lại.

Tôi vẫn còn bí ẩn tại sao Scorpio, người rất coi trọng Bộ luật, lại không đọc thêm một điều khoản nào nữa. Điều IV ghi rõ: “Nếu tôi trở thành tù binh chiến tranh, tôi sẽ giữ vững lòng tin với các bạn tù. Tôi sẽ không cung cấp thông tin hoặc tham gia vào bất kỳ hành động nào có thể gây hại cho đồng đội. Nếu tôi là cấp trên, tôi sẽ nắm quyền chỉ huy. Nếu không, tôi sẽ tuân thủ mệnh lệnh hợp pháp của những người được bổ nhiệm trên tôi và sẽ ủng hộ họ bằng mọi cách.”

Kinh nghiệm quân sự của Scorpio rất đáng kể, và anh ta chắc chắn là người thông minh. Bản chất của Điều IV lẽ ra phải được anh ta hiểu rõ ràng đến mức quy định rằng nghĩa vụ tối cao của anh ta theo Bộ luật là tuân theo mệnh lệnh của những người chỉ huy, những người có nghĩa vụ hành động vì phúc lợi của tất cả mọi người.

Jack Flynn là cấp trên của trại, và quyết định cuối cùng về việc chấp thuận hay không chấp thuận một kế hoạch vượt ngục sẽ là của

anh ta. Tuy nhiên, với tư cách là cấp trên của tòa nhà, một trong đặc quyền của tôi là đưa ra khuyến nghị, và tôi sẽ khuyến nghị không nên có bất kỳ kế hoạch vượt ngục nào sử dụng trần nhà làm lối thoát. Nhìn chung, tôi phản đối nỗ lực vượt ngục khỏi nhà tù thành phố ở Hà Nội, vì tôi tin rằng nó sẽ không có cơ hội thành công nếu không có sự giúp đỡ từ bên ngoài. Kinh nghiệm bí thám của chúng tôi tại Sở thú đã dạy tôi rằng cần phải cân nhắc hậu quả, so sánh với lợi ích đạt được, đồng thời tính đến cả khả năng thành công mong manh. Theo tôi, thông tin tình báo mà Scorpio có thể thu thập được qua cuộc đào tẩu không khác biệt đáng kể so với những gì đạt được sau vụ thả Hegdahl. Tóm lại, lợi ích thu được không đáng để mạo hiểm.

Mọi thứ lắng xuống sau cuộc cãi vã nửa vời, nhưng tôi nghĩ điều thực sự khiến mọi chuyện trở nên tồi tệ hơn là tin nhắn từ Jack Flynnn khoảng một tháng sau đó. Anh ấy thông báo với chúng tôi rằng để một nỗ lực đào tẩu được chấp thuận, nó phải có cơ hội thành công rõ ràng. Khả năng thành công phải là mười hoặc hai mươi phần trăm.

Thực ra, những con số đó chẳng tạo ra sự khác biệt nào, bởi vì không có tiêu chí nào để chúng tôi có thể đưa ra tỷ lệ phần trăm

thực tế. Bản thân yêu cầu đó đã là vô lý, và tôi nghĩ đội vượt ngục cũng có thể đã nhận ra rằng toàn bộ bài tập chỉ là một hình thức “tự sướng tinh thần” khác, như người ta vẫn nói.

Điều khoản thành công, được Jack Flynn và đội ngũ sĩ quan cấp cao của ông đặt ra, là một điều khôn ngoan. Nó đã phá vỡ sự căng thẳng trong trại. Cho dù có chủ đích cụ thể hay không, nó vẫn có tác dụng như nhau. Chương trình vượt ngục không mang lại lợi ích về mặt tinh thần như lẽ ra nó phải có. Thay vào đó, nó trở thành mối đe dọa lớn nhất từ trước đến nay đối với cơ cấu chỉ huy và chính tổ chức tù binh chiến tranh.

Có một chi tiết khác đã cải thiện bầu không khí trong phòng giam của chúng tôi và có tác động rất tích cực đến cá nhân tôi. Từ đó trở đi, các đội vượt ngục có thể gửi và nhận tin nhắn về chủ đề đó bằng cách liên hệ trực tiếp với Flynn, nghĩa là tôi đã bị bỏ qua và không còn liên quan nữa. Tôi cảm thấy nhẹ nhõm vô cùng khi không phải giải quyết bất kỳ phần nào của chủ đề gây tranh cãi đó.

Rob Doremus, người từng là GIB của Bill Franke, đã tình nguyện làm bác sĩ cho khu giam giữ của chúng tôi từ rất sớm. Rob nói năng rõ ràng và điềm đạm, luôn cố gắng để mọi người hiểu, bởi vì anh ấy đã làm việc với

bọn da đen quá lâu rồi. Tôi nhớ mình đã xem qua tiểu sử của anh ấy khi đang làm bài kiểm tra vào tháng 4 năm 1966. Rob đã bị tra tấn vì câu chuyện anh ấy viết, và đó là một câu chuyện cổ tích hài hước. Lúc đó tôi nghĩ rằng đây là một người đàn ông làm đúng công việc của mình bằng cách đầu tiên là từ chối, sau đó bị tra tấn, rồi tỏ ra đầu hàng, trước khi đưa ra “câu chuyện cổ tích” của mình.

Anh ấy là một người đàn ông tuyệt vời, người rất nghiêm túc với công việc bác sĩ của mình. May mắn cho chúng tôi, bọn da đen không coi anh ấy là mối đe dọa. Họ biết anh ấy không phải là cấp trên, và điều này cho phép anh ấy thiết lập mối quan hệ ở mức độ mà không ai khác có thể làm được. Mỗi sáng, anh ấy đều đi bộ quanh khu giam giữ để xem ai đang đau ốm và cần hỗ trợ y tế nào. Anh ấy cho tôi biết về những ca bệnh nghiêm trọng, rồi anh ấy đi làm việc với người Việt Nam để tìm kiếm sự hỗ trợ cần thiết.

Anh ấy hỏi tôi có biết về tình trạng sức khỏe suy yếu của Ray Saxton không, và tại sao lại như vậy. Tôi không biết nhiều về Saxton, ngoại trừ việc anh ấy trông gầy hơn bình thường rất nhiều. Thủy quân lục chiến Howie Dunn đến và kể cho tôi nghe về Ray, người từng là SRO ở Sơn Tây.

Howie nói Saxton đã làm rất tốt ở đó, nhưng lại cực kỳ kén ăn. Mặc dù giờ tôi đã nhận ra điều đó, nhưng tôi vẫn không thể tin được Saxton lại kén ăn đến mức đặt sức khỏe của mình vào vòng nguy hiểm. Tôi đã làm quen với anh ấy nhiều hơn và nói rằng bạn bè anh ấy rất lo lắng về việc anh ấy giảm cân. Ray trả lời rằng anh ấy nghĩ mình vẫn ổn. Gầy thì đúng, nhưng không quá gầy, và anh ấy thích giữ mình như vậy. Chúng tôi bỏ qua chuyện đó, nhưng kể từ đó Saxton khiến mọi người phải chú ý, bởi vì anh ấy đã phát triển một số thói quen ăn uống khác thường, thực sự rất thu hút sự chú ý.

Một tuần sau, Howie Dunn đến nói rằng anh ấy tin rằng cần phải làm gì đó ngay lập tức cho sức khỏe của Saxton. Anh ấy không ăn mỡ lợn, chuối, đậu, hay thậm chí là súp đậu ngọt, món thường được phục vụ vào Chủ nhật. Bệnh viện thậm chí còn cho anh ấy thêm thức ăn và tất cả bánh mì mà anh ấy muốn.

Saxton không bao giờ ăn phần trắng của bánh mì, mà thường kiên nhẫn dành hàng giờ đồng hồ để bóc lớp vỏ nâu mỏng bên ngoài và tạo thành một đồng lớn vỏ bánh mì. Những người khác nói rằng anh ta đang “lột vỏ bánh mì”. Howie đề xuất rằng giải pháp duy nhất là ra lệnh trực tiếp cho Saxton ăn

phần ăn của mình. Tôi không nghĩ cách đó sẽ hiệu quả, bởi vì nếu Ray từ chối ăn, hoặc thậm chí nếu anh ta không từ chối, nhưng vẫn không ăn, thì tôi cũng chẳng thể làm gì được. Nhưng Howie nghĩ tôi nên làm vậy, và tôi thấy điều đó cũng chẳng gây hại gì, nên tôi quyết định thử. Không ai trong chúng tôi từng nghe nói đến chứng chán ăn - tôi nghĩ ở Saxton, chúng tôi đang chứng kiến một trường hợp điển hình, chỉ là chúng tôi không biết thôi.

Nói chuyện lại với Saxton, tôi chỉ ra rằng anh ta đang gây ra một vấn đề lớn cho chúng tôi, rằng anh ta đã trở thành chủ đề chính của cuộc trò chuyện. Ray có giọng Georgia đặc sệt và nghiêng rằng khi bị hỏi về bất cứ điều gì. “Ray, tôi thấy anh không ăn mỡ lợn như chúng tôi. Tôi biết nó không ngon lắm, nhưng cũng có chút thịt. Nói tôi nghe, ở nhà anh ăn gì?”

“Chúng tôi chỉ ăn thịt khô thôi.” (Anh ấy phát âm là mee-at.)

“Anh biết đấy, ngay cả bọn da đen cũng lo lắng cho anh, đó là lý do tại sao anh được cấp thêm khẩu phần. Sao anh không ăn chuối?”

“Anh có biết chuối trong miệng anh sẽ ra sao không?”

“Không, cái gì cơ?”

“Chúng sẽ chuyển hóa thành đường, mà đường thì có thể làm hỏng răng.”

“Trời ơi, Ray, tôi không biết anh có vấn đề về răng miệng đấy.”

“Tôi không biết, nhưng tôi thà chết còn hơn bị sâu răng.”

“Còn đậu thì sao - sao anh không thể ăn chúng?”

“Đậu á? Cậu nghĩ tôi muốn có mùi giống Howie Dunn à?”

“Chúa ơi, Howie có mùi gì khác người đâu! Tất cả chỉ là mùi giữa hai tai cậu thôi! Cậu không cho tôi lựa chọn nào khác, nên tôi ra lệnh thẳng cho cậu ăn hết đồ ăn của mình. Chúng tôi muốn thấy sức khỏe của cậu cải thiện rõ rệt.” Saxton không thích lời yêu cầu đó chút nào! Cậu ấy nói rằng cậu ấy không có vấn đề gì, và cậu ấy mong mọi người đừng quan tâm đến chuyện của mình. Cậu ấy nói rằng cậu ấy sẽ cố gắng làm theo lời tôi và ăn nhiều hơn. Kết quả trong những tháng tiếp theo cũng gần như vậy, Saxton chỉ cải thiện kỹ thuật giả vờ của mình.

Rich Stratton và Laird Guttersen là thành viên lâu năm của Hiệp hội Toastmasters, và họ đã thảo luận về ý tưởng tổ chức các buổi họp Toastmasters để luyện tập nói trước công chúng mỗi tuần một lần. Ý tưởng này

đã thu hút khoảng một nửa số người của chúng tôi, và chương trình đã có một khởi đầu tốt đẹp. Trong lúc nhóm Bug đang nhòm ngó, anh ta lại hiểu sai ý đồ của sự việc. Anh ta chỉ đích danh Collie Haines, Howie Dunn và Bart Hovick, rồi gọi họ ra để chất vấn, nhưng dĩ nhiên là anh ta không thể hiểu nổi chương trình. Tâm trí anh ta bị thôi thúc bởi ý tưởng “âm mưu đen tối” và cứ thế không chịu rời khỏi nó. Lúc đó, anh ta chẳng làm gì cả, chỉ chờ thời cơ. Nhiều tuần trôi qua, mọi người bắt đầu bỏ cuộc. Tôi cũng vậy. Rõ ràng là Scorpio đang dùng Toastmasters làm diễn đàn cá nhân. Tôi bị loại ngay đêm Tony bắt đầu bằng việc kêu gọi định nghĩa về “Chủ nghĩa Mỹ”, điều mà anh ta đã chuẩn bị rất kỹ. Ngay khi anh ta vừa thốt ra câu đó, tôi đã bỏ đi, vì tôi biết rằng những gì tiếp theo sẽ là “màn trình diễn” thường lệ để chứng minh anh ta là một người Mỹ tốt hơn những người còn lại trong chúng ta. Khi Craner và tôi đang tập luyện cùng nhau, anh ấy đột nhiên dừng gập gối sâu và nói, “Larry, phải nói rằng tôi rất quý Tony và rất kính trọng anh ấy, nhưng có điều gì đó ở anh ấy khiến tôi khó chịu.”

“Cái gì vậy?”

“Anh ấy xấu hổ khi thừa nhận gốc gác Ý của mình. Anh có để ý không?”

“Tất nhiên là tôi có để ý - tôi thậm chí còn hỏi anh ấy tại sao không đổi tên. Có lẽ gốc gác Ý làm anh ấy khó chịu đến mức anh ấy cảm thấy mình phải liên tục chứng minh mình là người Mỹ. Thật đáng tiếc cho anh ấy. Tôi rất tự hào về di sản Ý của mình!”

Ngoài Toastmasters, Stratton còn tình nguyện giảng bài về giáo dục. Hầu hết các bài nói chuyện của anh ấy đều liên quan đến chuyên ngành đại học của anh ấy - khoa học chính trị. Các bài nói chuyện luôn được thực hiện tốt, gần như thể anh ấy đã thuộc lòng những gì mình đọc.

Một trong những luận điểm chính của Stratton là,

“Đừng bao giờ tin bất cứ điều gì một ứng cử viên đề xuất trong một cương lĩnh chính trị, bởi vì nếu đặc cử, đó là điều đầu tiên ông ta muốn quên!”

Phi công Hải quân Nels Tanner đã có những bài nói chuyện bổ ích về bảo dưỡng máy bay và những kiến thức cơ bản về cơ khí ô tô. Nels là một trong những anh hùng thầm lặng của chúng ta ở Bắc Việt Nam, và sĩ quan chỉ huy của ông, Ross Terry, cũng vậy. Họ là cặp đôi đã biến người Việt Nam thành trò cười quốc tế vì sự công khai rộng rãi của những cuộc phỏng vấn ép buộc họ với các nhà báo

nước ngoài. Người Việt Nam đã tra tấn họ để buộc họ phải thừa nhận, cùng với những điều khác, rằng có những phi hành đoàn trên tàu của họ quá hèn nhát để bay chống lại Bắc Việt Nam. Hai trong số những người bị nêu tên là Trung tá Ben Casey và Trung úy Clark Kent. Bài báo sau đó trên tạp chí Time được tiếp nối bằng bình luận xã luận, “Liệu có điều gì đó ở người Mỹ mà người Việt Nam sẽ không bao giờ hiểu được không?” Bài báo không tiết lộ rằng hai người này chỉ là những nhân vật truyện tranh và truyền hình tưởng tượng. Nhưng cuối cùng người Việt Nam cũng nhận ra họ là trò đùa, và Nels và Ross đã có những khoảng thời gian tồi tệ. Vòng trừng phạt của Nels kết thúc bằng việc anh ấy đóng một vai nhỏ trong một bộ phim, giống như tôi đã phải làm.

Tels là bạn thân của Shumaker, và với tư cách là đội trưởng thường trực của đội liên lạc của chúng tôi, anh ấy đã dành nhiều giờ để tiếp nhận và truyền đạt các mệnh lệnh và chính sách của Robbie Risner, và sau đó là Jack Flynn, người đã mất liên lạc một thời gian ở một khu vực khác. Nels đã bị đặt vào một số tình huống khó khăn, nơi lòng trung thành của một người kém cỏi hơn sẽ bị thử thách nghiêm trọng, nhưng Tanner đã xoay

sở để hoàn thành công việc một cách rất khách quan và giữ vững lòng trung thành của mình, và tôi ngưỡng mộ anh ấy vì điều đó.

Nels được đưa đến khu nhà của chúng tôi để sửa hàng rào, nhưng chúng tôi không bị yêu cầu rời khỏi sân, vì vậy chúng tôi đã xem họ làm việc. Họ có một vài cái búa và một số con dao thô sơ. Quan sát kỹ, tôi thấy họ không cẩn thận lắm về nơi họ ném dụng cụ. Một người đàn ông làm rơi một con dao nặng xuống đất, và ngay sau đó tất cả họ đều rời khỏi sân một lúc. Tôi không biết họ có cái gọi là “giờ nghỉ giải lao” hay không, nhưng sân rất yên tĩnh và người gác trực cũng chẳng mấy chú ý. Giả vờ như đang đi tới đi lui một cách nhanh nhẹn, tôi chớp lấy cơ hội đầu tiên để dí con dao vào gốc cây. Lần đi ngang qua tiếp theo, tôi lấy đất đá vào nó để che chắn.

Nó sẽ là một vũ khí lợi hại để nhóm đào tẩu của Kasler giấu trong tường, nhưng trước tiên tôi phải chắc chắn rằng nó sẽ không bị phát hiện.

Sau khi đánh dấu vị trí cẩn thận, tất cả chúng tôi quay trở lại phòng giam. Không tù binh chiến tranh nào khác nhận ra việc tôi đã làm. Tôi liếc ra cửa trước xem có yên tĩnh không, điều đó cho thấy bọn gook không biết có chuyện gì bất thường.

Người gác cửa đến cửa phòng chúng tôi, và tôi có mặt ngay đó để gặp anh ta. Hẳn run rẩy thấy rõ. “Có thứ gì đó của công nhân bị mất. Tôi phải báo cho cấp trên, và ông ấy sẽ cho chúng tôi kiểm tra kỹ lưỡng.”

“Chờ một chút.” Đã đến lúc phải thoát ra, vì việc kiểm tra rất nguy hiểm cho chúng tôi và cần phải tránh nếu có thể. Bọn VC luôn có thể tìm thấy thứ gì đó để lấy cắp của bạn, và chúng tôi đã cất giấu đồ dùng trốn thoát.

“Tôi đang theo dõi công nhân của anh và thấy một người rất bất cẩn,” tôi nói. “Nếu anh đi cùng tôi, tôi có thể giúp anh tìm dụng cụ.” Tôi dẫn anh ta ra sân và lê bước.

“Tôi nghĩ nó ở quanh đây, gần cái cây này, giúp tôi tìm ở đây.” Hẳn bắt đầu nhìn, và hai lính canh khác cũng vậy. Tôi cố gắng dẫn anh ta đi đúng hướng, nhưng hẳn cứ trượt, nên cuối cùng tôi “vô tình” đá nó.

“À, đây rồi, tôi biết nó ở đâu đó quanh đây mà.” Tên giữ chìa khóa nhỏ bé nhẹ nhõm khi lấy lại được con dao, không hề bận tâm đến tôi. Vài người đàn ông nhìn ra ngoài tự hỏi chuyện gì đang xảy ra. Tôi kể cho Kasler nghe sau khi cửa đã khóa.

Vào khoảng tháng 6 năm 1971, chúng tôi nhận được tin Risner, ở tòa nhà O, đã liên lạc với Miller và Forrester, người nổi tiếng với

chương trình “Bob and Ed Show”, cùng với Gene Wilbur và bốn người khác ở tòa nhà Tám. Bốn người đàn ông trẻ tuổi biết rằng họ đã bị những người còn lại của chúng tôi xác định là “phản chiến”, cùng với ba người cao cấp hơn, và họ rất muốn quay lại đúng hướng và gia nhập Phi đội 4 cùng với những người Mỹ trung thành. Miller và Wilbur tiếp tục trì hoãn, và Risner đã thử mọi cách mà anh ta có thể nghĩ ra để buộc họ tuân thủ Quy tắc Ứng xử và quay lại với chúng tôi. Ông ấy nói với họ rằng sẽ không có gì chống lại họ, và tất cả chúng ta sẽ tha thứ cho họ và rất vui mừng được đón họ trở về. Risner và Miller đã trao đổi qua lại với nhau trong suốt một tháng, với yêu cầu cuối cùng từ Robbie là phải trả lời rõ ràng “có” hoặc “không”. Miller và Wilbur nói rằng họ sẽ tuân thủ mọi mệnh lệnh pháp lý, nhưng họ “sẽ tiếp tục nỗ lực chấm dứt chiến tranh”. Họ vẫn đang tiếp tục gửi thư tuyên truyền phản chiến cho các nghị sĩ quốc hội ở quê nhà. Sau đó, Risner tước bỏ mọi quyền lực quân sự của cả hai, và Forrester được giao quyền chỉ huy.

Nhóm bảy người của Miller đã biến mất khỏi Tòa nhà số Tám, và chúng tôi không hề hay biết, bảy người đàn ông trong nhóm của ông đã bị đưa đến Sở thú. Người Việt Nam

biết rằng việc Risner liên lạc với họ đã chia rẽ nhóm. Chúng tôi không bao giờ biết Miller hay Wilbur có báo cáo hay phản nản về việc này với người Việt Nam hay không. Trong thời gian ở Sở thú, hai người đó là những người duy nhất tiếp tục những gì họ vẫn làm. Những người khác vẫn kiên định với lòng trung thành của họ với Bộ luật và với những người còn lại trong chúng tôi.

Bạn có thể đã đánh ngã tất cả chúng tôi bằng một chiếc lông vũ đã dùng nhiều lần, khi một đêm đầu tháng 11, Bob Forrester bị đưa vào khu giam giữ số bảy! Mọi người đều cảnh giác với anh ta, nhưng vẫn lịch sự với anh ta, bởi vì theo chính sách của Wing, chúng tôi được cho là phải chào đón trở lại, không có định kiến, bất kỳ ai cố gắng thay đổi bản thân. V đã quyết định rằng, vì Forrester không còn hợp tác với họ nữa, anh ta là một rào cản cho tiến trình lấy tài liệu tuyên truyền từ những người khác. Vì vậy, anh ta đã bị chuyển ra khỏi Sở thú và được đưa đến Unity. Bob nói rằng người đàn ông cao cấp mới ở Sở thú là Roger Ingvallson.

Cấp bậc bắn hạ của Forrester cao hơn tôi, vì vậy anh ấy ngay lập tức trở thành SRO. Tôi không nghĩ rằng quyền chỉ huy nên được giao cho anh ấy ngay lập tức, nhưng tôi không làm

ầm ĩ công khai. Vấn đề cấp bậc đã trở thành một cái gai trong mắt nhiều người trong chúng tôi, bởi vì không có cách nào chính thức để cập nhật cấp bậc của một người khi đang ở trong tù, mặc dù có lý do để tin rằng mỗi người đều được thăng chức đúng hạn. Trong trường hợp này, tôi biết rằng cấp bậc thực tế của tôi cao hơn Bob khoảng hai năm, nhưng chúng tôi đang sử dụng ngày cấp bậc khi bắn hạ. Tôi đã gửi một tin nhắn cho Jack, nói với anh ấy rằng nếu chúng tôi ở Hà Nội đủ lâu, có thể sẽ có những người mới đến với cấp bậc bắn hạ cao hơn hầu hết chúng tôi, và có thể họ thậm chí còn chưa phục vụ trong quân đội vào thời điểm chúng tôi tham chiến! Điều đó có vẻ hợp lý với Jack, nhưng không ai có thể đưa ra một hệ thống mới để giải quyết vấn đề cấp bậc một cách công bằng trên toàn diện, nên tình hình vẫn như vậy. Trong khi đó, các anh chị khóa trên nói rằng họ sẽ “xử lý vấn đề này”. (Họ đã làm vậy. Hệ thống mới có hiệu lực vào mùa hè năm 1972, và chúng tôi đã thay đổi nó để phù hợp với các ngày thăng chức công bằng.) Forrester là một người khác thường, anh ấy hòa nhập ngay vào nhóm như thể chưa từng làm gì sai trái. Anh ấy được mọi người lịch sự tiếp đón, đúng với tinh thần của Wing.

Anh ấy mới ở với chúng tôi chưa đầy vài ngày, khi anh ấy đề nghị thay thế một trong những buổi nói chuyện buổi tối của chúng tôi. Buổi nói chuyện của anh ấy có rất đông người tham dự, nhưng không ai nghe được anh ấy nói gì.

Họ muốn nghiên cứu người đàn ông khi ông ta nói, để cố gắng tìm ra điều gì đã khiến ông ta nổi nóng. Ông ta là một diễn giả xuất sắc và đã nói chuyện hơn một tiếng đồng hồ. Khi ông ta nói xong, Jim Kasler đến và lặng lẽ ngồi xuống cạnh tôi trên máy tính bảng. “Larry, tôi không thể hiểu nổi ông ta. Ông ta có vẻ là một người tốt, rất dễ mến, lại còn nói năng lưu loát nữa. Ông ta cũng có đầu óc thông minh nữa. Cái quái gì lại có thể khiến một người đàn ông sa ngã đến vậy? Tại sao ông ta không thể kiên cường như những người khác trong chúng ta?”

Jim đã nêu ra một câu hỏi mà ít khi được bàn luận, nếu không muốn nói là chưa từng. Nó đã in sâu trong tâm trí tôi kể từ khi tôi bị bắt, khi tôi có lý do ngay sau đó để tự vấn về lòng dũng cảm và quyết tâm chống lại kẻ thù của chính mình. Nếu không nhờ ơn Chúa, có thể đã có nhiều người trong số chúng tôi trong tù trượt bài kiểm tra. Tất cả chúng tôi đều biết rằng khả năng của những người đàn

ông, cả về thể chất lẫn tinh thần, trong việc giữ vững chiến tuyến chống lại người Việt Nam đều đáng thất vọng. Phần lớn chúng tôi đã chịu đựng được đến mức quân Việt Nam phải lùi lại đủ lâu để chúng tôi lấy lại tinh thần, và rồi chúng tôi đã phản công lại được. Nhưng một số người trong chúng tôi đã không chịu đựng được, và tôi nghĩ mọi người nên kiểm chế phán xét những người đã trải qua những thử thách khắc nghiệt như vậy, bởi vì người chưa vượt qua được cơn bão sẽ không bao giờ biết được bản chất thực sự của thảm họa và tác hại của nó.

Một điểm nhấn khác của tháng 11 là khi Bud Day và nhóm Hell's Angels của anh ta lại được đưa trở về Trại Unity từ Skid Row, sau gần tám tháng. Chúng tôi trao đổi thông tin, và Bud rất bình tĩnh trước những kế hoạch trốn thoát vì, giống như tôi, anh ấy vẫn còn nhớ rất rõ những sự kiện năm 1969.

Nhiều cuộc thẩm vấn tại Skid Row liên quan đến lệnh tạm dừng gửi thư về nhà mà chúng tôi đã tự áp đặt vào tháng 3. VC muốn biết lý do và nguyên nhân của lệnh này. Vào tháng 8, Bud đã khuyên người của mình bắt đầu viết thư trở lại, và anh ấy thừa nhận rằng đã có một số phản đối công khai đối với chỉ thị của mình. Lá thư cuối cùng tôi gửi cho

Evy được gửi đi vào tháng Hai, ngay trước khi chúng tôi ngừng viết thư. Lá thư tiếp theo của tôi đến tận tháng Mười năm 1971. Đối với hầu hết những người khác ở khu giam giữ số bảy, tình hình cũng tương tự.

Đến tháng Mười Một năm 1971, giống như nhiều người khác, tôi đã ở trong tình trạng kiệt quệ, và đặc biệt là bị chính nỗi thất vọng của mình đè nặng lên sự dài đằng đẳng bị giam cầm mà không thấy hồi kết. Tôi đã viết một lá thư cho Evelyn, trong đó có một thông điệp ngắn gọn, ẩn ý, "nhảy ra ngoài". Tôi làm điều này bằng cách nâng cao các từ khóa lên trên dòng. Chúng tôi không có thỏa thuận trước về việc này, nhưng tôi tin chắc cô ấy sẽ dễ dàng nhận ra nếu cô ấy đọc kỹ lá thư.

Nó chẳng thể làm được gì (ngoại trừ việc khiến cô ấy lo lắng hơn), và sau khi gửi nó đi, tôi đã hối hận vì đã làm một điều ngu ngốc như vậy. Nhưng nó cho thấy tinh thần của con người bị ảnh hưởng theo thời gian như thế nào, và tôi đã thất vọng ra sao khi không có động thái nào giúp chúng ta thoát khỏi nơi đó.

20 tháng 11 năm 1971

Evy yêu dấu,

Liệu chúng ta có đủ tiền mua một căn nhà ở đâu đó giữa Miami Beach và Miami Beach

không, suy nghĩ đó cứ lớn vồn trong đầu tôi. Chúng ta phải có một căn nhà có phòng ngủ tập thể ở tầng trên để các con trai tôi có thể dành nhiều thời gian bên chúng ta và chúng ta có thể vui đùa với các cháu. Thời gian trôi qua thật nhanh. Hy vọng sẽ không có thêm người thân nào qua đời khi tôi còn ở đây. Tất nhiên là điều đó là không thể tránh khỏi nhưng tôi vẫn hy vọng sẽ không có thay đổi gì. Mong nhận được thư và ảnh của em qua thư. Anh yêu em rất nhiều, em yêu quý. Yêu thương cha mẹ, con trai, con gái mới sinh.

Mãi mãi, Larry của em

Vào thời điểm đó (năm 1971), chúng tôi được trao cơ hội tự tay chuẩn bị đồ ăn. Nhiệm vụ của chúng tôi thường là rửa rau củ - đủ loại bí, khoai tây và củ. Không ai trong chúng tôi nghĩ rằng có gì sai khi làm những công việc đóng góp vào sinh kế của mình, và việc bảo trì hoặc dọn dẹp chung cho khu nhà ở của mình. Điều đó cho chúng tôi điều gì đó để suy nghĩ và việc gì đó để làm.

Đầu tháng 12, Lowell và Sam Johnson nói rằng chúng tôi đã dọn rau quá nhiều so với phần của mình, vì vậy chúng tôi nên từ chối làm việc đó nữa. Điều này xảy ra hai lần liên tiếp. Hai tuần sau, vào ngày 18 tháng 12, nhóm của Shumaker đã nhận được chi tiết

công việc. Một số người trong chúng tôi ở trong nhà, trò chuyện hoặc làm việc cá nhân, thì Shu bước vào và nói với Forrester rằng bọn khốn đã mang đến vài xô vôi để chúng tôi có thể sơn tường bên trong. Chúng tôi có nên làm việc này không? Đối với tôi, đây thuộc loại công việc mà chúng tôi nên tự làm. Tôi ngạc nhiên khi Sam Johnson phản đối kịch liệt. Lowell Groves đồng tình với Sam, và một vài người khác cũng vậy. Tôi nói với Bob rằng tôi không thấy có gì sai khi làm công việc này. Câu trả lời của Forrester là: “Được rồi, lần này - Larry, tại sao chúng ta không cùng với nhóm bất đồng chính kiến và nói với người Việt Nam rằng chúng ta không muốn làm điều đó?” Shu và Tanner mang những chiếc xô trở lại túp lều nhỏ mở của người giữ chìa khóa ở góc sân và nói với anh ta rằng không được.

Ngày 21 tháng 12, bọn da đen đến và chỉ trích sáu người chúng tôi - Collie Haines, Bart Hovick, Howie Dunn, Groves, Forrester và tôi. Khi chúng tôi đang thu dọn đồ đạc, Jim Kasler đến, vẻ mặt rõ ràng là rất lo lắng. “Larry, cẩn thận nhé, và hãy tự chăm sóc bản thân.” Tôi cảm động trước sự quan tâm của anh ấy.

“Tôi sẽ làm, Jim. Có một điều tôi muốn làm

rõ. Cái ngày tôi phải cho cậu ăn đòn, tôi đảm bảo với cậu là tôi còn đau đớn hơn cậu nhiều. Tôi ghét phải làm vậy, nhưng tôi cảm thấy chúng ta phải làm gì đó để kiềm chế Scorp.”

“Tôi biết tại sao cậu làm vậy; đừng nghĩ ngợi gì cả.”

“Chúng ta vẫn là bạn chứ?”

“Chắc chắn là vẫn còn!” Chúng tôi bắt tay và ôm nhau.

Chúng tôi được chở bằng xe tải đến một nơi được mô tả là Khu ổ chuột. Sáng hôm sau, chúng tôi đã tìm được phương hướng. Tòa nhà mà tất cả chúng tôi, ngoại trừ Forrester, đang ở, có ít nhất mười hai phòng giam ở mặt trước, nơi chúng tôi đang ở. Các phòng giam có cửa sổ song sắt, đóng kín, nhưng cửa chớp luôn được mở. Một hàng rào bằng thép trước mặt chúng tôi ngăn cách chúng tôi với các phòng thi và các tòa nhà khác trong trại. Giữa sân có một cái giếng sâu để lấy nước và một bể chứa nước trong khu vực tắm. Ở cuối phòng, có một tòa nhà riêng biệt có tường bao quanh, nơi họ đã giam giữ Bob Forrester một mình.

Tôi đã nghĩ mình sẽ bị đối xử thô bạo, nhưng những cánh cửa sổ mở đã xoa tan suy nghĩ ban đầu đó. Sau vài giờ, một người giữ chìa khóa nói tiếng Anh ăn mặc chỉnh tề mang thức ăn đến. Anh ta đưa cho tôi một ổ bánh

mì và một hộp cá Nga. Sau đó, tôi ra ngoài tắm, ngay trước phòng giam của Howie. “Cậu nghĩ sao, Howie?” Anh ta chỉ nhún vai. Anh ta cũng chưa hiểu ra. Tôi cũng có cảm giác giống như khi mới chuyển đến Mint, từ Sở thú. Trời ơi, đây đâu phải trại trừng phạt, nếu không thì chúng đã đánh đập chúng tôi tới bời rời. Mở cửa sổ, tắm rửa, bánh mì, cá! Chúng sẽ chẳng làm gì được chúng tôi đâu! Tôi đã tin chắc như vậy.

Ngày hôm sau, Groves đi ngang qua phòng giam của tôi, nằm ở cuối tòa nhà, cách xa khu nhà của Forrester. Lowell đang đi dạo tập thể dục. Tôi hỏi anh ấy có chuyện gì, và anh ấy nói anh ấy đã ra ngoài để thi rồi. Anh ấy trầm ngâm đi đi lại lại phía trước. “Vậy chuyện gì đã xảy ra ở buổi thi vậy?”

“À, tôi đã viết thư hứa sẽ tuân thủ quy định của trại.” “Chúa ơi, Lowell, chúng ta còn phải làm thế nữa sao?”

Ý tôi là, còn chính sách cấm viết lách thì sao?” Ông ta chỉ nhún vai. Tôi nghĩ ông ta đang nói với tôi rằng tốt nhất là nên tuân thủ yêu cầu của họ. Sau đó tôi gặp Howie, trông ông ta có vẻ khá bức bối. “Vậy thì sao, Howie, chẳng phải chúng ta có chính sách cấm viết lách dưới mọi hình thức sao?” Howie nói lại chính sách đó từng chữ một.

Người gác cổng bảo tôi tránh đường, và hẩn dường như chẳng bận tâm gì đến việc tôi nói chuyện với Howie hay Collie. Tôi chạy xuống khu nhà nơi Forrester đang ở. Tôi gọi ông ta. “Bob, Bob, anh có nghe thấy tôi không?” Ông ta trả lời bằng giọng khẳng định, giọng khàn khàn.

“Nghe này, Bob, giữ nguyên tư thế, những người này sẽ không làm hại anh đâu, tất cả chỉ là chuyện nhắm nhí, họ sẽ không làm gì anh đâu. Anh có nghe tôi nói không, Bob?”

“Larry, anh không biết những người này! Họ sẽ làm hại anh, họ độc ác lắm!”

“Không, Bob. Tôi nói cho anh biết, cứ chịu đựng đi, họ sẽ không động đến anh đâu!”

“Vô ích thôi, Larry. Tôi đã viết lời thú tội rồi, mọi chuyện kết thúc rồi.” Anh ấy thực sự sợ hãi, và tôi thấy thương anh ấy. Anh ấy không thể làm gì hơn được nữa, và chắc hẳn anh ấy đã rất đau khổ vì điều đó. Anh ấy không còn là chàng trai vui vẻ, tươi cười mà tôi đã quen biết và yêu mến hồi ở Seven nữa. Cả anh ấy và Lowell đều rời khỏi khu vực của chúng tôi vào đêm Giáng sinh hoặc ngày Giáng sinh.

Vài ngày sau, người gác cổng bảo tôi mặc đồ đi thi đổ, và tôi đã sẵn sàng. Hẩn dẫn tôi ra ngoài qua cổng vào một tòa nhà được thiết

kế như một phòng thi đồ thông thường. Tôi ngồi đó một mình một lúc, rồi người gác cổng quay lại và ngồi đối diện bàn làm việc để nói chuyện với tôi. “Anh biết đấy, chỉ huy trại ở đây rất nghiêm khắc. Ông ấy biết anh đã vi phạm nhiều quy định. Bây giờ anh phải thừa nhận lỗi lầm của mình để được trở về với đồng đội...” Hắn ngập ngừng một hồi, rồi đẩy tờ giấy và cây bút về phía tôi.

“Đây... anh phải viết rằng anh sẽ tuân thủ nội quy của trại.”

“Ồi không, tôi sẽ không viết gì cả.”

“Nhưng anh phải viết, nếu không anh sẽ bị phạt!”

“Không, tôi không cần phải làm vậy nữa vì anh biết đấy, chính sách của các anh là ‘nhân đạo và khoan dung’, và chúng tôi đã được thông báo rằng chúng tôi sẽ không còn bị ép buộc làm những việc mình không muốn làm nữa.” Vẫn không rời mắt khỏi hắn, tôi nhẹ nhàng đẩy tờ giấy và cây bút lại cho hắn.

“Nhưng chỉ huy của tôi sẽ rất tức giận!”

“Tôi nghĩ tôi có thể giải thích được.” Ông ta ngồi đó nhìn chăm chăm năm phút rồi bước ra. Không lúc nào trông ông ta nghiêm túc với tôi, và lúc đó tôi có thể nhận ra ngay là nghiêm túc khi nhìn thấy ông ta. Tôi thậm chí còn không biết chỉ huy trại là ai, nếu có

chỉ huy. Mười phút trôi qua, và tôi nghe thấy tiếng ai đó bước vào phòng. Tôi đứng dậy và quay lại xem là ai. Trời ơi! Đó là Frenchy già, từ thời Briar Patch năm 1966. Ông ta chính là người mà Ron Byrne nói là thích tôi, bởi vì tôi là một ông già mà Frenchy có thể nhận ra.

“Chà, Chỉ huy trại, đã lâu lắm rồi!” Tôi nở nụ cười tươi nhất với ông ta, và gã con trai của một tay súng cũng đáp lại tôi ngay khi ngồi xuống.

“À, Ga-reeno, dạo này anh thế nào?”

“Cũng không tệ lắm, sau bao nhiêu năm chúng tôi ở đây.”

“Phải, anh đã ở đây lâu rồi. Tôi nghe nói anh đã vi phạm nhiều quy định. Tại sao vậy?”

“Đừng tin điều đó, Trại trưởng. Chúng tôi sống rất lặng lẽ, chỉ là người Việt Nam ở trại kia không hiểu chúng tôi. Nhưng nói cho tôi biết, tôi nhớ lần cuối gặp anh, vợ con anh vẫn còn ở miền Nam. Anh có nghe tin tức gì từ họ không?”

“Giờ đã gần hai mươi năm rồi, thỉnh thoảng tôi mới nghe được vài lời, nhưng chúng ta phải đợi thêm nhiều năm nữa.”

“Chà, tôi có thể thông cảm với anh vì tôi hiểu rõ cảm giác của anh.”

Chết tiệt, Frenchy không hỏi tôi nghĩ chiến tranh sẽ kéo dài bao lâu, và chúng tôi đã có

một cuộc tranh luận dài về điều đó. Rồi anh ta bỏ đi, và người giữ chìa khóa trở lại. Chúng tôi chơi trò đẩy bút qua lại. Lời cuối cùng của anh ta là, “Tôi nói cho anh biết, chỉ huy của tôi đang rất tức giận!” Frenchy lại bước vào với nụ cười rạng rỡ, và nói về những điều bất ngờ - anh ta đưa cho tôi một lá thư mới nhất của Evelyn! Chúng tôi thảo luận về bức thư của Evelyn, trong đó nói rằng cô ấy đang xây một ngôi nhà xinh đẹp trên một kênh nước mặn, nơi tôi có thể nhìn ra để xem cá đổi nhảy. Tôi đã giải thích tất cả cho anh ấy, và chúng tôi đã có một vài tiếng cười. Old Buzzard đã gần như cười, nhưng Frenchy là người đầu tiên tôi thực sự thấy cười. Cuối cùng, tôi quay lại và nói với Howie rằng tôi không viết một thứ chết tiệt nào, và trên hết, tôi nhận được một lá thư từ Evy! Chúng tôi nghe thấy một sự náo động, và sau đó là tiếng cửa sổ vỡ - đó là Bart Hovick. Anh ta cũng đã viết một lời thú tội, và nhận ra rằng mình đã làm một điều ngu ngốc, vì vậy anh ta đã gây ra địa ngục để chuộc lỗi. Sau đó, điều đó vô ích - tất cả những gì anh ta nhận được là một bộ xiềng chân. Howie và Collie Haines đã bị thẩm vấn về Toastmasters.

Vẫn giữ nguyên sự trong sạch và phủ nhận đó là một “âm mưu đen tối”, cả hai đều bị

còn chân. Cả hai đều không bị yêu cầu viết bất cứ điều gì. Không có lời lăng mạ nào được đưa ra, cửa chớp vẫn mở, và đồ ăn vẫn ngon.

Vào đêm giao thừa, khi trời tối, tên gác cửa báo tôi phải cuộn đồ đạc lại để di chuyển. Tôi bị bịt mắt, nhưng không có dây thừng hay xiềng xích. Trên đường về, tôi kéo rèm cửa sổ, và Hack, người giữ chìa khóa cũ của tôi, từ Riviera, ngồi đó cười toe toét với tôi. Anh ấy luôn tươi cười, và nói chung, tôi cảm thấy khá hài lòng về trải nghiệm của mình ở Skid Row!

Khi tôi quay trở lại khu giam giữ số bảy, những gã đàn ông xúm lại xung quanh, và Kasler, mỉm cười, lên tiếng. “Chúng tôi có tin lớn cho anh, Larry.”

“Cái gì?”

“Con trai anh, Ray, có hai cậu con trai sinh đôi.”

“Không thể nào! Làm sao anh biết được điều đó?” Tôi cảm thấy như bị đâm vào bụng. Thật là một cú sốc.

“Chúng tôi đã nghe hết rồi! Mẹ của Jim Young là bạn của Evelyn. Bà ấy nói Ray có hai đứa con sinh đôi tóc đỏ dễ thương nhất.”

“Tôi không tin được! Nó mới khoảng mười tám tuổi thôi, không thể nào!”

“Chúng tôi biết anh sẽ nói thế mà, anh bạn, nhưng đúng là vậy, anh đã lên chức ông lần

thứ ba rồi!” Tôi choáng váng sau cái tin chấn động đó! Ray bé nhỏ, cha của hai đứa con sinh đôi. Sao lại thế được? Tôi không hiểu nổi.

Mọi người cứ tiếp tục hỏi, muốn biết chuyện gì đã xảy ra với tôi ở Skid Row, và tôi có viết gì không? Lowell và Bob Forrester đang đứng đó, và tôi không muốn gây thêm rắc rối cho họ hơn những gì tôi ngờ là họ đã phải chịu đựng. Nhưng dù đã cố gắng giảm nhẹ, tôi vẫn phải nói với mọi người rằng tôi không viết gì cả. Họ phải biết rằng họ có thể từ chối mà không bị tổn thương, phòng trường hợp họ bị bắt đi lần sau. Tôi kể cho họ nghe về cuộc nói chuyện với Frenchy, và về lá thư của Evelyn. Tôi cũng kể cho họ nghe những gì tôi biết về ba người đàn ông kia, những người đang bị còng tay, và một trong ba người đã viết thư xin lỗi. Ngày hôm sau, ba người đó cũng được đưa trở về từ Skid Row và bị đưa vào trại Heartbreak.

Ngay khi những người đàn ông được giải đáp mọi thắc mắc về Skid Row, tôi ngồi xuống bàn làm việc để suy ngẫm riêng về tin tức gây sốc về con trai tôi, Ray. Tôi đã rời xa Ray lần đầu tiên vào năm 1953, khi cháu mới một tuổi. Một năm sau, khi trở về từ Hàn Quốc, tôi thấy cháu, lúc đó mới hai tuổi, rất khó để hòa nhập lại với tôi. Những năm sau đó, tôi

thường xuyên vắng nhà do công tác tạm thời, nên rất khó để gần gũi với cháu. Cháu là một đứa trẻ trầm tính, cực kỳ thông minh và là một vận động viên xuất sắc.

Có lần, tôi xem cậu ấy ném một cú ba lần trúng đích trong một trận đấu Little League. Sau đó, tôi nói, “Trận đấu hay đấy, Ray. Nhưng con đâu có làm hỏng bóng.” Cậu ấy chỉ nói đơn giản, “Con không cần phải làm vậy, bố ạ.” Chà, tôi đoán là cậu bé biết mình đang làm gì và không cần thêm huấn luyện viên nào nữa. Năm 1968, một lá thư từ Evy đã nói với tôi rằng Ray là một hậu vệ chạy cánh xuất sắc, và đội của cậu ấy đã thua giải vô địch bang với cách biệt một điểm. Tôi chỉ có thể nghĩ về Ray như một vận động viên hạng 42kg trầm lặng. Liệu cậu ấy có thực sự là một người đàn ông đã kết hôn? Có cặp song sinh?

Còn Jeff thì sao - Chúa ơi, chắc hẳn cậu ấy cũng đang lớn rồi! Cậu ấy mới chín tuổi khi tôi rời đi, và đã giành được danh hiệu “Cậu bé nước trung thành nhất thế giới”. Cậu ấy rất hướng ngoại và rất hào hứng. Chúng tôi tự hỏi tại sao một số đứa trẻ lớn hơn lại đối xử với cậu ấy rất tôn trọng. Sau đó, chúng tôi phát hiện ra rằng Jeff đã bảo tất cả bọn trẻ phải xem trận đấu - nếu không cậu ấy sẽ gọi ba anh trai của mình đến đuổi theo! Chẳng

ai muốn có anh em trai của Jeff, nhất là Tom, sau này - Tom thực sự là một chàng trai to con, nặng hơn hai trăm pound, và từng đạt danh hiệu “Hậu vệ toàn đảo” tại trường trung học Kadena. Thư của Evy có đôi lời hài hước về Jeff. Mỗi khi đi chơi bóng về, anh ấy luôn mang theo một cây kem đá bào màu tím. Tất cả chúng tôi đều biết cuộc sống vẫn tiếp diễn, nhưng chắc chắn sẽ có những cú sốc lớn nếu chúng tôi về nhà.

CHƯƠNG MƯỜI SÁU 1972, 1973 – PHÁO ĐÀI BAY B-52 (BUFFS) ĐẾN

 Sau vài ngày, Bob Forrester trở lại với vẻ ngoài vui vẻ, hòa đồng thường ngày. Nếu anh ấy cảm thấy hối hận vì đã phá vỡ một chính sách quan trọng, anh ấy không bao giờ thể hiện ra, và cuối cùng tôi kết luận rằng anh ấy không thể nghĩ rằng bất cứ điều gì anh ấy làm thực sự tệ đến vậy. Thật khó để không thích anh ấy. Khi chúng tôi ngồi đó cùng nhau, anh ấy nói về Pennsylvania và gia đình. Tôi biết anh ấy đã chọn sai nghề. Anh ấy có thể trở thành một nghệ sĩ giải trí hoặc diễn viên giỏi hơn nhiều. Khi anh ấy kể về bộ phim Zulu, anh ấy đã nhập vai và đọc thuộc lòng lời thoại, bằng giọng Anh và tất cả, làm một công việc tuyệt vời. Tôi chưa bao giờ gặp ai giống như Bob, người dường như biết tất cả các bộ phim từng được sản xuất, và tất cả các diễn viên nam nữ. Anh ấy chắc hẳn đã thức trắng đêm từ khi còn nhỏ, xem tất cả

những bộ phim “cũ”. Bạn có thể hỏi anh ấy bất kỳ câu hỏi khó hiểu nào về Hollywood, điện ảnh, hoặc diễn viên, và anh ấy không bao giờ bối rối. Anh ấy thậm chí còn biết đến nam diễn viên phụ kỳ cựu từ những năm 20 và đầu những năm 30 tên là J. Purnell Pratt!

Sau chuyến phiêu lưu ở Skid Row, anh ấy đã chịu khó nghe lời khuyên của tôi hơn, và anh ấy gọi tôi là “cha” của mình, nói rằng tôi đã giúp anh ấy sống đúng đắn. (Vài tháng sau khi chúng tôi hồi hương, tôi nhận được một đôi cánh phi công chỉ huy bằng bạc rộng 60 cm gắn trên một tấm bảng gỗ. Đằng sau nó là dòng chữ ngắn gọn: “Cảm ơn bố rất nhiều, vì tất cả sự giúp đỡ của bố.” Ban đầu tôi cứ tưởng là của con trai tôi, Allan, nhưng sau đó tôi nhận ra là của Forrester! Ngay sau đó, tôi vô cùng đau buồn khi Bob qua đời trong một vụ tai nạn ô tô ở California. Tin tức đó thực sự là một cú sốc đối với tôi và cả Jim Kasler nữa - Kasler cũng thích Forrester như tôi vậy.)

Lowell Groves khác với Forrester. Ông không phải là người hướng ngoại, mà là một người rất kín đáo, làm việc rất xuất sắc và chăm chỉ hoàn thành mọi trách nhiệm của mình. Chịu phạt không phải là sở trường của ông, và ông là người đầu tiên thừa nhận điều

đó. Một nhà lãnh đạo không thể kỳ vọng tất cả mọi người đều giỏi nhất trong mọi lĩnh vực, mà phải cố gắng sử dụng nhân viên theo đúng năng lực của họ. Trong môi trường tù tội, phần lớn thời gian, bạn không kiểm soát được nhân viên của mình, mà là kẻ thù.

Collie Haines và Bart Hovick được trả về khu giam giữ của chúng tôi từ Heartbreak vài tuần sau đó, và chúng tôi rất vui mừng khi được đón họ trở lại. Tại sao người Việt Nam vẫn tiếp tục giữ Howie Dunn trong Heartbreak trong khi đưa Haines và Hovick trở lại là điều không thể hiểu nổi. Tất cả họ đều bị buộc tội cùng một tội, “âm mưu” trong các cuộc họp Toastmasters. Collie vẫn tiếp tục khẳng định mình vô tội.

Bart Hovick kể lại câu chuyện thăm vấn Frenchy, người mà theo Hovick, còn được gọi là ông Ed. Hắn ta nổi tiếng là một gã rất độc ác. Có lẽ ở các trại giam khác thì đúng là như vậy, nhưng theo tôi biết, Frenchy khá ôn hòa. Hovick xấu hổ vì đã viết thư xin lỗi, nhưng hắn ta sẵn sàng thừa nhận điều đó. Hắn ta hỏi tôi đã đối xử với Frenchy thế nào, nên tôi kể cho hắn ta nghe về cuộc trò chuyện vui vẻ của chúng tôi và lá thư tôi nhận được từ Evy. Tôi cũng giải thích cách tôi đã dụ Frenchy từ bỏ yêu cầu viết thư bằng cách cư xử tử tế

và thêm thắt vài câu chuyện hài hước. Mặt Bart tối sầm lại, hăn đấm mạnh xuống nền xi măng. “Mày là thằng duy nhất ở đây có thể thoát khỏi trò nhảm nhí đó!” Tôi nói với Bart rằng ai cũng có quyền dùng bất kỳ phương pháp nào hăn ta chọn, miễn là cuối cùng, kết quả là một con số 0 cho bọn da đen.

Bart đã không khiến tôi thất vọng đến vậy nếu hăn ta không quá chỉ trích người khác khi còn ở Đồn điền. Tôi có thể hiểu một người đàn ông thỉnh thoảng chùn bước vì anh ta không phải là người cứng rắn. Nhưng bất kỳ người đàn ông nào có tiếng là “cứng rắn” thì không nên trượt bài kiểm tra nhỏ đầu tiên. Tôi chưa bao giờ nói thêm một lời nào về điều đó trong suốt thời gian chúng tôi ở bên nhau, nhưng giữa chúng tôi thì không bao giờ như vậy.

Các buổi họp Toastmaster tan thành mây khói. Mọi người chỉ mất hứng thú. Các chương trình giáo dục tồn tại lâu nhất là các bài học tiếng Tây Ban Nha và các lớp học về khí động học của Ben Pollard.

Người Việt Nam rất muốn chúng tôi viết càng nhiều thư về nhà càng tốt. Họ vẫn còn đau đớn vì đợt hạn hán kéo dài. Vào tháng Giêng, tôi đã viết một lá thư khác cho Evy, điều đó cho thấy hy vọng được trở về nhà của tôi gần như không còn tồn tại.

4 tháng 1 năm 1972

Evy Darling,

Tôi đang chờ ảnh của bạn với khách đến thăm mùa hè và tin tức gia đình. Như tôi đã nói trước đây, hãy tận hưởng cuộc sống của bạn vì dù đã 7 năm trôi qua, nhưng có thể còn 7 năm nữa hoặc lâu hơn nữa, vì vậy đừng chờ tôi. Tôi biết bạn quan tâm, hy vọng, ước ao và cầu nguyện, nhưng điều đó sẽ không giải quyết được gì, vì vậy đừng lãng phí thời gian của bạn. Tôi không cần gì ngoài việc rời khỏi đây. Tôi không muốn bạn cô đơn mãi mãi. Nếu bạn muốn tái hôn, hãy cứ làm nếu có thể, mặc kệ những gì người ta nói.

Larry

Một buổi sáng, Jim Kasler đang chạy nhanh tại chỗ, cố gắng tăng sức. Đột nhiên anh ấy dừng lại, ngã xuống bệ đỡ và quần quai trong đau đớn. Sau khi kiểm tra, chúng tôi kết luận rằng anh ấy chắc hẳn đã bị tổn thương gân, và mặc dù mắt cá chân của anh ấy dường như không bị gãy, nhưng anh ấy không thể đi lại được. Tôi đã đến nói chuyện với anh ấy ngay khi anh ấy đã ổn định lại. “Vậy thì! Anh chàng to con, cứng đầu của chúng ta, Jim Kasler, đang chuẩn bị trốn khỏi Hà Nội, lại bị gãy chân vì giẫm lên chính ngón chân của mình!

Chẳng phải anh là một ví dụ đáng thương cho một anh hùng vĩ đại sao?” Jim cười. “Vậy giờ anh định làm gì đây, Nam tước?” (Anh ta thích được gọi là “Nam tước Đỏ”, giống như phi công chiến đấu người Đức Richthofen nổi tiếng thời Thế chiến I.)

“Tôi biết làm gì đây? Tôi bị cấm túc!”

“Được rồi, được rồi, cho anh biết chúng tôi có thể làm gì.” Tôi tạo dáng trước tấm đệm của anh ta và ra hiệu cho anh ta trèo lên lưng tôi, theo kiểu công. Jim to lớn hơn tôi rất nhiều; tôi là người thấp nhất trong khu giam giữ. Anh ta trèo lên, và tôi bế anh ta ra sân, nơi anh ta có thể ngồi phơi nắng trong thời gian chúng tôi được phép ra ngoài. Tôi cũng mang đồ ăn cho anh ta và làm anh ta rất vui. Jim thích điều đó. Phải mất vài tuần mắt cá chân của anh ta mới trở lại bình thường, nhưng sau đó anh ta đã ổn, và đó là một sự nhẹ nhõm lớn cho tất cả chúng tôi. Anh chàng trẻ tuổi nói tiếng Anh, tay cầm chìa khóa, hớn hờ nhặt những lá thư tháng Ba của chúng tôi như thể đang cầm một báu vật. “Tốt lắm, tốt lắm. Quan trọng nhất đối với các anh nữa. Rất nhiều người trên thế giới muốn biết về tất cả các anh ở đây và cách đối xử của chúng tôi. À vâng! Tôi biết rất, rất nhiều về chuyện đó!” Đám người da đen thờ

phào nhẹ nhõm khi lệnh cấm thư bảy tháng của chúng tôi năm 1971 kết thúc. Chúng tôi chỉ có thể hy vọng rằng nó đã có ích như một vũ khí chống lại người Việt Nam ở Paris.

Một trong những tin nhắn của Jack Flynn liên quan đến các chính sách (bây giờ được gọi là “mặt”) đã hướng dẫn chúng tôi cố gắng tạo ấn tượng rằng các chính sách có nguồn gốc từ “cơ sở”. Tôi không thể trách Jack vì đã cố gắng, nhưng nó cũng hợp lý như cách tôi dùng từ YKB ở Sở thú. Tôi đã gửi cho Jack một tin nhắn đại khái là: “Nếu bọn da đen lại bắt đầu tra tấn, anh cứ tự hào thừa nhận chính sách của mình và lập trường phản kháng của mình. Kinh nghiệm của chúng tôi năm 1969 đã chứng minh rằng khi có nhiều người bị tra tấn, sự thật sẽ được phơi bày, bất kể anh đã làm gì để ngăn chặn nó.”

Ngày 16 tháng 4 năm 1972 là một buổi chiều yên tĩnh. Vài người trong chúng tôi đang chơi bài bridge hoặc cờ vua, trong khi những người khác ngủ gật. Đột nhiên chúng tôi nghe thấy tiếng còi báo động không kích. Chúng tôi đã không nghe thấy tiếng còi báo động đó nhiều kể từ năm 1968. Tiếng động cơ phản lực ngày càng lớn hơn báo hiệu đây là một cuộc không kích lớn, rất gần Hà Nội. Tất cả chúng tôi đều nở nụ cười rạng rỡ, và

Kasler hét lên: “Larry, chúc mừng sinh nhật lần thứ năm mươi!”

“Được rồi! Họ thật tốt khi nhớ đến chiếc stroker cũ!” Giờ chúng tôi có thể nghe thấy tiếng bom và tiếng pháo phòng không. Một người hét lên, “Nghe thấy tiếng vù vù không? Đó là tên lửa đất đối không (SAM) đang được phóng đấy!” Chà, chà, vậy thì Dick Nixon xảo quyết đang nghĩ gì vậy? Đây chắc chắn là một sự thay đổi đáng hoan nghênh so với những thứ nhắm nhí về “chiến tranh nhân đạo” đã diễn ra từ năm 1968! Chúng tôi rất vui mừng khi nghe tiếng bom rơi trở lại, chúng tôi đã nháy căng lên.

Cuối tháng Tư, người Việt Nam đã đến rạp chiếu phim hai lần, chỉ cách nhau vài ngày. Bộ phim đầu tiên là một bộ phim màu tuyệt đẹp về một rạp xiếc Nga. Nó hoàn toàn không có tuyên truyền như người ta mong đợi ở một quốc gia Cộng sản. Đó là một bộ phim đỉnh cao. Máy quay thường xuyên lia quanh khán giả rạp xiếc, và niềm vui của họ thể hiện rõ qua nét mặt. Tôi biết chúng tôi cũng vậy! Thật là một niềm vui lớn cho chúng tôi khi được xem một bộ phim giải trí thuần túy, thay vì những lời tuyên truyền nhắm nhí thường thấy!

Bộ phim thứ hai là một bộ phim khiêu vũ

giải trí của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, chiếu những điệu múa dân gian từ một số tỉnh. Bộ phim này cũng có màu, và có sự góp mặt của một đoàn múa gồm sáu cô gái Trung Quốc trẻ trung xinh đẹp. Chúng tôi rất thích cả hai bộ phim, nhưng cố gắng tìm hiểu tại sao bọn da đen lại chiếu chúng.

Sau đó, phía Việt Nam thông báo với chúng tôi rằng Trung Quốc đã được kết nạp vào Đại hội đồng Liên Hợp Quốc! Tin tức đó đã đủ chấn động rồi, nhưng họ còn nói thêm rằng Tổng thống Nixon gần đây đã đến thăm Bắc Kinh và đã gặp Chủ tịch Mao và Thủ tướng Chu Ân Lai! Một số người trong chúng tôi rất lo lắng trước những tiết lộ đó, bởi vì quan điểm của chúng tôi là tổng thống của chúng tôi đang gặp một trong những bên đang nỗ lực hết sức để giữ Bắc Việt Nam trong cuộc chiến. Tuy nhiên, niềm tin của chúng tôi vào Tổng thống Nixon là rất lớn, và có rất ít thảo luận về mối quan hệ mới giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc. Chúng tôi biết rằng tầm nhìn của chúng tôi về thế giới bên ngoài rất hạn hẹp, vì vậy chúng tôi phải tin tưởng vào tổng thống của mình.

Từ ngày 16 tháng 4 trở đi, máy bay của chúng tôi thường xuyên bay ra Bắc. Đầu tháng 5, Box đã đưa ra một lời chỉ trích gay

gắt về việc Hải quân Hoa Kỳ đặt mìn ở cảng Hải Phòng. Chúng tôi rất vui mừng khi nghe điều đó. Giờ thì chúng tôi đã đạt được một số thành quả! Cuối cùng chúng tôi đã lại gây áp lực thực sự lên Bắc Việt Nam.

Ngay sau đó, bọn VC đột nhiên chuyển hơn hai trăm tù binh chiến tranh ra khỏi Unity đến một trại khác (hoặc nhiều trại khác) mà chúng tôi không hề hay biết. Một vài người trẻ tuổi trong khu giam của chúng tôi được đưa đi cùng. Những người còn lại trong chúng tôi thu dọn đồ đạc và được chuyển sang khu giam số một. Nhóm mười tám người của Risner, vốn sống ở Tòa nhà O, cạnh Tòa nhà Một, được chuyển đi xa hơn một tòa nhà nữa, để họ không ở ngay cạnh. Tòa nhà của họ được gọi là “Rawhide”. Nhóm của Flynn vẫn ở phòng giam số tám, ngay góc sân Unity. Mỗi khu giam vẫn được ngăn cách với nhau bằng những tấm thảm mỏng manh. Việc liên lạc với các khu giam khác không khó khăn gì, và chúng tôi nhanh chóng khoan một lỗ thông sang phòng giam số hai để liên lạc bằng giọng nói.

Có một tên lính canh có thái độ đặc biệt khó chịu. Hắn ta thường trèo lên thang trong lúc báo động không kích để có thể nhìn trộm chúng tôi, luôn chĩa họng súng tự động vào

bên trong phòng giam. Điều đó làm chúng tôi bức mình, và chúng tôi đã nói cho hẳn biết, nhưng phải mất vài tuần hẳn mới thay đổi thái độ.

Bud Day, Jack Fellowes, Bomar, Kirsten và hai mươi lăm người khác đang ở trong phòng giam số hai. Nhân viên liên lạc của chúng tôi gọi tôi lại vì Kirsten muốn nói chuyện với tôi. Tôi tự hỏi anh ta muốn gì ở tôi, vì đã hai năm trôi qua kể từ khi chúng tôi xa nhau - và cũng có thể là hai mươi hai năm, mặc dù tôi chẳng quan tâm.

Kirsten nói với tôi rằng anh ta hy vọng tôi không có ác cảm gì với anh ta vì cuộc xung đột của chúng tôi ở Sở thú. Để kết thúc cuộc trò chuyện nhanh chóng, tôi nói với anh ta rằng tôi đã quên mất những bất đồng giữa chúng tôi. (Nhưng tôi không quên, và suốt đời tôi sẽ không bao giờ tha thứ cho anh ta.) Khi tôi đứng dậy, Kasler hỏi, “Chuyện đó là sao?”

“Tôi không chắc, tôi nghĩ anh ta đang xin lỗi, theo một cách nào đó, vì những lời lẽ tồi tệ mà anh ta đã nói với tôi ở Sở thú.”

“Hình như hẳn ta đang cố sửa lại vài hàng rào để phòng hờ, phòng khi cần đến cậu khi chúng ta ra ngoài.”

“Tôi không biết hẳn ta đang nghĩ cái quái gì

nữa.” Tôi không quan tâm, bởi vì biết hẳn ta, tôi không thể tin được hẳn ta lại thành thật.

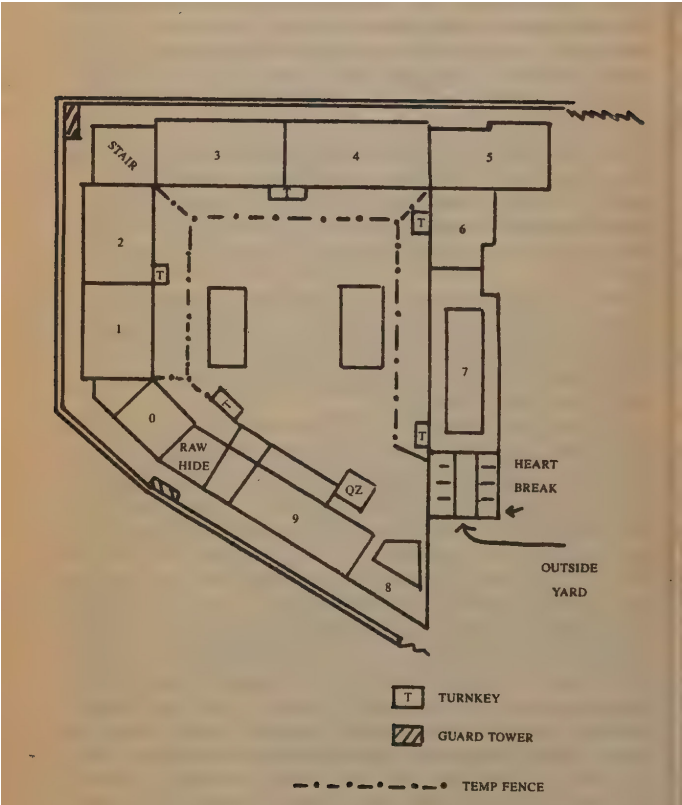
Chúng tôi được khích lệ bởi sự thay đổi rõ ràng trong chính sách của Mỹ, được báo hiệu bằng vụ đánh bom mới. Trong khu giam giữ của chúng tôi, mọi thứ diễn ra khá suôn sẻ, với việc chơi bài bridge và học tiếng Tây Ban Nha là những điểm nhấn trong ngày. Mối quan tâm lớn nhất của chúng tôi, một lần nữa, lại là sức khỏe của Ray Saxton. Trại V cho chúng tôi khoảng một phần tư cốc sữa đóng hộp vài lần một tuần. Saxton được uống một cốc đầy, nhưng không uống. Hẳn ta thường đi vòng quanh tấm đệm ngủ với cốc sữa trên tay, và khi nghĩ rằng không có ai nhìn thấy, hẳn ta sẽ ném cốc sữa vào thùng rác hoặc vào góc tường của một hốc tường nơi chúng tôi đã dựng khu vực vệ sinh “chính thức”. Hẳn ta vẫn đang lột vỏ bánh mì và gần như không ăn gì, và những người kia đoán cân nặng của hẳn ta chỉ hơn 45kg. Anh ấy cao hơn 1m90.

Chúng tôi không còn Gaither bên cạnh để giúp Dale Osborne nữa, nhưng Dale vẫn tự mình xoay sở ổn thỏa. Anh ấy đã trải qua nhiều đêm tồi tệ, với những cơn ác mộng, khi anh ấy khóc lóc và đau khổ. Tất cả chúng tôi đều sống cùng anh ấy. Mọi người đều rất

thông cảm, và những cơn ác mộng đó không bao giờ được nhắc đến với anh ấy.

Như thường lệ, những kẻ da đen thích lan truyền tin xấu bất cứ khi nào có thể, chẳng hạn như cái chết của mẹ Jim Stockdale, vợ của Roger Ingval-son, và những người khác. Điều tồi tệ mới nhất là vợ của Ev Alvarez đã bỏ anh ta để kết hôn với người khác. Alvy đã bị giam cầm trong tám năm, và mặc dù anh không thể trách Tangee vì muốn tiếp tục cuộc sống của mình, nhưng đó là một đòn giáng mạnh vào anh. Ray Vohden cũng biết rằng vợ mình đang cố gắng ly hôn, nhưng Ray phản ứng khác với Alvarez. Anh ấy tức giận hơn là thất vọng. Đây là bằng chứng rõ ràng cho thấy một số người vợ đang suy yếu sau thời gian dài xa cách. Chà, điều đó chắc chắn sẽ xảy ra. Cho đến giờ Evelyn vẫn chưa hề có dấu hiệu nhìn ngó xung quanh. Trong lá thư cuối cùng tôi viết, tôi đã cho cô ấy một cơ hội tự do nếu cô ấy muốn. Nhưng câu trả lời của cô ấy đến ngay sau khi cô ấy nhận được thư của tôi, mặc dù tôi đã không nhận được nó trong nhiều tháng. Cô ấy nói với tôi cảm nhận của mình về chuyện này, không chút do dự. Cô ấy luôn dùng câu “hãy nghe đây” mỗi khi muốn nói với tôi một lời tuyên bố mạnh mẽ, không tranh cãi. Nhìn thấy câu nói đó ở

KHU VỰC TRẠI ĐOÀN KẾT



đầu thư khiến tôi mỉm cười khi nhớ lại cách cư xử của cô ấy.

Ngày 4 tháng 2 năm 1972

Larry-

Nghe này! Em không thích anh viết về việc không chờ đợi, tái hôn, v.v. đâu. Xin lỗi phải nói với anh - em sẽ phải làm anh rung động mất! Em nghĩ anh sẽ thích khu vực này hơn khu So. Fla. Ngôi nhà có diện tích 2300 feet vuông (khoảng 220 mét vuông) - đủ chỗ cho cả gia đình đến thăm, có lò sưởi, gần kênh đào, trải thảm trải sàn khắp nơi! Anh sẽ thích nó. Kiên nhẫn thêm một chút nữa nhé!

Evy của anh.

Vài tháng sau, VC đã dỡ bỏ hàng rào ngăn cách chúng tôi với tòa nhà số một. Giờ đây, chúng tôi có thể thoải mái giao lưu với họ trong những kỳ kinh nguyệt bên ngoài. Người bạn đồng hành của tôi ở đó là Bud Day, và chúng tôi dường như không bao giờ hết chuyện để nói. Một ngày nọ, một anh chàng khác từ One, Ramon Horinek, hỏi tôi rằng tôi có từng biết một đại úy không quân nào tên là Wayne Ensminger không. Tôi chắc chắn có! Wayne là một trong những chỉ huy phi đội triển vọng nhất của tôi tại Itazuke. Lần cuối tôi nghe nói, ông ấy đã từ chức ủy

ban không quân vào tháng 5 năm 1965 để đi làm cho hãng hàng không CIA tại Lào.

Ramon xác nhận điều đó, và nói rằng ông ấy tình cờ gặp Ensminger khi chính ông ấy đang làm một số công việc mật ở Lào. Ông ấy báo cho tôi tin buồn về cái chết của Ensminger. Ramon là người chứng kiến chuyến bay cuối cùng của Wayne. Ông ấy đang lái một chiếc máy bay Helio một động cơ, tuyệt vời cho các hoạt động vận tải hạng nặng, tầm ngắn từ các sân bay hẻo lánh ở các vùng tranh chấp của Lào. Chiếc Helio của ông ấy chở đầy lựu đạn và các chất nổ khác, cùng năm hành khách. Wayne cất cánh và hầu như không vượt qua được những cái cây nằm ngay cuối dải rừng rậm. Sau khi máy bay bay lên khoảng 30 mét, động cơ bắt đầu ngừng hoạt động. Ensminger đã thúc mạnh máy bay vào một khúc cua gấp, cố gắng hạ cánh theo hướng ngược lại, nhưng ông ấy đã va vào cây trên đường hạ cánh. Con chim nhỏ đã va rất mạnh và bị vỡ tan tành khi trượt bánh trước khi dừng lại. Hành khách ủa ra ngoài tháo chạy, nhưng Ensminger bị mắc kẹt vì khung máy bay bị hư hại quanh quẩn. Anh ta cố gắng thoát ra, nhưng một đám hơi gas bốc lên nghi ngút. Wayne vẫn đang loay hoay tìm cách thoát ra thì vật thể đó nổ tung thành một quả cầu lửa dữ dội. Thật là một cái

chết thảm khốc! Khi cuộc chiến này kết thúc, cũng như bao cuộc chiến khác, số người bạn “Gone West” của tôi sẽ rất lớn.

Mùa thu năm 1972, đài Box chào đón sự xuất hiện của một nữ diễn viên điện ảnh nổi tiếng người Mỹ, người đã “đến Hà Nội để thể hiện tình hữu nghị với nhân dân Việt Nam và phản đối cuộc chiến tranh phi pháp, phi đạo đức và bất công”. Đài Box cũng cho biết “người bạn Jane Fonda” của họ đã gặp một số tù binh Mỹ để nói chuyện về chiến tranh và cách đối xử với họ. Chúng tôi đoán rằng những người Mỹ đó chính là hai người đã từ chối tham gia cùng chúng tôi, vì nghĩ rằng bọn da đen sẽ không mạo hiểm với bất kỳ ai khác. Những người Việt Nam bắt một cuốn băng, mà họ nói là do Fonda và một nhóm phụ nữ trẻ người Mỹ thực hiện, biểu tình phản đối chiến tranh bên ngoài cổng chính của căn cứ Quân đội Hoa Kỳ tại Fort Dix, New Jersey. Tất cả chúng tôi ngồi trên bệ phóng nghe những người phụ nữ hát bằng giọng đầy nội lực một bài hát có tựa đề “Fuck the Army!” (Đ*т Quân đội!) Thực ra, họ không hát bài đó, mà là hét lên hết cỡ. Chúng tôi ngồi đó trong sự bàng hoàng, cố gắng thích nghi với sự thật phũ phàng rằng đây chính là những người phụ nữ Mỹ của chúng tôi! Chúng tôi

không thể tin rằng họ lại dính líu đến chuyện bắn thủ như vậy để thể hiện sự bất đồng và khuyến khích binh lính chúng tôi đào ngũ! Fonda, giống như Baez và những người khác đã đến Hà Nội để an ủi kẻ thù, đã thấy những gì người Việt Nam muốn bà thấy, và tin vào những gì bà đã quyết định tin trước khi đến Hà Nội. (Sau khi chúng tôi được thả, bà ta gọi chúng tôi là “những kẻ dối trá và đạo đức giả”. Những lời bình luận của Fonda được ghi lại, khi bà ta phát biểu trước sinh viên Đại học Bang Michigan, ngày 22 tháng 11 năm 1969. Bà ta nói, “Nếu các bạn hiểu chủ nghĩa cộng sản là gì, các bạn sẽ hy vọng, các bạn sẽ quỳ gối cầu nguyện, rằng một ngày nào đó chúng ta sẽ trở thành những người Cộng sản.” Và một lần nữa tại Đại học Duke, ngày 11 tháng 12 năm 1970, bà ta nói, “Tôi là một người theo chủ nghĩa xã hội, vì vậy tôi nghĩ chúng ta nên phấn đấu hướng tới một xã hội xã hội chủ nghĩa cho đến tận chủ nghĩa cộng sản.” Tom Hayden (ngày nay là chồng cũ gần đây nhất của bà Fonda), đã đến Hà Nội để khiến các tù binh chiến tranh, bao gồm cả bạn tù của tôi, Ron Byrne, phải toát mồ hôi hột trong khi ông ta quấy rối họ, và để khiến những tù binh chiến tranh khác quay lưng lại với các bạn tù và đất nước của họ.)

Ngay sau chuyến thăm của Fonda, Hà Nội lại có một vị khách người Mỹ khác đến thăm, cựu Tổng chương lý Hoa Kỳ, Ramsey Clark! Vị khách này thực sự khiến chúng tôi bối rối - chính là cựu Tổng chương lý của chúng tôi! “Chuyện quái gì đang xảy ra ở đó vậy?” chúng tôi tự hỏi! “Phản đối chiến tranh thì không sao, nhưng tại sao họ lại để người ta đến tận Hà Nội để nói điều đó?” Họ phát một phần cuộc phỏng vấn được ghi âm của Clark với những người phản chiến của chúng tôi qua Box. “Nếu các anh thực sự hành động theo lương tâm của mình...” Cứ như thể ông ấy đang nói, hãy gọi cho tôi và tôi sẽ đại diện cho các anh.

Chúng tôi không khỏi tự hỏi tại sao chính phủ của chúng tôi lại không truy tố những du khách phản bội đó! Ở bất kỳ quốc gia nào khác trên thế giới, chắc chắn chúng đã bị treo cổ bằng cái cổ gầy gò của mình rồi!

Cuối mùa hè năm 1972, V đã dựng một lưới bóng chuyền và vài bàn bóng bàn. Chúng tôi chơi bóng bàn bất cứ khi nào ra ngoài, và khi vào trong, chúng tôi xem người Việt Nam chơi. Họ rất xuất sắc ở cả hai môn thể thao nhỏ này. Họ rất giỏi trong hai hoạt động này, một trong số ít những hoạt động mà chính phủ có đủ khả năng hỗ trợ. Một hôm, họ cho

chúng tôi ngồi cạnh sân bóng chuyền để xem hai đội Việt Nam thi đấu, và họ chơi rất giỏi. Có một lính gác trẻ tuổi đã có rất nhiều pha bóng xuất sắc. Vài người trong chúng tôi vỗ tay khen ngợi nỗ lực của anh ấy, và anh ấy mỉm cười đáp lại. Tôi nghi ngờ anh ấy có chút máu xấu.

Một ngày nọ, chúng tôi được thỏa mãn. Nhìn ra ngoài, chúng tôi thấy một số lính mặc đồ đen, giống như Việt Cộng. Cuối cùng họ cũng được điều đi “xông lên đánh Mỹ” ở Nam Việt Nam, như Hồ Chí Minh vẫn thường nói. Một trong số họ là Slug, tên chuyên tra tấn ở Sở thú của chúng tôi, biệt danh là Ếch! Vậy là cuối cùng hắn cũng sắp bị trừng phạt! Trông hắn cũng chẳng có vẻ gì là vui mừng cả! Hắn thà “lao vào đánh Mỹ” ở Hà Nội, nơi ông ấy chắc chắn sẽ thắng!

Nhóm của Risner có thêm một người mới, một phi công chiến đấu của Nam Việt Nam. Khi tôi gặp Nguyễn Quốc Đạt, “Max”, trong sân, anh ấy ngay lập tức hỏi tôi có biết Thiếu tá Bill Hail không. Tôi nói, “Vâng, Bill là bạn thân của tôi.” Sau đó, Max kể cho tôi nghe câu chuyện buồn về việc Bill đã nhảy dù khỏi một chiếc A-1 khi đang thực hiện một chuyến bay thử nghiệm tại địa phương, và bị Việt Cộng bắt giữ và sát hại. Max đã giúp chúng

tôi rất nhiều, vì anh ấy có thể phiên dịch các chương trình phát thanh của Việt Nam.

Các vụ bắn hạ mới liên tục xảy ra tại khu nhà Unity, và ngoại trừ tin tức của Bedinger về việc ngừng ném bom năm 1968 là ý tưởng của Johnson, chúng tôi nhận được tin tức đầu tiên từ bên ngoài kể từ năm 1968. Chúng tôi được chứng kiến một số vụ bắn hạ mới của Hải quân. . họ có mái tóc rất dài! “Các anh bị làm sao vậy, không còn chú ý đến quy định ăn mặc và ngoại hình nữa à?” Họ nói với chúng tôi rằng hải quân có một vị tư lệnh tác chiến hải quân mới, tên là Zumwalt, một người rất phóng khoáng. Giờ thì việc để tóc dài và râu quai nón đã được chấp nhận. Ông ấy thậm chí còn bỏ hắt quân phục truyền thống với quần ống loe! Giờ đây, tất cả thủy thủ đều ăn mặc như tư lệnh hải quân. Chúng tôi chết lặng! Họ nói rằng Đô đốc Zumwalt đã gửi rất nhiều tin nhắn cá nhân khắp hải quân. Họ gọi chúng là “Z-gram”. Chúng tôi không chấp nhận những hành động phá vỡ truyền thống một cách táo bạo như vậy.

Chúng tôi được biết trường đào tạo sinh tồn giờ đây nói rằng nếu bị bắt, bạn cứ tự nguyện tham gia vào các trò tuyên truyền nhỏ, nếu bạn nghĩ rằng ảnh của bạn sẽ bị chụp và sự hiện diện của bạn sẽ được thể

giới bên ngoài biết đến. Các cơ quan cũng đã nói lỏng việc diễn giải Bộ luật để giảm nguy cơ bị tra tấn. Chúng tôi chắc chắn rằng đó là vì những gì Hegdahl đã nói với họ, điều này khiến chúng tôi cảm thấy vui mừng khi anh ta được thả. Tuy nhiên, chúng tôi cũng thất vọng một cách kỳ lạ khi nghe điều đó, bởi vì chúng tôi đã phải chịu đựng quá nhiều và kháng cự rất quyết liệt cho đến tận bây giờ. Giờ đây, những tù binh chiến tranh mới có thể làm điều đó mà không mất gì cả! Thật khó cho những chiến mã già nua, cứng cỏi như chúng tôi chấp nhận lập trường mới, khoan dung hơn này.

Theo những gì chúng tôi biết, VC không hề hành hạ bất kỳ người mới nào. Cuối cùng họ đã “rất nhân đạo” vì họ đánh hơi thấy khả năng chiến tranh kết thúc, và có lẽ vì họ đã bị chỉ trích rất nhiều ở Paris sau khi Hegdahl được thả.

Bọn VC đã đưa ra một ngoại lệ cho lập trường không tra tấn mà họ vẫn duy trì. Trung tá Không quân Joe Kittinger bị bắt vào ngày 11 tháng 5 năm 1972, sau khi nhảy dù từ một chiếc F-4. Tôi luôn nói rằng một người đàn ông phải điên ba mươi lăm phần trăm mới có thể lái một máy bay chiến đấu phản lực. Nhưng Joe Kittinger gan dạ còn điên hơn

ít nhất mười phần trăm so với yêu cầu tối thiểu! Tôi nghĩ anh ta phải như vậy, vì anh ta nổi tiếng với việc nhảy dù từ những quả bóng bay từ độ cao hơn 110.000 feet so với mặt đất. Joe đã gây ra một khoảng thời gian rất khó khăn cho bọn da đen. Chúng gần như không thể tránh đường anh ta, bởi vì anh ta luôn ở thế tấn công - tấn công chúng. Cuối cùng, trong cơn bức tức, chúng đã bãi bỏ các quy tắc mới. Chúng tra tấn anh ta đến chết, chỉ để anh ta im lặng! Khi mọi chuyện kết thúc, và chúng tôi biết anh ấy vẫn ổn, chúng tôi rất vui và tự hào khi có Joe ở bên.

Kevin Chaney bị bắt vào tháng 7 năm 1972, và anh ấy đã gửi cho tôi rất nhiều tin tức về gia đình tôi. Kevin là bạn cùng phòng và là anh em trong hội sinh viên của Allan tại Đại học Florida. Anh ấy nói rằng khi Allan làm quản lý bếp của hội, những bữa ăn ở đó là ngon nhất trong lịch sử hội. (Tôi không ngạc nhiên khi nghe điều đó, bởi vì bốn cậu con trai của chúng tôi đều được Evelyn chiều chuộng hết mực vì tài nấu nướng tuyệt vời của cô ấy. Allan là một người ăn rất nhiều và không chịu đựng được đồ ăn hạng hai.) Kevin cũng kể cho tôi nghe tất cả về bố mẹ vợ của Allan, những người mà anh ấy nói là những người Công giáo nghiêm khắc và tuyệt

vời. Một trong những người con trai của họ, Patrick, đã mất tích trong chiến tranh từ năm 1966. Tôi rất tiếc khi nghe điều đó.

Một buổi sáng, Bud Day và tôi đang tập thể dục trong sân thì nghe thấy tiếng máy bay phản lực. Chúng tôi nhìn lên, và cách chúng tôi chưa đầy năm trăm feet ngay phía trên là một trong những máy bay không người lái trinh sát nhỏ, không người lái của chúng tôi, đang bay với tốc độ khoảng bốn trăm dặm/giờ! Rõ ràng là Hệ thống Phòng không không phát hiện được nó, và không một phát súng nào được bắn vào nó!

Chiếc máy bay không người lái bay thẳng khoảng một hoặc hai dặm, sau đó rẽ phải 90 độ theo chương trình đã được lập trình sẵn, rồi rẽ trái 270 độ, rồi quay ngược lại. Ai đó hét lên, “Mọi người cười lên, chúng ta sẽ chụp ảnh!” Nó lại bay ngang qua trại, rồi tiếp tục hướng ra biển. Bud nói, “Bạn có thể tưởng tượng một quốc gia có công nghệ như vậy không? Có thể điều khiển máy bay không người lái nhắm thẳng vào mục tiêu?” Ông ấy rất tự hào, và tất cả chúng tôi cũng vậy. Thật đáng tiếc là quốc gia có công nghệ tuyệt vời này lại không thể tìm ra cách đưa chúng tôi ra khỏi đó! Nhưng đó không phải là vấn đề kỹ thuật, mà là vấn đề chính trị.

Có tin đồn rằng một số tù binh chiến tranh sẽ sớm được thả.

George McKnight đã tham gia một buổi kiểm tra vào tháng 9 và biết được rằng mẹ anh có quan điểm phản chiến cứng rắn và muốn được phép đến Hà Nội để đưa anh về nhà! Jack Flynn đã liên lạc với George để nói rằng có thể anh nên đi và thu thập một loạt thông tin tình báo. Chỉ huy của chúng tôi đã sử dụng tính linh hoạt của Bộ luật cho mục đích của chúng tôi, chính xác như tôi đã làm với những người lính bị thương của chúng tôi vào năm 1969, và như Stratton muốn với Hegdahl. Đó là ý tưởng đúng đắn, nhưng McKnight cảm thấy rằng tự do cho tất cả chúng tôi đã gần kề, vì vậy việc thả sớm sẽ không có giá trị thực sự nào. Jack Flynn đã lùi bước. Tôi nói với Bob Forrester rằng nếu được thả, Gartley, người mà Bob quen biết từ nhóm Miller, chắc chắn sẽ được về nhà. Bob nói, “Không Larry, Gartley là một đứa trẻ ngoan, nó sẽ không về nhà sớm đâu.” “Nó có thể là một đứa trẻ ngoan, Bob, nhưng hãy chuẩn bị tinh thần cho một sự thất vọng, bởi vì nếu mẹ nó xuất hiện, Gartley sẽ được về nhà.”

Vào ngày 25 tháng 9, Jack Flynn và năm tù nhân cao tuổi khác trong khu giam giữ của hắn đã bị đưa ra ngoài, được cho là để

thăm vấn. Không có thăm vấn nào cả, đó là một mảnh khóe để đưa họ đến bảo tàng chiến tranh. Các tù binh chiến tranh cao cấp đã gây rất nhiều khó khăn cho VC, và phải mất đến hai chục người mới đưa được sáu người lên xe buýt! Họ cũng phải bị ép xuống xe buýt tại bảo tàng, và họ đã gây ra rất nhiều rắc rối, đến nỗi người Việt Nam phải đánh đập tất cả bọn họ mới có thể kiểm soát được. Flynn quyết tâm không cho bọn da đen bất kỳ chiêu trò tuyên truyền nào khiến thế giới bên ngoài nghĩ rằng các tù binh chiến tranh Mỹ đang tận hưởng cảnh quan tại bảo tàng chiến tranh như một đám khách du lịch. Khi VC nhận ra rằng họ sẽ phải ép buộc, các tù binh chiến tranh đã được trả về Unity. Đó là lần cuối cùng VC thử làm điều gì đó như vậy.

Jack Flynn đã thay đổi hệ thống cấp bậc dựa trên ngày thăng chức dự kiến của những tù binh lâu năm, điều này khiến tôi phải xây dựng lại SRO. Sau đó, Jack chỉ đạo tôi gửi cho anh ta một báo cáo về tình trạng sức khỏe của Forrester trong khoảng thời gian tôi biết anh ta. Tôi đã tuân thủ ngay lập tức.

Vài ngày sau, Gartley ra ngoài hỏi cung, khiến chúng tôi lo lắng rằng việc được thả sắp xảy ra. Quả nhiên, Minne Gartley đã có mặt để nhận con trai, cùng với các nhà hoạt

động phản chiến Cora Weiss, Dave Dellinger và một vài người khác, bao gồm cả vợ của lính hải quân Norris Charles. V đã bật băng ghi âm những lời bình luận của bà ta khi đến nơi. Chúng tôi không thể tin nổi những lời lẽ ngu ngốc của bà ta, một phần là, “Tôi hy vọng Bắc Việt sẽ cho chúng ta một phòng trong khách sạn.” Chúng tôi nghĩ việc bà ta đến Hà Nội ngay từ đầu đã đủ tệ rồi. Theo cách chúng tôi đọc những lời bình luận đó, bà ta đang nói với cả thế giới rằng bà ta quá háo hức đến nỗi không thể chờ đợi để đưa chồng về nhà trước khi quan hệ với anh ta. Charles Gartley và một Thiếu tá Không quân Elias đã được thả. Chúng tôi đặc biệt khó chịu với ba người đó, tin rằng đáng lẽ họ nên ở lại đó với những người còn lại của chúng tôi đến cùng. Norris Charles đã đến Hà Nội nên gần đây ông ta vẫn đang đi qua vùng biển nội địa! Vâng, như Frederic March đã nói trong bộ phim *The Bridges at Toko-Ri*, “Chúng ta tìm đâu ra những người đàn ông như vậy?” (Và cả phụ nữ nữa?)

Shu dành nhiều thời gian ở sân sau với những người mới, cập nhật tin tức từ quê nhà, đặc biệt là với một chàng trai trẻ người Philadelphia, Ralph Galati. Ralph đã hoạt động tích cực trong vấn đề Tù binh Chiến

tranh/Quân nhân Mất tích (POW/MIA) khi còn học trung học và đại học. Anh ấy quen biết nhiều người vợ của họ, đã gặp họ tại nhiều sự kiện khác nhau. Anh ấy kể cho chúng tôi nghe về chương trình vòng tay POW. Bất kỳ ai muốn ủng hộ tù binh chiến tranh đều có thể mua một chiếc vòng tay có khắc tên của một tù binh chiến tranh (hoặc MIA) nào đó. Người đeo sẽ phải đeo nó cho đến ngày người đó được hồi hương. Điều đó khiến chúng tôi ngạc nhiên và cảm thấy ấm lòng. Những người ở quê nhà vẫn chưa hề quên hay từ bỏ chúng tôi!

Ở ngoài sân sau, cùng với một trong những người mới, Shu lắng nghe và tập dượt một bộ phim mới để kể cho chúng tôi nghe. Bộ phim đó là *Play Misty for Me*, và Shu đã làm rất tốt. Điều đó đặc biệt thú vị với chúng tôi, vì chúng tôi biết đó là một trong những bản hit mới nhất từ quê nhà, và chúng tôi sẽ “cập nhật” hơn sau khi nghe nó.

Vào giữa tháng 10, một người trong nhóm truyền thông của chúng tôi gọi cho tôi và nói, “Tin lớn cho anh đấy, Larry. Anh muốn nghe riêng tư, hay cho mọi người cùng nghe?”

“Sao cơ, riêng tư á? Mọi người ở đây đều biết hết mọi thứ về tất cả mọi người, nên cứ nói đi.”

“Được rồi Lar, anh bạn Bill Elander của cậu đây! Anh ấy nói đã gặp Evy và các con cậu hồi tháng Bảy. Cậu có một ngôi nhà xinh xắn bên bờ biển ngay cạnh nhà bạn thân của anh ấy. Mọi người trong gia đình cậu đều đang rất ổn, đang chờ cậu, và họ tin rằng sẽ không còn lâu nữa đâu!”

“Elander may mắn thế nào mà đến được đây?” Tôi hỏi.

“Anh ta lái chiếc Phantom đời mới nhất, chiếc mới nhất có súng Gatling; anh ta có tất cả mọi thiết bị điện tử mà người ta có thể nhét vào máy bay, vậy mà anh ta vẫn bị bắn hạ!”

Mọi người trong khu giam đều thích thú lắng nghe lời nhảm của Elander, và một người bình luận, “Larry, cậu có nhiều tin tức gia đình hơn bất kỳ ai trong trại giam này! Cậu làm sao thế?”

“Dễ ợt,” tôi đáp trả. “Cậu chỉ cần dàn xếp để tất cả những người bạn thân nhất của cậu bị bắn hạ, từng người một!” Mọi người cười rộ lên. Tôi gửi: “Bill, tôi rất vui khi nhận được tất cả tin tức, và mừng là anh vẫn ổn. Xin lỗi vì anh đã bị bắn hạ, nhưng tôi khen anh về khả năng căn thời gian, đồ khốn nạn, anh đã tự cứu mình khỏi bảy năm vớ vẩn này!”

Tinh thần của mọi người đều lên cao, mặc

dù chúng tôi đã nhiều lần bị ngã lộn nhào vì nghĩ rằng ngày tận thế đã gần kề. Hộp thư nói rằng nhà đàm phán của chúng tôi, Kissinger, đã nói gì đó ở Paris về “hòa bình đang đến gần”. Bọn da đen có vẻ rất phấn khích, và như người ta vẫn nói, “Quả bóng da đen đã lên rồi.” (Bọn tôi cũng vậy.) Tất cả chúng tôi đều cầu nguyện rằng lời nhận xét của Kissinger là đúng.

Lúc đó, gần như không còn hàng rào ngăn cách các khu giam giữ. Chúng tôi có thể đi lang thang đến bất cứ nơi nào mình muốn, ngoại trừ việc chúng tôi phải quay lại phòng giam của mình nếu có báo động. Tôi đi bộ đến phía bên kia, khu giam số sáu, nơi bị khóa nhưng đầy những người mới. Tôi có một mái tóc khá dài và ria mép đã mọc lại. Tôi đứng trước cửa nhà họ và tự giới thiệu. Họ chen chúc nhau vào cửa, bắt tay tôi và nhìn tôi chăm chăm. “Anh ở đây bao lâu rồi?”

“Để tôi xem nào, ừm, bảy năm năm tháng.” Họ chỉ im lặng nhìn, nhưng vài quả táo Adam của họ đang nảy lên khá mạnh. Họ nhìn Methuselah [Methuselah là tổ tiên của loài người, sống 969 tuổi, cha của Lamech và ông nội của Noah (người đóng tàu Nô-ê)]. Tuổi thọ của ông tượng trưng cho sự kiên nhẫn của Chúa trước trận Đại Hồng Thủy. Sáng

Thế kỷ 5:21-27] với vẻ không tin nổi. Họ hỏi những ông già chúng tôi nghĩ gì về bọn VC sau ngàn ấy thời gian. Tôi khẽ đáp, “Chúng tôi ghét bọn cộng sản khốn nạn.”

“Ngay cả sau ngàn ấy năm?”

“Cực cả cái mông của mày! Nhất là sau ngàn ấy năm! Với tất cả những gì chúng đã làm với chúng ta, chúng ta sẽ không bao giờ tha thứ cho chúng!” Họ không thể tin được rằng chúng ta, những người lính kỳ cựu, vẫn giữ vững lập trường cứng rắn với Cộng sản đến vậy. Tôi cảm ơn tất cả họ và bắt tay họ vì đã đến Bắc Việt Nam và cống hiến hết mình để cố gắng chấm dứt chiến tranh và đưa chúng ta ra ngoài. Tôi nhận ra họ khác chúng ta. Thế giới bên ngoài đã thay đổi, và chúng ta là những tàn tích của một thời đại khác bị giam giữ trong một chiếc hộp thời gian.

Mọi thứ bắt đầu có vẻ tốt đẹp, và tôi nghĩ mọi người đều không còn hứng thú tìm cách trốn thoát nữa. Ray Saxton vẫn là một nỗi lo lắng dai dẳng. Ông ấy không nhận ra mình đã sa sút đến mức nào, hay trông tệ hại đến mức nào.

Chắc chắn ông ấy chưa đến 45kg, mà phải nói là 38kg. Lưng ông ấy thẳng và phẳng lì, và ông ấy hoàn toàn không có mông. Xương sườn của ông ấy nhô ra khắp nơi. Hậu môn

của anh ta, vốn thường được giấu gọn gàng dưới mông (nơi chúng tôi vẫn giữ), giờ bị ghim chặt vào lưng dưới như bìa ngăm - thật kinh khủng! Tinh hoàn của anh ta, treo lủng lẳng giữa hai xương đùi gầy gò, to hơn cả quả bóng tennis. Chúng tôi tin rằng mình đang chứng kiến một người đàn ông tự nguyện chết, và điều duy nhất có thể cứu anh ta là một kết thúc đột ngột, kỳ diệu cho chiến tranh. Doremus chỉ ra rằng Saxton có thể bị tách khỏi chúng tôi bất cứ lúc nào, và chúng tôi sẽ không bao giờ gặp lại anh ta nữa.

Loa vẫn phàn nàn hàng ngày về việc thả mìn cảng Hải Phòng, các cuộc ném bom của máy bay chiến đấu chiến thuật, và BUFF (Boeing B-52 Stratofortress). Đó là một từ mới đối với chúng tôi; chúng tôi chỉ biết đến những chiếc máy bay hạng nặng là B-52, nhưng giờ chúng được gọi là BUFF - Những gã béo xấu xí. Bắc Việt có rất nhiều người ủng hộ trên khắp thế giới, kể cả đất nước chúng tôi, nhưng “chiến tranh là địa ngục”, và bạn càng biến nó thành địa ngục cho phe đối lập, thì cơ hội chiến thắng nhanh chóng của bạn càng cao.

Chúng tôi không biết ông Kissinger của chúng tôi đang làm gì ở Paris, hay chuyện gì đã xảy ra với “hòa bình trong tầm tay”, nhưng

vào đêm 18 tháng 12 năm 1972, Hà Nội và tất cả cư dân, bao gồm cả chúng tôi, những tù binh chiến tranh trong “nhà tù thành phố”, đã biết được sức mạnh của BUFF và Bộ Tư lệnh Không quân Chiến lược.

Ngay sau khi trời tối, còi báo động không kích vang lên, và chúng tôi nghĩ rằng sắp có một cuộc không kích hoặc trinh sát khác bằng máy bay chiến thuật. Nhưng không! Chúng tôi không biết rằng mình sắp chứng kiến màn trình diễn vĩ đại nhất trên trái đất! Hỏa lực phòng không và tên lửa SAM thật chói tai! Rồi đến bom, và qua loạt đạn nổ dài, chúng tôi biết ngay đó là B-52! Phía chúng tôi quyết tâm, và bọn khốn sẽ thực sự bắt được nó! So với một cuộc không kích B-52, một cuộc không kích lớn của hai mươi hoặc ba mươi máy bay chiến đấu chiến thuật thật nhỏ bé. Mỗi chiếc BUFF có thể mang theo khoảng một trăm quả bom nặng 500 hoặc 750 pound! Bạn có thể tưởng tượng mỗi chuyến bay gồm ba máy bay thả ba trăm quả bom không? Bạn không thể nghĩ rằng mình không thể nói về các cuộc không kích của B-52 mà không dùng đến những từ ngữ hoa mỹ nhất!

Trời sáng rực, tất cả chúng tôi nhảy lên bệ phóng nhìn ra ngoài. Màn đêm không còn đen kịt nữa, nhờ những tia chớp liên tục của

súng phòng không, vệt rocket của tên lửa SAM (tên lửa đất đối không), và những đám cháy do bom gây ra. Đêm đó, lính BUFF đã đến vài lần, và khi bom rơi gần đó, chúng tôi bám chặt vào tường phòng trường hợp nhà tù bị trúng bom. Lần này không còn bọn gook nào nhòm ngó chúng tôi như hồi mấy bay chiến đấu không kích nữa! Tất cả bọn chúng đều trốn trong hầm trú ẩn, hoặc trong những cái hố dưới đất được che bằng những cánh cửa cũ hoặc những tấm ván lót giường. Chúng chẳng còn quan tâm đến chúng tôi nữa, chúng chỉ lo cứu mạng mình!

cười, khóc, hét lên, “Trời ơi, chúng tôi phần khích quá! Lũ khốn nạn, Dick! Cho chúng nó chết tiệt!”

Chắc chắn Nixon đã bị chỉ trích dữ dội ở Mỹ vì quyết định ném bom, nhưng chắc chắn ông ta đã để mọi chuyện diễn ra như vậy! Ông ấy biết, cũng như các tướng lĩnh và đô đốc của chúng ta, rằng không thể thắng bằng cách liếm mặt tất cả mọi người trong khi họ tè vào giày mình. Phải đập đầu họ, làm họ khóc lóc, làm họ van xin dừng lại.

“Làm tốt lắm Dick!” chúng tôi hét lên, “đá cho bọn họ một trận!”

Chúng tôi có một vị tổng thống với những quả bóng đồng thau to đùng, và chúng tôi rất

thích điều đó! Không phải loại yếu đuối như McGovern, kẻ mà bọn VC nói rằng, “Ông ta sẽ quỳ gối xuống Hà Nội để cầu xin thả các người.” Chúng tôi không muốn các vị tổng thống của mình quỳ gối trước bất kỳ ai! Chúng tôi muốn họ đứng thẳng dậy và nói với kẻ thù những gì chúng ta sẽ làm, rồi làm điều đó với chúng!

Ngày hôm sau, VC mang thêm ván giường. Họ bảo chúng tôi dựa chúng vào tường để có thể ẩn nấp sau chúng nếu máy bay ném bom lại đến. Quả nhiên, chúng đến ngay sau khi trời tối, và bom rơi như mưa. Đêm nào cũng vậy, trong mười một đêm liền. Ban ngày, máy bay chiến đấu chiến thuật ném bom khắp vùng nông thôn phía bắc! Chúng tôi như sống trong thiên đường! Đây là đất nước chúng tôi biết và yêu mến, đang chiến đấu hết mình! Chúng tôi biết đây là trận chiến chúng tôi sẽ thắng!

Khi bom nổ, chúng tôi đếm to từng giây cho đến khi tiếng nổ vang lên, như thế này: Chớp nhoáng - một nghìn lẻ một, một nghìn lẻ hai, một nghìn lẻ ba, v.v... Đó là một mẹo cũ, và vì chúng tôi biết âm thanh truyền đi một nghìn feet mỗi giây, chúng tôi có thể tính toán rằng không có quả bom nào rơi gần chúng tôi hơn nửa dặm! Thật đáng khen ngợi cho các phi hành đoàn ném bom BUFF vì trình độ chuyên

nghiệp cao mà họ đã thể hiện khi thực hiện các nhiệm vụ ném bom đó, trên những khu vực mục tiêu nóng nhất và được phòng thủ nghiêm ngặt nhất trong lịch sử chiến tranh trên không.

Phi đội BUF phải càn quét các máy bay chiến đấu MiG, pháo phòng không hạng nặng và một mật độ dày đặc các tên lửa đất đối không mới nhất do Nga sản xuất.

Đêm nào chúng tôi cũng hét lên phấn khích khi bom rơi xuống, ước ao và hy vọng rằng mỗi quả bom đều sẽ gây sát thương nặng nề cho chúng. Có lần chúng tôi nghe thấy tiếng mà chúng tôi nghĩ là một trong những máy bay chiến đấu của mình đang lao xuống rất gần. Có lẽ nó đang phóng một tên lửa Shrike vào một trận địa SAM - dù là gì đi nữa, nó bay với tốc độ siêu thanh khi lao lên, làm rung chuyển mọi thứ trong tòa nhà bằng một làn sóng xung kích cuộn cuộn. Chúng tôi reo hò như điên.

Đêm 20 tháng 12, các máy bay ném bom lại xuất hiện, và tiếng súng nổ vang lên đúng như dự kiến. Phi đội V phóng tên lửa SAM như thể chúng là những quả tên lửa 4 tháng 7 giá 35 xu! Các tên lửa SAM thả sáng toàn bộ khu vực xung quanh các trận địa phóng. Cảnh tượng có những đám cháy trên bầu

trời cao, dường như kéo dài rất lâu. Chúng tôi không biết liệu đám cháy có phải do B-52 thả xuống hay không, nhưng nếu có thì cũng ở rất xa, giả sử độ cao ném bom của chúng là hơn 9.000 mét! Những quả bom rơi gần làm rung chuyển tòa nhà, bụi bay mù mịt, cùng với những mảnh ngói vụn rơi xuống người chúng tôi. Sau một loạt bom rơi gần như cùng lúc, một người lính của chúng tôi gần như hoảng loạn hét lên: “Quả tiếp theo sẽ giết chết chúng ta!” Một giọng khác hét: “Im lặng và chết như một người đàn ông, đồ khốn kiếp!” Cảm giác của tôi là tôi muốn bị ném thẳng vào đầu bằng một loạt bom ngàn cân, chỉ để làm cho bọn VC mất hết quân bài mặc cả. Nhưng tôi lại bị giằng xé, bởi vì tôi nghe thấy mình hét lên, giữa tất cả sự phẫn khích, “Cuộc chiến chết tiệt này cuối cùng cũng kết thúc! Không ai trên mặt đất này có thể chịu đựng được đòn tấn công như thế này! Chúng ta sẽ về nhà! Chúng ta sẽ rời khỏi đây! Chỉ một tháng nữa thôi là tất cả chúng ta sẽ về nhà!” (Tôi đã nhầm. Mất gần hai tháng.) Sau này chúng tôi mới biết đêm ném bom thứ ba đã khiến chúng tôi mất sáu chiếc B-52, và tổng cộng mười lăm chiếc B-52 đã bị mất trên miền Bắc Việt Nam trong “cuộc chiến mười một ngày”.) ...

Sáng hôm sau, bọn khốn mở các khu nhà giam để cung cấp thức ăn và nước uống cho chúng tôi. Có người nói, “Larry, mấy anh lính mới đang ở ngoài kia, còn Elander đang hỏi anh đấy.” Tôi nhảy ra ngoài trong bộ váy đẹp nhất của mình, đó là chiếc quần đùi nylon màu tím nhạt mà Norlan đã tặng tôi một năm trước. Bọn khốn đang cố gắng đưa mọi người trở lại bên trong, sợ rằng sẽ mất kiểm soát hoàn toàn nếu báo động không kích vang lên. Tôi đang đi được nửa đường xuống sân thì nhìn thấy Bill. Anh ấy vẫy tay chào rất nhiệt tình, mỉm cười. “Này Larry, trông anh tuyệt lắm!”

Cochise, cựu chỉ huy trại sở thú, tiến đến chỗ tôi, hét vào mặt tôi. Tôi biết ông ta muốn tôi rút về khu giam giữ của mình, nhưng tôi cứ nhìn qua đầu ông ta, vẫy tay chào Elander. Cuối cùng, Cochise đẩy tôi, và cứ đẩy mạnh cho đến khi tôi quyết định tốt nhất là nên quay lại.

Khi tất cả chúng tôi đã bị nhốt bên trong, chẳng mấy chốc tên quản ngục đã đến bảo tôi thu dọn đồ đạc, tôi đang di chuyển. Chết tiệt, Cochise không đuổi việc tôi vì vụ việc ở sân! Tôi không quan tâm, một sự thay đổi rất đáng hoan nghênh. Tên quản ngục dắt tôi qua sân và nhốt tôi vào một trong những

phòng giam trong Heartbreak, nhưng hẳn ta không khóa cửa! Tôi giăng mùng và sắp xếp vài món đồ đạc của mình lên giường tầng xa nhất, tất cả chỉ cách đó nửa mét. Sau đó, tôi quay lại hành lang và nhìn quanh. Tôi kiểm tra từng phòng giam, vì tất cả cửa đều mở. Đang đi loanh quanh về phòng giam để tranh thủ ăn uống, tôi nghe thấy tiếng ai đó ngoài hành lang. Đứng trước cửa phòng tôi là chàng trai trẻ đẹp trai, vận động viên bóng chuyền, đang cười toe toét với tôi. Anh ta liếc nhìn lén lút cả hai hướng để chắc chắn không có ai xung quanh, rồi bước vào phòng giam của tôi và chìa tay ra. Trời ơi, đó là lần đầu tiên một người Việt Nam công khai tỏ ra thân thiện! (Ngoài Zoorat ra, và anh ta còn có ý định khác.) Tôi nghĩ, kệ xác, nhóc, mày muốn làm bạn với tao, tại sao không? Vậy là tôi chìa tay ra, và anh ta nắm lấy rồi bắt tay thật chặt. Dĩ nhiên họ có thể sớm dạy anh ta trở thành “một thằng nhóc”. Nhưng mặt khác, tôi đã dạy anh ta rằng, trái ngược với những gì anh ta có thể nghe thấy, người Mỹ có những người rất tốt trong số họ! Rồi anh ta nhanh chóng chuồn đi, không muốn bị bắt gặp đang thân thiện với người Mỹ. Chẳng mấy chốc, chìa khóa lại quay trở lại và báo cho tôi biết tôi lại sắp chuyển đi!

Khi chúng tôi đi qua sân Unity về phía bên trái tôi, tôi thấy Bud Day cũng đang đi về phía tôi, tay xách đồ đạc! Anh ta cũng đã bị “sa thải” khỏi công việc ở phòng giam số hai. Chiếc chìa khóa mở tung cánh cổng sân Rawhide, và Robbie Risner đứng đó, cùng với mười tám bạn tù mới của chúng tôi! Họ rất vui mừng khi có chúng tôi ở đây. Họ đã đợi sẵn và dành sẵn hai chỗ trên tấm đệm ngủ cho chúng tôi.

Đêm đó, bạn bè chúng tôi yêu cầu tóm tắt những gì đang diễn ra ở phía bên kia Unity. Họ đã biết hầu hết thông tin qua đội truyền thông, nhưng họ muốn nghe trực tiếp. Đầu tiên là Bud nói, sau đó tôi bổ sung ý kiến của mình, và khi chúng tôi nói xong, John Finlay nói, “Chúng tôi rất vui khi có cả hai bạn ở đây, giống như một luồng gió mới vậy.” Chúng tôi hiểu rất rõ ý John; những người sống trong hoàn cảnh khó khăn sớm muộn gì cũng sẽ làm phiền nhau.

Ngay cả vài ngày biệt giam, tránh xa những cuộc cãi vã trong xà lim đông đúc, cũng có thể là một khoảng thời gian nghỉ ngơi đáng hoan nghênh, miễn là không quá lâu và không bị tra tấn. Tất nhiên, những điều kiện hoàn hảo như vậy hiếm khi được cung cấp!

Chúng tôi nói về vụ ném bom, và hầu hết

mọi người đều đồng ý rằng nó sắp kết thúc, nhưng những người khác đang chuẩn bị tinh thần để chống lại sự thất vọng và tránh phạm phải sai lầm. Bud và tôi đều tin rằng sự trừng phạt khắc nghiệt và liên tục của Hà Nội sẽ mang lại sự tự do cho chúng tôi.

Tổng thống Nixon đã liên tục điều máy bay ném bom. Khi chúng tôi ngồi đó, suy nghĩ và lời cầu nguyện của chúng tôi dành cho các phi hành đoàn B-52 dũng cảm của Bộ Tư lệnh Không quân Chiến lược. Nếu có ai trong chúng tôi quan tâm đến người dân Việt Nam, thì điều đó không được thể hiện hay thể hiện rõ ràng theo bất kỳ cách nào.

Trước các cuộc không kích vào Hải Phòng và Hà Nội, B-52 chủ yếu được sử dụng ở Nam Việt Nam. Bất kỳ cuộc không kích nào vào Bắc Việt Nam cho đến nay đều diễn ra gần Khu Phi quân sự (DMZ), vì vậy các máy bay ném bom hạng nặng chưa từng tham gia chiến đấu ở những nơi có mối đe dọa nghiêm trọng từ máy bay chiến đấu hoặc pháo phòng không của đối phương. Lần cuối cùng SAC phải đối mặt với mối nguy hiểm như vậy là khi máy bay B-29 ném bom Bắc Triều Tiên vào đầu những năm 50. Chúng tôi không thể tưởng tượng được mức độ cần thiết phải cải tiến để chuyển đổi lực lượng ném bom SAC sang

mang bom thông thường. Trước Việt Nam, phi đội B-52 của chúng tôi đã hoàn toàn tập trung vào các hoạt động hạt nhân.

Thật là một niềm vinh dự đặc biệt khi được ở cùng nhóm này, tất cả đều là chỉ huy hoặc trung tá khi bị bắn hạ. Họ chín chắn hơn hẳn, điềm đạm hơn và dễ dàng cho Đại tá Risner kiểm soát. Robbie yêu cầu mỗi người chúng tôi ngồi hoặc đứng để điểm danh, mà không gây khó dễ cho người gác cổng.

Tom Kirk và Bill Franke đã học ngôn ngữ rất chăm chỉ, chủ yếu là tiếng Pháp. V cũng đã tặng cho nhóm Rawhide một cuốn sách giáo khoa tiếng Tây Ban Nha in tại Mỹ có tên là El Cam-ino Real, giúp công việc giảng dạy của họ dễ dàng hơn rất nhiều.

Chuck Gillespie làm tuyên úy phòng, và ông phụ trách các buổi lễ Chủ nhật. Robbie Risner vẫn là một người rất sùng đạo. Thỉnh thoảng chúng tôi ăn cùng nhau, nhưng có những lúc tôi từ chối lời mời của anh ấy, vì những lời cầu nguyện của anh ấy kéo dài quá lâu đến nỗi thức ăn bị nguội! Tôi cũng tin vào Chúa, nhưng tôi cũng tin rằng Chúa muốn tôi ăn!

Al Brady nói với tôi rằng các anh chị khóa trên đều đã nghe về báo cáo hiệu quả của Forrester, mà tôi đã cung cấp cho Jack Flynn

theo yêu cầu của Flynn. Al đã quen Forrester nhiều năm và làm việc cùng một hãng vận tải với anh ấy.

“Tôi nghĩ anh đánh giá anh ta cao hơn nhiều so với mức anh ta xứng đáng, Larry ạ; anh ta khá co giắt và không đáng tin cậy trên tàu.”

“Al, tôi không biết gì về chuyện đó. Tôi chỉ đánh giá anh ta dựa trên khoảng thời gian tôi quen biết, và đó là một báo cáo công bằng nhất có thể về anh ta.”

Brady và Fred Crowe là những người bạn đồng hành tuyệt vời. Họ đã ở bên nhau quá lâu, thậm chí giọng nói của họ cũng giống nhau! Fred thuộc lực lượng không quân và Allen thuộc lực lượng hải quân, nhưng họ nhận ra rằng họ có rất nhiều điểm chung, và họ đã vun đắp chúng. Cả hai đều thích uống rượu Scotch, và tôi đã hứa rằng khi chúng tôi trở về và họ đến thăm tôi ở Florida, tôi sẽ lấy một chai Haig and Haig Pinch chưa mở và rót vào những chiếc ly đẹp nhất của chúng tôi trên một chiếc khay bạc. Al nói, “Được rồi, được rồi, anh nói vậy bây giờ, nhưng đó sẽ là điều đầu tiên anh quên mất.” (Trên đường về, tôi mua một thùng Pinch. Trong vòng ba tháng, cả hai đều đến thăm chúng tôi, cùng với vợ con họ. Ngay khi họ ngồi xuống, tôi

nói với Evy rằng tôi sẽ lo đồ uống. Tôi mang chai Pinch chưa mở vào khay bạc và thực hiện toàn bộ nghi lễ! Họ không bao giờ nhắc đến “thỏa thuận” của chúng tôi và tôi cũng vậy, nhưng cả hai đều mỉm cười với tôi và tôi biết họ vẫn nhớ. Tôi tự hỏi liệu họ có nhắc đến điều đó nếu tôi quên không.)

Máy bay B-52 không đến vào ngày Giáng sinh, nhưng chúng lại ồ ạt tấn công vào đêm 26, đánh vào cả khu vực Hải Phòng và Hà Nội trong những cuộc không kích dữ dội nhất của cuộc chiến. Một vài quả bom rơi xuống gần đó, và trong những lời nói dối thường lệ của họ, người Việt Nam tuyên bố nhà tù giam giữ tù binh chiến tranh đã bị đánh bom, nhưng tất nhiên là không phải vậy.

(Hai máy bay đã bị bắn rơi vào ngày 27, khi 120 chiếc B-52 thả hơn mười hai nghìn quả bom. Chúng tôi không bị tổn thất máy bay nào trong hai ngày cuối cùng của nỗ lực ném bom ấn tượng và lập kỷ lục nhất trong lịch sử không quân. Phía Việt Nam tuyên bố mục tiêu của chúng tôi là tất cả các khu dân cư, bệnh viện và trường học, nhưng các mục tiêu thực sự bị tấn công là các địa điểm SAM, các cơ sở cải tạo xe bồn, các kho bãi lớn, trung tâm đường sắt và các cơ sở đại tu đường sắt.)

Các cuộc không kích ban đêm kết thúc vào

ngày 29 tháng 12, khi mọi thứ trở lại yên tĩnh trên khắp Bắc Việt Nam.

Tinh thần của chúng tôi rất cao trong những tuần đầu tiên của tháng Giêng. Nhóm Rawhide của chúng tôi không được phép giao lưu với những người khác trong sân chính, và nhóm của Jack Flynn ở khu giam số tám cũng vậy. Vào ngày 29 tháng Giêng, người Việt Nam đã dẫn tất cả mọi người ở Rawhide và khu giam số tám vào một căn phòng lớn, nơi chúng tôi lần đầu tiên được ở cùng nhau.

Khi cuối cùng họ cũng trấn tĩnh được chúng tôi, một phiên dịch viên đứng dậy và nói: “Còn các anh, chiến tranh đã kết thúc rồi! Các anh sẽ sớm được về nhà thôi.” Điều này không có gì ngạc nhiên, nhưng những lời đó thật dễ nghe, sau bao năm dài đằng đẳng và kinh hoàng. Ý nghĩa thực sự của nó không chạm đến trái tim tôi, và tôi ngờ rằng nhiều người khác cũng vậy. Phiên dịch viên đưa cho mỗi người chúng tôi một bản sao các thỏa thuận, được các bên liên quan ký kết tại Paris. Ngay khi trở về Rawhide, chúng tôi đảm bảo rằng mặt trên của mỗi bản sao đều có chữ ký của tất cả mọi người ở Rawhide. Tôi giữ lại dòng trên cùng của bản sao để dành cho chữ ký của tù binh chiến tranh đầu tiên của chúng tôi, Everett Alvarez.

Khoảng một tuần sau, VC đến và đọc danh sách tên những người sẽ được chuyển đến một khu giam khác, để chuẩn bị rời Hà Nội. Danh sách được sắp xếp theo thứ tự ngày bị bắn hạ, bắt đầu từ Alvarez. Tôi là người thứ mười. Lẽ ra tôi phải là người thứ mười một, nhưng Storz, người bị bắt trước tôi, đã chết.

Trong phòng giam mới, chúng tôi ở cùng Shu, Harris, Scotty Morgan, Lockhart, Vohden và những cựu chiến binh khác, tổng cộng khoảng ba mươi người. Chúng tôi được thông báo rằng nhóm đầu tiên rời đi cũng sẽ bao gồm những người bị thương rất nặng, một số là thành viên của các đội BUFF mới bị bắt gần đây. Tất cả chúng tôi đều phấn khích, nhưng vẫn không chắc chắn rằng đích đến đã thực sự đến. Họ nói rằng chúng tôi sẽ đi, nhưng chúng tôi phải chờ xem, bởi vì trong nhiều năm, “nhà” chỉ là một giấc mơ - Hà Nội mới là có thật!

Ngoài sân, tôi gặp Bernie Talley, người đã cùng làm nhiệm vụ với anh rể của Allan, Patrick Wynne, vào năm 1966. Bernie nói Patrick không có cơ hội - anh ấy đã nhìn thấy chiếc F-4 của mình lao vào rừng cây gần Khu phi quân sự (DMZ). Anh ấy tin chắc Patrick đã tử trận chứ không phải mất tích (MIA).

Hai người đã đến gặp tôi và nói chuyện riêng với tôi để xin lỗi vì đã không thể giữ vững đội hình trong cuộc thanh trừng năm 1969. Họ nói rằng họ hối hận vì đã nêu tên tôi là SRO và đã thú nhận tất cả các chính sách của tôi. Tôi đảm bảo với họ rằng không cần phải xin lỗi. Tôi hiểu rất rõ những kẻ tra tấn đó có thể bắt một người nói gần như bất cứ điều gì, nếu họ muốn. Tôi nói với họ rằng tôi biết họ đã cố gắng hết sức, và tôi không hề có ác cảm với họ, hay bất kỳ ai bị ép buộc phải thú nhận. V quyết tâm tìm một vật tế thần cho nỗ lực vượt ngục, và nếu không phải tôi, thì cũng sẽ là một người khác.

Người bạn và bạn tù cũ của tôi, Ron Byrne, là một trong hai trăm người đã bị chuyển đến một nhà tù nào đó gần biên giới Trung Quốc vào tháng 5 năm 1972. Giờ họ đã trở lại Hà Nội với chúng tôi. Anh ấy nói với tôi rằng đó là một vùng nông thôn yên tĩnh và xinh đẹp, nhưng cơ sở vật chất thì thô sơ, tương tự như Briar Patch. Cuộc sống không đến nỗi tệ, và thức ăn cũng ngon hơn những gì họ từng được nhận. Chúng tôi mất một người ở đó, Chuẩn úy John Frederick, người đã chết vì sốt rét. Freddy là GIB của Howie Dunn. Anh ấy đã bị bỏng nặng trong chuyến giải cứu năm 1965. Mặc dù bị thương, anh ấy đã làm

việc rất chăm chỉ và chịu rất nhiều hình phạt trong khi kháng cự.

Vài ngày qua, có rất nhiều lời chào hỏi và bắt tay diễn ra trong sân. Tôi không biết những người khác cảm thấy thế nào - tôi đã bị sốc. Nếu những người khác giống tôi, thì chúng tôi thường lạc lối trong những suy nghĩ riêng tư của mình.

Vào ngày 10 tháng 2, Robbie Risner nói rằng Denton đang viết một bài phát biểu mà chúng tôi có thể sử dụng nếu chúng tôi trở thành người phát ngôn cho một nhóm tù binh chiến tranh trở về. Robbie đã liếc nhìn nó và không thích những gì anh ấy thấy. Anh ấy yêu cầu tôi xem qua và thảo luận với Jerry. Jerry đang mải mê viết lách khi tôi bước đến. “Chào Jerry. Tôi có thể xem qua bài của anh không? Đại tá Risner đề nghị tôi giúp một tay, vì hai cái đầu có lẽ sẽ tốt hơn một.” Jerry rất lịch sự; thực ra, tôi nghĩ anh ấy rất hoan nghênh sự giúp đỡ. Đọc lại, tôi thấy một số câu gần như mang tính xin lỗi, đại loại như, “Chúng tôi không biết mình đã làm tốt chưa,” và “Lịch sử sẽ phải phán xét chúng tôi.”

“Jerry, tôi biết đây là lần đầu anh viết về vấn đề này và tôi biết anh sẽ thay đổi, nhưng nghe như thể anh đang xin lỗi công khai, như thể anh đang phủ phục trước những lời chỉ

trích của công chúng vậy. Tôi không nghĩ anh cố ý làm vậy. Jerry, anh đã làm hết sức mình ở đây rồi, phải không?”

“Tất nhiên rồi, Larry!”

“Vậy thì, đó là thái độ đúng đắn! Tất cả chúng ta đã làm hết sức mình, thôi bỏ qua chuyện đó đi.” Không có điều gì ông viết ngày hôm đó được bất kỳ ai ở bất kỳ đâu thốt ra, và những lời phát biểu tuyệt vời, chân thành mà ông đã nói trên sân ga tại Căn cứ Không quân Clark ở Philippines, ông đã viết trên máy bay, trên đường trở về. Tiến sĩ Shields đã xem lại trước khi chúng tôi hạ cánh xuống Clark và rất hài lòng với nó. Ông không hề chỉ trích hay giúp đỡ Jerry, thậm chí không hề gợi ý một chút nào về những gì ông nghĩ Jerry nên nói. Sau đó, một số phương tiện truyền thông cho rằng lời cảm ơn của Jerry đối với tổng thống và đất nước là do ông đọc cho. Điều đó hoàn toàn sai sự thật. Những lời Jerry nói xuất phát từ trái tim, và ông đã làm rất tốt, như thế giới sẽ ghi nhớ.

Đêm 11 tháng 2, chúng tôi ra ngoài, theo số thứ tự, đến phòng dự trữ để lấy “đồ mặc nhà”. Mỗi người chúng tôi được phát một đôi giày và tất đen, đồ lót, áo sơ mi và quần dài.

Chúng tôi trở về phòng giam, nhưng đêm đó chúng tôi không ngủ được nhiều. Giờ thì

chúng tôi biết rằng ngày 12 tháng 2 sẽ là ngày LỚN! Có lẽ tôi sẽ không về nhà trước ngày 14, ngày lễ tình nhân, kỷ niệm 30 năm ngày cưới của chúng tôi, nhưng cũng sắp rồi. Thật là một món quà kỷ niệm tuyệt vời cho Evy và tôi! Tôi bắt đầu tin rằng điều đó là có thể.

Sáng hôm sau, chúng tôi xếp thành hai hàng vào sân Heartbreak và đứng dưới một giàn cây chờ. Buổi sáng sương mù, nên chúng tôi ngờ rằng sẽ có chút chậm trễ. “Có một chàng trai trẻ ở đằng kia muốn gặp anh một chút, Larry ạ,” Bud Day nói. Tôi bước ra khỏi hàng và quay lại chỗ một chàng trai trẻ rất đẹp trai bị gãy chân hoặc gãy xương hông. Anh ấy nói, “Chào Đại tá, tôi là Bill Arcuri, tôi đã biết anh từ lâu rồi. Tôi cũng đến từ Bãi biển Vệ tinh.” Bill là cơ phó của một chiếc BUFF bị rơi vào ngày 20 tháng 12. Chúng tôi không kịp nói thêm gì nữa, vì một người trong nhóm V đến và đề nghị tôi quay lại chỗ của mình, vì chúng tôi đã sẵn sàng lên xe buýt. Chúng tôi bước ra ngoài và thấy xe buýt đang đỗ ở phía bên kia đường. Có rất nhiều cảnh sát dân sự ở đó để ngăn chặn đám đông, nhưng họ không cần thiết vì đám đông rất trật tự và im lặng khi chúng tôi lên xe.

Khi lái xe quanh rìa thành phố, chúng tôi thường xuyên rẽ để tránh những khu vực bị

thiệt hại nặng nề do bom đạn, hoặc những khu vực họ không muốn chúng tôi nhìn thấy. Đây là lần đầu tiên (và cũng là lần cuối cùng) tôi đi qua Hà Nội mà không bị bịt mắt! Điểm đến của chúng tôi là Sân bay Gia Lâm, và để đến đó, chúng tôi phải băng qua sông Hồng. Khi đến bờ sông, chúng tôi thấy tất cả các cây cầu đều đã bị bom phá hủy. Bờ sông hai bên đã được san phẳng mới, rộng vài trăm thước mỗi bên và dài khoảng một hoặc hai dặm dọc theo bờ. Tất cả đều được san phẳng gọn gàng như những cánh đồng mới trồng của nông dân. Dường như không còn nghi ngờ gì nữa, mục đích của việc san phẳng hàng mẫu đất rộng lớn đó là để xóa bỏ mọi dấu vết bom đạn. Việc vượt sông của chúng tôi rất chậm, qua một cây cầu phao đặc trưng của công binh quân đội trong các tình huống chiến đấu.

Chúng tôi đi một đoạn xa hơn một chút, rồi dừng lại bên đường. Vài người phụ nữ đi ngang qua với bánh mì kẹp. Tôi cầm một cái và nhìn vào bên trong, đếm được bốn miếng mỡ lợn trong nửa ổ bánh mì. “Cậu định ăn cái thứ vớ vẩn đó à?”, ai đó hỏi tôi.

“Cực chắc là tôi sẽ ăn! Đây có thể là cơ hội cuối cùng để tôi được ăn một chiếc bánh mì kẹp mỡ lợn, và tôi không muốn bỏ lỡ nó!” Tại sân bay, chúng tôi dừng lại gần nhà ga

để chờ sương mù tan bớt. Nếu máy bay của chúng tôi đến sáng nay, họ sẽ phải sử dụng radar riêng khi tiếp cận bằng thiết bị, vì chắc chắn không có thiết bị hỗ trợ hạ cánh bằng thiết bị tương thích ở Gia Lâm.

Theo tín hiệu của một người Việt Nam, chúng tôi xuống xe buýt, rồi từ từ đi bộ đến quầy làm thủ tục khởi hành được đặt ở rìa đường băng sân bay. Cứ tưởng chuyến này VC sẽ có một người lạ mặt nào đó ở quầy làm thủ tục. Nhưng không, tên Thổ đáng ghét kia đang ở đó để làm việc đó! Có khoảng một nghìn người Việt Nam tụ tập ở đó, chủ yếu là phụ nữ, đang tò mò quan sát. Sau vụ đánh bom Giáng sinh, họ có lý do tương đương, thậm chí còn hơn cả chúng tôi, để hy vọng chiến tranh sẽ kết thúc.

Một giờ sau khi đến Gia Lâm, chúng tôi nghe thấy tiếng máy bay đang tiến đến chào đón. Nhìn về phía cuối đường băng, chúng tôi có thể thấy một chiếc máy bay vận tải bốn động cơ màu bạc tuyệt đẹp vừa hạ cánh - đó là loại mà tôi chưa từng thấy trước đây, một chiếc máy bay vận tải bốn động cơ được gọi là C-141 Lockheed Starlifter. Cảm xúc của tôi lúc đó chủ yếu là sự tò mò riêng tư. Chiếc máy bay vận tải màu bạc lăn bánh đến cách chúng tôi bảy mươi lăm thước Anh. Phi công

quay máy bay cho đến khi đuôi hướng về phía chúng tôi và tắt động cơ.

Cửa khoang hàng hóa ở phía sau chiếc 141 hạ xuống đất, trở thành một bộ nâng hàng. Mọi người bắt đầu nhảy xuống khỏi máy bay, những người mà tôi đã quên mất sự tồn tại, những người mà với tôi trông như đến từ một thế giới khác. Phải, họ đến từ một thế giới khác... thế giới của chúng tôi! Khoảnh khắc tôi nhìn thấy những con người tuyệt đẹp đó, cảm xúc của tôi chuyển từ sự tò mò bình thản sang trạng thái phấn khích tột độ đến mức tôi mất phương hướng về không gian. Tôi không hề biết bất kỳ tù binh chiến tranh nào, họ đang nghĩ gì, hay phản ứng ra sao. Tôi hoàn toàn đắm chìm trong cảm xúc của chính mình, trong sự phấn khích không sao tả xiết! Tôi nghe thấy tiếng tim mình đập thình thịch trong lồng ngực. Vài người đàn ông tay áo sọc trái thảm đỏ và làm vài động tác khác, nhanh chóng sắp xếp những thứ mà tôi không thể nhận ra. Họ cực kỳ chính xác trong từng động tác, như thể đang tập dượt. Họ trông thật chững chạc và gọn gàng trong bộ đồng phục xanh của Không quân, đôi giày sáng bóng như thủy tinh. Họ thật đẹp trai!

Một vài nữ y tá và tiếp viên hàng không bước về phía chúng tôi, mỉm cười duyên

dáng. Họ trông như những minh tinh màn bạc trong chiếc váy xanh ngấn bó sát và áo cánh gọn gàng với những thanh bạc trên cổ áo. Tất cả đều đội những chiếc mũ lưỡi trai nước ngoài xinh xắn, đi tất nylon và đi giày cao gót. Thật là một cảnh tượng tuyệt đẹp! Tôi liếc nhìn những người phụ nữ Việt Nam, họ cũng bị cảnh tượng này cuốn hút. Họ chưa bao giờ thấy kiểu phụ nữ da trắng này, và tôi biết họ chưa bao giờ, chưa bao giờ tưởng tượng ra phụ nữ lại táo bạo, xinh đẹp và bề ngoài hạnh phúc như những cô gái Mỹ này.

Sĩ quan quân đội đầu tiên tôi nhìn thấy bước xuống là Trung tá Dick Abel. Sau đó, đi cùng ông là Đại tá Al Lynn, người đeo đầy ruy băng trên ngực, và tôi đoán có lẽ là chỉ huy toàn bộ nhiệm vụ. Họ chăm chú theo dõi chiếc Rabbit và các thủ tục xuất cảnh. Khi mỗi tù binh chiến tranh làm thủ tục xuất cảnh, anh ta bước đến chỗ Đại tá Lynn và chào, rồi tiếp tục lên máy bay. Đến lượt mình, tôi cũng làm như vậy. Khi tôi quay về phía máy bay, một thương dân Mỹ cao lớn đã nắm lấy vai tôi. “Larry,” anh ta kêu lên, “Evelyn và các con đang rất khỏe và đang nóng lòng muốn đưa anh về nhà!” Tôi sửng sốt, và đột nhiên cảm thấy một cơn yếu dần khi đầu gối tôi bắt đầu hơi khụy xuống. Người đàn ông giữ chặt tôi lại.

“Tôi có biết anh không?” tôi hỏi.

“Không, anh không biết tôi, nhưng tôi biết anh! Tôi là Tiến sĩ Roger Shields, thuộc Bộ Quốc phòng.”

“Anh có nhận ra người đằng kia không?” Tôi nói, chỉ tay về phía Thỏ.

“Không.”

“Đó là Thỏ.”

“Thì ra là Thỏ!” Tôi đã nghe rất nhiều về thằng khốn đó rồi.”

“Sao anh lại đến đây lâu thế?”

“Chúng tôi đã cố gắng rất nhiều, và rất lâu, để đến được chỗ anh.” Bác sĩ Shields đi cùng tôi đến tận cầu thang máy bay, tay vẫn ôm chặt lấy tôi. Tôi nghĩ ông ấy biết tôi cần điều đó. Tôi bước lên chiếc máy bay tuyệt đẹp đó, chiếc đầu tiên trong ba chiếc đang đậu trên cầu thang. Các y tá và tiếp viên nói với tôi đủ điều, nhưng tôi không thể nghe rõ họ đang nói gì - tai tôi ù đi, và tôi không thể nghe thấy gì ngoài tiếng tim đập thình thịch!

Tôi không biết có bao nhiêu người trong số chúng tôi trên máy bay, khoảng hai mươi đến bốn mươi tù binh chiến tranh. Những bàn tay vững vàng hơn đã giúp chúng tôi thắt dây an toàn vào ghế. Mọi thứ diễn ra như một chiếc đồng hồ - mỗi người đều biết nhiệm vụ của mình và họ đã làm rất tốt. Ngay khi động cơ

được khởi động, phi công đã lặn bánh nhanh đến cuối đường băng, như thể anh ta đang cố gắng đưa chúng tôi ra khỏi đó trước khi chúng tôi có thể bị dừng lại hoặc trì hoãn bởi một sự cố không lường trước nào đó.

Khi chúng tôi lặn bánh, tôi nghĩ, “Tôi đoán lần này là thật. Có vẻ như chúng ta sẽ đi...” Con chim rừng mình khi phi công nhả ga về phía trước, nhưng phanh đã giữ nó lại. Anh ta đang kiểm tra chéo thiết bị vào giây cuối cùng. Sau đó, bốn động cơ gào thét ở công suất tối đa.... Chúng tôi nín thở, gần như thở ra. Cuối cùng phi công cũng nhả phanh. Máy bay lao về phía trước, và chỉ trong vài giây, chúng tôi đã chạy đua trên đường băng; Chúng tôi đã gần... gần, tất cả đều thở phào nhẹ nhõm trong tiếng la hét hỗn loạn... gào thét. Nước mắt vui sướng lặn dài trên má. Chúng tôi đập vào tay vịn ghế... Chúng tôi có thể cảm thấy mũi máy bay nhấc lên khi phi công nhả cần lái ra... Máy bay xoay tròn và đứng trên bánh xe chính, như thể đang đậu trên hai chân sau, rồi nó nhảy vọt lên không trung, và tất cả chúng tôi hoàn toàn phát điên... la hét, gào thét, “Chúng ta đi thôi, lên thôi... chúng ta ra rồi... chúng ta ra khỏi cái nơi thối tha đó... chúng ta thực sự sẽ về nhà... CHÚNG TA TỰ DO... TỰ DO... TỰ DO!”

Không thể quên...

Trong giai đoạn 1962 đến 1975, sự can dự của Mỹ vào Việt Nam và Lào đã khiến chúng ta mất gần sáu mươi nghìn người chết và hai nghìn người vẫn được coi là mất tích. Hà Nội tiếp tục chơi một trò chơi tàn nhẫn với tâm trí và cảm xúc của gia đình những người mất tích và ngoan cố từ chối tiết lộ thông tin có thể khiến nhiều trường hợp mất tích mãi mãi chìm vào quên lãng.

Những ai trong chúng ta đã cùng trải qua kinh nghiệm tù đầy muốn nhớ tên của mười hai người đàn ông được cho là đã chết trong các trại tập trung, bao gồm cả một số ít người được biết là đã bị bắt và chết ở đâu đó giữa nơi bị bắt và trại giam.

Danh sách thứ hai gồm ba mươi sáu cái tên là bạn bè cá nhân và gia đình tôi. Một số người vẫn được chính thức coi là mất tích, tất cả những người khác đều là Tử trận.

Ron Storz

Earl Cobiell

Norman Schmidt

Lance Sijan

Edwin Atterberry

Ward Dodge

John S. Albright	Melvin Killian
David Allinson	Darel Leetun
John Armstrong	J. A. Magnusson
William Barthelmas	George McCleary
Frank Bennett	William Nelson
Dwight Bowles	Richard O'Keefe
Arthur Brewer	Dan Packard
Kelly Cook	Dean Pogreba
Dennis Crane	Jerry Pyle
Morgan Donahue	Robert Ronca
Wayne Ensminger	Ted Shattuck
Jack Farr	Charles Shelton
Wayne Ferguson	Richard Swift
Jack Fowler	Smith Swords
Wayne Fullam	Rainford Tiffin
J. J. Connell	Robert Greskowiak
Ken Cameron	William Hail
John Frederick	David Hrdlicka
Ed Burdett	Samuel Waters
Arthur Mearns	Don Woods
Wilmer Grubb	Patrick Wynne

Từ viết tắt

- SRO = Sĩ quan cấp cao nhất trong số các tù binh bị giam giữ tại một trại (Senior Ranking Officer)
- “Who U.?” = Who are you?
- “L.G. fm Zoo.” = Larry Guarino from Zoo.
- “When U.S.D.?” = When were you shot down

Về tác giả

à một Đại tá Không quân Hoa Kỳ đã nghỉ hưu, Lawrence “Larry” Guarino sinh ra tại Newark, New Jersey vào Chủ nhật Phục sinh tháng 4 năm 1922. Khi lớn lên, thần tượng thời thơ ấu của ông là Charles Lindbergh, và chàng trai trẻ Larry luôn mơ ước trở thành một phi công. Ước mơ của ông đã thành hiện thực ngay sau trận Trân Châu Cảng, khi ông gia nhập Không quân Lục quân và được phong hàm phi công vào năm 1943.

Sau đó, ông có một sự nghiệp phi công chiến đấu lừng lẫy kéo dài ba thập kỷ, trải qua ba cuộc chiến tranh - Thế chiến II, Triều Tiên và Việt Nam - lái đủ loại máy bay từ Spitfire và P-51 Mustang của Anh đến F-105 Thunderchief. Trong Thế chiến II, khi còn là một trung úy trẻ, Larry đã bay yểm trợ cho các cuộc đổ bộ của quân Đồng minh tại Bãi biển Gela, Vịnh Salerno và Anzio, và bắn rơi

nhiều máy bay Messerschmidt của Đức trong các trận không chiến trên bầu trời Cassino, Ý. Sau đó, cùng với Không đoàn 14 nổi tiếng của Tướng Clare Chennault tại Trung Quốc, ông đã thực hiện các phi vụ trên bầu trời miền Nam Trung Quốc và khu vực Hà Nội thuộc Đông Dương thuộc Pháp, tên gọi của Việt Nam vào thời điểm đó.

Sau những nhiệm vụ tại Triều Tiên, Okinawa và Thái Lan, Đại tá (lúc đó là Thiếu tá) Guarino đã bị bắn rơi trong phi vụ thứ 50 của mình, bị Bắc Việt Nam bắt giữ và đưa về Hà Nội, nơi ông đã trải qua gần tám năm làm tù binh chiến tranh, chịu đựng sự thiếu thốn cùng cực và tra tấn vô nhân đạo.

Được hồi hương vào tháng 2 năm 1973, Đại tá Guarino đã được trao tặng hơn năm mươi huân chương, bao gồm Huân chương Không quân, Huân chương Phục vụ Xuất sắc và hai Ngôi sao Bạc.

Ông nghỉ hưu vào ngày 4 tháng 7 năm 1975 và hiện sống tại Satellite Beach, Florida, cùng người vợ đã chung sống bốn mươi bảy năm trước, Evelyn Gennell.

Bộ đôi có bốn người con trai đã trưởng thành, một trong số đó đang nối nghiệp cha mình với tư cách là một phi công chiến đấu chuyên nghiệp của Không quân, Đại tá Allan Guarino.

TỰ TRUYỆN GÂY SỐC VỀ SỰ SỐNG SÓT ANH HÙNG

Ngày 14 tháng 6 năm 1965, Thiếu tá Larry Guarino, phi công chiến đấu và là cựu chiến binh của ba cuộc chiến tranh, đã bị bắn hạ trong nhiệm vụ thứ năm mươi của mình trên miền Bắc Việt Nam. Ông là người Mỹ thứ mười một bị bắt trong Chiến tranh Việt Nam.

Ngay từ đầu, khi Guarino bị diễu hành qua các thị trấn, bị tấn công và bị ném đá, những kẻ tra tấn ông đã hành hạ ông không ngừng nghỉ. Dưới bàn tay của chúng, ông phải chịu đựng những trận đòn, những khoảng thời gian dài bị biệt giam, thức ăn bẩn thỉu và không đủ chất dinh dưỡng, và những xà lim đầy bọt cạp, muỗi và chuột.

Trải qua tám năm đau khổ về tinh thần và thể xác - một khoảng thời gian dài đến mức con trai của Guarino đã tốt nghiệp đại học, trở thành phi công chiến đấu và tự mình bay một chuyến ở Việt Nam - qua những giai đoạn đen tối nhất của đau khổ và tuyệt vọng, Guarino chưa bao giờ đánh mất lòng dũng cảm, lòng yêu nước hay ý chí sống. Câu chuyện sống sót hấp dẫn của ông thực sự là một chiến thắng của tinh thần nhân đạo.